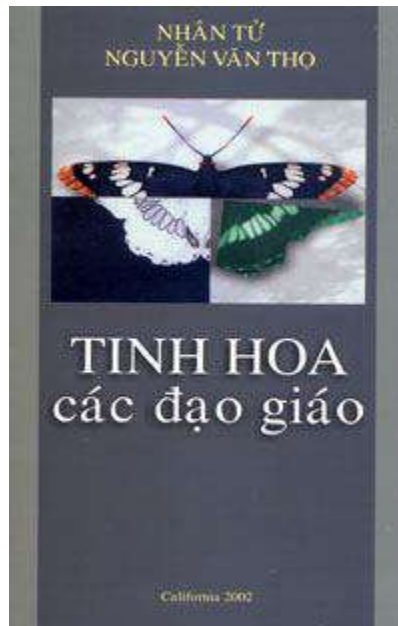


TINH HOA CÁC ĐẠO GIÁO

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



MỤC LỤC

- [Chương 1:](#) Tinh Hoa Thiên Chúa Giáo (Phần Mật Truyền).
- [Chương 2:](#) Sơ lược về Bà La Môn giáo.
- [Chương 3:](#) Từ Veda đến Bhagavad-Gita.
- [Chương 4:](#) Các môn phái Triết Học Ấn Độ Giáo
- [Chương 5:](#) Tinh Hoa Bà La Môn Giáo
- [Chương 6:](#) Lão Giáo - Đạo Đức Chân Chuyên. Đạo đức là gì
- [Chương 7:](#) Vũ Trụ Thám Vi. Tìm hiểu Huyền Cơ Vũ Trụ
- [Chương 8:](#) Nhân Sinh Phát Diệu. Vi Diệu Cuộc Đời
- [Chương 9:](#) Dịch Kinh Yếu Chỉ - Cốt Tủy Kinh Dịch
- [Chương 10:](#) Thân Học Minh Tuyên – Tìm Hiểu Về Con Người
- [Chương 11:](#) Tính Mệnh Song Tu – Tu Thê Xác Lẫn Thần Hồn
- [Chương 12:](#) Đơn Đạo Mạn Đàm – Bàn Về Luyện Đơn
- [Chương 13:](#) Quần Kinh Diệu Tuyền - Kinh Sách Đạo Lão

- [Chương 15:](#) Quy Nguyên Phản Bản. Trở Về Nguồn Gốc
- [Chương 16:](#) Điều Kiện Tiên Quyết Để Khảo Cứu Phật Giáo Cho Có Hiệu Quả
- [Chương 17:](#) Siêu Hình Học Phật Giáo
- [Chương 18:](#) Tội Thượng Thừa Phật Giáo
- [Chương 19:](#) Đạo Không – Chân Dung Không Phụ Tử
- [Chương 20:](#) Tinh Hoa Không Giáo Theo Tứ Thư, Ngũ Kinh
- [Chương 21:](#) Vũ Trụ Quan (Theo Trung Dung Và Dịch Lý)
- [Chương 22:](#) Nhân Sinh Quan (Theo Trung Dung Và Dịch Lý)
- [Chương 23:](#) Sử Quan (Theo Trung Dung Và Dịch Lý)
- [Chương 24:](#) Hai Chữ Tính Mệnh Theo Không Giáo
- [Chương 25:](#) Tiểu Nhân, Quân Tử, Thánh Nhân
- [Chương 26:](#) Thuyết Thiên Nhân Tương Dữ Và Thiên Nhân Hợp Nhất Trong Nho Giáo
- [Chương 27:](#) Quan Niệm Tu Thân Theo Nho Gia
- [Chương 28:](#) Con Đường Huyền Nhiệm Trung Dung
- [Chương 29:](#) Tinh Hoa Cao Đài Giáo
- [Chương 30:](#) Tinh Hoa Hồi Giáo
- [Chương 31:](#) Tinh Hoa Do Thái Giáo: Kabbala
- [Chương 32:](#) Tinh Hoa Phật Giáo Hòa Hảo

CHƯƠNG I

TINH HOA THIÊN CHÚA GIÁO.

(PHẦN MẬT TRUYỀN TRONG THIÊN CHÚA GIÁO).

(Một phần tài liệu này đã được trích ra từ bộ LA DOCTRINE ESOTERIQUE À TRAVERS LES ÂGES, gồm 2 cuốn của Ernest Bosc, Chamuel Editeur, Paris 1889, nơi các trang 22-44, Tập II, thuộc Chương XXVII, nhan đề ÉSOTÉRISME CHRÉTIEN).

*

* *

Đã từ lâu, tôi để tâm suy cứu về những đoạn **Thánh Kinh** Thiên Chúa Giáo, có thể nói là TINH HOA. Cách đây khoảng 20 năm, nhân đọc bộ **La Doctrine ésotérique à**

travers les âges của Ernest Bosc, tôi thấy nên đúc kết lại, hệ thống hoá lại, xiển minh lại bằng các lời trích dẫn trong các sách **Phúc Âm**, và **Thánh Thư**, để thân tặng những ai có lòng thành khẩn và tha thiết tìm cầu Chân, Thiện, Mỹ.

Nói rằng Công Giáo có phần Mật Truyền, ắt nhiều người sẽ bờ ngỡ. Nhưng thực tế, có như vậy. Vả lại, không phải cứ theo Đạo là nắm được tinh hoa của Đạo, là biết được điều thâm sâu của Đạo.

Chính thánh Paul đã viết: “Hỡi Anh Em, phần tôi, tôi đã không thể nói với Anh Em, như nói được với những người có linh cơ siêu thoát, mà là nói như thể với những người phàm tục, với những trẻ thơ trong đấng Kitô. Tôi đã cho Anh Em ăn **sữa**, chứ không cho **những của ăn rắn đặc** vì Anh Em không chịu nổi...(I Cor. 3,1)

Vậy phần Mật Giáo nội truyền đó có thể được trình bày như sau:

1. Con người có Thiên Tính hay Thiên Chúa hằng ngự trị trong tâm hồn mọi người.

2. Nước Trời đã ở ngay trong tâm khảm con người.

3. Mọi người đều có đấng Kitô trong tâm khảm.

4. Hai phương diện một con người: TÂM và THẦN.

5. Ý nghĩa cuộc tiến hoá quần sinh:

-Từ phàm phu con người sẽ trở thành Thần Linh.

-Từ phàm phu, con người sẽ tiến hoá, sẽ triển dương tới tuyệt đỉnh, để trở nên **những con Thiên Chúa**, để đạt **đúng tầm kích như Chúa Kitô**.

6. Đại Đạo chân truyền:

-Đi vào Tâm mà tìm Đạo, tìm Trời.

-Tĩnh giảm mọi lễ nghi, hình thức.

-Tìm cho ra luật lệ Trời ghi tạc trong tâm can.

-Sống kết hợp với Thiên Chúa.

I. Con người có Thiên Tính hay Thiên Chúa hằng ngự trong tâm hồn mọi người.

Thánh Paul viết: “Chỉ có một Thiên Chúa là cha chung mọi loài. Ngài ở trên mọi loài, xuyên thấu mọi sự, mọi loài, và **ở trong mọi người chúng ta**”^[1]

Ngài lại nói: “Nhưng cũng chỉ là một Thiên Chúa tác động mọi sự trong mọi người. Mọi người đều được một phần hiển dương của Thần Chúa để góp phần vào ích chung.”^[2]

Ngài cũng nói: “Anh Em há chẳng biết Anh Em là đền thờ. Chúa và Thần Chúa ở trong anh em sao?”^[3]

Ngài viết thêm: “**Anh em chẳng phải sống bằng xác mà bằng Thần, vì Thần Chúa ở trong anh em.**”^[4]

2. Nước Trời đã ở ngay trong tâm khảm con người.

“Nước Trời kề cận.”^[5]

“Nước Trời không đến một cách lộ liễu, và không thể nói được: Nước Trời ở đây, nước Trời ở đó, vì anh em hãy biết: **Nước Trời ở trong anh em.**”^[6]

Tiếc thay những câu đó xưa nay được hiểu như là Nước Trời đã gần tới...Nước Trời ở giữa Anh em.

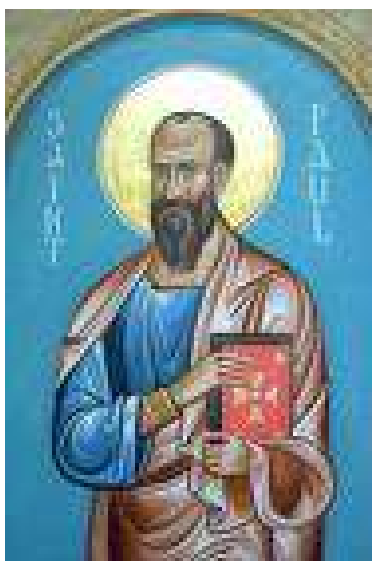
Vả lại niềm tin rằng nước Trời ở ngay trong tâm khảm mỗi người, chỉ là một hệ luận tự nhiên của niềm tin rằng: Chúa, Thần Chúa đã ngự trị trong tâm khảm mỗi người, như đã chứng minh ở trên.

3. Mọi người đều có đấng Kitô trong tâm khảm.

Ernest Bosc gọi đó là **Huyền Nhiệm Đấng Kitô (le mystère du Christ)** hay là **Huyền Nhiệm Phúc Âm (mystère de l'évangile)**^[7]

Như vậy, theo Ernest Bosc, hiểu được huyền nhiệm đấng Kitô, nghĩa là linh cảm được rằng mình có Chúa Kitô trong lòng mình, là sẽ hiểu được tình hoa Phúc Âm, nắm được cốt tuỷ Phúc Âm.

Ernest Bosc cho rằng: không nên hiểu Đấng Kitô là Ngôi Hai chỉ giáng trần một lần duy nhất trong Chúa Giêsu, mà phải hiểu đó chính là Ánh Linh Quang tiềm ẩn sẵn trong lòng mọi người, Ánh Linh Quang phát xuất từ Đại Linh Quang bao quát toàn thể vũ trụ. Như vậy trong mỗi người đều có sẵn đấng Kitô, mỗi con người đều là một Tiểu Linh Quang, một phần tử bất khả ly của Đại Linh Quang.^[8]



Thánh Paul viết: “*Anh em há chẳng biết thể xác anh em là thân thể đấng Kitô...Anh em hãy ngợi khen và mang Thiên Chúa trong thể xác anh em.*”^[9] Câu Kinh Thánh trên là dịch nguyên văn từ **Thánh Kinh Vulgate**, nguyên bản Latinh. Trong các bản **Thánh Kinh** sau này, bất kỳ bằng tiếng Anh, Pháp hay Việt, đều bỏ không dịch mấy chữ **hãy mang thiên chúa trong thể xác anh em**.

Thánh Paul cho rằng: Cái điều huyền diệu trên đây, từ bao thế kỷ trước Ngài, người ta đã quên khuấy mất, và Ngài có trách nhiệm tuyên xưng lại điều ấy. Đó là: Đấng Kitô ở trong Anh Em.^[10]

Chính là vì trong mỗi người chúng ta, có cái **Mầm Mộng Kitô** đó, cho nên thánh Paul mới chủ trương rằng chúng ta có thể triển dương tới viên mãn, để thực sự đạt tới tâm kích của đấng Kitô.^[11]

Như vậy, cái điều huyền diệu, cái điều bí ẩn của Phúc Âm chính là chỉ vẽ cho mọi người biết rằng: **Trong lòng họ có Thượng đế hiện diện**. Hồng ân này không ranh riêng cho ai. Người Do Thái hay người muôn phương cũng được diễm phúc đó đồng đều như nhau.^[12]

Thánh Paul cho rằng: **Ngài đã chịu đau khổ, chịu vất vả để cho đấng Kitô được hình thành trong tâm hồn các giáo hữu.**^[13]

Như vậy lúc thì **Phúc Âm** nói: Trong ta có Thiên Chúa, lúc thì nói trong ta có đấng Kitô, lúc thì nói trong ta có Thần Chúa. Như vậy, Ba Ngôi Thiên Chúa há đã chẳng mãi mãi ngự trị trọn vẹn trong tâm hồn ta hay sao?

Đây là lời Thánh Paul về Thần Chúa hiện diện trong ta: “Chính vì chúng ta có Thần Chúa, nên chúng ta mới có thể gọi Chúa là Cha. ^[14] và mới có thể cộng hưởng gia nghiệp Thượng Đế như Chúa Giêsu.” ^[15] “Chính vì chúng ta có Thần Chúa, nên chúng ta mới có sự hiểu biết về Chúa.” ^[16]

Thánh John cũng chủ trương: “**Chúng ta biết được rằng: ta ở trong Chúa và Chúa ở trong ta, chính là vì Ngài đã cho chúng ta Thần Chúa.**” ^[17]

Riêng tôi, từ lâu đọc **Thánh Kinh**, tôi thấy rằng, nếu **Phúc Âm** là một Tin Mừng, thì Tin Mừng ấy sẽ là như sau:

*Anh em chẳng phải là những kẻ phạm hèn, chẳng phải là con nuôi, con nhặt, con đòi, mà anh em cũng y thức như tôi, chúng ta là con một Cha Chung. Vì thế mà Ngài mới lập ra **Kinh Lạy Cha Chúng Tôi.** ^[18]

*Nước Trời đã ở ngay trong lòng chúng ta. ^[19]

*Nếu Nước Trời ở trong ta, thì dĩ nhiên Vua Nước Trời không thể sống lưu vong ngoài nước Ngài, mà chắc chắn là phải sống động trong lòng chúng ta.

*Như vậy anh em chính là đền thờ của Ngài. ^[20]

*Như vậy, việc gì phải xây cất những đền đài, những thánh đường, thánh thất nguy nga cho Ngài ở, vì Ngài đâu có thêm ở trong những đền đài đó. Thánh Stephen, vị thánh tử đạo đầu tiên, và Thánh Paul, một trong những vị sáng lập ra Đạo Thiên Chúa đã long trọng tuyên xưng: Chúa Trời Đất chẳng bao giờ ở trong những đền đài do tay người tạo dựng nên. ^[21]

*Nếu Chúa ở trong mọi người, thì dĩ nhiên **yêu người là mến Chúa. Cho nên Chúa Giêsu chung qui, chỉ dạy mến Chúa và yêu người, và bao giờ cũng chủ trương yêu người là mến Chúa.** ^[22]

*Hơn thế nữa, con người chẳng bao giờ có thể tách rời Thiên Chúa dù là một phút, một giây. ^[23]

4. Hai phương diện trong một con người: Tâm và Thần.

Bí quyết này xưa nay chưa hề được giảng giải. Ernest Bosc tuy có đề cập đến vấn đề này, nhưng giải thích chưa được rõ ràng. ^[24]

Tôi cảm thấy có bổn phận làm sáng tỏ lại vấn đề.

Giáo lý Công Giáo công truyền chấp nhận rằng con người chỉ có 2 phần: XÁC VÀ HỒN (Công đồng LATRAN IV, 1215.-VATICAN I, 1870), còn **Thánh Kinh Công Giáo** thì trái lại chấp nhận con người có 3 phần: Thần, Hồn, Xác. ^[25]

Thần và Hồn hoàn toàn khác biệt nhau. ^[26]

Thánh Paul và thánh Jude phân biệt 2 hạng người:

1.-Một hạng phạm phu, tục tử, sống lệ thuộc vào thất tình, lục dục. Đó là những người sống bằng Tâm Hồn (Êtres psychiques).

2.-Một hạng người sống bằng Thần (Êtres Spirituels)

Những hạng phạm phu, tục tử sống theo thất tình, lục dục (theo xác thịt), là những hạng người hay chia rẽ, ^[27] đĩ thoã, dâm tà, tin vợ thờ quấy, ghen ghét, chia rẽ, hay ghen, hay giận, hay cãi cọ, tham ăn, tục uống, chèn chén, say sưa. ^[28]

Họ không sao hiểu được những gì siêu linh. ^[29]

Những con người như thế làm sao mà được nước Trời? ^[30]

Còn những con người siêu linh, tức là những người sống bằng Thần sẽ: nhân từ, vui tươi, khoan quảng, thích giúp người, có từ tâm, tin cậy nơi người khác, hiền từ, biết tự chủ, ^[31] và tùy nghi, những người đó, vì công ích, có thể trở nên khôn ngoan, hiểu biết, làm được phép lạ, chữa được bệnh tật, nói được tiên tri. ^[32]

Chỉ những người đó mới thông thần, mới hiểu được những điều huyền diệu của Chúa, biết được ý Chúa. ^[33]

Và quan trọng nhất là chỉ có những hạng người siêu linh ấy mới được TRƯỜNG SINH VĨNH CỬU. ^[34]

Trong thư viết cho bốn đạo thành Corinth, ^[35] thánh Paul có một đại luận “thần sâu, quỷ khốc” về hai phần Tâm (Hồn= corps psychique) và Thần (Corps spirituel).

Nhưng tiếc vì nó quá cao siêu, nên xưa nay chẳng mấy ai hiểu nổi, chẳng mấy ai để ý tới, chẳng mấy sách dịch được cho ra hồn.

Ngài cho rằng: phần Tâm (Hồn) hiện ra trước, phần Thần hiện ra sau. ^[36]

Ai có một chút kinh nghiệm đời sống tâm linh sẽ hoàn toàn đồng ý. Khi chưa giác ngộ, thì cái Thần trong con người chưa hiện, chưa hoạt động. Lúc ấy, Thần trong ta còn ngủ, chỉ mới có cái hồn là sống động.

Cái Hồn đó chẳng qua là phần bao bì, *phần Địa, biến thiên, sinh tử*. **Như vậy, dĩ nhiên, nó không thể nào hưởng được Nước Trời, không thể nào được trường sinh vĩnh cửu, không thể nào trở nên bất hủ.** ^[37]

Nó chẳng khác nào như những phần tùy thuộc của hạt lúa mì, cốt là để hỗ trợ cho cái mầm sống trong hạt lúa mì nảy nở ra cây lúa mì. Cũng như vậy, nó sẽ đóng vai hỗ trợ để cho cái phần Thần được trở nên sống động, triển dương.

Thế tức là gieo giống cái Tâm Hồn, mà sẽ nảy nở ra cái Thần Linh. Gieo giống cái biến thiên, sinh tử, để sản sinh ra cái trường sinh; gieo giống cái yếu hèn, ti tiện, sẽ nảy nở ra cái huy hoàng và mãnh liệt. ^[38]

Thánh Paul tha thiết khuyên ta rằng:

Đã biết sống bằng Tâm Hồn, còn phải biết sống bằng Thần Linh nữa.

Cái phần Hồn chẳng qua là cái phần Đất, sẽ bị huỷ hoại. ^[39]

Cái phần Thần mới là cái phần Trời, siêu linh, vĩnh cửu. ^[40]

Tôi toát lược phần trình bày về Tâm và Thần của thánh Paul như sau:

THÁNH, PHẦM hai nét ghép thành NHÂN,

Phàm: ấy Nhân Tâm; Thánh: ấy Thần.

Tâm hình hiện trước, Thần kế tiếp,

Thần: Trời; Tâm: Đất, nhờ tương phân.

Tâm, Đất dĩ nhiên vương sinh diệt,

Thần, Trời nên mới thoát chuyển luân.

Tâm, Đất tử vong, đành số kiếp,

Bất tử, trường sinh, chỉ có Thần.

5. Ý nghĩa cuộc tiến hoá quần sinh.

*Từ phàm phu con người sẽ tiến tới Thần Linh.

*Từ phàm phu con người sẽ tiến hoá, sẽ triển dương tới tuyệt đỉnh để trở nên Những Con Thiên Chúa, để đạt đúng Tầm Kích của Chúa Kitô. ^[41]

Cả vũ trụ, quần sinh như đang chờ sự hiển dương của những Con Thiên Chúa. ^[42]

“Cho tới ngày ấy, vạn vật như quần quai trong cơn đau đẻ. Và không phải chỉ tạo vật mới như thế. Ngay đến như chúng ta, vì có Mâm Mộng Thần Linh, chúng ta cũng như thấy thâm tâm đang rên rỉ chờ ngày được nhận là Con Thiên Chúa.” ^[43]

Tiến hoá như vậy chính là lột bỏ đời sống phàm phu, đời sống theo thất tình, lục dục. Tức là rũ bỏ con người cũ, sống theo con người mới, lẽ lối mới, đạt dần tới sự hiểu biết chân thực, khuôn dần theo được đúng như chân tướng của Hoá Công. ^[44]

Muốn tiến hoá trên bình diện tình thần, trước hết phải rũ bỏ cái lột phàm phu, tục tử, phải rũ bỏ cái Hồn đầy thất tình, lục dục. Ôm ấp nó, o bế nó, muốn cuu mang, cứu chuộc nó thì làm sao mà mong được cứu rồi. Chúa Giêsu đã nói rõ ràng trong *Matthew* II, 39: “**Ai muốn cứu linh hồn mình, thì sẽ mất; ai mà mất linh hồn mình vì ta, thì sẽ được nó.**” ^[45]

Lão giáo nói: **Tâm tử, Thần hoạt.** Phật giáo dạy:

Diệt Tiểu Ngã, trở về với Đại Ngã cũng tương tự như vậy. Ý nói: Hồn có chết đi, thì Thần mới sống động được. Tiểu Ngã có chết đi, thì Đại Ngã mới triển dương được.

Cái tâm hồn phàm tục ấy cần phải chết đi, để chúng ta được sống lại một lần nữa, sống lại bằng Thần. ^[46]

*Vì Chúa là Thần, cho nên chúng ta không thờ Chúa bằng môi miệng, ^[47] cũng không phải bằng Hồn, vì Hồn đầy thất tình lục dục, không hiểu nổi được Chúa, ^[48] mà phải thờ Chúa bằng Thần. ^[49]

Lạ lùng thay trong Cựu Ước có nhiều nơi chép rõ ràng Hồn **không bất tử.** ^[50]

Charles Herbert, một tác giả thuộc Cơ Đốc Phục Lâm, một giáo phái thành lập năm 1862, trong quyển *Le Chemin du Salut* của Ông, đã cho thấy:

Chữ Thần được nhắc 827 lần trong Thánh Kinh.

Chữ Hồn được nhắc 873 lần trong Thánh Kinh. ^[51]

Sống bằng Thần, siêu phàm, thoát tục, mới có thể hợp nhất với Thiên Chúa, ^[52] mới có thể có cùng một Thần với Thiên Chúa. ^[53]

Chúng ta chẳng cần đợi tới lai sinh mới được hưởng nước Trời siêu việt ấy, mà ngay từ khi còn ở gian trần này. ^[54]

Có như vậy, sau này mới đáng được ngồi cùng một toà với Thiên Chúa. ^[55]

Ta cũng có thể mượn lời linh mục Henry Le Saux khi ông bình câu *I Cor* 15, 14 và tiếp theo đề bàn về cuộc tiến hoá con người như sau:

Cũng là một sinh linh mà trước kia thì là:

Phàm phu, tục tử; phàm tâm, phàm thể.

Nhưng ngày nay, và mãi mãi về sau, sẽ là Thần Linh, là Thiên Thể, sẽ là Siêu Phàm. ^[56]

6. Đại Đạo chân truyền.

* Đi vào tâm mà tìm Đạo, tìm Trời.

Phúc Âm gọi thế là “khi cầu nguyện, hãy vào buồng, đóng cửa lại, cầu cùng Cha ở đó, ở trong nơi thâm kín, và Cha người, nhìn thấu nơi thâm kín, sẽ trả công cho người.” ^[57]

Ernest Bosc chủ trương rằng: Thiên Chúa nói cùng mỗi người chúng ta, trong buồng thâm kín của tâm hồn, chẳng cần qua trung gian; trung gian chỉ làm giảm tia sáng giữa tạo vật và tình yêu Ngài. ^[58]

* Tỉnh giảm lễ nghi hình thức bên ngoài.

Chính Chúa Giêsu đã khuyên: Đọc kinh làm chi cho nhiều. Đừng bắt chước lối ngoại giáo. ^[59]

Đừng quá chú trọng những lễ nghi, hình hạc, giả tạo bên ngoài, những lời giảng giáo, nhân vi, nguy tạo. ^[60]

“Những linh mục ngày nào cũng đứng cầu kinh, dâng lễ, làm đi, làm lại một lễ hiến dâng, nào có xin tha được tội lỗi cho ai?” Đó chính là nguyên văn lời thánh Paul trong thư cho người Do Thái. ^[61]

* Tìm cho ra lẽ luật Trời ghi tạc trong tâm can.

Như vậy, tinh hoa đạo giáo không cốt tại những lễ nghi, hình thức bên ngoài, những lễ dâng để xin xá tội. ^[62]

Mà chính là để tìm cho ra luật Trời đã ghi tạc sẵn trong tâm can mình, ^[63] để tìm cho ra Thiên Ý, để mà theo, mà giữ. ^[64]

* Sống kết hợp với Thiên Chúa.

Sống kết hợp với Thiên Chúa chính là phần thưởng dành cho những người đã biết sống siêu phàm, thoát tục, đã rũ bỏ được phần Nhân, phần Hồn đầy thất tình, lục dục, đã sinh lại được bằng Thần, ^[65] đã đọc được Thiên Ý, ^[66] đã nói được như Thánh Paul: “Tôi sống, chẳng còn là tôi sống, mà là Chúa sống trong tôi.” ^[67] “Tôi có Thần Chúa” ^[68] “Tôi đã nắm được tư tưởng chúa Kitô.” ^[69] “Tôi cũng có một Thần như Chúa.” ^[70]

Tóm lại, Chân Đạo trước sau chỉ có một chủ trương: “**Hãy bỏ lễ thói sống của con người cũ, điều tàn theo đà thời gian, với muôn nghìn dục vọng hoàng lương, hãy sống một đời sống Thần Linh mới, hãy mặc lấy con người mới, con người đã được tạo dựng nên đúng theo Thiên Ý, trong công chính, trong thánh thiện của Chân Lý.**” ^[71]

CHÚ THÍCH

^[1] Unus et Deus et Pater omnium, qui est super omnes, et per omnia, et in omnibus nobis. **Eph.** IV, 4,5,6.

^[2] Mais c'est le même Dieu qui opère tout en tous. À chacun, la manifestation de Dieu est donnée en vue du bien commun. **I Cor.** XII 6,7.

[3] Ne savez-vous pas que vous êtes un temple de Dieu et que l'Esprit de Dieu habite en vous? **I Cor.** III,16.

[4] Vous, vous n'êtes pas dans la chair, mais dans l'Esprit, puisque l'Esprit de Dieu habite en vous?**Rom.** VIII, 9

[5] Le Royaume de Dieu est tout proche. **Mc** I, 15. **Mat.** 3, 2.

[6] **Lk** 17, 21

[7] Ernest Bosc, **La Doctrine Ésotérique**, tome 2, trang 26, 34-44.

[8] On désigne sous cette expression, la présence en l'homme de ce Rayon du Verbe, de cette étincelle de L'Esprit de Dieu qui est dénommé Christ. Le Christianisme et la Théosophie ne donnent pas à ce terme, la même signification; celle-ci prétend que l'échelle des êtres est infinie, que de l'homme à l'émanation première de l'Absolu, nous venons de le voir, de l'homme au Logos (Christ Universel), il existe un nombre considérable de degrés de développement et que cette énorme distance ne saurait être franchie d'une façon arbitraire. Le corps du Logos (du Christ) c'est l'univers tout entier et toutes les qualités de cet Univers, toutes les potentialités de matières (visibles et invisibles), que nous nommons des êtres qui ont pour cause cet ESPRIT UNIVERSEL, dans lequel nous vivons,et nous nous mouvons...

Ernest Bosc, **La Doctrine Ésotérique**, p. 34-35. Xem thê**m I Cor.**XII, 6-11. **Acts** 17-28.

[9] Nescitis quoniam corpora vestra membra sunt Christi...Glorificate et **portate Deum** in corpore vestro. **I Cor** VI, 15-20

[10] **Col. I**, 25-27.

[11] **Eph.** IV, 13.

[12] **Eph.** III, 3-6.-**Rom.** III, 29.

[13] **Ga** IV, 19.

[14] **Rom** VIII, 14, 17.

[15] **Rom** VIII, 8, 17.

[16] **I Cor** 2, 12.

[17] **I John**, IV, 12-13.

[18] **Mat** 5, 45 và 9, 14.

[19] **Lk** 17, 21

[20] **I Cor**, 3, 16-17

[21] **Ac** 7, 48-49.-**Ac** 17, 24.-**He** 9, 24.

[22] **Mat** 5, 43.-**Mat** 22, 37-40.-**Mk** 9, 37.-**Mk** 12, 29-34.

[23] **Jn** 15, 5.

[24] Ernest Bosc **La Doctrine ésotérique** II, trang 31-40.

[25] **I Th**, 5, 22.

[26] **He** 4, 12.

[27] **Ga** 5, 18-25.-**I Cor** 2, 13-14.-**Jd** 19.

[28] **Ga** 5, 19-21.

[29] L'Homme psychique n'accueille pas ce qui est de l'Esprit de Dieu: C'est folie pour lui et il ne peut le connaître. **I Cor 2, 14.**

[30] **Ga 5, 21.**

[31] **Ga 5, 22-23.**

[32] **I Cor 12, 4-7.**

[33] **I Cor 2, 1-16.**

[34] **Ga 6, 7-9.**

[35] **I Cor 15, 35-53.**

[36] **I Cor 15, 46.**

[37] **I Cor 15, 50.**

[38] **I Cor 15, 35-44.**

[39] **I Cor 15, 50.**

[40] **I Cor 15, 49-53.**

[41] **Eph 4, 13**

[42] **Rom 8, 19.**

[43] **Rom 8, 23.**

[44] **Co 3, 6-16**

[45] *Qui enim voluerit animam suam salvam facere, perdet eam; qui autem perdiderit animam suam propter me, inveniet eam. Mat. 2, 39.-Mat. 16, 25.*

[46] **Jn 3, 7-8.-Mat 2, 38.-Mat 16, 25.**

[47] **Mk 7, 6-7.**

[48] L'Homme psychique n'accueille pas ce qui est de L'Esprit de Dieu.

La Sainte Bible (Bible de Jérusalem.) I Cor 2, 14

[49] **Jn 4, 24.**

[50] * L'âme qui pêche, c'est elle qui mourra. **Ez 18-4.**

* C'est pourquoi je lui assignerai une part avec les grands. parce qu'il aura livré son âme à la mort. **Isaie 53, 10-12, La Sainte Bible** par J. N. Darby.

Vulgate dicitur nunc: Pro eo quod ***tradidit in mortem animam suam.***

*Puisque le Fils de l'homme n'est pas immortel. **Si 17, 20.**

[51] **L'Esprit** (Ruah en Hébreu, Pneuma en Grec, mot qui se rencontre 827 fois dans **la Bible**) **c'est le souffle de vie qui est communiqué par Dieu...**

L'âme (Néphesh en Hébreu, Psuché en Grec, mot mentionné 873 fois dans **la Bible**) **désigne avant tout la vie individualisée, la vie passagère...**

Charles Gerber, le Chemin du Salut, Chapitre: L'Homme est-il immortel?

[52] **Jn 17, 21.-I Jn 4, 12.**

[53] **I Cor 6, 16-17.**

[54] **Mat 16-28.**

[55] **Rev 3, 21-22.**

[56] Ce fut le même être qui fut-Animalis, psychikon, “psychique” , “naturel”-qui maintenant **est**, et à jamais **sera** spiritualis, pneuma-tikon, spirituel.

I Cor 15, 44 and ss.-Henri le Saux, **La Rencontre de l’Hindouisme et du Christianisme**, Édition du Seuil, Paris, 1966, p. 29.

[57] **Mat** 6,6.

[58] Le Maître Divin parle à chacun de nous dans la chambre secrète du coeur, sans qu’il soit nécessaire d’intermédiaire oblitérateur de son rayon entre sa créature et son amour.

Ernest Bosc, **La Doctrine ésotérique** II, p. 43.

[59] **Mat** 6, 7.

[60] **Mk** 7, 6-7.

[61] **He** 10, 11.

[62] **He** 10, 5-7.

[63] **He** 10, 16.

[64] **He** 10, 10.

[65] **Jn** 3, 5.

[66] **I Cor** 2, 16.

[67] **Ga** 2, 20

[68] **I Cor** 7, 40.

[69] **I Cor** 2, 16.

[70] **I Cor** 6, 16-17.

[71] **Eph** 4, 24.

Cựu Ước.

Ecclesiasticus (Sirach)

Si.

Ezekiel

CHƯƠNG II.

SƠ LƯỢC VỀ BÀ LA MÔN GIÁO

A. ÍT NHIỀU NHẬN ĐỊNH VỀ ẨM ĐỘ.

Ẩm độ xưa nay đối với chúng ta luôn luôn khoác một vẻ huyền bí với những danh từ Tây Thiên, Tây Trúc, với những hình ảnh các vị thần linh thiên thủ, thiên nhãn, những đạo sĩ lang thang không nhà, với những Fakirs chôn sống không chết.

Mà thực Ẩm Độ là một xứ lạ lùng.

Ẩm Độ xưa chia xã hội làm bốn thành phần chính:

1. Giai cấp tăng lữ (Brahmana) coi về tế tự, giáo hoá.
2. Giai cấp chiến sĩ (Kshatriya), làm vua, làm quan, làm tướng.

3. Giai cấp thương nhân (Vaishya) làm nông, thương.

4. Giai cấp công nhân (Shudras) làm công việc tay chân.

Ngoài bốn giai cấp chính ấy ra, còn có những người sống ngoài lề xã hội. Đó là:

- Những tu sĩ không nhà (Sanyasins)

- Những người cùng tiện (Paria)

- Những người ngoại quốc (Mlecchas)

Gandhi, lúc còn sinh thời, hết sức bênh vực những người cùng tiện. Hiến pháp Ấn, năm 1949, đã bỏ lệ phân giai cấp, và cho nam nữ bình quyền.

Ấn Độ chia cuộc đời con người thành bốn thời kỳ:

- Thời kỳ thanh khiết và học tập (Brahmacharya).

- Thời kỳ lập gia đình (Garhasthya)

 Kiếm tiền (Arthra)

 Hưởng tình (Kama)

 Sống hân hoan, đạo đức (Dharma)

- Thời kỳ vào rừng ẩn cư (Vanaprasta)

- Thời kỳ thoát tục, vô gia cư (Sannyassa)

Trong thời kỳ này, con người rũ bỏ hết mọi dây rợ gian trần, sống khát thực, vô vi, vô trụ. Họ sống, nhưng sống kết hợp với Đại Ngã Thường Trụ. ^[1]

Heinrich, trong quyển *Les Philosophes de L'Inde*, còn cho rằng Ấn Độ có 4 môn học:

Ba môn đầu dạy làm người (Trivarga).

1. Môn học cầu danh, tranh lợi (Arthacastra), mục đích tìm tài lợi, công danh. (Philosophie du Succès).

2. Môn học Ái tình (Kamacastra), mục đích hưởng thụ khoái lạc thể chất. (Philosophie du Plaisir)

3. Môn học làm người (Dharmacastra) sống theo nhân luân. (Philosophie du Devoir)

4. Môn học cầu giải thoát. (Moksa)

Đó là mục đích của Triết Học Ấn Độ. Minh Triết tức là học để biết mình có Bản Thể Thần Minh, và Hành là để trở thành Thần Minh. ^[2]

B. Tôn Giáo Ấn Độ.

Tôn giáo Ấn Độ là Bà la Môn (Brahmanism) hay Ấn Độ Giáo (Hinduism). Ấn Giáo rải rác khắp hoàn cầu. Tổng số theo thống kê nay là: 689.205.100. ^[3]

Tôn giáo Ấn thật là đa diện.

Thấp thì đi dâng hương cúng thần, tắm cho thần, mặc cho thần, hoặc đi hành hương Benares, đi tắm sông Hằng (Gangus).

Cao thì vào rừng ẩn tu, sống siêu thoát, vượt lên trên các lễ nghi, chiêm bái, mà chỉ còn chuyên chú, tĩnh tâm, suy nghiệm cầu giải thoát.

Quan niệm về thần minh cũng muôn sắc thái, đi từ chỗ thấp nhất, đến cao nhất.

Khi thì nó **đa thần**, thờ vô số thần, coi như có quyền lực ngang nhau. (Polytheism)
Khi thì nó cho các thần luân phiên nhau giữ ngôi bá chủ (henotheism hay Kathenotheism).

Khi thì nó chủ trương độc thần (Monotheism).

Khi thì nó chủ trương Nguyên Lý Sáng Tạo Vô Ngã (Impersonal Monism).

Đối với Ấn Độ, các chủ trương trên đều hữu lý vì:

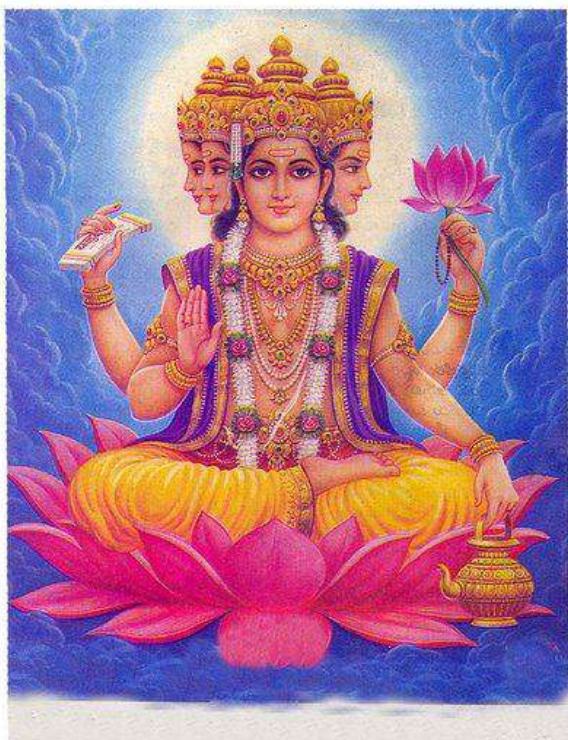
-Nó phản ánh mọi trình độ tiến hoá từ ngu si đến minh triết của dân gian.

-**Thần minh dù là đa tạp, hay đơn thuần, cũng chỉ là những hiển dương của một nguyên lý tối sơ.**

Ấn Độ cho rằng mình có **330.000.000 vị thần**. Dưới đây là ít nhiều vị thần chính:

1. Trước hết là Tam Vị Thượng Thần: **Brahma, Vishnu, Shiva.**

Brahma là thần sáng tạo, có bốn đầu, ngự trên đỉnh núi huyền thoại Meru (Tu Di), với vợ là nữ thần văn nghệ Sarasvati, thường cười con công thần.



Brahma

Vishnu là thần bảo trì vũ trụ, thường nằm trên mình con rắn chín đầu Ananta. Ngài thường với vợ là Laksmi, sống trên thiên đỉnh Meru. Ngài thường cười con nhân điều Garuda, trong khi vân du thượng giới.

Vishnu có tất cả 10 hoá thân: Cá, rùa, lợn rừng, người, sư tử, người lùn Vanana, Parashu-Rama, Ông hoàng Rama, ông hoàng Krishna, đức Phật và thần Kalki trong tương lai.

Krishna có người tình là Radha.

Rama có vợ là Sita, và có thần khỉ Hanuman phụ tá.



Vishnu

Shiva là thần phá huỷ, sống trên núi Kailas. Ngài hay cưới bò, và có nhiều vợ như Parvati, Uma, Durga, Kali, Shakti v. v...

Con ngài là Karttikaya, thần chiến tranh và Ganesha, thần đầu voi.



Shiva

2. Thứ đến, là những trung đẳng thần, như:

- *Ashvin, song thần, y sĩ của chúng thần.
- *Usha, nữ thần bình minh, cưỡi xe có bảy con bò kéo, tượng trưng cho bảy ngày trong tuần.
- *Surya, thần mặt trời, cưỡi trên cỗ xe, có bảy con ngựa kéo.
- *Agni, hoả thần.
- *Indra, thần tinh không và bầu trời, thần sét, thần chiến tranh.
- *Chadra, thần mặt trăng.
- *Varuna, thần trời, cưỡi trên lưng con quái thú Makars.
- *Vayu, thần gió.
- *Maruts, thần phong ba.

3. Cuối cùng là những hạ đẳng thần, như:

- *Yakshinis và Yakshas các tiểu quỷ, hầu hạ thần phú quý Kabera.
- *Ravana, quỷ vương đã cướp đoạt vợ Ông hoàng Rama, và đã cùng chúng yêu là Rahshasas, chống lại Rama.
- *Manu, đã được một con cá thần cứu thoát khỏi Hồng Thủy.
- *Soma, tửu thần.
- *Yama, tử thần.

*Kinnaras, các nhạc thần trên trời.

*Apsarases, nữ thủy thần và Nagas, xà thần v.v...

Với những quan niệm tiên khởi trên, thiết tưởng chúng ta đã được chuẩn bị để đi vào triết học và đạo giáo Ấn Độ.

CHÚ THÍCH

^[1] Vit s'identifiant au Soi éternel et ne considère rien d'autre. Heinrich Zimmer, *Les Philosophes de L'Inde*, Payot, Paris, 106, Boulevard St Germain, 1953, p. 129.

^[2] Heinrich Zimmer, *Les Philosophes de L'Inde*, p. 35.

Les 4 buts de la vie:

La Philosophie s'achève par **l'accession à un état divin, en ce monde et dans l'autre.** (ib. p. 52).

Le Philosophe est quelqu'un dont la nature a été transformée, re-formée en un type de nature vraiment surhumaine du fait qu'il a été traversé par le pouvoir magique de la vérité . (ib. p. 52).

^[3] *Britannica Book of the Year*, 1990, p. 375.

CHƯƠNG III.

TỪ VEDA ĐẾN BHAGAVAD-GITA.

Trước khi học về các Thánh Kinh Bà La Môn giáo, tưởng cũng nên nói đại lược về Bà La Môn giáo.

Bà La Môn giáo (Brahmanism) hay Ấn Độ Giáo (Hinduism) là một tôn giáo lớn mà đa số người Ấn Độ tôn sùng. **Nó là một đạo giáo cổ nhất còn tồn tại tới ngày nay.**

Họ tôn thờ Thượng Đế Nhất Thể Tam Vị. Đó là:

*Brahma, đấng sáng tạo vũ trụ.

*Vishnu, đấng bảo tồn.

*Shiva, đấng phá huỷ.

Vishnu đã giáng trần nhiều lần để cứu độ nhân quần. Rama, Krishna, Đức Phật là vài vị trong những hiện thân của Ngài.

Thần Shiva có vợ là Kali. Hai vị này còn được thờ dưới những hình tượng Lingam (Dương) và Yoni (Âm).

Ngoài ra, dân Ấn còn thờ nhiều vị thần khác, như đã đề cập ở chương trước.

Dân Ấn không giết bò, không ăn thịt bò, và rất trọng bò. Bò có thể đi nhõn nhõn trong các thành phố lớn, làm cản trở lưu thông mà vẫn không sao...

Đạo Bà La Môn ngày nay được thế giới chú ý tới nhiều, không phải vì những hình thức, lễ nghi bên ngoài, mà chính vì những bộ Thánh Kinh của họ, và phương pháp Yoga.

Thánh Kinh Ấn Giáo gồm có:

1/ **Veda** (Samhita hay Mantra) (Các thể kỷ từ 15 đến 10 trước Công Nguyên), với các bộ kinh:

- Rig Veda (Độc Tụng Vệ Đà).
- Sama Veda (Ca vịnh Vệ Đà).
- Yajur Veda (Tế Tự Vệ Đà)
- Yajur trắng (Lời Kinh).
- Yajur đen (Lời Kinh và chú giải).
- Atharva Veda (Nương tai Vệ Đà-Bùa chú khẩu quyết)
- Brahmana (10 quyển. Từ thế kỷ 10 đến thế kỷ 7 trước C.N).
- Aranyaka (Lâm Tuyền Ca) (Bộ này không mấy đặc sắc, nên ít được bàn

tới) .

2/ **Upanishads** (Áo nghĩa thư) (Khoảng thế kỷ 7 đến 5 trước C.N.).

3/ **Bhagavad Gita** (Thế Tôn Ca), rút ra từ bộ Anh Hùng Ca Mahabharata.

Người Âu Châu đã dịch và khảo sát rất nhiều về các **Thánh Thư** nói trên. Trong **quyển Triết Sử Ấn Độ I** của L.M. Hoàng Sĩ Quý (Hưng Giáo Văn Đông Xuất Bản, 161 Yên Đỗ, Saigon), chúng ta có một thư mục rất đầy đủ về các công trình phiên dịch và sưu khảo **Thánh Thư Ấn Độ** (Xem các trang 158-162 sách trích dẫn).

Sau đây là sơ lược và nhận định về các **Thánh Thư** nói trên.

A/ VEDA.

Trong 4 bộ **Veda**, bộ **Rig Veda** là quan trọng nhất.

1/ Rig Veda:

chia làm 10 quyển, có tất cả 1017 bài thơ gồm 20.000 câu thơ.

Các bài thơ trên đại khái tán tụng, cầu khẩn các thần minh, như thần:

- INDRA (thần mưa, thần sét, thần chiến tranh, thần tổ của dân Aryen)
- AGNI (thần lửa), (200 bài thơ).
- VISHNU, SURYA, PUSAN, MITRA (Các thần mặt trời).
- USHA (thần bình minh).
- VARUNA (thần trời).

- SOMA (tử thần), (cả quyển IX).

Ngoài ra, còn mấy bài thơ rất quan trọng, nói về khởi nguyên của vũ trụ. Đó là:
Vô Hữu Tán Ca (**Rig Veda** X, 129).

Sinh Chủ Thần Tán Ca (**Rig Veda** X, 121).

Nguyên Nhân Tán Ca (Purusa Sukta) (**Rig Veda** X, 90).^[1]

Rig Veda phản ánh lại sự cố gắng của con người đi tìm Chân Thể của vũ trụ, qua mọi dạng thức thần minh (Đa thần, độc thần).

Nhờ quan sát, họ nhận thấy rằng các *hiện tượng thiên nhiên* như mặt trời, mặt trăng, gió, mưa, sấm, sét, bão táp, rượu, lửa v.v...đều có *một động lực, một năng lực, một thứ sức mạnh, có thể làm ích hay làm hại mọi người.*

Sức mạnh ấy do đâu phát sinh?

Mới đầu, họ cho rằng nguồn năng lực, **nguồn sức mạnh ấy do nơi chư thần phát sinh**(Indra, Mitra, Varuna, Agni, Soma, Pudra v.v...)

Dần dà, họ cho rằng **nguồn năng lực thiên nhiên ấy do một vị thần, do một vị Hoá Công sinh xuất ra.** (Vị Hoá Công đó có thể có nhiều tên như Prajapati, Brahmanaspati, Visvakarman v.v...).

Cuối cùng họ cho rằng **nguồn năng lực đó do Chân Bản Thể Duy Nhất của Vũ Trụ phát sinh.**

Họ tạm gọi Chân Bản Thể Vũ Trụ đó là:

- **Brahman** (Thượng Đế Vô Ngã, khác với Brahma, Thượng đế Hữu Ngã).
- **Cái Ấy** (Giá Cá)
- **Bỉ Nhất** (Cái Nhất ấy, Cái Một ấy).
- **Bỉ (Ấy).**

Chỉ có **Chân Thể này mới chân thường, hằng hữu, mới là:**

Chân Thể (Sat).

Chân Trí (Cit).

Chân Phúc (Ananda).

Còn các hiện tượng bên ngoài, và cả đến chư thần, đến độc thần, vẫn còn nằm trong vòng HÌNH, DANH, SẮC, TƯỚNG, khả hình, khả danh, khả tư, khả nghị, và vì vậy, còn ở trong vòng luân hồi, sinh tử, biến thiên, khổ não.

Nếu ta gọi thế giới hữu hình, **hữu tướng này là THỦ' (cái này), và Chân Thể là BỈ (cái kia),** ta sẽ hiểu được tinh hoa Bà La Môn, khi họ nói Con là Cái Đó' (TAT TVAM ASI), và **tinh hoa đạo Phật khi họ gọi Giác Ngộ là Bỉ Ngạn, hoặc gọi Luân Hồi là Thử Ngạn, Niết Bàn là Bỉ Ngạn.**

Vũ trụ quan, theo Rig Veda cũng đa tạp. Có thể đưa chúng về 2 đề mục sau:

A. Nhất nguyên Thuyết:

Vũ trụ này đã từ một Nguyên Thể xuất sinh. Nguyên thể ấy là:

- Nước (Rig Veda X, 190).
- Khí (Rig Veda X, 168)

- Vô Hạn (Aditi) (Rig Veda X, 72).
- Hoặc do **Thượng Đế phân thân để sinh ra vũ trụ**. (Rig Veda, X, 90).

Đọc Thánh Thư Ấn Độ, ta càng ngày càng thấy thuyết **THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ, hoặc NHẤT THỂ TÁN VẠN THỪ, VẠN THỪ QUI NHẤT THỂ**, ngày một hiện rõ ra, hoặc nói bằng Huyền Thoại: (Lửa sinh tàn, nhện sinh tơ v.v...), hoặc bằng Thần Thoại: (Purusa phân thân thành vũ trụ).

B. Nhị Nguyên thuyết:

Vũ trụ này đã được Thượng Đế (Rig Veda X, 121), hoặc chư thần tạo ra, từ một chất liệu sẵn có. (Rig Veda VII, 86; III, 32, 80; X, 81, 2; X, 72,2; X, 121, 1).

Rig Veda tin rằng vũ trụ này đã được chi phối bởi những định luật vĩnh cửu, mà họ gọi là Rita hay Dharma.

Về lai sinh, Rig Veda mới đề cập đến Thiên Đàng, Địa Ngục. (Rig Veda, VI, 10; XI, 1, 2 ; I, 25, 6; X, 132; IV, 5, 5; IX, 73, 8; X, 152, 4).

Các quan niệm Luân Hồi, Nghiệp Báo chưa rõ rệt (Rig Veda IV, 2, 10; IV,26, 1; IV, 27, 1; X, 16, 3).

2/ Sama Veda

Sama Veda gồm những bài hát để các thầy chủ tế (Urgart) hát khi hành lễ.

3/ Yajur Veda

Yajur Veda trắng và đen gồm các kinh kệ, các khẩu quyết, các lời chỉ dẫn cho các thầy phó tế (Hort hay Adhvaryu) trì tụng khi đang hành lễ. Ví dụ các lời kinh đọc khi nhóm lửa, khi ép rượu, dâng rượu Soma, hoặc khi giết các sinh vật để hiến tế.

4/ Atharva Veda

Atharva Veda là một quyển sách dạy các bài thần chú, các bùa phép ma thuật, y như quyển Vạn Pháp Qui Tông của Lão giáo.

Ví dụ: Thần chú chữa ho . (Sacred books of the East, t. 2, p. 8), Thần chú mọc tóc (Charles Braden, les livres sacrés de l'humanité, p. 85), thần chú cầu lấy được chồng (Như trên. 2, 3), cầu vợ (6, 82), thần chú cho được trai yêu (7, 38), gái yêu (6, 8) v.v.. ^[2]

Shri Aurobindo nhận định về Veda như sau:

"...và đây là tư tưởng sâu sắc nhất của những bậc hiền thánh đã soạn nên bộ Veda:

" Con người sống trong lòng đất mẹ, và thường chỉ biết có cái thế giới chết chóc này. Nhưng ngoài cuộc sống đó, còn có Siêu Thức chứa đựng các thế giới thần minh, trong một bí ẩn sáng láng. Và dưới bộ mặt phiến diện của những ấn tượng khi tỉnh thức, còn có Tiềm Thức hay Vô Thức. Từ đêm tâm Vô Thức ấy, đã sinh ra vũ trụ mà con người thấy được...Con người luôn luôn có những liên lạc thâm kín với các thế giới đó. Con người nếu muốn, có thể minh giác mà vào trong những thế giới đó, sinh ra trong những thế giới đó..."

Con người có thể lên cho tới những thế giới quang minh chân lý, vượt qua những cánh cửa Siêu Thức, để bước vào ngưỡng cửa Siêu Việt. Các cửa trời sẽ mở ra, đón chào các tâm linh đang đà triển dương. Sự Siêu Thăng đó của con người có thể thực hiện được, vì mọi người đang mang sẵn trong mình, tất cả những gì mà con mắt giác quan nhìn thấy được như là ở bên ngoài mình.

“...Và nếu các Thần minh đã xây dựng ra được một hệ thống vũ trụ, thì các Ngài cũng đã xây dựng ra trong tâm thức con người một hệ thống đẳng cấp, thứ bậc hẳn hoi, triển dương từ thân phận tử vong, cho đến bất tử viên mãn.

“Sự tương phản giữa tử vong và bất tử mà ta có thể vươn lên tới được, chính là chìa khoá, giúp ta hiểu biết tư tưởng, và hành động của Veda.

“Veda là Phúc Âm cổ sơ nhất cho biết về sự bất tử của con người. Những ca khúc của nó chứa đựng tâm thuật của những bậc minh giác đã khám phá ra được con đường trường sinh bất tử...”

“Hiểu Veda cho đúng đắn, nó sẽ không còn là một tập bài ca tối tăm, hỗn loạn, man rợ, mà nó sẽ trở thành một bài ca ca lên những nguyện vọng cao siêu nhất của nhân loại. Các bài ca của nó là những giai đoạn trong bản hùng ca rạo rạo tình tứ của tâm hồn nhân loại, trên con đường tiến tới bất diệt.

“Ít nhất, nó là thế. Ngoài ra, ta còn có thể tìm thấy những gì nó chứa đựng về khoa học cổ xưa, về những kiến thức đã mất, và về những truyền thống tâm lý, vật lý xa xưa...” ^[3]

Radhakrishnan, trong quyển **Indian Philosophy I**, nơi phân kết luận về Veda, đã nhận định đại khái rằng:

“Veda, vì nói về Tế Lễ, nên Brahmana đã được viết ra.

Vì có phần triết học, nên đã sinh xuất ra Áo Nghĩa Thư.

Vì nói về thần Trời Varuna, nên đã gọi cảm cho Bhagavad Gita với chủ trương Độc Thần. Vì nói đến RITA, đến định luật đất trời, nên đã sinh xuất ra quan niệm Quả Báo sau này (làm hay, sẽ gặp quả tốt, làm dở, sẽ gặp quả xấu).

Vì có quan niệm Nguyên Thần Hyranyagarbha bồng bềnh trên mặt Nước Nguyên Thủy, nên đã đưa tới Nhị Nguyên Luận (Thân-Vật; Purusa-Prakiti) của triết phái Samkhya sau này.

Vì đề cập đến ảnh hưởng của lời kinh, tiếng hát, của rượu thần Soma có thể làm cho con người xuất thần, nên có liên quan đến các vấn đề xuất thần sau này của môn phái Yoga. ^[4]

5/ Brahmanas.

Brahmana là sách nặng về các lễ nghi, hình thức, nên cũng đại loại như Yajur Veda, Sama Veda.

Ở Rig Veda, thì đạo giáo còn hồn nhiên, đầm ấm, rạo rực tình người. Đến thời đại Brahmanas (1000-700 trước C.N.) đạo giáo trở nên lạnh lẽo, khô khan, và bị gò bó trong những lễ nghi, hình thức cố định, phức tạp, phiền toái.

Và đây là những chủ trương chính yếu của Brahmanas:

- 9)
 - Vishnu, Shiva bắt đầu xuất hiện (Kausitaki Brahmana VI, 1,
 - **Brahman là Nguyên Lý vũ trụ** (Satapatha Br. XI, 2,3).
 - Kinh kệ, lễ nghi trở nên quan trọng, cần yếu (Satapatha Br. III, 1, 4, 3 -Aiterya Br. II, 1, 1).
 - Giới tăng lữ trở thành trọng yếu, trở thành siêu phàm (Satapatha Br. II, 2, 2, 6 -II, 4, 3, 14).
 - Veda trở thành Thiên Thư (Aiterya Br. VII, 9).
 - Brahmanas đề cao đời sống nhân luân: không tà dâm (Sat Br. II, 5, 2, 20), không nói dối (Sat. Br. I, 2, 4). Con người có bốn phận với thần linh, với tổ tiên, với thánh hiền, với tha nhân, với loài vật. ^[5]
 - Xã hội thời Brahmanas được chia thành giai cấp (Atharva Veda V, 17, 8 -RV VII, 103, 1.7. và 8. Sat. Br. VIII,1, 4, 10).
 - Đời sống xã hội được chia thành bốn thời kỳ (Brih. Up. III, 5, 1 -Apastamba Sutras II, 9. 21. 1 -Gautama Sutras III, 2 -Bodhanya II, 6, 11, 12 -Manu V. 137 -Vasistha VII, 2-A. Veda V, 17, 8 -RV. VII, 103, 1,7 và X, 88, 19-Sat. Brah. VIII, 1, 4,10).
 - Lành, dữ đều được tái sinh để hưởng thụ quả kiếp trong thế giới này và thế giới khác. ^[6]
 - Vấn đề Luân Hồi chưa được bàn cãi rõ rệt. ^[7]

Có thể nhận định chung về Brahmanas, Yajur Veda và Atharva Veda như sau: Brahmanas, Yajur Veda, tuy nặng về hình thức lễ nghi, Atharva Veda tuy nặng về bùa chú, ma thuật, nhưng đã đánh dấu một sự suy tư lớn của con người muôn thuở, đó là:

Làm sao để XU CÁT, TỊ HUNG; CẦU PHÚC, NHƯỜNG TAI ?

Muốn được vậy con người phải dựa vào **tha lực**, dựa vào thần linh (Cầu khẩn, bùa chú, cúng lễ, ma thuật), hoặc vào **tự lực** (ma thuật, bùa chú), hay là cố quan sát các hiện tượng để tìm ra những **định luật tự nhiên, vĩnh cửu chi phối các hoạt động con người**; nghiên cứu phong tục, để tìm ra đường lối lý tưởng phải theo, phải giữ. Chính những định luật tự nhiên ấy (Ritadharma) mới giải thích được tại sao con người được phúc (xử sự theo đúng định luật tự nhiên, giải quyết sự việc theo đúng đường lối khoa học), hoặc bị họa, bị tai (Suy luận sai, nhận định sai, hành động sai).

B. UPANISHADS.

Upanishads có rất nhiều bộ. Đây chỉ xin nói sơ lược nội dung chính yếu của 13 quyển chính.

1. Isa Upanishad.

Bàn về phong thái vô tất, vô cố của người đạo sĩ.

2. Kena Upanishad.

Ai thực sự điều hành vũ trụ?

Thừa đó là Atman = Brahman.

3. Katha Upanishad.

Chân Ngã Bất tử, không thể biết được bằng Lý Trí mà bằng Trực Giác. Xác thân là xe tải Chân Ngã.

4. Prasna Upanishad.

Đưa ra 6 câu hỏi về vũ trụ, về cá tính, về nhân bản con người. (căn cơ, gốc gác con người).

5. Mundaka Upanishad.

Con người có 2 thứ biết:

-Cao (*biết về Bản Thể*).

-Thấp (*biết về Hiện Tượng*).

Tu tâm quan trọng hơn tế lễ, công quả bên ngoài.

6. Mandukya Upanishad.

Bốn bình diện, bốn trạng thái của một con người:

-Trạng thái thức.

-Trạng thái ngủ.

-Trạng thái ngủ không mơ.

-Trạng thái siêu việt (Turita).

7. Taaititya Up.

Bàn về năm tầng lớp nơi con người:

-Vỏ áo cơm (Food): Nhục thể, thô thân. (trạng thái thức).

-Vỏ khí (breath): Tế thân (Subtil body).

-Vỏ tâm tư (mind): hồn. Trạng thái ngủ mơ.

-Vỏ lý trí (intellect): Duyên thân, nhân thân.

-Vỏ Hạnh Phúc: Trạng thái ngủ không mơ. Vô minh (Avidya).

Sau 5 lớp vỏ áo đó, mới tới cốt lõi Atman, AUM.^[8]

8. Aitareya Up.

Bàn về lai sinh.

9. Chandogya Up.

Cho rằng Chân Ngã nơi con người, Atman là Chân Ngã Vũ Trụ Brahman. **Atman=Brahman**.

Đưa ra công thức **Tat Tvam Asi** (Con là cái đó; Con là Bản thể Vũ Trụ).

Bàn về chữ Om.

Om = Aum.

A (Thức).

Aum = Turiya: U (Mộng).
M (ngủ không mơ).

OM (Aum) là tinh hoa của Thanh Âm, Từ Ngữ. Và Thanh Âm, Từ Ngữ là Tinh Hoa con người. Con người là Tinh Hoa Vạn Hữu. Vậy OM là tinh hoa con người và vạn hữu...

Chandogya là 1 Upanishad rất nên đọc.

10. Brihah Aranyaka Up.

Bàn về Chân Ngã Atman, siêu vi, phổ quát, duy nhất, bất phân.

11. Kaushitaki Up.

Bàn về Luân Hồi và Giải thoát.

12. Svetasvara Up.

Bàn về Tuyệt Đối Thể lỏng trong vạn hữu và trong con người.

13. Maitri Up.

Điều nguyện ước cao siêu nhất là ao ước Hiểu Biết Chân Ngã.

Yoga là phương pháp đưa tới sự phối hợp với Chân Ngã.

Tổng luận về Upanishads.

- A. **Chủ đề của Upanishads là Chân Ngã, là Bĩ Nhất (Brahman).**
- B. Upanishads đưa ra 2 phương pháp đi tìm Chân Ngã. Phương pháp ngoại quan (Quan sát ngoại giới) và phương pháp nội quan (Quán chiếu nội giới).
- C. Dùng mọi phương pháp mô tả Brahman:
 - Phương pháp khẳng định (Affirmative Method): Brahman là mặt trời, là mặt trăng, là không gian, là trí, là khí, là thần chủ trì trong các hiện tượng thiên nhiên.
 - Phương pháp phủ định: (Negative Method): Neti, Neti, không phải vậy, không phải vậy.
 - Phương pháp mâu thuẫn (Paradoxical Method): Brahman vừa to, vừa nhỏ, vừa xa, vừa gần, vừa tĩnh, vừa động...
 - Phương pháp ngâm miệng, làm thính: Lặng thính, vì Brahman bất khả tư nghị.
- D. Upanishads chủ trương vũ trụ cũng như con người, đều từ một Nguyên Thể phóng phát, sinh xuất ra.
 - Vạn hữu này đã từ Bất Tử xuất sinh,
 - Như tơ nhện nhả ra từ lòng nhện,
 - Như cây cối từ đất đai xuất hiện,
 - Như tóc lông từ thân xác trở ra,
 - Như tia lửa, phát từ đám lửa chói loà.

Ngàn muôn tia, vẫn lửa hồng không chi khác.
Vạn hữu tuy ngàn muôn sai khác,
Đều từ lòng Bất Tử xuất sinh,
Rồi lại về đó khi hết giai trình biến hoá... [9]

Atman, Chân Ngã lúc nào cũng tiềm ẩn sẵn trong con người, chẳng khác nào như BỐ vẫn tiềm ẩn sẵn trong SỮA. [10]

Đó chính là **Chủ Trương Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể**.

E. Con người có nhiều tầng lớp, nhưng cốt lõi vẫn là Chân Ngã Atman vô đối.

F. Như vậy trong chúng ta, có 2 con người:

-Con người hữu hạn, sinh tử, khổ đau.

-Con người, vô hạn, bất biến, thường lạc.

Và hai thứ hiểu biết:

- **Huệ (Intuition), và Trí (Intellect).**

G. Upanishads dạy con người cố gắng tìm cho ra Chân Ngã, Chân Thể ấy. Thế là Trí Trí, là Cái Biết cùng Tột. Nó cũng dạy ta tu luyện để thực hiện Chân Thể ấy. (Yoga).

H. Upanishads coi nhẹ lễ nghi, hình thức, và tin có Luân Hồi, Nghiệp Báo.

I. Upanishads là tinh hoa của Veda. Và vì nó là phần sau chót trong bộ Veda, nên còn được gọi là Vedanta. (Vedanta sau này cũng còn là tiếng để chỉ môn phái triết học của Samkara, hay Nhất Nguyên Tuyệt Đối Luận.)

Upanishads như vậy chứa đựng một Mật Giáo.

Bí mật huyền diệu này, trước kia không được truyền cho ai ngoài đệ tử, ngoài con cái, cũng không được truyền cho kẻ nào mà lòng chưa định tĩnh. [11]

Anquetil Duperron là người đầu tiên dịch Upanishad từ tiếng Ba Tư sang tiếng Latinh năm 1775, và cho xuất bản sách năm 1801-1802. **Anquetil toát lược Upanishads bằng 1 câu bất hủ như sau: “Ai biết Chúa, sẽ trở thành Chúa.”** [12]

Schopenhauer, đại triết gia Đức, sau khi đọc bản dịch trên đã hết lời xưng tụng. Ông nói:

“Hàng, hàng lời lẽ đều cao đẹp, câu câu tư tưởng rất cao siêu, toàn sách tràn ngập 1 tinh thần cao siêu, thánh thiện, đứng đắn...Trong cả thế giới này, không có cái học nào cao siêu hơn, lợi ích hơn là cái học Oupanikhat (trừ bản văn nguyên thủy ra). Oupanikhat là nguồn yên ủi tôi khi sống và là nguồn yên ủi tôi khi chết...” [13]

Giáo Sư Deussen, giáo sư triết học Đại Học Kiel rất sung sướng vì đã khảo sát xong Upanishads và Vedanta. Ông thấy chúng rất lý thú. Trong 1 bài diễn văn tại Bombay Branch of The Royal Asiatic Society, trước khi từ giả Ấn Độ, ông nói: *“Vedanta, nếu dịch cho đứng đắn, sẽ bảo vệ luân lý, sẽ yên ủi ta khi sống và khi chết. Dân Ấn hãy giữ lấy nó.”* [14]

C. BHAGAVAD GITA.

Bhagavad Gita là một tập sách nhỏ gồm 18 chương, rút từ thiên Anh Hùng Ca Mahabharatha của đạo sĩ Vyasa, ghi những lời lẽ của thần Krishna, hiện thân của thần Vishnu, đối thoại với vương tử Arjuna.

Về phương diện đạo giáo, **Bhagavad Gita chủ trương bao dung, phổ độ.**

Thực vậy, trong khi Upanishad thiên về chủ trương Nhất Nguyên Vô Ngã, thì Bhagavad Gita chủ trương Thượng đế vừa Vô Ngã, vừa Hữu Ngã. Upanishad đề cao Giác Ngộ như là một phương tiện giải thoát, thì Bhagavad Gita cho rằng con người có thể giải thoát bằng:

- Giác Ngộ.
- Lòng sốt mẩn, kính thờ.
- Hành động vô cầu.

Bhagavad Gita dung hoà mọi khuynh hướng đạo giáo, tu trì của Ấn Độ Giáo:

- Không chê phương pháp lễ nghi, trì tụng của Veda.
- Chủ trương Thượng đế vừa Vô Ngã như Upanishad, vừa Hữu Ngã.
- Vừa chủ trương Thiên Địa Vạn Vật Nhất thể, nhưng cũng không chê Chủ trương Vũ Trụ Nhị Nguyên của triết học Samkhya (Purusha -Prakriti tinh thần và vật chất đều hằng cửu.)

-Dung hoà Samkhya với Yoga, đồng thời đề cao phương pháp tu trì của Yoga. Chính vì thái độ bao dung, cởi mở đó mà Bhavagad Gita được mọi tầng lớp mến yêu, xung tụng.

Swami Pavitrananda viết: “*Chỉ cần thay tên Khrishna bằng chữ Thượng Đế, là tác phẩm Gita sẽ trở thành cuốn thánh kinh của nhân loại.*” ^[15]

Ước gì 2 bộ Upanishad và Bhadgavad Gita được dịch ra tiếng Việt, và được nhiều người tìm đọc. **Hiện ở Việt Nam có bản dịch 3 Upanishads Isha, Kena và Mundaka và bản dịch Bhagavad Gita của Thạch Trung Giả.**

CHÚ THÍCH

^[1] Charles S. Braden, *Les Livres Sacrés de l'Humanité*, Payot, Paris, 1955, tr. 79-81.

Hoàng Sĩ Quý, *Triết Sử Ấn Độ I*, tr. 102-103.

Hoàng Sâm Hoa, *Ấn Độ Triết Học Sử Cương*, Chân Thiện Mỹ xuất bản, 1966, tr. 17)

^[2] Charles S. Braden, *Les livres Sacrés de l'humanité*, p. 86.

^[3] Dịch từ *Hymns of the Atris* (Arya, II, 45-47, và 97-112).

Xem J. Herbert, *La Spiritualité Hindoue*, p. 294).

^[4] Rhadakhrisnan, *Indian Philosophy I*, p. 116.

^[5] Radhakrishnan, *Indian Philosophy I*, p. 131

[6] *Như trên*. I, p. 134.

[7] *Như trên*. I. p. 135-136.

[8] *Taitt. Up.* II, 5 -*Taitt. Up.* Baysa, Sankara II, 1.

Heinrich Zimmer, *Les Philosophies de L'Inde*, p. 136.

[9] *Mundaka Up.* I, 1, 7.-*Brihad-Upa.* 2.1.20-*The thirteen Principal Upanishads*, Robert Ernest Hume, Second Edition Revised, 1887, p. 31, p. 22, p. 37, p. 39 etc...

[10] *Mundaka Up.* I, 1, 7.-*Brihad-Upa.* 2.1.20-*The thirteen Principal Upanishads*, Robert Ernest Hume, Second Edition Revised, 1887, p. 31, p. 22, p. 37, p. 39 etc...

[11] *Mundaka Up.* I, 1, 7.-*Brihad-Upa.* 2.1.20-*The thirteen Principal Upanishads*, Robert Ernest Hume, Second Edition Revised, 1887, p. 31, p. 22, p. 37, p. 39 etc...¹¹ With the illustration at hand of a man awaking from sleep, that into which one goes to sleep and from which one wakes again. The conclusion is: "As a spider might come out with his thread, as small sparks come forth from fire, even so from this Soul come forth all vital energies, all worlds, all gods, all beings. The Mystic meaning (upanishad) thereof is "The REAL of the real".

The thirteen Principal Upanishads, Robert Ernest Hume, 1887, p. 18.

[12] *Maitri Up.* VI, 29 -*Svet. Up.* VI, 22.13. In the title to his Latin translation 'Oupnekhat', Anquetil Duperron set this sentence as the summary of the contents of the Upanishads : '**Quisquis Deum intelligit, Deus fit**' '**Whoever knows God, becomes God.**'

[13] How does every line display its firm, definite and throughout harmonious meaning. From every sentence deep, original, and sublime thoughts arise, and the whole is pervaded by a high and holy and earnest spirit...In the whole world, there is no study except that the original, so beneficial and so elevating as that of the Oupanikhat. It has been the solace of my life, it will be the solace of my death..."

Dasgupta Surendranath, *A History of Indian Philosophy*, London Cambridge University Press, Vol I, 1922, p. 40.

Robert Ernest Hume, *The Thirteen Principal Upanishads*. 1887, p. 3-4.

[14] Robert Ernest Hume, *The Thirteen Principal Upanishads*, p. 4.

[15] *Enseignement de la Gita*, France-Asie No 14, Saigon Novembre, 1949.

Lê Xuân Khoa, *Nhập môn triết học Ấn Độ*, tr. 172.

CHƯƠNG IV

CÁC MÔN PHÁI TRIẾT HỌC ẤN ĐỘ GIÁO

Triết học Ấn Độ có:

6 chính phái (Orthodox systems).

3 biệt phái (Heterodox systems)

6 chính phái.

Gọi là chính phái vì đều công nhận:

- Giá trị của Veda.
- Xã hội được chia làm 4 giai cấp.
- Đời người có 4 giai đoạn.
- Đời người có 4 mục tiêu:
 - Công danh, tài lợi.
 - Tình ái.
 - Sống một đời sống hân hoan.
 - Tìm cầu giải thoát.

Có 6 chính phái (khoảng từ thế kỷ 2 đến thế kỷ 5)

- NYASA: Nhân minh luận (Chính luận).
- VAICESIKA: Thắng luận (Vệ thế sư luận, Tỷ thế sư luận).
- SAMKHYA: Số luận.
- YOGA: Du Già Luận.**
- MIMAMSA: Thanh thường trú luận.
- VEDANTA: Thánh kinh huyền nghĩa luận.**

3 Biệt phái:

Gọi là Biệt phái vì:

- Không chấp nhận Hoá Công, tách biệt khỏi vũ trụ, tạo nên vũ trụ.
- Không công nhận giá trị của Veda.
- Không chấp nhận lễ nghi, kinh kệ.
- Không chấp nhận lối phân chia giai cấp.

3 Biệt Phái là:

- Triết học Duy Vật Carvaka.
- Kỳ Na Giáo (Jainism).**
- Phật giáo (Buddhism).

Trừ phái Duy Vật Carvaka ra, ta thấy triết học Ấn Độ (Phật, Ấn, Kỳ Na) có những điểm tương đồng sau đây:

- Vũ trụ này được chi phối bởi những định luật vĩnh cửu.
- Đạo nào cũng chủ trương không nên mê luyện ngoại cảnh gian trần.
- Chủ trương sống cho hân hoan.
- Cần tu luyện để thoát vòng luân hồi, nghiệp chướng.

SÁU CHÍNH PHÁI.

6 Chính Phái đều đề cao sự hiểu biết, vì chỉ có sự hiểu biết mới khai phóng được con người, và giúp con người thoát mê lầm, giác ngộ, giải thoát.

1. Nyaya (Nhân minh luận, chính luận phái):

Nyaya dạy cách suy luận, hiểu biết cho đúng đắn, hẳn hoi. Nó tương đương với Luận Lý Học (Logic) Tây Phương.

2. Vaicesika (Thắng luận phái):

Vaicesika khảo sát về các yếu tố, cấu tạo nên vũ trụ hữu hình. Người ta thường gọi phái này là Nguyên Tử Đa Nguyên Phái. Gọi là Đa Nguyên vì Kanada, người sáng lập ra môn phái cho rằng vũ trụ này đã do 9 yếu tố vĩnh cửu sáng tạo nên. 9 yếu tố đó là:

Địa (đất), thuỷ (nước), hoả (lửa), phong (khí), không (thái hư), thời (thời gian), phương (không gian), Thần (Thượng Đế và các hồn thiêng. Thực ra, môn phái này, thoát đầu chỉ chấp nhận có các hồn thiêng vô số kể, nhưng không chấp nhận có Thượng Đế. Ý niệm Thượng Đế dần dà mới được thêm vào.)^[1] Cuối cùng là Ý (cơ quan suy tưởng, mana, organ of thought).

Chín yếu tố đó vĩnh cửu, như vậy đối với Vaicesika, vũ trụ này là thật chứ không phải là giả.

Vaicesika tức là Nguyên Tử Luận của Âu Châu.

Tóm lại phái Vaicesika chủ trương:

- Vũ trụ này được cấu tạo bằng 9 yếu tố vĩnh cửu.
- Các nguyên tố ấy hợp thì thành vũ trụ, tan thì huỷ vũ trụ.
- Các linh hồn vĩnh cửu.
- Thượng đế (nếu có) thì chỉ điều khiển cho các nguyên tố ấy ly hợp cho phải phép, chỉ trông coi cho các duyên nghiệp được hoạt động đúng đắn, chứ không tạo nên các nguyên tố, cũng như không dựng nên các linh hồn.
- Muốn giải thoát khổ đau, phải biết cho đúng, hành cho phải, và rũ sạch duyên nghiệp.

3. Samkhya.

Samkhya bàn về các yếu tố cấu tạo nên các thể giới tinh thần và vật chất, và phân biệt 2 bình diện vũ trụ:

- Một bình diện hiện tượng của Prakriti.
- Một bình diện siêu việt của Purusa.

Sáng lập viên là Kapila.

Vaicesika là **Đa Nguyên Vô Thần Luận**, còn Samkhya là **Nhị Nguyên Vô Thần Luận**, hay **Nhị Nguyên Nhị Thập Tam Đế Luận**.

Tại sao Samkhya là vô thần? Thưa vì không đề cập đến Thượng Đế trong học thuyết.

Tại sao gọi là Nhị Nguyên? Thưa vì chủ trương vạn hữu này đã được tạo dựng nên từ 2 Nguyên Lý Vĩnh Cửu. Đó là:

Purusa = Thần Ngã.

Prakriti = Tự Tính.

Thần Ngã là những linh hồn cá thể (nhiều vô số), không trực tiếp tạo thành vũ trụ.

Prakriti thực ra không đơn thuần, nhưng gồm có 3 hợp chất, ba tính:

- Tuệ Tính (Sattva) (khinh thanh, vi tế, quang minh).
- Động tính (Rajas) (Động tính, hoạt lực, năng lực).
- Hôn Tính (Tamas) (Trọng trọc, thô thiển, hôn ám)

Nếu ba tính đó (Gunas) ở thể quân bình, thì Prakriti ở trạng thái tĩnh, lúc ấy không có vũ trụ.

Nếu ba tính đó mất quân bình, tác dụng lẫn nhau, thì Prakriti dần dần sinh thêm 23 yếu tố mới, đi từ tế vi, đến trọng trọc, thô thiển để tạo thành vũ trụ.

23 yếu tố mới hay Nhị Thập Tam đế là:

1. Purusa.
2. Đại hay Giác (Mahat, Buddhi)
3. Ngã mãn, ngã chấp (Ahamkara)
4. Ý Căn (Mana)
- 5-9 Ngũ Tri Căn (5 Buddhindryas): Nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý.
- 10-14 Ngũ tác căn (5 Kormendrya): Thiệt, thủ, túc, cơ quan sinh dục, cơ quan bài tiết.
- 15-19 Ngũ Duy (5 Tanmatras) là: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc.
- 20-24 Ngũ Đại (5 Mahabhutas) là: Không, phong, hoả, thuỷ, địa.

Ngũ tri căn, ngũ tác căn thuộc nội giới.

Ngũ duy, ngũ đại thuộc ngoại giới.

Theo Samkhya, thì con người được phác hoạ như sau:

A. Purusa: Phần thần, vĩnh cửu, bất biến

B. Phần Nhân Tâm gồm:

- Giác (Buddhi).
- Ngã mạn (Ahamkara).
- Mana
- Ngũ tri căn + Ngũ tác căn.

Phần Nhân Tâm này còn được gọi là **Tế Thân (subtil body)**, hay **phần Hồn (Soul)** theo từ ngữ Âu Châu, hay **Hồn Phách** theo từ ngữ Trung Hoa.

C. Phần Xác (Thô Thân, Nhục Thể) tương ứng với **Ngũ Đại**.

Tóm lại:

-Giác, Ngã Mạn, Ngũ Tri Căn, Ngũ Tác Căn, Ngũ Duy, Ngũ Đại hợp lại thành Nhị Thập Tam Đế, do Prakriti biến hiện ra. **Chúng tạo thành toàn thể hiện tượng biến thiên.**

-Như vậy, Luân Hồi là khi Tam Tính (3 gunas) loạn động, tạo duyên, tạo nghiệp, làm ta luẩn quẩn trong vòng hiện tượng biến thiên. **Chỉ có Phần Nhân Tâm bị Luân Hồi; phần Thần không bị Luân Hồi.**

-Buddhi là Giác, nhưng Giác được là nhờ ảnh hưởng Purusha. Giác này nếu thuần là Sattva, thì sẽ tĩnh lặng, trong trẻo. Nhưng nếu bị Rajas (Động tính) Tamas (trọng

tính, hôn tính) pha phách, trộn lộn vào, sẽ làm cho loạn động, ám hôn. Tu trì là cốt gột rửa cho Buddhi khỏi mọi hôn ám, định tĩnh cho buddhi được hết loạn động.

-Giải thoát là khi tam tính quân bình, Thần Ngã (Purusha) tách rời khỏi Tự Tính (Prakriti), khỏi Buddhi.

Samkhya chủ trương Nhị Nguyên chẳng khác nào Trung Hoa chủ trương ÂM DƯƠNG tạo thành Vũ trụ.

Tam Tính (3 Gunas) cũng giúp ta hiểu thuyết Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân Trung Hoa.

Nó giúp ta trông rõ đâu là Thần, đâu là Hôn, cái gì là Tế Thân, cái gì là Tho Thân V. V...

Bồ Đề (Buddhi) của Samkhya tương ứng với Bồ Đề Tâm của Phật Giáo.

Mạt Na (Ý Căn) là Mạt Na thức của Phật giáo.

Ngũ Tri Căn (Nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý) sau này được Phật Giáo gọi là Ngũ Căn.

Ngũ Đại sau này Phật Giáo gọi là Ngũ Cảnh, hay Ngũ Trần.

Phái Samkhya có nhiều điểm tương đồng với Phật Giáo, ví dụ:

-Coi cuộc sống là khổ đau.

-Không trọng lễ nghi, hình thức.

-Không tin có Thượng đế chủ trì, chủ trương như Veda.

-Tin vũ trụ biến thiên.

-Coi hành hạ xác thân quá lễ là vô lý. ^[2]

4. Yoga (Du già phái).

Do Patanjali sáng lập.

Yoga áp dụng các khám phá của Samkhya vào công cuộc tu thân, và dạy con người cách thức chế ngự xác thân, tâm chí, để vượt từ bình diện hiện tượng lên tới bình diện siêu việt. ^[3]

Yoga phái, ngoài nhị thập ngũ đế (như Samkhya), còn tin có Thượng Đế mà họ gọi là Isvara.

Yoga phái chủ trương rằng Thần Ngã (Purusha) bị giam cầm trong màng lưới xe bằng ba sợi dây Tam Tính (Gunas: Sattva, Raja, Tama) của Prakriti, bị giam trong vòng tâm tư, xác thân, ngoại cảnh.

Mục đích của Yoga là làm sao cho Thần Ngã thoát khỏi những mối dây phiền trược đó.

Như vậy, muốn giải thoát, trước hết phải xác tín rằng trong thân mình, có Thần Ngã Cao Cả, Vĩnh Cửu, Trường Tồn, Khinh Khoát, Thanh Thoi, Tự Tại.

Sau đó, phải biết những phương pháp, để chế ngự xác thân, chế ngự tâm tư, định thân, phát huệ.

Khi đạt tới trạng thái xuất thần (Thần thoát khỏi sự vẩn vương Tâm và Cảnh), con người sẽ đạt tới cảnh giới THẦN LINH, SIÊU VIỆT, HUYỀN DIỆU, đồng thời

cũng thoát khỏi những khuôn sáo lý luận thông thường, gác bỏ mọi thị phi, thiện ác, để sống hồn nhiên, tiêu sái, thanh thản.

Trước hết Yoga nhận định rằng: Sở dĩ con người không được tự do, tự tại, thoải mái vì **không nhận ra Chân Tướng, Chân Thể của mình**. Khi ấy, Tâm Thần bị mê hoặc (Blundered), loạn động (turbulent), tản mát (dissipated), bị ngoại cảnh trói buộc, tù túng.

- Loạn động, mê hoặc chính là vì Tam cách, Tam Đức (Gunas) trong con người mất quân bình. Raja, Tama quá nhiều, bức bách Sattva.
- Mê hoặc bởi ngoại cảnh, cho nên **không nhận ra được Thần Ngã nơi mình**.
- Tâm hồn bị tán mạn, phiền trước vì:
 - Vô minh (ngu dốt) : (Avidya).
 - Chấp Ngã (Asmita) : lấy tiểu ngã làm trọng.
 - Ái (Raja) : Yêu sắc tướng bên ngoài (Attraction).
 - Ó (Dvesa): Ghét sắc tướng bên ngoài (Repulsion)
 - Ham sống (Adhinivra)

Yoga còn đưa ra 8 phương pháp sau đây để diệt trừ phiền trước, thanh tâm, tĩnh trí, điều thân, mà người Trung Hoa dịch là Bát Chi Hành Pháp, mà tôi dịch là Bát Đại huyền Công.

Bát Đại Huyền Công là:

1. Ngũ Giới (Yama):

Không sát sinh, không trộm đạo, không tà dâm, không nói dối, không tham lam.

2. Ngũ luật (Niyama), Năm điều khuyên:

- Sạch sẽ thể xác (Sauca), Thanh tịnh.
- Tri túc (Samtosa = Contenment).
- Khổ luyện, tu luyện để gia tăng nội lực (Tapas).
- Học tụng (Svadyaya). Học tập, trì tụng Veda.
- Kính mến Thượng đế (devotion to God): Isvara-Pranidhana.

3. Toạ pháp (Asana) Posture:

Thực hành ít tư thế ngồi để định thân.

4. Điều tức (Respiration control).

Điều hoà hơi thở.

5. Chế cảm (Withdrawal of senses organs from the objects): Lục căn thu nhiếp, để tâm thần khỏi bị ngoại cảnh khuấy nhiễu.

6. Chấp trì = Bất động tâm (Fixation of thoughts): Chuyên tâm, chú ý về một vấn đề gì, hay về một điểm gì trong ngoài con người.

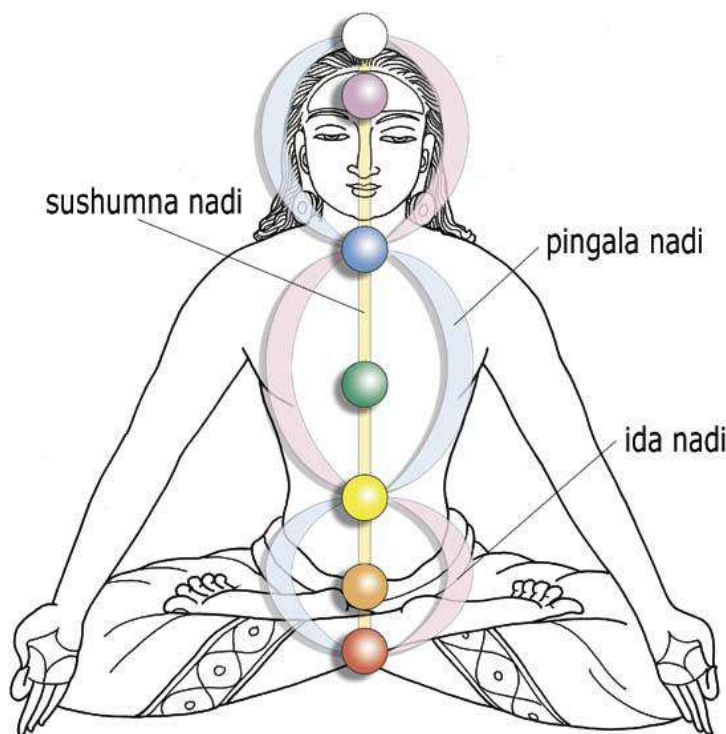
7. Tĩnh lực (Dyana = Meditation): Thiên na, thiên định, quán tưởng, tham thiền.

Tĩnh thân càng ngày càng tập trung, càng ngày càng định tĩnh.

8. **Đẳng trì** (Xuất thần = Samadhi): Chỉ quán, Tam muội, Tam ma địa, định huệ, thiền định.

Thần hoàn toàn được tập trung và thoát ly khỏi vòng kiềm toả của **thân tâm**.

Về phương diện Sinh Lý Học, Yoga đã hết sức chú trọng đến:



-Xương Sống, đến Tuỷ Xương Sống, nhất là đến đường kinh chạy qua Tuỷ Xương Sống (Sudhuma Nadi).

-Đường kinh chạy qua tuỷ xương sống được gọi là Brahma nadi = Con đường dẫn tới Tuyệt Đối Thể. ^[4]

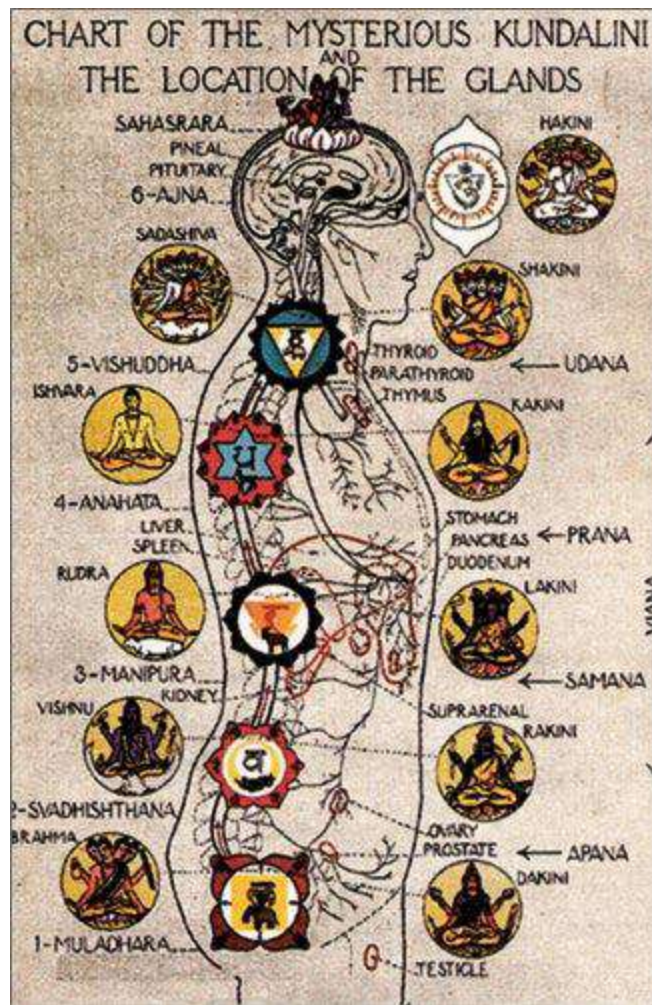
-Cuối xương sống (huyết Vĩ Lư) được gọi là Cánh Cửa của Brahma (Brahmadvara: Brahma gate, la porte de Brahma ^[5]

-Chung quanh tuỷ sống có 2 đường thần kinh Âm Dương, Ida (Dương) và Pingala (Âm) quấn quanh.

-Đường thần kinh giữa tuỷ sống lên cho tới Luân Xa Sahasrara (Não thất Ba = Third Ventricle). Sahasrara, hay bông hoa sen nghìn cánh, chính là nơi mà nhà đạo sĩ Yogi sống kết hợp với Thượng Đế. ^[6]

Thóp nơi đỉnh đầu được gọi là Thượng Đế Huyết (Trou de Brahman, Brahma's cave = Brahmarandhra) ^[7]

Từ Xương Cụt cuối xương sống, lên tới Não thất Ba, có tất cả bảy Luân Xa chính. **Luân Xa là những tụ điểm của Chân Khí qui tụ về để vào tuỷ xương sống.** ^[8]



Nhà Đạo Sĩ Yogi, phải biết cách vận chân khí qua tuỷ xương sống, để đưa lên đỉnh não. Âu Châu, Ấn Độ gọi là Đánh thức Con Hoả Xà, Trung Hoa gọi là **Đả Thông Nhâm Đốc**. ^[9]

7 Xa Luân đó có vị trí, hình dáng, và tên gọi như sau:

1. **Muladhara** (Soutien de la Base, bulbe de la Base; *Mula* means root, *adhara* support.) Nó tương ứng với **Thổ Đại**. Có hình hoa sen 4 cánh. Nó ở cuối xương sống, tương ứng với huyết Vĩ Lư Trung Hoa).



2. **Svadhishthana** (Siège de Soi; *Sva* means “that which is its self; which belong to which self”, and *Dhistanana* means “its actual place”. Hình bông sen 6 cánh. Giữa đốt xương cùng và thắt lưng. Tương ứng với **Thủy Đại**, và huyết Khí Hải.



3. **Manipura** (Abondance de joyau; city of jewels), hình bông sen 10 cánh. Tương ứng với **Hoả Đại**, tương ứng với huyết Trung Uyên.



4. **Anahata** (intact; unbeater). Hình sen 12 cánh. Ngang Tim. Tương ứng với **Khí Đại**, và Huyết Chiên Trung.



5. **Visuddha** (le purifié à la gorge; pure). Hình bông sen 16 cánh. Ngang cổ. Tương ứng với **Không Đại** và huyết Thiên Đột.

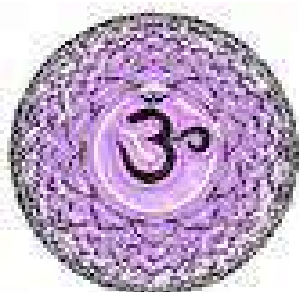


6. **Ajna** (commandement au palais; command). Hình bông sen hai cánh. Giữa trán. Tương ứng với **Thức Đại** và Huyết Ấn Đường.



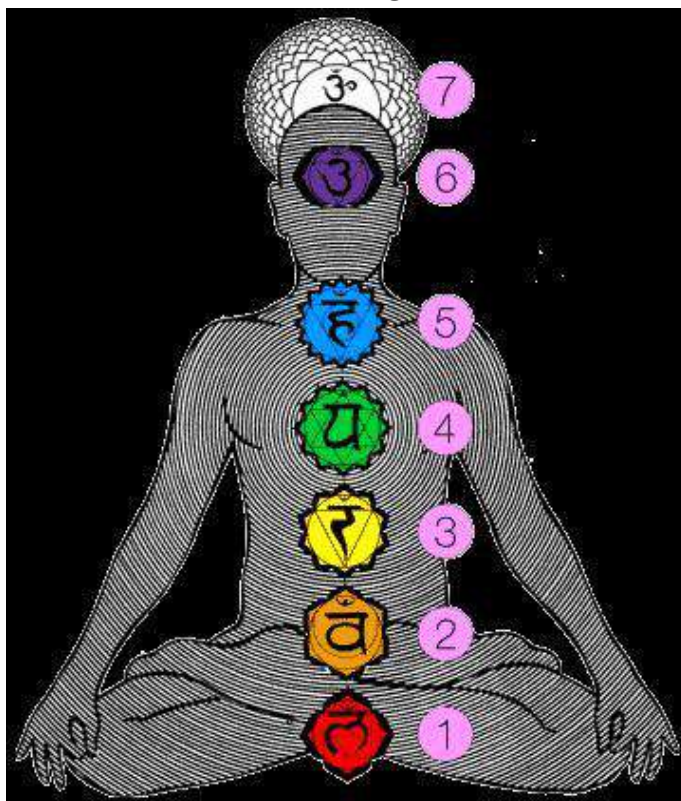
Sáu huyệt trên tổng cộng có 50 cánh sen. Mỗi cánh có một chữ trong mẫu âm tiếng Phạn. Như vậy gồm đủ các mẫu âm.

7. **Sahasrara** (mille pétales; Thousand -petaled lotus). Hình bông sen nghìn cánh. Khoảng Não Thất Ba, giữa các xoang não). Đó chính là **Nê Hoàn Cung của Đạo Lão**. Sahasrara tương ứng với Kiến Đại.



Bông sen nghìn cánh là tượng trưng cho óc não con người. Mà Luân Xa này nằm ở giữa bông sen nghìn cánh. Đó chính là nơi **Thần Trời và Thần người kết hợp**, như đã đề cập tới ở trên. **Và 1000 cánh sen tức là gấp 20 lần tổng số cánh sen của sáu Luân Xa trước ($20 \times 50 = 1000$).**^[10]

7 Chakras trên, xếp từ dưới lên trên, theo tỉ trọng từ nặng đến nhẹ, từ trọng trọc đến khinh thanh. Đất > Nước > Lửa > Khí > Không > Thức > Kiến. Thật là khéo léo.



Về phương diện đạo giáo, Yoga có thể được coi như là đường đưa tới **Phối Thiên, kết hợp với Thượng Đế**, hay là con đường **tìm lại Bản Thể Thần Minh của Con Người**, qua các tầng lớp Thân, Tâm ...

Như vậy, Giải Thoát, đối với Yoga, chính là:

Sống phối kết với Thượng Đế, hay là sự Thoát Ly của Thần Ngã nơi con người, ra khỏi sự phiền phức, ám chướng của vật thể, của Tâm, Thân, nói tóm lại của màng lưới tam tài Prakriti...

Yoga áp dụng các định luật tự nhiên vào công cuộc tu thân.

Người thường thì Hướng Ngoại, tâm thần bị ngoại vật làm hôn mê, ô trọc, tán loạn, động dao.

Đạo sĩ Yogi thì Hướng Nội, tâm thần thoát khỏi vòng kiềm toả của ngoại cảnh, thanh sáng, định tĩnh, tĩnh lặng...

Yoga muốn phát huy con người toàn diện, nên có nhiều hình thức Yoga:

A. Hatha Yoga: Phương pháp điều hoà **thân xác**.

B. Laya Yoga: Phương pháp điều hoà **tâm tư**.

C. Raya Yoga: Phương pháp tập trung **thần trí**.

Tóm lại, muốn phát huy con người toàn diện, phải biết định thân, điều khí, giữ gìn thân xác khoẻ mạnh, tâm hồn thanh sáng, tinh thần khinh khoái.

Yoga chỉ cho ta con đường giải thoát và hạnh phúc, đó là sống phối kết với Thượng Đế, hay sống bằng Thần Ngã.

Yoga là thủy tổ của Thiền Tông. Các tư thế ngồi Thiền, cách điều tức, định Thân của Yoga, Thiền Tông đều lấy.

Chữ Dhyana (tĩnh lự) sau này được Phật Học Tự Điển dịch là Thiền Na, Thiền Định, Quán Tưởng, Toạ Thiền.

Phép vận chân khí qua tuỷ xương sống của Yoga rất giống với phương pháp vận chân khí qua mạch Nhâm, Đốc của Đạo Lão.

Yoga cho rằng nơi Xa Luân Sahasrara (Nê hoàn cung) là nơi Trời, Người phối kết, thì Đạo Lão cũng chủ trương y thức như vậy.

Nhập Dược Kính, đạo Lão có thơ:

**Nê hoàn nhất khiêu đạt Thiên Môn,
Trực thượng Hư Hoàng, Ngọc Đế Tôn.
Thử thị Chân Nhân lai vãng lộ,
Thời thời khoá hạc khứ triều nguyên.**

Nhập dược Kính, tr. 108.

Dịch:

*Nê Hoàn một khiêu đạt Thiên Môn,
Thẳng tới Hư Hoàng, Ngọc Đế Tôn.
Ấy chính Chân Nhân lai vãng lộ,
Thời thời cười hạc để triều nguyên.*

Yoga chủ trương thu nhiếp, định tĩnh, thì Đạo cũng chủ trương y thức như vậy. Và khi giảng về Đạo Lão, tôi thường nhắc đến bài thơ sau:

**Hướng tiên, Thần tự, đồng Vô Cực,
Kim tán, trần ai mãn thế đồ,**

**Dục qui Chính Vị Hoàng Trung Lý,
Nê Hoàn vạn vụng, tốc hồi qui.
Đạo Học Cầu Chân, Chương X.**

Dịch:

*Xưa kia, Thần tụ đồng Vô Cực,
Nay tán: trần ai mãi thế đồ,
Muốn về Nguyên Vị, Hoàng Trung Lý,
Nê hoàn, vạn tượng kịp hồi qui.*

Có so sánh như vậy ta mới thấy lẽ Nhất Quán của các đạo giáo.

5. Mimamsa (thanh thường trụ phái)

Mimamsa do Jamini sáng lập. Mimamsa có mục đích:

A. Giải thích, bảo vệ Veda.

B. Giải thích, tìm hiểu vi ý của lễ nghi trong Veda.

C. Tìm tòi những **định luật nhân sinh** đã được Veda đề cập tới.

D. Cho rằng tiếng Sanscrit dùng để viết nên Veda đã được phát sinh từ những âm thanh vĩnh cửu của Bản Thể từ muôn thuở phát ra, vì thế những lời chú trong Veda có một huyền lực đặc biệt. Chính vì chủ trương này mà Mimamsa được gọi là phái Thanh (Thanh Âm) Thường Trụ (Vĩnh Cửu).

E. Chủ trương muốn được giải thoát, phải làm những gì Veda dạy làm, lánh những gì mà Veda cấm.

G. Giải thoát là lên đến cảnh giới Thần Linh.

Cố gắng của Mimamsa là **đi tìm những định luật tự nhiên** chi phối các hành vi con người, qua các lễ nghi, phong tục, cũng y thức như cố gắng của Đạo Nho, trong công cuộc đi tìm các lễ nghi. **Mà Lễ chính ra đối với Đạo Nho cũng như Mimamsa, cần phải là những hoạt động lý tưởng, những đường lối lý tưởng, mà con người phải theo, phải giữ, để mà tinh tiến.**

Không biết định luật đất trời thì làm sao mà biết tu trì tinh tiến?

Trời đất đã được chi phối bởi những định luật vĩnh cửu mà hai định luật lớn nhất là VẮNG (TÁN = PRAVITI) và LAI (TỰ = NIVRITI).

Có biết đi vào con đường Lai, mới đi vào được con đường giải thoát.

Mimamsa gọi những định luật vĩnh cửu đó là Dharma.

Dharma chính là vòng tuần hoàn của vũ trụ. Nó có chiều đi ra và chiều đi vô. Chiều đi ra là chiều phát tán sinh hoá ra muôn vật, chiều đi vô, mới là chiều qui nguyên, phản bản, sinh Thánh, sinh Thần. Đi theo chiều ra và chiều vô chính là theo định luật trời đất. Nhưng đi theo được chiều vô cho tới kỳ cùng, **là Tham Tán Tài Thành cùng Trời Đất.** Theo Dharma, như vậy là sẽ tìm thấy hạnh phúc chân thực. Xin đọc thật kỹ lời chú giải sau đây, sẽ hiểu rõ Dharma. ^[11]

Hiểu Mimamsa là một cố gắng đi tìm định luật của đất trời là vạch ra cho nhân quần hiện tại và mai hậu một con đường lớn để khoa học hoá đạo giáo...

6. Vedanta.

Phái này chủ trương phát huy tinh hoa và huyền nghĩa của Veda và Upanishads.

Phái này vạch rõ đích điểm (Anta: cùng đích) của Veda, là **tìm hiểu về Brahman, bản tính của Brahman, nhờ đó đạt tới Brahman và được giải thoát.**

Theo phái này, thì chỉ có Brahman hay Atman là thực thể duy nhất; còn tâm tư, tiểu ngã, vũ trụ biến thiên bên ngoài, chỉ là những áo, những vỏ bên ngoài, hay nói một cách mạnh mẽ hơn, chỉ là những phóng ảnh, hay ảo ảnh (Maya) của Brahman mà thôi.

Brahman hay Atman được che lấp nơi con người bằng 5 lần vỏ:

1.Vỏ ngoài cùng là Vỏ Thức Ăn (Annamayakoca. Anna = thức ăn; Maya = làm bằng; Koca = vỏ).

2.Vỏ Sinh khí (Pranamayakoca. Prava= Sinh Khí.)

3.Vỏ Tâm Tư (Manamayakoca. Mana= Tâm trí.)

4.Vỏ Trí Tuệ (Vijnanamayakoca. Vinana= Trí Tuệ)

5.Vỏ hạnh phúc (Anandamayakoca. Ananda = hạnh phúc).

Trong cùng là Đại Ngã nằm khuất sau bức màn Vô Minh (Avidya).^[12]

Vedanta cũng còn phân biệt nơi con người;

A. Atman hay Brahman, Ngã Tuyệt đối, Bất biến, Hằng cửu nơi con người (Absolute Self, Metaphysical subject).

Atman ở trong con người, Brahman ở ngoài con người. Nhưng 2 đấng là một. Nên ta viết Atman=Brahman.

Atman hay Brahman vừa là căn cốt, vừa là Bản Thể con người, vừa là bản thể vạn hữu. Ngài là đấng chứng giám (Witness self).

B. Jiva hay Nhân tâm, gồm thất tình, lục dục. Đó là con người tâm tư (Psychological Self), con người hoạt động, thụ hưởng (Active and enjoying individual), biến thiên tương đối.^[13]

Như vậy càng đi ra bên ngoài, thì càng ngày càng đi xa Atman. Càng tiến sâu vào nội tâm, thì càng gần tới Atman. **Giải thoát là đạt tới Atman nội tại.**

Cũng một lẽ, vũ trụ này chẳng qua là do một Căn Nguyên Duy Nhất, Brahman vô ngã phát sinh, biến hoá ra. Chính vì thế mà vũ trụ này được coi là một hiến tế (sacrifice) vĩ đại, mà chủ tế và lễ hiến dâng đều là Brahman. (Trong cuộc tế lễ, vật hi sinh tế thần, đã được cắt chặt ra để dâng thần, thì **trong cuộc tạo dựng, Brahman chính đã như phân thân, xả thân để phóng phát, xuất sinh ra vũ trụ, vì thế vũ trụ được coi như là một cuộc hiến tế.**)

Brahman căn nguyên vũ trụ thời siêu không gian, thời gian. Còn vũ trụ hữu hình này thì nằm trong không gian, thời gian, và định luật nhân quả.

Vedanta đại cương là như vậy, và ta thấy Vedanta phản ánh lại thuyết Thiên Địa vạn vật đồng nhất Thể với các cách suy luận, các phương thức áp dụng của nó vào công cuộc tìm hiểu vũ trụ và con người. **Nhất Thể Tán Vạn Thù là phương trình tạo dựng. Vạn Thù Qui Nhất Thể là phương trình giải thoát.** Đó là Đạt Đạo của Vedanta và Upanishads.

Tuy nhiên Vedanta không đồng nhất về chủ trương như ta tưởng. Có 4 môn phái với tư tưởng khác nhau ít nhiều:

a. **Sankara (788-820) chủ trương Nhất Nguyên Thuần Tuý, hay Nhất Nguyên Vô Biệt (Monisme Absolu).** Đó chính là thuần tuý chủ trương Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể của Upanishads, mà Gaudapada khoảng năm 600 đã bắt đầu xiển minh, chủ xướng. Ấn Độ gọi thuyết này là Advaita.

Nếu như vậy, thì Brahman hoàn toàn đơn thuần, không có gì phân biệt nơi Brahman, mà cũng không có gì ở ngoài Brahman. Cho nên sự vật, con người, vũ trụ, vạn hữu, xét cho cùng chỉ là ảo ảnh giả tạo, chỉ khác nhau ở chỗ hình danh, sắc tướng.

Đối với Sankara, giải thoát là đồng nhất với Brahman, không còn cái tiểu ngã nhỏ nhoi nữa.

Theo tôi, chủ trương của Sankara là cao siêu và hay nhất. Sankara là một người đắc đạo sớm nhất. Trên 10 tuổi đã đi giảng đạo...

b. **Ramanuja (1017-1137) chủ trương; Cục hạn Nhất Nguyên.** Nghĩa là Brahma tuy là nhất thể, tuy thể hiện trong lòng vạn hữu, nhưng tâm hồn con người, vạn hữu chỉ là ngoại thân của Thượng Đế, của Brahman. Và như vậy, tâm hồn con người cũng như vạn vật vừa đồng nhất, vừa khác biệt với Brahman.

Khi giải thoát, linh hồn sẽ được bản tính Chúa làm bản tính mình, nhưng không tan biến hoàn toàn vào Chúa. Tóm lại, lúc ấy tuy được kết hợp với Chúa nhưng cái Ta vẫn còn.

c. **Madhava chủ trương Chúa, Hồn, Chất hoàn toàn khác biệt. Thế là ông chủ xướng Tam Nguyên.**

Chủ thuyết của Ông là Duy Phân: Theo đó thì các hồn và vạn vật đều phân biệt với Chúa và với nhau. Tất cả đều có **Bản Thể riêng biệt, nhưng đều dựa vào Chúa.**

d. **Vallaba (1481-1553) cho rằng: Chỉ có Chúa là viên mãn, còn vạn hữu đều bất toàn.** Chúa thì gồm đủ Chân (sat), tri (cid), hạnh (ananda). Vật chất chỉ có Sat; con người chỉ có Sat, Cid.

BA BIỆT PHÁI.

Sau khi đã trình bày sáu Chính Phái, đáng lẽ phải trình bày luôn cả Ba Biệt Phái là Carvaka, Kỳ Na giáo và Phật giáo. Nhưng vì chương VI sách này sẽ dài giòng trình bày về Phật giáo, nên nơi đây chỉ nói sơ lược về Carvaka và Kỳ Na giáo mà thôi.

A. Phái Carvaka (Duy Vật).

Chủ thuyết của phái này là Lokayata. Chỉ có vũ trụ này mà thôi (Loka); ngoài ra không còn gì khác. Phái này không tin có lai sinh, cho rằng con người biết được là nhờ tri giác (perception), còn suy luận thì không có giá trị.

Cơ cấu rất ráo của Vũ Trụ này là Tứ Đại: Thủy, Hoả, Khí, Địa.

Hồn con người chỉ là những biến hoá do các nguyên tố này tạo nên, khi kết hợp với nhau. Cho nên, khi các nguyên tử này chia lìa nhau, thì hồn cũng tan biến. Học phái này chia làm 4 chi, tùy theo nhận định về linh hồn.

-Chi thì cho rằng: Hồn chỉ có xác, có trí khôn.

- Chi thì cho rằng: Hồn là Giác quan.
- Chi thì cho rằng: Hồn là hơi thở.
- Chi thì cho rằng: Hồn là cơ quan suy tư.

Đối với phái này, thì Thượng Đế, đạo giáo, tự do, trường sinh, bất tử chỉ là ảo tưởng vu vơ, tính con người chẳng tốt cũng chẳng xấu. Sống ở đời cốt sao thoát khổ và được sung sướng.

Dĩ nhiên là phái Carvaka cũng không tin rằng Veda là có giá trị. Đó cũng là chủ trương của Kỳ Na giáo và của Phật Giáo.

B. Kỳ Na Giáo (Jainism).

Giáo chủ là Mahavira.



Tượng Giáo Chủ Mahavira

Đối với Kỳ Na Giáo thì Mahavira là một trong 25 vị Tirthankara (Hướng Đạo nhân loại; Faiseuse de passage) đã có từ trước tới nay.

Mahavira không nhận có Thượng Thần nào làm chủ thể vũ trụ, cấm nói về Thần mình, cấm cầu xin, tế tự, kinh kệ.

Theo Kỳ Na Giáo, vũ trụ này là do một Đại thể Duy Nhất đã phóng phát ra từ muôn thừa, và Con Người Vũ Trụ ấy, Đại thể ấy với vũ trụ là Một, nên phi bác các quan niệm về sự khởi nguyên cũng như về chung cuộc của vũ trụ.

Quần sinh cũng là những cá thể thiêng liêng (monade) nằm trong những vỏ tế vi, bị duyên nghiệp chi phối.

Tuỳ theo làm lành hay làm dữ, mà cái vỏ tế vi của mỗi người đổi màu: Trắng, vàng, hay hồng, đỏ thẫm, xám, xanh thẫm, đen.

Càng trong trẻo thì càng khinh thanh, và càng nổi lên cao trong thân đại vũ trụ. Càng đen dùi, thì càng trọng trọc, và càng sa xuống các tầng lớp dưới trong thân hình đại vũ trụ.

Vũ trụ này chẳng qua là một lò cừ để vạn vật tự thanh lọc mình để đi từ thô đến tinh. Giải thoát là thoát số kiếp con người, trở thành thần mình, trở về với Bản Thể Nguyên Thủy, thanh cao, thuần túy của mình.

Mỗi hành vi con người lập tức có ảnh hưởng đến vi thể, không cần là có ý hay không có ý. Ví dụ, một tu sĩ ăn nhầm phải một miếng thịt, thì lập tức vi thể bao quanh nguyên thể bị ô uế, không cứ là phải minh tri, cố phạm. Gosala, một triết gia Kỳ Na Giáo đã có lần chủ trương muôn loài trước khi được giải thoát đều phải trải qua 84.000 kiếp, từ vật đến thần, và tu trì hay không tu trì không ảnh hưởng gì hết.

Tuy nhiên Kỳ Na Giáo vẫn tin rằng tu trì có thể được giải thoát mau hơn. Một tu sĩ Kỳ Na Giáo phải khổ hạnh, khiêm nhường, không làm hại ai, không thù oán ai. Kỳ Na Giáo tin rằng vạn hữu, từ đất, nước, cỏ, cây, hoa, lá, đến muôn chim, đến con người, tất cả đều sống động, và như vậy, người tu sĩ phải hết sức tránh không được giết hại hay quấy nhiễu sinh linh, để tránh làm cho vạn vật tổn thương; thở thì thở qua miếng vải thưa, có té xuống sông, cũng không được vùng vẫy, mà cứ nằm cho nước đưa dần vào bờ. **Tu sĩ Jain đi đâu cũng đem theo một cây chổi để quét đất trước khi tiến bước. Như vậy, để tránh khỏi phải dẫm vào những sinh vật ở dưới chân. Đồ đạc họ cũng được sơn bóng, để dễ nhìn thấy những sinh vật bò ở trên.**

Mahavira đã kích sự chia xã hội thành nhiều giai cấp.

Ai muốn tu trì, thì được nhận vào đoàn thể tăng lữ, sống chung với nhau.

Mahavira cho rằng phụ nữ là căn do mọi tội lỗi trong xã hội. Tuy nhiên, ông cũng chấp nhận cho họ đi tu, và sống trong những đoàn thể ni lữ.

Tam Bảo của Kỳ Na Giáo là Tri Thức (Knowledge), Thành Tín (Faith) Chính Hạnh (Right Behavior). Tam Bảo ấy sẽ dẫn đến giải thoát. Giải thoát cũng được gọi là Moksha, hay Nirvana, là trạng thái hạnh phúc, mà tâm hồn con người đạt được, khi thoát khỏi mọi tiền oan, nghiệp chướng.

Jain nghĩa là Kẻ Chiến thắng (Người đã chiến thắng mọi dục vọng). Họ cho rằng Đạo họ mới là chân đạo. Còn Ba La Môn đã đánh mất phần tinh hoa của Chân Đạo. Họ cũng cho rằng Đạo họ mới là Đạo có từ muôn thuở. Họ chủ trương không bạo động, không dùng vũ lực, (Ahimsa), không bao giờ giết hại sinh linh. **Một sinh vật nào, dù hèn mọn đến đâu, cũng giá trị như một con người cao quý nhất.** Họ trường chay. Moksha như vậy không phải là nhập thể với Brahman, vì họ không tin có Brahman. Đạo Jainism thật ra cũng rất cao si

CHÚ THÍCH

[1] Radhakrishnan, *Indian Philosophy*, vol. II, p. 226.

*Notes 1 & 2 là của phái Samkhya.

[2] Heinrich Zimmer, *Les Philosophies de L'Inde*, p. 262

*Notes 1 & 2 là của phái Samkhya.

[3] Le terme Yoga désigne donc ces exercices physiques et psychiques utilisés pour découvrir l'essence intime de l'homme, qui est le Suprême.

Arthur Avalon, *La Puissance du Serpent*, p. 179.

... Et c'est pour cette raison que l'homme est accaparé par le monde, et leurré par Maya, **prend son corps et son petit moi pour son Soi réel**; ainsi tourne la roue de la vie en son cycle sans fin de naissances et de morts...

Như trên. p. 236.

**The universe consisting of both the decaying
And undecaying states,
the manifested and the unmanifested forms,
is held by the Lord of the universe (God)
it is He Himself,
who for enjoying His own creation,
imprisons himself in every being.
He again after knowing his own true self,
frees himself from all fetters
(of this mortal world)**

Upanishads for All, p. 89.

Keith Sherwood, *Chakra therapy, for personal Growth and Healing*, Llewellyn Publications, St Paul Minnesota 55164-0383, USA, P. 129.

[4] Brahma nadi -the path toward the Supreme Being.

Swami Vishnu Devananda, *The Completed illustrated Book of Yoga*, Pocket Book, N. Y. p. 326.

[5] Arthur Avalon (Sir John Woodroffe), *La puissance du Serpent*, (the Serpent Power) Lyon , Paul Derain, 128, rue Vauban, 1959, p. 114

[6] Sahasrara Chakra-thousand petal lotus; the symbolic expression of the highest Center in the brain, wherein the Yogi attains union between his individual self and God.

The Complete illustrated Book of Yoga, p. 249, 266, 274, 325, 327, 330, 408.

[7] Renou, *l'Inde Classique*, t. II, p. 160-161.

[8] Cakhras = Carrefours des souffles où ils convergent et sont canalisés dans le Susuma.

Renou et Fillozat, *L'Inde Antique*, T. II, pp.160-161.

[9] A yogi tries his levels best to make his Prana or Vital Air flow in the Susuma.

The complete illustrated book of Yoga, p. 326.

...Réveil de la Kundalini:

La méthode consiste à réveiller le serpent, à le faire passer de cercle en cercle (c'est le Satcakraveda). **Le brisement des six cercles poussé par le souffle vers la fontanelle.** Des moyens préliminaires sont mis en oeuvre, enseigné par le Yoga: pression exercée sur le ventre, blocage des souffles dans le corps par obstruction des orifices et compression. L'élévation de température produite éveille le Kundalini, l'attire vers le haut, en montant elle résorbe les éléments de chaque cercle (layakrama: processus de résorption) qu'elle émettra en redescendant (srstikrama: processus d'émission). Le rite s'appelle Kundaliyoga ou Layayoga: Yoga de résorption. On dit aussi: Crividya "Science sacrée", une forme réduite symbolique est la Bhuthacuddhi.

Renou et Fillozat, L'Inde Classique, t. II, p. 599.

[10] Renou, ***L'Inde Classique***, t. II, p. 160-161.

La puissance du Serpent, phần phụ lục.

... By awakening the AJNA center, a person has achieved wholeness through the process of psychospiritual integration. He has transcended fear, identified himself as the I AM, and experienced unconditional joy. His development is not complete because although he knows himself in his multiplicity, his experience of self is still differentiated from the All. There is still duality. The final step which is the merging of a person's personal energy field with the universal field (the merging of the I Am with the All), only takes place when the thousand-petaled lotus blossoms and the Kundalini arrives and fully awakens Sahasrara.

Subject, object and God

The Inspirer of the Both

All three are (formed in) Brahma

And nothing but Brahma.

**Knowing this, one should try to realize HIM in
one's own Being.**

Nothing remains to be known after this.

Keith Sherwood, *Chakra Therapy*, 1965, Llewellyn Publications, St Paul, Minnesota 55164-0383, USA, p. 155.

Upanishads for All, *Svetasvararopanishad* 12, p. 91.

..Aum -may all the parts of my body,

My eyes, ears, speech and life, all the strength

Of my senses get nourishment in Him.

All beings are actually Brahma...

The Upanishads.

Keith Sherwood, *Chakra Therapy*, p. 103.

[11] Le mot Dharma qui comprend à la fois la morale et la religion, mais possède aussi des significations plus étendues, vient de la racine **Dhri** “soutenir” et c’est donc à la fois le soutien et l’action de soutenir. L’univers est soutenu (Dharyate) par le Dharma et le Seigneur qui est son Soutien Suprême est incarné dans la loi éternelle et il est la Béatitude qu’assure l’accomplissement de celle-ci. Dharma est donc la loi qui gouverne l’évolution universelle, ou Voie de la Sortie (Pravritti), et l’involution, ou Voie de Retour (Nivritti). Et seuls peuvent atteindre à la délivrance à laquelle conduit la seconde Voie, ceux qui par leur fidélité à Dharma collaborent à l’accomplissement du dessein universel. C’est la raison de cette belle parole:” Faire le Bien aux autres, est le devoir suprême” ...

(Arthur Avalon, *la Puissance du Serpent*, p. 184).

...Cette grandiose conception du Dharma englobe donc sous ce nom toutes ces lois (dont la “religion” ne représente qu’une) qui maintiennent la cohésion de l’univers . C’est la loi inhérente à tout être manifesté. Ainsi c’est la Loi de la Forme , dont l’essence est au-delà de Dharma et d’Adharma. Comme la douleur suit l’acte mauvais, le Vaisheshita Dharshana décrit Dharma comme “ce par quoi l’on obtient le bonheur en ce monde et dans l’autre, et met un terme aux naissances et aux souffrances (Mokshadharma)”.

La Puissance du Serpent, p. 184, note 455.

[12] *Taitt. Up. Bhasya của Sankara II, 1; Taitt. Up. II, 1.5; Chandogya Up. VIII, 7, 2.*

Heinrich Zimmer, Les Philosophies de L’Inde, p. 326.

D’après un résumé introductoire cette doctrine présentée de manière pertinente, dans le Vedantasara, par le moine Sadananda, au XVème siècle, le Soi se dissimule sous cinq enveloppes, cinq couches psychosomatique superposées.

La première, la plus substantielle, s’appelle Annamayakoca; “l’enveloppe (koca) faite (maya) de nourriture (anna). C’est naturellement **Le Corps Grossier** et son univers de matière grossière. Elle correspond au plan de la conscience éveillée, décrite dans la Mundukya Up.

La seconde enveloppe, Pranamayakoca, “L’enveloppe faite des forces vitales (prana” et la **troisième Manamayakoca**, “l’enveloppe faite de l’esprit (et des sens) (manas)”, en même temps que la **Quatrième Vijnamayakoca** “L’enveloppe faite d’intelligence” (Vijnana), **composent le Corps Subtil qui correspond au plan de la conscience de Rêve**, tandis que la **Cinquième, Anandamayakoca. “l’enveloppe faite de félicité” (Anandâ), qui répond au plan du sommeil profond**, décrit dans la Mandukya Up. forme ce qu’on appelle **le Corps Causal**.

C’est un très sombre et très profond revêtement d’ignorance (Avidya), gaine intérieure fondamentale, de tout le monde créé. C’est seulement, quand on l’aura arrachée qu’on connaîtra le Soi -ce Silence serein au delà de la syllabe AUM, qui du point de vue du Vedanta, non dualiste de Sankara, est la seule activité, la seule réalité. Enveloppé des cinq gaines, écrit Cankara, dans son

Vivekacudamani, produites par son propre pouvoir, le Soi ne se montre pas comme l’eau dans un étang recouvert de masses interrompu de roseaux (produites par

son propre pouvoir). Mais quand le roseau a été écarté complètement, l'eau claire devient visible à l'homme, elle allège les souffrances de la soif et confère le bonheur au plus haut degré.

La nescience (avidya), la 'faiseuse' (maya) de roseaux, n'est pas un simple manque d'intuition, un principe négatif, c'est aussi un pouvoir positif (cakti) qui projette ou produit l'illusion du monde et des cinq gaines. Dans sa fonction négative, la nescience cache le Soi, "tout comme un pan de nuage cache le soleil", mais dans sa capacité positive, elle donne naissance à la multiplicité du cosmos, submergeant toutes nos facultés de jugements, excitant nos sens et nos pouvoirs mentaux, nos passions de désir et de dégoût, de crainte, d'accomplissement et de désespoir, causant la souffrance et fascinant notre conscience troublée, stupide, avec des inanités transitoires de jouissances.

Zimmer, *Les Philosophies de L'Inde*, p. 326-327.

[13] Radhakrishnan, *Indian Philosophy*, II, p.601-603.

CHƯƠNG V

TINH HOA BÀ LA MÔN GIÁO



Veda là Upanishads chứa đựng tất cả những điều chúng ta cần biết về Thiên Đạo, về Đại Đạo. Cho nên nói về Tinh Hoa Bà La Môn giáo, tức là nói đến Tinh Hoa Veda và Upanishads, mà nói đến Tinh Hoa Veda và Upanishads là nói đến Tinh Hoa Thiên Đạo, Đại Đạo.

Bà La Môn giáo, về phương diện Đại Đạo, được xây dựng trên Nhất Thể Brahman, tức là trên thuyết:

Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể,

Nhất Thể Tán Vạn Thù; Vạn thù Qui Nhất Thể.

Linh Mục Hoàng Sĩ Quý, trong quyển *Triết Sử Ấn Độ* của Ông, đã nhận định: “ Có điều là, dù khác nhau đến đâu, thì các Upanishads cũng có chung một số điểm chính yếu. Đó là:

- Nhất Nguyên Thuyết.
- Tên Nhất Nguyên: Brahman-Atman.
- Mục đích nhằm: Giải Thoát.
- Đường dẫn tới mục đích: Minh Minh Trí (Jnana) [1].

Tất cả các quan niệm chính yếu nói trên của Upanishads và Veda sau này đã được môn phái Triết Học Vedanta làm sống động lại. Và người đại diện lỗi lạc của môn phái là Samkara (778-820) đã toát lược bằng mấy chữ **Nhất Nguyên Thuần Tuý (Absolute Monism)**.

Brahman, Nhất Nguyên Thuần Tuý, Căn Nguyên Vũ Trụ là Thực Thể Duy Nhất, Bất Khả Phân, tràn ngập vũ trụ.

Vũ trụ hữu hình này, chẳng qua là do Brahman, tán phân, phóng phát ra, theo trình tự từ Vô Tướng, đến Hữu Tướng; từ Khinh thanh, đến trọng trọc; từ Vi Tế đến Thô Thiển, Hiển Lộ.^[2]

Nếu dùng lời lẽ Huyền Thoại, thì ta sẽ kể vũ trụ này là do thượng thần Purusa phân thân mình ra để mà tạo dựng nên.^[3]

Nếu dùng cung cách ví von, so sánh, thì Veda và Upanishads cho rằng vũ trụ này đã từ lòng Brahman sinh ra, phóng phát ra, chẳng khác nào:

- Tơ nhện từ lòng nhện sinh ra,
- Cây cối từ lòng đất sinh ra,
- Lông tóc từ thân thể sinh ra,
- Tàn lửa từ lửa sinh ra.^[4]

Nhưng sự tạo dựng không phải lập tức đã Tinh Toàn, Hoàn Thiện, vì Phóng Phát, Tán Phân sẽ đưa tới Thác Loạn, Tử Vong cho nên Thượng Đế (Prajapati), theo sách **Brahmanas**, đã dựng nên Lễ Nghi để củng cố lại vũ trụ, và mang lại trật tự, chính danh, định phận lại muôn vật.^[5]

Như vậy, **con người có bốn phận lật ngược lại thể cờ, hoặc là để tìm lại cái gì đã mất mát, tản lạc đi, theo Brahmanas, hoặc là phải siêu lên trên Hình, Thức, Sắc Tướng để trở về với Atman căn nguyên của mình, theo môn phái Vedanta.**^[6]

Nói cách khác, nếu Brahman đã dùng phương thức Phóng Phát, Tán Phân, để tạo thành vũ trụ hình, danh, sắc, tướng bên ngoài, và tâm tình, trí lự, tứ chi, bá hải, nơi con người, thì **muốn tìm lại được Brahman, phải biết siêu việt lên trên, hay phá tan** những lớp vỏ, áo, hình, danh, sắc, tướng, vỏ, áo hiện tượng bên ngoài, **vỏ, áo xác thân, tâm tình, trí lự bên ngoài, thì mới trở về được với Brahman, Căn Nguyên vũ trụ.**

-Phóng Phát, Tán Phân để tạo thành vũ trụ đó là Nhất Thể Tán Vạn Thù.

-Tập trung thần trí, để băng qua các lớp lang hiện tượng, cả nội giới lẫn ngoại giới, để trở về Nguyên Thể Brahman. Đó là Vạn Thù Qui Nhất Thể.^[7]

Có lấy học thuyết Nhất Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù Qui Nhất Bản làm cơ sở suy luận, ta mới tìm ra được các định luật vĩnh cửu chi phối mọi cuộc biến thiên trong hoàn vũ, nhân quần. Những Định Luật Vĩnh Cửu ấy Ấn Giáo gọi là Rita hay Dharma. Xin đan cử ít nhiều định luật:

-Định luật Tự tán, Vãng lai, Phản phục, Xuất (Evolution), Nhập (Involution).

-Định luật Loạn động sinh Hôn Trầm.

-Định luật Định Tĩnh sinh Tuệ Giác v.v...

Yoga đã áp dụng những định luật ấy vào công cuộc tu trì, giải thoát. Đối với Ấn Giáo, **Hướng Ngoại, Xuất Cơ (Evolution) là ra đi đến tản mạn, thác loạn, tử vong. Hướng nội, Nhập cơ (Involution) mới là chiều hướng Giải thoát.**^[8]

Về phương diện con người, Ấn Độ Giáo đã cố gắng hết sức để tìm hiểu và chủ trương đại khái rằng: Con người có nhiều lớp áo vỏ (Poka, Upadhi), **nhưng căn cốt bên trong vẫn là Atman, là Brahman duy nhất, bất khả phân.**

Con người tuy sống trên nhiều bình diện khác nhau, trong nhiều trạng huống khác nhau, **nhưng căn cơ, thực chất vẫn là Atman, là Brahman tuyệt đối.**

Nếu ta vẽ một hình tròn để tượng trưng con người, thì:

A. Tâm Điểm sẽ là Atman, là Chân Tâm, hằng cửu bất biến.

Còn các tầng lớp bên ngoài như:

B. Giác, Đại (Buddhi) sẽ là Nguyên Thân (Causal Body).

C. Ngã mạn, Ý căn (manas), thập căn (Ngũ tri căn + Ngũ tác căn) là Tế Thân (Subtil Body, psychical Body) (gồm: Vô Trí, Tâm, Khí) . Đó là Phàm Tâm (Vọng Ngã, Tiểu Ngã)

D. Xác thân Thô Thân, Nhục Thể) (Gồm Ngũ Duy, Ngũ Đại).

Khi chết, xác thân sẽ tan rã, Tế Thân, Nguyên Thân sẽ tùy nghiệp luân hồi.

Con người có thoát Phàm Tâm, mới mong giải thoát.

Cho nên, Buddhi, nếu theo chiều **hướng ngoại**, bị Raja (động), Tama (Hôn) khiên dẫn, sẽ bị Mê. Còn khi biết tập trung, biết **hướng nội**, mà rũ bỏ được các trạng thái hôn trầm, thác loạn, sẽ trở thành Giác. Lúc ấy, Buddhi sẽ là con thuyền Bát Nhã (nói theo tiếng Nhà Phật sau này), giúp ta sang bờ bên kia, sang bến bờ Giải Thoát.

Xác thân chúng ta với ngũ quan, tiếp xúc với Ngũ Đại (Không, Thủy, Hoả, Phong, Địa) sẽ làm cho chúng ta bị ngoại cảnh phiền trực.^[9]

Các tầng lớp bên ngoài từ Buddhi (Nguyên Thân) trở ra cho đến Nhục Thể, cho đến Ngũ Duy, Ngũ Đại, tức là **các Hiện Tượng ngoại giới, đều ở trong vòng:**

Hình danh, sắc tướng (Nama-rupa)

Luân hồi (Samsara)

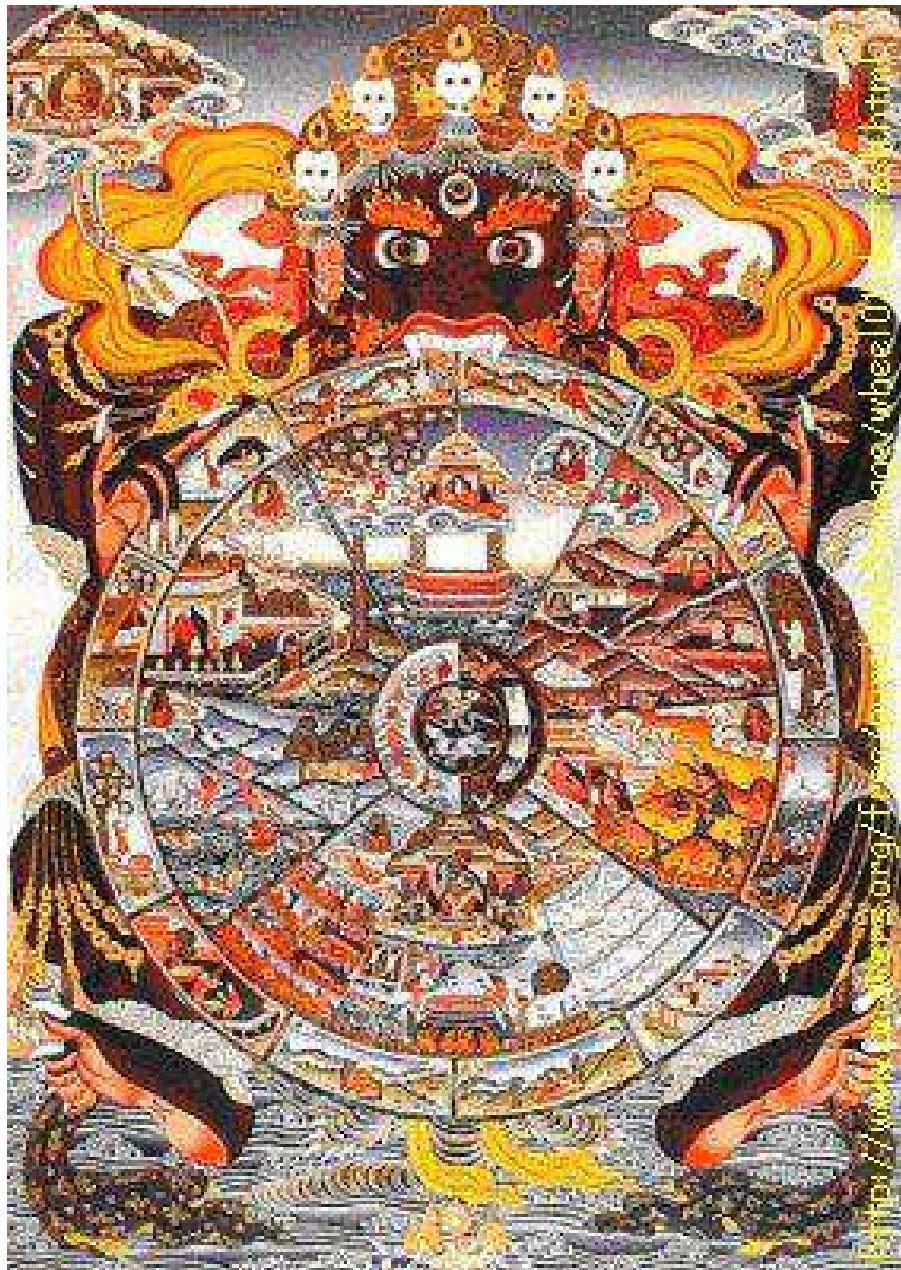
Vòng phiền trực của Tam Tài (3 gunas: Sattva, Raja, Tama)

Mê (Avidya, Maya).

Hí trường (Lila) của Tạo Hoá.

Và đó chính là vòng Biến Thiên, Sinh Tử.

Sau đây là ít nhiều quan niệm then chốt giúp ta trong công trình: Tầm đạo, Tu Đạo, Đạt Đạo.



1. Công thức:

Brahman = Atman.

Phạm Thiên = Tự Ngã.

Brahman.

Chúng ta bàn về Brahman trước, và Atman sau:

Brahman là Tuyệt Đối Thể, là Căn Nguyên sinh Thần, Thánh, Vạn Vật. [\[10\]](#)

Brahman duy nhất nhưng có nhiều danh hiệu:

Ngài là:

- **Đấng Bất Tử (The Imperishable). (*Brihah. Up.* 8. 8. 3. 9) Brahmanasti (RV 10. 2. 2)**
- **Visvakarman (Tạo hoá; The All maker) (RV 10. 61)**

- **Purusha (Chân Nhân) (RV 10.90)**
- **Prajapati (Chúa Tể Càn Khôn; Lord of Creatures)**
- **Hiranyagarbha (Kim đơn; Kim Nhân = Golden Germ) (RV 10. 121.**

1)

Brahman là đáng bất khả tư nghị, ^[11] nhưng các Upanishads vẫn cố hình dung, mô tả Ngài. ^[12]

Ngài quán thấu cả hai bề động, tĩnh của hoàn vũ, quán thấu cả 2 phương diện hằng cửu và thời gian, ^[13] cả 2 phần Thể Dụng của Vũ Trụ. ^[14]

Ngài là căn nguyên duy nhất của muôn loài.

Cho nên mô tả Ngài, Áo Nghĩa Thư cùng toàn những từ ngữ tương phản.

Isa Up. viết:

*“Duy Nhất đứng, vẫn nhanh hơn thần trí,
Vẫn vượt xa, lướt trước các quan năng.
Dẫu muôn loài dong duỗi, cũng chẳng bằng,
Tuy là đứng, mà vẫn đi, đi rất lẹ”. ^[15]*

Isa viết tiếp:

*Chuyển vắn, mà chẳng chuyển vắn,
Tuy xa mà vẫn kề gần lạ sao,
Trong lòng muôn vật ẩn sâu,
Mà ngoài muôn vật, vẫn bao, vẫn trùm. ^[16]*

Ngài ở khắp nơi nhưng không tìm đâu ra đáng đáp:

*“Làm sao mà gặp được Ngài,
Trên cao, dưới thấp, trong ngoài, tìm đâu?
Dung quang, đáng đáp ngài sao?
Chỉ hay vinh hiển tối cao, tên Ngài.” ^[17]
“...Dung quang Ngài khó mà cầu,
Mắt trần sau trước thấy sao được Ngài.
Biết Ngài trong dạ mấy ai?
Tâm thần biết thế, muôn đời trường sinh.” ^[18]*

Trần gian tưởng hay biết Ngài mà thực ra đâu có biết, còn những người được diễm phúc biết Ngài, lại cảm tưởng mình chẳng biết, chẳng biết, chẳng hay.

*Tưởng biết Ngài, mà đâu có biết,
Ngờ không hay, mà thiệt đã hay.
Cố suy, mò mịt Đông Tây,
Ngờ rằng chẳng hiểu, hiểu ngay được Ngài. ^[19]*

Không có chi vĩ đại như Ngài, và Người nào hiểu thế sẽ thành người Hiền và đáng trọng nhất trong loài người. ^[20]

“Hồi thanh niên ưu tú, hãy khôn ngoan, dùng cung thần, lắp tên bắn ngã đã được mài nhọn bằng lòng sốt mến, kính thờ, hãy bắn đi với tất cả tâm trí, miệt mài, chăm ngắm vào Ngài, hãy bắn trúng đích, hãy bắn vào Đấng Vô Cùng.” [\[27\]](#)

Chuyển thơ:

Ngài là đích điểm phải coi,
Phải nhìn, phải ngắm, chớ lơì lòng vàng.
Thánh Thư là cánh cung dương,
Mũi tên Thần Trí ta mang lắp vào.
Bạn ơi ngắm đích đi nào,
Dương cung hãy ngắm trúng vào Thiên Tâm,
Oum là chính chiếc cung thần,
Mũi tên là Bạn, hồng tâm là Trời,
Hãy nhìn ngắm đích chớ lơì,
Như tên, bạn phóng vào Trời cho sâu.
Đáng làm trục cốt hoàn cầu,
Khí, Thần, trời đất trước sau nương nhờ.
Bạn ơi, đừng có nghi ngờ,
Đó là Chân Ngã, đó là chính anh.
Nhịp cầu bắc tới trường sinh,
Những lời vừa nói, bắc thành chẳng sai.
Quên đi tạp thuyết trên đời,
Chào mừng bạn đã là người quá giang.
Từ nay bến giác đã sang,
Bờ mê, nhìn lại mơ màng, âm u. [\[28\]](#)

4. Cho nên học vấn cao siêu nhất là học vấn để tìm ra đấng Vô Cùng:

Biết rằng trong dạ có Trời,
Rối ren, ngu muội tức thời tiêu tan... [\[29\]](#)

5. Công phu tu luyện siêu việt nhất là kết hiệp được với Atman, với Trời:

Từ nay âu đã thành Thần,
Từ nay mơ ước hồng trần tiêu tan.
Người phàm nay đã siêu phàm,
Lòng trần nay đã biến sang lòng Trời. [\[30\]](#)

6. Nhưng con đường tu luyện chẳng có dễ dàng:

Con đường tu luyện khó sao,
Như lưỡi dao bén nhẽ nào vượt qua. [\[31\]](#)

7. Vả lại, tìm ra được Atman, được Tuyệt đối Thể đâu phải chuyện dễ:

Chân Tâm học chẳng tìm ra,
Thông minh, uyên bác cũng là công toi,
Biết Trời, âu cũng duyên Trời,
Trời kia chỉ hiển cùng người hữu duyên. ^[32]

8. Tìm Tuyệt Đối Thể không phải là lia đời, không phải vào thâm sơn cùng cốc, vì Tuyệt đối Thể ở ngay trong lòng con người, ngay trong tâm khảm con người:

Chân Nhân nhỏ tựa ngón tay,
Nằm trong tâm khảm muôn loài thụ sinh,
Tâm thần, trí lự bao quanh,
Ai mà biết được trở thành Thần Tiên. ^[33]

9. Nhưng đâu là Tâm con người? Upanishad chỉ đường về Tâm như sau:

“Tâm người trăm linh một kinh,
Mà duy có một, Thượng Đình đi lên.
Cứ theo đường ấy mà men,
Rồi ra ắt được tới miền trường sinh. ^[34]

Như vậy, thì Tâm ấy ở trong đầu con người, nơi các giây thần kinh giao hội, hội tụ về:

Nơi nào mà mọi thần kinh,
Nhuơ đũa gặp trục trong vành bánh xe.
Nơi thần kinh hội tụ về,
Là nơi Tuyệt Đối chưa hề hoá Thân.
Cố tìm Tuyệt Đối, Chân Tâm,
Rồi ra sẽ thoát biển trần hôn mê.
Ngài là toàn giác, toàn tri,
Trần hoàn vinh hiển, ai bì, ai đương,
Ngài đương ngự giữa Thiên Đường ^[35]
Trời cao là chính Đế Hương của Ngài.
Chỉ huy thần trí trong ngoài,
Chính Ngài chi phối lòng người thường xuyên.
Biết Ngài những bậc Thánh Hiền,
Biết Ngài nhờ ánh tâm huyền phát huy. ^[36]

Tâm khảm ấy chính là Nê Hoàn Cung, là Não Thất Ba theo khoa học hiện đại. ^[37]

Upanishad còn viết:

Kìa xem trong chốn Thiên Đường,
Có cung nho nhỏ, nhỏ dường Liên Hoa,
Bên trong là một tiểu toà,

*Trong toà ai đó tìm ra mới tình...
Tuy là một khoảng tâm linh,
Nhưng mà Trời Đất trong mình gồm thâu.
Gồm thâu gió lửa, tinh cầu,
Hai vầng nhật nguyệt cũng đâu có ngoài.
Gồm thâu muôn sự trên đời,
Gồm thâu ngàn vạn khúc nhôi sự tình...* [\[38\]](#)

10. Đạt đạo sẽ là đạt tới Viên Mãn, không còn phải ước mơ, tìm hiểu chi nữa, vì viên mãn là lạc thú, viên mãn là trường sinh, viên mãn là bao quát vũ trụ. [\[39\]](#)

*Dạt đạo sẽ được hạnh phúc vô biên.
Chân tâm chủ tể muôn loài,
Thế thời duy nhất, hình thời ngàn muôn.
Biết Ngài ngự giữa tâm hồn,
Mới mong hạnh phúc trường tồn vô chung.
Biết Ngài bất biến, thung dung,
Lòng trong trời đất, lao lung chuyển vận.
Biết Ngài Thần giữa chúng thần,
Biết Ngài duy nhất, giữa quần sinh ban.
Bao niềm mơ ước chứa chan,
Biết Ngài phân phát cho toàn sinh linh.
Biết Ngài ngự giữa lòng mình,
Mới mong hạnh phúc, siêu sinh trường tồn.* [\[40\]](#)
Lòng không vương mắc tơ hào,

11. Đạt đạo sẽ tiến tới vô ngã, đại đồng.

*Kìa sông tới biển thời tiêu,
Hết danh, hết sắc, hết điều riêng tây.
Trở thành biển cả từ nay,
Gọi là biển cả mảy may, khác gì.
Con người, nhìn lại cũng y,
Khi “mười sáu bộ” đã qui về Ngài.
Còn đâu danh tướng lôi thôi,
Rời ra cũng chỉ là ngôi Chân Thần.
Thế là vĩnh cửu bất phân,
Chẳng còn bộ phận, còn thuần tinh hoa.
Đã điều qui tụ, hiệp hoà,
Nư đưa liền trục, ắt là Chân Nhân.*

Chân Nhân là chính Chân Thân,
Tử sinh thôi hết bận tâm lo lường.^[41]

12. Đạt đạo sẽ thành Brahma Thượng Đế.^[42]

Ai mà biết được Trời cao,
Rồi ra nên giống Trời nào, khác chi.
Gia đình không kể u mê,
Cháu con đều biết hướng về Brahma.
Sầu tình khinh khoát băng qua,
Băng qua tội lệ, khéo là làm sao.
Con người thể ấy ắt vào trường sinh.^[43]

13. Vòng Luân Hồi trong Áo Nghĩa Thư chẳng qua là thế giới vạn hữu, thế giới hiện tượng, trong đó con người như một lữ khách ruỗi rong; gần mục đích mà vẫn tưởng xa muôn vạn dặm; cùng dòng dõi với Hoá Công, mà vẫn ngỡ mình kém hèn, sa đoạ. Bước trên những hiện tượng ảo hoá, biến thiên ấy, con người sẽ tiến dần về Bản Thể, về Đại Đồng, và khi nhận được Hoá Công là chính Bản Thể mình, sẽ trở nên bất tử.^[44]

14. Ngoài ra Upanishads còn đưa ra một phương pháp diệt trừ Luân Hồi, Nghiệp Chương rất giản dị. Theo Áo Nghĩa Thư, nếu Luân Hồi, Nghiệp Chương phát sinh do tâm tưởng con người, do sự dính bén trần ai, tục lụy, thì diệt trừ mọi tâm tư, rũ bỏ mọi luyến ái, dục tình, sẽ được giải thoát.

Như lửa cháy, hết dầu sẽ tắt,
Tâm tưởng ta, lìa vật sẽ ngưng.
Tâm thần vắng lặng, không không,
Là vì đã ôi biết gia công tìm Trời.
Để ngu tặc^[45], tôi bời đưa đẩy,
Thời trần ai, xa xảy, lằm than,
Luân Hồi, Nghiệp Chương đa đoan,
Tâm tư ta tạo, tâm can ta bày.
Hãy cố gắng mà thay, mà đổi,
Kiếp Luân Hồi thoát khỏi, mới hay.
Cơ Trời ẩn áo khó bày,
Tưởng sao, thành vậy, xưa nay lẽ thường.
Giữ tâm khảm đừng vương tư tưởng,
Thời trần ai, nghiệp chương sẽ tan.^[46]
Lâng lâng vẹn sạch, tinh toàn,
Lòng trời vui hưởng muôn ngàn thanh thoi,
Để thanh sắc cuốn lôi, giăng mắc,

Thời tâm Thần dính chặt trần ai,
Một niềm gắn bó với Trời,
Dây oan dù mấy, thôi thời cũng tiêu.
Tâm thường có 2 chiều, 2 vẻ,
Vẻ phàm phu, và vẻ thanh cao.
Phàm phu, dục vọng dạt dào,
Thanh cao, thì chẳng xuyên xao tâm Thần.
Lòng cố giữ thập phần tỉnh lặng,
Đừng ù lì phá tán lòng ai.
Hoà đồng hiệp nhất với Trời,
Ấy là Tuyệt Đối trên đời mấy ai.
Lòng chớ để pha phôi lạc lõng,
Tội tình chi lóng ngóng đông tây,
Đáy lòng giải thoát là đây,
Giác minh vô tận ở ngay đáy lòng.
Hãy cố gắng tập trung thần trí,
Thời oan khiên, phiền lụy, tiêu tan.
Hoà đồng, phối hiệp Atman,
Ấy là hạnh phúc muôn ngàn tả sao.
Diễm tuyệt ấy lời nào tả xiết,
Chỉ tâm thần, mới biết, mới hay,
Nước kia, nước nọ hoà hài,
Lửa phừng trong lửa ai người biện phân...
Khí pha khí, ai lẫn manh mối,
Đã hiệp hoà khó nổi chia ly.
Tâm Thần mà nhập huyền vi,
Thời thôi trần cấu còn chi bận lòng.
Lẽ giải kết ở trong hoàn vũ,
Đều do Tâm, dây rợ mối manh.
Lụy là: Bám víu sự tình,
Tâm không lụy vật: đã đành thần tiên.^[47]

Tóm lại, tinh hoa Đạo học và Triết học Bà La Môn có thể toát lược như sau:

“...Áo Nghĩa Thư chủ trương mỗi cá nhân đều thông phần bản thể của Thượng Đế, nên có Tuyệt Đối Thể trong đáy lòng. Nó mạc khải cho mỗi tâm hồn biết: Chúa Tể trời đất, vũ trụ, đáng được đề cập tới trong kinh Veda, đáng ấy lại chính đồng bản thể và y thức như con người. Tat Tvam Asi, Đáng tối cao ấy, con chính là đáng tối cao ấy”.^[48]

Áo Nghĩa Thư bao hàm tất cả những sự suy nghiệm về Atman, về Chân Ngã, hay về Thực Tại, Thực Tướng, về “Chân chi Chân” theo định nghĩa của Atharva Veda.

Nói rõ hơn, Atman chính là cùng đích của một nền siêu hình học đi tìm Thượng Đế trong con người, và cuối cùng là tìm ra được Thượng đế, phối hợp, hoà đồng được với Thượng Đế. ^[49]

PHỤ LỤC CHỈ TÔN CA TRÍCH ĐIỂM.
(EXCERPTS FROM THE BHAGAVAD GITA).



A. CHÂN TÂM (THE SELF).

1. Chân tâm thời hằng cửu, bất hoại và vô lượng. Các hình hài của chân thể thời hữu hạn. ^[50]

2. Ngài vô thủy, vô chung, vô vãng, vô lai, tự hữu, trường sinh, vĩnh cửu, cổ sơ. Ngài chẳng bị giết, khi xác thân bị giết. ^[51]

3 Ngài được gọi là vô hình tích, bất khả tư nghị, bất khả biến dịch, cho nên biết Ngài là thể, bạn đừng còn lo buồn. ^[52]

B. ĐỜI ĐẠO HẠNH.

1. Hỡi Dhananjaya, hãy hoạt động, nhưng vẫn sống trong sự phối hợp với Thiên Chân, đừng còn tơ vương, dính bén, hãy bình thản, luôn trong thành công, cũng như trong thất bại. **Thung dung, bình thản ấy là Đạt Đạo.** ^[53]

2. Các thánh hiền, sống phối hợp với Chân Lý, nên hoạt động **không cầu mong lợi lộc, kết quả; và thoát ly khỏi vòng sinh tử, các Ngài sẽ lên toà Hạnh Phúc.** ^[54]

3. Khi thần trí con người hết bị lạc lõng vì kinh kệ, khi thần trí con định được vào sự chiêm ngưỡng [Atman], lúc ấy con sẽ Đạt Đạo, phối Thiên. ^[55]

4. Hỡi Partha, **khi một người rũ bỏ mọi dục vọng của tâm hồn và chỉ thoả mãn trong Chân Ngã bởi Chân Ngã, người ấy là người đã được định trí.**

...Người mà tâm trí được thanh thoi không lo sợ trong đau khổ; thanh thản, không bị lôi cuốn giữa các lạc thú; thoát vòng phiền trược của dục tình, của sợ hãi, của giận dữ, người ấy, được gọi là Thánh Hiền có định trí. ^[56]

5. **Kẻ rũ bỏ được mọi ước mơ, và tiến bước ung dung, không bị dục vọng chi phối, vô tư, vô ngã, kẻ ấy đi vào an lạc.**

Hỡi con của Pritha, đó là một trạng thái hằng cửu. Đạt tới đó, không còn bị huyễn hoặc nữa.

Ai mà ngay lúc chết vẫn còn ở trong trạng thái đó, sẽ vào Niết Bàn của Hằng Cửu. ^[57]

6. Người đạt Đạo, luôn luôn kết hợp với Chân Ngã, lòng trí hết lao lung, người đạt Đạo sẽ đạt tới An Lạc vô biên. Hạnh phúc ấy ở trong Ta (Thượng đế). ^[58]

7. Hỡi Krishna, tôi đã coi Ngài như Bạn,

Đã coi Ngài như Bạn hay rắc rối, tơ vương,

Ngài oai nghi, mà tôi cứ ngỡ tầm thường

Tôi sơ xuất, vì tôi đã yêu Ngài nhiều quá.

Tôi đùa cợt và đã tỏ ra sàm sỡ,

Khi chơi đùa, khi ăn uống, hoặc nghỉ ngơi.

Hoặc một mình, hoặc trước mặt bạn tôi.

Xin Duy Nhất thứ tha cho vì lầm lỡ.

Ngài là Cha sinh vũ trụ, sinh biến hằng vạn thừa,

Oai nghi Ngài, thiên hạ hỏi ai đương?

Quyền phép Ngài chấn động khắp muôn phương,

Trước mặt Ngài, bằng thể xác tôi, tôi cúi lạy.

Xin Ngài thương giáng phúc cho tràn lan, đầy rẫy,

Như Cha, Con, xin Ngài đối với tôi,

Như bằng hữu, như những kẻ yêu nhau ở trên đời,
Van xin Ngài, hãy đối với tôi như thế...^[59]

CHÚ THÍCH

[1] Hoàng Sĩ Quý, *Triết Sử Ấn Độ*, tr. 100.

[2] *Vô Hữu Tán Ca: Rig Veda X*, 1, 9. *Tạo Nhất Thiết Thần Ca: Rig Veda X*, 82; *Nguyên Nhân Tán Ca: Rig Veda X*, 90; *Yajur Veda*: VS XXXI và XXXII; *Atharvaveda* XIX, 6 và X, 2;

Hoàng Sĩ Quý, *Triết Sử Ấn Độ*, p. 102.

Revue de l'Histoire des Religions, p. 4,6, 69, PUF.

Hoàng Sĩ Quý, *Le Mythe Indien de l'Homme Cosmique dans son contexte culturel et dans son Évolution*, pp. 134, 135, 140, 141, 154.

Nguyễn Đăng Thục, *Lịch Sử Triết Học Đông Phương*, q. 3, các tr. 37, 38, 39.

[3] *Nguyên Nhân Tán Ca, Rig Veda X*, 90.

Hoàng Sĩ Quý, *Triết Sử Ấn Độ*, tr. 100.

[4] *Brihadaranyaka Up.* I, 1,7: *Mundaka Up.* 11.1,1.

[5] La création ne fut pourtant pas parfaite du premier coup. Par le même mouvement d'émanation et d'extension, elle tend à la dispersion, au désordre et à la mort. Prajapati dut alors créer des rites -thème brahmanique -pour consolider l'univers et mettre de l'ordre en toutes choses par l'attribution des noms et des formes précises.

Le Mythe Indien de l'homme cosmique par Hoàng Sĩ Quý, in *Revue de l'Histoire des Religions*, 4, 6, 69, PUF, p. 150.

[6] Tout comme L'Univers structuré, **l'autel** ne désigne que la partie manifestée du Créateur, il reste de lui une "partie perdue". La plus grande et l'essentielle, qu'on doit restaurer, par le sable répandu de tous côtés et en quantité indéfinie, pour que Prajapati soit restauré dans sa totalité et dans sa forme naturelle. Outre ce procédé, il en existe d'autres qui s'expriment comme un complément rituel par la récitation murmurée ou par le silence. Le Silence ne veut pas dire une interruption de la Parole sacrificielle, mais une intériorisation de cette Parole. Comme la Parole articulée représente la partie manifestée. Cette partie la plus grande et la plus fondamentale, dans les Brahmanas, devient en d'autres traditions, la partie transcendante du Purusa (Tel que dans RV. X, 90), l'Esprit, comme opposé à la Matière (Prakriti) (chez les Samkhyens), et la Réalité Unique, subsistant sous le Nom et la Forme (tel que le conçoit le Vedanta).

Hoàng Sĩ Quý, *Le mythe Indien de l'homme cosmique*, p. 151-152)

-thème brahmanique de l'agencement du monde, par le Nom et la Forme. C'est Le Nom et la Forme qui constitue chaque chose en elle-même, en tant que telle. La réaction mystique du Védanta réduira le Nom et la Forme (Nama-rupa) à l'illusion

(maya) et ne conservera que la Substance Transcendante (Atman) qui existe sous le Nom et la Forme.

ib. p. 150, note 2.

[7] Whether you look upon God, with the savage, as an Angry or Offended Man, or with the civilized, as a Merciful, and Compassionate Being, the Judge of all the earth, the Author and Controller of the world. It is a weak conception that cannot endure criticism. The Anthropomorphic Ideas must vanish. They give us **Substitutes** for God, but not the **true Living God**. We must believe in God, the Center of Life, and not his shadow as reflected in men's mind. God is the inexhaustible light surrounding us on all sides. Prano virat ("life is immense"). It includes Thoughts no less than Things. **The Same reveals Itself under different Aspects**. It is One, Uniform, Eternal, Necessary, Infinite and All-powerful. **From It, All flows out; to It, All returns.**

Radhakrishnan, Indian Philosophy, Tome I, p. 94.

[8] Dharma est donc la Loi qui gouverne l'Évolution Universelle, ou voie de la Sortie (Pravritti), et l'Involution ou voie du Retour (Nivritti). Et seuls peuvent atteindre à la Délivrance **à laquelle conduit la seconde Voie**, ceux qui par leur fidélité à Dharma, collaborent à l'accomplissement du dessein universel.

Arthur Avalon, La Puissance du Serpent, p. 104.

[9] Phật giáo sau này gọi Ngũ Tri Căn (Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân) là Ngũ Căn, gọi Ngũ Duy là Ngũ Cảnh hay Ngũ Trần (Sắc, thanh, Hương, Vị, Xúc). Ngũ Căn gặp Ngũ Trần sẽ sinh ra Ngũ Thức (Nhãn thức, Tị thức, Nhĩ thức, Thiệt thức, Thân thức). Và Ngũ Uẩn do đó mà sinh. Ngũ Uẩn là Sắc (ngũ căn+ngũ trần), Thọ (Cảm giác), Tưởng (Tri Giác), Hành (tâm trạng), Thức (ý niệm).

[10] **Brih.** 1. 4. 10-11.

Maitri 6. 17.

Tait. 2.6.

[11] **Brih.** 2.36; 3. 9. 26; 4. 24.

[12] **Svet.** 4. 19-20; **Tait.** 2. 4. 9f; **Katha** 6.12; **Svet.** 5.1; **Mundaka.** 2. 2. 1; **Kena** 3; **Isa** 9. 10; **Brih.** 4. 1-2; **Brih.** 2. 3. 6; 3. 9. 26.

[13] **Maitri Up.** 6.16; 6.22 ; **Brih.** 2.3.1; 2.1. 20.

[14] **Mund.** 2.2. 8; **Prasna** 5.2; **Svet.** 1. 13; **Mund.** 1. 4-5.

[15]

*Unmoving, the One is swifter than the mind,
The sense-powers reached not It, speeding on before
Past others running, this goes standing. (Isa 4)*

[16]

*It moves. It moves not,
It is far and It is near,
It is within all this,
And it is outside of all this. (Isa 5).*

[17]

*Not above, not across,
Nor in the middle has one grasped Him.
There is no likeness of Him,
Whose name is Great Glory. (Svetas. 4, 19).*

[18]

*His form is not to be beheld,
No one soever sees Him with the eye.
They who thus know Him with heart and mind,
As abiding in the heart, become immortal.*

Svetasvatara Up. 4. 20.

[19] It is conceived of by him whom It is not conceived of.
He by whom It is conceived of, knows It not,
It is not understood by those who (say they) understand It,
It is understood by those who (say they) understand It not.

Kena Up. 13 (3)

[20] **Satapathabrahmana** 1, 3, 5, 7-12.

Triết Học Nhập Môn, Trần Thái Đình, tr. 16.

[21] **Tait.** 2.6; **Chand.** 6.3.

[22] This Soul of mine within the heart is smaller than a grain of rice, Or a barley-corn, or a mustard-seed, or a grain of millet, or the kernel of a grain of millet; this Soul of mine within the heart is greater than the earth, than the atmosphere, greater than the sky, greater than these worlds.

Chandogya Up. 3. 14. 3.

[23] Containing all works, containing all desires, containing all odors, containing all tastes, encompassing this whole world, the unspeaking, the unconcerned -this is the SOUL of mine within the heart. THIS IS BRAHMA. Into him, I shall enter on departing here.

Chandogya Up. 3. 14. 4.

[24] **Brih.** 2.5.1; **Mundaka** 2. 2. 9; Nguyễn đăng Thục, **Lịch Sử Triết học Đông Phương**, III, tr. 141.

[25]

*Two birds, fast bound companions,
Clasp close the self-same tree.
Of these two, the one eats sweet fruit;
The other look without eating.
On the same tree a person, sunken,
Grieves for his impotence, deluded,*

*When he sees the other, the Lord contented,
And his greatness, he becomes free from sorrow.
When a seer sees the brilliant,
Maker, Lord, Person, the Brahma-source,
Then, being a knower, shaking of good and evil,
Stainless, he attains supreme identity [with Him].*

Mundaka Up. 3.1.1-3.

[26] Then he said to him: 'Verily my dear, that finest essence, which you do not perceive -verily, my dear, from that finest essence this great Nyagrodha (sacred fig) tree thus arises. Believe me, my dear,' said he' that which is the finest essence -this whole world has that as its soul. That is Reality. That is Atman (Soul). **That art Thou**, Svedaketu.

Chandogya Up 6. 12. 2 -3.

[27] Taking as a bow the great weapon of the Upanishad, One should put upon it an arrow sharpened by meditation. Stretching it with a thought directed to the essence of that. Penetrate that Imperishable as the mark, my friend. the Mystic syllable Om (pranava) as the bow, the arrow is the soul (Atman), Brahma is said to be the mark.

Mundaka Up. 2.2. 3-4.

[28]

*C'est Lui, la cible qu'il faut viser. Ami, vise droit au but.
Prends entre les mains, l'arc splendide des Oupanishads,
Sur lui, place la flèche
Aiguisée dans la méditation.
De ton esprit, tendu vers l'unité, bande ton arc.
Ami, vise ce but, c'est Lui, l'Immuable,
Oum, le Pravara, voilà ton arc,
La flèche, c'est le Soi,
C'est toi-même.
La cible, c'est Brahman.
Vise-la, sans te laisser distraire.
Fixe toi, là toi-même, comme la flèche en sa cible.
Celui sur qui tout ce monde est fixé,
Cieux comme terre, souffle comme Esprit,
Sache que c'est cela même, l'unique Soi: C'est toi.
Tous les autres mots, laisse-les aller,
Le pont qui mène à la non-mort, c'est cela.
Salut à toi, qui passe à l'autre rive,
Au-delà de la ténèbre,
Brahman, en vérité, c'est tout cela, c'est Tout.
Devant, Brahman ! derrière, Brahman!*

*À droite Brahman! à gauche Brahman!
Au-dessus, Brahman! au-dessous Brahman!
Brahman, seul en vérité.
En tout, et partout.*

Mundaka Up. 2.2. 3-5; 2.2. 11.

Henri le Seau, *la Rencontre de l'Hindouisme et du Christianisme*, Éditions du seuil, p. 156.

[29] He who knows that, set in the secret place (of the heart), he here on earth, my friend, rends asunder the knot of ignorance.

Mundaka Up. -2.1. 10

[30]

*Being very Brahman, he goes to Brahman.
..When are liberated all
The desires that lodge in one's heart,
Then a mortal becomes immortal
Therein he reaches Brahman.*

Brih. Up. 4.4.6; 4.4.7

[31]

*A sharpened edge of a razor, hard to traverse,
A difficult path is this -poets declare.
Katha Up. 3. 14.*

[32]

*This Soul (Atman) is not to be obtained by instruction,
Nor by intellect, nor by much learning,
He is to be obtained only by the one whom he chooses,
To such a one, that Soul (Atman) reveals his own person.*

Mundaka Up. 3.2.3.

[33]

A Person of the measure of a thumb, is the inner Soul (antaratman),
Ever seated in the heart of creatures,
He is framed by the heart, by the thought, by the mind,
They who know that, become immortal.

Svetasvatara Up. 3. 13.

[34]

There are a hundred and one channels of the heart,
One of these passes up to the crown of the heart.
Going up by it, one goes to immortality

Chandogya Up. 8. 6. 6.

Bản dịch Pháp:

Il sort du coeur 101 canaux,

L'un d'eux communique avec la grande fontanelle,

S'élevant par ce grand canal, l'homme (l'âme particulière)

Rejoint l'immortalité.

[35] Xác thân con người.

[36] Where the channels are brought together,

Like the spokes in the hub of a wheel.

Therein he moves about,

Becoming manifold.

Om!-thus meditate upon the Soul (Atman).

Success to you, in crossing the farther shore beyond darkness.

He who is all-knowing, all-wise,

Whose in this greatness on the earth-

He is in the divine Brahma city

And in the heaven established! The Soul (Atman)

Consisting of mind, leader of the life-breath and of the body,

He is established on food, controlling the heart,

By this knowledge the wise perceive

The blissful Immortal that gleams forth.

Mundaka Up. 2. 2. 6-7.

[37] L'opération du Yoga est un mouvement de retour à la Source, l'inverse du mouvement créateur de cette Source... Le Siège de la Source étant dans le corps humain, le cerveau, où se trouve la plus grande manifestation de la conscience, le siège du mental, est entre les sourcils et les sièges de la matière dans les cinq centres qui s'échelonnent de la gorge à la base de la colonne épinière.

Arthur Avalon, ***La Puissance du Serpent***, p. 85.

... Le Centre où se réalise la conscience endormie est le sommet du cerveau ou Sahasrara, d'où chez le Yogi, le Prana s'échappe, au moment de la mort par la fissure appelée Bramarandhra (Fontanelle)

Như trên. p. 57.

[38] Om! Now what is here in this City of Brahma (the body) is an abode, a small lotus-flower (the heart). Within that is a small space. What is within that should be searched out; that assuredly, is what one should desire to understand... As far, verily, as this world-space extends, so far extends the space within the heart. Within it, indeed, are contained both heaven and earth, both fire and wind, both sun and moon, lightning and the stars, both what one possesses here and what one does not possess; everything here is contained within it.

Chandogya Up. 8. 1.1-2.

[39] Where one sees nothing else, hears nothing else, understands nothing else -that is Plenum.

Chandogya Up. 7. 24.

... Verily, the Plenum is the same as pleasure

Chandogya Up. 7. 23.

... Verily, the Plenum is the same as immortal.

Chandogya Up. 7. 23.

It, indeed, is the whole world.

Chandogya Up. 7. 25; **Tait.** 2. 4; **Katha** 5. 14.

[40]

The Inner Soul of all things, the one Controller,

Who makes his one form manifold.

The wise who perceive Him as standing in oneself,

They, and no others, has eternal happiness.

Him who is the Constant among the inconstant, the Intelligent among intelligences,

The One among many, who grant desires -

The wise who perceive Him as standing in oneself,

They, and no others, has eternal peace.

Katha Up. 5. 14; **Prasna Up.** 6.5; **Brih.** 4.4.1.2.

[41] As these flowing rivers that tend toward the ocean, on reaching the ocean, disappear, their name and form (nama-rupa) are destroyed, and it is called simply “the ocean” -even so of this spectator these sixteen parts that tend toward the Person, on reaching the Person, disappear, and it is called simply “the Person.” That one continues without parts, immortal! As to that there is verse:

-Whereon the parts rest firm

Like the spokes on the hub of a wheel-

Him I know as the Person to be known!

So let death disturb you not.

Prasna Up. 6.5.6; **Brihad** 4. 4. 1-2.

[42]

Brih. 4.4. 25; **Prasna** 4. 10; **Svet.** 1.7.

[43]

He, verily, who knows the Supreme Brahma, becomes very Brahma. In his family, no one ignorant of Brahma arises. He crosses over sorrow. He crosses over sin. Liberated from the knots of the heart, he becomes immortal (**Mundaka** 3.2.9.)

[44]

Dans cette infinie Roue de Brahma, demeure de tous les êtres, erre le Hamsa, s’imaginant que le Soi et l’Ordonnateur sont différents.

Svet. 1.6. Annie Besant, **La Sagesse des Upanishads**, p. 74.

[45]

Ngũ quan.

[46]

*As fire, of fuel destitute,
Becomes extinct in its own source,
So thought by loss of activeness,
Becomes extinct in its own source.
Becomes extinct in its own source,
Because the Mind the Real seeks!
For one confused by things of sense,
There follow action's false controls.
Samsara is just one's own thought,
With effort he should cleanse it, then.
What is one's thought, that he becomes;
This is the eternal mystery.
For by tranquillity (prasada) of thought,
Deeds (Karman), good and evil, one destroys.
With soul serene, stayed on the Soul,
Delight eternal one enjoys!*

Maitri 6. 34.

[47]

*As firmly as the thought of man,
Is fixed within the realm of sense-
If thus on Brahma it were fixed,
Who would not be released from bond?*

*The mind is said to be twofold:
The pure and also the impure;
Impure -by union with desire;
Pure -from desire completely free!*

*By making mind all motionless,
From sloth and from distraction freed,
When upon mindlessness one comes,
Then that is the supreme estate !
So long the mind should be confined,
Till in the heart its meets its end.
That is both knowledge and release!
All else is but a string of world!
With mind's stains washed away by concentration,
What may his joy be who has enter Atman -
Impossible to picture then in language!*

*Oneself must grasp it with the inner organ.
 In water, water; fire in fire;
 In air, air one could not discern.
 So he whose mind has entered in -
 Released is he from everything!
 The mind, in truth, is for mankind
 The means of bondage and release:
 For bondage, if to objects bound;
 From object free -that's called release!*
Maitri Up. 6.34.

[48] Elle pose, en principe, que chaque individu participe au Brahman et par conséquent, possède l'Absolu en lui même. Elle révèle à chaque conscience que le grand Dieu cosmique, par lequel furent comme éclipsés les Dieux du Vêda, lui est consubstantiel et identique. Tat Tvam Asi "Cet Absolu, tu l'es!"

P. Marson Oursel, L'Inde Antique et la Civilisation Indienne, p. 138.

[49] Les Upanishads constituent un ensemble de considérations philosophiques au sujet de l'Atman, au concept du Moi, ou encore "réalité de la réalité" selon la définition ésotérique de l'Atharva Veda.

Disons, pour être clair, que "l'Atman" désigne le terme suprême d'une métaphysique recherchant Dieu dans l'homme et finissant par l'y trouver.

Occultisme et Magie en Extrême-Orient, Louis Chochod p. 102.

[50] These bodies of the embodied One, who is eternal, indestructible, and immeasurable are known as finite.

Second Discourse, p. 19. Bản dịch của Annie Besant.

[51] He is not born, nor doth he die, not having been ceased, He any more to be, unborn, perpetual, eternal, ancient, he is not slain, when the body is slaughtered.

Second Discourse, p. 20

[52] Unmanifest, unthinkable, immutable, he is called; therefore, knowing Him as such, thou should not grieve.

Second Discourse, p. 25.

[53] Perform action, O Dhananjaya, dwelling in union with the divine, renouncing attachments and balanced evenly in success and failure; equilibrium is called Yoga.

Second Discourse, p. 48

[54] The sages, united with the Pure Reason, renounce the fruit which action yieldeth , and liberated from the bonds of birth, they go to the blissful seat.

Second Discourse, p. 51.

[55] When thy mind, bewildered by the Scriptures shall stand immovable, fixed in contemplation, then shalt thou attain into Yoga (To union with Atman, the Self: Yoga implies with the divine will)

Second discourse, p. 53, bản dịch của Annie Besant.

At present, your intellect is bewildered by conflicting interpretations of the Scriptures. When it can rest, steady you will reach union with Atman.

Bản dịch của Swami Prabhavananda. cf. **The song of God: Bhagavad Gita** -A Mentor Book, p. 41.

[56] When a man abandoneth , O Partha, all the desires of the heart and is satisfied in the Self by the Self, then he is called stable in mind.

Second Discourse, p. 55

He whose mind is free from anxiety amid pain, indifferent amid pleasures, loosed from passion, fear and anger, is called a Sage of stable mind.

Second Discourse, p. 56.

[57] Who so forsaketh all desires and goeth onwards free from yearnings, selfless and without egoism, he goes to Peace.

This is the Eternal State, o son of Prita. Having attained thereto, none is bewildered. Who, even at the death hour is established therein, he goeth to the Nirvana of the Eternal.

Second Discourse, p. 71-72.

[58] The Yogi, ever united with the Self, with the mind controlled, goeth to Peace, to the Supreme Bliss, that abideth in Me.

Sixth Discourse, p. 15.

[59]

*If thinking Thee but friend, importunate,
O Krishna! Or O Yadava! O friend,
I cried, unknowing of Thy majesty,
And careless in the fondness of my love.
If jesting I irreverence showed to Thee,
At play, reposing, sitting or at meals,
Alone, O sinless One, or with my friends,
Forgive me my error, O Thou, boundless One.
Father of worlds, of all that moves and stands,
Worthier of reverence than the Guru's self,
There is none like Thee, who passed Thee?
Pre-eminent Thy power in all the world,
Therefore I fall before Thee, with my body
I worship as it fitting; bless Thou me,
As Father with the Son, as friend with friend,
With the Beloved as lover, bear with me.*

Eleventh Discourse , 41, 42, 43, 44. Trích trong The Bhagavad Gita or Lord's Song with the text in Devanagari, and an English translation.

CHƯƠNG VI
LÃO GIÁO
ĐẠO ĐỨC CHÂN THUYỀN
ĐẠO ĐỨC LÀ GÌ?

Muốn học Đạo Lão, trước hết phải hiểu hai chữ Đạo Đức.

A. ĐẠO.

Đạo chính là Tuyệt Đối Thể, là Bản Thể thường hằng đã sinh xuất ra vũ trụ, vạn hữu, và luôn tiềm ẩn trong đáy lòng vạn hữu.

Vì là Tuyệt Đối Thể, nên Đạo không thể bàn cãi được. không thể danh xưng được. Tất cả mọi nghị luận về Đạo, tất cả mọi danh xưng về Đạo, vì nằm trong hình, danh, sắc, tướng, nên đều cưỡng ép, bất xứng, chỉ có thể cho ta thấy ít nhiều khía cạnh của Đạo.

-Đạo chính là nguồn gốc sinh xuất Vũ Trụ, quần sinh.

-Đạo có thể ở vào một trong hai trạng thái sau đây:

-a. Tĩnh tức là trạng thái chưa hiển dương, chưa sinh xuất ra vũ trụ, quần sinh (Tiên Thiên, Vô Vi, Diệu).

-b. Động, tức là trạng thái đã hiển dương, đã sinh xuất vũ trụ (Hậu Thiên, Hữu Vi, Kiêu).

Chưa hiển dương thì hết sức minh linh, ảo diệu.

Đã hiển dương thời có công trình vận vi, hình thành, danh sắc, độ số.

Nhưng Đạo, dầu chưa hay đã hiển dương, cũng vẫn chỉ là một Thực thể siêu vi, duy nhất. Danh hiệu tuy khác, nhưng thực thể vẫn một.

Đạo thể siêu vi ấy chính là Cửa Thiêng sinh xuất mọi nguồn huyền vi, ảo diệu trong hoàn vũ.

Những tư tưởng then chốt trên đã được trình bày nơi Chương I, **Đạo Đức Kinh**, như sau:

Đạo khả Đạo phi thường Đạo

道可道非常道

Danh khả danh phi thường danh

名可名非常名

Vô danh thiên địa chi thủy

無名天地之始

Hữu danh vạn vật chi mẫu

有名萬物之母

<i>Thường vô dục dĩ quan kỳ Diệu</i>	常無欲以觀其妙
<i>Thường hữu dục dĩ quan kỳ Kiếu</i>	常有欲以其微
<i>Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh</i>	此兩者同出而異名
<i>Đồng vị chi huyền</i>	同謂之玄
<i>Huyền chi hựu huyền</i>	玄之又玄
<i>Chúng diệu chi môn</i>	眾妙之門

Dịch:

*Hoá Công hồ dễ đặt tên,
 Khuôn Thiêng hồ dễ mà đem luận bàn.
 Không tên, sáng tạo thế gian,
 Có tên, là mẹ muôn ngàn thụ sinh.
 Tịch nhiên cho thấy uy linh,
 Hiển dương cho thấy công trình vân vi.
 Hai phương diện một hóa nhi,
 Huyền linh khôn xiết, huyền vi khôn lường,
 Ấy là chúng diệu chi môn,
 Cửa thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi.*

Lưu Từ, tác giả cuốn **Bạch Thoại Dịch Giải Lão Tử**, có toát lược và phân loại các lời bình luận của Lão Tử trong **Đạo Đức Kinh** như sau:

1. Khi gọi tên Đạo, Lão Tử dùng những chữ:

- Đạo (chương 1, 4, 21, 24 v.v...)
- Nhất (chương 10, 22).
- Cốc Thần (chương 6).
- Huyền Tẫn (chương 6).

2. Khi mô tả hình dáng của Đạo, Lão Tử nói:

- Hoảng hê, hốt hê (chương 21)
- Ảo hê, minh hê (chương 21)
- Vô trặng chi trặng (chương 14)
- Thị chi bất khả kiến (chương 14)
- Thính chi bất khả văn (chương 14)
- Bác chi bất khả đắc (chương 14)
- Nghinh chi bất kiến kỳ thủ (chương 14)



-Tùy chi bất kiến kỳ hậu (chương 14)

3. Khi mô tả đến gốc Đạo, Lão tử nói:

-Đế tượng chi tiên (chương 5)

-Tiên Thiên Địa sinh (chương 25).

4. Khi đề cập đến sự vận hành của Đạo, Lão Tử nói:

-Độc lập nhi bất cải (chương 25)

-Chu hành nhi bất đãi (chương 25)

-Kỳ thượng bất kiều (chương 14)

-Kỳ hạ bất muội (chương 14)

5. Khi nói về cái dụng của Đạo, Lão tử viết:

-Uyên hê tự vạn vật chi tông (chương 14)

-Dĩ duyệt chúng phủ (chương 21)

-Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân (chương 32)

-Vạn vật đắc chi nhi sinh (chương 34)

-Đạo thường vô vi nhi vô bất vi (chương 3)

-Thiên đắc Nhất dĩ thanh, thần đắc Nhất dĩ linh, Cốc đắc Nhất dĩ doanh, địa đắc Nhất dĩ ninh, hầu vương đắc Nhất nhi thiên hạ trinh. (chương 39)

-Đạo sinh Nhất, Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh vạn vật. (chương 42)

Chữ Đạo theo từ nguyên:

Có rất nhiều sách đã phân tích, tìm hiểu chữ Đạo, ví dụ:

-*Tu Chân tiếp kính*, nơi tr. 1a.

-*Tu chân bất tử phương*, nơi tr.

12.

-*Tiên học từ điển*, tr. 150 v.v...

Đại khái ta thấy rằng: Chữ Đạo 道 gồm 2 phần chính:

-Một chữ Thủ 首 (đầu)

-Một chữ Sước (Khi đi, khi ngừng)

Chữ Thủ gồm:

a. 2 nét trái phải: tượng trưng cho Âm Dương.

b. Chữ Nhất tượng trưng cho Thái Cực.



c. Chữ Tự 自 (mình). Ý nói Thái cực bao quát Âm Dương ấy, đã sẵn có nơi mình.

Tất cả hợp thành chữ Thủ. Ý nói: Thái Cực hay Đạo đã tiềm ẩn ngay trong đầu não ta.

Sách **Tu Chân Tiệp Cảnh** viết: Đầu là nơi tối cao trong con người, thông toàn thân Dương khí. Khí Dương nơi người đều hội tụ nơi đó, y như vị Nguyên thủ quốc gia, tôn trưởng trong nhà. Đã thế, trong đầu còn tàng ẩn một Huyền Khiếu. Đạo từ Hư Vô mà sinh ra Hữu cũng bắt đầu từ đó. Từ Hữu phản về Hư, cũng không thể bỏ khiếu đó mà cầu nơi đâu xa lạ. ^[1]

-Chữ Sước gồm chữ Sách hay Khuể là nửa bước, là bước đi và chữ Chỉ là ngừng lại.

Ý nói: Đã hiểu Đạo thời phải hành trì, phải xử sự cho thuận tự nhiên, khi đáng làm, thời làm, khi đáng nghỉ, thời nghỉ.

René Guénon giải rằng: Đạo vì gồm chữ Thủ và chữ Sước, tức là Đầu và Chân, nên tượng trưng cho cả Thủy lẫn Chung. ^[2]

Dựa vào Từ Nguyên của chữ Đạo, ta có thể vịnh chữ Đạo như sau

Nhất thể hoành không, thống vạn thù	一體橫空統萬殊
Bao quát Âm Dương, quán Thái Hư	包括陰陽貫太虛
Ẩn tại hình sơn, đầu não lý	隱在形山頭腦裡
Giáo nhân hành chỉ hợp nguyên sơ	教人行止合元初

Các tác giả Âu Châu đã dịch chữ Đạo là Voie (Đường) là Principe (Nguyên thủ) v.v...

Gần đây Đạo Thiên Chúa cũng dùng chữ Đạo để dịch chữ Logos, tức Ngôi Hai Thiên Chúa. Ví dụ: Nơi chương Nhất thánh John ta đọc: Thái Sơ hữu Đạo, Đạo dữ Thần (Thượng Đế) đồng tại, Đạo tức thị Thần (Thượng Đế). ^[3]

Ít Nhiều danh xưng tương ứng với chữ Đạo.

Chữ Đạo có nhiều danh từ tương đương:

a. Tiên Thiên.

Đạo, Vô Cực, Hư, Hư Vô, Hộng Mông, Hồn Độn, Khí, Tiên Thiên chi khí.

b. Hậu Thiên.

1. Khởi Thủy:

Đạo, Thái Cực, Nhất, Thái Hoà, Nguyên Khí, Hạo Nhiên Chi Khí, Tổ Khí, Tổ Khiếu, Huyền Tẩn Môn, Huyền Quan Khiếu, Cốc Thần.

2. Trung cuộc Biến Hoá Tuần Hoàn.

Lúc ấy, Đạo hay Thái Cực ẩn tàng trong lòng sâu vạn hữu, để làm căn cơ, chủ chốt.

Huỳnh Nguyên Kiết viết: Thiên Địa vị phân, Thái Cực tại thiên chi thủy. Thiên địa ký phân, Thái Cực tại Thiên Địa chi trung. ^[4]

Đạo, Trung, Thiên Địa chi trung, Thiên Khu, ^[5] Căn Nguyên, Căn Cơ, Căn Bản, Thần, Trung Hoàng cung, Huỳnh Bà Xá, Qui Trung, Viên Trung, Mậu kỷ Môn, Huyền Tồn Môn, Chủ Nhân Ông, Tử Đơn, Xích Thành Đồng tử, Nê Hoàn Phu Nhân.

Tuy lòng trong giữa mọi biến thiên, nhưng tính chất của Đạo lúc ấy vẫn là Hư Cực Tĩnh Độc, Bất biến.

3. Chung Cuộc.

Đạo, Qui Căn Khiếu, Phục Mệnh Quan, Đơn. ^[6]

B. Đức.

Nếu Đạo là Bản Thể, là Căn Nguyên thì Đức là sự hiển dương của Đạo, là mọi Hiện Tượng trong trời đất này. Nó bao gồm:

-Vạn hữu.

-Mọi sự biến thiên trong trời đất, nhân quần.

Wieger, nơi trang 14 **Đạo Đức Kinh** chú giải chữ Đức như sau:

Đạo tán vi Đức

道散為

Đức giả, Đạo chi kỷ dã.

德者道之紀也

(Đạo tán ra thành Đức, nếu Đạo như cuộn tơ, thì Đức như là cuộn tơ xỏ lần ra, và cuộn dần lại.)

Sự Xỏ lần cuộn tơ Tạo Hoá đó, Âu Châu gọi là: **Developpement, Evolution, Catabase, Déroulement, Enwichtlung.**

Trang Tử gọi đó là **Xuất Cơ**: Sự tiến ra Hữu Hình (Sortie dans le Manifesté).

Trung Dung gọi là: **Phóng chi tắc dĩ lục hạp** (Tung ra tản mạn khắp muôn phương Trời).

Sự Cuộn dần cuộn tơ Tạo Hoá đó, Âu châu gọi là: **Enveloppement, Enroulement, Involution, Anabase,**

Trang Tử gọi đó là **Nhập Cơ** (Rentrée dans le non-manifesté).

Trung Dung gọi đó là: **Quyển chi tắc thoái tàng ư mật** (Thu cuốn lại, dấu nơi ẩn áo).

Đạo Đức Kinh đã dùng 2 chữ Thượng Đức để mô tả vị Chân Nhân đạt Đạo. (**Đạo Đức Kinh**, chương 38).

Điều đó hợp lý, vì người đạt Đạo, là người có được Đạo hiển linh trong tâm hồn mình, và biết dùng đời mình để làm hiển dương Chân, Thiện, Mỹ của Đạo.

ĐẠO VÀ ĐỨC.

1. Tóm lại, Đạo là Căn Nguyên sinh xuất vũ trụ.

2. Khi chưa có vũ trụ thời chỉ có Đạo. Lúc ấy, Đạo ở thể tĩnh, thể tiềm ẩn.

3. Khi đã có trời đất, thì Đạo ẩn tàng trong lòng sâu vạn hữu và hiển dương bằng Đức.

Đức bao quát mọi biến hoá, cho nên Đức là quyền năng vô biên của Đạo. Thấy được Đạo và sự biến hoá vô biên của Đạo là thấy được cả 2 bề động tĩnh của đất trời. Đạo Lão gọi thể là Diệu Khiếu Tề Quan.

René Guénon, trong quyển *Le Symbolisme de la Croix*, nơi chương VII: La Révolution des Oppositions, đã bình luận hết sức là sâu sắc, xác đáng về 2 chữ Đạo Đức. Nên tham khảo.

Mấy câu sách nên ghi nhớ.

1. Dữ Đạo vi thể, siêu xuất thiên địa. ^[7]

2. Chân Nhân khế Đạo, cố viết chí nhân. ^[8]

Sách *Thái Thượng Bảo Phiệt* chép:

Văn Đạo Tử một hôm gặp một Đạo sĩ, liền mời vào nhà đãi đằng, xong mới hỏi đâu là Huyền Môn Diệu Chỉ. Đạo sĩ đáp:

心即是道，道即是心。心與道離，則入六道三途，心與道合，則造蓬萊三島。

Tâm tức thị Đạo, Đạo tức thị Tâm. Tâm dữ Đạo ly, tắc tạo Lục Đạo Tam Đồ. Tâm dữ Đạo hợp tắc tạo Bồng Lai, Tam Đảo.

Tâm là Đạo, Đạo là Tâm,

Bỏ Tâm tìm Đạo, hỏi tâm đâu ra.

Tâm kia và Đạo lìa xa,

Thì là Lục Đạo, Tam Đồ chẳng sai.

Tâm kia mà hợp Đạo Trời,

Bồng Lai, Tam Đảo tức thời hiện ra.⁹

Những câu vắn tắt trên có tính cách thức tỉnh con người, ta nên học thuộc.

Người xưa nói:

Nhất ngôn, bán cú tiện thông 一言半句便通玄
huyền

Hà Dụng đơn kinh, thiên vạn 何用丹經千萬編
biên

Thông Huyền một chữ cũng Thông,
Đơn kinh lọ phải thuộc lòng ngàn pho. ^[9]

Chương này có mục đích giúp chúng ta nhận ra được Thiên Căn, Đạo Cốt trong ta, giúp ta sống đời đạo đức, trở nên vẻ sáng của Trời, sự hiển dương của Đạo.

Nó cũng cho ta thấy rằng: Sống phải phối kết với Trời, “dữ Đạo hợp chân”. Đó mới chính là nguyện vọng của các đạo gia chân chính.

CHÚ THÍCH

[1] Thủ cư nhân thể tối cao địa vị, thống toàn thân chi Dương nhi hội tụ chi, do quốc chi nguyên thủ, gia chi tôn trưởng. Cánh dĩ kỳ trung, **ẩn tàng Huyền Khiếu**. Đạo tự Hư Vô nhi hữu, thực thủy u thử xứ. Do Hữu hoàn Vô, bất năng xả thử nhi tha cầu dã...

Tu Chân Tiệp Cảnh, tr. 1a, 1b.

[2] Le mot Tao, littéralement “Voie” qui désigne le Principe. est représenté par un caractère idéographique qui réunit les signes de la tête et des pieds, ce qui équivaut au symbole de l’Alpha et de l’Oméga dans les traditions occidentales.

René Guénon, *Le Symbolisme de la Croix*, 3ème Édition, VEGA, Paris, 1957, p. 50, note 10.

[3] *Tân Ước Toàn Thư*, Thánh Thư Công Hội Hương Cảng ấn hành.

[4] Huỳnh Nguyên Kiệt, *Lạc Dục Đường Ngữ Lục*, tr. 50.

[5] *Hiện Đại Đạo gia tu luyện bảo điển*, tr. 113.

[6] Nguyễn Văn Thọ, *Thái Cực Luận*, tr. 217-258.

[7] 與道為體，超出天地

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Nguyên, tr. 6a.

[8] 真人契道，故曰至人。

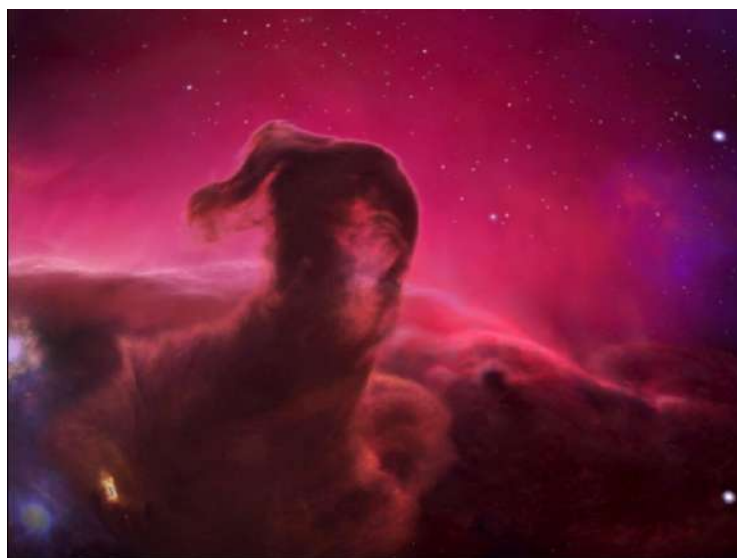
Động Huyền Linh Bảo Tắt Pháp, tr. 2b.

[9] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 9.

CHƯƠNG VII

VŨ TRỤ THÁM VI.

TÌM HIỂU HUYỀN CƠ VŨ TRỤ



Người xưa chỉ dùng Thần (tuệ giác = illumination, intuition). Trí (raisonnement), Giác quan để quan sát, suy tư và trực giác về vũ trụ, để tìm cho ra những điều vi ẩn của doanh hoàn.

Lão giáo cũng như các Đạo khác ở Đông Phương xác tín rằng có một Thượng Đế Tuyệt Đối, một Bản Thể Duy Nhất, uyên nguyên, vô hình, vô ảnh, nhưng lại linh động, biến hoá vô cùng, đã sinh xuất ra vũ trụ hiện tượng hữu hình, hữu tướng này. Đó là **Thuyết Thiên Địa Vạn Vật đồng nhất thể**.

Bản Thể vô sinh, vô diệt, vô thuỷ, vô chung này, đạo Lão đã hài danh bằng nhiều danh hiệu, như nơi Chương IX, ta đã nói rõ điều đó, khi bàn đến danh từ Đạo.

Đại khái là:

a. Khi chưa có Trời Đất, thì Đạo hay Bản Thể tuyệt đối còn ở trong thể tiềm ẩn, chưa hiển dương, nên được gọi bằng những danh từ như: Hư Vô, Hư Không, Hồng Mông, Hỗn Độn, Vô Cực, Vô Vi, hoặc được tượng trưng bằng con số 1, hay bằng vòng tròn không có tâm điểm. Tất cả đều nói lên sự viên dung, toàn mãn, hoàn hảo, đồng đẳng tuyệt đối, không tịch tuyệt đối, hư tĩnh tuyệt đối.

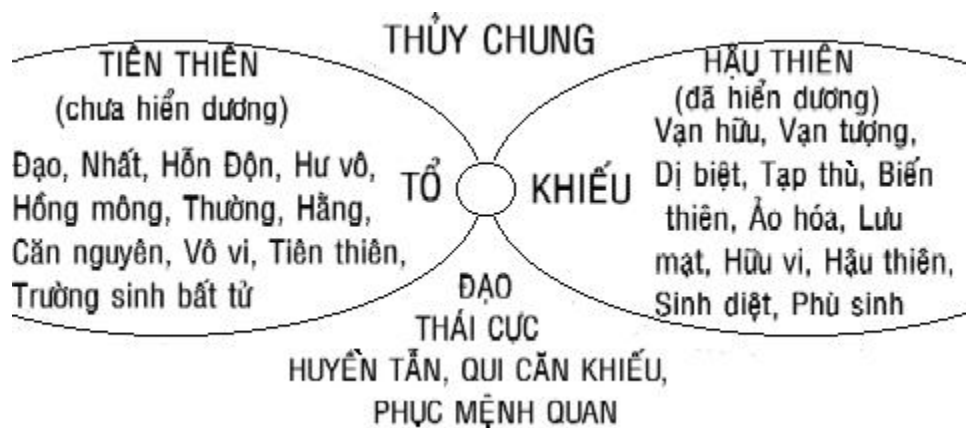
b. Khi bắt đầu hiển dương, thì gọi là Đạo, là Thái Cực, là Tổ Khiếu, là Cốc Thần, là Huyền Quan Khiếu, hay Huyền Tấn chi môn, là 5, là 15, và được tượng trưng bằng vòng tròn có chấm ở giữa, hay bằng đồ hình Thái Cực mà ta vẫn thường thấy.

c. Khi đã có Trời đất, thì Bản Thể ấy tiềm ẩn dưới các lớp lang hiện tượng, và được gọi là Trung, là Đạo, là Tổ Khiếu, là Cốc Thần v.v... hay được tượng trưng bằng vòng Dịch với:

-Thái Cực ở giữa, tượng trưng cho Bản Thể duy nhất.

-Các hào quái bên ngoài tượng trưng cho vạn hữu, vạn tượng luân lưu biến hoá.

Ta vẽ lại, trình bày lại 3 quan điểm trên thành sơ đồ sau:



Tiên Thiên (Chưa hiển dương)	Thủy-Chung Tổ Khiếu.	Hậu Thiên (Đã hiển dương)
Đạo, Nhất, Hồn Độn, Hư Vô, Hồng Môn, Thường, Hằng, Căn Nguyên,	Đạo, Thái Cực, Huyền Tân, Huyền	Vạn Hữu, Vạn Tượng, Dị Biệt, Tạp
Vô vi, Tiên Thiên, Trường Sinh, Bất tử.	Quan, Qui Căn Khiếu, Phục Mệnh Quan	Thù, Biến thiên, Ảo hoá, Lưu Mật, Hữu Vi, Hậu Thiên, Sinh Diệt, Phù Sinh

Nhờ những đồ hình và những quan niệm khái quát trên, ta hiểu được một điều rất trọng đại này là:

Vũ Trụ hữu hình này sở dĩ có là do sự phóng phát, tán phân của một thực thể duy nhất (Émanation).

Thuyết Phóng Phát của hiền, thánh muôn phương khác với Thuyết Tạo Dựng của các Đạo Giáo Công Truyền Tây Phương (Công Giáo, Do Thái Giáo, Hồi Giáo) như sau:

**Thuyết Phóng Phát
(Emanation)**

**Thuyết Sáng Tạo
(Creationism).**

1. Vũ Trụ Hữu Hình này là những phân thể của một

1. Vũ trụ Hữu Hình này là do quyền năng của

Toàn Thể.	Thượng Đế sáng tạo từ không
2. Vạn hữu đồng căn, dị dạng, nhất thể vạn thù.	2. Vạn hữu nhất nhất đều có bản thể riêng biệt.
3. Thượng Đế tiềm ẩn trong lòng sâu vạn hữu (Immanent)	3. Thượng Đế siêu việt, tách rời khỏi vạn hữu. (Transcendent).
4. Chung cuộc là Hoà Hài, Hợp Nhất, Siêu Thắng, Hoà Giải.	4. Chung cuộc là Tan vỡ, kinh hoàng, là Tận Thế.
5. Lịch sử vũ trụ chuyển hoá 2 chiều, vắng lai, thuận nghịch, phản phục, thành một chu kỳ.	5. Lịch sử vũ trụ và con người chuyển biến một chiều, theo đường thẳng.

Dựa vào Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể của Lão Giáo, ta suy ra:

1. Vạn Hữu đồng căn, dị mật.

Tính Mệnh Khuê Chỉ viết:

Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể. (**Tính Mệnh Khuê Chỉ**, q. Nguyên, tr. 6a).

Người xưa cũng nói:

Thiên, Nhân nhất Lý.

天人一理

Ngã Vật đồng nguyên. ^[1]

我物同原

2. Vạn vật hữu hình biến hoá có chu kỳ, theo 2 chiều tán tụ.

-Chiều Tán:

Chiều phân hoá, giáng bản, qui mật (Đi từ gốc tới ngọn).

Chiều giáng (từ Căn Nguyên Thái Cực xuống vạn vật, quần sinh, hào quái), chiều đi ra (từ nội tâm ra ngoại cảnh), chiều thuận (thuận theo dòng đời, thuận theo dục vọng), chiều ly tâm (từ hợp nhất ra phát tán chi ly).

-Chiều Tụ:

Chiều hoà hợp, qui nguyên, phản bản, thăng, lai, nghịch, hướng tâm.

Hai chiều biến hoá thuận nghịch nói trên là 2 chiều biến hoá từ vô tướng ra hữu tướng, rồi lại từ hữu tướng trở về vô tướng.

Đạo đức Kinh và Kinh Dịch đều đề cao chiều Nghịch hay chiều Phục.

Dịch Kinh viết: **Số vãng giả thuận, tri lai giả nghịch. Thị cố Dịch nghịch số dã.** ^[2]

Dịch:

*Tìm ra quá vắng là thường,
Tương lai tiên đoán rõ ràng mới cao.
Dịch kinh có số ngược chiều,
Ngược chiều thời thế khinh phiêu về nguồn.*

Đạo Đức Kinh nơi chương 16 viết:

“Phù vật vân vân, các qui kỳ căn, qui căn viết tĩnh, phục mệnh viết trường.”

Dịch:

*Muôn loài sinh hoá đa đoan,
Rồi ra cũng phải lai hoàn bản nguyên,
Hoàn bản nguyên, an nhiên phục mệnh,
Phục mệnh rồi, trường vĩnh vô cùng.*

Chương 29 viết:

“Thường đức bất thác, phục qui ư vô cực.”

Chương 14:

“Phục qui ư vô cực.”

Sách Linh Bảo Tất Pháp cũng bàn về lẽ vắng phản như sau:

*Tự Đạo phân chia số mới thành,
Ngũ hành hình tượng, Đạo nha manh.
Năm phương vũ trụ, Thần phân liệt,
Chất, sắc năm màu, Đạo tán sinh.
Số từ Vô Số xuất sinh,
Trở về Vô Số mới thành vắng lại.
Tượng từ Vô Tượng an bài,
Trở về Vô Tượng, trong ngoài ấm êm.
Vị hoàn Vô Vị mới nên,
Chất hoàn vô chất, tinh tuyền trước sau.
Chớ chia Đạo Thể nhiệm màu,
Số kia bám víu vào đâu sinh thành?
Muốn trừ cho hết Tượng Hình,
Ngừng cơ biến hoá, mới manh tiêu liền.
Vị ngôi muốn hết dưới trên,
Thời đừng phân biệt Bản Nguyên làm gì.
Đạo không phát tán, chia ly,
Thời thôi vật chất biến đi từ đời.
Đạo là Vô Số, Vô Ngôi,
Vô hình, vô chất, chia phối nhẽ nào?*

3. **Vạn hữu vì là sự hiển dương của Đạo, của Bản Thể tuyệt đối, nên rất có giá trị.**

4. **Vạn hữu vì là phân thể của một đại thể, nên không có vật nào, người nào toàn mãn, mà phải dựa vào nhau, cái nọ bổ sung lẫn cái kia.**

5. **Mọi sự thay đổi trong vũ trụ đều có ảnh hưởng chẳng ít, thì nhiều, đến chung quanh.**

Liệt tử đã viết trong Xung Hư Chân Kinh, chương 3, đoạn C:

“Nhất thể chi doanh hư, tiêu tức giai thông ư Thiên Địa, ứng ư vạn loại”:

一體之盈虛消息皆通於天地，應於萬類。

Dịch:

Mỗi một sự thay đổi, đầy vơi, tăng giảm nơi sự vật, đều thông với trời đất, ứng với muôn vật.

Người xưa còn nói:

Lạc hồng bất thị vô tình vật,

落紅不是無情物

Hoá tác xuân nê, cánh bộ hoa

化作春泥更哺花

Dịch:

Hồng rơi chẳng phải vô tình,

Hoá thành bùn lại nuôi cành hoa xuân^[4]

Nếu ta đồng ý dùng hình tròn để tượng trưng cho Bản Thể và Hiện Tượng, ta sẽ thấy vũ trụ này gồm 2 phần:

a. Một Thể giới của Bản Thể, của Thực Thể, lý tưởng, siêu việt, thể giới của Chân, Thiện, Mỹ, vĩnh cửu, trường tồn. Đó là thể giới khinh thanh, bao la và đồng đẳng, vô phân biệt. Đạo Lão gọi đó là Đạo, là Tiên Thiên, là Vô Vi, là Hư, là Diệu.

b. Một Thể giới của Hiện Tượng, của giác quan, của Biến Thiên, của những gì phù du, biến ảo, những gì trọng trọc, những gì chất chường, những gì hữu hạn, những gì bị chi phối bởi sự duyên. Đạo Lão gọi đó là Hậu Thiên, là Hữu Vi, là Kiếu.

Người học Đạo, hiểu Đạo phải biết nhìn thấy cả hai mặt Biến, Hằng, Hữu Hạn và Vô Hạn, của một Bản Thể, một Thực Thể duy nhất. Có vậy, mới gọi được là **Diệu, Kiếu Tề Quan**.

Người học Đạo cũng còn phải biết nhìn thấy Đạo Thể vô biên tế xuyên qua các lớp lang hiện tượng, các bức màn hình, thanh, niệm, dục.

Ta cũng nên minh định thêm rằng: Bản Thể siêu việt sinh xuất ra vũ trụ hữu hình này, khi thì được Đạo Lão coi như là:

a. Vô Ngã, và hài danh bằng những danh từ như Đạo, Hư, Hư Vô, Vô Cực, Đơn, Tiên Thiên Nhất Khí, Thái Hoà Nguyên Khí, Hạo Nhiên chi khí.

Lão Tử, Trang Tử theo chủ trương này. Đó cũng chính là chủ trương của Phật, của các đại hiền triết Hi Lạp cổ thời như Pythagore, Héraclite, Parménide, Platon, Anaximandre v.v... ^[5]

Đó là **quan niệm Nhất Nguyên Vô Ngã** theo danh từ Triết Học ngày nay.

b. Cũng Nhất Thể ấy, khi thì được Đạo Lão coi như là Hữu Ngã, và được gọi là Thái Thượng Lão Quân, Nguyên Thủy Thiên Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đó là **Quan Niệm Nhất Nguyên Hữu Ngã**, tương đương với quan niệm Đại Nhật Như Lai, trong Phật Giáo, và Thượng Đế trong các đạo giáo.

c. Đạo Lão còn có khi dung thông hai quan niệm trên làm một, và gọi Bản Thể Vũ Trụ là Tiên Thiên Nhất Khí, Thái Thượng Lão Quân. ^[6]

Dù đứng trên lập trường vô ngã hay hữu ngã mà nhìn vào Nhất Thể, dù gọi Nhất Thể đó là Khí, là Thể, là Thần, là Lão, là Thiên, khái niệm cơ bản vẫn là Nhất Thể đó linh minh, huyền diệu, có khả năng biến hoá, sinh xuất, biến hoá ra vạn sự, vạn hình.

Nhất Thể đó có thể hoá thành Tam Thể, Vạn Thể.

Nhất Khí đó có thể hoá thành Tam Khí, Vạn Khí.

Nhất Thần đó có thể hoá thành Tam Thần, Vạn Thần.

Nhất Lão đó có thể biến thành Tam Lão, Vạn Lão.

Nhất Thiên đó có thể biến thành Tam Thiên, Vạn Thiên.

Thể tức là: Hiểu lẽ Một, sẽ hiểu được căn cơ, gốc gác muôn loài, muôn vật, và có thể đi đến một kết luận hết sức là Triết Học và Khoa Học sau đây: “**Thiên Địa, vạn vật nhất tính, đồng thể.**” (*Tính Mệnh Khuê Chỉ*, q. Nguyên, tr. 6a).

Suy ngược lại, ta sẽ có:

-Nếu Nhất Thần sinh Chúng Thần, thì Chúng Thần sẽ qui về Nhất Thần.

-Nếu Nhất Khí hoá Vạn Khí, thì Vạn Khí sẽ qui về Nhất Khí.

-Nếu trong con người có chúng Thần, thì cũng có Nguyên Thần, có Nhất Thần.

-Nếu trong con người có Vạn Khí, Ngũ Khí, Tam Khí, thì ắt cũng có Chân Nguyên Nhất Khí, hay Nguyên Khí.

Vì hiểu lẽ Một của Trời Đất cho nên người Đạo Sĩ sẽ:

-Chọn cái Tinh Hoa, bỏ cái Bẩn Tạp.

-Chọn cái Giản Dị, bỏ cái Tàn Phiền.

-Chọn cái Chân Tâm, Đạo Tâm, mà bỏ cái Thát Tình, Lục Dục, Âm Dương đối đãi.

Vì hiểu lẽ Một của Trời Đất, nên người Đạo Sĩ biết rằng mình là Tiên Thiên Nhất Khí hoá thân, nghĩa là Đồng Bản Thể với Tối Thượng Thần trong trời đất.

Vì hiểu lẽ Một, nên hiểu rằng Chân Thần trong mình và Chân Thần trong Trời Đất là Một. Mình và Chân Thần trời đất cũng là một. Mình đây chính là Hoá Thân của Chân Thần đó mà mình chẳng biết, chẳng hay.

Thế mới hay:

“ Đắc Nhất vạn sự tất” 得一萬事畢。

(Trang Tử, *Nam Hoa Kinh*, ch. Thiên Địa: Thông Nhất, nhi vạn sự tất.)

Chương này đưa ra 5 vấn đề rất quan trọng:

- Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể. ^[1]
- Thuyết Vạn Vật tương ứng, tương thừa, tương giao, tương tiếp.
- Thuyết Vạn Vật biến dịch, tuần hoàn.
- Thuyết Phóng Phát, Tán Phân (Emanation and division) thành vũ Trụ.
- Thuyết Thượng Đế ẩn tàng trong lòng sâu vạn hữu (God Immanent.) Có như vậy, Thượng Đế mới ở khắp mọi nơi, thông biết mọi sự.

CHÚ THÍCH

^[1] Huỳnh Nguyên Cát, *Lạc Dục Đường ngữ lục*, q. 4, tr. 6a.

^[2] Dịch Kinh, Thuyết quái, chương 3.

數往者順，知來者逆。是故易逆數也。

^[3] Ngọc Thư viết:

*Nhất, Tam, Ngũ, Thất, Cửu, Đạo chi phân nhi hữu Số,
Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, Đạo chi biến nhi hữu Tượng.
Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Đạo chi liệt, nhi hữu Vị,
Thanh, Bạch, Xích, Hoàng, Hắc, Đạo chi tán nhi hữu Chất.
Số qui ư Vô Số, Tượng phản ư Vô Tượng, Vị chí ư Vô Vị, Chất hoàn
ư Vô Chất.
Dục Đạo chi Vô Số, bất phân chi tắc Vô Số hĩ.
Dục Đạo chi Vô Tượng, bất biến chi tắc Vô Tượng hĩ.
Dục Đạo chi Vô Vị, bất liệt chi, tắc Vô Vị hĩ.
Dục Đạo chi Vô Chất, bất tán chi tắc vô chất hĩ.
Vô Số, Đạo chi nguyên dã, Vô Tượng Đạo chi bản dã, Vô Vị Đạo chi
chân dã.*

Linh Bảo Tất Pháp q. hạ, tr. 12a.

Hai chiều Biến Hoá vãng lai để thành một chu kỳ, chính là một định luật thiên nhiên, chi phối sự biến hoá, tuần hoàn của nhiều chất trong vũ trụ.

Ví dụ Khí biến thành Nước, nước biến trở lại thành Khí.

Ví dụ chu kỳ Azote.

Thiên Văn Học ngày nay bắt đầu công nhận rằng vũ trụ này đang nở ra, khuếch tán ra...và nghĩ rằng trong tương lai xa xăm, vũ trụ này sẽ thu liễm lại, hội tụ lại.

[4] Nguyễn Hữu Lương, Kinh Dịch với vũ trụ quan Đông Phương, tr. 170.

Trương Kỳ Quân, Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử, q. 2, tr. 135.

[5] Nghiêm Xuân Hồng, *Nguyên Tử, Hiện Sinh, và Hư Vô*, Đông Phương Xuất Bản, 1969, q. thượng.

[6] Phù Lão Quân giả, Đạo Khí chi tổ, vạn hoá chi tông. Tòng tiên Thiên, tiên địa, không động, Hư Vô trung sinh xuất nhất khí, danh viết Đạo Khí. Đạo sinh Nhất, Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh Cửu, Cửu sinh Vạn. Vạn khí sinh Vạn Thần. Cố trì thánh hiệu viết: "Tiên Thiên nhất khí, Thái Thượng Lão Quân..."

Tử Hà, Huỳnh Đình Nội Cảnh Kinh tường chu, tr. 2a.

[7] **Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể.**

Vũ Trụ này do Nhất Thể phóng phát ra, đã được chứng minh là một học thuyết dành cho các cao nhân, danh phái, còn quần chúng thì tin và Thuyết Tạo Dựng, mà các Đạo giáo Công Truyền Âu Châu như Thiên Chúa Giáo, Do Thái Giáo, Hồi Giáo giảng dạy. (Xem trang 11 và 12 chương này.)

Trong tập Khảo Luận về Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể của tôi, tôi đã chứng minh rằng có nhiều hiền thánh Công Giáo (mystiques) như John of the Cross, Teresa of Avila, và nhiều hiền thánh Do Thái giáo thuộc Mật Tông Kaballah, hay nhiều Hiền Thánh Hồi Giáo thuộc môn phái Sufism (Bach Y) cũng theo Thuyết Phóng Phát, Tán Phân, và chủ trương Thượng Đế ở trong lòng sâu vạn hữu.

Đây xin trưng thêm 1 tài liệu về một học thuyết của một vị thánh hiền Hồi Giáo mới chết năm 1934: Đó là Ông Cheikh Ben Aliona. Tài liệu này được đăng tải trong *Lotus Bleu*, Paris, số 39, tr. 89-106, và trong Gabriel Gobron, *Histoire du Caodaïsme*, tr. 92.

Nội dung như sau:

Học Thuyết của Ben Aliona như thế nào?

Aliona chủ trương: Thượng Đế duy nhất và Nhất Thể. Thế giới hữu hình, hữu hạn này chỉ là những màn che "barzakh" làm cho chúng ta không trông thấy thế giới chân thực (Thế giới vô cùng).

Thế giới này do Thượng Đế phóng phát ra, ngược lại với Thánh Thư Hồi giáo **Coran**. **Coran** chủ trương thế giới này đã được tạo dựng.

Chủ trương thế giới này được tạo dựng dành cho quần chúng (Focara), còn cái Vi Diệu (Le Sirr= caché), thì chỉ dành cho một số môn đệ hiểu được áo nghĩa (bathen). Thuyết Phóng Phát ăn khớp với Thuyết "Thượng Đế nội tại". Ai hiểu được Chân Thể mình sẽ biết Thượng Đế; ai thăm dò Chân Thể đó sẽ tới gần Thượng Đế). 1 "Thuyết Thượng Đế nội tại" cũng không loại trừ "Thuyết Thượng Đế siêu việt."

Nguyên văn chữ Pháp:

Les doctrines de Ben Aliona? Unité de Dieu (le monde temporel n'est qu'un exemple de voiles "barzakh" nous cachant le monde réel: l'infini), Univers émané de Dieu, à l'inverse du Coran créationiste pour la masse des Focara, croyants ordinaires; le

Sirr (caché) est réservé à certains disciples capables de saisir le “Bathen” (le sens occulte), émanationisme s’accordant avec l’immanentisme (qui pourrait connaître son proprium, connaîtrait Dieu; qui le scrute avec attention, s’approche de Dieu); doctrine de l’immanence n’excluant pas la transcendance...

Quyển ***Histoire du Caodaisme***, nơi tr. 91, khi mô tả lại đời sống của Ben Aliona, có những dòng bắt hủ sau đây:

“Nhờ ở phái Soufisme (Bạch Y), ông biết được mật giáo của Hồi Giáo, và nhờ mật giáo đó, ông có được khuynh hướng vươn lên tới Đại Đạo (bao quát Do Thái Giáo, Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, v.v...) Tất cả những mặc khải trước sau đều bổ sung lẫn nhau, và tất cả đều cùng do một nguồn mặc khải siêu việt.” Các đẳng tiên tri, dầu là vạn người -theo một ngôn ngữ của môn phái Soufisme -cũng chỉ là Một, cũng chỉ là những tia lửa của một thứ lửa duy nhất.

CHƯƠNG VIII

NHÂN SINH PHÁT DIỆU.

VI DIỆU CỦA CUỘC ĐỜI.

Từ trước đến nay, người ta thường học con người dưới những khía cạnh phiên diện, đa đoan, nên càng học càng lìa xa Chân, Diện, Mục con người, càng sao lãng cái Tinh Hoa Chí Bảo nơi con người.

Cho nên, muốn học về con người cho thấu đáo, cho có cơ sở triết học, khoa học vững chắc, ta phải dựa vào:

- Thuyết Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể.
- Thuyết Nhất Thể tán vạn thù, vạn thù qui nhất thể.
- Thuyết Đạo nội tại, Thái Cực nội tại, Thượng đế nội tại. [\[1\]](#)

1. NƠI CON NGƯỜI CÓ 2 PHẦN CHÂN, GIẢ, BIẾN HẰNG.

Trước hết, nếu ta chấp nhận thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, mà Nhất Thể đó ta đã biết là Đạo, là Thái Cực, là Thượng Đế, thì dĩ nhiên trong ta phải có phần Thiên, có Thái Cực, có Thượng Đế.

Như vậy, nhận định sơ bộ về con người đã cho thấy rằng: Trong ta có 2 phần:

- Một phần vĩnh cửu, bất biến, bất sinh, bất diệt. Đó là phần Thiên.
- Một phần Biến Thiên, ảo hoá. Đó là phần Nhân.

a. Phần vĩnh cửu, bất biến:

Đạo Lão gọi phần Vĩnh Cửu, Bất Biến đó là: Đạo, Cốc Thần, Thái Cực, Thiên, Đạo Tâm, Thiên Tâm, Thiên Địa chi tâm, Chủ Nhân Ông, Đơn v.v...

Châm thạch tử viết:

Thiên Tâm giả, Bản Thể dã, Chủ Nhân Ông dã. 天心者本體也，主人翁也。^[2]

Vì biết mình có Đạo bất biến, vĩnh cửu ẩn tàng bên trong, nên Trang Tử mới nói:

“Thiên Địa dữ ngã tịnh sinh, 天地與我並生
Nhi vạn vật dữ ngã vi nhất.” 而萬物與我為一

Dịch:

*Ta và Trời đất cùng sinh,
Ta và muôn vật sự tình chẳng hai.*^[3]

Từ Viên Tiên Sư viết:

Đương thời vị hữu tinh hà đầu, 當時未有星河斗
Tiên hữu Ngô, đương hậu hữu thiên. 先有吾當後有天^[4]
thiên.

Dịch:

*Trước khi Thiên Hán, quần tinh có,
Trước có Ta, sau mới có Trời.*

Và:

Ngã thể bản đồng Thiên địa lão, 我體本同天地老
Tu Di sơn đảo, tính do tồn. 須彌山倒性猶存^[5]

Dịch:

*Tính ta vốn thọ cùng trời đất,
Tu di sơn đảo, tính do tồn.*

b. Phần Biến Thiên, ảo hoá nơi con người: gồm Nhục thân (xác) với lục căn (Nhãn, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân, Ý), Nhân Tâm (Hồn), với Thất Tình (hỉ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục).

Chia con người thành 2 phần biến, hằng như vậy, chẳng những hiểu được tinh hoa Đạo Lão, mà còn hiểu được các Đạo Giáo Á Đông, các Mật giáo Âu Châu.

Âm Phù Kinh viết:

Thiên tính nhân dã,	天性人也
Nhân Tâm cơ dã.	人心機也
Lập Thiên chi đạo	立天之道
Dĩ định nhân dã	以定人也

Dịch:

*Thiên Tính là người,
Nhân Tâm là máy.
Lập ra Thiên Đạo,
Để định con người*

Sách **Tiên Học Tập Cẩm** của Cung Tòng Tiên, có đoạn như sau:

“Cái Thân ảo hoá là Nhục Thân (Xác). Cái Tâm ảo hoá là Nhân Tâm.

Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý đều do **ảo thân** mà ra.

Mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, muốn đều do **Nhân Tâm** mà ra.

Lục căn (**Ảo Thân**) mỗi mỗi đều đủ để làm hại sinh mệnh.

Thất tình, vọng niệm (**Nhân Tâm**) mỗi mỗi đều có thể đưa đến cỗi chết.

Còn như cái **Thân** chân chính đó là **Pháp Thân**.

Cái **Tâm Chân Chính** đó là **Thiên Tâm**.

Ngũ tính nhân duyên (tức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín), nơi Pháp Thân đều là những mầm mống giúp ta thành Đạo.

Ngũ Ban chí Bảo (tức là Nguyên Tinh, Nguyên Khí, Nguyên Thần, Nguyên Tánh, Nguyên Tình nơi Thiên Tâm), đều là vật liệu giúp ta luyện đơn.

Đem dùng những chất liệu ấy mà tu luyện, sẽ khởi tử, hoàn sinh, cải lão, hoàn đồng.

Vì con người không biết mình có Pháp Thân và Thiên Tâm, nên Pháp Thân mai một, Ảo Thân dụng sự, Thiên Tâm thoái vị, Nhân Tâm đương quyền.

Thiên Tâm bất cấu, bất tịnh, chí hư, chí linh, cảm nhi toại thông, đó là nơi nương tựa của Tính.”^[6]

Có người hỏi Doãn Chân Nhân về Lý Thái Cực. Chân Nhân đáp:

“Thái Cực là Thiên Tâm nơi ta. Thích Thị gọi là Viên Giác, Đạo gọi là Kim Đơn, Nho gọi là Thái Cực.

Gọi là Vô Cực rồi Thái Cực, có nghĩa là Siêu Việt tuyệt đối. Con người khi chưa bẩm sinh, thoát kỳ thủy có điểm linh quang ấy, để làm chủ hình hài sau này, đó chính là Thái Cực.

Trước khi cha mẹ chưa sinh ra ta, cũng một điểm Thái Cực đó, vì chưa thuộc về hình hài, nên gọi là Vô Cực.

*Muốn biết Bản Lai Chân Diện Mục,
Một vầng sáng láng lúc chưa sinh...”* ^[7]

Phàm nhân thì sống phù phiếm, lênh đênh, chìm nổi, trên cái thế giới hiện tượng ấy, chỉ biết những gì là sắc tướng, chỉ thích những gì là phù hoa, chỉ chuộng những gì là phù phiếm bên ngoài, lạc lõng trong muôn sai ngàn biệt, bị ngoại cảnh chi phối, thất

tình lục dục đẩy đưa; bị từ ngữ, tư tưởng ám nhãn, manh tâm; thu hẹp con người vô hạn của mình vào trong gông cùm của không gian, thời gian, hình hài, sắc tướng hữu hạn.

Thánh nhân trái lại, xuyên qua được bức màn hiện tượng ấy, vào tới được thế giới Chân Tâm vô biên, vĩnh cửu, thế giới của vĩnh cửu, trường tồn; xuyên qua được tâm thức để vào tới Hư Vô, Chân Thể, đồng đẳng với Thái Hư.

Chính vì vậy mà sách **Tham Đồng Khế** có câu:

Thánh Nhân tiềm thâm uyên

聖人潛深淵

Phù du thủ qui trung

浮游守規中。^[8]

Dịch:

Chân Nhân sống rất thâm trầm,

Nhờ nhờ, khinh khoáng, ôm cầm khuôn thiêng.

Tính Mệnh Khuê Chỉ có câu:

Ly chủng chủng biên,

離種種邊

Doãn chấp quyết Trung.

允執厥中^[9]

Dịch:

Lìa xa hết mọi vòng ngoài,

Trong Tâm giữ vững, chẳng rời tác gang.

Để hiểu rõ con người, ta lập đồ bản sau:

Thái Cực	Thần	Tiên Thiên nhất khí	Chân, Vô vi, Tính, Vô Dục, Tuyệt đối, Bất sinh, Bất tử.
Âm Dương	Hồn/ Phách	Khí (Chân Khí) Phách (Tinh)	Vọng, Hữu Vi, Sinh, Tử, Luân Hồi
Tứ Tượng Ngũ Hành	Lục Phủ (Xác) Ngũ tạng (Xác)	Ngũ Vị Tinh Hoa ngũ cốc.	Vọng, Hữu Vi, Sinh, Tử, Luân Hồi

Nhìn vào đồ bản trên, ta thấy con người có 3 phần. **Thần, Hồn, Xác.**

Thần thời Bất biến. Đó là phần Thiên. Đó là Thái Cực trong ta.

Còn Hồn, Xác là phần biến thiên, luân hồi, sinh tử.

Chúng ta hay Lão Tử, hay Trang Tử, Liệt Tử hay chư Tiên trong Đạo Lão, cũng đều có một Thái Cực, một Thần, một Đạo như nhau nơi căn cốt. Mọi người khác nhau là từ ở các tầng lớp biến thiên nơi hồn phách, trí não, lục phủ, ngũ tạng bên ngoài.

Chúng ta khác với Lão Trang, chẳng những vì tâm hồn, thể phách khác nhau, mà còn khác hơn nữa là vì Lão, Trang thời biết trở về khế hợp với Đạo, với Thái Cực nơi tâm, biết:

Phục qui ư Vô Cực. (**ĐĐK**, tr. 28)

Phôi Thiên (**ĐĐK**, tr. 68)

Hưu hồ Thiên Quân (yên nghỉ trong Trời) (**Nam Hoa Kinh**, ch. 2, C).

Đắc kỳ hoàn trung (vào được trung điểm doanh hoàn) (**Nam Hoa Kinh**, ch. 2, C).

Còn chúng ta thì cứ luẩn quẩn nơi các vòng sinh, tử, hiện tượng, ái, ô bên ngoài, vì thể không thoát được sự hấp dẫn của vạn hữu (Attraction Universelle, Attraction électro-magnétique), và vì thể không thể băng mình tới cõi siêu việt được...

Đã biết trong ta có Đạo, làm sao tìm cho ra, làm sao mà kiểm chứng?

1. Người xưa cho rằng: Muốn tìm cho ra Đạo, ra Thái Cực trong con người, phải trở về Nguyên Thủy, Gốc Gác, vì thế nên phải tìm Đạo khi con người thoát sinh thân, thụ khí.

Tử Dương Ông viết:

Khuyến quân cùng thủ sinh thân 勸君窮守生身處
xứ.

Lại viết:

Cùng thủ sinh thân thụ khí sơ 窮守生身受氣初

Hạo quái thiên cơ câu tiết tận 皓怪天機俱洩盡.^[10]

Trương Cảnh Hoà có thơ:

Hỗn nguyên nhất khí thị Tiên 混元一氣是先天
Thiên:

Nội diện hư vô, lý tự nhiên. 內面虛無理自然

Nhược hướng vị sinh tiền kiến 若向未生前見得
đắc,

Minh tri tất thị Đại La Tiên. 明知必是太羅仙^[11]

Dịch:

Hỗn Nguyên nhất khí ấy Tiên Thiên,

Tĩnh tĩnh, hư vô, khớp tự nhiên.

Từ trước sinh ra, tìm mới thấy,

Hiểu thông nhờ ấy, chính Chân Tiên.

2. Người xưa chỉ thêm rằng khi ta đã sinh ra, thì Đạo ở nơi sinh xuất ra mọi niệm lự. Người xưa gọi thế là “Niệm Đầu Động Xứ”

Trần Nê Hoàn nói: “Niệm đầu động xứ vi Huyền Tẩn”. [\[12\]](#)

3. Dẫu sao, thì Trời, thì Đạo cũng ở trong ta. Trang Tử viết: “**Thiên tại nội, Nhân tại ngoại.**” [\[13\]](#)

Sách *Thượng Phẩm Đơn Pháp Tiết Yếu* cũng quyết rằng Đơn, hay Đạo, hay Huyền Quan Khiếu, hay Tổ Khiếu chắc chắn là ở trong ta:

Tại Nhân thân trung

在人身中

Mạc hướng ngoại cầu.

莫向外求

và viện dẫn *Kim Đơn Tứ Bách Tự* của Trương Tứ Dương

Thử khiếu phi phàm khiếu,

此竅非凡竅

Càn Khôn cộng hiệp thành

乾坤共合成. [\[14\]](#)

4. Tổng tiên sinh trong bài *Giải Mê Ca* cho biết:

“Đạo đã ở sẵn trong Nê Hoàn nơi óc não con người (Nê Hoàn, Niết Bàn, Tâm):

Đạo bất viễn, tại Nê Hoàn.

道不遠，在泥丸。 [\[15\]](#)

5. Để giản dị hoá, và phổ thông hoá, cách thấy Đạo, thấy Trời, tôi cho rằng: Lương Tâm là Tiếng Trời. Lương Tâm là Đạo, là Trời.

Nghe được tiếng Lương Tâm là nghe được tiếng của Đạo, của Trời, là chứng minh được rằng trong Thân có Đạo, có Trời.

Lương Tâm thời hằng cửu, bất biến, Đông Tây, kim cổ ai cũng như ai, mà chỉ có Thái Cực, có Trời trong ta mới hằng cửu, bất biến, nên chắc chắn Lương Tâm là Thiên Tâm.

Còn Nhân Tâm thời biến thiên, nên chắc chắn đó là Vọng Tâm, là Tư Tâm.

Đạo Học Từ Điển bình về Lương Tâm như sau:

“Đó là Thiên Tâm chi Tâm, bốn lai chi linh tính. Ai ai cũng đều có đủ, lương tâm nào cũng hoàn mỹ, viên thành. Nho nói: Không nghĩ sai quấy, tức là nhận được tiêu chuẩn hoàn thiện của Lương Tâm. Thích nói: **Ly nhất thiết vọng tâm tức kiến Như Lai.** Như Lai tức Lương Tâm vậy. Đạo nói: Trừ nhất thiết phiền não, sẽ được tâm thanh tịnh.”

Nói đến Lương Tâm, không thể nào không nhắc tới một danh nho thời Minh là Vương Dương Minh (1472-1528) với Học Thuyết về Lương Tri của Ông. Trong phần phụ lục, sẽ sao lại những bài thơ bất hủ của Ông về Lương Tri, Lương Tâm.

2. HAI CHIỀU THUẬN, NGHỊCH NƠI CON NGƯỜI.

Nếu ở trong vũ trụ có 2 chiều tiến thoái, thuận nghịch, vãng lai, thì ở nơi con người cũng có 2 chiều tiến thoái thuận, nghịch đó.

Tưởng cũng nên nhắc lại:

Chiều Thuận là chiều từ Bản Thể sinh xuất ra hiện tượng.

Chiều Nghịch là chiều từ Hiện Tượng, vạn hữu quay trở về Bản Thể.

Theo **Tính Mệnh Khuê Chỉ** thì ở nơi con người, chiều Thuận được phác hoạ như sau:

TÍNH --> TÂM -> Ý --> TÌNH --> VỌNG (Mê Vọng).

Và chiều Nghịch:

VỌNG --> TÌNH --> Ý --> TÂM --> TÍNH. (Bản Thể). [\[16\]](#)

Nhiều sách khác cho rằng: Chiều Thuận là chiều Thần sinh Khí, Khí sinh Tinh.

Chiều Nghịch là chiều Tinh hoá khí, Khí hoá Thần, Thần hoàn Hư, phục qui Vô Cực.

Cũng nên ghi nhận rằng: trong chiều Thuận thời Thần Tán, Khí Sơ 神散氣疏.

Trong chiều Nghịch thì Thần Ngưng. Khí Tụ 神凝氣聚 [\[17\]](#)

Chiều Thuận sinh nhân, sinh vật.

Chiều Nghịch sinh Tiên, sinh Thần, thánh, Phật.

Tiên học từ điển định nghĩa:

Thuận là từ Vô nhập Hữu, Nghịch là từ Hữu nhập Vô, và đưa ra những câu:

Thuận sinh nhân, Nghịch sinh đơn (Trương Tam Phong).

Thuận vi Phàm, Nghịch vi Tiên, chỉ tại trung gian điền đảo điền. (Vô

Căn Thụ).

Thuận tắc sinh Phàm, Nghịch tắc sinh thánh.

Thị tắc sinh Nhân, sinh Đơn, lý vô nhị trí dã.

Nói cho rõ hơn, chiều Thuận là chiều hướng ngoại, đi ra ngoại cảnh. Chiều Nghịch là chiều hướng nội, đi vào nội tâm.

-Đi ra ngoại cảnh là đi vào Đời, bất kể ngoại cảnh ấy là đèn đài, miếu mạo, Thần, Phật, chỉ chi đi nữa.

-Đi vào nội tâm, mới là vào Đạo, mới là đi Đạo.

Có vậy mới hiểu được lời đức Thái Thượng:

“Ta từ vô lượng kiếp quan tâm đắc Đạo, và tới được Hư Vô.” [\[18\]](#)

Tính Mệnh Khuê Chỉ viết:

“Muốn thoát luân hồi, phải thể hợp với Chí Đạo, muốn thể hợp với Chí Đạo, tất phải quán chiếu Bản Tâm. Muốn quán chiếu Bản Tâm, tất phải nhắm mắt hồi quang, nhìn vào Hư Không, đem ánh sáng Tuệ Quang chiếu diệu vào nơi mà Thất Tình chưa nhen nhúm, nơi mà Bản Thể chưa bị Bát Thức làm ô nhiễm, ngoài thì tuyệt hết chư duyên, trong thì tuyệt hết chư vọng. Hợp nhãn quang, ngưng nhĩ vận, điều tỵ tức, khoá thiệt khí. Tứ chi bất động để cho ngũ thức của tai, mắt, mũi, lưỡi, thân quay về gốc gác, như vậy tinh, thần, hồn, phách, ý sẽ yên vị, suốt cả 12 giờ trong ngày, mắt luôn nội

quan, quán chiếu, nhìn vào Khiếu ấy; tai trở ngược lại lắng nghe Khiếu ấy; đầu lưỡi thường phong bế Khiếu ấy. Vận dụng, thi vi, niệm niệm không rời Khiếu ấy.” ^[19]

3. TÌM ĐẠO NƠI NHẤT NIỆM BẤT SINH.

Như vậy, đã biết Đạo ở nơi đâu, ta sẽ tìm được Đạo.

Người xưa biết rằng Đạo ở “niệm đầu động xứ”, nên đã nói:

Nhất niệm bất sinh, toàn thể
hiện, 一念不生全體現

Lục căn tài động, bị vân già. 六根裁動被雲遮 ^[20]

Dịch:

*Một niệm chưa sinh toàn thể hiện,
Lục căn vừa động bị mây che.*

Tùng Giang, Vương Cảnh Dương Duy Nhất nói:

Yếu tri Tính Mệnh an thân xứ, 要知性命安身處

Ý vị manh thời hợp Thái Hoà. 意未萌時合太和 ^[21]

Dịch:

*Biết nơi Tính Mệnh sinh thân xứ,
Lúc ý chưa sinh, hợp Thái Hoà.*

Lại nói:

**Dục niệm vị trừ, không học Đạo,
Tham tâm bất đoạn, mặc cầu Tiên.** ^[22]

Dịch:

*Dục niệm chưa trừ, không học Đạo,
Tham tâm chưa tuyệt, uống cầu Tiên.*

Tiêu Dao Đại Sư viết:

“Nếu mà một niệm không sinh tức thoát sinh tử. Tới được một nơi một niệm không sinh, là thấy được Bản Lai Diện Mục.” ^[23]

Hoài Nam Tử viết:” Thanh tĩnh vô vi, nhập ư Thiên môn”. ^[24]

Chúng ta kết luận bài này bằng 2 bài thơ tứ tuyệt:

Học Đạo, tu cùng Thiên Địa
Tâm, 學道須窮天地心

Hần văn thế thượng, hữu tri âm. 罕聞世上有知音
 Đô duyên thử lý nan khinh tiết, 都緣此理難輕洩
 Tận hướng bàng hê, khúc kính tâm. 盡向旁兮曲徑尋 [\[25\]](#)

Dịch:

*Học Đạo phải rành Thiên Địa Tâm,
 Ít nghe trần thế có tri âm,
 Toàn vì nhẽ ấy, không khinh tiết,
 Đường tà, nẻo vạy, mới đâm sầm.*

Duy Giác Thiền Sư viết:

Khuyến quân học Đạo, mạc tham cầu, 勸君學道莫貪求
 Vạn sự vô tâm, Đạo hợp đầu, 萬事無心道合頭
 Vô tâm thủy thể Vô Tâm Đạo, 無心始體無心道
 Thể đắc Vô Tâm Đạo đã hưu. 體得無心道也休 [\[26\]](#)

Dịch:

*Khuyến ai học Đạo chớ tham cầu,
 Vạn sự vô tâm, hiệp Đạo mau.
 Vô Tâm khế hợp Vô Tâm Đạo,
 Khế hợp Vô Tâm, Đạo mới cao.*

CHÚ THÍCH

[1] Thiên địa vị phân, Thái Cực tại thiên địa chi **thủy**; Thiên địa ký phân, Thái Cực tại Thiên địa chi **trung**.

Huỳnh Nguyên Kiết, Lạc Dục Đường ngữ lục, tr. 50.

[2] *Tiên Học*, tr. 30.

[3] Trang Tử, *Nam Hoa Kinh*, Tề Vật Luận.

[4] *Từ Viên Tiên sư chân kinh*, tr. 39a.

[5] *Như trên*, tr. 17a.

[6] **Ảo hoá chi thân, nhục thân dã. Ảo hoá chi tâm, nhân tâm dã.** Nhân, Nhĩ, Tị, Thiệt, Thân, Ý, câu ảo thân chi sở xuất. Hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục, giai Nhân Tâm chi sở xuất. Lục căn môn đầu, dạng dạng túc dĩ táng mạng. Thất tình, vọng niệm, kiện kiện năng dĩ chí tử. Chí ư Chân Chính chi thân, Pháp Thân dã. Chân Chính chi tâm, Thiên Tâm dã. Ngũ tính nhân duyên, câu giai thành Đạo chi chủng. Ngũ ban chí bảo, tận hệ luyện đơn chi tài. Thái chi, tu chi, khởi tử, hồi sinh, phản lão, hoàn đồng.

Đẫn thử thân “Thiên Tâm”, nhân đa bất thức, sở dĩ Pháp Thân mai một, ảo thân dụng sự; Thiên Tâm thoát vị, Nhân Tâm đương quyền.

Thử Thiên Tâm bất cấu, bất tịnh, chí hư, chí linh, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông. Thị tính chi sở ký dã.

Cung Tòng Tiên, Tiên Học Tập Cẩm, tr. 215.

[7] Thịnh văn Thái Cực chi lý.

Sư viết: Thái Cực giả ngô thân chi Thiên Tâm dã. Thích Thị viết: Viên giác, Đạo viết: Kim Đơn, Nho viết: Thái Cực.

Sở vị Vô Cực nhi Thái Cực giả, bất khả cực nhi cực chi chi vị dã. Phàm nhân thủy sinh chi sở, chỉ thử nhất điểm Linh Quang. Sở dĩ chủ tể hình hài giả, tức thử Thái Cực dã. Phụ mẫu vị sinh chi tiền, nhất phiến Thái Cực, nhi kỳ sở dĩ bất thuộc hồ hình hài giả, nãi vị Vô Cực dã.

Dục thức Bản Lai Chân Diện Mục,

Vị sinh thân xứ, nhất luân minh.

Liêu Dương diện mục vấn đáp thiên. tr. 2b.

[8] Lý Lạc Cầu, *Tiên Học diệu tuyển*, tr. 86.

Nguy Bá Dương, Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy. tr. 18a.

Nguy Bá Dương giải Chân Nhân là Nguyên Thân, và Giải Thâm Uyên là Thái Uyên, là Nê Hoàn Cung, là Thiên Cốc, là Thiên Đường, v.v...

Sách viết: Chân Nhân tức Nguyên Thần dã. Thâm Uyên tức Thái Uyên dã. Dĩ danh chúng đa, kim thí cử nhi ngôn chi viết:

Nê Hoàn Cung, Lưu Châu Cung, Ngọc Thanh Cung, Thuý Vi Cung, Thái Vi Cung, Thái Ất Cung, Thái Huyền quan, Huyền Cung, Huyền Môn, Huyền Thất, Huyền Cốc, Huyền Điền, Sa Môn, Đệ Nhất Quan, Đô Quan, Thiên Quan, **Thiên Môn**, Thiên Cốc, **Thiên Điền**, **Thiên Tâm**, Thiên Luân, Thiên Trục, Thiên Nguyên, Thiên Trì, Thiên Căn, **Thiên Đường**, Thiên Cung, Kiền Cung, Kiền Gia, Giao Cầm Cung, Ly Cung, Thần Cung, Thần Thất, Thần Quan, Thần Phòng, Thần Đô, Huyền Đô, Cốc Đô, **Cổ Hương**, Cổ Khưu, Cổ Lâm, Cổ Cung, Tử Phủ, Tử Kinh Thành, Tử Kim Đỉnh, Cống đỉnh, Ngọc Đỉnh, Ngọc Thất, Ngọc Kinh, Ngọc Vũ, Dao Phong, Đệ Nhất Phong, Tỏi Cao Phong, Chúc Dung Phong, **Côn Lôn Đỉnh**, Không Động Sơn, **Bồng Lai**, Thượng Đảo, Thượng Cung, Thượng Kinh, Thượng Huyền, Thượng Nguyên, Thượng Cốc, Thượng Thổ Phủ, **Thượng Đan Điền**. Kỳ danh tuy chúng, kỳ thật tắc nhất dã.

Thuý Hư Thiên vân: Thiên hữu thất tinh, địa thất bảo. Nhân hữu thất khiếu quyền qui nào.

Thái Cổ tập vân: Kim đơn vận đảo Nê Hoàn Huyệt, Danh tính tiên tương ký Thiên Đô, thị dã.

Cổ Đệ Nhất hồi nguyên chi Đạo, tổ lưu bách mạch, thượng bổ Nê Hoàn. Nào thực tắc Thần toàn, Thần toàn tắc hình toàn dã.

Kim Ngụy Công vị Chân Nhân tiếm thâm uyên, phù du thủ qui trung giả, tùy chân tức chi vãng lai, nhiệm chân khí chi thăng giáng. Tự chiêu chí mộ, Nguyên Thần thường thê ư Nê Hoàn dã. **Huyền Đình Kinh** vân: Tử dục bất tử tu Côn Lôn. **Tĩnh trung ngâm** vân: Ngã tu Côn Lôn đắc Chân Quyết. **Phục Mệnh Thiên** vân: Hội hướng ngã gia viên lý, tài bồi nhất mẫu Thiên Điền. **Hoàn nguyên Thiên** vân: Ngộ Đạo hiển nhiên minh khuếch lạc, nhân nhân đoan toạ vận Thiên Quan.

Thử nãi chí giản chí dị chi đạo...

Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy, tr. 18a.

[9] **Tính Mệnh Khuê Chỉ**, tr. 8b

[10] **Kim Đơn yếu quyết**, tr. 1b.

[11] **Tính Mệnh Khuê Chỉ**, q. Hanh, tr. 11a.

[12] **Tiên Học Từ Điển**, tr. 76.

Thượng Phẩm Kim Đơn bí quyết, tr. 2b.

[13] Nguyễn Duy Cần, **Nam Hoa Kinh**, Saigon, 1962, VII, Thu Thủy, tr. 486.

[14] **Thượng phẩm Đơn Pháp Tiết Yếu**, tr. 2b.

[15] **Tiên Học Diệu Tuyền**, tr. 139.

[16] **Tính Mệnh Khuê Chỉ**, q. Nguyên, tr. 13. Chương Thuận Nghịch Tam quan Đồ.

[17] **Tiên học Diệu Tuyền**, tr. 184.

[18] 太上曰: 吾從無量劫來觀心得道, 乃至虛無。

Thái Thượng viết: Ngô tông vô lượng kiếp lai, quan tâm đắc Đạo nãi chí Hư Vô.

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 3a.

[19] *Tính Mệnh Khuê Chỉ*, q. Hanh, tr. 2.

[20] Trương Chuyết tú tài.

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 5.

[21] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 121.

[22] *Như trên*. tr. 139.

[23] Nhược nhất niệm bất sinh tức thoát sinh tử. Hưởng thử nhất niệm bất sinh xứ, tức kiến Bản Lai Diện Mục.

Tiên Học diệu tuyển, tr. 141.

[24] P. Léon Wiegner, *Textes Philosophiques, Confucianisme, Taoisme, Bouddhisme*, Hien Hien 1930, tr. 333.

[25] Tùng giang, Dương cảnh Dương Duy Nhất, *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 140.

[26] *Tính Mệnh Khuê Chỉ*, q. Hanh, tr. 4b.

Phụ Lục mấy bài thơ về Lương Tâm, Lương Tri của Vương Dương Minh.

**1. Nhĩ thân các các hữu Thiên Chân,
Bất dụng cầu nhân, cánh vấn nhân.
Đẫn trí Lương Tri thành chức nghiệp,
Mạc tông cổ chỉ phí tinh thần.**

Thân anh ai nấy có Thiên Chân,

Khỏi phải cầu nhân, phải vấn nhân.

Hãy dựa Lương Tri, tu đức nghiệp,

Giấy cũ đọc chi, phí tinh thần.

**2. Lương tri tức thị độc tri thì,
Thử tri chi ngoại cánh vô tri.
Thùy nhân bất thức Lương Tri tại,
Tri đắc Lương Tri khước thị thùy?**

Lương tri thấy được lúc độc tri,

Ngoài biết ấy ra há biết gì?

Ai ai cũng có Lương Tri sẵn,

Hồ dễ mấy ai biết Lương Tri?

**Cá cá nhân tâm hữu Trọng Ni,
Tự tương văn kiến khổ già mê,
Nhi kim chỉ dữ chân đầu diện,**

Chỉ thị Lương Tri cánh mạc nghi.

Trong tâm ai cũng có Trọng Ni,
Kiến văn trù lấp, mới u mê,
Nay ta đem chỉ Chân Đầu Diện,
Chính thực Lương Tri chớ khá nghi.

**4. Vấn quân hà sự nhật động đồng,
Phiền não trường trung thổ dụng công.
Mạc đạo Thánh Môn vô khẩu quyết.
Lương Tri lưỡng tự thị Tham Đồng.**

Sao anh suốt buổi chạy Tây, Đông,
Trong vòng phiền não, uổng dụng công.
Đừng nói Thánh Môn không khẩu quyết,
Hai chữ Lương Tri chính Tham Đồng .

(Hai chữ Lương Tri trong đạo Không cũng có giá trị như bộ sách Tham Đồng Khế của Đạo Lão.)

**5. Nhân nhân tự hữu định bàn châm,
Vạn hoá căn nguyên, bản tại Tâm.
Khước tiểu tông tiền diên đảo kiến,
Chi chi điệp điệp ngoại đầu tâm.**

Trong ta ai cũng sẵn Nam Châm,
Căn nguyên vạn hoá sẵn nơi Tâm.
Nực cười ta trước nhìn lộn ngược,
Ngoại cảnh chi li vất vả tâm.

**6. Vô thanh vô xú độc tri thì,
Thử thị Kiên Khôn, vạn hữu ki.
Phao khước tự gia vô tận tạng,
Diên môn trì bát, hiệu bản nhi.**

Vô thanh, vô xú lúc độc tri,

Ấy thực Kiền Khôn, vạn hữu ki.

Vút bỏ cửa nhà kho vô tận,

Từng cửa ăn xin, thực thăm thê.

Léon Wiegier, *Textes Philosophiques*, tr. 259-260.

CHƯƠNG IX

DỊCH KINH YẾU CHỈ

CỐT TUỖ KINH DỊCH.

Học Dịch muốn cho có kết quả, phải tâm niệm rằng Dịch không phải là sách dạy bói toán, sấm vĩ, như người thường tưởng, mà chính là một cuốn sách Triết học, Đạo học, sâu sắc. Tác giả quyển: *Thái Cực quyền bồng* viết:

“Dịch là một phương pháp, một con đường đưa ta về với Trời.”

(Dịch chỉ vi thư, giáo nhân hồi Thiên chi đại kinh, đại pháp dã.

易之為書教人回天之大經大法也。)

Thái Uyên, một nho gia đời Tống, cho rằng:

“Người quân tử học Dịch, để tiến tới Thần minh.”

(Quân tử học Dịch chi chí ư Thần dã. ^[1]君子學易之至於神也)

Trương Kỳ Quân, một học giả Trung Hoa hiện đại, tác giả bộ *Trung Hoa ngũ thiên niên sử*, đã viết:

“Dịch là một sách học cả về Trời lẫn Người, khảo về nguồn gốc sự sáng tạo vũ trụ, để rõ lẽ kết hung, tiêu trường, tiến thoái, tồn vong. Nó là sách căn bản dạy Tu, Tề, Trị, Bình, nhón như là kinh luân quốc gia, nhỏ như là Tu thân xử thế. Nếu thâm đạt tinh hoa Dịch, mà đem áp dụng thì tất cả đều ở trong kinh đó.” ^[2]

Ông viết thêm:

“Sách Dịch là sách rộng rãi, bao quát, nhưng nói đại ý, nó chỉ cốt dạy: Trời, người hợp nhất.” ^[3]

Tiên Nho cho rằng: “Dịch là một sách đứng đầu mọi kinh”. ^[4]

“Dịch là nguồn gốc Ngũ Kinh” ^[5]

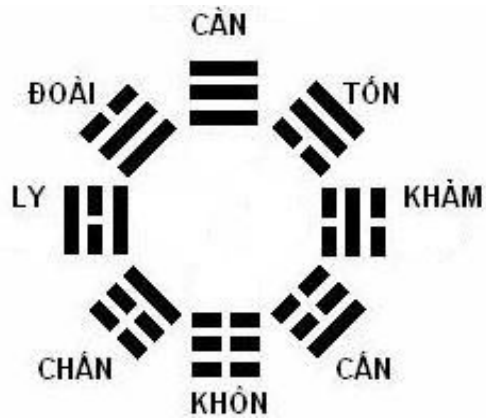
Dịch kinh nơi **Thuyết quái truyện** cũng viết:

“Dịch là một sách dạy cùng lý muôn vật, thấu suốt tính người, giúp con người đạt tới định mạng (sang cả) của mình.” ^[6]

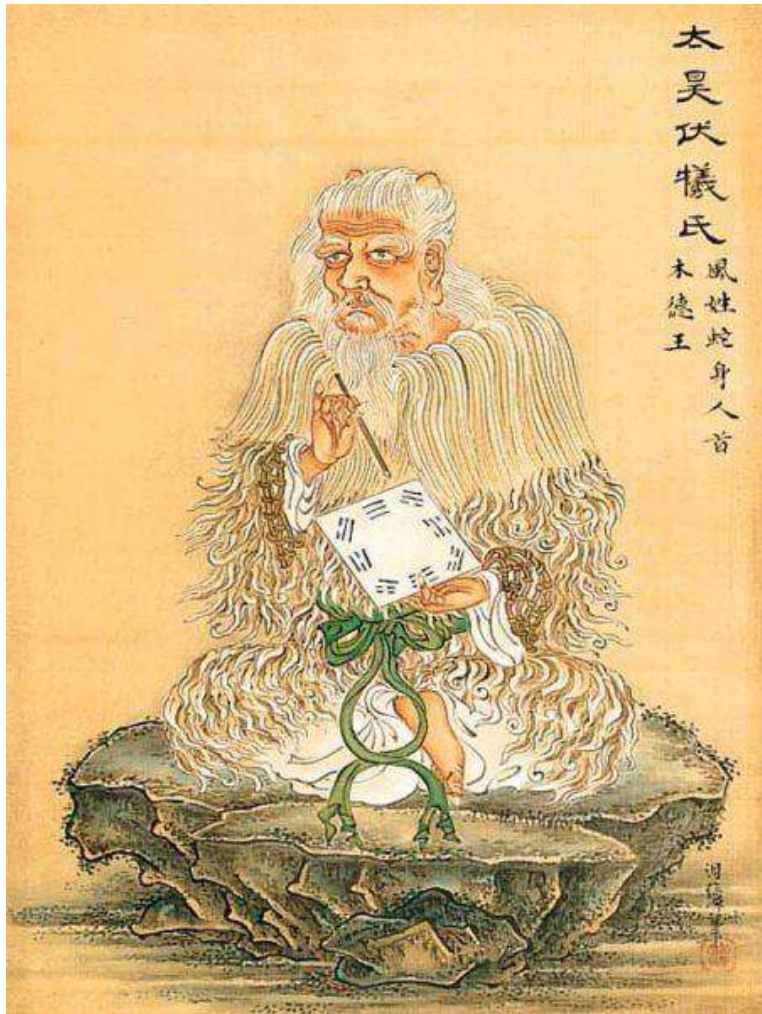
A. BỐN TÁC GIẢ KINH DỊCH.

Dịch có 4 tác giả:

-Phục Hi (c. 2852) vẽ Tiên Thiên Bát Quái.

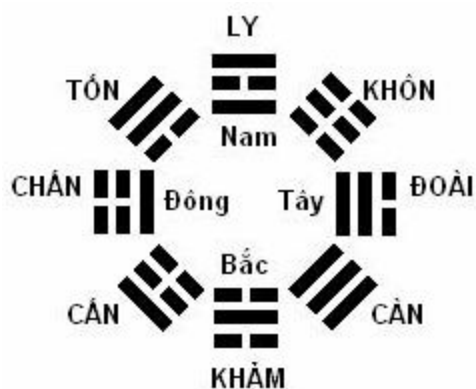


Tiên Thiên Bát Quái



Phục Hi và Tiên Thiên Bát Quái Đồ

-Văn Vương (1231-1135), vẽ Hậu Thiên Bát Quái, viết Thoán Từ.



Hậu Thiên Bát Quái

- Chu công (c. 1100) viết Hào từ.
- Khổng Tử (551-479) viết Thập Dục. Thập Dục gồm: Thoán (Thượng, Hạ Truyện),
- Tượng (Thượng, Hạ Truyện)
- Hệ Từ (Thượng Hạ Truyện)
- Văn Ngôn Truyện.
- Tự Quái.
- Thuyết quái
- Tập quái.

B. CHÌA KHOÁ MỞ CỬA DỊCH.

Ta có một chìa khoá giản dị để mở cửa Dịch. đó là:

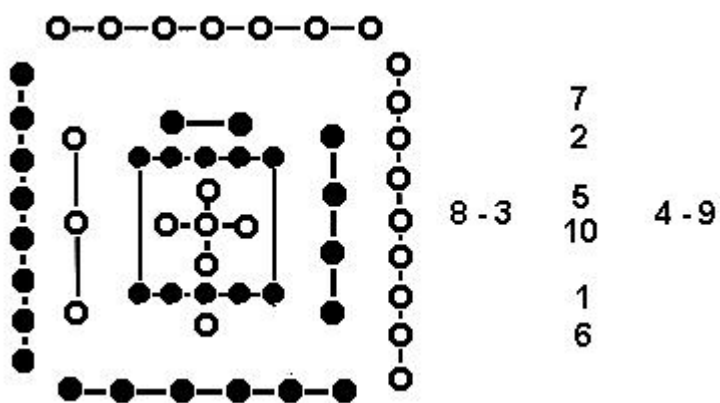
Vòng tròn với Tâm Điểm và hai chiều Vãng, Lai, Xuất Nhập.

Nếu ta chấp nhận:

1. Tâm Điểm là Thái Cực, là Bản Thể.

2. Vòng tròn bên ngoài là Vạn Hữu, Hình Tượng đa tạp, biến thiên, ta sẽ hiểu được ý nghĩa Hà Đồ, Lạc Thư, và vòng Dịch tiên thiên, hậu thiên.

Ta sẽ thấy nơi Hà Đồ:



(Hoả)

7

2

(Mộc)

(Thổ)

(Kim)

8/3

5/10

4/9

1

6

(Thủy)

5, 10 ở Trung Điểm là Thái Cực.

1, 2, 3, 4 bên ngoài là Tứ Tượng.

6, 7, 8, 9 là Biến Hoá.

7---> 9 = Dương tiến.

8---> 6 = Âm thoái.

Vạn Hữu chẳng qua là phân thể của Thái Cực:

$$2 + 3 = 5$$

$$1 + 4 = 5$$

Vạn Hữu nhờ có Thái Cực (5) mới biến hoá được:

$$1 + 5 = 6$$

$$2 + 5 = 7$$

$$3 + 5 = 8$$

$$4 + 5 = 9$$

Vạn Vật biến Hoá để trở về Thái Cực (10):

$$1 + 2 + 3 + 4 = 10$$

Lưu Nhất Minh viết:

Thái Cực là một điểm ở chính giữa Hà Đồ. Nhân bởi cái Tâm Điểm này là cái gốc rễ của Trời Đất, cội nguồn của Tính Mạng. ^[7]

Văn Đạo Tử viết: “Số 5 tượng trưng Thái Cực hàm tứ tượng. Điểm giữa của 5 điểm lại tượng trưng cho Thái Cực hàm Nhất Khí.” ^[8]

Toàn Du Diễm, nhà bình giải Tham Đồng Khê, bình về Hà Đồ như sau:

“Ngũ tán ra tứ phương, thành 6, 7, 8, 9; thế là Thủy, Hoả, Mộc, Kim đều nhờ đó mà thành. Nếu lấy các số 1, 2, 3, 4 ở tứ phương đem về Trung Ương sẽ thành 10. Thế tức là Thủy, Hoả, Kim, Mộc đều phản bốn, hoàn nguyên, và hợp tại nơi Trung Thổ. Ôi! huyền diệu thay!”

Ngộ Chân Thiên viết:

Lưỡng vật tổng nhân nhi sản mẫu,

兩物總因兒產母

Ngũ hành toàn yếu nhập Trung ương.”

五行全要入中央 ^[9]

Hồn Nguyên Bảo Chương vân:

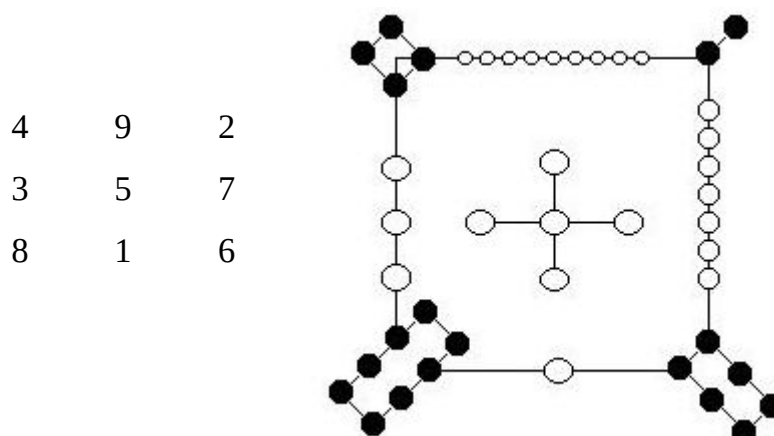
Tứ vị phân minh điên đảo dụng,

四位分明顛倒用

Ngũ hành đồng khởi, phục đồng qui.

五行同起復同歸 ^[10]

Như vậy thì ở Lạc Thư, số 5 ở Trung Điểm cũng là Thái Cực, căn nguyên và cùng đích vạn hữu (10/15)



Lạc Thư

8 ô bên ngoài là Vạn Hữu biến thiên.

Ta nhận thấy: trong Lạc Thư, 2 số đối đỉnh cộng lại đều thành 10. Các số ngang, dọc, chéo cộng nhau để thành 15, mà ta biết:

5 là Thượng đế lúc khởi nguyên.

10 là Thượng đế lúc chung cuộc.

15 là Thượng Đế thủy chung như nhất.

Lưu Nhất Minh cho rằng:” Trời có đức hiếu sinh, mượn con Thần Qui mà tiết lộ Đạo Phản Hoàn cho con người biết Qui Gia Nhận Tổ, giữ gìn Căn Bản Tính Mệnh của mình. Căn Bản tại chỗ nào? Ấy là tại một vạch tại Trung Cung của con số 5, chỗ gọi là Cửa Huyền Tồn là nơi đó:

Bởi vì tại nơi đó có một cái gốc của đất Trời...^[11]

Văn Đạo Tử, trong quyển **Giảng Đạo Tinh Hoa Lục**, cũng cho rằng: “Năm gạch ở giữa tượng trưng cho Thái Cực; một vạch ở giữa lại tượng trưng Thái Cực hàm nhất khí.”^[12]

Sách **Dịch Vĩ**, nơi quyển Hạ tr. 3b. (Càn Tạc Độ, q. hạ) chép đại khái như sau:

“ Thái Nhất là Thần Danh của Bắc Thần. Lúc ở Trung Cung, thì gọi là Thái Nhất. Lúc tuần du nơi Tám Quẻ thì gọi là Thiên Nhất. Có người nói Thái Nhất ra vào, dong chơi, nghỉ ở Tử Cung (Cung Tía, Trung Cung).^[13]

Tử Cung như vậy là Đế Đô. Tám cung bên ngoài như là Cung Quán của Thiên Tử nghỉ ngơi, khi đi tuần du. Cứ 4 cung lại trở về Trung Cung. Ta thấy:

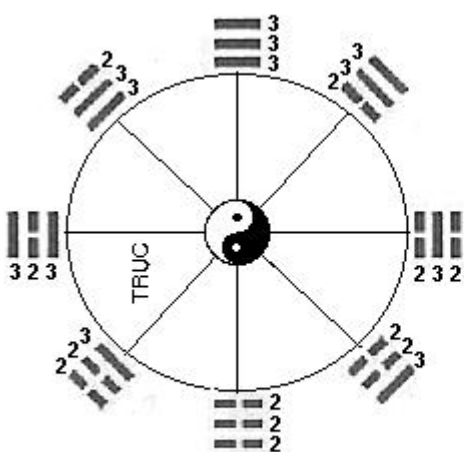
Nhất Khảm, Nhì Khôn, Tam Chấn, Tứ Tốn,

Ngũ Trung,

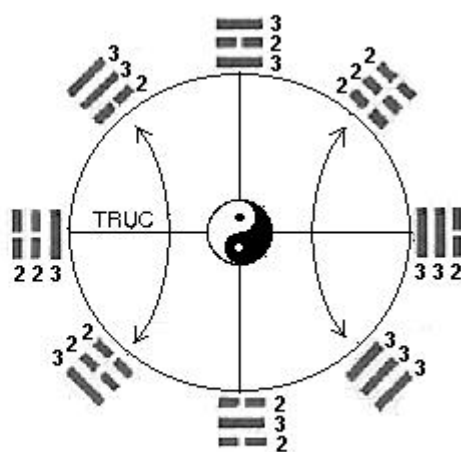
Lục Kiền, Thất Đoài, Bát Cấn, Cửu Ly.^[14]

Ở nơi Tiên Thiên hay Hậu Thiên bát quái, ta thấy 2 quẻ đối xứng cộng với nhau bao giờ cũng thành 15. (Nơi Tiên Thiên bát quái, Tâm là Đối Xứng, nên 2 quẻ đối đỉnh cộng vào với nhau thành là 15. Ta chấp nhận vạch Dương là 3, vạch Âm là 2.)

Nơi Hậu Thiên Bát Quái, thì trục đối xứng là trục Đông Tây.



BÁT QUÁI TIÊN THIÊN



BÁT QUÁI HẬU THIÊN

Bát quái, có khi thì có vẽ hình Thái Cực bên trong, có khi thì không. Mà Không lại cao siêu hơn có, vì Thượng Đế chính là Vô Hình.

Cho nên Bát Quái Tiên hay Hậu Thiên hoặc có hoặc không có hình Thái Cực ở giữa, đều tượng trưng cho Thượng Đế và Vạn Hữu, Vạn Tượng. Cho nên, mới giải thích được tục lệ xa xưa ở Việt Nam cũng như ở Việt Nam và Trung Hoa là việc treo hình Bát Quái trước cửa nhà, để trừ tà ma.

Học Dịch mà biết được huyền nghĩa của Trung Cung, Trung Điểm là biết được nửa pho Dịch rồi.

Mà như là từ trên xuống tới đây, ta đã thấy dù là ở Hà Đồ hay ở Lạc Thư, ở Tiên Thiên hay Hậu Thiên Bát Quái, hay Lục Thập Tứ Quái, bao giờ **Trung Cung, Trung Điểm cũng là Thái Cực, là Trời. Trời bao giờ cũng ẩn tàng trong lòng sâu vạn hữu, để làm căn cơ, làm trụ cốt, làm cốt lõi, để chủ trì tất cả mọi biến hoá.** Sau này, khi học đến con người, ta sẽ thấy áp dụng của Trung Cung, Trung Điểm, của Dịch Lý vào nơi con người, để tìm cho ra Căn Cơ Trời trong Ta.

Mới hay Trung Cung hết sức là quan trọng.

Thuý Hư Thiên viết: “Trung ương chính vị sản huyền châu.” ^[15]

Phục Mệnh Thiên viết: “Tứ tượng bao hàm qui Mậu Kỷ.” ^[16]

Kim Đơn Đại Thành viết: “Phân Minh biến hoá tại Trung ương.” ^[17]

Học Dịch mà biết được rằng **VẠN VẬT TÔNG TRUNG NHI KHỞI, TÔNG TRUNG NHI CHUNG** thời đã là quý lắm rồi. ^[18]

Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ viết, nơi chương 13:

Ngô kim lược thuyết tầm chân lộ,	吾今略說尋真路
Hoàng Trung Thông Lý tải Đại Dịch,	黃中通理載大易
Chính vị cư thể thị Huyền Quan,	正位居體是玄關
Tí Ngọ trung gian, kham định tức.	子午中間堪定息
Quang hồi tổ khiếu, vạn Thần an. ^[19]	光回祖竅萬神安

Dịch:

*Ta nay truyền dạy đạo Trời,
Nương theo Dịch Lý dạy người điểm Trung.
Huyền quan ở chính giữa lòng,
Giữa chừng Tí Ngọ khơi dòng Thần Tiên.
Hồi quang soi tỏ căn nguyên,
Căn nguyên rạng rỡ, ước nguyện thoả thuê.*

Sách **Huyền Không bí chỉ** của Ngô Cảnh Loan viết:

Bất tri lai lộ, yên tri nhập lộ,	不知來路焉知入
Bàn trung bát quái giai không.	盤中八卦皆空
Vị thức nội đường,	未識內堂
Yên thức ngoại đường	焉識外堂
Cục lý ngũ hành tận thác. ^[20]	局裡五行盡錯。

Dịch:

Đường về chẳng rõ tiêu hao,
 Làm sao biết được lối vào Trung cung.
 Thế là Bát Quái thành không,
 Thế là vòng Dịch uổng công vẽ vờ.
 Bên trong mù mịt tăm hơi,
 Làm sao biết được bên ngoài mà mong.
 Thế là bố trí như không,
 Ngũ hành thác loạn, rối tung, rối bời.

2. Hai chiều vắng lai của Dịch cho thấy vòng Dịch biến hoá có chu kỳ, thăng giáng, vắng lai, có thời tiết.

Lục Tượng Sơn (1139-1192) bình:

“Đạo Dịch là nhất Âm, nhất Dương có vậy thôi. Trước, sau; đầu, cuối; động, tĩnh; sáng, tối; trên, dưới; tiến, lui; đi, về; đóng, mở; đầy, vơi; tiêu, tức; tôn, ti; quý, tiện; biểu, lý; ẩn, hiện; hướng, bối; thuận, nghịch; còn, mất; được, thua; ta, vào; làm, cất, đi đâu mà chẳng có một Âm, một Dương.” ^[21]

Như vậy, là nắm được Dịch Lý rồi vậy.

Suy ra thì chiều biến hoá của Dịch đúng là có 2 chiều:

Một chiều Tán, chiều Vãng, chiều Hướng Ngoại, chiều Giáng.

Từ Lý ra Khí, ra Hình tượng, ra Chất.

Từ Thái Cực ra Âm Dương, ra Tứ Tượng, ra Bát Quái. Đó là chiều sinh Nhân, sinh Vật. Trong chiều này, nói theo danh từ Khoa Học bây giờ, thời:

-Khí lực ngày một suy.

-Ba động ngày một lớn.

-Tần số ngày một giảm.

Đó là chiều từ Vô Hình vào Hữu Hình.

Một chiều Tu, chiều Lai, chiều Hưởng Nội, chiều Thăng.

Trong chiều này:

-Khí lực ngày một tăng.

-Ba động ngày một ngắn.

-Tần số ngày một cao.

Đó là chiều từ **Hữu Hình trở về Vô Hình.**

Hai chiều này hoàn toàn ngược nhau.

Bát quái tiên thiên và Lục Thập Tứ Quái Tiên Thiên cho thấy rất rõ ràng 2 chiều biến hoá xuôi ngược này.

Nếu ta chia vòng Dịch tiên thiên thành 2 nửa theo trục Bắc Nam, ta sẽ thấy:

Nửa Phải là chiều Âm trưởng, Dương tiêu.

Nửa trái là chiều Âm tiêu, Dương Trưởng.

Và 2 quẻ 2 bên mà đối đỉnh nhau thì sẽ hoàn toàn Âm Dương ngược nhau, thành thử chỉ cần biết 1/2 vòng Dịch tiên Thiên, ta sẽ suy ra được 1/2 vòng bên kia.

Số như vậy, chia làm 2 thành phần:

Vãng, chiều đi ra, Dịch gọi là chiều Thuận (Sinh Nhân, sinh Vật); Lai chiều đi vào, Dịch gọi là chiều Nghịch (Sinh Thánh, sinh Thần). Dịch quý chiều Nghịch hơn chiều Thuận. Chính vì thế mà **Thuyết quái Truyền** nơi chương 3, viết:

Số vãng giả Thuận, tri lai giả Nghịch, thị cố Dịch nghịch số dã.

Dịch:

Dịch Kinh có số Ngược chiều,

Ngược chiều thế sự, khinh phiêu về nguồn.

C. SƠ LƯỢC VỀ DỊCH KINH.

1. Dịch có nhiều nghĩa:

Bất Dịch, Biến Dịch, Giao Dịch, Dễ.

Bất Dịch khi đề cập đến Bản Thể Vũ Trụ là Vô Cực, Thái Cực.

Biến Dịch như khi bàn về hào quái biến thiên, vạn vật luân lưu, biến hoá. Ví dụ: Tôn biến hai hào Dương thành quẻ Khôn, Cấn biến 2 hào Âm thành quẻ Kiền.

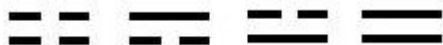
Giao Dịch tức là trao đổi lẫn nhau, ví dụ hiện tượng mua bán. Ví dụ quẻ Kiền và quẻ Khôn trao đổi lẫn nhau hào giữa, thành Khảm Ly. Khảm, Ly trao đổi lẫn nhau Hào Dương trên cùng và hào Âm dưới cùng biến thành Chấn Đoài.

Từ Âm Dương, đến Tứ Tượng, Bát Quái...lục thập tứ quái biến hoá đều theo 1 phương pháp: Đó là **Gia Nhất Bội Nhị.**

Ví dụ: Âm Dương muốn sinh ra Tứ Tượng, Ta viết: Âm hai lần, Dương 2 lần. Ta có:

— — — — —

rồi viết chồng lên trên 1 Âm, 1 Dương. Ta có:



Ví dụ : muốn từ Tứ Tượng lập thành Bát Quái, ta viết mỗi tượng thành hai.



Trên mỗi Tượng, ta thêm 1 Âm, hay 1 Dương (Gia Nhất), ta có:



Từ 8 quẻ, đến 64 quẻ, muốn lập thành cho nhanh, ta theo phương pháp Nhất Trình Bát Hồi: một quẻ nằm, tám quẻ chạy. Nghĩa là ta vẽ một vòng tròn, chia thành 8 ô đều nhau. Mỗi ô, ta viết lại 8 Kiền, 8 Đoài, 8 Ly, 8 Chấn, 8 Tốn, 8 Khảm, 8 Cấn, 8 Khôn. Sau đó, trên mỗi 8 quẻ trong mỗi ô đó, ta viết lại đủ 8 quẻ Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn. Nếu ta thay : Kiền=1; Đoài=2; Ly=3; Chấn= 4; Tốn= 5; Khảm= 6; Cấn=7; Khôn= 8, ta sẽ có đồ bản sau:



2. Dịch kinh có ba loại ngôn ngữ:

Từ=Từ Ngữ.

Tượng= Hình ảnh.

Số= Các con số.

Ba loại từ ngữ ấy bổ túc lẫn nhau.

Ví dụ, muốn trình bày tư tưởng: Thái Cực, Bản Thể Duy Nhất của Vũ Trụ. Tuy là Duy Nhất, nhưng thực ra đã bao hàm cả Âm, lẫn Dương. Tuy là Nhất Nguyên nhưng lưỡng Cực.

Dịch Kinh đã trình bày tư tưởng này bằng:

a) Hình vẽ Thái Cực.

b) Bảng chữ Dịch. Dịch gồm Nhật, Nguyệt, tượng trưng cho Âm, Dương.

c) **Bảng Số 5 (3+2) hay 15 (9+6).**

Ví dụ, khi muốn trình bày tư tưởng: *Thái Cực tạo dựng nên vũ trụ bằng phương pháp phóng phát, sinh hoá, qua phân*, Dịch Kinh trình bày như sau:

a) **bằng từ ngữ:** “Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát quái”.

b) **Bảng Số:** 1 chia 2, 2 chia 4, 4 chia 8, 8 chia 16, 16 chia 32, 32 chia 64.

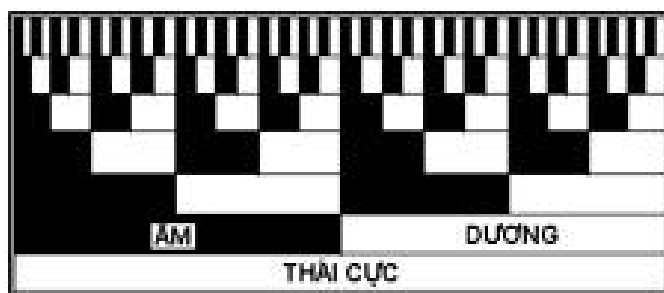
c) **Bảng Hình ảnh:**

1) Vòng Dịch hình tròn.



Trong đó, Thái Cực ở Trung Điểm, như vầng Dương tung toả ra muôn ngàn hào quái, muôn ngàn hiện tượng, vạn linh, vạn hữu bên ngoài.

2) Dịch xếp theo hình dài.



Trong đó, Thái Cực như một gốc cây duy nhất ở dưới, Vạn Hữu như muôn cành lá xum xuê ở bên trên.

3. Đại ý Dịch Kinh.

Dịch bàn về 2 chiều, 2 mặt biến hằng của vũ trụ.

Dịch chủ trương:

-Thái Cực là nguồn gốc sinh ra vạn tượng, vạn hữu, vũ trụ quần sinh.

-Âm Dương là 2 động lực tương thừa, tương khắc, tương chế, tương thành, tạo nên mọi biến hoá.

Âm Dương cho ta thấy cấu trúc sơ khởi của vạn tượng. Dịch nói Âm Dương, thì khoa học ngày nay nói électron (Âm), proton (Dương). Phân tử (molécule) vừa là ba động (onde), vừa là phân tử (particule). Phân tử, xét về phương diện cơ cấu, thời gồm có 2 phần chính: Đó là:

1) Khinh tử (Leptons) gồm protons 0, neutron 0, électron 1, méson 2069.

2) Trọng tử (baryons) gồm:

protons: 1836, 12

a) Nucleons: (neutrons 1838, 65)

b) Hyperons: Lambda 2182.

Sigma + 2328.

Sigma -2342.

Sigma 0 2330.

Ksi -2383.

Ksi 0 5579 v.v...

Âm Dương cũng cho thấy hai chiều: động, tĩnh; vãng, phản; doanh, hư; tiêu, tức; phục, khởi (latence & dominance), thăng trầm của một nguyên khí khi biến hoá.

Tứ Tượng cho ta thấy 4 yếu tố chính tạo nên muôn vật. Đó là:



Hoặc là 4 thứ acides cơ bản (A = Adenine; G: Guanine; C = Cytosine; T = Thymine), sẽ tạo thành ra 64 thứ Nucleotides trong mọi cơ thể sinh vật sau này.

Có cái lạ là Dịch chủ trương: Tứ tượng chồng lên nhau từng Ba một sẽ tạo thành 64 quẻ, thì theo Génétique (Di Truyền học) cũng chủ trương nếu lấy 4 thứ acides nói trên, chồng lên nhau, từng Ba một, sẽ tạo nên 64 nucleotides.

Nếu ta nhận:



và chồng lên nhau Ba lần, ta sẽ có đồ bản sau, và chỉ cần thay A, G, C, T bằng các ký hiệu Thái Dương, Thiếu Dương, Thiếu Âm, Thái Âm, ta sẽ có 64 quẻ Dịch theo đúng thứ tự của 64 quẻ Dịch Tiên Thiên Phục Hi:

1. AAA AAG AAC AAT AGA AGG AGC AGT

2. ACA ACG ACC ACT ATA ATG ATC ATT

3. GAA GAG GAC GAT GGA GGG GGC GGT
4. CCA CCG GCC GCT GTA GTG GTC GTT
5. CAA CAG CAC CAT GGA GGG GGC CGT
6. CCA CCG CCC CCT CTA CTG CTC CTT
7. TAA TAG TAC TAT TGA TGG TGC TGT
8. TCA TCG TCC TCT TTA TTG TTC TTT

(Xem Isaac Azimov, The Genetic Code, tr. 162-163. Phải chăng những hiện tượng sinh lý cũng đúng y như những định luật Dịch?)

Tứ Tượng cũng cho ta thấy định luật:

Sinh, Trưởng, Liễm, Tàng.

Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.

Định Luật Âm, Dương, Tiêu, Trưởng, cùng như định luật Tứ Tượng: Sinh Trưởng, Liễm, Tàng, có thể vẽ thành đồ biểu sau:



Và như vậy chúng ta có định luật Ba Động (loi ondulatoire) chi phối mọi sự biến hoá trong Trời Đất.

Bát quái thời tượng trưng cho vạn tượng, vạn hữu (Êtres, Phénomènes).

64 quẻ, thời tượng trưng cho muôn vạn hoàn cảnh trong vũ trụ, do vạn vật hoà với nhau hay bất hoà với nhau mà gây nên.

Những hoàn cảnh này, một khi có, sẽ mang ngay tính chất CÁT, HUNG, HỮU, CŨU.

Người quân tử hiểu Dịch, muốn XU CÁT, TỊ HUNG, thời phải biết nghiên cứu thể đứng của mình, nghiên cứu vị trí của mình trong xã hội, tùy mỗi giai đoạn tiến triển của hoàn cảnh, mà tìm cách đối phó cho linh hoạt, khi cương, khi nhu, khi tiến, khi thoái, để tránh cái DŨ, được cái HAY.

Thế là không cần bói toán, mà tự nhiên CÁT HUNG hình hiện. Không cần CẦU PHÚC, NHƯỜNG TAI mà tự nhiên TAI TIÊU, PHÚC CHÍ.

D. TIÊN THIÊN VÀ HẬU THIÊN.

Học Dịch cũng nên hiểu 2 chữ Tiên Thiên và Hậu Thiên

A. TIÊN THIÊN và HẬU THIÊN có thể hiểu được là TUYỆT ĐỐI (Thái Cực), khi chưa có đất trời hình hiện, và TƯƠNG ĐỐI (Âm Dương), khi đã có đất trời, vạn hữu hình hiện.

B. Nhưng TIÊN THIÊN và HẬU THIÊN còn mang một nghĩa khác:

Ta thấy HÀ ĐỒ và TIÊN THIÊN BÁT QUÁI thuộc TIÊN THIÊN.

HÀ ĐỒ có hình Tròn, theo chiều Thuận, chiều Ngũ Hành tương sinh. TIÊN THIÊN BÁT QUÁI khảo về Âm Dương nhị khí biến thiên.

LẠC THU' và HẬU THIÊN BÁT QUÁI chủ HẬU THIÊN.

LẠC THU' có 9 cung, vẽ theo hình Vuông, theo chiều Nghịch, chiều Ngũ Hành Tương Khắc. HẬU THIÊN BÁT QUÁI luận về sự thăng trầm, vượng tướng của hình hài, phong thái bên ngoài.

HẬU THIÊN là PHÁ THỂ, TIÊN THIÊN là TOÀN THỂ (Ly thay cho Kiền, Khảm thay cho Khôn).

Vì thế, học Dịch cần phải biết từ PHÁ THỂ trở về TOÀN THỂ. Đó là thuyết: Dĩ Khảm Điền Ly, mà sau này ta sẽ có dịp đề cập tới lại.

Hậu Thiên vẽ lại cuộc sống thực tế của con người, trong cảnh sống hình hài, cụ thể, tiếp xúc với môi trường bên ngoài, trong một thế giới đảo điên, tương đối, tương khắc

Hậu Thiên nương theo mặt trời, tức là nương theo 4 mùa. Ngày thời bắt đầu từ Dần, năm thời bắt đầu bằng mùa Xuân. Chiều buông được đánh dấu bằng vùng dương gác non Đoài, bằng giờ Dậu; cũng như cuộc sống trong nhà được đánh dấu bằng mùa Thu.

Hậu Thiên Bát Quái lấy bằng trục Chấn Đoài, hay trục Đông Tây làm trục đối xứng, lấy Chân Trời, Mặt Đất làm địa bàn hoạt động.

TIÊN THIÊN tượng trưng cho cuộc sống hồn nhiên bên trong, cuộc sống tâm linh. Cuộc sống tâm linh này được tượng trưng bằng HÀ ĐỒ vì HÀ ĐỒ theo Ngũ Hành Tương Sinh, và bằng Tiên Thiên Bát Quái hay Tiên Thiên Lục Thập Tứ Quái.

Vòng Dịch Tiên thiên lấy Tâm Điểm làm Tâm đối xứng, lấy trục TÍ, NGỌ, tức là Trục Trời, Đất làm giới hạn phân Âm Dương. 1/2 Âm phía phải vẽ lại 1/2 đời đầu con người. Khi ấy con người dần thân vào ngoại cảnh. 1/2 Dương phía Trái vẽ lại 1/2 đời sau con người, vẽ lại hành trình con người càng ngày càng tiến sâu vào nội tâm, để trở về Tâm Điểm, về Thái Cực Nguyên C ăn.

Đó cũng chính là La Kinh sống động mà Trời trao cho con người, vì La Kinh hay La Bàn cũng lấy Tâm Điểm Thiên Trì làm Tâm, lấy Kim Châm hay hướng Tí Ngọ làm Kim Chỉ Nam.

Ở nơi con người, thì trục Đông Tây của Hậu Thiên có thể coi như là Hoành Cách Mô, còn trục Tí Ngọ chính là Tuỷ Xương Sống. Tâm Điểm, hay Thiên Tâm, Thiên Trì, Thái Cực chính là ở Tâm Điểm Nê Hoàn Cung.

TIÊN THIÊN chủ KHÍ, HẬU THIÊN chủ HÌNH. Một đằng lo chuyện hình hài, xác thân; một đằng lo chuyện Tâm linh, hồn phách, với mục đích phản bản, hoàn nguyên, siêu phàm, nhập thánh.

TIÊN THIÊN, HẬU THIÊN không vì thế mà xa lìa nhau: Hậu Thiên như vỏ, như áo, hỗ trợ bên ngoài, Tiên Thiên như Tinh, như Hoa hoạt động bên trong. Hai bên hợp lại thành khúc hoà ca tuyệt diệu...

E. NHỮNG BÀI HỌC CHÍNH YẾU CỦA DỊCH KINH.

Dịch Kinh có những áp dụng hết sức là đa dạng:

-Nhà toán học trông vào, thấy:

Âm + Dương: $A + B$

Tứ Tượng: $(A+B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$.

Bát quái: $(A+B)^3 = A^3 + 3A^2B + 3AB^2 + B^3$

64 Quái: $(A+B)^6 = A^6 + 6A^5B + 15A^4B^2 + 20A^3B^3 + 15A^2B^4 + 6AB^5 + B^6$

LEIBNITZ nhìn thấy 64 quẻ từ KHÔN đến KIÊN là 64 số từ 0 đến 63, mã theo Toán Học nhị nguyên.

Dương Chấn Ninh, Lý Chính Đạo và nữ Bác Sĩ Ngô Kiện Hùng đã dùng định luật Dịch 3/2, để đo những phóng xạ của hạt nguyên tử khi nổ. Lúc ấy, những ly tử Âm và Dương hợp nhau lại thành ra 2 tia sáng, tia Dương dài bằng 3 đơn vị, tia Âm dài bằng 2 đơn vị, và các Ông đã đem định luật CỖ NGẪU BẤT ĐỒNG ĐẲNG của Dịch Kinh thay cho định luật ĐỒNG ĐẲNG (loi de parité) xưa của Khoa Học Âu Mỹ. Sự kiện này xảy ra năm 1957, và các nhà Bác Học đó đã được giải thưởng Nobel về Lý Học.

Ta cũng có thể dựa vào định luật Tụ Tán của Dịch Kinh để theo dõi những giả thuyết mới nhất của Thiên Văn Học, đó là sự khuếch tán hiện thời của vũ trụ, và sự thu xức của vũ trụ, trong tương lai.

Ta cũng có thể đem thuyết “Âm Dương hỗ vi kỳ căn” để sánh với phương trình $E=MC^2$, trong đó, E là Energie, là Năng Lượng; M là Masse, là Vật Chất, C^2 là vận tốc của ánh sáng lên bình phương.

Nhưng ta còn có thể dùng Dịch, để chứng minh tìm hiểu những vấn đề quan trọng hơn thế nữa, ví dụ: Đây là Trung Cung, Trung Điểm nơi con người? Thế nào là Phán Bản, Hoàn Nguyên? Thế nào là Đơn Đạo? Thế nào là Tiên Thiên, Hậu Thiên nơi con người? Những vấn đề này, sau đây, ta sẽ có đề cập tới.

Hiện nay, ta nhận định sơ khởi rằng Dịch dạy chúng ta nhiều bài học.

a. **Dịch dạy chúng ta đối thoại với Trời, với Thiên Nhiên.**

Mỗi một hiện tượng bên ngoài là một bài học mà Trời dạy chúng ta. Dịch nói: **“Thiên thủy tượng, hiện cát hung, thánh nhân tượng chi” (Hệ Từ Thượng, XI).** “Trời rủ hiện tượng xuống, cho cát hung hiện ra, thánh nhân lấy đó mà làm gương, mà bắt chước.”

Đại Tự Truyện quẻ Kiên viết: “Thấy Trời hoạt động không ngừng nghỉ, người quân tử cũng phải cố gắng không ngừng nghỉ.” (Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.)

Dịch kinh dạy: **Cương kiện trung chính (Văn ngôn quẻ Kiên: Đại tai Kiên hề, cương kiện, trung chính, thuần túy tinh dã.)**

Phải có một sức mạnh tinh thần mãnh liệt; phải biết xử sự theo đúng lẽ phải, xử sự cho thích đáng.

b. Dịch Kinh chẳng những dạy con người biết XU CÁT, TỊ HUNG, mà còn dạy lấy CÁT, HUNG, ĐẮC, THẤT, HỐI, LẬN mà xét xem mình đi đúng, hay đi sai với đường lối Trời, Đất, Người.

Phương pháp XU CÁT, TỊ HUNG của Dịch có thể toát lược như sau: Nhận định rằng con người lệ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh, nên nếu ta biết rõ hoàn cảnh, là biết được 1 phần lớn số phận cá nhân.

Hoàn cảnh hay dở khác nhau tùy năm, tùy tháng, tùy mùa, tùy ngày, tùy giờ, tùy tâm trạng quần chúng, tùy tình trạng chính trị, xã hội, tùy như ở chỗ quân tử thắng hay tiểu nhân thắng, tinh thần làm chủ hay vật chất làm chủ.

Tuy nhiên, trong cũng một hoàn cảnh, mỗi người lại có hay, có dở khác nhau, tùy tâm tư, chí hướng, tùy hoài bão, tùy tài đức, tùy địa vị xã hội, tùy tuổi tác, tùy như có người giúp hay không có người giúp, tùy như ở gần quân tử, quý nhân, hay tiểu nhân, tiện nhân.

Hành động ta có dở, có hay.

Hành động hay sẽ đem lại cho ta lợi ích (**cát, đắc**). Hành động hay là hành động hợp đạo lý, hợp tình, hợp cảnh (**Nguyên, Trinh**), đem lại hanh thông (**hanh**), ích lợi (**lợi**), không làm cho ta phải xấu hổ (**lận**). hay hối hận, phản nản (**hối**), không làm cho ai chê trách ta được (**vô cữu**).

Hành động dở sẽ đem lại cho ta hung họa (**hung, thất**), làm cho ta bần khoản, hối hận (**hối**), hay xấu hổ (**lận**).

Những hung họa ta gặp phải một phần lớn phát sinh vì:

- Chúng ta làm những công việc không thích hợp với tài cán, và ý thích chúng ta.
- Chúng ta cộng tác hay sống gần gũi những người không đồng tình, đồng ý, đồng quan niệm với chúng ta.
- Chúng ta cộng tác với kẻ tiểu nhân, với những người sống bừa phứa, không có lý tưởng.
- Chúng ta sống trong những hoàn cảnh không thuận tiện.

Vậy muốn sống đời sống lý tưởng, phải thuận theo đạo lý, tức là phải theo những định luật tự nhiên, không được gàng quai với thời gian, tuổi tác, với trời đất, với tha nhân. Phải tìm những hoàn cảnh thuận tiện mà sống, giao thiệp với những người mình thích, làm những công việc mình ưa.

Rồi lại phải tránh hung họa ngay từ lúc chúng còn chưa chớm phát, nghĩa là phải biết tiên liệu, đề phòng, phải biết tổ chức, sắp xếp, thêm bạn, bớt thù. Luôn luôn xét mình, xét trạng thái tâm hồn, xét hậu quả công việc, định mức cát hung, để biết rõ mình đi đúng hay đi sai với định luật trời đất, định luật thiên nhiên...

Dịch Kinh gọi thể là CÁT HUNG SINH ĐẠI NGHIỆP (Hệ từ thượng, chương XI).

Nhưng bài học cao siêu nhất mà Dịch dạy chúng ta, như Trương Kỳ Quân đã nói là: THIÊN NHÂN HỢP NHẤT.

c. Dịch đã cho thấy là giữa lòng mọi biến thiên đều đã ẩn tàng sẵn Thái Cực. Nếu vậy, thì giữa lòng mọi biến thiên của hình hài, tâm tư, trí não chúng ta, phải có Thái Cực. Biết rằng trong ta có Thái Cực, có căn cốt Trời, chúng ta sẽ có cơ tinh tiến vô biên vô tận.

Học Dịch như vậy, mới gọi được là:

Tinh nghĩa nhập thần dĩ trí dụng dã. (Hệ từ hạ, chương V).

Học cho tinh nghĩa, nhập thần,

Rồi ra áp dụng muôn phần hay ho...

PHỤ LỤC.

Bài thơ để nhớ 64 quẻ Tiên Thiên.

1. Ô Kiền:

Kiên I/1, Quải I/2, hồ thi Hữu (Đại hữu) I/3 Tráng (Đại Tráng) I/4 hoài, Súc (Tiểu súc) I/5, Nhu I/6, Súc (Đại Súc) I/7, Thái I/8. thi đầu thôi.

2. Ô Đoài:

Lý II/1, Đoài II/2, Khuê II/3, Muội II/4, Trung Phu II/ 5, Tiết II, 6.

Bất Tồn II, 7, Lâm II, 8 tiền trạch bạn lai.

3. Ô Ly.

Đồng Nhân III/1, Cách III/2, diện Hoả Đông Ly III/ 3,

Náo nhập Phong III/4, Gia (Gia Nhân) III/5, Tế (Ký Tế) III/ 6, Bí III/ 7, Di (Minh Di) III/ 8.

Ô. Chấn.

Vô Vọng IV/ 1, Tuỳ IV/2, nhân, Phệ Hạp III/ 3,

Chấn, IV/ 4

Ích, IV/5 Truân, IV/6 Di, IV/7 dạ, Phục IV/8, lôi phi.

Ô. Tốn,

Cấu V/1, quân, sơ Quài (Đại quá) V/2, Đỉnh, V/3 lô Hằng, V/4

Tốn V/5, Tỉnh V/6, phong thanh, Cổ V/7 nguyệt Thăng V/8.

Ô Khảm.

Tụng VI/1, Khôn VI/2, Vị (Vị Tế) VI/3 tri Giải VI/4, Hoán VI/5, Khảm VI/6,

Mông VI/7, Sư VI/8 chỉ xuất ngọc hồ băng.

Ô Cấn.

Độn VII/1, Hàm VII/2, Lữ VII/3, Quá (Tiểu Quá) VII/4, tửu gia liêm,

Tiêm VII/5, Kiển VII/6 sơn đầu, ngộ Cấn VII/7, Khiêm VII/8.

Ô Khôn.

Bĩ VIII/1, Tuy VIII/2 khả kham Tàn Tấn VIII/3 địa,

Dự VIII/4, Quan VIII/5, Tĩ VIII/6, Bác VIII/7, địa Khôn VIII/8 chiêm.

Giải thích: Trên đây là 4 bài thơ tứ tuyệt cho ta thứ tự 64 quẻ Tiên Thiên.

2 quẻ thành 1 bài thơ. Bài thơ 1, cho 2 quẻ Kiền, Đoài, Bài thơ sau cho 2 quẻ Ly, Chấn, v.v...

Số La Mã I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII chỉ tám quẻ nội quái (quẻ nằm dưới) : Kiền = I, Đoài = II, Ly = III, Chấn = IV, Tốn = V, Khảm = VI, Cấn = VII, Khôn = VIII.

8 số Ả Rập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 chỉ 8 quẻ ngoại quái (quẻ nằm trên): Kiền = 1, Đoài = 2, Ly = 3, Chấn = 4, Tốn = 5,

Khảm = 6, Cấn = 7, Khôn = 8.

Nên III/3 sẽ là quẻ Ly; V/7 sẽ là quẻ Cỏ v.v...

2. Hai bài thơ để nhớ vị trí 64 quẻ Hậu Thiên trong Kinh Dịch:

Thượng Kinh.

Kiền, Khôn, Truân, Mông, Nhu, Tụng, Sư,
Ti, Tiểu Súc hề Lý, Thái, Bĩ.
Đồng nhân, Đại Hữu, Khiêm, Dự, Tuy,
Cổ Lâm, Quan hề, Phệ Hạp, Bí,
Bác, Phục, Vô Vọng, Đại Súc, Di,
Đại Quá, Khảm, Ly, tam thập bị.

Hạ Kinh.

Hàm, Hằng, Độn hề cập Đại Tráng,
Tấn dữ Minh Di, Gia Nhân, Khuê,
Kiến, Giải, Tồn, Ích, Quải, Cẩu, Tuy,
Thăng, Khốn, Tỉnh, Cách, Đỉnh, Chấn, kế,
Cấn Tiệm, Qui Muội, Phong, Lữ, Tốn,
Đoài, Hoán, Tiết hề, Trung Phu chí,
Tiểu Quá, Ký Tế, kiêm Vị Tế.

Trong 2 bài thơ trên ta thấy 8 quẻ có gạch phía dưới. Đó là: Kiền, Khôn, Di, Đại Quá, Khảm, Li, Trung Phu, Tiểu Quá, là 8 quẻ **Thác**. **Thác là những quẻ lộn xuôi, ngược vẫn như nhau không đổi.** Còn 56 quẻ hay 28 cặp còn lại là quẻ **Tổng**. **Tổng là những quẻ hễ lộn lên sẽ thành quẻ khác.** Ví dụ: Truân lộn lên sẽ thành Mông, Nhu lộn lên sẽ thành Tụng, v.v... **8 quẻ Thác cộng với 28 quẻ Tổng là 36,** vì thế Thiệu Khang Tiết mới nói: Tam thập lục cung đô thị xuân.

64 quẻ, ý nghĩa, cách tìm ra 64 quẻ.

-Bĩ (Vận Bĩ, Bế Tắc) VIII/1; **12.** (Thiên Địa Bĩ)

-Bác (bóc lột hết Dương) VII/7; **23.** (Sơn Địa Bác)

-Bí (Vẻ Đẹp) III/ 7, **22** (Sơn Hoả Bí)

-Cấn (Núi; Ngừng Nghỉ) VII/7, **52** (Bát thuần Cấn)

-Chấn (Sấm) IV/4, **51** (Bát thuần Chấn).

-Cách (Thay đổi) III/2, **49** (Trạch Hoả Cách).

-Cầu (Gặp Gỡ) V/1, **44** (Thiên Phong Cầu).
 -Cổ (Hồng, hủ bại), V/7, **18** (Thiên Phong Cổ).
 -Dự (Đề Phòng), VIII/4, **16** (Lôi Địa Dự).
 -Di (Má, nuôi dưỡng), IV/7, **27** (Thiên, Lôi Di).
 -Đại Quá (Cái hay, cái lớn nhiều quá) V/2 , **28** (Trạch Phong Đại Quá).
 -Đại Súc (Hàm chứa nhiều) I/7. **26** (Sơn Thiên Đại Súc).
 -Đại Hữu (Có nhiều, có lớn) I/3, **14** (Hoả Thiên Đại Hữu)
 -Độn (Trốn Ẩn) VII/1, **33** (Thiên Sơn Độn)
 -Đồng Nhân (Hoà Đồng với người) III/1 **13** (Thiên Hoả Đồng Nhân).
 -Đỉnh (Thay cái mới vào) V/3, **50** (Hoả Phong Đỉnh)
 -Đại Tráng (Mạnh mẽ nhiều) I/4, **34** (Lôi Thiên Đại Tráng).
 -Đoài (Trầm, Đầm) II/2, **58** (Bát Thuần Đoài).
 -Giải (Giải thoát) VI/4, **40** (Lôi Thuỷ Giải).
 -Gia Nhân (Gia Đạo) III/5, **37** (Phong Hoả Gia Nhân)
 -Hàm (Cảm ứng) VII/2, **31** (Trạch Sơn Hàm)
 -Hằng (Hằng Cửu) V/4, **32** (Lôi Phong Hằng)
 -Hoán (Tiêu Tán, phá tán) VI/5, **59** (Phong Thuỷ Hoán).
 -Ích (Thêm cho) IV/5, **42** (Phong Lôi Ich)
 -Kiền (Trời) I/1 , **1** (Bát thuần Kiền).
 -Ký Tế (Đã thành tựu) III/6, **63** (Thuỷ, Hoả Ký Tế).
 -Khuê (Gàng Quải) II/3, **38** (Hoả Trạch Khuê)
 -Kiển (Bể tắc) VII/6, **39** (Thuỷ Sơn Kiển).
 -Khôn (Đất) VIII/8, **2** (Bát thuần Khôn).
 -Khốn (Khốn nạn) VI/2, **47** (Trạch Thuỷ Khốn).
 -Khảm (Nước, nguy hiểm) VI/6, **29** (Bát Thuần Khảm)
 -Khiêm (Khiêm tốn) VII/8, **15** (Địa Sơn Khiêm)
 -Lâm (Người trên đến với người dưới) II/8, **19** (Địa Trạch Lâm)
 -Ly (Lửa, bầm vùi) III/3 , **30** (Bát Thuần Ly).
 -Lý (bước lên trên, theo định luật tự nhiên) II/1, **10** (Thiên Trạch Lý)
 -Lữ (Lữ Thử) VII/3, **56** (Hoả Sơn Lữ)
 -Minh Di (Ánh Sáng bị lu mờ) III/8, **36** (Địa Hoả Minh Di)
 -Mông (trẻ thơ, mê muội, giáo hoá) VI/6, **4** (Sơn Thuỷ Mông)
 -Nhu (Chờ đợi, ăn uống) I/6, **5** (Thuỷ Thiên Nhu).
 -Phong (Thịnh Vượng) III/4, **55** (Lôi Hoả Phong).
 -Phục (Trở lại) IV/8, **24** (Địa Lôi Phục)
 -Phê Hạp (Nghien đứt để hoà hợp) IV/3, **21** (Hoả Lôi Phê Hạp).
 -Quan (Nhìn xem, quan sát) VIII/5 , **20** (Phong Địa Quan)
 -Quải (Quyết Định) I/2 , **43** (Trạch Thiên Quải)

- Qui Muội (Gái về nhà chồng) II/4, 54 (Lôi Trạch Qui Muội).
- Sư (Quân Sự) VI/8, 7 (Địa Thủy Sư).
- Tỉ (Qui Dân Tự Chúng để lập nước) VIII/6, 8 (Thủy Địa Tỉ)
- Thái (Thái Thịnh) I/8, 11 (Địa Thiên Thái)
- Tiêm (lớn từ từ, tiến triển từ từ) VII/5, 53 (Sơn Phong Tiêm)
- Trung Phu (Sự Thành Tín) II/5, 61 (Phong Trạch Trung Phu).
- Tồn (Bớt đi) II/7, 41 (Sơn Trạch Tồn)
- Tốn (Gió, thấm nhập) V/5, 57 (Bát thuần Tốn)
- Tuỳ (Theo) IV/2 , 17 (Trạch Lôi Tuỳ)
- Tấn (Tiến Lên) VIII/3, 35 (Hoả Địa Tấn)
- Tụ (Tụ Hợp) VIII/2, 45 (Trạch Địa Tụ)
- Tụng (Kiện Tụng) VI/1, 6 (Thiên Thủy Tụng)
- Tiểu Quá (Quá Mức ít nhiều) VII/4, 62 (Lôi Sơn Tiểu Quá)
- Tiểu Súc (Chứa Đựng ít, nuôi dưỡng ít, trở lực nhỏ) I/5, 9 (Phong Thiên Tiểu Súc).
- Tĩnh (Giếng) V/6, 48 (Thủy Phong Tĩnh)
- Thăng (lớn lên, tiến lên) V/8, 46 (Địa phong Thăng)
- Truân (Truân chuyên, Vất vả) IV/6, 3 (Thủy Lôi Truân).
- Tiết (Tiết Độ) II/6, 60 (Thủy Trạch Tiết)
- Vô Vọng (Không Nhắm, hồn nhiên, vô tội) IV/1, 25 (Thiên Lôi Vô Vọng)
- Vị Tế (Chưa thành tựu) VI/3, 64 (Hoả Thủy Vị Tế).

Bị Chú. Cách dùng 64 quẻ trên.

64 quẻ trên đây cho thấy cách thức vạch ra thành quẻ, bất kỳ là quẻ nào. 64 quẻ xếp theo ABC, nên dễ kiểm.

Mới đầu cho tên các quẻ, tiếp đến cho nghĩa quẻ, tiếp đến cho biết quẻ ấy nằm trong ô nào: I Kiền, II Đoài , III Ly, IV Chấn, V Tốn, VI Khảm, VII Cấn , VIII Khôn, và là quẻ thứ mấy trong ô đó: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.

Vậy cặp số La Mã và Ả Rập đi với nhau, vừa cho biết quẻ nằm trong ô nào, vừa là quẻ thứ mấy, và cho biết cách xếp thành quẻ.

Muốn vạch thành quẻ, trước hết:

Đổi số La Mã ra thành quẻ viết xuống dưới (nội quái), rồi đổi số Ả Rập ra thành quẻ, viết chồng lên trên. (ngoại quái).

Ví dụ: Ta thấy Vô Vọng IV/1, 25, ta biết ngay Vô Vọng là ở trong Ô Chấn và là quẻ thứ I,

Ta đổi IV thành Chấn, viết xuống dưới. (nội quái, hạ quái).

Ta đổi 1 thành Kiền và viết chồng lên trên. (ngoại quái, thượng quái).

Con số 25 sau chỉ cho biết quẻ Vô Vọng là quẻ thứ mấy trong bộ Kinh Dịch. Nếu ta ghi nhớ Kinh Dịch có Thượng Kinh và Hạ Kinh. Thượng Kinh có 30 quẻ, Hạ Kinh có 34 quẻ, thì ta thấy ngay quẻ Vô Vọng là ở gần cuối Thượng Kinh, vì là quẻ thứ 25. Các quẻ khác cũng như vậy mà suy ra.

Cuối cùng, cho biết cách đọc quẻ và vẽ quẻ theo lối người xưa. Nếu ta biết rằng:

Kiên vi Thiên.

Đoài vi Trạch.

Ly vi Hoả.

Chấn vi Lôi.

Tốn vi Phong.

Khảm vi Thuỷ.

Cấn vi Sơn.

Khôn vi Địa.

Thì ta cũng vẽ được thành quẻ. Ví dụ, ta thấy Thiên Lôi Vô Vọng, thì ta liền biết quẻ Vô Vọng, phía trên là quẻ Kiên, phía dưới là quẻ Chấn. Như vậy ta sẽ vẽ ngay được.

CHÚ THÍCH

[1] Trùng biên, *Tổng Nguyên Học Án*, q. 3. tr. 878.

[2] Dịch chi vi thư cùng Thiên, Địa, Nhân chi tế; cứu tạo hoá chi nguyên, dĩ minh cát, hung, tiêu trưởng, tồn vong chi đạo, tu tề, trị, bình chi bản, đại nhi kinh luân quốc gia, tiểu nhi lập thân, xử thế, thể nhi dụng chi, vô bất tại thị.

Trương kỳ Quân, *Trung Hoa Ngũ Thiên niên sử*, q. 2. chương 12: Chu Dịch tr. 123.

[3] Dịch chi vi thư, quảng đại tất bị, vô sở bất bao, nhi ngũ kỳ yếu qui, tắc vi minh **Thiên Nhân hợp nhất chi Đạo**.

Như trên, tr. 123.

[4] Dịch quán quần kinh chi thủ.

易冠群經之首。

Như trên, tr. 123.

[5] Dịch vi ngũ kinh chi nguyên. **易為五經之元。**

[6] Dịch chi vi thư, cùng lý tận tính, dĩ chí ư mệnh.

易之為書窮理盡性以至於命。

Dịch kinh, Thuyết quái, chương 1, tiết ba.

[7] *Chu Dịch Xiển Chân*, Tam Tông Miêu xuất bản, tr. 21.

[8] Trung ngũ điểm hựu tượng Thái Cực hàm Tứ Tượng, Trung nhất điểm hựu tượng Thái Cực hàm Nhất Khí.

中五點又象太極含四象。中一點又象太極含一氣。

Văn Đạo Tử giảng đạo tinh hoa lục, tr. 9a.

[9] *Tham Đồng Khế phát huy*, tr. 24b.

[10] *Như trên*, tr. 24b, 25a.

[11] Lưu Nhất Minh, *Chu Dịch Xiển Chân*, Tam Tông Miếu xuất bản, tr. 29-30.

[12] Trung ngũ văn hựu tượng trung Thái Cực, Trung nhất văn hựu tượng trung Thái Cực hàm nhất khí.

中五文又象徵太極。中一文又象徵太極含一氣。

Văn Đạo Tử giảng Đạo Tinh Hoa Lục, tr. 11a.

[13] Thái Nhất giả Bắc Thần chi Thần Danh dã. Cư kỳ sở viết Thái Nhất, thường hành ư Bát Quái, nhất thần chi giao, viết Thiên Nhất.

Hoặc viết: Thái Nhất xuất nhập sở du, tức ư Tử Cung chi nội. ngoại kỳ tinh nhân dĩ vi danh yên. Cổ Tinh Kinh viết: Thiên Nhất, Thái Nhất chủ khí chi thần, hành do dĩ dã.

Tứ chính, tứ duy do bát Quái, Thần sở cư cố diệc danh chi viết Cung. Thiên Nhất hạ hành do Thiên Tử xuất, tuần thú tinh phương nhạc chi sự. Mỗi xuất tắc phục.

Dịch VI, q. hạ, tr. 3b.

[14] Thái Nhất hạ hành Bát Quái chi cung, mỗi Tứ nãi hoàn ư Trung Ương. Trung Ương giả, Bắc Thần chi sở cư, cố nhân vị chi Cửu Cung. Thiên Số đại phân, dĩ Dương xuất, Âm nhập. Dương khởi ư Tý, Âm khởi ư Ngọ. Thị dĩ Thái Nhất hạ cửu cung, tòng Khảm cung Thuỷ. Khảm Trung Nam Thuỷ diệc ngôn vô thích dã. Tự thử nhi tòng ư Khôn Cung, Khôn mẫu dã. Hựu tự thử nhi tòng Chấn Cung, Chấn trưởng nam dã. Hựu tự thử nhi tòng Tốn cung. Ký hựu tự thử nhi tòng Kiền cung. Kiền phụ dã. Tự thử nhi tòng Đoài Cung. Đoài thiếu nữ dã. Hựu tự thử nhi tòng ư Cấn cung. Cấn thiếu nam dã. Hựu tự thử nhi tòng ư Ly cung. Ly trung nữ dã. Hành tắc chu dã. Thượng du tức ư Thiên Nhất, Thái Nhất chi cung nhi phản ư Tử Cung. Tòng Khảm cung thuỷ, chung ư Ly cung.

Xem Dịch VI.

[15] *Như trên*. tr. 4a

[16] *Như trên*. tr. 3a.

[17] *Như trên*. tr. 11a.

[18] *Văn Đạo Tử giảng đạo tinh hoa lục*, tr. 9b.

[19] *Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ*, tr. 15.

[20] Ngô Cảnh Loan, *Huyền Không bí chỉ*.

[21] Dịch chi vi thư, nhất Âm, nhất Dương nhi dĩ. Tiên hậu, thuỷ chung. động tĩnh, hoi minh, thượng hạ, tiến thoái, vãng lai, hạp tịch, doanh hư, tiêu trưởng, xuất nhập, hành tàng, hà thích chi nhi nhất Âm, nhất Dương tại?

Trương Kỳ Quân, Trung Quốc Ngũ Thiên Niên Sử, q. 2, tr. 127.

CHƯƠNG X
THÂN HỌC MINH TUYÊN.
TÌM HIỂU VỀ CON NGƯỜI.

Hai chữ Thân Học thực ra không phải là chữ mới mẻ. Nó được rút ra từ quyển Huỳnh Đình Ngoại Cảnh do Tung Ân Tử chú, xuất bản năm 1793, nơi quyển Thượng, tr. 15a.

Chương này có mục đích trình bày tách bạch về con người, về cơ thể con người, để hiểu rành về con người, như vậy mới hiểu được cung cách tu luyện của đạo Lão.

Thất Chân Nhân Quả nơi đầu chương II, có thơ:

Liều ngộ do như dạ đắc đăng,	了悟猶如夜得燈
Vô song, ám thất, hốt quang minh	無窗暗室忽光明
Thử thân bất hướng kim sinh độ,	此身不向今生渡
Tiện hướng hà thời độ thử thân?	便向何時渡此身

Dịch:

*Ngộ rồi, như tối có ngọn đèn,
Nhà tuy không cửa, sáng chưng lên,
Thân này, chẳng tính kiếp này độ,
Đợi đến kiếp nào, độ cho nên?*

NHÂN THÂN TIỂU THIÊN ĐỊA.

Đạo lão cho rằng con người là tiểu thiên địa. **Tiên Học Từ Điển** nơi chữ Nhân, Thiên có viết:

“Nhân thân là 1 tiểu thiên địa. Trên trời, những vì tinh tú có thể đếm được là 84.000. Nhân thân có 84.000 ngàn lỗ chân lông.

Trời đất cách nhau 84.000 dặm, Tâm Thận cách nhau 8 tấc 4 phân.

Trời đất lấy 12 tháng làm 1 năm, nhân thân lấy 12 kinh làm 1 vòng.

Trời đất có Lục Khí, nhân thân có Lục Phủ.

Trời đất có Ngũ Hành, nhân thân có Ngũ Tạng.

Trời đất có Nhật Nguyệt, nhân thân có 2 mắt.

Trời đất có Gió Mây. Khí Gió Mây 1 ngày, 1 đêm lên xuống 25.500 độ. Nhân thân có khí Hô Hấp, Thở Nạp, một ngày, một đêm tiến xuất 25.500 lần. Mỗi phút có 16 tức (hô+hấp), 24 giờ có 1440 phút. Như vậy 1 ngày, 1 đêm có 23.040 tức.

Trời đất có Thiên Hà tiếp Hoàng Hà. Con người có Thiên Căn (Nê Hoàn) tiếp Địa hộ (Hội Âm= Vĩ Lư).

Trời đất có Mây, Mưa, Nhân Thân có Khí, Dịch.

Nguyên Hoà Tử cho rằng: Nhân Thân đại để đồng Thiên địa.

Chính vì thế mà Trời đất có Tam Thanh: Ngọc Thanh, Thượng Thanh, Thái Thanh, thì trong con người cũng có Tam Đơn:

-Nê Hoàn hay Thượng Đơn Điền là Ngọc Thanh Cung.

-Giáng Cung hay Trung Đơn Điền là Thượng Thanh Cung.

-Khí Hải là Hạ Đơn Điền hay Thái Thanh Cung. ^[1]

Trời có 9 cung, thì đầu con người cũng có 9 cung.

Trời có Thiên Môn, thì trong con người Nê Hoàn là Thiên Môn.

Nhập Dược Kính có thơ:

Nê Hoàn nhất khiếu đạt Thiên môn. 泥丸一竅達天門

Trực Thượng Hư Hoàng Ngọc Đế Tôn. 直上虛皇玉帝尊

Thử thị Chân Nhân lai vãng lộ, 此是真人來往路

Thời thời khoá hạc khứ triều nguyên. ^[2] 時時跨鶴去朝元

Dịch:

*Nê Hoàn một khiếu đạt Thiên Môn,
Thăng tới Hư Hoàng Ngọc Đế Tôn.
Ấy chính Chân Nhân lai vãng lộ,
Cưỡi hạc bằng chùng hướng phản hoàn. .*

Trời có Bắc Đẩu Thất Tinh (Thiên Cương):

1. Dublé : Khu Tinh, Khôi Tinh, Tham Lang,
2. Merak : Tuyền Tinh, Cự Môn.
3. Phecda : Ky Tinh, Lộc Tồn.
4. Megrez : Quyền Tinh, Văn Khúc.
5. Alioth : Hành Tinh, Liêm Trinh.
6. Mizar: Khai Dương, Vũ Khúc.
7. Alkaid: Giao Quang, Phá Quân.

Bốn sao trên hợp lại là Khôi; ba sao dưới hợp lại là Cương (Tiêu), hay Đẩu Bính (Chuôi sao Bắc Đẩu) ^[3].

Ứng với Bắc Đẩu Thất Tinh, thì nơi con người có Thất Khiếu: 2 mắt, 2 tai, hai lỗ mũi, 1 mồm. Thất Khiếu còn được gọi là Thất Nguyên, hay Thất Không.

Trên trời có Tử Vi Viên là Hậu Cung hay Hậu Tả của Thiên Hoàng Thượng Đế. Trong con người có Nê Hoàn, Động Phòng ở trung điểm đầu nã.

Ở trên trời có Thái Vi Viên . Thái Vi Viên là Minh Đường, là Thiên Đình, là nơi Thượng Đế ra thiết triều, thì nơi con người Trán cũng được gọi là Thiên Đình. Từ Trán vào 1 tắc là cung Minh Đường.

Trên Trời có Nhật, Nguyệt, Ngũ Tinh:

-Nhật = Thái Dương, Kim Ô.

-Nguyệt = Thiềm Thừ, Ngọc Thố, Thiềm Cung, Quảng Hàn, Hằng Nga.

-Hoả Tinh (Mars) = Huỳnh Hoắc, Phạt tinh, Vân Hán, Chấp Pháp, Thiên chi Sứ. Chu Kỳ: 2 năm.

-Kim Tinh (Venus) = Khái minh, Sao Mai, Trường Canh hay Sao Hôm, Huỳnh Tinh hay Thái Bạch. Chu Kỳ: 1 năm.

-Thủy Tinh (Mercure)= Thần Tinh, Tiểu Chính, Thủy Diệu. Chu Kỳ: 1 năm.

-Mộc Tinh (Jupiter)= Tuế Tinh, Trùng Hoa, Kỷ Tinh, Mộc Đức. Chu Kỳ: 12 năm.

-Thổ Tinh (Saturne) = Trán Tinh, Thổ Tú. Chu Kỳ: 28 năm.

Nơi con người:

Mắt trái là Thái Dương, Nhật .

Mắt phải là Thái Âm, Nguyệt.

Trán là Hoả Tinh.

Mũi là Thổ Tinh.

Tai trái là Mộc Tinh.

Tai phải là Kim Tinh.

Mồm là Thủy Tinh.

Trên Trời có vòng Hoàng Đạo. Trên vòng Hoàng Đạo đó có 28 cung sao gọi là Nhị Thập Bát Tú (Cũng ví như 28 cột Kilomet, để chỉ xem Nhật, Nguyệt, Ngũ Tinh đang di chuyển ở chỗ nào trên đường Hoàng Đạo.)

Nhị Thập Bát Tú có 28 vì sao chia thành 4 chòm Thanh Long (chòm 7 sao phía Đông, Chu Tước (chòm 7 sao phía Nam), Bạch Hổ (chòm 7 sao phía Tây), Huyền Vũ (chòm 7 sao phía Bắc), và có tên như sau:

	Chòm sao Thanh Long	Chòm sao Huyền Vũ	Chòm sao Bạch Hổ.	Chòm sao Chu Tước	Ngày Thứ Trong tuần
Ngũ Hành, Nhật+Nguyệt	7 sao phía đông	7 sao phía Bắc	7 sao phía Tây.	7 sao phía Nam	Ngày Thứ
Mộc	Giác M. Giao	Đẩu-M-Giải	Khuê-M-Lang	Tinh-M-Cang	5

Kim	Cang-K-Long	Ngưu -K- Ngưu	Lâu-K-Cầu.	Quý-K-Dương	6
Thổ	Đê -T-Lạc	Nữ -T-Búc.	Vị-T--Trĩ	Liêu-T- Chương	7
Nhật	Phòng-N-Thổ	Hư-N-Thử	Mão-N-Kê	Tinh-N-Mã	Chủ Nhật
Nguyệt	Tâm-N-Hồ	Nguy-N-Yến	Tất-N-Ô	Trương-N-Lộc	2
Hoả	Vĩ -H-Hổ	Thất-H-Trư	Chủy-H- Hầu	Dực-H-Xà	3
Thủy	Cơ -T-Báo	Bích-T-Du	Sâm-T- Viên	Chẩn-T-Dẫn.	4

Bị Chú: 28 con thú trong 28 tú cũng dựa vào 12 con giáp và những con thú tương tự theo thứ tự sau đây:

Giao (le crocodile), Long (le dragon); Lạc (le hérisson, Con nhím), Thổ (le lièvre) Hồ (le renard), Hổ (le tigre); Báo (le léopard), Giải (le licorne, Con Kỳ Lân, con giải trại); Ngưu (le boeuf), Búc (la chauve-souris); Thử (le rat)û, Yến (l'hirondelle); Trư (le porc), Du (le pangolin, Con Tê Tê); Lang (le loup, Chó Sói), Cầu (le chien); Trĩ (le faisan), Kê (le coq; Ô (la corneille), Hầu (le grand singe); Viên (le petit singe), Cang (le chien sauvage, Chó rừng); Dương (le bélier), Chương (le grand cerf, loại Hươu lớn); Mã (le cheval), Lộc (le petit cerf); Xà (le Serpent), Dẫn (le ver-de-terre, Con Giun). Sách *Tam Nguyên Đại Lược* của Lê Văn Nhân, nơi trang 56 cho nhiều tên khác với bảng này, nhưng tôi không theo. Bảng của tôi theo Gustave Schlegel. Theo tôi, ai thích gọi gì, thì gọi. Không nên cố chấp.

Nhị thập bát tú là: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ. Đầu, Ngưu, Nữ, Hư, Nguy, Thất, Bích. Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm. Tinh, Quý, Liễu, Tinh, Chương, Dực, Chẩn. Quyển *Uranographie Chinoise* của Gustave Schlegel, T. 1, từ tr. 583 đến tr. 595, có đề cập đến 28 con thú của Nhị Thập Bát Tú.

Nhìn vào đồ bản trên, sau chữ Giác chẳng hạn, có viết tắt chữ M= Mộc. Các chữ viết tắt khác là K= Kim, T= Thổ, N= Nhật, N= Nguyệt, H=Hoả, T=Thủy . Trông vào bảng trên, **ta thấy bao giờ các Sao Phòng, Hư Mão, Tinh cũng vào Chủ Nhật. Các ngày có sao: Giác, Đầu, Khuê, Tinh cũng là thứ 5 v.v..**

Ở nơi con người, thì 2 mạch Nhâm, Đốc hợp lại thành vòng Hoàng Đạo, và Nhị Thập Bát Tú cũng ở trên 2 mạch đó. Ở nơi quyển *Sao Kiêu Động Chương*, quyển Hạ, trong 8a, có một đồ hình vẽ con người với Nhị Thập Bát Tú rải rắc trên 2 mạch Nhâm, Đốc. Ví dụ: Nơi Hội Âm là 2 sao Hư Nguy. nơi Vĩ Lư là sao Ngưu Đầu. Nơi Giáp Tích là Đê, Phòng, Tâm, nơi đỉnh đầu là Liễu, Tinh, Trương; nơi trán là Tinh, Quý; nơi ngực là Chủy Sâm; nơi Tỳ là Vị, Mão, Tất; nơi Hạ Đơn Điền là Khuê, Lâu v.v...

Đằng khác, trong con người cũng có Ngũ Nhạc:

-Nam Nhạc: Hành Sơn là Trán.

-Trung Nhạc: Tung Sơn là Mũi.

- Đông Nhạc: Thái Sơn là Má trái.
- Tây Nhạc: Hoa Sơn là Má phải.
- Bắc Nhạc: Hằng Sơn là Cằm. ^[4]

Con người có Tứ Độc (Bốn sông):

- Tai là Giang (sông Giang).
- Miệng là Hoài (sông Hoài).
- Mắt là Hà (sông Hà)
- Mũi là Tê. (sông Tê)
- Độc Mạch được gọi là Hoàng Hà.
- Nhâm Mạch là Tào Khê.

Trong con người cũng không thiếu gì **biên**: Khí Hải, Tuỷ Hải, Huyết Hải; **suối**: Dũng Tuyền; **hang động**: Thiên Cốc, Cốc Thần, Tiến Cốc; **ao**: Ngọc trì, Thiên Trì; **giếng**: Kiên Tỉnh; **ngòi lạch**: Hậu Khê, Thiểu Trạch, Thuỷ Cầu; **đồng, gò**: Thương Khuru, Lương Khuru v.v...

Quan niệm Tam Tài về con người.

Đạo Lão quan niệm con người có 3 phần chính: Đó là: TINH, KHÍ, THẦN.

Có khi TINH, KHÍ, THẦN còn được gọi bằng danh từ khác là: THÂN, TÂM, Ý.

Đạo Lão gọi THÂN, TÂM, Ý là TAM THỂ hay TAM BẢO.

Tiên Học Tử Điển nơi câu THÂN, TÂM, Ý TAM THỂ viết: Tinh thì sinh ở Thân, Khí thì tàng ở Tim, Thần thì ẩn trong Ý.

Thân mà bất động thời TINH hoá.

Tâm mà bất động thời KHÍ hoá.

Ý mà bất động thời THẦN hoá.

NÃO BỘ VÀ NÊ HOÀN.

Khảo về Đạo Lão, ta thấy các Đạo Gia rất chú trọng đến óc não, đến Nê Hoàn.

Trong quyển **Huỳnh Đình Kinh chú giải**, tôi đã bàn rất nhiều về Nê Hoàn Cung và Não Bộ. Hôm nay, tôi chỉ tóm lại vắn tắt rằng:

Nê Hoàn chính là Thiên Tâm, nơi Thượng Đế ngự trị trong con người. Đó chính là nơi mà con người có thể siêu thăng, có thể hợp nhất với Thượng Đế.

Trong quyển **Tham Đồng Khế phát huy**, Toàn Dương Tử, Duy Diễm, khi bình về câu: **Chân nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung**, đã viết:

“Chân nhân là Chân Thần, Thâm Uyên là Thái Uyên, là Nê Hoàn Cung.”^[5]

Có điều đáng chú ý là các Đạo Gia Ấn Độ cũng chủ trương y thức như vậy. Họ gọi Nê Hoàn Cung là Sahasrara Chakra (Bông Hoa Sen nghìn cánh). Và cho rằng, nơi Liên Hoa Tâm đó, người Đạo Sĩ có thể kết hợp với Thượng Đế.^[6]

Óc não cũng chiếm một địa vị rất quan trọng trong Đạo Lão.

Các Đạo Gia thường nói: Hoàn tinh, bổ não.

Các Đạo Gia hiện đại, dựa vào khoa học ngày nay mà suy thêm rằng: Gian Não (Diencephale) nếu suy, thì con người sẽ già đi. Cho nên tu luyện cốt là bồi bổ Gian Não, cho con người CẢI LÃO HOÀN ĐỒNG.

Tiên học diệu tuyển, nơi trang 197 viết:

“ Phép dưỡng sinh là tiềm thần nội thị, cho khí ngũ tạng tụ về Đan Điền. Từ Đan Điền, khí được huấn tập, vào trong giữa Não. Não được gọi là Côn Lôn, ở trên tượng Trời. BỔ Thiên tức là BỔ Não, theo **Huỳnh Đình Kinh**. Cho nên **Huỳnh Đình Ngoại Cảnh viết**: Tử dục bất tử tu Côn Lôn, chính là vì vậy.^[7]

Tĩnh Trung Ngâm có câu: “Ngã tu Côn Lôn đắc Chân quyết.”

Phục Mệnh Thiên có câu:

“Hồi hướng ngã gia viên lý,
Tài bồi nhất mẫu Thiên Điền.”

Dịch:

*Nhà xưa, vườn cũ quay về,
Thiên Điền một mẫu, lo bề chăm nom...*

Hoàn Nguyên Thiên có câu:

Ngộ Đạo hiển nhiên minh khuếch lạc,
Nhàn nhàn đoan tọa, vận Thiên Quan.

Dịch:

*Ngộ Đạo dĩ nhiên tường đoan đích,
Thung dung ngồi thẳng vận Thiên Quan.^[8]*

Ngày nay, thế giới có lập ra nhiều viện nghiên cứu về Não Bộ. Liên Hiệp Quốc cũng có Tổ Chức Nghiên Cứu Não Bộ Quốc Tế (International Brain Research Organisation, IBRO). Mong rằng các tổ chức này sẽ phối hợp với các Đạo Gia, để chứng minh tầm quan trọng của Gian Não (Diencephale), của Nê Hoàn (troisième Ventricule), và của các Xoang não (Ventricules)

TAM ĐAN ĐIỀN.

Đạo Lão chủ trương nơi con người có Tam Đan Điền: Thượng Đan Điền, Trung Đan Điền, Hạ Đan Điền.

Thượng Đan Điền thì mọi người đều công nhận là Nê Hoàn. Còn Trung Đan Điền và Hạ Đan Điền thì từ danh xưng, đến vị trí đều thay đổi tùy theo các Đạo Sĩ.

Tầm quan trọng của Tam Đan Điền cũng vậy. Người thì cho Thượng Đan Điền là Nhất, người thì cho Hạ Đan Điền là Nhất.

Nơi đây ta sẽ bàn kỹ lại vị trí của Tam Đan Điền.

Thượng Đan Điền hay Nê Hoàn Cung:

Là nơi Luyện Thần Hoàn Hư.

Tính Mệnh Khuê Chỉ viết:

Hồn Bách Linh ư Thiên Cốc, Lý ngũ khí ư Nê Hoàn.^[9]

Còn có những câu thông thường như: Tam hoa qui đỉnh, Ngũ khí triều nguyên tưởng đã đủ để nói lên tầm quan trọng vô song của Nê Hoàn.

Trung Đan Điện.

a-Nơi khoảng giữa 2 huyết Chiên Trung. Tương ứng với Plexus cardiaque.

b-Ngay dưới tim.

c-Giáng cung. Sách Trúc Cơ Tham chủng, nơi tr. 89 coi Giáng Cung là Chấn Thủy.

-Nơi Chấn Thủy (ngang Huyết Trung Uyên), cũng còn gọi là Huỳnh Đình.

-Khoảng Tì (Tì Thổ trung ương chi vị)

-Giữa Tâm và Thận. Tức là cách Tim 3 tắc 6, cách Thận 3 tắc 6, còn Trung Đan Điện vuông vắn 1 tắc 2. Tổng cộng là 8 tắc 4. Tương ứng với khoảng cách giữa Trời và Đất. Khoảng này tương ứng với Plexus Solaire.

Hạ Đan Điện.

a-Nơi rốn.

b-Khoảng trống sau rốn và trước xương sống.

c-Dưới rốn 1 tắc 3 phân.

d-Dưới rốn 1 tắc rưỡi (Theo Châm Cứu).

e-Dưới rốn 2 tắc 4 phân (Bão Phác Từ)

g-Dưới rốn 3 tắc (Huỳnh Đình Nội Cảnh chương 3: Hoành Tân tam thốn Thần sở cư). Khoảng này tương ứng với Plexus Hypogastrique)^[10]

Theo Khoa Học ngày nay, thì các Trung Đan Điện, Hạ Đan Điện vì tương ứng với các Tàng Thần Kinh Tự Trị trong con người, nên có thể được coi như là những bình tụ điện (Batteries). Nếu nhờ vận khí, điều tức, mà biết tụ điện vào đó, rồi lại biết cách dẫn điện, dùng điện từ đó mà ra, thì sẽ khoẻ mạnh, sẽ chữa được bệnh cho người khác.^[11]

HAI MẠCH NHÂM ĐỐC.

Đạo Lão chuyên chú vận khí.

Khi còn ở những giai đoạn thấp, người tu đạo chỉ biết hít thở thông thường, vận khí hô hấp thông thường, tụ khí vào Trung Đan Điện, hay Hạ Đan Điện. Lúc này, chỉ thở **phàm khí** mà thôi, **qua phổi**.

Nhưng tới mức Thượng Thừa, phải biết vận Chân Khí, hay Tiên Thiên Khí, qua hai mạch Nhâm Đốc. Khi đã biết vận Chân Khí qua 2 mạch Nhâm Đốc, thì phàm tức nơi phổi dần dần đình lại. Huỳnh Nguyên Kiệt nói: **Phàm tức đình, nhi Chân tức hiện.**^[12] Lúc ấy mới thật sự là **Luyện Nội Đan**.

Chính vì thế, mà hai mạch Nhâm Đốc được gọi là: Tu đan đạo lộ -Chu Thiên -Đan trình -Trường thành-**CHÂN TỨC ĐẠO** -Hà xa lộ -Vô tự kinh.

Mạch Đốc khởi từ huyết Vĩ Lư, cuối xương sống, ăn thông qua tủy xương sống và Nê Hoàn, Bá Hội, vòng qua đỉnh đầu và tận cùng nơi huyết Ngân Giao (tức là nơi tiếp giáp phía trong môi trên và lợi trên.)

Mạch Nhâm khởi từ huyết Thừa Tương, nơi chỗ lõm, phía môi dưới, chạy thẳng theo lằn giữa cổ, ngực, bụng, và tận cùng ở huyết Hội Âm (giữa cốc đạo và Âm hành).

Mạch Đốc vận Chân Khí lên Nê Hoàn.

Mạch Nhâm vận Chân Khí từ Nê Hoàn xuống Hạ Đan Điền.

Mạch Đốc còn có những tên: Ngân Hà, Hoàng Hà, Hoàng Đạo, Hắc Đạo, Dương Đạo, Khí Lộ, Khí quản, Thiên Kinh.

Mạch Nhâm còn có những tên: Thủy cầu, Xích đạo, Thần Lộ, Hồng Khê, Tào Khê.^[13]

Hai mạch Nhâm Đốc như vậy không liên nhau: Trên thì hờ nơi mồm, dưới thì hờ nơi Giang Môn, cốc đạo. Nên lúc vận chân khí, phải đưa khoá lược, nghĩa là đưa lược lên cửa, gọi là Lập Thượng Thước Kiều, và khép chặt Giang Môn, gọi là Bắc Hạ Thước Kiều.

Tiền Tam Quan, Hậu Tam Quan. Đó là những quan ải đặt trên 2 mạch Nhâm, Đốc.

Tiền Tam Quan.

a. **Thượng Quan:** (nơi trán) Ấn Đường -Mi Tâm-Thiên mục -Thiên môn -Thiên Đình -Sơn căn -Hồn môn -Khuyết đình -Hoàng Khuyết -Thiên Thê -Kim Kiều-Thượng Thước Kiều.

b. **Trung Quan:** (nội cổ họng, cuống họng): Trùng Lâu -Trùng đường -Trùng Hoàn -Hầu Lũng -Quan Âm.

c. **Hạ Quan:** (nơi tim) Giáng Cung -Tâm Điền -Tâm Cung-Giáng Thất -Chính Thất -Đan Điền-Xích Huyện -Linh Đài -Linh Thủ -Linh Khuyết -Linh Sơn Tháp -Thủ quan -Huyền Hương -Thủ Linh -Lư Gian -Ôn Khang.

Hậu Tam Quan.

a. **Thượng Quan** (nơi chỗ xương gò sau ót): Ngọc Chẩm-Tứ Đài -Thiết Bích -Ngọc Kinh Sơn -Thiên Cốc Quan.

b. **Trung Quan** (Khoảng đốt xương sống lưng, onzième dorsale): Giáp Tích -Song Quan -Tích Trung -Tích Du -Thiên Địa Quan-Lộc Lô Quan -Thượng Thiên Thê.

c. **Hạ Quan** (cuối xương cụt) Vĩ lư -Hàm Trì -Huyết Hải -Nhân Môn -Cầm Môn -Huyền Cốc -Trường Cốc -Trường Cường -Âm Đoan -Hội Dương -Quý Lộ -Cốc Đạo -Phách hộ -Đào Khang -Quyết Cốt -Tích Vĩ -Khí Khích -Quảng Hàn -Địa Dung -Địa Trục -Tam Xoá Khẩu -Bình Dị Lộ -Sinh Tử Quan -Thái Huyền Quan -Hà Xa Lộ -Tào Khê Lộ -Triều Thiên Đình -Khí Hải Môn-Hạ Thước Kiều -Tàng Kim Đầu -Tam xoá cốt -Cử trùng Thiết Cổ -Tam túc Kim Thiên -Âm Dương Biến Hoá chi hương.^[14]

LỤC PHỦ, NGŨ TẠNG.

Lục Phủ: Tam Tiêu (Thượng Tiêu, Trung Tiêu, Hạ Tiêu), Vị, Đại Trường, Tiểu Trường, Đổm, Bàng Quang.)

Ngũ Tạng: Tâm (tàng Thần), Phế (tàng Phách), Can (tàng Hồn), Tì (tàng Ý), Thận (tàng Trí).

Ngày nay, khi mà Khoa học đã thay Tim, cắt Gan, cắt Phôi, cắt Thận, thì thuyết trên ắt là đứng không vững. Trong quyển Huỳnh Đình Nội Cảnh bình giải của tôi, tôi đã chứng minh Thần, Hồn, Phách, Ý, Chí đều ở trong đầu não con người.

Thập nhị Kinh Lạc.

Trong con người có 12 Kinh 6 kinh Âm, 6 kinh Dương, 6 Kinh Thủ, 6 kinh Túc.

Ba Kinh Dương:

-Thái Dương.

-Thiếu Dương.

-Dương Minh.

Ba Kinh Âm:

-Thiếu Âm.

-Quyết Âm.

-Thái Âm.

(Ba kinh Dương xếp theo thứ tự từ Mạnh nhất đến Yếu nhất. Ba kinh Âm, xếp theo thứ tự từ Yếu nhất đến Mạnh nhất. Ta thấy hai kinh Âm Dương biểu lý với nhau bao giờ cũng theo định luật Dương Mạnh nhất đi với Âm Yếu nhất, và ngược lại, còn Dương mạnh vừa thì đi cặp với Âm mạnh vừa, theo như đồ biểu trên. 12 Kinh có tên như sau:

Âm		Dương	
Thái Âm	xxx	Dương Minh	o
Quyết Âm	xx	Thiếu Dương	oo
Thiếu Âm	x	Thái Dương	ooo

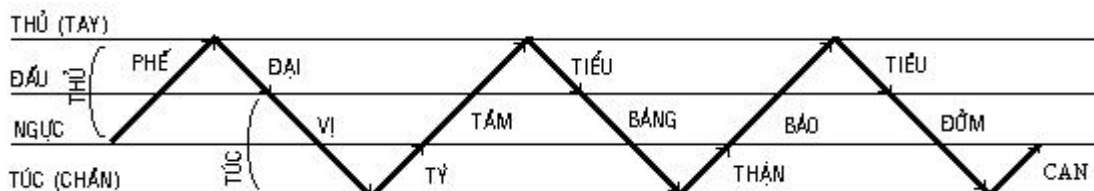
<u>Tên Kinh</u>	<u>Số Huyệt</u>	<u>Thính</u>	<u>Suy</u>
Thủ Thái Âm Phế kinh	11	Dần	Mão
Thủ Dương Minh Đại Tràng Kinh.	20	Mão	Thìn
Túc Dương Minh Vị Kinh	45	Thìn	Tị
Túc Thái Âm Tì Kinh	21	Tị	Ngọ
Thủ Thiếu Âm Tâm Kinh	09	Ngọ	Mùi
Thủ Thái Dương Tiêu	19	Mùi	Thân

Trường Kinh

Túc Thái Dương Bàng	67	Thân	Dậu
Quang Kinh			
Túc Thiếu Âm Thận Kinh	27	Dậu	Tuất
Thủ Quyết Âm Tâm Bào	09	Tuất	Hợi
Kinh			
Thủ Thiếu Dương Tam Tiêu	23	Hợi	Tí
Kinh			
Túc Thiếu Dương Đờm	44	Tí	Sửu
Kinh			
Túc Quyết Âm Can Kinh	14	Sửu	Dần

(Châm bổ Kinh, vào giờ Kinh thịnh, châm tả Kinh vào giờ Kinh suy. Muốn nhớ thứ tự 12 kinh, học thuộc lòng mấy câu sau: Phế, Đại, Vị, Tì, Tâm, Tiểu, Bàng, Thận, Bào, Tiêu, Đờm, Can.)

Muốn biết đường Kinh chạy ra sao, từ đâu đến đâu, ta có đồ bản sau:



KỶ KINH BÁT MẠCH:

Kỳ Kinh bát mạch là Nhâm, Đốc, Dương Duy, Âm Duy, Dương Kiêu, Âm Kiêu, Xung mạch, Đới mạch.

Đạo Lão chỉ đề cập đến mạch Âm Kiêu, và chỉ dùng Huyết Hội Âm. Hai mạch Nhâm Đốc lại trở nên quan trọng vô cùng. Còn các mạch khác như Xung, Đới ít khi đề cập tới. Châm cứu mới chỉ vẽ tường tận Kỳ Kinh Bát Mạch.

Ít nhiều ngữ vựng Cơ Thể Học nên biết:

-Huyền ung huyết = Huyết nước bọt nơi cổ họng.

-Thập nhị trùng lâu (hầu lũng) = Cuống họng, vừa thực quản, vừa khí quản.

-Ngọc Trì = Mồm.

-Ngọc Dịch, Lễ Tuyền, Ngọc Tân, Ngọc Tuyền, Đề Hồ, Tiên Tửu, Cam lộ, Kim Lễ = Nước bọt.

-Lưỡng mi gian = Khoảng giữa 2 lăm mi.

-Sơn căn = Khoảng giữa 2 khoé mắt.

Bị Chú: Huỳnh Đình Kinh cho rằng đầu não, tạng phủ con người đều có thần ngự trị, cai quản. Đó cũng là một quan niệm đặc biệt của Đạo Lão. ^[15]

Chương này dĩ nhiên không thể bàn thật kỹ lưỡng về Thân Học. Vả như ta đã thấy: Thân đây chỉ là Cơ Thể, chỉ mới là ảo thân, là Căn Nhà. Còn Chân Nhân ngôi nhà mới là Chủ Nhân Ông. Học về xác thân, về căn nhà bên ngoài cốt là giúp cho ta tìm cho ra Chủ Nhân Ông.

Vậy có thơ rằng:

**Tĩnh tĩnh nhất cá Chủ Nhân Ông,
Tịch nhiên bất động tại Linh Cung.
Đãn đắc thử trung vô quái ngại,
Thiên nhiên Bản Thể tự Hư Không.**

Dịch:

*Tĩnh tao một vị Chủ Nhân Ông,
Thanh Tĩnh Vô Vi tại Linh Cung.
Linh Cung thanh thản không vướng mắc,
Thiên Nhiên Bản Thể lộ chân dung.*

Lại có thơ rằng:

**Ngũ uẩn sơn đầu, nhất đoạn không,
Đồng môn xuất nhập, bất tương phùng.
Vô lượng kiếp lai, nhắm ốc trú,
Đáo đầu bất thức Chủ Nhân Ông.**

Dịch:

*Đầu non ngũ uẩn 1 vầng không,
Vào ra cùng cửa, chẳng tương phùng,
Từ vô lượng kiếp, thuê nhà ở,
Mà nào, có biết Chủ Nhân Ông... ^[16]*

Chủ Nhân Ông là ai? Làm sao tìm ra được Chủ Nhân Ông? Những vấn đề đó, sẽ bàn nơi chương: Nhân sinh phát diệu, phía sau.

CHÚ THÍCH

^[1] **Huỳnh Đình nội cảnh**, Từ Hà chú, tr. 2b.

^[2] **Nhập được Kính**, tr. 19b.

^[3] Lưu Nhất Minh, **Ngộ Đạo Lục**, tr. 27.

Địa Lý Chính Tông, tr. 1, q. 6.

Đạo học từ Điển tr. 3.

[4] *Ma Y Thần Tướng* , đồ hình nơi trang 3.

[5] *Tham Đồng Khế phát huy*, Du diễm, q. trung, tr. 8b.

[6] Swami Vivekananda, *The Complete Illustrated Book of Yoiga*, Pocket Book, Simon and Shuster, dep. 5-54, 630 Fifth Avenue, New York 10020, Lulian Press edition, May 1960, pp. 249, 266, 325, 337-332, 408.

[7] 養生之法潛神內視，則五藏之氣，聚於丹田，

自丹田薰蒸，達於腦中。腦謂崑崙，居上象天，

補天即黃庭經之補腦。所謂：子欲不死修崑崙，是也。

Tiên học Diệu Tuyền, Lý Lạc Cầu biên, tr. 197.

[8] Du Diễm, *Chu Dịch Tham Đồng Khế* phát huy, q. trung, tr. 18.

[9] Nê hoàn: Nê thuộc Mậu Kỷ Thổ; **Hoàn thị cửu tự gia nhất điểm**. Cửu số Tiên Thiên thuộc Ly, hựu vi Dương Kim chi số. Nhất giả Tiên Thiên thuộc Khảm, hựu vi Chân Nhất chi Khí. Phi Cửu, phi Nhất thật chi Khảm Ly chi quan khiêu hợp thành thử Nê Hoàn dã.

Tu Chân Bất Tử Phương tr. 155.

... Tiên Thiên địa sinh, vị Nê Hoàn nhất huyết, nãi nhất thân vạn khiêu chi Tổ Khiêu. Thử khiêu khai, tắc vạn khiêu tề khai dã. Nguy nguy cao tôn, vị Nê Hoàn Cung , tại Côn Lôn Phong đỉnh, nãi Nguyên Thần sở cư chi vị, thượng ứng Huyền Đô. Thị vạn thân hội tập chi hương dã.

Tham Đồng Khế phát huy, q. thượng, tr. 14b, 15a.

[10] *Huỳnh Đình Kinh*, Nguyễn Văn Thọ chú, nơi Chương 3, Chương 4 phần Khảo Luận và Chương 7 phần Bình Dịch.

Swami Vivekananda, *The Complete illustrated Book of Yoga*, p. 324.

[11] Prana can be stored up in the body, especially, in the **solar plexus**, as in a storage battery.

Swami Vivekananda, *The Complete Illustrated Book of Yoga*, p. 241.

...When one inhales, he is taking the prana, and storing in various nerve centers, especially in the **solar plexus**.

Như trên. p. 246.

...During pranayama exercises (yogic breathing exercises), **prana vayu** is generated by the intaking of breath, and **apana vayu** is generated by the exhaling process. The **prana vayu** is the efferent impulse that moves away from the brain and nerve centers.

During retention time (retention of breath) in pranayama, the Yogi unites these prana vayu and apana vayu (afferent and efferent nerve impulses) at the Muladhara Chakra (pelvic plexus). When the two impulses are united at this basic center (pelvic plexus), then this center will act like a **dynamo**, sending tremendous amount of pranic energy to stimulate the coiled power Kundalini, lying dormant in this center.

Như trên. p. 252.

[12] 此即凡息停而真息現。

Huỳnh Nguyên Kiết, *Lạc Dục Đường ngữ lục*, tr. 84.

Xem thêm:

-必要呼吸息斷，元息始行。 *Như trên.* tr. 34.

-息凡氣而見胎息。 *Như trên.* tr. 40.

-一朝凡息已停，真息自露。 *Như trên.* tr. 43.

-人心不死，道心不生，凡息不停，胎息不動。 *Như trên.* tr. 140

V.V...

Xem thêm: *Huỳnh Đình Nội Cảnh*, Nguyễn Văn Thọ bình giảng, chương 20, chương Chân khí.

[13] *Tiên Học từ điển* tr. 2.

[14] *Tiên Học Từ Điển*, tr. 2, 3

[15] Nhân thân nhất tiểu Thiên Địa. Nguyên thủ tượng thiên, nãi Dương Thần sở thể. Nê Hoàn Cửu Cung, Chư Thiên Đế Quân, sở đô chi cảnh. Đơn tượng dĩ Thủ vi Kiền, vi Đỉnh...Cửu chuyển đơn thành, Dương Thần phá Đỉnh nhi xuất. Tức vi Thiên Tiên.

Địa Lý hợp bích trang 167.

Nhân bản Nguyên Dương, tàng Thần Nê Hoàn. Nê Hoàn Cửu Cung, Thiên Đế trạch yên. Vi Kiền vi Đỉnh, luyện tất thành tiên.

Địa Lý hợp bích trang 166.

[16] *Tính Mệnh Khuê Chỉ*, q. Hanh, tr. 4b.

CHƯƠNG XI

TÍNH MỆNH SONG TU

TU THỂ XÁC LÃN THẦN HỒN.

Về phương diện tu trì, tất cả các môn phái Đạo Lão đều chủ trương TÍNH MỆNH SONG TU. Vậy chúng ta cần nghiên cứu vấn đề.

Trong chương này, ta sẽ lần lượt khảo sát:

1. Tính Mệnh là gì?
2. Thế nào là Tu Tính?
3. Thế nào là Tu Mệnh?
4. Thế nào là Tính Mệnh Song Tu?

1. TÍNH MỆNH LÀ GÌ?

A. Theo đại đa số, thì Tính là Thái Cực, là Tuyệt đối, Mệnh là Âm, Dương là Tương đối.

Sách **Tiên Học Tập Cẩm** viết: “ Thái Cực là Tính, Lưỡng Nghi là Mệnh. Tuy có 2, nhưng thực ra thời Tính làm chủ. Tính không sinh diệt, còn Mệnh thời ~~không~~ sinh diệt. Tính vô thủy chung, mà Mệnh thời có thủy chung.” ^[1]

Khuru Xử Cơ, trong quyển **Đại Đơn Trục Chỉ** viết:” Bí quyết Kim Đơn là tại hai chữ TÍNH, MỆNH mà thôi.

TÍNH là Trời, thường tiềm ẩn nơi đỉnh đầu, Mệnh là Đất, thường tiềm ẩn ở rốn. Đỉnh Đầu là TÍNH CĂN, rốn là MỆNH CĂN. 1 căn, 1 đế là căn nguyên, là tổ trời đất. TÍNH ở trong Đầu, là Diên, là Hồ, là Nước, là Kim. MỆNH ở nơi rốn, là Cống, là Long, là Hỏa, là Rễ...” ^[2]

Tào Văn Dật nữ chân nhân viết:

**Thần thị Tính hê, Khí thị Mệnh,
Thần bất ngoại trì, Khí tự định.
Bản lai nhị vật, cánh thù thân.
Thất khước tương hà vi bản tính?**

Dịch:

*Thần ấy TÍNH kia, Khí ấy MỆNH,
THẦN chẳng ngoại trì, Khí tự định.
Tính Mệnh chẳng thân, thân chi khác?
Mất Tính, Mệnh đi, âu sinh vỉnh.* ^[3]

Chân Thạch Tử cho rằng: Thần là Tính, Túc (Khí, Hoi) là Mệnh. ^[4]

Ngộ Chân Trục Chỉ viết:

**Tính là Pháp Thân thượng sự
Mệnh là Ảo Thân thượng sự.
Tính là Vô Vi chi đạo,
Mệnh là Hữu Vi chi đạo.** ^[5]

Viên Giới Khuê cho rằng: “Tính là Trong, Mệnh là Ngoài. Lấy trong tiếp ngoài, thời Đại Đạo thành vậy.” ^[6]

Ngộ Chân Thiên và Xiển U (tức Ngộ Chân Thiên Xiển U) cho rằng: “ **Nội Dược** liễu Tính, **Ngoại Dược** liễu Mệnh. **Nội Dược** là **Tiên Thiên**, **Vô Tư**, **Vô Chứng**. **Ngoại dược** là **hữu vi**, **hữu tác**, **tự Hậu Thiên** hoàn phản **Tiên Thiên**.” ^[7]

Tiên Học Tập Cẩm bàn về Tính Mệnh như sau:

Tính là gì?

-Tính là không hay, không biết, thuận theo luật Trời (thể tức là sống hồn nhiên, tiêu sái).

-Tính là cái gì:

-Tròn vành vạnh.

- Sáng chói chói.
- Sạch lang lang.
- Đỏ hây hây. (Thế nghĩa là Tính là Bản Thể).
- Tính là Vô Dục để xem thấy Diệu (thấy những gì Vi Diệu).

Mệnh là gì?

Mệnh là nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh.

Mệnh là Có Dục để nhìn thấy Kiếu (thấy những gì hữu tướng, hữu hạn). ^[8]

Tiên Học Diệu Tuyền cho Tính là Chân Tâm. ^[9]

Tiên Học Diệu Tuyền còn viện dẫn Thiền Sư Huyền Diệu Hòa Thượng, mà cho rằng Tính là Chân Như Bản Tính, là Tự Tính Thanh Tịnh Tâm, là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. ^[10]

Huyền Diệu Hoà Thượng cho rằng: Tính là Tuyệt Đối. ^[11]

Tính cũng có Khi được coi là Lý, và Mệnh là Khí. ^[12]

Tiên Học viết: “ Âm Dương, Tính Mệnh chủng chủng dị danh, yếu ngôn chi, bất ngoại Thần Khí.” “Âm Dương, Tính Mệnh, nhiều tên khác nhau, chung qui vẫn không ngoài 2 chữ Thần, Khí.” ^[13]

B. Cũng có 1 số Đạo Gia cho rằng: Tính là Dương, Mệnh là Âm.

Viên Đôn Tử viết:

“ Nhất là Đạo, Đắc Nhất là Đắc Đạo, Đạo là Vô Cực. Nhị là Lưỡng Nghi. Lưỡng Nghi là Âm Dương. Âm Dương là Tính Mệnh. Tính Mệnh là Thần, Khí.” ^[14]

C. Cũng có vài người chủ trương Tính Mệnh đều là Tuyệt Đối.

Tính là Nguyên Thủy Chân Như, Mệnh là Tiên Thiên Nhất Khí. ^[15]

Lưu Ngộ Nguyên viết: “Tính Mệnh bất tại nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, bất tại Tâm, Can, Tì, Phê, Thận, bất tại tam bách lục thập cốt tiết, bất tại tứ chi, bách mạch, huyết dịch biệt hữu cá, vô phương, vô sở, vô hình, vô tượng, đích bí mật vật sự, bất tại nội, bất tại ngoại, chính tại Hư Vô, Tịch Liêu chi cảnh...” ^[16]

D. Tổng Luận.

Tham khảo các Đạo gia, các Thiền Sư danh tiếng, ta đi đến kết luận như sau:

Tính là Tuyệt Đối, Mệnh là Tương Đối.

Con người có 3 phần: Thần, Hồn, Xác hay Tinh, Khí, Thần, thì **Thần là Bất biến, là Tuyệt Đối.**

Còn **Hồn hay Tiểu Ngã thì đầy thất tình, lục dục, biến thiên, tương đối, nên cần phải tu.**

Xác con người cũng biến thiên như vậy, và cũng cần phải gìn giữ cho mạnh khoẻ, hân hoan, cũng cần tu luyện nữa.

Thần là Tính.

Mệnh là Xác, Hồn.

Các Tông Phái Đạo Lão đều chủ trương **Tính Mệnh song tu**. Nhưng Bắc Tông thời lo Tu Tính nhiều hơn, họ chủ trương: **“Tam phân mệnh công, Thất phân Tính học”, “Luyện kỹ, hoàn Hư”**. Họ có nhiều sách như Trùng Dương Toàn Chân Tập, Đơn Dương Chân Nhân ngữ lục, Đại Đơn trực chỉ, Bàn Khê Tập, Thanh Thiên ca chú v.v...

Còn Nam Tông thời: **“Ngôn Mệnh giả đa, ngôn Tính xứ thiểu.”** Họ thường: **“Trường vu Mệnh, nhi lược vu Tính.”** (Nói rõ về Mệnh, nói sơ về Tính), hay **Tiên Mệnh hậu Tính**.

Họ muốn **“Tính Mệnh Song Tu, hình Thần câu diệu.”**

Họ có 7 giai đoạn tu luyện như sau: Ngưng Thần Định Tức, Vận Khí khai Quan, Bảo Tinh luyện Kiềm, Thái Dương trúc Cơ, Hoàn Đơn Kết Thai, Hỏa Phù Ôn Dưỡng, Bảo Nguyên Thủ Nhất. Họ ưa đọc: Ngô Chân Thiên, Hoàn Nguyên Thiên.

Vì thế tôi dịch: “Tính Mệnh song tu” là “Tu xác Thân lẫn Thần Hồn”.^[17]

Theo Lưu Nhất Minh, thì “tu Tính Mệnh xong rồi, chỉ còn Thiên Lý, thì mới **thấy được Bản Lai Diện Mục. Theo Nho, thì gọi là “Minh thiện phục sơ”, Đạo thì gọi là “Hoàn Nguyên Phản Bản.”** (Dưỡng Chân Tập trọn bộ và Châu Dịch Xiển Chân, Nguyễn Minh Thiện, Ấn hành tại Hoa Kỳ, 1994, tr. 13 Chu Dịch Xiển Chân.)

2. THỂ NÀO LÀ TU TÍNH.

Nếu ta biết Tính là Tuyệt Đối, thì Tu Tính đòi hỏi 1 điều kiện tiên quyết là Giác ngộ được Bản Tính ấy.

Chính vì vậy mà các Đạo Gia thường nói: **“Mệnh yếu truyền, Tính yếu ngộ, Hay Tính khả tự ngộ, Mệnh yếu sư truyền.”**

Khi bàn đến Tu Tính, người xưa thường nói: **“Vô tu, vô chứng, Thiên nhiên cụ túc.”** “Chẳng có gì mà Tu, chẳng có gì mà chứng. Thiên nhiên đã đầy đủ”^[18]

Tu Tính tức là sống hồn nhiên vô tư, thanh thoi trong lòng tạo hoá: Đó chính là: **“Bất thức, bất tri, thuận Đế chi tắc.”**^[19]

Chính vì thế mà Châm Thạch Tử cho rằng: *“Một khi đã mở Đạo Nhãn, thời vạn năm là một niệm, một niệm là vạn năm, làm theo sở thích, cái gì cũng được.”*^[20]

Cũng được, là cái gì cũng đúng theo luật Trời, như **Luận Ngữ** đã nói: **“Tòng Tâm sở dục, nhi bất du cử”** (**Luận Ngữ** . 11,4)

Cốc Dương Tử viết: **Bất thủ khiêu, bất điều tức, hư cực, tĩnh độc, nhất niệm bất sinh, thử thượng thừa chi công phu dã.**^[21]

Đạo Sĩ Hồ Hồn Nhiên bình luận về Tu Tính như sau: “Vô vi là luyện kỹ, là Tính Công, là khử Tam Tâm, diệt Tứ Tướng, tuyệt Lục Dục, đoạn thất tình, không còn bận tâm lo lường thế sự.”^[22]

Viên Giới Khuê cho rằng: “Tu Tính là tức lự, vong cơ, hợp tự nhiên.”^[23] “Dẹp bỏ lo lường, thoát cơ duyên, thung dung vui sống, hợp tự nhiên.”

Văn Đạo Tử cho rằng: **“Tính là Thiên, là Đạo, cho nên Minh Tính là Minh Thiên, Minh Đạo...Giữ cho Tính được vẹn toàn là Hợp Đạo, là Đạt Thiên.”**^[24]

Ông chủ trương: “Tu Tính là thanh tâm, quả dục, thanh tĩnh, vô vi...lòng luôn hướng về Thượng Đế,” [25]

Tóm lại, Tu Tính là Hư Tâm, Nhập Định, Xuất Thần, Hoàn Hư, là Đại Giác, Đại Ngộ, là xuyên qua được bức màn hiện tượng, hình hài, tâm tư, đạt tới Chân Tính Hư Vô Diệu Giác, dữ Thiên Địa đồng thọ, [26] là Đạt Thiên, hợp Đạo. [27]

Nói theo danh từ của Đạo Lão, thì Liễu Tính tức là: Đắc Thai Tiên. [28]

Và vào được Trung Cung Mậu Kỷ của vũ trụ và của lòng con người, [29] là “Cùng thủ sinh thân, thụ khí sơ”, là khế hợp được với Thiên Tâm. [30]

Khảo về Tính, tôi thấy các Đạo Gia xưa đã tìm ra được cái gì chí quý chí bảo của Con Người vì Tính con người là Tuyệt Đối, là Pháp Thân, là “Vạn cổ trường tồn chi Thân”, là Hư Vô Diệu Giác, trường sinh cùng Trời Đất. (Xem chú ²⁶).

Lại còn chỉ rõ Tính ở Nê Hoàn, Mệnh ở Khí Huyệt. [31] Thật là huyền diệu!

3. THỂ NÀO LÀ TU MỆNH.

Có người hỏi Văn Đạo Tử thể nào là Tu Mệnh. Ông đáp: “Đó là Tịch Cốc, Đạo Dẫn, là Bế Túc, Vận Khí, là Phục Thực Kim Thạch, Dược Vật, là Phòng Trung Thái Thủ Nguyên Âm”. [32]

Như vậy là Văn Đạo Tử trong có mấy chữ đã bao quát hết tất cả các phương pháp Tu Mệnh.

Tu Mệnh chính cũng là đại khái phép Luyện Đan thịnh hành từ thời nhà Hán với Ngụy Bá Dương và thời nhà Tấn với Bào Phác Tử.

Tu Mệnh đại khái được xây dựng trên niềm tin rằng: Nếu Tâm, Thân con người biết tu luyện cho đúng phương pháp, sẽ trở nên:

- Khang kiện.
- Trường sinh.
- Bất lão, bất tử.

Phương pháp tu Mệnh rất là đa tạp, nhưng nếu ta hiểu tu Mệnh là tu ảo thân, là tu những gì biến thiên nơi con người, thì ta thấy nó vẫn không ngoài những gì gọi là:

- Tu Tâm cho an định, sáng lạc.
- Tu Thân cho kiện khang, linh hoạt.

Tu Tâm như giới sân nô (tức giận), giới sắc dục...

Tu Thân tức là Thiếu Tư, Quả Dục theo chủ trương Lão Tử.

(Kiến tố, bảo phác, thiếu tư, quả dục. Lão Tử, **Đạo Đức Kinh**, ch. 19)

Dịch:

*Hiển dương Đạo, sống cho phác thiết,
Ít đam mê, và ít riêng tây. (ĐĐK. chương 19.)*

Nơi chương 37 **ĐĐK**, ta thấy Lão Tử cũng dạy y như vậy:

*Kìa gương cao cả tầng cao,
Vô danh, thuần đức, nhẽ nào chẳng theo.*

*Sống phác giản, chẳng đeo danh lợi,
Lòng thanh thang, sạch mọi tham lam,
Không tham, lòng sẽ bình an,
Tự nhiên, thiên hạ thái khang an bình.* ^[33]

Tu Tâm là “**Địch trừ huyền lẫn, năng vô tì hồ?**” ĐĐK chương X.

Dịch:

*Làm sao rũ sạch hà tì,
Gương lòng vắng vặc, quang huy vẹn tuyền.*

Tu Tâm là: **Khử phàm tâm, độc tồn Chân Tính.**

Dịch:

*Tạp khoáng Phàm Tâm, trừ sạch hết,
Cho vàng Chân Tính hiển lộ ra...* ^[34]

Tu Tâm là diệt trừ vọng niệm, bởi vì:

*Vọng Niệm tài hưng, thần tự thiên,
Thần thiên, lục tặc loạn tâm điên,
Tâm điên ký loạn, tâm vô chủ,
Lục Đạo luân hồi, tại mục tiền.* ^[35]

Dịch:

*Vọng niệm vừa sinh, thần tự thiên,
Thần thiên, lục tặc loạn tâm điên,
Tâm điên đã loạn, thân vô chủ,
Lục Đạo luân hồi trước mắt liền.*

Tu Tâm là thu nhiếp tâm thần, không cho ngoại trì, phóng đảng. Chính vì vậy mà người xưa nói:

“Đạo quý thu liễm, bất quý phát tiết.” ^[36]

Tiên Học Diệu Tuyển viết: Tâm vừa trì tán, lập tức thu hồi. ^[37] **Tu Tâm** quý tại Hư Tâm, quý tại vô niệm.

Tam Mao Chân Quân có thơ:

**Linh Đài trạm trạm tựa băng hồ,
Chỉ hứa Nguyên Thần, lý diện cư.
Nhược hưởng thử trung lưu nhất vật,
Khởi năng chứng đạo, hợp Hư Vô.** ^[38]

Dịch:

Tâm Linh vắng vặc tựa băng hồ,

*Chỉ khứng Nguyên Thần lý diện cư.
Nếu để vật chi vương vấn đó,
Làm sao chứng Đạo, hợp Hư Vô?*

Ngoài phương pháp Tu Tâm ra, còn thấy rất nhiều phương pháp tu luyện cho thân thể trở nên **khang kiện**. Xin liệt kê như sau:

a. **Điều Hoà Ngũ Tạng**, bằng cách ăn uống thanh đạm, khởi cư hữu thường, dùng các thuốc điều hòa ngũ tạng, bồi bổ ngũ tạng.

b. **Khai thông Huyết Mạch**, thông thấu cốt tiết, bằng những phương pháp:

-**Ấn Ma, Ma Sát** (Massage, kinésithérapie). ^[39]

-**Tập Bát Đoạn Cầm, Thập Nhị Đoạn Cầm**. (Xem phụ lục cuối chương)

-**Quán Khái tạng phủ**, bằng phép nuốt nước bọt, gọi là Yết Tân, Thấu Yết. (Xem *Huỳnh Đình Kinh giải*, Nguyễn Văn Thọ, nơi chương Ba).

-**Thở cổ, nạp tâm; thở trọc, nạp thanh**. (Thở hơi xấu, cũ ra, hít khí trời thanh khiết vào). (Xin đọc Lục Tự Quyết, nơi chương 6, *Huỳnh Đình Kinh giải* của tác giả).

c. **Khai thông kinh mạch**.

Người xưa gọi thể là:

-**Đạo Dẫn**, hay Vận Khí, Điều Túc. (Xem *Huỳnh Đình Kinh giải*, chương 20)

-**Phục Khí**. Hấp thụ Tiên Thiên Khí để nuôi dưỡng thân tâm. (Xem *Huỳnh Đình Kinh Giải*, chương XXX.)

Tất cả các phương pháp nói trên, dĩ nhiên là có mục đích làm cho cơ thể **khang kiện**.

Chúng cũng có năng lực chữa được nhiều bệnh kinh niên. Chúng cũng có thể làm cho con người sống thọ, sống khỏe, sống minh mẫn. Nhưng chắc chắn nó không thể làm cho con người Trường Sinh, Bất tử được.

Tu Mệnh là Ngoại Đạo. Tu Tính mới là Nội Đạo.

TÍNH MỆNH SONG TU.

Chính vì vậy, mà Đạo Lão, nhất là từ thời Tống, thời Nguyên đến nay, đều chủ trương **tính mệnh song tu**.

Người xưa có thơ:

**Mệnh yếu truyền, Tính yếu ngộ,
Nhập thánh, siêu phàm do nhữ tố.
Chỉ tu Tính, bất tu Mệnh,
Thử thị tu hành đệ nhất bệnh.
Chỉ tu Tổ Tính, bất tu đơn, ^[40]
Vạn kiếp Âm Linh, nan nhập Thánh.
Đạt Mệnh Tông, mê Tổ Tính,**

Kháp tự giám dung, vô bửu kính.
Thọ cùng Thiên Địa, nhất ngu phu,
Quyền ốc gia tài, vô chủ bính,
Tính, Mệnh Song Tu, huyền hựu huyền,
Hải đế hồng ba, giá pháp thuyền.
Sinh cầm, hoạt tróc giao long thủ,
Thủy tri tượng thủ bất hư truyền. ^[41]

Dịch:

*Mệnh phải truyền, Tính phải ngộ,
Siêu phạm, nhập thánh chính do ta.
Chỉ tu Tính, không tu Mệnh,
Đó là tu hành đệ nhất bệnh,
Chỉ tu Tổ Tính, chẳng tu Đơn,
Vạn kiếp Âm Linh, khó thành Thánh.
Đạt Mệnh Tông, mê Tổ Tính,
Khác nào soi gương, không bửu kính,
Thọ cùng Trời Đất, nhất ngu phu.
Tuy được gia cơ, dùng chẳng biết.
Tính Mệnh Song Tu, huyền thật huyền.
Sống thần đáy biển, đẩy Pháp Thuyền.
Giao long vùng vẫy, tay không bắt,
Mới hay tay thợ chẳng hư truyền.*

Muốn hiểu thêm về Tính Mệnh Song Tu, chúng ta hãy đọc thêm ít nhiều nhận định của người xưa:

Tào Văn Dật, nữ Chân Nhân viết:

**Thần thị Tính hê, Khí thị Mệnh,
Thần bất ngoại trì, Khí tự định.** ^[42]

Lữ Tổ toàn thư có những câu:

- Dưỡng Khí an Thần thị bí quyết.** ^[43]
- Thần định khí hòa, khí hòa đơn kết.** ^[44]
- Chân Đạo dưỡng Thần, ngụy Đạo dưỡng hình.** ^[45]
- Hành, trú, tọa, ngọa, duy định, hư, linh.** ^[46]
- Tọa tĩnh giả, thu kỳ Khí, thủ kỳ Thần dã.**
- Thu kỳ phù động chi khí, nhi kỳ Khí nãi sinh.**
- Thủ kỳ tán loạn chi thần, nhi Chân Thần tự hiện.** ^[47]

Đọc mấy câu này, ta thấy ngay khi nói Tính Mệnh Song Tu, thì chữ Tính và Chữ Mệnh được hiểu là Thần, Khí, là Âm, Dương tương đối, như nơi đây Lữ Đồng Tân giải: **Thủ kỳ Thần là Thủ kỳ tán loạn chi Thần.**

Tính Mệnh Song Tu có thể tóm tắt bằng mấy chữ:

Thủ Trung, Bảo Nhất, Điều Tứ, Ngưng Thần. ^[48]

Khí tụ, Thần ngưng tắc hoạt, Khí tán thần ly tắc tử. ^[49]

Sách *Trúc Trai Đạo Ngữ* có ghi:

Tu tính là công trình luyện Tâm, Tu Mệnh là cải biến khí chất. ^[50]

Nhận định như vậy, là các vấn đề trở nên sáng tỏ.

Châm Thạch Tử viết: “Thần vi Tính, Tứ vi Mệnh. Quang phong, tể nguyệt, Tính Công dã. Chân tức miên miên, Mệnh Công dã.” ^[51]

“Thần là Tính, Tứ (Hơi Thở) là Mệnh. Tâm như gió mát, trăng trong, đó là Tu Tính. Hơi thở điều hòa, liên tục, đó là Tu Mệnh.”

Tính Mệnh Song Tu chung qui chỉ là điều tứ, ngưng Thần (Trương Tam Phong). ^[52]

Mã Hợp Dương nhận định về Tu Tính, Tu Mệnh như sau:”

Nho gia nói: Dưỡng Tiểu Thể nơi mình là Tiểu Nhân; dưỡng Đại Thể nơi mình là Đại Nhân. Cái **Bản Lai Tính Mệnh** nơi mình là **Đại Thể, không chốn, không nơi, thông thiên, triệt địa.** Còn cái **Nhục Thể hậu thiên** và **Vọng Niệm** nơi ta là cái **Tiểu Thể** hèn hạ nhất. Đại Nhân thời ức vạn niên không hủy hoại, tiểu nhân thời sinh tử, luân hồi.” ^[53]

Nếu trên quá trình tu luyện, mà con người biết suy tư như vậy, thì còn gì hay hơn?

Nhận định tổng quát về Tính Mệnh Song Tu.

Trên đây, ta đã trình bày 1 cách trung thực về thể nào là Tính, thể nào là Mệnh, thể nào là Tính Mệnh Song Tu.

Thiết tưởng cần phải nhận định hẳn hoi về vấn đề này:

A. Trước hết, ta thấy các bậc Chân Nhân trong Đạo Lão, có nhiều vị đã không bận tâm đến những công trình tu luyện xác thân, như ta đã thấy mô tả nơi trên. Đó lại là những bậc sáng lập ra Đạo Lão, hay những tao nhân, mặc khách nổi danh 1 thời. Đó là Lão Tử, Trang Tử, Thiệu Khang Tiết, Tô Đông Pha, Đào Tiềm v.v... ^[54]

Trang tử nhận định như sau: “Suy bào, hô hấp, thổ cố nạp tân, (làm những động tác như) gấu trèo, chim lượn, chỉ cốt là để tăng tuổi thọ. Đó là những người thuộc phái đạo dẫn (Vận khí điều tứ), muốn sống lâu như Bành Tổ...”

Thánh Nhân không cần khắc ý mà vẫn cao nhân đức, không cầu nệ Nhân Nghĩa mà vẫn tu, không màng công danh mà vẫn trị, không chu du sông biển mà vẫn ở khắp nơi, không đạo dẫn mà vẫn thọ, quên mọi sự mà vẫn có mọi sự, điềm nhiên vô cực mà mọi vẻ đẹp vẫn theo. Đó là đạo Trời Đất, đó là đức của Thánh Nhân...

Cho nên nói: **Điềm đạm, tịch mịch, hư vô, vô vi là sự thanh thoi của Trời Đất, là chất liệu của đạo đức.** Cho nên Thánh Nhân thanh thoi và bình dị, bình dị nên điềm đạm. Bình dị, điềm đạm nên ưu hoạn không thể xâm nhập, tà khí không thể tập kích,

cho nên đức toàn mà Thần vẹn. Thánh nhân sống thời Thiên Hành (Hành Động tự nhiên), mà chết là Vật hóa (chịu định luật biến hóa chi phối hình hài). ^[55]

Thiệu Khang Tiết có thơ:

**“An lạc ngũ thập niên,
Nhất đán cảm trọng tật,
Nhưng tại thịnh hạ trung,
Phục trăm cơ bách nhật.
Biêm cứu dữ được thạch,
Bách liệu hiệu vô nhất,
Dĩ mệnh thính vu Thiên,
Ư tâm hà sở thất? ^[56]**

Dịch:

*An lạc năm mươi năm,
Một hôm lâm bệnh nặng.
Gặp tiết Hạ nấu nung,
Liệt giường gần bách nhật.
Châm cứu đủ mọi cách,
Mà không công hiệu gì,
Sống thác phó mặc Trời,
Tim ta đâu mất mát.*

Như vậy có nghĩa là: Thánh Nhân, Chân Nhân một khi đã tìm ra được Bản Lai Diện Mục của mình, khi đã tìm ra được Thiên Tâm rồi, thì sống tự nhiên, bình dị. Chính vì vậy, mà **Nhập Được Kính** có thơ:

**Đại Đạo hư vô, pháp tự nhiên,
Tự nhiên chi ngoại, cánh vô huyền.
Trí nhu, chuyên khí anh nhi dạng,
Cơ tức cầu san, khốn tức miên. ^[57]**

Dịch:

*Hư vô, đạo phỏng tự nhiên,
Ngoài ra còn có phép huyền nào đâu.
Sống đời thanh thản, tiêu dao,
Đói ăn, khát uống, khác nào anh nhi.*

B. Xác Thân con người có thể trường sinh, bất lão.

Sau này, có nhiều người lại đảo ngược vấn đề. Thay vì tin rằng: Chỉ có Nguyên Thần, Nguyên Thần trong con người là Bất tử, họ lại chủ trương xác thân này nếu biết tu luyện, có thể trở nên bất tử. Sách **Hiện Đại Đạo Gia Tu Luyện Bảo Điển** gọi chủ trương này là: **Nhục Thể chi trường sinh bất lão**. Dĩ nhiên là đã có nhiều người tin như vậy, và bên Trung Hoa đã có thời thịnh hành phong trào luyện thuốc trường sinh.

Ta cũng nên nhớ: Tàn Thủy Hoàng đã sai Từ Phúc, Hán Vũ Đế đã sai An Kỳ Sinh vượt thuyền ra Đông Hải để tìm thuốc trường sinh bất lão. Và chủ trương này, dĩ nhiên, được gắn liền với các phương pháp Tu Mệnh đa đoan, mà ta đã đề cập đến ở trên.

Chỉ nên nhận định rằng: Xác Thân không thể nào trường sinh bất tử được, cho nên Tu Mệnh chỉ có thể Diên Niên Tăng Thọ, làm ta sống thêm ít tuổi mà thôi. Mà Diên Niên, Tăng Thọ không được coi là Đạo. Chính vì vậy mà các Đạo Gia thường cho rằng: Cái mà chúng ta mệnh danh là Tu Xác Thân chỉ là Ngoại Đạo, chỉ là Bàng Môn Tả Đạo.

Lữ Đồng Tân cũng đã viết: Chân Đạo dưỡng Thần, Ngụy Đạo dưỡng hình. ^[58]

Trương Tử Dương trong sách *Ngộ Chân Thiên* viết:

**Yết tâm, nạp khí thị nhân hành,
Hữu được phương năng Đạo Hoá sinh.** ^[59]

Trương Bình Thúc có thơ:

**Huyền Tẩn chi môn, thế hãn tri,
Hưu tương khẩu vị, vọng thi vi.
Nhiều quân thổ nạo kinh thiên tải,
Tranh đắc Kim Ô, nạch thổ nhi.** ^[60]

Dịch:

*Huyền Tẩn chi môn, chẳng hiểu gì,
Mới đem mũi miệng, vọng tác vi.
Dầu anh thổ nạo, ngàn năm suốt,
Tiên đan đoạt được, dễ dầu chi.*

Nếu ta hiểu tu là làm cho con người trở nên hoàn hảo, thì nói Tính Mệnh Song Tu tức là chấp nhận Tính và Mệnh, Thân và Khí đều ở trong vòng Hậu Thiên, tương đối. Mà đã nói Tương Đối thì phải nói Biến Thiên, sinh tử. Cho nên ta phải hiểu công phu tu luyện Tính Mệnh nói trên là cốt để từ Hậu Thiên phản hoàn lại Tiên Thiên.

Và để chúng ta thấy rõ đường hướng Tính Mệnh Song Tu, ta ghi nhớ:

1. **Tu Mệnh** (tu xác) cho thân thể khang cường.
2. **Tu Mệnh** (tu phàm tâm) để diệt trừ vọng tâm, vọng niệm.
3. Mục đích tối hậu là làm sao cho **Thiên Tâm** hiện ra, làm sao cho **Tâm Tử, Thần Hoạt. (Tu Tính.)**

Chính vì thế mà Tung Ẩn Tử đã viết:

-Giữ cho tâm bình thản, thì sẽ tuyệt được niệm lự, du tư. (Tu Mệnh, tu phàm tâm).

-Ngồi ngay ngắn thân hình, giữ cho không còn thiên kiến. (Tu Mệnh, tu xác thân).

-Như vậy, Linh Đài sẽ thanh tĩnh và Nguyên Thần tự nhiên sẽ tới. (Tu Tính) ^[61]

Cao sĩ thời Tu Tính trước, Hạ sĩ thời Tu Mệnh trước.

Mục Đích của Tính Mệnh Song Tu chính là phát huy tất cả các tiềm năng, tiềm lực trong con người, và chính là công trình vĩ đại đi tìm và làm hiện ra Thượng Đế Nội Tại, mà Đạo gia gọi là Nguyên Thần, Thiết Hán, Bất tử Nhân hay Bản Lai Diện Mục.

PHỤ LỤC.

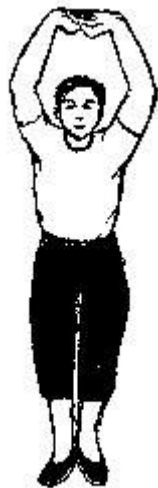
A. Bát Đoạn Cẩm.

(Trích sách *Vạn Bảo Toàn Thư*. Xem thêm *Trung Hoa Đạo Gia Đại từ Điển*, tr. 1031-1033)

1. Độ Nhất Đoạn.

Lưỡng thủ kinh Thiên lý Tam Tiêu. 兩手擎天理三焦

Giơ hai tay lên Trời để điều hòa Tam Tiêu



1

Tập 4 lần

1. Hai tay giơ lên cao, lòng bàn tay quay lên trên, 10 ngón tay giao nhau. Hai khuỷu tay thẳng, đồng thời kiễng hai gót chân lên.

2. Nghỉ.

3. Hai cánh tay đưa xuống.

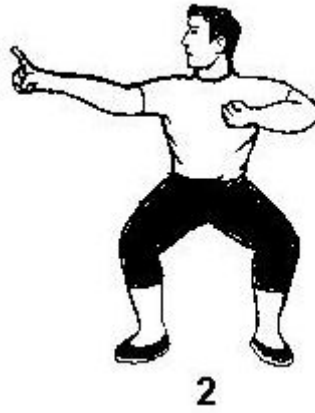
4. Nghỉ.

Làm như vậy, liên tiếp 3 lần. Đến lần thứ 4 hai chân chụm lại.

2. Độ Nhị Đoạn.

Lưỡng Thủ Khai Cung Tự Xạ Điều. 兩手開弓似射鵬

Hai tay như dương cung bắn chim cắt



Tập 4 lần.

1. Tay phải nắm lại. Cánh tay giang thẳng về phía hữu. Tay trái nắm đưa ngang vai, nắm tay ngửa lên. Mắt chăm chú nhìn về phía tay trở, đồng thời, chân phải bước sang phải 1 bước, khuyu hai đầu gối xuống như cưỡi ngựa. Gót chân không kiểng.

2. Đổi tay, đầu gối vẫn giữ nguyên.

3. Đổi tay như 1.

4. Đổi tay như 3.

Làm như vậy 4 lần. Hết lần thứ tư, hạ hai tay xuống. Đứng thẳng người lên.

3. *Đệ Tam Đoan.*

Điều lý tỳ vị đơn cử thủ.

調理脾胃單舉手

Giơ tay lên, để điều lý tỳ vị



Tập 4 lần.

1. Tay phải giơ lên cao, lòng bàn tay ngửa. Ngón tay hướng về phía tả. Tay trái buông thõng xuống phía trái, lòng bàn tay quay xuống, ngón tay hướng về phía trước. Tay trái buông thõng, úp sấp, ngón tay hướng tiền.

2. Tay trái giơ cao lên, lòng bàn tay ngửa. Ngón tay hướng về phía hữu. Tay phải buông thông, úp sấp, ngón tay hướng tiền. (Hướng về phía trước).

3. Như 1.

4. Như 2.

Xong 4 lần, 2 tay buông xuôi như cũ.

4. *Đệ Tứ Đoạn.*

**Ngũ lao, thất thương vọng hậu
tiếu**

五勞七傷望後瞧

Mắt ngó phía sau, chữa ngũ lao, thất thương



4

Tập 4 lần.

1. Quay đầu phía phải, mắt nhìn phía sau.

2. Quay đầu thẳng lại.

3. Quay đầu phía trái, mắt nhìn phía sau.

4. Quay đầu thẳng lại.

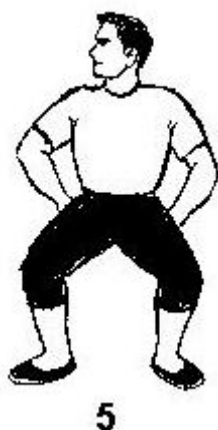
Làm như vậy 3 lần, lần thứ 4, hai chân chụm lại.

5. *Đệ Ngũ Đoạn*

Dao đầu bãi vĩ, khử tâm hỏa.

搖頭擺尾去心火

(Nghẹo đầu, khụm gối, khử tâm hỏa)



Tập 4 lần.

1. Chân phải đạp sang phía phải. Khuỷu 2 đầu gối như cưỡi ngựa. Nghiêng hẳn đầu về phía phải.
2. Quay đầu ngay lại.
3. Nghiêng hẳn đầu về phía trái.
4. Quay đầu ngay lại.

Làm như vậy 3 lần, đến lần thứ 4, đứng thẳng người lại, hai chân đứng thẳng lên, hai chân khép lại, 2 gót kiễng lên.

6. Độ lực đoạn

**Bối hậu thất điên, bách bệnh
tiêu**

背 後 七 顛 百 病 消

Vận lưng 7 lần có thể trừ bệnh.



Tập 4 lần.

1. Hai chân đặt xuống rồi kiễng ngay lên.
2. 3. 4. Như lần 1.

Làm như vậy 3 lần, đến lần thứ 4, thì đặt 2 gót xuống.

7. *Độ thất đoạn.*

Toán quyền nội mục tăng khí lực. 攢拳怒目增氣力

Nắm tay mắt giận tăng khí lực.



7

Tập 4 lần.

1. Chân phải đạp sang bên trái. Khụy chân như cưỡi ngựa. Đồng thời tay phải sang phải, bàn tay nắm ngửa lên. Mắt đột xuất (trợn), nhìn thẳng phía trước.

2. Đổi tư thế 2 tay.

3. Như 1.

4. Như 2.

Như vậy 3 lần. Đến lần thứ 4, hai tay thông xuống, mình chân trở về nguyên vị.

8. *Độ Bát Đoạn.*

Lưỡng thủ phân túc, cố thận yêu 兩手攀足固腎腰

Hai tay nắm chân khỏe thận yêu



8

Tập 4 lần.

1. Mình cúi về phía trước, càng nhiều càng tốt. Đầu gối thẳng, đồng thời 2 tay đưa xuống nắm lấy các đầu ngón chân. Đầu ngẹo về phía sau. Mắt nhìn về phía sau.

2. Nghỉ.

3. Đứng thẳng người, Tay về nguyên vị.

4. Nghỉ.

Làm 3 lần. Đến lần thứ 4, hai chân đứng thẳng lên, 2 đầu gối chõa ra. Cuối cùng, quay mặt phía mặt trời, hô hấp lâu mấy lần.

B. Thập Nhị Đoạn Cẩm.

Sáng khi dậy, ngồi trên giường tập 1 lần. Tối trước khi đi ngủ, tập 1 lần. Trong ngày, lúc rảnh, có thể tập.

1. **Khấu xỉ 扣齒**. Đập răng vào với nhau, cho gân cốt hoạt động, tinh thần thanh minh. Mỗi thứ 36 lần.

2. **Yết Tân 咽津**. Để lưỡi lên cửa hồi lâu, nước bọt sẽ sinh. Nuốt xuống. Khi nuốt phải nuốt mạnh cho thành tiếng. Như vậy nước bọt nuôi ngũ tạng, giáng hỏa. Càng nhiều lần càng tốt.

3. **Dục diện bộ 浴面部**. hai tay xoa vào nhau cho nóng, rồi lấy tay xoa từ cổ lên trán, đến chân tóc, như rửa mặt.

4. **Minh Thiên cổ 鳴天鼓**. Hai tay bịt hai tai, lấy đầu ngón tay đập vào 2 xương sau ót 24 lần. Lấy tay bịt lỗ tai, để ngón tay trở chồng lên ngón giữa, rồi búng xuống.

5. **Vận Cao Hoang 運膏肓**. Huyệt Cao Hoang ở 2 bên bả vai (dưới đốt xương sống 4, tính ra hai bên 3 tắc). Quay 2 vai 7 lần, sẽ tiêu ma bệnh toàn thân.

6. **Thác Thiên 托天**. Nắm 2 tay lại. Mũi hít hơi vận lên Nê Hoàn, đồng thời đưa 2 tay lên cao như đỡ Trời (thác Thiên). Rồi buông 2 tay xuống. Làm như vậy 3 lần. Khử được tà khí nơi ngực và bụng.

7. **Tả hữu khai cung 左右開弓**. Nín hơi. Tay trái dơ thẳng ra. Tay phải như dương cung. Hai mắt tùy nghi, nhìn theo tay trái, hay tay phải (tay nào dơ thẳng thì nhìn). Mỗi tay ba lần, tả được Tam Tiêu hỏa.

8. **Phản Đơn Điền 攀丹田**. Tay trái đỡ ngoại thận (thận nang). Lấy tay phải xát đơn điền 36 lần. Rồi lấy tay phải đỡ thận nang, lấy tay trái xát đơn điền 36 lần.

9. **Sát nội thận huyệt 擦內腎穴**. Cần nín hơi. hai tay xoa nóng lên, chà xát nơi Mệnh Môn (vùng xương sống sau lưng, ngang rốn) 36 lần.

10. **Sát Dũng Tuyền huyệt 擦涌泉穴**. Lấy tay trái giữ chân trái. Lấy tay phải xoa lòng bàn chân trái 36 lần.

11. **Ma Vĩ Lư huyệt 摩尾閭穴** Huyệt này ở cuối xương sống, trên giang môn. Thông huyết mạch châu thân. Thoa nó rất có ích.

12. **Sái thoái 洒腿**. Chân trái đứng thẳng, chân phải dơ cao lên, đá ra phía trước 7 lần. Đổi chân, làm như trên, giúp lưu thông huyết mạch.

Bị chú. Thập nhị đoạn cảm dĩ nhiên là hay hơn Bát đoạn Cẩm.

Đạo Học từ điển bỏ đoạn Sái Thoái, lấy 11 đoạn trên hợp lại thành Bát Đoạn Cẩm: 1. Khẩu xỉ 2. Dục diện, minh cổ 3. Tuyền yêu 4. Tả hữu khai cung 5. Ma sát đan điền 6. Sát nội thận huyết . 7. Ma Vĩ lư huyết 8. Sát Dũng Tuyền huyết.

-Nhiều người cho rằng: Bát đoạn cẩm là do Chính Dương Chân Nhân, Chung Ly Quyền, sáng tạo ra.

CHÚ THÍCH

[1] Cung Tùng Tiên, *Tiên Học Tập Cẩm*, tr. 57.

[2] Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển, Hồ phù Sâm chủ biên, tr. 49.

[3] *Tiên học diệu tuyển*, tr. 243.

[4] 神為性，息為命。 *Tiên Học*, tr. 15

一神一氣，即是一陰一陽。

Liễu Hoa Dương, *Kim Đơn Chính Luận. Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển*, tr. 1128.

凡學道之，能認神氣之道，即是陰陽性命之道也。

Lý Hàm Hư, Đạo Cùng Đàm. Như trên. tr. 1128.

後天之道，神氣也。先天之道，性命也。ib. 1128.

[5] 性為法身上事，命為幻身上事，性乃無為之道，命乃有為之道。

Ngô Chân trực Chỉ, q. 3, tr. 1.

[6] Tính giả nội dã, Mệnh giả, ngoại dã. Dĩ nội tiếp ngoại, tất Đại Đạo thành hĩ.

Viên Tử, Tiên Học diệu tuyển, tr. 340.

[7] Thông bộ Ngô Chân Thiên vô phi chỉ điểm nội ngoại nhị dục. Nội dục thuộc Tiên Thiên. Ngoại dục khước tu tông hậu thiên phản Tiên Thiên. Cái vô tu, vô chứng, thiên nhiên cụ túc giả, vị chi nội dục. Hữu tác, hữu vi, phản hoàn bản nguyên giả, vị chi ngoại dục. Nội dục liễu tính, thể cụ trung hoàng. Tức Nguyên Thần, nhi nhiếp tinh khí giả dã. Ngoại dục liễu Mệnh, dụng ký Khảm, Ly, tức Thân Tâm nhị hợp Chân Ý dã,

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 135.

[8] Hà vị Tính? Bất thức, bất tri, thuận Đế chi tắc, tức thị Tính. Viên đà đà, quang trước trước, tịnh khỏa khỏa, xích xái xái, tức thị Tính. Vô dục dĩ quan kỳ diệu.

Hà vị Mệnh? Nam nữ cầu tinh, vạn vật hóa sinh, tức thị Mệnh.

Hữu dục dĩ quan kỳ Khiếu. Thị vị Mệnh.

Cung Tòng Tiên, Tiên Học Tập Cẩm, tr. 216.

[9] Tính giả Chân Tâm dã.

Tiên học diệu tuyển, tr. 142.

[10] Vô Thượng chính đẳng chính giác tức thị Chân Như Bản Tính, diệt danh Tự Tính Thanh Tịnh Tâm (Huyền Diệu Hòa Thượng, tác giả Thích Thủy Tập).

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 433.

[11] Chí Tuyệt Đối cảnh giới, tức thị chứng Tính. Chứng Tính tu yếu Vô Niệm. Niệm giả, phân biệt tâm dã. Hữu phân biệt tâm, tức lạc u đối đãi.

Dục kiến Bản Tính, tắt ly danh, tuyệt tướng, phá kỳ ngã kiến.

Như trên. tr. 433.

[12] Cái “Lý Thiên” giả, Tính dã, “Khí Thiên” giả, Mệnh dã. Tại Tiên Thiên, Tính Mệnh bất phân, cưỡng biệt chi vi Lý dữ Khí. Tại Hậu Thiên, tắt tu Tính Mệnh Song Tu.

Phổng Đạo Ngữ Lục, tr. 399.

[13] **Tiên Học**, tr. 90.

[14] **Phổng Đạo Ngữ Lục**, tr. 291.

[15] **Tiên Học Diệu Tuyển**, tr. 232.

[16] **Hiện Đại Đạo Gia Tu Luyện**, tr. 27.

[17] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại từ Điển**, Hồ Phù Sâm chủ biên tr. 48-50.

[18] **Tiên Học Từ Điển**, Tục tập. tr. 25.

[19] Cung Tòng Tiên, **Tiên Học Tập Cẩm**, tr. 216.

[20] **Tiên Học**, Hứa Tiến Trung, tr. 30.

[21] **Phổng Đạo ngữ lục**, Lý Lạc Cầu biên tập, tr. 146.

[22] Vô Vi giả , luyện kỹ dã, Tính công dã. Khử Tam Tâm, diệt tứ tướng, tuyệt lục dục, đoạn thất tình, nhất thiết tục lự câu vong dã.

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 173.

[23] **Tiên Học Diệu Tuyển**, tr. 191.

[24] Tri Thiên xuất ư Đạo, Tính thọ ư Thiên, cố Minh Tính tức thị Minh Thiên, Minh Thiên tức thị Minh Đạo... Bảo kỳ Tính, toàn kỳ sinh, nhi đạt Thiên, hợp Đạo dã.

Văn Đạo Tử giảng đạo tình hoa lục, q. 1, tr. 1b.

Năng toàn kỳ Tính Thiên, vị chi tận Tính hợp Thiên.

Như trên. q. 1, tr. 2a

[25] Văn kỳ sở vị tu Tính giả, tắc viết: Thành Tâm quả dục, thanh tĩnh vô vi dã. Mặc tư sở dĩ triều Thượng Đế dã.

Như trên, q. 3, tr. 51.

[26] Duy hữu trung gian, nhất điểm Chân Thường, trạm tịch, nãi **Ngã bất sinh bất diệt**, trường tồn vạn cổ chi thân. Quả ngoại bất nhiễm nhất trần, nội bất tạp nhất niệm, **thường giác Ngã Thanh Tịnh Liễu Linh, tắc Hư Vô Diệu Giác** chi Tính Chân, tự dữ Thiên Địa Đồng kỳ chung thủy.

Cung Tòng Tiên, Tiên Học Tập Cẩm, tr. 58, 59.

[27] *Văn Đạo Tử giảng đạo tình hoa lục*, q. 1, tr. 1b.

[28] Dẫn an Thần tức, tức thị Thai Tiên.

Tiên Học, tr. 192.

[29] Thần tức, tức thị thai tức, diệc tức Mậu Kỷ dã

Tiên Học, tr. 192.

[30] Cùng thủ sinh thân, thụ Khí sơ, tức Thiên Tâm dã, Chủ Nhân Ông dã.

Như trên. tr. 78.

[31] Tính khiêu ngoại vi Tín môn (cái thóp), nội vi Nê Hoàn. Mệnh Khiêu ngoại vi Tề luân (Rốn), nội vi Khí huyết.

Tiên Học Từ Điển, Tục Tập tr. 25.

Xem thêm Triết tự của 2 chữ Tín Mệnh (Tín Mệnh tự nghĩa) cùng nơi tr. 25 này.

[32] Vấn kỳ sở vị Tu Mệnh giả, tắc viết: Tịch cốc, đạo dẫn dã, phục thực kim thạch, được vật dã, phòng trung thái thủ Nguyên Âm dã.

Văn Đạo Tử, Giảng Đạo Tình Hoa Lục, q. 3 tr. 52.

[33] Hóa nhi dục tác, dĩ vô danh chi phác, Vô danh chi phác, diệc tương vô dục, bất dục dĩ tịnh, thiên hạ tương tự định.

Đạo Đức Kinh, chương 37, Bản Dịch Nguyễn Văn Thọ.

[34] *Thượng Phẩm Đơn Pháp Tiết yếu.* tr. 2a.

[35] Doãn Chân Nhân, *Tính Mệnh Khuê Chỉ. Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 381.

[36] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 293.

[37] 心若馳散，即便攝來T

Tâm nhược trì tán, tức tiện nhiếp lai.

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 380.

[38] Tống Long Uyên, *Đạo Đức Kinh Giảng Nghĩa*, tr. 14.

[39] Xem *Huỳnh Đình Kinh* của tác giả, tr. 6.

[40] Như vậy ta thấy Tu Đơn có thể được hiểu là Tu Mệnh. Sách *Tiên Học Tập Cẩm*, nơi tr. 229, có nói: **Tu Kim Đan dĩ liễu Mệnh. 修金丹以了命。**

[41] *Tiên Học Từ Điển*, tr. 110, nơi bài Sao hào ca .

[42] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 243.

[43] *Như trên.* tr. 230.

[44] *Như trên.* tr. 232.

[45] *Như trên* tr. 232

[46] *Như trên.* tr. 232.

[47] *Như trên.* tr. 236.

[48] *Như trên*, 332

[49] Khí tụ, Thần ngưng tắc hoạt, khí tán thần ly, tắc tử.

Tiên Học, tr. 5.

- [50] Tu Tính thị tâm lý thượng đích công phu, Tu Mệnh thị cải biến khí chất.
Tiên học, tr. 66.
- [51] *Tiên Học*, tr. 43.
- [52] Tam Phong viết: "Điều tức, ngưng Thần, ngưng Thần, điều tức"
Tiên Học Tập Cẩm, tr. 63.
- [53] *Tiên Học*, cuối tr. 67.
- [54] *Tiên Học*, tr. 93, 94.
- [55] *Nam Hoa Kinh*, Khắc Ý, đoạn A và B.
- [56] *Tiên Học*, tr. 94
- [57] *Nhập Dược Kính* tr. 6b.
- [58] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 232.
- [59] *Huỳnh Đình Nội Cảnh*, Tử hà chú, tr. 6.
- [60] *Tính Mệnh Khuê Chỉ*, Hanh, tr. 13b.
- [61] Thản bình kỳ tâm, tắc tuyệt vô niệm lự, du tư. Đoan chính kỳ thân, bất dĩ nhất thiên chi kiến, tắc Linh Đài thanh tĩnh, Nguyên Thần tự hiện.
Huỳnh Đình ngoại cảnh, Tung Ẩn Tử chú, q. thượng, tr. 11.

CHƯƠNG XII

ĐƠN ĐẠO MẠN ĐÀM.

BÀN VỀ LUYỆN ĐƠN.

Đơn đạo là một vấn đề hết sức phức tạp, khó hiểu. Lý do là vì:

- Chính vấn đề đã khó.
- Người viết thì giữ bí mật, không chịu công truyền. ^[1]
- Người không biết, thì luận xằng, nghĩ bậy, rồi cũng viết sách đề đời, thành thử vàng thau lẫn lộn, mắt cá lộn sòng với chân trâu,

Trong chương này, chúng ta sẽ cố gắng:

- Nhìn bao quát về Đơn Đạo.
- Tìm hiểu đơn đạo cho có mạch lạc.
- Kiểm điểm và nhận định về đơn đạo.

Ít dòng lịch sử.

Trước khi đi vào chi tiết, tưởng cũng nên sơ phác ít dòng lịch sử về đơn đạo.

Đơn Đạo manh nha từ thời Chiến Quốc, ^[2] hình hiện vào thời nhà Hán, ^[3] thời Tấn nhờ:

-**Ngụy Bá Dương**, thời Đông Hán, người Cối Kê, tác giả bộ **Tham Đồng Khế**.

-**Cát Hồng, Bão Phác Tử**, chết năm 61 tuổi đời vua Tấn Thành Đế, trong niên hiệu Hàm Hòa (284-344). Tác giả **Bão Phác Tử nội ngoại thiên**.

Đơn Đạo hoành dương vào thời Đường, thời Tống nhờ:

-**Chung Ly Quyền** thời Đường mạt Ngũ Đại, sư phụ của Lữ Đồng Tân, Trịnh Văn Thúc, Vương Lão Chí. Tác giả: **Hoàn Đơn Ca, Phá Mê Chính Đạo Ca** v.v...

-**Lữ Đồng Tân** ^[4] sinh đời Đường Đức Tông, Nguyên Trinh niên gian (798-?). Truyền thuyết cho rằng năm 862, khi ấy Ông đã 64 tuổi, mới gặp được Chung Ly Quyền.

-**Trương Bá Doan** (987-1082) và đồ đệ (Nam Tông Phái chủ). (Tống)

-**Vương Trùng Dương** (1112-1170) và đồ đệ (Bắc Tông Phái Chủ. (Cuối thời Tống).

Thời Tàn, Hán các đạo sĩ chuyên luyện ngoại dược, nghĩa là dùng những chất liệu bên ngoài.

Từ Chung Ly Quyền và Lữ Đồng Tân, đơn đạo mới chuyển ngược hướng, và cho rằng trong con người đã sẵn có các chất liệu để luyện thuốc trường sinh. ^[5]

Đến thời Minh, thời Thanh, ta thấy có thêm ít nhiều môn phái mới xuất hiện. Tuy nhiên, môn phái nào cũng cho mình là đệ tử chân truyền của Chung, Lữ nhị tổ. Các môn phái mới đó là:

-**Lục Trường Canh tự Tiềm Hư** (Đông Tông phái chủ) (Minh).

-**Lý Tây Nguyệt tự Hàm Hư** (Tây Tông phái chủ) (Thanh).

-**Lý Đạo Thuần** (Trung Phái chủ)

I. CÁI NHÌN BAO QUÁT VỀ ĐƠN ĐẠO.

Lý Đạo Thuần (Trung phái chủ) đã cho ta một cái nhìn khái quát về Đơn Đạo, Nó toát lực cho ta khuynh hướng chính yếu của các môn phái, và đồng thời cũng giúp ta đánh giá các khuynh hướng đó.

Tài liệu này đã đăng tải trong phần Phụ Lục của quyển **Đại Thành Tiệp Kính**, nơi các tr. 135-142 của Dương Thanh Lê. Tôi toát lược như sau:

Đơn Đạo có thể chia làm 3 loại chính:

- Bàng Môn Cửu Phẩm.
- Tiệm Pháp Tam Thừa.
- Tối thượng nhất thừa.

Chúng ta sẽ đi sâu thêm vào tính chất, phương pháp, quan niệm của mỗi loại tu trì, với các phân phái của nó.

1. Bàng Môn tả đạo cửu phẩm,

Gồm chín loại: **Tà đạo** (thượng, trung, hạ), **Ngoại đạo** (thượng, trung, hạ), **Bàng Môn** (thượng, trung, hạ).

a. Tà Đạo (Thượng, Trung, Hạ).

Chủ trương: Phòng trung thái chiến. Lấy vấn đề giao hoan, luyện ái làm bí thuật trường sinh..

b. Ngoại Đạo (Thượng, Trung, Hạ).

Chủ trương:

- Hưu lương, tích cốc.

Hoặc:

-Sái bồi (phơi nắng lưng)

-Ngọa băng (nằm trên băng)

Hoặc muốn nuôi thân bằng cách:

-Thôn hà (nuốt mây Trời)

-Phục Khí (nuốt khí Trời)

-Nuốt ánh sáng các vì sao, nuốt Khí ngũ phương, hấp thụ tinh hoa của hai vầng nhật, nguyệt v.v...

c. Bàng Môn (thượng, trung, hạ)

Chú trọng:

1 Các phương pháp vận động để luyện tập thân thể như:

-Bát đoạn cầm.

-Thở nạp.

-Lục tự chú ^[6].

-Ma sát (massage)

-Chuyển vận con người.

-Chuyển vận xương sống.

Hoặc Tồn Thân, Chú Ý vào:

-Đơn Điền (thủ đơn điền)

-Rốn (thủ tể luân)

-Ẩn đường (lưỡng mi gian) (Thủ ẩn đường)

-Mặc triều Thượng đế (Yên lặng triều kính Thượng Đế).

Bị Chú. Ta thấy các môn phái trên giống nhau ở chỗ:

-Lệ thuộc vào ngoại cảnh, ngoại vật rất nhiều.

-Dùng những phương tiện phi lý như nuốt mây trời, nuốt ánh sáng các vì sao v.v...

Và lại, tôn chỉ của Đạo Lão là cố sống cho thật tự nhiên, theo đúng các định luật tự nhiên, cho nên những gì tần phiến, phức tạp, là Đạo Lão hết sức tránh.

Cho nên xếp những hạng người trên vào Tà Đạo hay Ngoại Đạo thật không oan.

2. Tiệm Pháp Tam Thừa. (ba hạng tiệm tu):

- An lạc pháp môn.
- Dưỡng mệnh pháp môn.
- Diên sinh pháp môn.

Hạ Thừa Đơn Pháp hay An Lạc Pháp Môn.

Chú trọng:

- Luyện Tĩnh
- Điều hòa ngũ tạng.
- Tu luyện xác thân.

Trung thừa Đơn Pháp hay Dưỡng Mệnh Pháp Môn.

Chú trọng:

- Luyện khí.
- Điều hòa Tinh, Thần, Hồn, Phách.

Thượng thừa Đơn Pháp hay Diên Sinh Pháp Môn (tăng Thọ)

Chú trọng:

- Luyện Tâm.
- Trừng phần (nén giận), trật dục (trừ dục).
- Diệt trừ vọng niệm.

Bị Chú.

Ta thấy khuynh hướng 3 môn phái này là đi dần dần vào Tâm.

3. Tối thượng thừa (hay Vô Thượng Chí Chân Đại Đạo).

Chủ trương:

- Tây Tâm, địch lự.
- Định, Tuệ.
- Thanh Tĩnh, Vô Vi.
- Khế hợp với Thái Hư, Thái Cực.

Bị Chú: Đó chính là **Thiên Tiên Chi Đạo**.

II. TÌM HIỂU ĐƠN ĐẠO CHO CÓ MẠCH LẠC.

Muốn hiểu Đơn Đạo cho có mạch lạc, trước hết chúng ta phải nhìn nó dưới 2 khía cạnh:

- Triết Học.
- Đạo Giáo.

a. Nhìn Đơn Đạo dưới khía cạnh Triết Học.

Dưới khía cạnh triết học, Đơn Đạo chung qui vẫn là tất cả công trình suy tư về **Bản Thể Chân Thực** của con người, cũng như tất cả các phương pháp, các giai trình để thực hiện **Bản Thể Chân Thực** ấy.

Đơn Đạo chẳng qua là những áp dụng của *Kinh Dịch* vào phương pháp tu trì.

Theo *Dịch*, thì **Bản Thể vũ trụ là Thái Cực, duy nhất, duy tình.**

Thái cực này đã sinh xuất ra vũ trụ và ra con người bằng cách phóng phát, tán phân, và luôn tiềm ẩn trong lòng con người.

-Suy tư, tìm kiếm cốt là để tìm ra **căn bản** ấy.

-Tu luyện cốt là để trở về với **căn bản** ấy.

-Trường sinh, bất tử chính là khế hợp với **căn bản** ấy.

Nếu Thái Cực đã phóng phát ra con người, và ra quần sinh, vũ trụ, thì **con đường về với Thái Cực** là **con đường nội tâm**, phương pháp tu luyện để trở về với Thái Cực là phương pháp Thu Nhiếp, Ngưng Tụ và Hoà Hài (Thu Thần, nhập định, ngưng Thần, tụ Khí, hoà hài Âm Dương. **Con đường Nội Tâm chính là Chiều Nghịch của vòng Dịch.** Nếu Thái Cực đã tiềm ẩn đầy lòng, thì Trường Sinh Được, mục đích của khoa Luyện Đơn cũng đã sẵn có nơi Thân, Tâm con người.

b. Nhìn Đơn Đạo dưới khía cạnh Đạo Giáo.

Nói theo từ ngữ Đạo giáo, từ ngữ Huyền học (mysticism), thì Đơn Đạo chính là công trình tìm Thượng Đế nơi đáy lòng. Đông, Tây đều ước muốn tìm ra con đường này. Ngày nay, người ta gọi đó là **Con Đường huyền nhiệm, hay đạo huyền đồng (mysticism).**

Mục đích tối hậu của đơn đạo chính là đi đến chỗ Khế Hợp với Thiên Tâm, với Thượng Đế. **Đạo Đức Kinh**, chương 68, gọi thế là **Phối Thiên**. Lão Giáo gọi thế là **Thiên Nhân hợp Nhất**. **Phối Thiên** là Trường Cửu. Nó chính là Niết Bàn của Phật Giáo.

Tất cả các phương pháp tu luyện chung qui là sửa sang cho Tâm thần trở nên xứng đáng làm tòa ngôi của Thượng Đế Chí Tôn.

Những nhận định trên đây của tôi hết sức là trung thực, không thiên về một Đạo Giáo nào, vì đó là kho tàng chung của nhân loại.

c. Áp dụng những quan niệm trên để tìm hiểu Đơn Đạo.

Với những quan niệm trên làm kim chỉ nam, ta sẽ đi vào Đơn Đạo một cách hết sức thoải mái.

1. Trước hết, ta tìm hiểu về chữ Đơn.

丹

Chữ Đơn, đầu tượng Nhật, chân tượng Nguyệt.

Chấm ở giữa là Thử Châu (Thái Cực)

Nét ngang là “Được”.

Trước thời Hán, thì gọi là Đạo, sau thời Hán thì gọi là Đơn. [\[7\]](#)

Thế nghĩa là: Đơn chính là Thái Cực, bao quát Âm Dương, đã tiềm ẩn sẵn trong lòng mọi người, và thu gọn lại ở thế cực tiểu, như hạt vừng (Thử) theo từ ngữ Trương Tam Phong. Tu Đơn Đạo cốt là để Đắc Thái Cực, Đắc Đạo, vì Đơn chính là Đạo, là Thái Cực vậy.

-Đơn chính là Độc Nhất. Chỉ có Đạo là Độc Nhất Vô Nhị, cho nên gọi là Đơn. Trời được Một thời trong xanh, đất được Một thời đầy đặn, người được Một thời Trường Sinh. ^[8]

Định nghĩa này cho thấy: Muốn trường sinh phải Đắc Đơn, Đắc Đạo, Đắc Nhất.

-Kết Đơn chi Đạo chỉ là Nhất mà thôi. Mà Nhất chẳng qua chỉ là Hư mà thôi. ^[9]

Định nghĩa này đưa ta trở về với Hư với Vô Cực.

Định nghĩa này còn cho thấy Đơn là Thái Cực tiềm ẩn trong thân.

-Tâm là Đơn, Đơn là Tâm. ^[10]

-Đơn là Đạo, Đạo là Đơn. ^[11]

-Đơn là Bản Thể, là gốc gác của Trời đất, vạn vật.

Cái gì là Gốc của Trời đất, vạn vật? Đó là Đơn, là Đạo. Nó Hư Vô không thể đặt tên, nên tạm gọi là Đạo. Hư sinh Một, Một sinh Vạn, Vạn qui Nhất, Nhất qui Hư. ^[12]

Định nghĩa này lại càng cho thấy: Đơn là Thái Cực và sách **Đại Động chân kinh** cũng cho rằng:

Muốn tìm gốc gác phải tìm nơi Thái Cực. ^[13]

Xuống Đạo Chân Ngôn còn cho rằng: khi con người bừng tỉnh, nhận ra được Thái Cực nơi Tâm, tức là nhìn thấy Bản Lai Diện Mục của mình, thấu triệt được Căn Nguyên của mình. ^[14]

Những danh từ như:

-Cùng thủ sinh thân, thụ khí sơ. ^[15]

-Thử mễ bảo Châu. ^[16]

-Nhất lập Kim Đơn. ^[17]

-Nhất lập tức ^[18],

đều là những danh từ để chỉ Thái Cực tiềm ẩn nơi Tâm.

-Kim Đơn.

Kim là Pháp Thân bất hoại

Đơn là Thực Tướng Viên Mãn. ^[19]

Định nghĩa này cho thấy: Đơn của Lão Giáo tức là Pháp Thân của Phật Giáo.

-Đơn Đạo dạy con người con đường Hoàn Phản, Phản Bản, Hoàn Nguyên. Chính vì thế mà người xưa định nghĩa:

Thất phản là Phản Bản.

Cửu Hoàn là Hoàn Nguyên. ^[20]

2. Muốn phản bản hoàn nguyên phải đi theo chiều nghịch, chiều hướng nội.

Muốn phản bản, hoàn nguyên phải đi theo chiều nghịch, chiều qui tâm, hướng nội.

“Thuận sinh nhân, nghịch sinh Đon.” (Trương Tam Phong).

“Thuận vi phạm, nghịch vi tiên.” ^[21]

“ Phải hồi tâm, mới có thể hướng Đạo.” ^[22]

Tôn Bất Nhị viết:

Thuận kỳ cơ, để hành nhân đạo. ^[23]

Nghịch kỳ cơ, để hành Tiên Đạo. ^[24]

Sinh cơ ngoại phát, gọi là Thuận. ^[25]

Sinh cơ nội liễm, gọi là Nghịch. ^[26]

Tiên Học Diệu Tuyển viết:

“Kim đơn Đại Đạo từ Hữu Vi nhập Vô Vi, tức là Liễu Mệnh (lo cho thân thể khang cường NVT), kiêm Liễu Tính (tu tâm, luyện Thần NVT), có như vậy Thần Hình mới song toàn, viên mãn.” ^[27]

Xướng Đạo Chân Ngôn viết:

**“ Tâm nội quan tâm, mịch bản tâm,
Tâm tâm câu tuyệt, kiến Thiên Tâm.
Chân Tâm minh triệt, thông tam giới,
Ngoại đạo, thiên ma bất cảm sâm.”** ^[28]

Dịch:

*Rong ruổi trong tâm, kiếm bản tâm,
Phạm tâm diệt tích, kiến Chân Tâm.
Chân Tâm minh triệt, thông tam giới,
Ngoại đạo, thiên ma chẳng dám sâm.*

“Xưa nay, thánh hiền cầu Đạo, đều không hướng ngoại tìm cầu. Chỉ tĩnh định mà cầu ở nơi nhất tâm...trong đó có đủ mọi sự.” ^[29]

Tôn Bất Nhị còn gọi công trình đi từ Hậu Thiên trở về Tiên Thiên là Cửu Chuyển hoàn đơn, hay Phản Hoàn, Nghịch Chuyển. ^[30]

Kim Đơn Đại Đạo trọng tại Nghịch Chuyển Tạo Hoá, cho nên nếu Tạo Hoá phát tán đi từ Nhất ra Vạn, để sinh hóa ra vạn hữu, thì Tu Đơn phải đi từ Vạn trở về Nhất, phải thu nhiếp, hòa hài, tập hợp để trở về với Thái Cực Tiên Thiên. ^[31]

Trương Bá Đao cũng lý luận tương tự như vậy. Ông viết:

“ Nhận rằng Đạo từ Hư Vô sinh xuất vạn vật, theo chiều Thuận, còn Tu Nội Đơn thời đi ngược lại: Phải trở về Hư Vô, phải hợp nhất với Đạo.

*Luyện Đơn diệu dụng, theo Kiền Khôn,
Kiền Khôn vận chuyển, sinh Ngũ Hành.
Ngũ Hành thuận chuyển sinh sống chết,
Ngũ Hành nghịch chuyển hoá Kim Đơn.”* ^[32]

3. Phải thu nhiếp tất cả về Một.

-Thu nhiếp ngũ khí, ngũ hành (Tinh, Thần, Hồn, Phách, Ý) trở về Thái Cực.

Người xưa gọi thể là Toàn Thốc Ngũ Hành hay Ngũ Khí Triều Nguyên.

-Thu nhiếp tứ tượng (tinh thần, hồn, phách) về với Thái Cực. Người xưa gọi thể là: Tứ Tổ qui gia.

-Thu Nhiếp Tam Tài về cùng Thái Cực (Tinh, khí Thần).

-Tam Hoa qui đỉnh.

-Thu Nhiếp Lưỡng Nghi về cùng Thái Cực (Lưỡng Nghi đây là Thần Khí). Và tới đây, thì các danh từ trở nên vô cùng hùng hậu, bởi vì thay vì dùng 2 chữ Thần Khí, thì người ta nói Long Hổ: Anh Nhi, Xá Nữ; Kim Ô, Ngọc Thố; Diên, Hống; Hắc Qui, Xích Xà; Khảm Ly; Thủy Hỏa; Âm Dương; Kim tinh, Mộc dịch; Mã Ngưu; Thần Thủy, Hoa Trì v.v...

4. Thu Nhiếp tất cả về Thái Cực, Trung Cung.

-Muốn thu nhiếp, phải thu nhiếp về một nơi nào. Nguyên tắc là thu nhiếp về Trung Cung, Thái Cực. Lúc ấy, Trung Cung Thái Cực được gọi là Huỳnh Bà Xá, Trung Cung, Trung Hoàng, Mậu Kỷ Môn, Phục Mệnh quan v.v...

Nhưng trên thực tế là thu nhiếp về 1 Đơn Điền nào đó trong con người (hoặc Thượng, Trung, Hạ). Nhưng **chung qui, thường là thu nhiếp về Thượng Đơn Điền hay Nê Hoàn Cung.**

Tính Mệnh Khuê Chỉ tóm tắt bằng câu sau:

“Tứ Tượng, Ngũ Hành toàn thốc ư nhất đỉnh. Hồn hữu linh ư Thiên Cốc, Lý Ngũ Khí ư Nê Hoàn.” ^[33]

Nếu ta dùng quan niệm Đạo Giáo mà tìm hiểu khoa Luyện Đơn, ta sẽ thấy 1 chiều hướng thứ 2, với những nét chính yếu sau đây:

Trong tâm ta có Đạo, có Trời, mà ta chẳng biết, chẳng hay. **Tính Mệnh Khuê Chỉ**, q. Hanh, tr. 11a có thơ:

**Tá vấn Chân Nhân hà xứ lai?
Tòng tiền nguyên chỉ tại Linh Đài.
Tích niên, vân vụ, thâm già tế,
Kim nhật tương phùng, đạo nhơn khai.**

Dịch:

*Chân Nhân wớm hỏi tới từ đâu?
Tâm khảm tiềm tàng sẵn đáy sâu.
Thủa trước Linh Đài vân vụ phủ,
Ngày nay gặp gỡ hết xa nhau.*

Như vậy, con người phải tu tâm, luyện kỹ, định tĩnh, thanh hư, để mong thấy Đạo, thấy Trời hiện ra trong tâm khảm mình.

Tam Mao Chân Quân có thơ:

**Linh Đài trạm trạm tự băng hồ,
Chỉ hứà Nguyên Thần lý diện cư.
Nhược hướng thử trung lưu nhất vật,
Khởi năng chứng Đạo, hợp Hư Vô.**

Dịch:

Tâm linh vắng vắng tự băng hồ,
Chỉ khứng Nguyên Thần lý diện cư.
Nếu để vật chi vương vấn đó,
Làm sao chứng Đạo, hợp Hư Vô.

5. Tu Luyện phải Kiến Thiên Tâm, mới là Giác Ngộ. Đó là vào được quẻ Phục trong con người.

Tu luyện mà tự nhiên kiến Thiên Tâm, thời là lúc giác ngộ. Người xưa gọi là **Hoạt Tí Thời**. Thời kỳ này sẽ cho ta chứng kiến được những thay đổi, những chuyển biến hết sức quan trọng, lớn lao trong tâm hồn. Gọi là Hoạt Tí, vì nó thay đổi tùy người không nhất định. Chúng ta khi đi tới 1/2 cuộc đời, vào khoảng 36 tuổi, là lúc có thể Kiến Thiên Địa chi Tâm, là lúc có thể giác ngộ. Đức Phật và Huệ Năng chẳng hạn giác ngộ năm 36. Có nhiều người chậm hơn. Đức Khổng giác ngộ năm 50, Lữ Đồng Tân cũng vậy.^[34]

Dịch Kinh viết: **Phục kỳ kiến Thiên Địa chi Tâm hồ?** (Xem quẻ Phục).

Tiên Học từ điển nơi tr. 78 có ghi: **Thiên Tâm kiến, Hoạt Tí hiện.** (Châm Thạch Tử).

Người xưa ghi lại những biến chuyển quan trọng của Tâm Hồn mình, khi Kiến Thiên Tâm bằng những vần thơ sau:

Bách tự Bi của Lữ Đồng Tân có câu:

**Âm dương sinh phản phúc,
Phổ hoá nhất thanh lôi.**

(**Tôn Bất Nhị nữ đơn thi chú**, tr. 16)

Thiệu Khang Tiết có thơ:

**Hốt nhiên, dạ bán, nhất thanh lôi.
Vạn hộ thiên môn thứ đệ khai.** (Như trên. tr. 16)

Chung Ly Quyền có thơ:

**Đạt nhân thái đắc Tiên Thiên Khí,
Nhất dạ lôi thanh bất tàm đình.**

(Những chữ **Nhất dạ lôi thanh, bán dạ nhất thanh lôi** đều mượn ý nơi quẻ Phục, vì Phục là Địa Lôi Phục: Sấm rung lòng đất là Phục. Ở Trời Đất, tình trạng quẻ Phục xảy ra vào ngày Đông Chí, lúc nửa đêm. Ở nơi con người nó xảy ra khi lòng con người Hư Tĩnh, chính vì vậy mà quẻ Phục ứng với chòm sao Hư trong Thiên Văn.

6. Sống kết hợp với Đạo, với Trời, mới thành Thiên Tiên.

Nhân Tâm nhược dữ Thiên Tâm hợp,

Điên đảo Âm Dương chỉ phiến thời. (Cổ Thi)

Dịch:

*Nhân Tâm cùng với Thiên Tâm hợp,
Điên đảo Âm Dương ấy chính thời.*

(Điên đảo Âm Dương là thời khí từ Khôn, thuần Âm, sang quẻ Phục, là quẻ “nhất Dương”.)

Sách **Tiên Học Từ Điển** định nghĩa Thiên Tiên như sau:

Thiên Tiên về Bản Thể cũng đồng một thể Thái Hư như Trời.
Về Đức, cũng như Trời, che chở muôn vật.
Về Ý, cũng Vô Cực như Thiên Tâm.
Siêu việt lên trên 33 tầng Trời.

Chung Ly Quyền viết:

**Kham ta vô hạn học tiên giả,
Tổng dữ Thiên Tiên đạo dị môn.**

Dịch:

*Buồn thay vô số kẻ học Tiên,
Cùng với Thiên Tiên khác nổi niêm.* ^[35]

Chính vì vậy, mà những người vô đức không bao giờ học được đạo Thiên Tiên. Lý do là vì những người vô đức thời lòng họ xa cách Trời muôn trùng. Cho nên chỉ những kẻ hữu đức mới mong khế hợp với Trời, mới mong hiểu biết được Thiên Cơ, được bí quyết luyện đơn.

Chung Ly Quyền viết:

**“Nhược phi phù khế Thiên duyên sự,
Thùy bả Thiên cơ quyết dữ công.”**

Dịch:

*“Lòng không phù khế Thiên duyên sự,
Thiên cơ hồ dễ được truyền tâm.”* ^[36]

7. Các giai đoạn của Phương Pháp Luyện Đơn.

Như vậy, luyện đơn gồm nhiều giai đoạn, từ thấp đến cao, từ hữu vi đến vô vi, từ xác thân, đến tâm tư, đến Nguyên Thần.

Nếu ta chấp nhận con người có 3 phần:

- a. **Phần Thiên:** Thần, Nguyên Thần, Thái Cực, Thái Hư, Thiên Tâm, Đạo.
- b. **Phần Nhân:** Nhân Tâm, Phàm Tâm, gồm thất tình, lục dục, vọng niệm, thức thân.
- c. **Phần Địa:** Xác thân.

Và nếu ta đảo ngược ba phần trên lại, để đi từ thấp đến cao, từ hữu vi đến vô vi, từ hữu hình đến vô tướng, từ ngoài thân xác, hình hài vào đến Trung Điểm Tâm Thần, ta sẽ thấy khoa luyện đơn gồm:

1. Các phương pháp luyện thân xác cho khang kiện:

Dưới đề mục này, ta có thể xếp các phương pháp:

-Dinh dưỡng, ẩm thực.

- Cư trú.
- Dược vật.
- Thế thao (động công: Bát Đoạn Cẩm, Thập Nhị Đoạn Cẩm).
- Ma sát, Ấn Ma.
- Yết Tân.
- Thổ nạp.
- Vận Khí điều tức:
- Hô hấp thông thường (Ngoại hô hấp)
- Hô hấp qua 2 mạch Nhâm, Đốc. (Nội hô hấp)

Chung qui, vận khí điều tức là vấn đề then chốt của khoa luyện đơn.

Những người căn cơ thấp thường chỉ luân quần trong những loại công phu này.

2. Các phương pháp tu luyện tâm hồn.

- Trừng phần trật dục.
- Thu nhiếp phóng tâm.
- Tiêu trừ vọng niệm.
- Tĩnh định.
- Hư tâm.

3. Giai đoạn luyện Thần, đắc Nhất, đắc Đạo, đắc Thiên.

Giai đoạn này là giai đoạn chứng ngộ Bản Thể. Đây mới chính là giai đoạn Đơn Thành.

Mới hay:

**“Khuyến quân cùng thủ Sinh Thân Xứ,
Phản Bản Hoàn Nguyên, thị dược vương.”** [\[37\]](#)

Dịch:

*“Khuyên anh trở lại Nguồn Gốc cũ,
Phản bản, hoàn Nguyên ấy Tiên Đơn.”*

III. KIỂM ĐIỂM VÀ NHẬN ĐỊNH VỀ ĐƠN ĐẠO.

Trước hết ta nhận định rằng:

1. Ngoại dược không thể đem lại Trường Sinh, vì nếu có như vậy, thì các vua chúa, các người giàu có trên thế gian này, không ai chết cả.

2. Trường sinh là Trường sinh về phương diện Thần, Nguyên Thần chứ không phải Trường Sinh bằng hình hài. Nếu mà Ngụy Bá Dương đã Trường Sinh bằng xác thân, thì Ông đã siêu việt trên cả Phật Thích Ca, hơn cả Lão Tử, Trang Tử, hơn cả Chúa Giêsu.

3. Khoa Luyện Đơn thực ra phải diễn biến theo đúng qui luật tiến hóa tự nhiên của Trời Đất.

Trần Nê Hoàn viết:

Thần Tiên pháp độ chân tự nhiên. (Tiên học diệu tuyển)

4. Trong thân ta, vì có Thái Cực, nên đã có đủ dược liệu để luyện thuốc trường sinh.

Chỉ Huyền Thiên viết:

“Chân chính đại dược tại Thân trung cầu chi, bất tại ngoại thủ.” ^[38]

Sau đây là những nhận định về 3 giai đoạn luyện đơn:

a. Nhận định về **Tu luyện xác thân.**

Phương pháp tu luyện xác thân như ta đã kể trên, rất là đa đoan, phức tạp. Nhưng phương pháp trọng yếu nhất của Khoa Luyện Đơn là Hô Hấp.

-Không phải luyện Hô Hấp thường bằng phổi (respiration pulmonaire), mà người xưa gọi là Hậu Thiên Hô Hấp hay Ngoại Hô Hấp.

-Mà còn hô hấp qua tủy xương sống (respiration médullaire) tức là: vận chuyển Chân Khí có sẵn trong tủy xương sống, từ Vĩ Lư lên Nê Hoàn (qua mạch Đốc), rồi lại từ Nê Hoàn qua Mạch Nhâm, xuống cho tới Sinh Tử Quan (Hội Âm, Âm Kiều, Hải Đê). ^[39]

-Chẳng những dạy chuyển vận Chân Khí mà còn dạy cách ngưng Thần ở Nê Hoàn. Người xưa gọi thế là Thai Túc (tôi dịch là: respiration embryonnaire).

-Bế khí, ngưng Thần ở Nê Hoàn, nghĩa là hoàn toàn đình tức (arrêt respiratoire), đồng thời nhập Đại Định (ngưng Thần= Samadhi).

Tôi đã đề cập đến vấn đề quan trọng này trong quyển **Huỳnh Đình Kinh bình giải** của tôi, một cách cặn kẽ hơn, nơi chương 20 và 30.

Nó quan trọng đến nỗi người xưa gọi các Đơn Gia là Khí Sĩ. ^[40]

Nó quan trọng đến nỗi nếu hiểu được 2 chữ Thần, Khí là hiểu được Dược Vật, Hỏa Hào, hiểu được đại bộ phận của Khoa Luyện Đơn. ^[41]

Bạch Ngọc Thiềm viết:

“Thần là Hoả, Khí là Dược.” ^[42]

“Dùng thần ngưng khí thời sẽ thành Đạo.” ^[43]

Bạch Ngọc Thiềm viết thêm:

“Cái vi diệu của khoa Luyện Đơn là do biết Ngưng Thần. Thần Ngưng thì Khí tụ. Khí tụ tức Đơn thành.” ^[44]

Huỳnh Nguyên Cát viết:

“Đơn Đạo chẳng ngoài Thần Khí. Mới đầu thời Thần Khí xa cách nhau. Ta đem Thần điều Khí, dùng Khí ngưng Thần, cuối cùng Thần Khí dung hoá trong Hư Không, hợp thành một đoàn, to như Thử Mễ Chi Châu, treo ở nơi Tứ Đại Ngũ Hành không vương vấn được.” ^[45]

Sách **Trúc Cơ Tu Chứng** viết: “Đình tức ở Nê Hoàn” (Ngưng thở ở Nê Hoàn). ^[46]

Tiên Học Diệu Tuyền nơi tr. 162 có ghi lời Cao Cái Sơn Nhân, Ngô Ngộ như sau:

“Nội đơn chính là Tồn Thần, bế tức. Nếu lại còn Hư Tâm, Tuyệt Lự thì hoàn toàn giống Thiên Định.” ^[47]

Mới hay Luyện Mệnh, Luyện Hình, Luyện Thần không gì bằng Hô Hấp Tiên Thiên. Không gì bằng: Vận Khí, điều Tức.

Muốn diên niên, không gì bằng đem được Thần Khí về Nê Hoàn.

Ngũ Tổ nói:

“Hiếu rành Hô Hấp sẽ thành Tiên.” ^[48]

b. Nhận định về giai đoạn Tu Tâm.

Giai đoạn này có thể tóm tắt bằng 2 chữ: Định, Tĩnh.

Tiên Học Diệu Tuyền tr. 162 có viết:

“12 bộ Tam Tạng (Phật giáo) chỉ nói về chữ Định; vạn quyển Đơn kinh (Lão Giáo) chỉ nói về chữ Tĩnh mà thôi.” ^[49]

Mã Đơn Dương nói:

“Tâm thanh, ý tĩnh tam đơn kết”

Thạch Hạnh Lâm viết:

“Tâm có định, đơn mới thành. Tâm không định Đơn không kết.” ^[50]

Bạch Ngọc Thiềm nhận định:

“Người học Đạo lấy Dưỡng Tâm làm chủ. Tâm mà động, thời Thần mệt. Tâm mà định, thời Thần nhàn. Thần mệt thì Đạo ẩn, thần nhàn thì Đạo sinh.” ^[51]

Kinh Vân: “Nhân năng thường thanh tĩnh, Thiên Địa tất giai qui.” ^[52]

Kiến Tính Tụng viết:

“Tâm thanh, ý tĩnh, Khí hoà, Thần định, Chân tức miên miên, Linh quang oánh oánh.” ^[53]

Phương Đại Tâm viết: “Nếu con người có thể sống thanh hư, đạm bạc, tự nhiên sẽ thấy Bản Lai chí Tính Thiên.” ^[54]

Tự Nhiên Cư Sĩ có thơ:

**Tâm như minh kính liên thiên tịnh,
Tĩnh tự hàn đàm, chỉ thủy đồng.
Thập nhị thời trung, thường giác chiếu,
Hưu giao muội liễu chủ nhân Ông.** ^[55]

Dịch:

*Tâm như gương sáng mây trời vắng,
Tĩnh tựa hồ thu nước lặng trong.
Suốt ngày tuệ giác thường chói lói,
Đừng làm mờ mắt Chủ Nhân Ông.*

Tóm lại:

Được vật chỉ từ Hư Vô hái,

Đại đơn toàn tại Định trung thiêu. [\[56\]](#)

c. Nhận định về giai đoạn luyện Thần hoàn hư, phục qui Vô Cực.

Giai đoạn cuối cùng là giai đoạn tìm ra được Chân Tướng của con người, tìm ra được đoàn đích, tìm ra được đầu giây, mối rợ của khoa Luyện Đơn.

Đó là giai đoạn tìm ra được Thái Cực, được Trời, được Đạo tiềm ẩn trong Tâm.

Đến đây, ta mới hiểu tại sao Đơn lại là Trường Sinh Dược. Đơn chính là Đạo, chính là Thái Cực. Mà Thái Cực hay Đạo thời trường sinh, vĩnh cửu, nên Đắc Đạo, Đắc Nhất, Đắc Đơn, Đắc Thiên sẽ được Trường Sinh.

Đứng từ trên đỉnh thẳm này, nhìn bao quát lại công trình của khoa luyện đơn, ta sẽ thấy rằng:

Thái Cực, Đạo, Trời là căn cơ, là then chốt, là mục tiêu tối hậu của khoa Luyện Đơn.

Không biết có Thái Cực trong thân, không thể Luyện Đơn.

Trương Tam Phong có thơ:

**Tâm chân phỏng Đạo, hữu hà nan,
Chỉ yếu nhân tâm thức đảo điên.
Hư hướng ngoại thân tâm chí được,
Tất tu thân nội, mệnh chân diên.** [\[57\]](#)

Dịch:

*Tâm Chân, phỏng Đạo khó chi đâu,
Chỉ cốt nhân tâm hướng nội cầu.
Thôi đừng thân ngoại, tìm chí được,
Hãy lo thân nội đoạt Thử Châu (Thái Cực)*

Mới hay:

*Nhất Linh Chân Tính là Đơn,
Mượn lò Tứ Đại, luyện đoàn thử coi.
Chân Như ấy chính Dược Tài,
Ảo thân lò ấy, giúp người luyện Đơn,
Công phu liên tục, lan man,
Từ trong Định Tĩnh, chu toàn Thánh Thai.* [\[58\]](#)

KẾT LUẬN.

Nói về khoa Luyện Đơn không biết bao giờ cho cùng. Cho nên, trong bài này, tôi đã cố tránh các thuật ngữ, cố bàn về đại cương mà không đi vào chi tiết, cố tìm cho ra con đường giản dị mà đi, chứ không đâm sầm vào các đường quanh phiên tạp.

Tới đây, tôi liên tưởng đến 2 câu thơ của 1 vị Tổng Triết danh tiếng là Lục Tượng Sơn:

**Giản dị công phu chung cứu đại,
Chi ly sự nghiệp cánh phù trầm.** ^[59]

Dịch:

*Giản dị công phu mà cứu đại,
Chi ly sự nghiệp lại phù trầm.*

Tôi cũng không muốn nói nhiều hơn về đơn đạo vì:

*Đã thông, một tiếng đủ rồi,
Đã mờ, nói mãi rồi bời, ích chi?* ^[60]

Tôi kết luận chương này bằng mấy yếu quyết:

- Ngưng Thần, điều tức, điều tức, ngưng Thần. (Giai đoạn I) ^[61].
- Thần thanh, khí sáng, thân tâm hòa sướng. (Giai đoạn I, & II) ^[62]
- Tức điều, Tâm tĩnh, khả dĩ nhập Đạo. (Giai đoạn I & II, chuẩn bị cho giai đoạn III.) ^[63]
- Thần hình câu diệu, dữ Đạo hợp chân (Đúc kết cả 3 giai đoạn) ^[64]

CHÚ THÍCH

^[1] Khẩu quyết yên năng chỉ thượng minh.

口訣焉能紙上明？

Tiên học từ Điển tr. 40.

^[2] **Nam Hoa kinh**; chương Khắc Ý, đoạn A và B.

^[3] Hán dĩ tiên vị chi Đạo, Hán dĩ hậu vị chi đơn.

Tiên Học từ Điển, tr. 62.

^[4] Đường đại sư tổ Chung Ly Quyền, Lữ Đồng Tân xuất.

Đạo gia trường sinh bí quyết, tr. 63.

^[5] **Như trên**. tr. 63.

^[6] **Huỳnh Đình Kinh giải**, chương 6

^[7] Đơn tự, đầu tượng Nhật, cước tượng Nguyệt. Trung nhất điểm vi Thử Châu. Nhất hoạch vi đắc. Hán dĩ tiên vị chi Đạo, Hán dĩ hậu, vị chi Đơn.

Tiên Học Từ Điển, tr. 62.

^[8] Đơn giả, đơn dã. Duy Đạo vô đôi, cố viết Đơn. Thiên đắc Nhất dĩ thanh, địa đắc Nhất dĩ doanh, nhân đắc Nhất dĩ trường sinh.

[9] Kết Đơn chi đạo, Nhất nhi dĩ hĩ...Nhất vô tha...Hư nhi dĩ hĩ.

Xương Đạo Chân Ngôn, q. 2, tr. 11.

[10] Tâm tức Đơn, Đơn tức Tâm.

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 231.

[11] Đơn tức Đạo dã, Đạo tức Đơn dã.

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 263.

[12] Đơn giả, Thiên Địa vạn vật chi bản dã, hà vị dĩ vi Thiên Địa vạn vật chi bản, viết: Đơn giả, Đạo dã. Đạo giả, Hư Vô chi thể dã. Hư Vô bất khả lập danh, cố thánh nhân cường dĩ Đạo danh chi. Hư sinh Nhất, Nhất sinh Vạn, Vạn qui Nhất, Nhất qui Hư.

Xương Đạo Chân Ngôn, q. 3, tr. 19a.

[13] Căn bản do tông Thái Cực tâm.

Đại Đồng chân kinh, tr. 4b.

[14] Đồng kiến Bản Lai Diện Mục, chứng triệt Nguyên Căn.

Xương Đạo Chân Ngôn, q. 1, tr. 2b.

[15] *Kim đơn yếu quyết, tr. 1b.*

[16] Trương Tam Phong, *Đạo thuật hồi tông, q. 3, tr. 101*

[17] *Xương Đạo Chân Ngôn, q.2, tr. 8.*

[18] Nhất lập tức trung tàng thể giới.

Tiên học, tr. 30.

[19] Kim giả, bất hoại chi Pháp Thân, Đơn giả, viên thành chi thực tướng.

Tiên Học, tr. 9.

[20] Thất phản giả, phản bản. Cử hoàn giả, hoàn nguyên.

Hoàn Nguyên Thiên, tr. 4a. Hậu tự.

[21] *Trương Tam Phong Đạo thuật hồi tông, q. 2, tr. 59.*

[22] *Trương Tam Phong Đạo thuật hồi tông, q. 2, tr. 56.*

[23] Thuận kỳ cơ nhi hành nhân đạo.

Tôn Bất Nhị nữ đơn thi chú, tr. 20

[24] Nghịch kỳ cơ, nhi hành Tiên Đạo.

Như trên. tr. 20.

[25] Sinh cơ ngoại phát vi Thuận.

Như trên. tr. 20.

[26] Sinh cơ nội liễm vi Nghịch.

Như trên. tr. 20.

[27] Kim đơn Đại Đạo tông hữu vi nhi nhập vô vi, tức Liễu Mệnh nhi kiêm Liễu Tính, phương thị Thân Hình câu diệu.

Tiên học diệu tuyển, tr. 99.

[28] *Tiên Học diệu tuyển, tr. 383.*

[29] Cổ tông thượng thánh hiền cầu Đạo, đô bắt hướng ngoại trì cầu, tĩnh nhi cầu chi ư nhất tâm, vô bất cụ túc.

Xương Đạo Chân Ngôn, q. 4, tr. 35.

[30] **Tôn Bất Nhị nữ đơn thi chú**, tr. 13-14.

[31] **Tôn Bất Nhị nữ đơn thi chú**, tr. 14.

[32] “ Nhận vi Đạo tự Hư Vô sinh vạn vật, thị thuận sinh quá trình, nội đơn tu luyện tác phản thử. Đương phục qui Hư Vô, dữ Đạo hợp nhất.

Đại Đơn diệu dụng pháp Kiền Khôn,

Kiền Khôn vận hê, ngũ hành phân.

Ngũ Hành thuận hê, thường Đạo hữu sinh hữu tử,

Ngũ hành nghịch hê, đơn thể thường linh, thường tồn.”

認為道自虛無生萬物，是順生過程。內丹修鍊則反此，

當復歸虛無，與道合一。

大丹妙用法乾坤

乾坤運兮，五行分

五行順兮，常道有生有死，

五行逆兮，丹體常靈常存。

Trung Quốc Đạo Giáo, Khanh Hi Thái chủ biên, tr. 305.

[33] **Tính Mệnh Khuê Chỉ**, q. Hanh, tr. 10a.

[34] Ngũ thập tri thiên mệnh (**Luận Ngữ**, II, 4)

Ngô đốc Đạo niên ngũ thập.

Trung Quốc Đạo Giáo, tr. 296, khi nói về Lữ Đồng Tân.

[35] Thẻ đồng Thiên thanh chi hư, Đức đồng Thiên chi phú trù, Ý đồng Tiên Tâm chi vô cực, siêu việt hồ tam thập tam thiên chi ngoại giả... Chung tổ viết: “Kham ta vô hạn học Tiên giả, Tổng dữ Thiên Tiên Đạo dị môn.”

Tiên Học Từ Điển, tr. 46.

[36] Cái vô đức giả, dữ Thiên tương cách quá viễn. Hữu đức giả tất hợp ư Thiên. Tác Thiên Nhân dĩ hợp nhất, kỳ cơ tự nhiên thâu. Chung tổ viết:” Nhược phi phù khế Thiên duyên sự, Thù bả Thiên cơ quyết dữ công.

Tiên học từ điển, tr. 47. Nơi chữ Thiên Cơ.

[37] Trương Tử Dương, Ngô Chân Thiên. **Tiên Học Diệu Tuyển**, tr. 101.

[38] **Tiên Học từ Điển**, tr. 93.

[39] **Huỳnh Đình Kinh Giải**, Nguyễn Văn Thọ, chương 20)

[40] Tu luyện giả danh vi Khí Sĩ.

Tiên Học Tập Cẩm, tr. 311.

[41] Nếu ta thay 2 chữ Thần, Khí bằng các danh từ tương đương như Âm Dương, Long Hổ; Diên Hồng; Anh Nhi, Xá Nữ; Ô Thố; Hắc Qui, Xích Xà; Kim Tinh, Mộc Dịch; Thần Thủy, Hoa Trì; Hỏa, Dược, ta sẽ đọc các sách luyện Đơn dễ dàng.

Nhân tiện giải 2 chữ Hoả Hầu. Hầu có nghĩa là Lúc. Hoả Hầu là vận chuyển Chân Khí cho đúng lúc, đúng phép (hợp phù), đáng mạnh thì mạnh (Vũ Hỏa), đáng nhẹ thì nhẹ (Văn Hỏa), đáng ngừng, thì ngừng (Chỉ Hỏa). Thế tức là Vừa Vận, hẩn hoi (Kháp Đáo Hảo Xứ).

[42] Thần tức hỏa dã, Khí tức Dược dã.

Tiên Học Diệu Tuyền, tr. 261.

[43] Dĩ Thần ngưng Khí nhi thành Đạo. Dĩ hỏa luyện dược nhi thành Đơn.

以神御氣而成道，以火鍊藥而成丹。

Tiên Học Từ Điển, tr. 53-54.

[44] Luyện hình diệu tại hồ ngưng Thần, Thần ngưng tức Khí tụ. Khí tụ tức Đơn thành.

鍊形妙在乎凝神。神凝即氣聚。氣聚即丹成。

Tiên Học Diệu Tuyền, tr. 261.

[45] Đơn đạo bất ngoại Thần Khí. Thủy nhi Thần dữ Khí ly, Ngã tức dĩ Thần điều Khí dĩ Khí ngưng Thần. Chubg tắc Thần Khí dung hoá ư Hư Không, kết thành nhất đoàn, đại như Thử Mễ chi Châu, huyền ư Tứ Đại Ngã Hành bất trước chi xứ.”

Tiên Học Diệu Tuyền, tr. 261.

[46] *Trúc Cơ tu chứng*, tr. 85.

[47] Nội đơn chi thuyết, bất quá tồn Thần, bế tức, như năng vong cơ, tuyệt lực, vắng vắng dữ Thiền Định tương đồng.

內丹之說不過存神閉息。如能忘機絕慮，往往與禪定相同。

Tiên học Diệu Tuyền, tr. 162.

[48] Hô Hấp phân minh liễu khước Tiên.

呼吸分明了卻仙。

Tiên học, tr. 26.

[49] Tam tạng thập nhị bộ, dẫn ngôn nhất Định tự, Đơn kinh vạn quyển dẫn ngôn nhất Tĩnh tự nhi dĩ.

三藏十二部但言一定字。丹經萬卷但言一靜字而已。

Tiên Học Diệu Tuyền, tr. 162.

[50] Hạnh Lâm Tổ Sư viết: Định lý kiến đơn thành, bất Định đơn bất kết.

Tiên Học từ Điển, tr. 63.

[51] Học Đạo chi nhân dĩ dưỡng tâm vi chủ. Tâm động, Thần bì, Tâm định Thần nhàn. Bì tắc Đạo ẩn, nhàn tắc Đạo sinh.

Tiên học diệu tuyền, tr. 257.

[52] *Tiên học Diệu Tuyền*, tr. 272.

[53] 見性頌云：心清意靜，氣和神定。真息綿綿，靈光瑩瑩

Tiên Học, tr. 55.

[54] Nhân năng thanh hư đạm bạc, tự nhiên kiến kỳ Bản Lai chi Tính Thiên.

人能清虛淡泊，自然見其本來之性天。

Tiên Học, tr. 104.

[55] 心如明鏡連天淨

性似寒潭止水同。

十二時中常覺照

休教昧了主人翁。

Tiên học diệu tuyển, tr. 380.

[56] 藥物只於無裡採，大丹全在定中燒。

Dược vật chỉ ở Vô lý thái, Đại đơn toàn tại Định trung thiêu.

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 279.

[57] 尋真訪道有何難

只要人心識倒顛

休向外身尋至藥

必修身內覓真鉛

Tiên Học Từ Điển, phần Phụ Lục tr. 3

[58] Nhất linh chân tính vị chi Đơn, Tứ Đại giả hợp vị chi Táo. Áo thân vị Đơn Táo, Chân Như thị Dược Tái. Công phu thường bất gián, Định lý kết Linh Thai.

一靈真性謂之丹，四大假合謂之灶。幻身為丹灶，

真如是藥材。工夫常不間，定裡結靈胎。

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 283.

[59] 簡易工夫終久大，支離事業更浮沈

Kim Công Lượng, *Trung Quốc Triết Học Sử*, tr. 151.

[60] 知其要者一言而終，不知其要者流散無窮。

Nội Kinh.

[61] *Tiên học diệu tuyển*, tr. 240.

[62] *Tiên học diệu tuyển*, tr. 268

[63] *Tiên học diệu tuyển*, tr. 198.

[64] *Tiên học diệu tuyển*, tr. 268.

CHƯƠNG XIII

QUẦN KINH DIỆU TUYỂN

KINH SÁCH ĐẠO LÃO

Chương này với một tên rất kêu, lại có một mục đích hết sức khiêm tốn.

Nó sẽ không đi vào chi tiết vô số kinh tạng, mà chỉ muốn **làm nổi bật ít nhiều tư tưởng then chốt của kinh tạng**. Nó không muốn đem 1 mớ không ngôn, nhồi nhét vào đầu não con người, mà chỉ muốn **đánh thức Nguyên Thần, kích động Thái Cực trong thâm tâm mỗi một người**, chỉ vụ Tinh chứ không vụ Đa. Và rườm lời để làm gì, trong khi người xưa đã nói:

“Nhất ngôn, bán cú tiện thông huyền, Hà dụng Đơn Kinh thiên vạn thiên.”

Dịch:

*Một tiếng, nửa câu đủ thông huyền,
Chẳng cứ đơn kinh, nghìn vạn thiên.*

Trong chương này ta sẽ:

1. Nhìn bao quát kinh tạng Đạo Giáo.
2. Trình bày cốt tủy tinh hoa kinh tạng Đạo Lão.

1. NHÌN BAO QUÁT KINH TẠNG ĐẠO LÃO.

Kinh sách Đạo Lão xưa nay đã được sưu tầm và in thành bộ Đạo Tạng.

Đạo Tạng đã được in đi, in lại nhiều lần, mỗi lần lại mang 1 tên khác.

Ví dụ ta có:

-Khai Nguyên Đạo Tạng (713-741) in trong những năm Khai Nguyên, đời Đường Huyền Tông, gồm 5300 quyển).

-Kim Ngân Tự Đạo tạng. Thời Đường mạt Ngũ Đại.

-Đại Tống Thiên Cung Bảo Tạng. Tống Thái Tông, Doan Cung nhị niên, Thuần Hoá ngũ niên 989-994 và Tống Chân Tông, Thiên Hi Tam Niên (1019)

-Chính Hòa Vạn Thọ Đạo tạng. (1113-1114) Đời Tống Huy Tông, trong những năm Chính Hoà .

-Đại Kim Huyền Đô Bảo tạng. Kim Tông Liệt Quang Cảnh,, trong những năm Minh Xương (1190-1193) .Gồm 6455 quyển.

-Nguyên Khan Huyền Đô Bảo Tạng. In xong năm 1244 đời Nguyên. (Năm 1281, toàn bộ Đạo Tạng bị Nguyên Thế Tổ ra lệnh đốt sau vụ đấu lý giữa Phật và Lão về quyền Hóa Hô Kinh)

-Chính thống Đạo Tạng hoàn tất đời Minh Anh Tông, năm Chính Thống thứ 9. (1444)

-Bộ Đạo tạng này được Đài Loan in lại năm 1977.

-Bắc Kinh Văn Vật Xuất Bản Hội in lại năm 1988, có sự hợp tác của Thượng Hải Thư Điểm và Thiên Tân Cổ Tịch Xuất Bản Xã.

Đạo Tạng gồm khoảng **4115** bộ. (Nhật Bản cung nội sảnh bản tồn) ^[1]

Như vậy số sách cũng thay đổi tùy theo mỗi ấn bản. Tuy nhiên, sách Đạo Lão cũng khoảng trên **5000** bộ.

Ngoài ra còn có những Bộ như **Đạo Tạng Khuyết Kinh Mục Lục, Đạo Tạng Mục Lục tường chú, Đạo Tạng Tập Yếu** v.v...

Đời Vũ Tông (1506-1521), và Thế Tông (1522-1566) nhà Minh, đạo Lão cho in lại toàn bộ Đạo Tạng, gồm 1464 bộ lớn nhỏ. Mỗi bộ gồm từ 1 quyển đến 300, 400 quyển.

Lý Kiệt chia Đạo Tạng thành 12 tiểu mục:

1. Bản văn (Les Textes fondamentaux).
2. Thần Phù (Les Textes efficaces).
3. Ngọc quyết (les commentaires et amplifications).
4. Linh Phù (Les graphies efficaces, diagrammes, dessins)
5. Phả Lục (Histoires et Traditions).
6. Giới luật (morales et ascétisme).
7. Uy nghi (ascétisme).
8. Phương Pháp (Pratiques, manipulations).
9. Chứng thuật (diététique, alchimie, astres, nombres, etc...)
10. Kỳ truyện (Mythologies, légendes).
11. Tán Tụng (liturgie, hymnes, adresses).
12. Biểu tấu (documents, pétitions aux empereurs, édits recus d'eux). ^[2]

Trịnh Tiêu, thế kỷ XII, đã chia Đạo Tạng thành 25 tiểu mục sau đây:

1. Lão tử.
2. Trang Tử.
3. Chư Tử.
4. Âm phù Kinh.
5. Huỳnh Đình Kinh.
6. Tham đồng Khế.
7. Mục lục (les catalogues)
8. Truyện (les légendes).
9. Ký (histoires).
10. Luận (les dissertations).
11. Thư (les graphies).
12. Kinh (les textes).
13. Khoa nghi (disciplines et rites).

14. Phù Lục (formules et Talismans).
15. Thổ nạp (aérothérapie, photothérapie).
16. Thai Túc (entretien du Principe vital).
17. Nội quan (soins particuliers).
18. Đạo Dẫn (Massage).
19. Tịch cốc (Abstinence)
20. Nội Đơn (cures morales).
21. Ngoại Đơn (cures chimiques).
22. Kim Thạch dược (médecine et Pharmacie).
23. Phục Nhị (diète des candidats à l'immortalité)
24. Phòng Trung (hygiène sexuelle).
25. Tu Dưỡng (Hygiène physique et morale) ^[3]

Ở Trung Hoa, sách vở về Đạo Lão thời vô vãn vô số như vậy, còn ở Việt Nam, ta chỉ thấy lèo tèo vài bộ kinh như **Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh, Âm Phù Kinh, Huỳnh Đình Kinh**. Như vậy, tỏ ra xưa nay, rất ít người Việt Nam để tâm nghiên cứu kinh sách Đạo Lão.

Ước mong sau này, những sách sau đây sẽ được bình dịch:

Âm Phù Kinh của Hoàng Đế.

Tham Đồng Khế của Ngụy Bá Dương.

Ngộ Chân Thiên, và **Kim Đơn tứ bách tự** của Trương Tử Dương.

Bách tự Bi của Lữ Đồng Tân.

Nhập dược kính của Thôi Hi Phạm.

Chỉ Huyền Thiên của Lữ Đồng Tân.

Xướng Đạo Chân Ngôn của Hạc Cù Tử.

Đại Động Chân Kinh của Văn Xương Đế Quân.

Huỳnh Đình Nội Cảnh, và **Huỳnh Đình Ngoại cảnh**.

Tính Mệnh Khuê Chỉ của Doãn chân nhân sư đệ.

Linh Bảo Tắt Pháp của Chung Ly Quyền.

Kim đơn đại thành tập của Tử Hư Chân Nhân.

Phục Mệnh Thiên của Tiết Đạo Quang.

Thúy Hư Thiên của Trần Nê Hoàn.

Hoàn Nguyên Thiên của Hạnh Lâm Thạch Thái.

Đơn Đạo Bí Thư, của Tôn Bất Nhị .

Ngộ Chân Thiên của Trương Bá Doan.

Tiên Thiên Chính Lý trực luận của Xung Hư Tử, Ngũ Thủ Dương v.v...

2. TRÌNH BÀY CỐT TỬY KINH ĐIỂN CỦA ĐẠO LÃO.

a. Quan niệm Thái Cực và công cuộc đi tìm trường sinh và chân lý

Quan niệm Thái Cực đã xây nền, đắp tảng cho công cuộc tu thân, đi tìm chân lý, và trường sinh của Đạo Lão.

Vì tin rằng Thái Cực là Bản Thể vũ trụ, vạn hữu, là Đạo, là Căn Nguyên, là cốt cách con người, ^[4] vì tin rằng Thái Cực vĩnh cửu trường tồn, ^[5] vô thanh vô xứ, nhưng lại tiềm ẩn ngay trong đáy lòng con người, ^[6] nên các bậc chính nhân, quân tử, sau khi thấu hiểu Dịch Kinh, đã hồi tâm, phản tỉnh, đã trở vào Tâm Thần mình mà tìm Đạo, tìm Trời.

-Thái Cực là Huyền Quan Khiếu hay Huyền Tẩn chi môn. ^[7]

-Thái Cực là Cái Đố (Na Ta Tử -Ta Tử-Giá Cá.) ^[8]

-Thái Cực là Căn Bản. ^[9]

-Thái Cực là Bản Lai Diện Mục. ^[10]

-Thái Cực là Chân Như Bản tánh. ^[11]

-Thái Cực là Kim Cương Thân. ^[12]

-Thái Cực là Thiên Tâm, là Thiên Địa chi tâm. ^[13]

Thông Thiên Bí Thư, quyển 4, tr. 9b, viết đại khái rằng:

“Trong con người có 1 Khiếu gọi là Huyền Tẩn. Đó là nơi Tam Tài tương dung. Tinh, thần, hồn, phách tương hội ở huyết đố. Đó là Căn cơ cho công trình luyện Kim Đơn, hoàn phản. Đó cũng là nơi mà Thần Tiên ngưng kết Thánh Thai.. Cổ nhân gọi đó là cái gốc Thái Cực, cái chuỗi Tiên Thiên, cái mối Hư Vô, cái nguồn Tạo Hóa, cái gốc Hồn Độn, cái Hang Thái Hư, cái Khiếu Qui Căn, cái cửa Phục Mệnh, cái cửa Mậu Kỷ, cái xứ Chân Nhất, cái cung Trung Hoàng, cái phủ Đơn Nguyên, cái Đàn Thủ Nhất, cái Lò Luyện Đơn, cái Đỉnh Chu Sa, cái huyết Long Hổ, cái nhà Huỳnh Bà, cái Lò Cừ, cái Thổ Phủ (Chỗ Đất), Thần Thủy, Hoa Trì, Đế Ất, Thần Thất, Linh Đài, Giáng Cung...**Ta được Diệu Quyết vì chỗ Thành Tiên, chứng Thánh đó gọi là Qui Trung, là nơi Thủy Hỏa giao cầu, là Thiên Địa chi chính Trung trong con người...** ^[14]

Tất cả chỉ là Thái Cực dưới những danh hiệu khác nhau: Nào Đạo Khuê, ^[15] nào Hồng Mông, nào Hồn Độn, nào Hư Vô. Tất cả đều là Thái Cực, ^[16] Mà Thái Cực là Kim Đơn.

Xương Đạo Chân Ngôn viết: Đơn là gì? Là Thái Cực nơi con người. ^[17]

b. Thái Cực tiềm ẩn ngay trong lòng con người.

Mà lạ lùng thay, Thái Cực đã ở sẵn ngay trong con người, nên dù cầu Đạo hay luyện Đơn, cũng phải quay về trong Thân Tâm mà tìm kiếm.

Chính vì vậy mà *Hoàn Nguyên Thiên* viết:

Luân hồi, Ngọc Thổ dữ Kim Ô

Đạo tại nhân thân, thế thượng mê. ^[18]

Liễu Mệnh Thiên viết:

Thân trung tận hữu diên niên dục,

Khả tiểu ngu nhân hướng ngoại tầm. ^[19]

Tử Dương Tổ viết:

**Diệu Đạo bất ly tự gia thân,
Khởi tại thiên sơn, vạn thủy tính.** ^[20]

Chỉ Huyền Thiên viết: “**Chân chính đại được chỉ tại thân trung cầu
chỉ, bất tại ngoại thủ.**” ^[21]

Tham Đồng Khế phát huy còn viết: “*Nhìn mà chẳng thấy, gần nên dễ
cầu.*”

Toàn Dương Tử Du Diễm bình: “*Kim đơn Đại Đạo chỉ ở trước mắt, thế
nên Đại Đạo chẳng phải là gần sao? Tại sao, nhìn không thấy, bắt không được, tuy
gần mà vẫn là xa vậy. Nếu biết đường lối, phép tắc mà cầu, thì chỉ mất công chốc lát,
mà Hoàng Hoa đã hiển lộ sáng lòa. Thế thì đâu có xa.*”

Ngộ Chân Thiên viết:

**Công phu dung dị, được phi dao,
Thuyết phá, nhân tu thất tiếu.**

Dịch:

*Công phu dung dị, thuốc đâu xa,
Nói ra, người ắt phải cười xòa.*

Phục Mệnh Thiên viết:

**Phân minh chỉ tại mục tình tiền,
Chỉ tại thời nhân bất kiến Thiên,**

Dịch:

*Phân minh đã sẵn trước con người,
Chỉ tại thế nhân chẳng thấy Trời.*

Vì không thấy, không hay, nên người ta đã **bỏ trong tầm ngoài**. Có người hái nhật tinh, nguyệt hoa (tinh hoa mặt trời, mặt trăng), có người luyện kim thạch thảo mộc, có người hành phòng trung chi thuật, thật đúng là Đạo thì ở gần mà cầu nơi xa, sự việc dễ mà cầu chuyện khó, buồn thay.” ^[22]

Thất Chân Nhân Quả có thơ:

**Ý ngoại cầu Tiên, lộ tự soa,
Thủy trung nguyệt ảnh, kính trung hoa.
Tiên Thiên diệu lý, quân tri phủ,
Chỉ tại nhất tâm tiện khả khoa.**

Dịch:

*Thân ngoại cầu tiên ắt lạc đường.
Mò trăng đáy nước, hái hoa gương.
Tiên Thiên diệu lý, hay chẳng tá,
Chỉ tại tâm điên, há viễn phương.*

Thái Cực ở trong ta tức là ở trong thế Cực Tiểu, Thái Cực ở ngoài vũ trụ là ở trong thế Cực Đại.

Xương Đạo Chân Ngôn viết:

“**Trung Dung** nói: Nói lớn ra thì Thiên Địa không đủ để mang chứa. Đó là Thái Cực bao trùm vạn vật vậy. Nói nhỏ lại, thì thiên hạ không thể phá được. Đó là Thái Cực nhập vào trong vạn hữu vậy.” ^[23]

-Trương Tam Phong gọi Thái Cực ở trong thế Cực Tiểu là **Thử Mễ Bảo Châu** (Bảo Châu hạt vùng) ^[24], hay **Thử Mễ**. ^[25] hay **Nhất lập thử mễ**. ^[26]

-Tử Dương Chân Nhân thì gọi đó là **Huyền Châu**.

“**Hỗ được long đằng phong lãng thô,**
Trung ương chính vị sản Huyền Châu.” ^[27]

-Lữ Đồng Tân gọi là: **Nhất lập túc** (Một hạt thóc) ^[28]

-Trương tử Dương, trong quyển **Kim Đơn tứ bách tự** đã đề cập đến Thái Cực trong thân bằng thơ sau:

Thử khiêu phi phạm khiêu,	此 窈 非 凡 窈
Kiên Khôn cộng hiệp thành,	乾 坤 共 合 成,
Danh vi Thần Khí Huyệt,	名 為 神 氣 穴 ,
Nội hữu Khảm, Ly tinh.	內 有 坎 離 精。

-Thượng Dương Tử cũng xác quyết rằng Thái Cực đã tiềm ẩn trong thân ta, bằng thơ:

Thử Khiêu phân minh tại nhơn tiền	此 窈 分 明 在 眼 前
Hạ sĩ văn chi đại tiểu yên.	下 士 聞 之 大 笑 焉 ^[29]

c. Nếu Thái Cực tiềm ẩn trong ta, thì tiềm ẩn nơi đâu?

Tiên Gia đã trả lời: **Tại Nê Hoàn Cung**, tức là tại trung tâm đầu não con người. Về tầm quan trọng của Nê Hoàn Cung, tôi đã đề cập đến trong nhiều sách như Trung Dung Tân Khảo, Huỳnh Đình Kinh bình Dịch (nơi chương 3, 4 phần khảo luận). Nơi đây chỉ nhắc lại: Nê Hoàn ở trung cung đầu não, như Thái Cực ở giữa Cửu Cung, như Thiên Tâm ở giữa các cung Trời. Nê Hoàn là Thiên Cốc, Nê Hoàn là Cốc Thần. Mà ta đã biết: Cốc Thần là Thái Cực.

-**Kim Đơn Đại thành** viết:

Đầu hữu Cửu Cung, trung hữu Nê Hoàn. ^[30]

-**Đại Động Chân Kinh** viết:

Nhân đầu hữu cửu cung, do Thiên hữu Cửu Tiêu. ^[31]

-**Kim Đơn Đại Thành** còn viết: “Đầu có 9 cung ứng với Chín Cung Trời. Chính giữa có một cung gọi là Thiên Tâm, Tử Phủ, Thiên Uyên, Thiên Luân, Thiên Quan, Thiên Kinh, Thượng Đô quan, Côn Lôn Đỉnh. Tên rất là nhiều, nhưng chung qui chỉ là Huyền Quan Nhất Khiếu.” ^[32]

-Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ viết:

Đầu hữu Cửu Cung, trung Nhất Cung danh viết Cốc Thần. ^[33]

-Huỳnh Nguyên Cát (1271-1355) viết:” Người ta đầu có 9 cung, ở giữa có một nơi gọi là Thiên Cốc, thanh tịnh không vương bụi trần. Nếu có được Nguyên Thần vào an ngự nơi đó, không phát tán ra ngoài, thời thành Tiên, thành Thánh. Huỳnh Đình Kinh nói: Nếu Bạn muốn bắt tử, hãy tu Côn Lôn. Mới hay Thiên Cốc thật là vô cùng huyền diệu. ^[34]

Người xưa có thơ:

Hướng tiền Thần tụ đồng Vô Cực, 向前神聚同無極

Kim tán, vi trần mẫn thế đồ. 今散微塵滿世途

Dục qui nguyên vị Hoàng Trung lý, 欲歸元位黃中裡

Nê Hoàn vạn vạng tốc hồi qui. 泥丸萬彙速回歸 ^[35]

Dịch:

Trước kia, Thần tụ đồng Vô Cực,

Nay tán, trần ai ngập thế đồ.

Muốn về Nguyên Vị Hoàng Trung cũ,

Nê Hoàn vạn vạng kịp hồi qui.

Thay vì bàn thêm nhiều về Nê Hoàn, tôi xin cống hiến một số danh hiệu thêm về Nê Hoàn. Đọc những danh hiệu ấy, tự nhiên ta sẽ thấy những nhận định, những suy tư của người xưa về Nê Hoàn.

Nhân bàn câu: **Chân Nhân tiềm thâm uyên** của Ngụy Bá Dương trong sách **Tham Đồng Khế**, Du Diễm bình như sau:

“ **Chân Nhân** tức là Nguyên Thần. **Thâm Uyên** là Thái Uyên. Nó có rất nhiều tên gọi, xin thử kể ra: **Nê Hoàn Cung**, Lưu Châu Cung, Ngọc Thanh Cung, Thúi Vi Cung, Thái Vi Cung, Thái Ất Cung, Thái Huyền Quan, Huyền Môn, Huyền Cung, Huyền Thất, Huyền Cốc, Huyền Điền, Sa Điền, Đệ Nhất Quan, Đô Quan, Thiên Quan, Thiên Môn, Thiên Cốc, Thiên Điền, Thiên Tâm, Thiên Luân, Thiên Trục, Thiên Nguyên, Thiên Trì, Thiên Căn, Thiên Đường, Thiên Cung, Kiền Cung, Kiền Gia, Giao Cảm Cung, Ly Cung, Thần Cung, Thần Thất, Thần Quan, Thần Phòng, Thần Đô, Huyền Đô, Cổ Đô, Cổ Khâu, Cổ Lâm, Cổ Cung, Tử Đỉnh, Tử Kim Đỉnh, Chu Sa Đỉnh, Cống Đỉnh, Ngọc Đỉnh, Ngọc Thất, Ngọc Kinh, Ngọc Vũ, Dao Phong, Đệ Nhất Phong, Tới Cao Phong, Chúc Dung Phong, Côn Lôn Đỉnh, Không Động, Bồng Lai Thượng Đảo, Thượng Kinh, Thượng Cung, Thượng Huyền, Thượng Nguyên, Thượng Cốc, Thượng Thổ Phủ, Thượng Đơn Điền. Tên thật nhiều, nhưng chung qui chỉ có một. ^[36]

Chính vì thế mà không vị Tiên Gia nào mà lại không biết giá trị của Nê Hoàn.

Thái Cổ Tập vân:

Kim Đơn vận đáu Nê Hoàn huyệt,

Danh Tĩnh tiên tương ký Ngọc Đô. ^[37]

Dịch:

*Kim Đơn vận tới Nê Hoàn Huyết,
Danh tính đã ghi tại Ngọc Đô.*

Huỳnh Đình Kinh viết: **Tử dục bất tử tu Côn Lôn,**

Luận Tĩnh Trung Ngâm có câu:

Ngã tu Côn Lôn đắc chân quyết.

Phục Mệnh Thiên viết:

**Hồi hướng ngã gia viên lý,
Tài bồi nhất mẫu Thiên Điền.** [\[38\]](#)

Dịch:

*Nhà xưa vườn cũ quay trở lại,
Một mẫu Thiên Điền cố chăm nom.*

Hoàn Nguyên Thiên viết:

**Ngộ Đạo hiển nhiên minh khuếch lạc,
Nhàn nhàn đoan toạ vận Thiên Quan.** [\[39\]](#)

Dịch:

*Ngộ Đạo tự nhiên tỏ lối đàng,
Thảnh thơi ngồi thẳng vận Thiên Quan.*

d. Đã biết Thái Cực ở nơi đâu, lập tức suy ra được con đưng phản bản hồi hướng.

Nhập Dược kính có thơ:

**Nê Hoàn nhất khiêu đạt Thiên Môn,
Trực thượng Hư Hoàng, Ngọc Đế tôn.
Thử thị Chân Nhân lai vắng lộ,
Thời thời khóa hạc khứ triều nguyên.** [\[40\]](#)

Dịch:

*Nê Hoàn một khiêu đạt Thiên Môn,
Thăng tới Hư Hoàng Ngọc Đế Tôn.
Ấy chính Chân Nhân đường lui tới,
Thời thời cười hạc để triều nguyên.*

Còn **phương pháp để trở về với Thái Cực, thì Tiên Gia nhất luật chủ trương: Định, Tĩnh.**

-**Tiên Kinh** vân: Tiên Thiên (Thái Cực) thời Thu Nhiếp.

Hậu Thiên (Thân Tâm) thời biến hóa để trở nên xứng đáng Dữ Đạo Hợp Chân. [\[41\]](#)

-Dịch Kinh viết: **Thánh Nhân dĩ thử tẩy tâm, thoái tàng ư mật.**

Thánh Nhân tẩy rửa tâm thân cho sạch tục lụy trần ai, và rút lui vào chốn ẩn áo trong lòng mình. [\[42\]](#)

-Đạo đức Kinh viết: **Trí hư cực, thủ tĩnh độc,** [\[43\]](#)

-Lại viết: “**Tĩnh vi tháo quân.**” (tĩnh là vua của hoạt động). ^[44]

-Bạch Ngọc Thiềm viết: “**Nhân năng hư tâm, Đạo tự qui chi.**” ^[45]

-Lý Đạo Thuần viết: “Nhân năng thường thanh tĩnh, Thiên hạ tất giai qui,” ^[46]

Lại nói:

**“Trí hư tri diệu bản,
Tĩnh cực kiến Thiên Tâm.”** ^[47]

-Mã đơn Dương viết:

“Thanh Tĩnh tiện thị Trường Sinh quyết” ^[48]

-Tự Nhiên Cư Sĩ viết:

**“Tâm như minh kính liên thiên bích,
Tĩnh tự hàn đàm chỉ thủy đồng.”**

Dịch:

*Tâm như gương sáng chiếu thình không,
Tâm tựa hồ thu nước lắng trong.* ^[49]

-Tam Mao Chân Quân viết:

**Linh Đài trạm trạm tựa băng hồ,
Chỉ hứa Nguyên Thần lý diện cư,
Nhược hướng thử trung lưu nhất vật,
Khởi năng chứng Đạo hợp Hư Vô?**

Dịch:

*Tâm Linh vắng vặc tựa băng hồ,
Chỉ khứng Nguyên Thần lý diện cư.
Nếu để vật chi vương vấn đó,
Làm sao chứng Đạo hợp Hư Vô?* ^[50]

Và dĩ nhiên, khi đã biết được Thái Cực là điểm đồng qui, hội tụ, thì chỉ việc thu nhiếp thân tâm về nơi Trung Hoàng Mậu Kỷ đó.

Người xưa có thơ:

**Ly khảm, tinh thần, Nam hội Bắc,
Hỗ Long, Hồn Phách hợp Tây Đông,
Tổng qui Mậu Kỷ thường tương hội,
Tận tại Huyền Quan nhất khiêu trung.** ^[51]

Thạch Hạnh Lâm viết:

*Ý mã qui thần thất,
Tâm viên thủ Động Phòng.
Tinh, Thần, Hồn, Phách, Ý,
Luyện tác Tử Kim Sương,* ^[52]

Nếu ta kết hợp được với Thái Cực, với Trời, với Đạo trong tâm hồn ta, đó là:

-Đắc Đạo.

- Qui căn, phản bản.
- Tìm lại được Bản Lai Điện Mục của mình.
- Tìm lại được Kim Cương Thân,
- Luyện được Kim Đơn.

Tiên gia gọi thế là:

- Uống được Dao Khuê.
- Uống được rượu Hồng Mông.
- Khai phá được Hồn Độn.

Mới hay:

**Nhất lập Dao Khuê luyện nhập Thần,
Đại như Thử Mễ, trị thiên câm,
Chỉ tiêu bán trản Hồng Mông tử,
Ấm xứ hà tu cánh cổ cầm.**

Dịch:

*Một hạt Dao Khuê luyện nhập Thần,
Hạt vừng to tựa, giá thiên câm (thiên kim).
Chỉ cần nửa chén Hồng Mông tử,
Lúc uống cần chi phải cổ cầm (gảy đàn).* ^[53]

Mới hay :

**Hồn Độn nếu chẳng tạc khai,
Hồng Mông nếu không bỏ vỡ,
Bảo Châu trời đất sao thấy toû?** ^[54]

Để kết thúc chương này, ta mượn 2 câu thơ của Mã Đơn Dương tặng Triệu Công:

**“Thành tiên chỉ thị Thần Quang,
Thiên Cung vô dụng xú bì nang.”** ^[55]

Dịch:

*Thành Tiên âu chỉ cốt Thần Quang,
Thiên cung xá kẻ cái xác phàm...*

CHÚ THÍCH

^[1] Xem Đạo Tạng, trong **Trung Quốc Đạo Giáo**, Khanh Hi Thái chủ biên, q. 2, tr. 11-40.

Xem **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, tr. 227-231.

Xem Trung Quốc Đạo Giáo Đại Sự niên biểu, **Trung Quốc Đạo Giáo**, q. IV, tr. 293-322.

[2] Lý Kiệt, Trương Vĩnh Tường, Mạnh Chí Tài, **Đạo tạng mục lục tường chú**, in năm Đạo Quang thứ 35 (1885).

Xem Wieger, **Taoisme**, T. 1, p. 23

[3] Xem Wieger, **Taoisme**, T. I, Bibliographie générale, p. 24.

[4] Không tử tác viết: Thiên Lý, Lão Tử tác viết Cốc Thần, Dịch tác viết : Thái Cực. Danh tuy hữu dị, kỳ thực, đồng nhất Chân Như bản thể đã.

Qui Nguyên Trục Chỉ q. trung, tr. 360.

...Đạo vi Thái Cực.

Tạ Vô Lượng, **Trung Quốc Triết Học sử**, đệ Tam Thiên thượng, tr. 14.

Thái Cực tức Đạo, Đạo tức Đơn đã.

Tiên Học từ Điển, tr. 64.

[5] Hữu vật tiên Thiên Địa,

Vô hình bản tịch liêu,

Năng vi vạn tượng chủ,

Bất trục tứ thời điều.

Đỗ Thiệu Lãng, **Qui Nguyên Trục Chỉ, q. trung, tr. 370.**

[6] 丹者何也，人中之太極也。

Đơn giả, hà dã. Nhân trung chi Thái Cực dã.

Xương Đạo Chân Ngôn, q. 2, tr. 8a.

[7] Phù Vô Cực O giả, Thái Cực O dã. Dẫn hữu cá thử Huyền Quan Nhất Khiếu nhi Vô Cực, Thái Cực chi danh do thử phân. Kỳ thực vô khả phân dã.

夫無極O者，太極O也。但有個此玄關一竅而無極，太極之名由此分。其實無可分也。

Vô Cực là Thái Cực, chỉ vì có Huyền Quan Nhất Khiếu mà Vô Cực, Thái Cực chia thành 2 tên. Kỳ thực không thể phân vậy.

Xương Đạo Chân Ngôn, q.2, tr. 8a.

...Nguyên Quan tức Nguyên Tẩn chi biệt danh, nhân kỳ Âm Dương tại thử, cố vị Nguyên Tẩn môn. Nhân kỳ Nguyên Diệu bất trắc, cố vị Nguyên Quan Khiếu, kỳ thực giai thử Nhất Khiếu nhĩ.

...Huyền Quan tức là Huyền Tẩn chi môn. Vì gồm đủ Âm Dương nên gọi là Huyền Tẩn môn. Vì huyền diệu bất trắc, nên gọi là Huyền Quan Khiếu. Kỳ thật, chỉ là một khiếu.

Tượng Ngôn Phá Nghi q. hạ, tr. 2a.

** (Thời nhà Thanh, vì vua Khang Hi tên là Huyền, nên vì kiêng tên huý của vua, nên các chữ Huyền đổi thành Nguyên hết. Nay ta đổi ngược lại: Các chữ Nguyên đổi lại thành Huyền. **Tượng Ngôn phá Nghi** là của Lưu Nhất Minh (1734-1821) viết thời nhà Thanh. Ông mất năm Tuyên Tông Thành Hoàng Đế, Đạo Quang 1.)

...Huyền quan giả, chí huyền chí diệu chi cơ quan dã. tức nhân thân trung chi Thái Cực thị dã.

...Huyền Quan là một cơ quan chí huyền, chí diệu, đó là Thái Cực trong con người vậy.

Tính Mệnh Pháp Quyết minh chỉ, q. 7, tr. 2.

[8] Na ta tử sở vị Huyền Quan Khiếu dã.

那些子所謂玄關也。

Na Ta Tử là Huyền Quan Khiếu.

Đàm Dương Ngô, *Địa Lý Hợp Bích*, tr. 106.

Ta Tử, Ngũ Trung dã 些子五中也。

Như trên, tr. 106.

Đại Đạo vô đa, chỉ tranh Na Ta Tử. Cổ viết: Bất ly hồ giá cá. Nhân Thân hữu thử Nhất Khiếu. Thiên Địa hữu thử nhất Khiếu. Địa lý gia tu nhận thử Âm Dương chi khiếu.

大道無多，只爭那些子。故曰：不離乎這個。人身有此一竅。

天地有此一竅。地理家須認此陰陽之竅。

Đại Đạo chẳng qua là Cái Đó. Cho nên nói: Không là Cái Đó. Con người có khiếu ấy. Trời Đất cũng có khiếu ấy. Các nhà Địa Lý cần nhận thức được Âm Dương khiếu ấy.

Như trên, tr. 105.

[9] Căn bản do lai Thái Cực tâm.

根本由來太極尋。

Đại Động Chân Kinh tr. 4b.

[10] Chân Như Bản Tánh giả, phụ mẫu vị sinh tiền, nhất chân vô vọng chi thể, vị chi Bản Lai Diện Mục. Thiên Tông tắc viết: Bản Tánh Di Đà. Khổng Tử tắc viết: Thiên Lý. Lão tử tắc viết: Cốc Thần. Dịch Đạo tắc viết: Thái Cực. Kỳ thật đồng nhất Chân Như Bản Tính dã.

真如本性者，父母未生前，一真無妄之體，謂之本來面目。

禪宗則曰：本性彌陀。孔子則曰：天理。老子則曰：谷神。

易道則曰：太極。其實同一真如本體也。

Đỗ Thiệu Lãng, Qui nguyên trực chỉ, quyển Trung, tr. 369.

[11] như 10, như 8

[12] Dục cầu Trường Sinh, tu thức sở sinh chi bản, dục cầu bất tử, đương minh Bất tử chi nhân. Cổ viết: Nhận đắc bất tử nhân, phương tài nhân bất tử. Na bất tử Nhân, đạo gia hô vi Thiết Hán, Thích Thị hoán tác Kim Cương. Tức thể nhân Bản Lai diệu Giác Chân Tâm thị dã.

欲求長生，須識所生之本。欲求不死，當明不死之人。

故曰：認得不死人，方才人不死。那不死人，道家呼為鐵漢。

釋氏喚作金剛。即世人本來妙覺真心是也。

Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 2a.

[13] Thái cực giả, ngô tâm chi Thiên Tâm dã.

太極者吾心之天心也。

Liêu Dương Điện vấn đáp thiên, Thiên nhất tr. 2b.

[14] Phù thân trung nhất khiêu danh viết Huyền Tẩn, khí dĩ sinh, thức vi phủ thần, Tam Nguyên sở trú cánh vô phân biệt. Tinh Thần Hồn Phách hội tại thử huyệt. Nãi Kim đơn hoàn phản chi căn. Thần Tiên ngưng kết Thánh Thai chi địa. Cổ Nhân vị chi Thái Cực chi đế, Tiên Thiên chi Bính, Hư vô chi hệ, Tào hoà chi nguyên, Hồn Độn chi căn, Hư Vô chi cốc, Qui Căn Khiếu, Phục Mệnh Quan, Mậu Kỷ Môn, Chân Nhất Xứ, Trung Hoàng Cung, Đơn Nguyên Phủ, Thủ Nhất Đàn, Yến Đơn Lô, Chu Sa Đình, Long Hồ Huyệt, Huỳnh Bà Xá, Dung Lô, Thổ Phủ, Thần Thủy, Hoa Trì, Đế Ất, Thần Thất, Linh Đài, Giáng Cung. **Ngã đắc diệu quyết, danh viết Qui Trung...Khảm, Ly thủy Hỏa Giao Cầu chi hương, Nhất Thân Thiên Địa chi chính Trung.**

Thông Tiên Bí Thư, q. 4. tr. 9b.

[15] *Nhập dược Kính* viết:

Âm Dao Khuê, khuy Thiên xảo,
Biện sóc vọng, tri hôn hiểu.

飲刀圭，窺天巧，

辨朔望知昏曉。

Tiên Học Từ Điển, tr. 24.

[16] Đả phá hỗn Độn, khiêu nhập Hư Vô.

打破混沌，跳入虛無。

Tứ bách tự giải, tr. 86.

Nhất kiếm tạc khai Hồn Độn,
Lưỡng thủ phách liệt Hồng Mô.

一劍鑿開混沌，

樞手擘裂鴻濛。

Tham đồng Khế phát huy, q. trung, tr. 9a.

[17] 丹者何也？人中之太極也。

Xương Đạo Chân Ngôn.

[18] 輪迴玉兔與金烏

道在人心，人自迷。

Tiên Học từ Điển, tr. 93

[19] 身中儘有延年藥

可笑愚人向外尋。

Tiên Học từ Điển, tr. 93

[20] 妙道不離自家身

豈在千山萬水并。

Tiên Học từ Điển, tr. 93

[21] *Như trên.* tr. 93.

[22] Thị chi bất kiến, cận nhi dị cầu.

視之不見，近而易求。

Kim đơn Đại dược chỉ tại mục tiền, khởi bất cận da? Nại hà thị chi bất kiến, bác nhi bất đắc, tuy cận, do viễn dã. Nhược đắc pháp độ cầu chi, tắc phiên hướng công phu, tiện hữu mãn mục hoàng hoa hiển lộ. Phù hà viễn chi hữu. **Ngộ Chân Thiên** vân:

“ Công phu dung dị, dược phi dao, thuyết phá, nhân tu thất tiểu”.

工夫容易藥非遙，說破人須失笑。

Tiểu giả dã, tiểu kỳ cận nhi dị cầu, nhi nhân tự sách chi ư cao viễn dã. **Phục Mệnh Thiên** vân:”

Phân minh chỉ tại mục tình tiền, tự thị thời nhân bất kiến Thiên”.

分明只在目睛前，自是時人不見天。

Duy kỳ bất kiến dã, ư thị **xả nội, vụ ngoại**. Hoặc thái Dương tinh, Nguyệt hoa, hoặc luyện kim thạch, thảo mộc, hoặc hành phòng trung chi thuật, . Chính sở vị: Đạo tại nhĩ, nhi cầu chư viễn, sự tại dị nhi cầu chư nan. Bĩ hĩ.

Tham đồng Khế phát huy, quyển thượng, tr. 12b.

[23] **Trung Dung** viết: ngự đại , thiên hạ mạc năng tải, Thái Cực bao hồ Thiên Địa chi ngoại dã. Ngự tiểu, thiên hạ nạc năng phá, Thái Cực nhập hồ vạn vật chi trung dã.

中庸曰:語大天下莫能載，太極包乎天地之外。

語小，天下莫能破，太極入乎萬物之中也。

Xương Đạo Chân Ngôn, tr. 8b

[24] Trương Tam Phong, **Đạo Thuật hồi tông**, q.3, tr. 101.

[25] **Tiên Học Từ Điển**, tr. 143.

[26] Trương Tam Phong, **Đạo Thuật hồi tông**, q.4, tr. 160.

[27] 虎躍龍騰風浪裏，

中央正位產玄珠。

Tiên Học Từ Điển, tr. 143.

[28] 一粒粟中藏世界。

Tiên Học Từ Điển, tr. 331.

[29] *Tiên Học Từ Điển*, tr. 76.

[30] 頭有九宮，中有泥丸。

Kim đơn đại thành, tr. 4.

[31] *Đại động Chân Kinh*, tr. 7a.

[32] Thủ hữu Cửu Cung, thượng ứng Cửu Ngung, kỳ trung Nhất Cung viết: Thiên Tâm, viết Tử Phủ, Thiên Uyên, Thiên Luân, Thiên Quan, Thiên Kinh, Thượng Đô quan, Côn lân đỉnh. Kỳ danh phủ chúng. Tổng nhi ngôn chi viết: Huyền Quan Nhất Khiếu.

首有九宮上應九隅，其中一宮曰天心，曰紫府，天淵，天輪，
天關，天京，上都關，崑崙頂。其名頗眾。總而言之曰：玄關一竅。

Kim Đơn Đại Thành tr, 2a.

[33] 頭有九宮，中一宮名曰谷神。

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 21b.

[34] Đầu hữu cửu cung, trung hữu nhất sở, danh viết Thiên Cốc, thanh tĩnh vô trần. Năng tương Nguyên Thần an trí kỳ trung, hào bất ngoại trì tức thành Chân, chứng Thánh, tức tại thị hĩ. Huỳnh Đình Kinh vân: Tử dục bất tử tu Côn Lôn... Khả kiến thủ thử Thiên Cốc, hữu vô hạn chi diệu dã.

頭有九宮，中有一所，名曰天谷，
清靜無塵。能將元神安置其中，毫不外馳，
息成真證聖，即在是矣。黃庭經云：
子欲不死修崑崙。。。可見守此天谷有無限之妙也。

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 298.

[35] *Đạo Học Cầu Chân*, chương X.

[36] *Tham Đồng Khế phát huy*, q, trung, trang 18b.

[37] *Tham Đồng Khế phát huy*, q, trung, trang 18b.

[38] *Tham Đồng Khế phát huy*, q, trung, trang 18b.

[39] *Tham Đồng Khế phát huy*, q, trung, trang 18b.

[40] Nhập Dược Kính, tr. 10b.

[41] *Tiên Kinh* vân: Tiên Thiên bất đắc Hậu Thiên, vô dĩ chiêu nhiếp. Hậu Thiên bất đắc Tiên Thiên, vô dĩ biến hóa.

仙經云：先天不得後天無以招攝。後天不得先天無以變化。

Tiên Học Từ Điển, trang 20, phần Phụ Lục.

[42] *Dịch, Hệ Từ Thượng*, chương XI.

[43] *Đạo Đức Kinh*, chương XVI.

[44] *Đạo Đức Kinh*, ch. 28.

[45] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 261.

[46] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 272.

[47] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 273.

[48] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 350.

[49] *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 380.

[50] *Tính Mệnh Khuê Chỉ* q. Hanh, tr. 4a.

[51] *Nhập dược Kính*, tr. 14b

[52] *Nhập dược Kính*, tr. 15a.

[53] 一粒刀圭鍊入神

大如黍米值千金

只消半盞鴻濛酒

飲處何須更鼓琴

Nhập dược Kính, tr. 13b.

[54] Cầu bắt tạc khai Hồn Độn, phách liệt Hồng Mông, tắc hà dĩ khuy Thiên Địa chi chí bảo. 苟不鑿開混沌，擘裂鴻濛，則何以窺天地之至寶。

Nhập dược kính, tr. 14a

Tạc khai Hồn Độn, phách liệt Hồng Mông, phương kiến Kim Đơn.

鑿開混沌，擘裂鴻濛，方見金丹。

Nhập dược kính, tr. 14a

[55] 成仙只是神光，天宮無用臭皮囊。

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 360.

CHƯƠNG XIV

CAO NHÂN, DANH PHÁI.

Đạo Lão, thoát nhìn, thật là đa đoan phức tạp, nhưng nếu ta tiềm tâm suy cứu, cũng có thể tìm ra được những đường nét chính yếu, những phương hướng chính yếu.

Đạo Lão, khởi điểm, là một khoa Huyền Học (Mysticism) có mục đích là sống phối kết với Đạo, với Trời. Nó biến dạng dần dần, hoặc để thành phương thuật cầu Trường Sinh Bất Tử, hoặc trở thành một đạo giáo thu hút quần chúng.

Như vậy, ta sẽ khảo cứu các Cao Nhân, Danh Phái, dưới ba khía cạnh:

1. Đạo học (Huyền Học): Tìm Trời để phối kết với Trời.
2. Tiên Học (Đơn Đạo) (Phương thuật Nội Đơn cầu Trường Sinh, Bất Lão).
3. Đạo giáo nhân gian.

Dĩ nhiên là chúng ta chỉ có thể đề cập đến các Cao Nhân, Danh Phái một cách đại lược. Tuy nhiên, chương này sẽ giúp chúng ta có cái nhìn bao quát về Đạo Lão, và sẽ không còn ngỡ ngàng, khi nghe thấy người khác đề cập đến môn này, phái nọ của Đạo Lão.

I. ĐẠO HỌC (HUYỀN HỌC).

-**Tu Tịch:** Đặt nặng vấn đề **giác ngộ, thấy Đạo, thấy Trời nơi tâm mình.** Đặt nặng vấn đề học hỏi, suy tư, sự phụ chỉ điểm, thanh tĩnh, vô vi, **dữ Đạo hợp chân.**

Dĩ nhiên, chỉ có những bậc Thượng Căn, mới đi vào được con đường này. Nó tương đương với chủ trương Đốn Ngộ của Phật Giáo.

Ít nhiều Cao Nhân tiêu biểu cho Đạo Học.

-**Quảng Thành Tử:** (khoảng 2600 thời Hoàng Đế). Chúng ta còn có được **Quảng Thành Tử Luận Đạo Ngữ.** ^[1]

-**Lão tử.** Khoảng thế kỷ VI trước Công Nguyên.

(Lý Nhĩ, tự Bá Dương. Người xứ Trần.) Viết: **Đạo Đức Kinh.**



-**Trang Tử .** Khoảng 330 trước Công Nguyên.

(Trang Chu, Trang Tử, Trang Sinh, người đất Lương). Viết: **Nam Hoa Kinh**.

-**Liệt tử**: (Liệt Ngự Khâu). Khoảng thế kỷ thứ IV, trước Công Nguyên. Viết: **Xung Hư Chân Kinh**.

-Văn Thủy Phái. Tổ sư: **Quan Doãn Tử** (làm quan thái phu, đời Châu. Gặp đức Lão Tử tại Hàm Cốc. Chủ trương: Thanh tĩnh, Vô vi.). Sách: **Văn Thủy Chân Kinh**.

-Ma Y (**Lý danh Hoa**). Thần tướng.

-**Trần Hi Di** (Khoảng 900, cuối thời Ngũ Đại, và đầu thời Tống) (Đồ Nam, Trần Đoàn). Sáng lập môn Tử Vi.

-**Hỏa Long Chân Nhân**.

II. TIÊN ĐẠO (ĐƠN ĐẠO) (PHƯƠNG THUẬT LUYỆN NỘI ĐƠN CẦU TRƯỜNG SINH, BẤT LÃO-THIỆU DƯƠNG PHÁI-TOÀN CHÂN PHÁI).

-Gọi là Tiên Học, vì đặt cho mình mục tiêu phản lão, hoàn đồng, trường sinh, bất lão, Dương Thần thoát xác, bạch nhật thăng Thiên. ^[2]

-**Tiên Học khác với Đạo học, vì Đạo học muốn có Đức Hạnh phối Thiên Địa, tham tán hóa dục, góp công, góp sức vào công cuộc hóa sinh của Trời Đất, thể hợp với Hư Vô. Như vậy, Đạo Học có mục đích Phối Thiên.**

-Gọi là **đơn đạo**, vì chủ trương Luyện Thuốc Trường Sinh . Gọi là **Nội Đơn**, vì không dùng tha vật, ngoại vật, ngọc thạch, kim loại để Luyện Thuốc Trường Sinh như phái Luyện Ngoại Đơn. ^[3]

-Gọi là **Thiếu Dương Phái**, vì đều suy tôn Đông Hoa Đế Quân, Vương Huyền Phủ làm Lão tổ của Tông Môn.

-Gọi là **Toàn Chân** vì các phân phái của Phái này đều chủ trương **Tính Mệnh Song Tu**, vừa tu xác thân, vừa luyện Tâm, Thần.

Tiên Học chính là phương pháp tiệm tu, đi từ thấp tới cao, từ thô tới tinh, từ ngoài vào trong, từ nông đến sâu, từ Hữu Vi đến Vô Vi. Cho nên tuyệt đỉnh của Tiên Học sẽ bắt gặp tuyệt đỉnh của Đạo học.

Tu Tiên Đạo mới đầu sẽ cho chúng ta một xác thân khang kiện, sẽ trừ khử được những chứng bệnh xác thân, và tâm hồn. Dần dà sẽ đem lại cho chúng ta một thân tâm an lạc, và cuối cùng sẽ mở tuệ giác cho chúng ta và dẫn đến chỗ huyền hóa cùng trời đất, hay Thiên Nhân hợp nhất. Nhưng gặt hái được gì thì lại là một vấn đề khác. Nó biến đổi theo từng người. Tu Tiên cho có kết quả, **ngoài căn cơ, trí tuệ ra còn phải có lòng chân thành**. Người xưa nói: **Tinh Thành sở chí kim thạch vi khai**, chính là vì vậy.

Để hiểu rõ Tiên Học chúng ta lần lượt bàn về:

a. Ba thủy tổ của Tiên Học:

b. Các tông phái Tiên Học.

A. Ba thủy tổ Tiên Học.

Đã đành Tiên Học cũng như Đạo Học đều tôn thờ đức Lão Tử, nhưng 3 vị Thủy Tổ trực tiếp của Tiên Đạo là Đông Hoa Đế Quân, Hán Chung Ly (Chung Ly Quyền), và Lữ Đồng Tân.

1. Đông Hoa Đế Quân;

Họ Vương, tên Huyền Phủ, 王玄甫 học trò Bạch Vân Thượng Chân 白雲上真, sống vào thời Hán (25-190) sau CN.

Dân gian gọi Ngài là Lý Thiết Quải 李鐵拐.^[4]

Từ bé ông đã có cốt cách thanh kỳ. Bạch Vân Chân Nhân, gặp Ông, liền thương, và khen Ông là vị trích tiên. Bèn đưa Ông lên núi, truyền thụ cho sách ***Xích Phù Ngọc Triện, Kim khoa Linh Văn, Đại Đơn bí quyết, Chu Thiên Hỏa Hào, Thanh Long Kiếm Pháp***. Ông cố công học tập trong ba năm. Sau lui về Động Yên Hà, núi Côn Lôn tu luyện.

Phái Toàn Chân tôn Ông làm Đệ Nhất Tổ trong số Ngũ Tổ của Bắc Phái.

2. Chung Ly Quyền 鍾離權



Cuối thời Đông Hán. Hứa Quyền, tự Vân Phòng, hiệu Chính Dương Tử. Người Kinh Triệu, Hàm Dương. Mới đầu học văn, làm quan Tả Luyện Nghệ Đại Phu. Khi nhà Hán bị diệt, Ông sang làm quan bên nước Tấn. Lãnh binh đi chinh phạt. Sau thất bại, ông trốn vào núi hoang. Được Vương Huyền Phủ truyền cho các sách ***Xích Phù Ngọc Triện, Kim Khoa Linh Văn, Đại Đơn Bí Quyết, Chu Thiên Hỏa Hào, Thanh Long Kiếm Pháp***.

Theo truyền thuyết, vào năm Đường Văn Tông Khai Thành 636-640, ông đi chơi Lô Sơn, thì gặp Lữ Đồng Tân, và truyền cho Ông ***Thiên Độn Kiếm Pháp, và Chung Lữ truyền Đạo tập***.

Năm Tống Khâm Tông Tĩnh Khang (1126-1127), ông được phong là: **Chính Dương Chân Nhân**.^[5]

Đời Nguyên, trong những năm Chí Nguyên, (1264-1294) ông được phong làm: **Chính Dương Khai Ngộ Truyền Đạo Chân Quân**. Phái Toàn Chân phong Ông làm: **Chính Dương Tổ Sư**. Ông đứng đầu Bát Tiên.^[6]

Sách: *Chung Lữ Truyền Đạo Tập, Phá Mê Chính Đạo Ca*.

3. Lữ Đồng Tân. (798-) 呂洞賓。



(Húy: Nham, Tự: Đồng Tân; hiệu: Thuần Dương Tử.) Người Bồ Bản, Hà Trung Phủ, Vĩnh Lạc, Nhân cầm thôn. Được Hán Chung Ly truyền đạo.

Sách: *Dao Đầu Phôi Ca, Sao Hào Ca, Chỉ Huyền Thiên, Bách Cú Chương, Chân Kinh Ca, Thảm Xuân Viên, Bách Tự Bi, Lữ Tổ Toàn Thư*.

Tiên Học Diệu Tuyển đã in lại những tiết mục chính yếu của các sách trên nơi các tr. 201-231.

Ông là đồ đệ của Hán Chung Ly. Lúc nhỏ theo Nhu, Mặc (đạo Nho và đạo của Mặc tử). Có lần định thi Tiến Sĩ. Sau này Ông lấy Từ Bi làm đạo dạy đời, gọi phương thuật Đơn Diên và Hoàng Bạch làm Nội Đơn (tức là bỏ các phương pháp luyện Ngoại Dược để đi tìm Trường Sinh, mà dạy Nội Đơn thay thế vào). Thay vì dạy Kiếm Thuật, Ông dạy dùng Trí Huệ để đoạn trừ tham si, ái dục và phiền não. Ảnh hưởng Ông rất lớn vào thời Tống. Năm Tuyên Hoà đời Tống Huy Tông (1119), Ông được phong làm **Điệu Thông Chân Nhân**. Năm Chí Nguyên thứ sáu đời Nguyên Thế Tổ (1269) Ông được phong làm **Thuần Dương Diễn Chính Cảnh Hoá Chân Quân**. năm Vũ Tông Chí Đại (1310) đời Nguyên, được gia phong: **Thuần Dương Diễn Chính Cảnh Hóa phu hựu đế quân**. Ông là một trong số Ngũ Tổ của Phái Toàn Chân, và là một trong Bát tiên.^[7]

B. Các Tông Phái Tiên Học.

Tiên Học có nhiều môn phái. Trước hết là 5 tông phái chính, theo địa dư gọi là Bắc, Nam, Tây, Đông, Trung Phái.

Ngoài ra lại còn các môn phái khác như Trương Tam Phong phái, Huỳnh Nguyên Cát Phái v.v... Ta sẽ lần lượt bàn đến như sau:

Nam Tông.

-1. Lưu Thao 劉操。

(Hải Thiêm Tử, Thanh Thành Trương Nhân), tướng quốc nước Yên. Được Chung Ly Quyền truyền Đạo năm 911. Ông là sư Phụ của Trương Bá Đoan.

Viết: *Ngộ Kim Thiên, Hoàn Đơn Phá Mê Ca, Hoàng đế Âm Phù Kinh tập giải.* ^[8]

-2. Trương bá Đoan 張伯端 (984-1082) đời Tống.

(tự Bình Thúc, Hiệu Tử Dương. Người Triết giang, Thiên Thai Huyện, Anh Lạc Nhai.) Được Thanh Thành Đạo Nhân người Ba Thục truyền Đạo năm 1069.

Sách *Ngộ Chân Thiên, Kim Đơn Tứ Bách Tự, Ngọc Thanh kim tứ thanh hoa bí văn kim thất nội luyện đơn quyết.*

Sáng lập ra Nam Tông. Ông là một người hết sức thông minh, lầu thông tam giáo, bác lãm quần thư. Vì gặp họa Hỏa Thiêu Văn Sách Luật, nên bị đày đi Lĩnh Nam. Tương truyền năm Hi Ninh thứ 2, đời vua Tống Thần Tông (1069), Ông gặp Lưu Hải Thiêm ở Thành Đô, và được Ông này truyền cho khẩu quyết **Kim Dịch Hoàn Đơn**. Năm Hi Ninh thứ VIII (1075) ông viết *Ngộ Chân Thiên*, áp dụng Thuyết Thiên Nhân hợp Nhất vào khoa Luyện Đơn, coi thân thể con người là vũ trụ, coi Tinh, Khí trong thân là Dược Vật, coi Thần là Hỏa Hầu. Dạy giữ sao cho Tinh, Khí Thần ngưng tụ, không tan, kết thành Kim Đơn, và nói nếu muốn học kim đơn thì phải học cho tới rất ráo. “**Học Tiên chỉ thị học Thiên Tiên, Duy hữu kim đơn tối đích đoan,**”. Lại cho rằng con người sở dĩ có Sinh Tử là vì đi theo **chiều thuận của trời đất**, còn nếu biết theo **chiều nghịch** mà luyện Đơn, thì có thể Trường sinh. “**Ngũ hành thuận hê, thường Đạo hữu sinh, hữu tử, Ngũ hành nghịch hê, đơn thể thường linh, thường tồn.**” Và khuyên mọi người phải tìm cho ra **Bản Nguyên Chân Giác chi tính (cũng giống Chân Như)**. Nếu con người biết: Sát tâm, quan tính, thì bản thể viên minh đó tự hiện, và con người sẽ đốn siêu Niết Bàn. Ông coi Tam Giáo như một và nói: “**Giáo tuy phân tam, Đạo nãi qui Nhất.**”

Ảnh hưởng Ông rất lớn.

Nam Tông tôn xưng Ông là **Nam Ngũ Tổ chi thủ**. Người đứng đầu Ngũ Tổ. ^[9]

Các Môn đệ các đời kế tiếp:

3. Thạch Hạnh Lâm. 石杏林

Thạch Thái tự Đắc Chi. Người Giang Tô, Thường Châu. Viết: *Hoàn Nguyên Thiên.*

4 Tiết Đạo Quang 薛道光

Sách Phục Mệnh Thiên.

5. Trần Nê Hoàn 陳泥丸。

Trần Nam, hiệu Thúy Hư. Người Quảng Đông, Huệ Châu, Bắc La Huyện, Bạch Thủy Nham.

Sách: *Thúy Hư Thiên gồm: Tử Đình Kinh, La Phù ngâm* (viết năm 1200), *Đơn cơ qui nhất quyết. Kim đơn thi quyết.*

6. Bạch Ngọc Thiềm (1194-1229) 白玉蟾

Tên Trường Canh, sau đổi là Ngọc Thiềm. Hiệu: Hải Quỳnh Tử. Theo học Trần Nam 9 năm, hấp thụ được tinh hoa, bí quyết. Thu Bành Cử và Lưu Nguyên Trường làm đệ tử. Được sắc phong: **Tử Thanh Minh Đạo Chân Nhân.**

Sách: *Hải Quỳnh Vấn Đạo Tập, Hải Quỳnh Truyền Đạo Tập, Tu Đạo chân ngôn, Tử Thanh chỉ Huyền Tập, Vũ Di Tập, La phù Sơn chí, Kim Hoa Sung Bích Đơn Kinh Bí Chỉ, Hải Quỳnh Bạch Chân Nhân ngữ lục, Âm Phù Kinh giảng Nghĩa, Ngộ Chân Thiên Giảng Nghĩa, Dịch ngoại biệt truyền, Du Diễm đích Tham Đồng Khế phát huy.*¹⁰

7. Bành Hạc Lâm. 彭鶴林 (BànhTỷ 彭耜)

Ta thường đọc là Bành Cử, hiệu Quý Ích, con nhà quyền quý, học trò Bạch Ngọc Thiềm. Được truyền cho các bộ *Thái Ất Dao Khuê Hỏa Phù, Cửu Đỉnh Kim Sa Cống thư.* Ẩn cư Hạc Lâm Sơn, tự xưng là Hạc Lâm Sơn Nhân, chuyên khảo Lão Trang, tuyệt giao với mọi người. Sau mất tại Phúc Châu. Theo Nam Tông.

Sách viết: *Kim Hoa Sung Bích Đơn Kinh. Đạo Đức Chân Kinh Tập Chủ, Hạc Lâm Phú.* ^[10]

Trương Bá Đoan, Thạch Thái, Tiết Đạo Quang, Trần Nam, Bạch Ngọc Thiềm là Nam Tông Ngũ Tổ.

Nam Tông cũng chủ trương Tính Mệnh Song Tu, nhưng ”**Tiên Mệnh, Hậu Tính**”, “Ngôn Mệnh xứ đa, ngôn Tính xứ thiếu”. ^[11]

Bắc Tông.

Giáo chủ là Vương Trùng Dương, người Hàm Dương. Sáng lập Bắc Tông năm 1167, và truyền Đạo cho 7 đệ tử là: **Khuru, Lưu, Đàm, Mã, Hách, Vương, Tôn.**

1. Vương Trùng Dương. (1112-1170). 王重陽。

Họ Vương, tên Triết, tự Tri Minh. Đạo Hiệu: Trùng Dương Tử. Người Đại Ngụy, thôn đất Hàm Dương. Được Chung Lữ nhị Tiên truyền đạo năm 1158. Thu đồ đệ năm 1167-1168. Các đồ đệ Ông là: Mã Đơn Dương, Tôn Bất Nhị, Đàm Xứ Đoan, Khuru Xứ Cơ, Hách Đại Thông, Vương xứ Nhất, Lưu Xứ Huyền.

Sách: *Trùng Dương toàn chân tập.*

Wang Trùng Dương chủ trương Nho, Thích, Đạo bình đẳng, hợp nhất. Ông nói: “Tam Giáo tông lai nhất tổ phong.” 三教從來一祖風。

Dùng *Đạo Đức Kinh, Hiếu Kinh, Bát Nhã Ba La Mật Tâm Kinh* làm sách tu luyện. Chủ trương Tu Đạo là Tu Tâm, và tu hành là giữ tâm thanh tĩnh.

Năm 1269, Nguyên Thế Tổ phong Ông làm “Trùng Dương Toàn Chân Khai Hóa Phụ Cự Đế Quân.”

Toàn Chân Giáo tôn Ông làm thủy tổ. ^[12]

2. Khuru Xứ Cơ 丘處機.(1148-1227).

Tên Xứ Cơ, tự Thông Mật, hiệu Trường Xuân Tử, người Phủ Đăng Châu, Huyện Thê Hà, tỉnh Sơn Đông. Được Vương Trùng Dương nhận làm đệ tử. Sau khi Vương Trùng Dương qua đời, ông vào ẩn cư tại huyệt Bàn Khê trong vòng 6 năm.

Năm 1188, vua Thế Tông nước Kim triệu Ông vào Yên Kinh (Bắc Kinh) hỏi ông về Chí Đạo (Đạo cao nhất), và cho ông chủ trì lễ đàn Vạn Xuân tiết. Năm 1190, vua Chương Tông nhà Kim ra lệnh cấm bãi Toàn Chân đạo giáo, buộc vào tội “Cầm chúng, loạn dân.”. Năm 1207, vợ Vua Chân Tông tặng Ông bộ **Đại Kim Huyền Đô Bửu Tạng**, năm 1208 tặng cho đạo quán của Ông chữ Thái hư và Thái hòa.

Sau này Thành Cát Tư Hãn nhà Nguyên cũng mời Ông đến Tuyết Sơn gặp mặt, và gọi Ông là Thần Tiên, là Đại Tông Sư. Nhân dịp này học trò Ông là Lý Chí Thường đã viết bộ Trường Xuân Chân Nhân Tây Du Ký. ^[13]

Năm 1224, Nguyên Thái Tổ mời Ông về Yên Kinh (Bắc Kinh), cho Ông giảng quản thiên hạ đạo giáo.

Ông mất tháng 7 năm 1227.

Năm 1269, Nguyên Thế Tổ phong Ông làm “**Trường Xuân Diễn Đạo Giáo Chân Nhân**”

Năm 1310, Nguyên Vũ Tông phong Ông làm “**Trường Xuân Toàn Đức thần hóa minh đức Chân Quân.**”

Khuru Xứ Cơ theo đúng tôn chỉ Toàn Chân giáo, chủ trương: Tam Giáo bình đẳng, tương thông, hỗ dung, người tu đạo phải xuất gia, đoạn tuyệt trần duyên, thanh tâm quả dục. Đó là căn bản để thành Tiên.

Ông viết: **Đại đơn trực chỉ, Minh Đạo Tập, Nhiếp Sinh Tiêu Túc luận, Bàn Khê Tập.** ^[14]

3. Lưu xử Huyền.劉處玄。

Tên Xứ Huyền, tự Thông Huyền, hiệu Trường Sinh Tử.

Người Sơn Đông, Lai Châu Phủ, Dịch Huyện, Vũ Cung trang. Được Vương Trùng Dương nhận làm đồ đệ năm 1169.

Sách: **Tiên nhạc tập, Đạo đức kinh chú, Âm Phù Kinh chú, Chí Chân Ngữ Lục, Huỳnh Đình Kinh Chú.**

Năm 1198, vua Chương Tông mời vào gặp mặt, tiếp đãi ân cần. Năm 1199, tặng cho 2 chữ Linh Hư. Ông mất năm Thái hòa thứ 3 (1203). Sáng lập Tuỳ Sơn Phái. Năm Chí Nguyên thứ 6, (1269) được Nguyên Thế Tổ phong: **Trường Sinh Phụ Hóa Minh Đức Chân Nhân.** ^[15]

4. Đàm xử Đoan (1123-1185) 譚處端.

Tên: Xử Đoan, tự Thông Chính, hiệu Trường Chân Tử. Người Ninh Hải, Sơn Đông. Được Vương Trùng Dương thu nhận năm 1167, đời vua Kim Thế Tông Hoàng Nhan Ung, năm Đại Định 2. Chết năm 63 tuổi (1185).

Sách **Vân Thủy Tập** (khoảng 1000 bài thơ)

Được Nguyên Thế Tổ, năm Chí Nguyên (1269), phong làm **Trường Chân Vân Thủy Uẩn Đức Chân Nhân**. [\[16\]](#)

5. Mã Ngọc 馬鈺. (1123-1183)

Tên Ngọc, tự Huyền Bảo, hiệu Đơn Dương. Người tỉnh Sơn Đông, phủ Đăng Châu, huyện Ninh Hải. Được Vương Trùng Dương thu nhận năm 1167.

Khai sáng môn phái: **Ngộ Tiên Phái**. Chủ trương: Thanh Tĩnh.

Năm Chí Nguyên thứ 6 (1269), Nguyên Thế Tổ phong tặng Ông làm: **Đơn Dương Bảo Nhất Vô Vi Chân Nhân**.

Sách: **Động Huyền Kim Ngọc Tập, Đơn Dương Thần Quang Sán, Tiệm Ngộ Tập**. [\[17\]](#)

6 Hách Đại Thông 郝大通 (1140-1212)

Tên Đại Thông, tự Thái Cổ, hiệu Quảng Ninh Tử. Người tỉnh Sơn Đông, Phủ Đăng Châu, huyện Ninh Hải.

Tự xưng là Thái Cổ Đạo Nhân. Có truyền thuyết cho rằng đêm Ông nằm mộng thấy thần nhân truyền dạy Chu Dịch. Nên sau ông học bói Dịch. Năm 1168, ông theo Vương Trùng Dương. Năm 1182, mỗi lần Ông thuyết giảng, xa gần có cả trăm người tới nghe. Ông mất năm 73 tuổi,

Năm 1269, Ông được phong tặng làm: **Quảng Ninh Thông Huyền Thái Cổ Chân Nhân**.

Sách: **Thái Cổ tập (4 quyển), Thái Dịch đồ**. [\[18\]](#)

7 Vương xử Nhất 王處一 (1142-1217)

Tên Xử Nhất, tự Ngọc Dương, hiệu Kim Dương Tử. Được Vương Trùng Dương nhận làm đồ đệ năm 1168. Năm 1187, Kim Thế Tổ cho vời, Ông ứng đối vừa lòng vua. Năm 1188, lại mời lên kinh, chủ tọa lễ Vạn Xuân Tiết. Năm 1207, được bà Nguyên Phi tặng bộ: **Huyền Đô Bảo tạng**. Năm Chí Nguyên thứ 6, nhà Nguyên, Ông được phong: **Ngọc Dương Thế Huyền Quảng Độ Chân Nhân**.

Sách: **Vân Quang Tập** (hơn 600 bài thơ), **Tây Nhạc Hoa Sơn Chí, Thanh Chân Tập**. [\[19\]](#)

8. Tôn bất Nhị 孫不二 (1119-1182).

Vợ Mã Đơn Dương. Tên Bất Nhị, hiệu Thanh Tĩnh Tán Nhân. Có 3 con là Đình Trân, Đình Thuy, Đình Khuê. Năm 1167, được Vương Trùng Dương nhận làm đồ đệ.

Năm 1169, sau khi Mã Đơn Dương xuất gia, bà quyết tâm bỏ 3 con, đi tu theo Vương Trùng Dương. Trùng Dương truyền cho bà Thiên Phù Vân Triện Bí Quyết. Năm Đại Định 15, bà vào động Phong Tiên Cô ở Lạc Dương tu đạo.

Năm Chí Nguyên thứ 6 (1269), bà được phong làm: **Thanh Tĩnh Uyên Chân Thuận Đức Chân Nhân**. Năm Chí Đại (1308) được gia phong: **Thanh Tĩnh Uyên Trinh Huyền Hư Thuận Hóa Nguyên Quân**.

Sách: *Tôn Bất Nhị Nữ Đơn Thi, Tôn Bất Nhị Nguyên Quân Truyền Thuật Đơn Đạo bí thư, Tôn Bất Nhị Nguyên Quân Pháp Ngữ*. ^[20]

Bắc Tông còn được gọi là Toàn Chân Phái, hay Kim Liên Chính Tông Phái.

Chủ trương của Bắc Tông:

“Toàn Chân nhi tiên”

Thanh Tĩnh.

Thức tâm Kiến Tính

Luyện Tâm, luyện kỹ.

Tức là: “thức tâm kiến tính toàn chân giác, Tri Cống, thông Diên kết thiện nha.” 識心見性全真覺，知汞通鉛結善芽。

Bắc Tông thời Tiên Tính Hậu Mệnh, Nam Tông thời Tiên Mệnh Hậu Tính.

Bắc Tông: Thanh Tĩnh luyện Tính.

Mã Đơn dương 馬丹陽 viết: “Thanh tĩnh giả, thanh vi thanh kỳ tâm nguyên; tĩnh vi tĩnh kỳ khí hải. Tâm nguyên thanh, tắc ngoại vật bất năng nhiễu, cố tình định nhi thần minh sinh yên. Khí hải tĩnh, tắc tà dục bất năng can, cố tính toàn nhi phúc thật yên. Thị dĩ trùng tâm như trùng thủy, dưỡng khí như dưỡng nhi, khí tú tắc thần linh, nãi thanh tĩnh sở chí dã.”

“Thanh tĩnh là làm trong Tâm Nguyên, tĩnh là làm yên Khí hải. Tâm Nguyên trong thì ngoại vật không làm phiền, nên tình định và thần minh sinh ra. Khí hải yên thì tà dục không can phạm, nên tính toàn và bụng no. Cho nên phải lắng lòng như lắng nước, phải nuôi Khí như nuôi con thơ. Khí đẹp thì Thần linh, thế là thanh tĩnh tuyệt mức vậy.”

Vương Trùng Dương viết:

Chư công như yếu chân tu hành, 諸公如要真修行

Cơ lai cật phạn, thụy lai hợp nhãn. 飢來吃飯睡來合眼

Mạc đả tọa, mạc học Đạo, 莫打坐莫學道

Chỉ yêu trần nhữg sự bính trừ. 只要塵冗事屏除 ^[21]

Bắc Tông thì: “Tam phân Mệnh Công, thất phân tính học.
“三分命功，七分性學。

Nam Tông thì: “Ngôn Mệnh giả đa, ngôn tính xư
thiếu.” 言命者多，言性處少。

Các đồ đệ của Vương Trùng Dương ai cũng lập môn phái, nhưng chỉ có Ngô Tiên Phái của Mã Đơn Dương và Long Môn phái của Khuru Trường Xuân là bền vững.

Ngô Tiên Phái của Mã Ngọc, đến đời Nguyên Thuận Đế (khoảng 1343) thời đứt mạch.

Trái lại, Long Môn Phái còn tồn tại đến ngày nay. Long Môn Phái có những Đạo gia nổi tiếng như:

-Phù Dương Tổ Sư.

-Trương Tĩnh Hư Chân Nhân (Minh triều, Gia Tĩnh) (1522-1567)

-Lý Hư Am (được truyền Đạo năm 1587).

-Ngũ Xung Hư (Đệ tử đời thứ tám, được truyền đạo năm 1624.)

-Liễu Hoa Dương (đệ tử đời thứ 9 sống vào đời vua Càn Long (1736-1798).

-Liễu Không Đại Sư (đệ tử đời thứ 10).

Ngũ Xung Hư và Liễu Hoa Dương viết bộ:

Ngũ Liễu Tiên Tông gồm: **Tiên Thiên Chính lý trực luận**, và **Tiên Phật hợp tông**
Thiên Phong Lão Nhân, Triệu Tị Trần. (đệ tử đời thứ 11, được truyền đạo năm 1921.)

Ông viết bộ: **Tính Mệnh Pháp quyết Minh Chỉ**, năm 1932.

Đông phái.

Do Lục Tiềm Hư sáng lập năm Long Khánh (1567) đời Minh Mục Tông.

Lục Tiềm Hư. 陸潛虛 (1520-1606)

Tên Lục Tây Tinh, tự Trường Canh, hiệu Tiềm Hư.

Người Dương Châu. Thừa nhỏ học Nho, nhiều lần thi Hương không đỗ. Bèn đi tu. Lập môn phái riêng. Vì hoạt động tại vùng Giang, Triết nên xưng là Đông phái. Nhưng kỳ thực là một chi nhánh của Nam Tông, lấy Ngô Chân Thiên làm căn bản. Gọi Khâm, là Chân Khí là Diên, là con gái, là Nguyệt. Gọi Ly là Chân Tinh, là Cống, là Con trai, là Nhật. Như vậy đơn đạo chẳng qua chỉ là Âm Dương mà thôi. Đó là thuyết Thủ Khâm Điền Ly. Như vậy phái này Chủ Trương Âm Dương Nam Nữ song tu. Phái này chủ trương:” Đồng loại tương hợp nhi thành: Trúc phá, trúc bổ; nhân phá nhân bổ v.v... Có sách ghi khi Ông ẩn cư ở trong núi, Lữ Đồng Tân hiện ra và trú ở Bắc Hải Thảo Đường của Ông 20 ngày, truyền thụ cho Ông đơn quyết. Tu luyện thêm 20 năm, đến năm 1564, thời giác ngộ.

Viết: **Kim Đơn tự chính thiên, phương hồ ngoại sử tòng biên, Tử Dương Kim Đôn Tứ Bách Tự Trắc số. Kim Đơn Chân truyền, Chứng Đạo Bí Sách Thập Thất chủng. Chu Dịch Tham Đồng Khế trắc số.** ^[22]

Tây phái.

Do Lý Hàm Hư đời Thanh Hàm Phong (1851) sáng lập.

Lý Hàm Hư 李涵虛。

Tên: Lý Tây Nguyệt, tự Hàm Hư, Hiệu Bế Dương.

Người Tử Xuyên, Đông Sơn.

Tự xưng đã gặp Trương Tam Phong, sau lại gặp Lữ Đồng Tân ở Thiền viện và được chân truyền. Ta nên nhớ Trương Tam Phong và Lữ Đồng Tân đã chết từ lâu.

Chủ trương **Thanh Tĩnh Tự Nhiên, Âm Dương hỗ dụng.**

Môn phái này khó theo hơn Đông phái và không giản dị bằng Đông phái.

Sách viết: **Đạo khiêu Đàm. Tam Xa bí chỉ, Cửu tầng luyện tâm pháp, Hậu Thiên quán thuật, Vô Căn thụ đạo tình chú giải. Văn trung kinh, Thái thượng thập tam kinh, Tính Mệnh yếu chỉ, Giáo ngoại tâm pháp.** ^[23]

Trung Phái.

Do Lý Đạo Thuần sáng lập đời Nguyên.

Lý Đạo Thuần 李道純:

Tên: Đạo Thuần, hiệu Thanh Am hay Oánh thiềm Tử.

Ông là đệ tử Bạch Ngọc Thiềm, nhưng cũng theo Toàn Chân Phái. Tuy Nhiên môn phái Ông vốn không tên và chỉ đề cao chữ Trung. Doãn Chân Nhân Sư Đệ và Huỳnh Nguyên Cát, Lưu Nhất Minh, cũng được xếp vào Trung Phái.

Trung của Ông là Trung của Trung Dung, Mục đích là: **“Trí Trung Hòa vu nhất thân”**, thế là thành Tiên vậy. Trung tức là: “Huỳnh Quan Nhất Khiếu”, Phật gia gọi đó là Bản Lai Diện Mục, Đạo Gia gọi đó là Niệm Đầu Bất Khởi Xứ, Nho Gia gọi thế là: Hỉ nộ ai lạc chi vị phát. Doãn Chân Nhân sư đệ gọi thế là Tính Mệnh chi căn, hay Vô Cực hay Chân Trung. Huỳnh Nguyên Cát gọi thế là: “Trung Hoàng trực thâu”, Dịch kinh gọi thế là Hoàng Trung Thông Lý v.v... Đó chính là “Giáo Ngoại biệt truyền.”

Sách: **Trung Hòa Tập, Oánh Thiềm Tử ngữ lục, Tam Thiên Dịch thể.**

Sách của Doãn Chân Nhân sư đệ: **Tính Mệnh Khuê Chỉ.**

Sách của Huỳnh Nguyên Cát: **Lạc Dục Đường ngữ lục, Lão tử Đạo Đức Kinh tinh Nghĩa, Đạo Môn ngữ yếu.**

Sách của Lưu Nhất Minh: **Chu Dịch Xiển Chân, Đạo thư thập nhị chủng.**

Chủ trương của môn phái này rất hay và rất cao. ^[24]

Trương Tam Phong phái.

Do Trương Tam Phong 張三丰 (1314-1320) sáng lập.

Trương Tam Phong hiệu Lạp Thập Đạo Nhân, người Liêu Đông, sống vào khoảng thời Cuối Nguyên, đầu Minh.

Sách: **Kim Đơn trực chỉ, Kim Đơn bí quyết, Đại Đạo yếu chỉ, Trương Tam Phong đạo thuật hồi tông.** ^[25]



Trương Tam Phong

Huỳnh Nguyên Cát 黃元吉 (1269-1324) phái.

Tự: Hi Văn, người Dự Chương, Phong Thành, ngày nay thuộc tỉnh Giang Tây, huyện Phong Thành.

Sách: *Lạc dục Đường ngữ lục, Đạo đức Kinh tình nghĩa.*

III. ĐẠO GIÁO NHÂN GIAN.

Đạo Lão thoát kỳ thủy là một khoa triết học, huyền học, một nghệ thuật sống, một phương pháp tu luyện giải thoát của ít nhiều ẩn sĩ. Nhưng đến đời Hán (206 trước Công Nguyên và 220 sau Công Nguyên), với sự canh tân của Trương Đạo Lăng (34-156), 張道陵 tự Phụ Hán, người đất Phong, nước Bái, ^[26], Đạo Lão trở thành một đạo giáo quần chúng với các kinh kệ, bùa chú, phương thuật, tế lễ, sám hối công cộng v.v...

Trương Đạo Lăng mất khoảng năm 156. Ông là cháu 8 đời của Trương Lương 張良 và thuộc dòng dõi Trương Giác, 張角, Trương Bảo 張寶, Trương Lương 張梁 thời Tam Quốc.

Sau ông được hậu thế phong làm Trương Thiên Sư.



Trương Đạo Lăng (Trương Thiên Sư)

Các vua chúa nhà Đường (618-907) nhận Lý Lão Quân làm tổ phụ, vì thế nên rất trọng vọng các đạo sĩ. Các ngài lập đền thờ Thái Nhất, đền thờ Ngũ Đế và Lý Lão quân (Lão Tử), lại cố gắng lên núi, lên non tế lễ hầu mong được tiếp xúc với Thần Linh. Nhiều vua nhà Đường đã uống linh đan để được trường sinh, bất tử. Nhưng thay vì được trường sinh, bất tử, các vua Hiến Tông (806-821), Mục Tông (821-826), Vũ Tông (841-847), Tuyên Tông (847-860) đã điên loạn hay yếu tử, vì linh đơn của các đạo sĩ.

Các vua chúa đời Tống (960-1278) cũng rất trọng các đạo sĩ, và Đạo Lão. Năm 1015, vua Tống Chân Tông phong cho Trương Chính Tuyền, cháu chắt của Trương Đạo Lăng là Thiên Sư, và ân tứ cho cả vùng Long Hồ Sơn ở Giang Tây.

Con cháu của Trương Đạo Lăng từ đó được kế thế làm Thiên Sư, và được thừa hưởng vùng Long Hồ Sơn. Vùng này mãi đến thời Trung Hoa Dân Quốc mới bị quốc hữu hóa.

Nguyên Thế Tổ năm 1275 cũng phong cho Trương Tông Diễn làm Thiên Sư. Nhưng đến năm 1281, nhân vụ tranh tụng giữa Phật Giáo và Lão Giáo về quyền Hóa Hồ Kinh của Vương Phù (thế kỷ 4), vua đã ra lệnh đốt hết các sách Đạo Lão, ngoại trừ Đạo Đức Kinh.

Hoá Hồ Kinh đại khái chủ trương rằng sau khi qua cửa ải Hàm Cốc, Lão tử đã sang Thiên Trúc dạy đạo cho đức Phật.

Nhà Minh (1368-1628) cũng không ủng hộ Đạo Lão bao nhiêu. Thời vua Vũ Tông (1506-1521), và vua Thế Tông (1522-1566), đạo Lão đã cho in lại toàn bộ Đạo Tạng, gồm 1464 bộ lớn nhỏ.

Đến đời nhà Thanh đạo Lão cũng không được trọng dụng.

Ngày nay, ở Đài Loan Đạo Lão còn rất thịnh hành.

Có tất cả 86 giáo phái hoặc tổ chức Lão Giáo được chính quyền hỗ trợ. Nhưng có 6 môn phái nổi bật. Đó là:

1. Phái Chính Nhất, hay phái Thiên Sư, thuộc Long Hồ Sơn. Phái này cho mình là chính thống.

2. Phái Mao Sơn với 2 loại pháp môn: Nội luyện theo kinh Huỳnh Đình, và võ công theo Kỳ Môn Độn Giáp.

3. Phái Thái Cực thuộc Võ Đương Sơn, với pháp môn tu luyện theo truyền thống Trương Tam Phong, và pháp môn võ thuật trừ tà ma.

4. Phái Toàn Chân, tu luyện theo tôn chỉ của Vương Trùng Dương.

5. Phái Thần Tiên với những trò bình dân như leo thang gương 36 lưới trần, biểu diễn đâm vào giữa những lễ nghi, để thu hút quần chúng.

6. Phái Lư Sơn thiên về bí thuật, giống như phái Chân Ngôn của Phật Giáo.

Dĩ nhiên các môn phái này cũng còn có tại Trung Hoa Lục Địa. [\[27\]](#)

KẾT LUẬN.

Chương này có tính cách khảo cứu và lịch sử. Nó rất cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu sâu rộng về Đạo Lão. Ta có thể dùng nó làm cái sườn để xây dựng một đề tài khảo cứu các vấn đề trên cho sâu rộng hơn, chi tiết hơn.

Nó cũng đánh giá được đạo Lão từ thấp đến cao, và cuối cùng, nó cũng có thể dùng như là một tấm gương để chúng ta tự soi xem chúng ta đang ở giai trình nào, đang chạy theo quần chúng hay đang theo chân, nổi gót các bậc tiên trưởng trong đạo Lão.

PHỤ LỤC.

1. Nam Ngũ Tổ.

Trương Bá Đao, Thạch Thái, Tiết Đạo Quang, Trần Nam, Bạch Ngọc Thiềm.

Đều cho rằng: **Nho, Thích, Đạo đồng nguyên, Tam giáo nhất lý.**

Lấy Luyện **Nội Đon**, hay **tu tính mệnh** làm chủ.

Nam Tông cũng còn gọi là Tử Dương phái.

2. Bắc Ngũ Tổ.

a. Đông Hoa Thiệu Dương, Vương Huyền Phủ,

b. Chung Ly Chính Dương,

c. Lữ Nham Thuần Dương,

d. Lưu Hải Thiềm,

e. Vương Trùng Dương.

3. Bắc Thất Chân.

Bắc Thất Chân đều là đệ tử Vương Trùng Dương.

- Mã Ngọc (sáng lập Ngô Tiên phái),

- Đàm xử Đao (sáng lập Nam Vô phái),

- Lưu Xử Huyền (sáng lập Tuyền Sơn phái),
- Khưu Xử Cơ (sáng lập Long Môn phái),
- Vương Huyền Nhất (sáng lập Lô Sơn Phái),
- Hách Đại Thông (sáng lập Hoa Sơn Phái),
- Tôn Bất Nhị (sáng lập Thanh Tĩnh Phái).

Tất cả đều đề xướng Tam Giáo hợp nhất, đều chủ trương Thanh Tĩnh Quả Dục, luyện Khí, dưỡng Khí, Nhẫn sĩ, hàm trần, Khổ ki, lợi nhân. (忍恥, 含塵, 苦己利人 Tức là khi bị xỉ nhục thì nhịn chịu, nuốt hận, chịu khổ người được lợi.)

4. Bát tiên:

Hán Chung Ly, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên Cô, Trương quả Lão, Tào quốc Cự, Hàn Tương Tử, Lý Thiết Quả, Lam Thái Hòa.



Bát Tiên Quá Hải

5. Quan 觀。

Chỗ ở của Đạo Sĩ, như Hạo Thiên Quan hay Bạch Vân quan của Lưu Xử Cơ.

6. Thất Hiền hay Trúc Lâm Thất Hiền.

Kê Khang, Nguyễn Tịch, Tử Hàm, Sơn Đào, Hường Tú, Vương Nhung, Lưu Linh 稽康, 阮籍, 子咸, 山濤, 向秀, 王戎, 劉伶。

Có mấy ông bị Tư Mã Chiêu giết như Kê Khang, Lưu Linh vì tội tuyên truyền Hư Vô, khinh lễ giáo.

CHÚ THÍCH

[1] Xem *Nam Hoa Kinh*, thiên Tại Hựu, XI, C.

Xem *Tiên Học Diệu Tuyển*, tr. 157.

[2] Ít nhiều tài liệu dùng để viết chương này: Liệt Tiên Truyện (Đạo tạng); Thần Tiên Truyện (Đạo Tạng), Phòng Đạo Ngũ Lục (tr. 196-200), Đạo Gia Trường sinh bí điển (tr. 29-33 và 90-91), Thiên Cơ bí văn (tr. 108-111), Kim Liên Chính Tông Ký, Tiên Học Diệu Tuyển các tr. 1-9, Đạo giáo Văn Hóa từ điển, Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển.

[3] Ở chương này, cho vấn đề được sáng tỏ, tôi không trực tiếp nghiên cứu Phương Pháp tu ngoại đơn để cầu trường sinh của Ngụy Bá Dương thời Đông Hán, và của Cát Hồng, Bào Phác Tử (tự Trĩ Xuyên, quê ở Đơn Dương, Giang Tô) (283-363).

Ngụy Bá Dương viết bộ Tham Đồng Khế, hết sức là thời danh. Cát Hồng viết cuốn Bào Phác Tử.

Cũng vì lý do trên, mà sách này không đề cập đến phương thuật Chi Đá Hoá Vàng (Hoàng Bạch, Luyện Kim Thuật).

Sách Đồng Phù Thiết Khoán, Chân Thiện Mỹ xuất bản, đã đề cập đến thuật này.

Hình như Hán Chung Ly và Trương Tam Phong biết thuật này.

[4] **Kim Liên Chính Tông Ký**.

Xem **Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển**, Trương Chí Triết, Giang Tô Cổ Tịch Xuất Bản Xã, 1992, tr. 159.

[5] **Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển**, Trương Chí Triết, tr. 168.

[6] Ib. 159.

[7] **Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển**, Trương Chí Triết, tr. 199.

[8] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 112.

[9] **Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển**, Trương Chí Triết, tr. 229.

[10] **Đạo Giáo Văn Hóa Từ Điển**, tr. 219

Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển, Hồ phu Sâm, tr. 127.

[11] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 131

[12] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 141.

[13] Quyển **Tây Du Ký** này kể lại hành trình của Ông đi gặp Thành Cát Tư Hãn. Có nhiều người lầm cho rằng Khuru Xứ Cơ đã viết bộ **Tây Du Ký**. Thật ra, bộ **Tây Du Ký** là của Ngô Thừa Ân.

[14] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 146.

[15] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 146.

[16] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 142.

[17] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 142.

[18] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 144.

[19] **Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển**, Hồ phu Sâm, tr. 145.

- [20] *Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển*, Hồ phu Sâm, tr. 141.
- [21] *Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển*, Hồ phu Sâm, tr. 48.
- [22] *Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển*, Hồ phu Sâm, Trung Quốc Khoa Học Xã Hội Xuất bản xã, Bắc kinh, 1995. tr. 50.
- Trung Quốc Đạo Giáo*, q. 1, , Khanh Hi Thái , 1961, Đông Phương Xuất Bản Trung Tâm. Tr. 387.
- [23] *Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển*, Hồ phu Sâm, Trung Quốc Khoa Học Xã Hội Xuất bản xã, Bắc kinh, 1995. tr. 51. *Trung Quốc Đạo Giáo*, q. 1, , Khanh Hi Thái , 1961, Đông Phương Xuất Bản Trung Tâm. Tr. 401
- [24] *Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển*, Hồ phu Sâm, Trung Quốc Khoa Học Xã Hội Xuất bản xã, Bắc kinh, 1995. tr. 50.
- Trung Quốc Đạo Giáo*, q. 1, , Khanh Hi Thái , 1961, Đông Phương Xuất Bản Trung Tâm. Tr. 354.
- [25] *Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển*, Hồ phu Sâm, Trung Quốc Khoa Học Xã Hội Xuất bản xã, Bắc kinh, 1995. tr. 186..
- Trung Quốc Đạo Giáo*, q. 1, , Khanh Hi Thái , 1961, Đông Phương Xuất Bản Trung Tâm. Tr. 374.
- [26] *Thần Tiên truyện*, tr. 16.
- [27] Léon Wieger, *Taoisme*, Tome 1, Bibliographie Générale, Hiên Hiên, 1911, tr. 25-26.
- Nguyệt San Phương Đông*, số 25, bài: *Thử tìm một phương pháp để khảo sát Đạo Lão của Michael Saso*, Nguyễn Văn Thọ bình chú và dịch thuật.

CHƯƠNG XV

QUI NGUYÊN PHẢN BẢN.

TRỞ VỀ GỐC NGUỒN.

Chương này với nhan đề Qui Nguyên phản bản (Dữ Đạo hợp Chân) có thêm ý chỉ về rằng: Tất cả công trình học hỏi, suy tư, công trình tu luyện của chúng ta đều phải qui hướng về một mục đích. Đó là:

- Dữ Đạo Hợp Chân (*Tiên Học diệu tuyển*, tr. 268).
- Phối Thiên (*Đạo Đức Kinh* ch. 68.)
- Đạt Thiên, hợp Đạo (*Văn Đạo Tử Giảng Đạo Tinh Hoa Lục*, q. 1, tr. 1b)

Mà người xưa gọi là:

Qui nguyên phản bản hay Qui Căn phản bản.

Chương này có rất nhiều kỳ vọng:

1. Trước hết nó muốn phản ánh lại chủ trương Phối Thiên của Lão cũng như của Khổng, đúc kết lại tinh hoa đạo giáo của mấy nghìn năm lịch sử Trung Hoa và Việt Nam.

Đối với Trung Hoa và Việt Nam từ xưa đến nay, thời chủ trương: Thiên Nhân Hợp Nhất, Thiên Nhân Hợp Phát, Phối Thiên, Dữ Thiên Đồng Đức là cực điểm tinh hoa của Đạo Giáo.

Lão Tử nơi chương 68 **Đạo Đức Kinh** đã viết: **Thị vị Phối Thiên cổ chi cực.** (Phối Thiên, kết hợp với Trời là cực điểm của người xưa).

Trung Dung nơi chương 26, có câu: **Cao Minh Phối Thiên**, và chương 30 có câu: **Cố viết: Phối Thiên.**

Trương Kỳ Quân, 1 học giả Trung Hoa đương thời, viết trong quyển **Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử** (q. 3, chương Lão Tử, tr. 229):

“*Trung quốc từ thời Nghiêu Thuấn đến nay, vốn có tư tưởng: “Thiên Nhân hợp Nhất”. Kính Trời nên yêu người. Yêu người để kính Trời. Lịch đại Thánh Triết đều nối tiếp nhau hoằng dương Đạo Thiên Nhân Hợp Nhất. Lão tử là 1 người trong số đó.*” ^[1]

“**Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư** nói rất nhiều về Trời, về Thần, về Thượng Đế. Khi nói tới Bản Thể thì dùng chữ Thiên, khi nói về Chủ thể vạn vật thì dùng chữ Thần, chữ Đế. Trong sách của Lão Tử cũng vậy. Cũng lấy Trời làm gốc gác vạn vật.” ^[2]

Nơi đây Trương Kỳ Quân cũng muốn tóm tắt **kinh Dịch**. Cũng trong bộ **Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử**, Trương Kỳ Quân viết:

“**Kinh Dịch** là một cuốn sách bao quát mọi vấn đề, nhưng mà cốt yếu vẫn là để xiển minh đạo Thiên Nhân hợp Nhất.” ^[3]

Đạo Lão cũng thường bàn về nhẽ Thiên Nhân cảm ứng, Thiên Nhân hợp Nhất. Trong quyển **Trung Hoa Đạo giáo đại Từ Điển** do Hồ Phu Sâm chủ biên, Trung Phu Tử bàn về Thiên Nhân hợp Nhất như sau:

“...Xuân thu chiến Quốc thời kỳ, tư tưởng **Thiên Nhân cảm ứng** và quan niệm **Thiên Nhân hợp Nhất** đã được đạo Nho và đạo Lão phát huy.

Nho gia nhấn mạnh về mặt xã hội. Mạnh Kha, Đổng Trọng Thư cho rằng Trời ban quyền cho vua, và trời cảnh cáo vua bằng tai dị, lại nhận rằng: Thiên Đức ngụ trong lòng người, còn nhân tính thì căn bản nơi Thiên Đạo. Thiên mệnh quyết định nhân sự, phải Tận Tâm Tri Mệnh mới hợp Thiên.

Đạo Lão đề cao Tự Nhiên.

Trang tử viết trong Tề Vật luận: **Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ Ngã vi nhất.**



Nơi chương Sơn Mộc, Nam Hoa Kinh, Ông còn nói: **Thiên dử Nhân nhất dã...**

Trời và người hợp thành: Đạo tự nhiên vô vi; đạo thông vu Nhất, nên kêu là Thiên Nhân hợp nhất. (Trung phu Tử) ^[4]

Khoảng năm 1958, tôi nhận thấy “đức Không khuyên con là Bá Ngự nên đọc Kinh Thi, nên tôi đã cùng một cự nho ở Đà Nẵng dịch toàn bộ Kinh Thi, xem trong đó ẩn dấu điều gì bí mật. Sau khi dịch xong Quốc Phong sang tới Đại Nhã, **tôi mới khám phá ra được một chuyện mà xưa nay không ai biết. Đó là Chân Đạo Nội Tâm, hay Đạo Thần Linh mà ta có thể tìm ra trong lòng ta. Ngày nay, người ta gọi là Đạo Huyền Đồng (mysticism), hay Phối Thiên, hay Thiên Nhân Tương Dữ, Thiên Nhân Nhất Quán, Thiên Nhân Hợp Nhất. Xưa Nghiêu Thuấn, thành Thang, Văn Vương, Võ Vương đã đi được vào Đạo cao siêu này...**” ^[5]

Như vậy chúng tôi là Trương Kỳ Quân đã nhận xét rất đúng.

2. Thứ đến, chương này cũng muốn đúc kết lại cực điểm tinh hoa đạo giáo, chỉ cho thấy chỗ Đồng qui nhi thù đồ.

Thánh Paul nói: “ **Tôi sống chẳng phải là tôi sống, mà là Chúa sống trong tôi.**” (Galates, 2, 20)

Đạo Sinh, một vị đại sư thời Nam Bắc Triều (372-432 tức Đông Tấn Giản Văn Đế, Hàm An nhị niên và Tống Văn Đế, Nguyên Gia cửu niên) đã cho rằng Đức Phật được thành chính đẳng, chính giác, chính là nhờ đã khế hợp được với Thiên Tâm. ^[6]

Chữ Niết BÀN (Nirvana) của Ấn Độ, chính có nghĩa là Phối Thiên. Giám Mục Thê Phản, người Thụy Điển, Nathan Soderblom, trong quyển La vie future d'après le Madzéisme, đã dành 1 chương nói về Nirvana. Ông chủ trương:

a. Trước thời đức Phật đã có chữ Nirvana.

b. Chữ Nirvana, ngoài nghĩa Triết Học là Không Tịch, Thanh Hư, Vô Sinh, Vô Tướng, còn có nghĩa Đạo Giáo là Phối Thiên. ^[7]

3. Sau hết, chương này cũng muốn đúc kết lại tất cả tư tưởng của chín chương trên, cho thấy mối nhất quán của đề tài, và cũng là để liệu đạt mục tiêu của toàn tập này là **Đạo Học Cầu Chân**: theo ven sườn non của Đạo Lão để lên đến đỉnh Chân Lý.

Thực vậy, chủ trương Phản Bản, Hoàn Nguyên đã phát xuất từ một niềm tin rằng vũ trụ này đã từ một toàn thể phóng phát, tán phân ra. Toàn Thể ấy là Vô Cực, là Thái Cực. (Chương I)

Đạo hay Thái Cực, sau khi đã phóng phát, đã tán phân ra vũ trụ, quần sinh, lại tiềm ẩn ngay trong lòng sâu quần sinh, vạn hữu. Vì thế cho nên, ở nơi vũ trụ cũng như ở nơi con người, Trung Tâm thời Trường Sinh, Vĩnh Cửu, Bất Biến, còn Ngoại Vi thời di động, biến thiên, tử tử, sinh sinh.

Thánh hiền là những người đã biết đi từ ngoại vi biến thiên của ngoại cảnh, hình hài, tâm tư, thất tình, lục dục trở về Thiên Tâm hằng cửu. Còn thường nhân thì chìm nổi, vật vờ ngoài biên khu tâm, cảnh. Thường nhân, phạm phu, tục tử thời bị ngọn cuồng phong sự duyên thổi bạt từ Trung Tâm ra Biên Khu, Ngoại Cảnh, còn Thánh Hiền thì dùng phép Định Tĩnh để thoát sự chi phối của nhân duyên, và trở về được với Trung Tâm Hằng Cửu.

Thế tức là: Thuận sinh Phàm, Nghịch sinh Tiên. (các Chương 2, 3, 4).

Nơi con người, thì Trung Tâm Hằng Cửu, hay Thái Cực hay Huyền Quan Khiếu đã ở sẵn nơi Trung Tâm Đầu Não con người. Hiểu rõ về con người sẽ giúp ta dễ dàng hành Đạo hơn, vì công trình Qui Nguyên, Phản Bản chính là công trình đi sâu mãi vào Tâm Khảm, đi sâu mãi vào Nê Hoàn Cung, để tìm Đạo, tìm Trời, Dữ Đạo Hợp Chân. (Chương 5)

Chủ trương Qui Nguyên Phản Bản thực ra đã hàm ngụ trong chủ trương Tính Mệnh Song Tu: Tu Mệnh trước cho thân xác khỏe mạnh, cho tăng tuổi thọ, rồi tu Tính, để Hư Tâm, Định Tĩnh, Dữ Đạo Hợp Chân. (Chương 6).

Chủ trương Qui Nguyên Phản Bản, thực ra cũng là con đường đi từ Hữu Vi đến Vô Vi, từ Hữu Tướng về Vô Tướng, từ Hậu Thiên trở về Tiên Thiên của Đơn Gia, Tiên Gia (Chương 7).

Kinh sách Đạo Lão chung qui chỉ xoay quanh mấy vấn đề: Luyện xác, Luyện Tâm, luyện Thần để Qui Nguyên Phản Bản mà thôi. (Chương 8).

Các Cao Nhân, Danh Phái trong Đạo Lão chính là những người tiêu biểu cho tất cả các giai trình:

-Từ Vô Vi ra Hữu Vi, rồi lại từ Hữu Vi về Vô Vi.

-Từ Đơn Thuần ra Bác Tạp, từ Nhất ra Vạn, rồi lại từ Bác Tạp về Đơn Thuần, từ Vạn về Nhất.

-Từ Thần ra Cảnh rồi lại từ Cảnh về Thần.

Hai chiều Thuận Nghịch đó đều có tiêu biểu: Một đảng là Đạo Giáo dân gian, một đảng là Tiên Gia, Đạo Gia. (Chương 9).

Tới Chương X này chính là lúc chúng ta phải:

*“Dùng Tuệ Kiếm, Phan Phui Hồn Độn,
Ra tay Thần, Banh Bửa Hư Vô.”* ^[8]

để tìm cho ra Trời, ra Đạo, tiềm ẩn sau những lớp lang hiện tượng, tìm được cái gì chí quý, chí bảo của trời đất.

Và chúng ta hãy cùng nhau dỡ những kinh tạng của Đạo Lão, xem Thánh Hiền Đạo Lão xưa nay đã nói gì về Qui Nguyên, Phản Bản. Để nắm vững được vấn đề, và cũng là để tiện bề theo dõi, chúng ta sẽ trình bày vấn đề này dưới ba đề mục:

-Hoàn phản là gì? Hoàn phản về đâu?

-Làm sao để hoàn phản?

-Hoàn phản đem lại lợi ích gì?

1. HOÀN PHẢN LÀ GÌ? HOÀN PHẢN VỀ ĐÂU?

Trên đây, chúng ta đã thấy các Tiên Gia, Đạo Gia chủ trương:

-Nhẽ Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể.

-Nhẽ Tuần Hoàn, phản phục.

Như vậy ta thấy ngay rằng, khi nói đến Qui Nguyên Phản Bản là nói đến vấn đề quay về với Vô Cực, Thái Cực, với Đạo, với Trời, với Hư, với Trung, với Nhất.

Danh từ tuy đa đoan, nhưng chung qui chỉ có một ý nghĩa: Con người, muốn liễu Đạo, muốn Trường Sinh, bất tử, phải quay về với Bản Tính mình, phải kết hợp nhất như với Đạo, với Trời. Xưa nay, ước mơ của Thánh Hiền Đạo Lão là:

“Phục ngã bản lai chi Thiên Chân, 復我本來之天真

Hoàn ngã Vô Cực chi Tạo Hóa.” 還我無極之造化

Dịch:

*Phục Hoàn Thiên Chân ta vốn có,
Quay về Vô Cực vốn dĩ ta.*

Hoàn Nguyên như vậy là trở về Quê Hương Vô Cực. ^[9]

Đại Động Chân Kinh viết: **Căn bản do lai Thái Cực tâm.** (Căn bản phải tìm nơi Thái Cực) ^[10]

Trương Tam Phong cho rằng: Hoàn Nguyên tức là trở lại với Bản Tính của mình, **“Hoàn ngã Tì Lư Tính Hải.”** ^[11]

Huỳnh Nguyên Cát nói: **Phản hoàn Vô Cực chi chân.** ^[12]

Đã đành Hoàn Nguyên, Phản Bản cũng là Qui Hư, Qui Nhất nhưng chữ Hư, chữ Nhất đây phải được hiểu cho đúng đắn là Vô Cực, là Đạo, là Trời.

Chính vì vậy mà Xương Đạo Chân Ngôn viết: “Cái cốt yếu của Đại Đạo vốn là:

1. Từ Hư Vô sinh ra Hữu. Nho gia gọi thế là: Bắt đầu nói tới một Lý, sau tán thành vạn sự (Xem Trung Dung, tựa).

2. Rồi lại từ Hữu qui Vô, đi trở về với cái Căn Bản Nguyên Sơ của chúng ta. Đó là: Hư Vô nhất thể. Tức như Phật Giáo nói: Vạn Pháp qui Nhất, Nhất qui ư Vô vậy.” ^[13]

Chính vì vậy, mà nhiều Tiên Gia sau khi nói: Luyện Thần Hoàn Hư, còn thêm Phục Qui Vô Cực, cốt là để tránh quần chúng khỏi rơi vào Ngoan Hư, Ngoan Không.

Thủy Khuru Tử có thơ:

**“Đả phá Hư Không vạn ức kiếp,
Ký đăng bỉ ngạn xả chu tiếp.
Quan tận Đơn Kinh, vạn vạn thiên,
Mạt hậu nhất cú vô nhân thuyết.”**

Dịch:

*“Đả phá Hư Không vạn vạn đời,
Đã lên bờ giác, mái chèo rời.
Đọc hết Đơn Kinh muôn vạn quyển,
Còn câu sau hết chẳng vẽ vờ.”* ^[14]

Lý Chân Nhân chỉ vẽ câu sau chót bằng bài thơ sau:

**“Dục thuyết vị thuyết, kim tương thuyết,
Tức ngoại, tức nội, hoàn Hư Tịch.**

**Khí huyết vi lô, lý tự nhiên,
Hành mãn công phu, hoàn Vô Cực.”**

Dịch:

*“ Này điều chưa nói, nói ra,
Trong ngoài đem cả về tòa Hư Vô.
Huyền Quan ấy chính lò cừ,
Công thành, Vô Cực bây chừ là thân.”*

Trương Tam Phong còn ghi rõ thêm:

“Hoàn Hư là để hợp Đạo.”^[15]

Tiên gia còn có những lời lẽ đánh thép hơn như sau:

*“Nhất kiếm tạc khai hỗn độn,
Lưỡng thủ phách liệt Hồng Mông.”*

Dịch:

*“Một kiếm phanh phui Hỗn Độn,
Hai tay banh bửa Hồng Mông.” ^[16]*

Nhập Được Kính còn viết:

*“ Có phanh phá Hồng Mông, Hỗn Độn,
Mới rõ ràng thấy được Kim Đơn.”^[17]*

Hoặc:

*“ Chẳng phanh phá Hỗn Độn, Hồng Mông,
Sao thấy được bảo châu Trời đất ? ” ^[18]*

Khưu Xử Cơ có câu:

“Hư cực phần toái, dĩ lộ Toàn Chân.”

Dịch:

“Nghiền tan Hư Cực, để lộ Toàn Chân.” ^[19]

Cũng nên ghi nhận rằng: Những câu như **Ấm Đạo Khuê** (Nhập được Kính tr, 13b), **Ấm Hồng Mông Tửu** (Nhập Được Kính, tr. 13b), **Cùng Thủ Sinh Thân Thụ Khí Sơ**, hay **Khuyến quân cùng thủ sinh thân xứ** (*Kim Đơn yếu quyết*, tr. 1b) đều ngụ ý Qui Nguyên Phản Bản, Dữ Đạo Hợp Chân.

Vì Đạo Lão vốn chủ trương Thái Cực, hay Đạo, hay Trời đã có sẵn ở Trung Điểm Vòng Dịch, Trung Điểm vũ trụ, và Trung Điểm con người, cho nên Qui Nguyên cũng là Qui Trung.

Dịch Kinh viết:

**“Hiền Nhân thông lý Trung Hoàng,
Tìm nơi chính vị mà an thân mình.**

Đẹp từ Tâm Khảm xuất sinh,
Làm cho cơ thể xương vinh, mỹ miều.
Phát ra sự nghiệp cao siêu,
Thế là đẹp để đến điều còn chi.”^[20]

Đại Động Chân Kinh viết: “ Căn bản vốn tại Trung Tâm... Suy cho cùng Bản Thể là tại Trung Tâm. Các hiện tượng bên ngoài đều bắt nguồn từ bên trong. Các ứng dụng hiển lộ ra bên ngoài cũng đều từ bên trong sinh xuất...”^[21]

Văn Đạo Tử viết: “Bắt đầu từ Trung Điểm, kết cục cũng tại Trung Điểm. Đầu đuôi vẫn chỉ là một khí lưu hành bất tức.”^[22]

Văn Đạo Tử Tinh Hoa Lục còn cho rằng: Tiên Phật chẳng qua là những người đã vào được Trung Cung, Trung Điểm và có thơ sau:

“Sổ, Văn dụ Đạo, Đạo tài thông,
Hà, Lạc huyền vi tại Chính Trung.
Luân chuyển tuần hoàn, quan trực cốc,
Biến thiên, thăng giáng hệ tâm cung.
Căn chi, bản mật minh đoan đích,
Tụ tán, hiển vi, thức thủy chung.
Tri chỉ, tức nhiên tri giải thoát,
Phật, Tiên bất quá đặc hoàn trung.”

Tôi dịch thoát như sau:

Đạo cả siêu vi khó luận bàn,
Lấy lời, lấy số tả lan man.
Huyền vi Hà, Lạc nơi Tâm điểm,
Trục chuyển vành xe mới vẹn toàn.
Trục chuyển vành xe, mới vẹn toàn,
Trần hoàn biến chuyển hệ Tâm Xoang.
Ngọn ngành, gốc rễ thông đầu cuối,
Tụ tán, hiển vi, chẳng ngờ ngành.”^[23]

Qui Căn, Phản Bản cũng chính là công trình đi từ Hậu Thiên trở về Tiên Thiên, là thu nhiếp Hậu Thiên qui tụ về Tiên Thiên.

Hai bài thơ tứ tuyệt sau đây cho thấy ý nghĩa đó:

Tiên Thiên nhất Khí tức Chân Diên,
Sản tại Hư Vô, Thái Cực tiền,
Hoảng hốt, yếu minh trung hữu tượng,
Phương tri Tạo Hóa huyền hựu huyền.
Hậu Thiên chi Khí vi Chân Cống,
Bản dữ Tiên Thiên nhất khiếu sinh.
Đã đắc Công Diên qui nhất xứ,

Tự nhiên khoảnh khắc sản Chân Tinh.

Dịch:

*Tiên Thiên nhất Khí ấy Chân Diên,
Sinh tại Hư Vô Thái Cực tiền.
Phảng phất, mơ màng, trong có tượng,
Mới hay Tạo Hóa thật diệu huyền.
Hậu Thiên chi Khí là Chân Cống,
Vốn với Tiên Thiên một khiếu sinh,
Đem được Cống, Diên về một chỗ,
Tự nhiên chốc lát, sản Chân Tinh.* ^[24]

Tiên Kinh viết:

Tiên Thiên không có Hậu Thiên, lấy gì mà thu nhiếp? Hậu Thiên không có Tiên Thiên, nhờ đâu mà biến hoá? ^[25]

Nhưng mà thiết thực nhất, đối với chúng ta, Qui Căn, Phản Bản vẫn chính là tin rằng: có Trời, có Đạo ngự trị ngay trong Nê Hoàn Cung, trong Trung Tâm Đầu Não con người, và Phản Bản, Hoàn Nguyên chính là đem hết tâm thần quay trở về phối hợp với Trời, với Đạo tại đó.

Chính vì vậy, mà **Tham Đồng Khế phát huy** gọi Nê Hoàn Cung là: “*Nơi xưa, chốn cũ, cố hương, cố đô, cố quận.*”

Nhập Được Kính có câu:

**Qui căn khiếu, phục mệnh quan,
Quán Vĩ Lư, thông Nê Hoàn.** ^[26]

Như vậy, tức là muốn ám chỉ Nê Hoàn Cung là Qui Căn Khiếu, Phục Mệnh Quan. Muốn chứng minh điều đó một cách đích xác hơn, ta lý luận như sau:

Kim Đơn Đại Thành viết:

“Đầu hữu cửu cung, trung viết Nê Hoàn.” ^[27]

Tính Mệnh Khuê chỉ viết:

“Đầu hữu cửu cung. Trung nhất cung, danh viết Cốc Thần.” ^[28]

Đạo đức Kinh (chương VI), và **Nhập được Kính** đều cho rằng: “**Cốc Thần bất tử, thị vị Huyền Tẫn, Huyền Tẫn chi môn, thị vị Thiên Địa căn**”. **Nhập được Kính** lại cho rằng: “**Huyền Tẫn chi môn, vi Qui Căn Khiếu...Tri Qui Căn Khiếu tắc tri Phục Mệnh Quan hĩ.**” ^[29]

Như vậy, ta kết luận 1 cách vững chắc rằng: Nê Hoàn là Qui Căn Khiếu, là Phục Mệnh Quan, vì nơi đó có Cốc Thần là Căn Nguyên sinh ra trời đất...

Nhập Được Kính viết thêm: “**...Đem Thần về an vị tại Nê Hoàn. Thần mà an vị tại Nê Hoàn thời vạn Thần sẽ triều hội.**”

Huỳnh Đình Kinh vân: **Tử dục bất tử tu Côn Lôn.** ^[30]

Giá trị của Nê Hoàn Cung chính là vì ở đó có Thái Cực, có Đạo, có Trời ngự trị. Mà Thái Cực, hay Đạo, hay Trời thời gồm thấu Trời Đất.

Mới hay:

**“ Tu luyện phải hay Phục Mệnh Quan,
Không hay khiêu ấy, uống lo toan.
To trùm trời đất không bờ bến,
Nhỏ cuộn đất trời, dẫu “thử” gian.”** [\[31\]](#)

Đạo Học Cầu Chân có thơ:

**Hướng tiền Thần tụ, đồng Vô Cực,
Kim tán trần ai mãi thế đồ.
Dục qui Chính Vị Hoàng Trung lý,
Nê Hoàn vạn vụng kíp hồi qui.**

Dịch:

*Trước kia, Thần tụ, đồng Vô Cực,
Nay tán, trần ai ngập thế đồ.
Muốn về nguyên vị Hoàng Trung cũ,
Nê Hoàn vạn vụng kíp hoàn qui.* [\[32\]](#)

II. LÀM SAO ĐỂ HOÀN PHẢN?

Muốn Qui Nguyên Phản Bản, phải đi chiến Qui Tâm, chiêu Hồi Hướng, chiêu Nghịch.

Thế nào là chiêu Thuận, thế nào là chiêu Nghịch?

Chiêu Thuận là:

- a. Chiêu từ Nhất sinh ra Vạn, sinh sinh vô cùng...
- b. Là chiêu Hướng Ngoại.
- c. Là chiêu tinh thần suy thoái.
- d. Là chiêu phá tán.

Chiêu Nghịch là:

- a. Chiêu từ Vạn trở về Nhất, hóa hóa vô tận...
- b. Là chiêu Hướng Nội.
- c. Là chiêu tinh thần siêu thăng.
- d. Là chiêu Thu Liễm, thu nhiếp, qui tàng...

Tu Chân Tiếp Kính viết:

“Thuận là Nhân Tâm.

Nghịch là Đạo Tâm...Nhân Tâm mà chết, thì Đạo Tâm mới sinh... có biết chiêu Nghịch mới biết Con Đường Sống...

Đi chiêu Nghịch sẽ sống vô cùng.

Đi theo chiều Thuận sẽ sống hữu hạn.
Chỉ một Thuận, một Nghịch mà xa cách nhau...như trời, với đất...
Đi chiều Thuận, Pháp giới hóa hỏa hào.
Đi chiều Nghịch, mẫn địa là châu báu.” ^[33]

Cao Thượng Ngọc Hoàng Tâm Ấn Kinh cho hay:

“Tụ thời phú hữu, tán thời linh lạc. Thánh nhân đi chiều Nghịch, đem Tam Nguyên (Tinh, Khí, Thần) qui tụ về Nhất, còn phàm nhân thì theo chiều phá tán.” ^[34]

-Đi theo chiều nghịch, thu liễm ngũ hành, tứ tượng, bát quái, là đem Tinh, Thần, Hồn, Phách qui tụ về Trung Cung, Tiên Thiên, Thái Cực, thế tức là Đắc Đạo, thế tức là Đơn thành.

Nhập Được Kính gọi công phu đó là:

“**Đạo Thiên Địa, đoạt Tào Hóa, toàn Ngũ Hành, hội Bát quái. .. Tức viết: Tào Hóa qui trung chi diệu.**” ^[35]

“Thiết thủ tinh hoa Trời Đất, đoạt quyền Tào Hóa, thu nhiếp Ngũ Hành, hội hợp Bát Quái.”

Tiên Học từ điển cho rằng:

“Hoàn hư là giai đoạn tối hậu của công phu luyện đơn, đem vũ trụ vạn hữu qui về Hư, và đồng thể với Thái Hư.” ^[36]

-Muốn Quy Nguyên, Phán Bản phải tha thiết, phải thành khẩn ao ước được kết hợp với Đạo, với Trời.

Tiên kinh viết: “**Tử dục trường sinh, thủ Nhất đương minh. Tư Nhất chí cơ, Nhất dữ chi lương. Tư nhất chí khát, Nhất dữ chi tương.**”

Dịch:

“Áy ai mà muốn trường sinh,
Thủ Chân, Bão Nhất, phải rèn mới hay.
Suy tư về Nhất suốt ngày,
Đói thời lấy Nhất, của này nuôi thân.
Suy tư về Nhất miên man,
Khát thời lấy Nhất đó làm quỳnh tương.” ^[37]

-Muốn phản hoàn, phải mở được tuệ giác, vì có mở được tuệ giác, mới Thông Thiên, Thông Thần, mới thấy được Bản Lai Diện Mục của mình.

Trương Tam Phong viết:

“**Tuệ nhật chiếu hôn cù,
Năng kiến Bản Lai Diện Mục.**” ^[38]

Dịch:

“Vùng Dương Tuệ chiếu soi đường tối,
Mới nhìn ra Diện Mục Bản Lai.”

Có Tuệ Giác rồi mới có thể:

**“Minh vô tướng ư hữu hình chi hậu,
Tri Hư Cực ư vị triêu chi tiên.”** ^[39]

Dịch:

*“Thấy Vô Tướng xuyên qua màn hiện tượng,
Hoàn Hư Vô từ thừa trước đất trời.”*

-Muốn Phán Hoàn phải Hư Tâm, Định Tĩnh. Mã Đơn Dương cho rằng: “Đại Đạo gồm nguyên 6 chữ: Tự Nhiên, Thanh Tĩnh, Vô Vi.” ^[40]

-Có nhập định mới về tới được Hư Vô. ^[41]

-Sống tự nhiên cũng rất là quan trọng để tìm ra Đạo, ra Trời.

“Đạo vốn Vô Vi, Hữu Vi không phải Đạo.” ^[42]

Nhập Được Kính có 2 bài thơ sau:

**“Vạn ban tác dụng mạn thi công,
Tổng dữ Kim Đơn sự bất đồng.
Đẫn yếu chí thành vô gián đoạn,
Tự nhiên Đại Đạo tại kỳ trung”**

Dịch:

*“Sở xoay cho lắm thực lường công,
Đều với Kim Đơn sự chẳng đồng,
Một dạ chí thành không gián đoạn,
Tự nhiên Đại Đạo ở sẵn trong.”*

**“Đại Đạo vô vi pháp tự nhiên,
Tự nhiên chi ngoại cánh vô huyền.
Trí nhu, chuyên khí anh nhi dạng,
Cơ tức cầu tôn, khốn tức miên.”**

Dịch:

*“Đại đạo vô vi, hợp tự nhiên,
Ngoài sống tự nhiên, chẳng có huyền.
Hồn nhiên, chất phác như con trẻ,
Đói ăn, mệt ngủ, chính là tiên...”* ^[43]

-Công trình Phán Bản hoàn Nguyên mất bao lâu?

Không biết ra thời ngàn vạn năm chưa đủ. Biết ra thời vài phút cũng đã thừa.

Nhập được Kính viết:

**“Nhân Tâm nhược dữ Thiên Tâm hợp,
Điên đảo Âm Dương chỉ phiên thời.”** ^[44]

Dịch:

“Nhân Tâm mà hợp Thiên Tâm,
Con đường hoàn phản chỉ cần phút giây.”

III. PHẢN BẢN HOÀN NGUYÊN ĐƯỢC LỢI ÍCH GÌ?

Huỳnh Nguyên Cát cho rằng:

“Muốn cho sắc thân lâu bền, thế nào cũng phải tu luyện cho tinh kiên, khí hòa. Cơ sở có được xây đắp vững, mới mong sống lâu.

Muốn cho Pháp Thân trường cửu, phải luyện Thần hoàn hư, luyện Hư hợp Đạo. Sau đó mới chứng được quả Thần Tiên.”^[45]

-Công trình Phản Bản, Hoàn Nguyên cốt là để rũ bỏ phàm tâm, mặc lấy Thiên Tâm.

Tiên Học nơi tr. 67, có ghi lời Trúc Trai như sau:

“Tâm có nguồn, thân có gốc. Chuyển hóa cho tiêu tan đi cái tâm hình tướng, chuyển hóa cho tiêu tan đi cái hình tướng giả tạo, thế là Hoàn Nguyên. Vận dụng cái Nguyên Khí không bờ bến, để điểm hóa cái thân tứ đại giả hợp của ta này, thế là Phản Bản...Phản Bản, Hoàn Nguyên là Tu Chân.”^[46]

-Phản thưởng của công trình Qui Nguyên, Phản Bản là Dữ Đạo hợp Chân, thể hợp với Thiên địa chi tâm, trở thành Tiên, Phật, Thánh, Thần.^[47]

Hán Chung Ly cho rằng:

“Phản Bản, Hoàn Nguyên là trở về được với Vô Cực, với Thái Hư, cho nên sẽ biến hóa vô cùng, tụ thời thành hình, mà tán sẽ thành Khí.”^[48]

-Một khi đã vút bỏ được Phàm Thân, mặc lấy được Pháp Thân Vô Cực, thời sẽ trường sinh vĩnh cửu cùng Trời Đất.

Xuất hữu nhập vô không trở ngại,
Bồng lai, Tam Đảo rộng đường mây.
Kính qua kiếp kiếp trăm nghìn vạn,
Mấy độ bể dâu, ta vẫn đây.^[49]

TỔNG KẾT LUẬN.

Gọi là tổng kết luận, vì chẳng những muốn đúc kết lại chương này, mà còn muốn đúc kết toàn tập khảo luận này.

Thay vì đem ý riêng mà bàn, tôi sẽ mượn lời và ý Trang Tử nơi chương Tề Vật Luận mà phác họa lại bóng hình một vị Chân Nhân đạt Đạo như sau:

Ta và trời đất cùng sinh,
Ta và muôn vật sự tình chẳng hai.^[50]
Ta nào biết vắn, dài, nhĩ, ngã,
Lòng muôn phương muôn ngả tình say.^[51]
Thênh thang chèo quế, buồm mây,

Lòng trời lạc nẻo, chốn này là đâu? ^[52]
 Nhạc trời tấu vui sâu muôn điệu, ^[53]
 Bóng quang huy, phiêu diêu mung lung,
 Nơi đây ta dứt lòng trần,
 Bạn cùng thần thánh, muôn phần hân hoan. ^[54]
 Triều nổi sóng muôn ngàn ta mặc,
 Lửa ngát Trời phản phạt ta khinh. ^[55]
 Ta nay đã thoát điều linh,
 Thoát vòng sinh tử, tử sinh của đời. ^[56]
 Ta sống giữa vòng Trời vĩnh cửu,
 Ta sống trong khu nữu muôn loài. ^[57]
 Vời trông thế sự vẫn xoay,
 Ta nào còn biết bên này bên kia?
 Tranh chấp hết, thị phi cũng hết,
 Thị với phi phân biệt uống công. ^[58]
 Đã vào tới điểm Đại Đồng,
 Trông ra trời đất mênh mông một mẫu.
 Lớn với nhỏ in nhau một lửa,
 Sống vẫn, dài, một thừa phù sinh.
 Sợi lông bát ngát, mênh mông,
 Mà xem non Thái như tình cỏ con.
 Kẻ chết yếu: sống hơn trăm kiếp,
 Còn Lão Bành: yếu triết, tảo vong. ^[59]
 Nay ta xếp mọi tơ lòng,
 Hết niềm nhĩ, ngã sống trong lòng trời. ^[60]
 Nguồn mạch ấy chẳng vơi, chẳng cạn,
 Mà tràn lan, lai láng rạt rào,
 Kho trời đã rõ tiêu hao,
 Tiêu sao cho hết, dùng sao cho cùng. ^[61]
 Mặc tôm cá sống cùng tôm cá,
 Mặc hươu nai gá nghĩa hươu nai.
 Mặc cho khỉ vượn sánh đôi,
 Mặc cho trai gái sánh đôi tương phùng. ^[62]
 Ta tìm Đạo trong lòng vũ trụ, ^[63]
 Trong lòng ta, ta cố tìm Trời.
 Thương cho nhân thế miệt mài,
 Lao đao, lận đận, suốt đời uống công. ^[64]
 Những cơn tẩu mơ mòng ảo ảnh,

Khiến cho đời hiu quạnh gian chuân.
Nào hay ở giữa lòng trần,
Tấc thành đã sẵn, muôn phần quang hoa. ^[65]
Nơi chốn ấy, chói lòa ánh sáng ^[66]
Cũng là nơi tĩnh lặng siêu nhiên ^[67]
Là nơi sức nức hương Tiên,
Rùm rà ta bỏ, tần phiến ta quăng. ^[68]
Đừng biện luận nói năng chi nữa,
Biết nói sao, biết tả làm sao? ^[69]
Mênh mông, bát ngát, rạt rào,
Im hơi, lặng tiếng, mới cao, mới tài. ^[70]
Ta quên hết hình hài, ngôn ngữ,
Quên rằng ta còn có hay không. ^[71]
Lạ thay! phong thái huyền đồng,
Làm sao cho sạch tơ lòng mới nghe. ^[72]
Sống khinh khoát muôn bề khinh khoát,
Cùng trăng sao bát ngát xa chơi.
Lòng mang vũ trụ, đất trời,
Cùng chư thần thánh muôn đời sống chung. ^[73]
Sống mãi mãi, vô cùng, vô tận,
Mặc trời mây, chuyển vận quanh ta,
Mặc cho trần thế bôn ba,
Vì ta đã được tinh hoa đất trời. ^[74]
Thử ước hỏi nơi đâu dừng bước,
Đâu là nơi cùng tột phải đi?
Ta nay truyền nhẽ huyền vi,
Được Trời, lập tức hết kỳ bôn ba,
Được Trời, Đạo, ấy là đạt đích,
Hết lần mò, tầm mịch lãng nhãng. ^[75]
Được Trời, là được Thiên Chân,
Thiên Chân, phải có Thiên Quân đầy lòng. ^[76]

CHÚ THÍCH

^[1] 中國自唐虞以來，即有天人合一之思想。敬天即所以愛人，

愛人即所以尊天。歷代聖哲莫不繼續弘揚此天人合一之道也。

老子即其一也。

Trung quốc tự Đường Ngu dĩ lai, tức hữu Thiên Nhân hợp nhất chi tư tưởng. Kính Thiên tức sở dĩ ái nhân. Ái nhân tức sở dĩ tôn Thiên. Lịch đại Thánh Triết mạc bất kế tục hoàng dương thử Thiên Nhân Hợp Nhất chi đạo dã. Lão tử tức kỳ nhất dã.

Trung Hoa ngũ thiên niên sử, q. 3, Chương Lão Tử, tr. 229.

[2] 易，詩，書多言天，言神，言上帝。

大體言之：其言本體之時曰天，其言主宰萬物之時曰神，

曰帝。老子書中亦然。以天為萬物之根。

Dịch, Thi, Thư đa ngôn Thiên, ngôn Thần, ngôn Thượng Đế. Đại thể ngôn chi: Kỳ ngôn Bản Thể chi thời viết Thiên, kỳ ngôn chủ thể vạn vật chi thời viết Thần, viết Đế. Lão tử thư trung diệc nhiên. dĩ Thiên vi vạn vật chi căn.

Như trên. tr. 229.

[3] 易之為書廣大悉備，無所不包，而語其要歸，則為明天人合一之道。

Dịch chi vi thư, quảng đại tất bị, vô sở bất bao. Nhi ngữ kỳ yếu qui, tắc vi Thiên Nhân hợp nhất chi đạo.

Như trên. q. 2, tr. 123.

[4] . 春秋戰國時期，天人感應思想和天人合一觀念

在儒道兩家都有發悅。。。

孟軻，董仲舒發展為天賦君權，災異遣告學說，

認為天德寓于人心，人性本于天道。天命決定人事，要求盡心知命而合天。

道家強謂天自然的屬性。莊子齊物論：天地與我並生，

萬物與我為一。天與人一也（山木）。。。天和人皆合于自然無為之道，道通于一，故稱天人合一。

Xuân Thu Chiến quốc thời kỳ, Thiên Nhân cảm ứng tư tưởng, hoà Thiên Nhân Hợp Nhất quan niệm tại Nhu, Đạo lương gia đô hữu phát triển. ..Mạnh Kha, Đồng Trọng Thư phát triển vi Thiên phú quân quyền, tai dị khiển cáo; nhận vi Thiên Đức ngu vu nhân tâm, nhân tính bản vu Thiên Đạo. Thiên mệnh quyết định nhân sự. Yêu cầu tận tâm, tri mệnh nhi hợp Thiên.

Đạo gia cường vị Thiên tự nhiên đích thuộc tính. Trang tử, **Tề vật luận**: Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất. Thiên dữ nhân nhất dã (**Sơn mộc**)...Thiên hoà

nhân giai hợp vu tự nhiên vô vi chi đạo, Đạo thông vu Nhất, cố xưng: Thiên Nhân hợp nhất. (Trung phu tử).

Trung quốc Đạo giáo đại từ điển, Hồ phu Sâm, tr.452-453.

[5] *Dịch Kinh Đại toàn*, Nguyễn Văn Thọ và Huyền Linh Yên Lê, q.1, tr. 16-17.

[6] 佛祖阿，爾正見，正覺，實在契合天心的。

Phật tổ a, nhĩ chính kiến, chính giác, thực tại khê hợp Thiên Tâm đích.

Lịch Đại Cao Tăng cổ sự, tập Đạo Sinh, tr. 1.

[7] Ni le mot, ni le contenu du Nirvana, n'ont été inventés par Gautama. Ils existaient bien avant lui (p. 356).

...Le Nirvana, a, dans l'idéalisme de Mahabharata, le Samkya Yoga, désigné l'union avec le Brahman (p. 361)

...Lorsque le Bouddhisme appelle son idéal, son Nirvana, le non-créé, l'infini, l'éternel, sans forme, l'invisible, cela ne s'explique que par le fait que toute cette conception a été empruntée à un système où ces prédicats étaient attribués à un Être métaphysique, le Brahman, l'Atman. Ils sont en effet attribués au Brahman dans le Brihad-Aranyaka-Upanishad et le Chandogya Upanishad longtemps avant d'être employés comme des synonymes de Nirvana bouddhiste p. 362.

Le Nirvana avait signifié **l'union avec le Brahman (Tat Tvam Asi)** avant d'être prêché par Gautama, comme la délivrance pure et simple, sans but positif, sans préoccupation métaphysique. (p. 362-363)

Nathan Soderblom, La vie future d'après le Madzéisme.

[8] 一劍鑿開混沌，兩手擘裂虛無。

Nhất kiếm tạc khai Hồn Độn, Lưỡng thủ phách liệt Hư Vô.

Tham Đồng Khế phát huy, tr. 9a.

鑿開混沌，擘裂鴻濛，方見金丹。

Tạc khai Hồn Độn, Phách liệt Hồng Mông, phương kiến Kim Đan.

Nhập Dược Kính tr, 14a,

苟不鑿開混沌，擘裂鴻濛，則何以見天地之至寶？

Nhập dược kính, tr. 14b.

[9] 返於無極之鄉。

Phản ư Vô Cực chi hương.

Trương Tam Phong đạo thuật hồi tông, tr. 90.

[10] *Đại Động Chân Kinh*, q. thượng, tr. 4b

[11] 還我毘盧性海。

Trương Tam Phong đạo thuật hồi tông, q. 2, tr. 43.

[12] 返還無極之真。

Huỳnh Nguyên Cát, *Lạc Dục Đường Ngữ Lục*, tr. 169.

[13] 夫大道之要原自虛無而生有，其儒者之所謂：

始言一理終散為萬豕鑠者乎。既則自有而歸無，以還我

太虛一體之本初。即釋氏所謂：萬法歸一，一歸於無之說。

Phù đại Đạo chi yếu, Nguyên tự Hư Vô nhi sinh Hữu, kỳ Nhu giả chi sở vị: Thủy ngôn nhất Lý, chung tán vi vạn sự giả hồ. Ký tắc tự Hữu nhi qui Vô, dĩ hoàn ngã Thái Hư nhất thể chi bản sơ. Tức Thích Thị sở vị: Vạn Pháp Qui Nhất, Nhất qui ư Vô chi thuyết.

Xương Đạo Chân Ngôn, Bát, tr. 1b.

[14] 打破虛空萬億劫，

既登彼岸舍周楫

觀盡丹經萬萬篇

潼後一句無人說。

Tiên học diệu tuyển, tr. 491.

[15] 還虛合道。

Trương Tam Phong đạo thuật hồi tông, tr. 92.

[16] 一劍鑿開混沌，兩手擘裂虛無。

Nhất kiếm tạc khai Hồn Độn, lưỡng thủ phách liệt Hư Vô.

Tham Đồng Khế phát huy, tr. 9a.

[17] 鑿開混沌，擘裂鴻濛，方見金丹。

Tạc khai Hồn Độn, Phách liệt Hồng Mông, phương kiến Kim Đan.

[18] *Nhập Dược Kính* tr, 14a,

苟不鑿開混沌，擘裂鴻濛，則何以見天地之至寶？

Câu bất tạc khai Hồn Độn, phách liệt Hồng Mông, tắc hà dĩ kiến Thiên Địa chi chí bảo?

Nhập dược kính, tr. 14b

[19] 虛極粉碎，以露全真。

Tiên học diệu tuyển, tr. 401.

[20] 君子黃中通理，正位居體，美在其中而暢於四支，

發於事業，美之至矣。

Quân tử Hoàng Trung thông lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí hỹ.

Dịch kinh. Văn Ngôn hào Lục Ngũ, quẻ Khôn.

Dịch Kinh Đại Toàn, Nguyễn Văn Thọ, Huyền Linh Yến Lê, q. 2 tr. 69.

[21] 根本元由中。。。究其根本實由於中。

現乎外者，本乎內。昭乎用者，由乎體也。

Căn bản nguyên do Trung,, Cứu kỳ căn bản thực do ư Trung. Hiện hồ ngoại giả, bản hồ nội. Chiêu hồ Dụng giả, do hồ Thể dã.

Đại Động Chân Kinh, q. hạ, tr. 11b

[22] 從中而始，從中而終。始之終之，無非一氣，流行不息。

Tĩnh Hoa Lục, tr. 10

[23] 數文喻道，道才通，

河洛玄微在正中。

輪轉循環觀軸轂，

變遷升降係心宮。

根支本末明端的，

聚散顯微識始終，

知止即然知解脫，

佛仙不過得環中。

Bài thơ rất hay.

Tĩnh Hoa Lục, tr. 36.

[24] *Nhập dược kính*, tr. 1b

[25] 先天不得後天無以收攝，後天不得先天無以變化。

Tiên Học từ điển, phần Phụ Lục, tr. 20.

[26] 歸根竅，復命關，貫尾閭，通泥丸。

Nhập dược Kính

[27] 頭有九宮，中曰泥丸。

Kim Đơn Đại Thành, tr. 4a.

[28] 頭有九宮。中一宮名曰谷神。

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 12b.

[29] 玄牝之門為歸根竅。。。知歸根竅則知復命關矣。

Nhập dược kính, tr. 10a, 10b.

[30] 神居泥丸為本宮，則有萬神朝會。

故曰:貫尾閭通泥丸也。黃庭經云:子欲不死修崑崙。。。。

Nhập dược kính, tr. 10a.

[31] 修鍊須知復命關

知此竅亦如間。

大包天地無邊祭

細納乾坤黍米間。

Nhập dược kính, tr. 10b

[32] 向前神聚同無極

今散塵埃滿世途。

欲歸正位黃中裡

泥丸萬彙速迴歸。

Đạo học cầu chân, chương X.

[33] 順為人心，逆為道心，人心死則道心生。有逆方有生。。。逆中之生無窮，順中之生有限。一逆，一順，天地玄遠。古經云:

行順生法界火坑。五行顛倒，地地室寶。

Thuận vi Nhân Tâm, Nghịch vi Đạo Tâm. Nhân Tâm tử, tắc Đạo Tâm sinh. Hữu Nghịch phương hữu sinh. Nghịch trung chi sinh vô cùng, Thuận trung chi sinh hữu hạn. Nhất nghịch, nhất thuận, thiên địa huyền viễn. Cổ kinh vân: Hành thuận sinh, Pháp Giới hỏa khanh.

Ngũ hành điên đảo, địa địa thất bảo.

Tu Chân tiếp Kính, tr. 22.

[34] 其聚則有，其散則伶。聖人逆而聚之，常人順而散。

Kỳ tụ tắc hữu, kỳ tán tắc linh, Thánh Nhân nghịch nhi tụ chi, thường nhân nghịch nhi tán.

Cao Thượng Ngọc Hoàng Tâm Ấn Kinh, tr. 2a.

[35] 盜天地，奪造化，攢五行，會八卦。即是造化歸中之妙。

Nhập dược kính, tr. 7a

[36] 還虛為鍊丹最後一段功夫:宇宙萬化,一歸於虛,與太虛同體。

Hoàn Hư vi luyện đan tối hậu nhất đoạn công phu. Vũ trụ vạn hóa, Nhất quy ư Hư, dữ Thái Hư đồng thể.

Tiên Học Tự Diễn, tr. 163.

[37] 子欲長生，守一當明。思一至飢，一與之糧。思一至渴，一與之漿。

Tiên Học Diệu Tuyển, tr. 17.

[38] 慧日照昏衢，能見本來面目。

Trương Tam Phong đạo thuật hồi thông, tr. 69.

[39] 明無相於有形之後，知虛極於未兆之先。

Động Huyền Linh Bảo Định Quan Kinh Chú, tr. 3.

[40] 大道都來六字：自然，清淨，無為。扶丹陽。

[41] 入定歸於虛無。

Tiên Học Tập Cẩm, tr. 88.

[42] 道本無為，有為則非道也。

Nhập Dược Kính, tr. 6b.

[43] 萬般作用謾施功

總與金丹事不同。

但要至誠無間斷，

自然大道在其中。

大道無為法自然，

自然之外更無玄。

致柔專氣嬰兒樣，

飢即求飧困即眠。

Nhập dược kính, tr. 6b.

[44] 人心若與天心合，

顛倒陰陽只片時。

Nhập dược kính, tr. 7a.

[45] 欲求色身久固，離不得保精裕氣，築固基址。然後可得人世天年。
欲求法身悠遠，又離不得鍊神還虛，鍊虛
合道，然後可證神仙之果。

Huỳnh Nguyên Cát, Lạc dục đường ngũ lục, tr. 30.

[46] 心有元，身有本。化去有形有相之心，有形有相之心，

有形有相之假，即還原矣。運取無邊無捥之元氣，點化我四大假合之形軀，即返本矣。返本即是修真。

Tâm hữu Nguyên, thân hữu bản. Hóa khứ hữu hình hữu tướng chi tâm, hữu hình hữu tướng chi giả, tức Hoàn Nguyên hĩ.

Vận thủ vô biên, vô nhai chi nguyên khí, điểm hóa ngã tứ đại chi hình khu, tức Phản Bản hĩ. Phản bản tức thị Tu Chân.

Tiên học, tr. 67.

[47] 就是與道合真。。。故聖賢仙佛體天地之心。

Tu chân tiếp cảnh, tr. 9b.

[48] 換骨回陽身不朽，九還七返化真形。辛苦都來十箇月，內外虛明表裡真。聚則成形散則氣，返本還元歸太清。變化往來人莫測，祖祖相傳古至今。

Hoán cốt hồi Dương thân bất hủ,
Cửu Hoàn, Thất Phản hoá chân hình.
Tân khổ đô lai thập đồng nguyệt,
Nội ngoại hư minh biểu lý chân.
Tụ tắc thành hình, tán tắc Khí,
Phản bản, hoàn nguyên qui Thái Thanh.
Biến hóa vãng lai nhân mạc trắc,
Tổ tổ tương truyền cổ chí kim.
Phá mê chính Đạo ca.-Tiên học, tr. 124

[49] 出有入無無阻礙，

蓬萊三島任飛行

縱經百千萬年劫

海變桑田貌不更。

Tiên Học, tr. 124

[50] Thiên địa dữ Ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ Ngã vi nhất.

Nam hoa Kinh, Tề vật luận, 2 E. Xem Léon Wiegier, Les Pères du Système Taoiste, Tchoang tseu, chapitre 2, E... p. 220.

[51] Ký dĩ vi nhất, thả đắc hữu ngôn hồ. Chapitre 2, E. p. 220

Thị cố hoạt nghi chi diệu, thánh nhân chi sở đồ dã. D p. 220

Phương khả, phương bất khả, phương bất khả, phương khả. Nhân thị, nhân phi, nhân phi, nhân thị...

Tề Vật Luận, C. p. 218

- [52] Thục tri bất ngôn chi biện, bất Đạo chi Đạo. **2 E**, p. 222
- [53] Nhĩ văn địa lại, nhĩ vị văn thiên lại phù. **2 A** p. 214
- [54] Thánh nhân bất tòng sự ư vụ...nhĩ du hồ trần cấu chi ngoại. **2 G**, p. 222-223
Thánh Nhân ngu truân, tham vạn tuế, nhĩ nhất thành thuận **2 G** p. 224
- [55] Đại trạch phân nhĩ bất năng nhiệt, hà hán hộ nhĩ bất năng hàn. **2 F**, p. 224.
- [56] Nhĩ du hồ tứ hải chi ngoại, tử sinh vô biến ư kỷ. **2 F**, p. 222.
- [57] Bĩ thị mạc đắc kỳ ngẫu, vị chi Đạo Khu. Khu thủy, đắc kỳ Hoàn Trung dĩ ứng vô cùng. **2 C**, p. 218
- [58] Thĩ dĩ Thánh Nhân hoà chi dĩ thị phi, nhĩ hưu hồ Thiên Quân, thị chi vị lưỡng hành. **2 C**, tr. 218.
- [59] Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mật, nhĩ đại sơn vi tiểu. Mạc thọ hồ thương tử, nhĩ Bành Tổ vi yếu. **2 E**, p. 220.
- [60] Vong niên, vong nghĩa, chấn ư vô cảnh, cố ngụ chư vô cảnh, **2 H**, p. 226.
- [61] Nhược hữu năng tri, thử vị chi Thiên Phủ, chú yên nhĩ bất mãn, chúc yên nhĩ bất kiệt, nhĩ bất tri kỳ sở do lai, thử chi vị Bảo Quang, **2 E**, p. 222.
- [62] Viên biên thư dĩ vi thư, mê dữ lộc giao, thu dữ ngư du, Mao Tường, Lệ Cơ, nhân chi sở mỹ dã, ngư kiến chi thâm nhập, điều kiến chi cao phi, mê lộc kiến chi quyết sâu. **2 F**, p. 222.
- [63] Thĩ dĩ Thánh Nhân hoà chi dĩ thị phi, nhĩ hưu hồ Thiên Quân.
2 C, p. 218.
-Thiên tại nội, nhân tại ngoại, ..vô dĩ nhân diệt Thiên. **Ch. 17, Tại hựu, A**, p. 342
- [64] Chung thân dịch dịch nhĩ bất kiến kỳ thành công, niết nhiên bì dịch nhĩ bất tri kỳ sở quy, khả bất ai da? **2 B**, p. 216.
- [65] Phù tùy kỳ thành tâm nhĩ sư chi, thủy độc thả vô sư hồ? **2 B**, tr. 216.
- [66] Thử chi vị Bảo Quang . **2E**, p. 222
- [67] Hóa thanh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi, hóa chi dĩ Thiên Nghê. **2 H**,p. 226.
- [68] Vong niên, vong nghĩa, chấn ư Vô Cảnh. **2 I**, 226.
- [69] Phù Đại Đạo bất xưng, đại biện bất ngôn. **2 E**, tr. 222
- [70] Thục tri bất ngôn chi biện, bất đạo chi Đạo. **2 E**, tr.222
- [71] Kim giả, ngô táng ngã. **2 A**, p. 214.
- [72] Thánh nhân bất tòng sự ư vụ, bất tự lợi, bất vi hại, bất hĩ cầu. **2 G**, p. 222-224.
- [73] Nhược nhiên giả, thừa vân khí, kỳ nhật nguyệt nhĩ du hồ tứ hải chi ngoại, tử sinh vô biến ư kỷ. **2 E**, tr. 222.
- Hề bàng nhật nguyệt, hiệp vũ trụ vi kỳ vẫn hợp. **2 G**, tr. 224.
- [74] Chúng nhân dịch dịch, thánh nhân ngu truân, tham vạn tuế nhĩ nhất thành thuận. **2 G**, tr. 224.
- [75] Xem **2 D**, từ Cổ chi nhân tri hữu sở chí hĩ....đến vị thủy hữu thị phi dã. p. 218.
- [76] Thánh Nhân hòa chi dĩ thị phi, nhĩ hưu hồ Thiên Quân. **2 C**, p. 218.

CHƯƠNG XVI

Đạo Phật, cũng như mọi Đạo có một quá trình lịch sử lâu dài, tuy do một Giáo chủ khởi xướng, nhưng kỳ thực là công trình của biết bao con tim, khối óc, trải qua bao thời đại.

Cho nên Đạo Phật, cũng như các Đạo, dần dà trở thành muôn mặt, cái hay chen cái dở, cái thấp lẫn cái cao, phản ánh đúng mọi sắc thái, mọi trình độ của con người muôn mặt.

Bởi thế, trong công trình khảo cứu Phật giáo, nếu muốn tìm tòi, lược lặt ít nhiều khía cạnh phiến diện thì dễ, nhưng nếu muốn đi tìm tinh hoa Phật Giáo mà không có bí quyết thì cũng ví như mò trăng đáy nước, hái sao trên Trời.

Không có những tiêu chuẩn chắc chắn để khảo cứu Phật Giáo, ta sẽ quanh quất, lạc lõng trong rừng thụt tích Phật Giáo, mà chẳng còn biết đâu là lối thoát, nẻo ra; sẽ chuốc mua, đeo đẳng vào thân muôn dây rợ tu trì, mà chẳng sao gỡ được ra; sẽ nghiện ngập, say sưa lời kinh, câu kệ, mà không sao chinh phục được tự do, khinh khoái.

Nhưng nếu ta có kim chỉ nam mà đi vào học thuyết Phật giáo, ta sẽ ung dung lui tới, tung hoành dọc ngang mà chẳng sợ lạc đường, lạc đích, ta sẽ dễ dàng gạt bỏ những phù hoa, bác tạp bên ngoài, mà thâm nhập lấy tinh hoa, vi diệu bên trong.

Chúng ta sẽ khảo sát:

A. Những điều kiện tiên quyết để khảo cứu Phật giáo cho có hiệu quả.

B. Siêu hình học Phật Giáo.

C. Tội thượng thừa Phật giáo.



ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT ĐỂ KHẢO CỨU PHẬT GIÁO CHO CÓ HIỆU QUẢ.

1. Muốn khảo cứu Phật Giáo cho tới căn đề, cần phải thông minh, linh lợi, và cần có một nền tảng học vấn vững chãi.

Triết lý Phật giáo cao siêu, nếu không thông minh, linh lợi, không học nhiều, biết rộng, làm sao thấu triệt được?

2. Cần có một tinh thần vô tư, vô úy khi khảo sát Phật Giáo.

Phật nói trong kinh **Kalamasutta**: “*Đừng nên vội tin những lời đồn thổi, những lời truyền tụng lưu lai tự cổ thời; những phong thanh, những lý lẽ, những suy luận hữu lý, những hình thức bên ngoài; những dư luận, trào lưu đang được sùng thượng, những giả thuyết, những ước đoán; và cũng đừng tin, vì thế giá ta là sư phụ. Nhưng nếu kinh nghiệm bản thân chưa thấy điều chi là xấu, điều chi làm cho chưa vị tấn phiền, khổ cực, thì hãy vứt bỏ nó đi. Còn nếu chưa vị thấy điều nào là hay, là hoàn toàn không chê trách được, và sẽ đem lại cho chưa vị thanh thoi, giải thoát, thì chưa vị hãy đem thực thi, áp dụng.*” ^[1]

3. Thế tức là Phật dạy phải lấy lương tâm, lương tri mình làm đuốc sáng soi cho mình, phải trọng lương tâm, lương tri mình, hơn mọi sách vở, mọi truyền thống.

Thế mới hay:

“*Thần thánh ngàn xưa đều quá vãng,
Tâm ta, mới thực chính thầy ta*” ^[2]

4. Phật bảo A Nan: “...Các Ông là nam tử, đã học rộng, biết nhiều, mà trở lại chấp chỗ thấy, nghe suông, chẳng biết tiên tu, sao tự khinh mình đến thế!” ^[3]

Như vậy, ta phải biết tự tôn, tự trọng, đừng quá khinh khi mình và đừng quá tán dương Phật. ^[4]

Phật nói: “*Bạn là Phật đang thành, Ta là Phật đã thành*” ^[5], chứ Phật không hề nói: “*Hỡi loài người mê muội kia, từ nay hãy thờ lạy ta, vì ta đã được siêu thoát, giác ngộ...*”

5. Phải có thành tâm thiện chí, cố gắng khảo sát, để tìm tinh hoa, để tìm những điều huyền vi, áo diệu, chứ không phải để thu lượm thêm ít nhiều sáo ngữ, thêm vài khái niệm phù phiếm, hay thêm ít câu chuyện làm quà.

6. Muốn giải thoát, cần phải hiểu đường lối, tôn chỉ, cần phải giác ngộ, cần phải chuyên hoá tâm hồn, hồi quang phản chiếu, tập trung tinh thần cho thoát ly hình tướng, chứ không phải hành hạ xác thân, tụng niệm đến rất cổ, bông hòng.

Phật nói: “*Bao lâu con người còn ở trong lưới mê vọng, sẽ chẳng sao mà được thanh tịnh, mặc dầu khảo cứu thánh thư, cúng dường thần thánh, ăn chay, nằm đất, thức đêm, thức hôm, hay trì tụng kinh kệ.*”

“**Bồ thí cho kẻ tu hành, hành hạ thân xác, lễ bái, cúng quả, cũng không làm cho thanh tịnh được những kẻ mà lòng còn đầy ham muốn vị kỷ. Chẳng phải do**

ăn thịt cá, mà con người trở nên ô trọc, nhưng chính ô trọc vì say sưa, ương bướng, cố chấp, gian lận, ghen tuông, kiêu căng, tự thị, khinh khi, hay có đầy ác ý.” ^[6]

7. Phải tìm hiểu từ ngữ Phật Giáo.

Nếu không hiểu từ ngữ, làm sao quán triệt được ý nghĩa.

Kinh *Lankavatara-Sutra* viết: “ Những kẻ ngu muội sa lầy trong từ ngữ, như voi sa lầy trong đồng bùn.” ^[7]

8. Khảo cứu Phật Giáo muốn cho thấu đáo, cần mở con tim, khơi óc cho rộng rãi; cần phải am tường các học thuyết Đông Tây, kim cổ, để phối kiểm, để tìm cho ra chỗ đồng qui, nhất trí; cần hiểu cho thấu đáo về con người, vì không có học thuyết nào vượt quá được con người toàn diện. ^[8]

9. Nhiều người chỉ hiểu Phật giáo một cách tiêu cực.

Họ cho rằng: đời là bến mê, bể khổ nên cần thoát ly đời. Họ cho rằng: sinh ra đời là cái tội nợ, hứng lấy biết bao luân hồi, nghiệp chướng, coi thân tứ đại giả hợp là ô trọc, cho nên họ sợ đời, sợ mình; bề bạn cùng khối hương kinh kệ, cố làm cho lòng mình héo hon, cô quạnh, xác thân mình ốm o, gầy mòn, tưởng thế là đắc đạo, thành Phật. Họ muốn đi tìm tự do, hạnh phúc, mà thực tình đã tự rước cho mình biết bao giây rợ, trói buộc, khổ đau. Thực đáng thương thay!

Nhưng thực ra, chủ trương của Phật đâu có âu sầu, ảm đạm, trì trệ, tiêu cực như vậy.

Phật, cũng như các Thánh Triết mọi nơi, mọi đời, đã cố gắng vạch cho nhân loại con đường vinh quang và hạnh phúc, một nếp sống vô biên, vô tận, vĩnh cửu, trường tồn.

Tuy sống giữa phù hoa của cuộc đời vương giả, Phật đã cảm thấy sâu xa sự chất chường của vinh quang, phú quý bên ngoài; Phật muốn đi tìm một cái gì cao siêu và vĩnh cửu.

Sống trong biến thiên, tương đối, Phật đã phát nguyện tìm cho ra hằng cửu, tuyệt đối.

Nhìn thấy mọi nỗi đau thương chết chóc của nhân quần, Phật đã phát nguyện tìm cho ra hạnh phúc và trường sinh.

Thấy con người bị trói buộc, nô lệ, Phật đã phát nguyện tìm cho ra tự do, giải thoát.

Vậy ta sẽ theo lối đường của Phật mà đặt lại những vấn đề then chốt của cuộc đời.

10. Như trên đã nói, sống trong biến thiên,, chất chường, tương đối, dĩ nhiên sẽ phải lệ thuộc, sẽ không thể nào được hạnh phúc bền bỉ, như vậy, muốn được tự do, hạnh phúc, trường tồn, tất nhiên phải tìm cho ra tuyệt đối hằng cửu, bất biến.

Phật nói: “Hỡi các tù kheo, có một thực trạng bất sinh, bất thành, bất ý, bất tạp, vì nếu không có thực trạng ấy, thì làm sao giải thoát được những cái sinh, thành, ý, tạp. Nhưng vì có thực trạng ấy, nên có đường thoát cho những cái sinh, thành, ý, tạp.” ^[9]

Vậy chúng ta phải tìm cho ra thực trạng ấy. Nó sẽ là Chân Lý tuyệt đối, chân lý rốt ráo, nó sẽ giải thoát ta. Đó là chính Niết Bàn ta tìm kiếm. ^[10]

CHÚ THÍCH

[1] *Présence du Bouddhisme*, p. 245.

[2] Thiên thánh giai quá ảnh,
Lương tri nãi ngô sư. (Vương dương Minh)

千聖皆過影

良知乃吾師

[3] *Thủ Lăng Nghiêm*, Hướng Đạo xuất bản, tr. 121.

[4] Các bậc Như Lai chỉ có làm cái việc là chỉ đường thôi: mỗi người phải tự mình đi đến chứ không ai đi thế cho ai được cả.

Phật học tinh hoa, Nguyễn Duy Cần, tr. 59

Vous devez faire votre travail vous-mêmes, les Tathagata enseignent seulement le chemin.

Présence du Bouddhisme, p. 261; *Dhammapada XX*, 4.

[5] Nhữ thị đương thành Phật, ngã thị dĩ thành Phật. 汝是當成佛；我是已成佛

Phật học tinh hoa, Nguyễn Duy Cần, p. 54.

[6] “L’homme pris dans le filet de l’aveuglement ne sera jamais purifié par la simple étude des Écritures Saintes, ou par des sacrifices aux dieux, non plus que par les jeûnes ou par le sommeil sur la terre nue, par des veillées difficiles et fatigantes ou par la répétition des prières...”

“Ni les donations aux moines, ni le châtement de soi-même, ni l’accomplissement de rites et de cérémonies ne sauront purifier celui dont le cœur connaît encore le désir égoïste. Ce n’est certainement pas par la consommation de la viande ou du poisson qu’un homme devient impur mais bien par ivresse, obstination, bigoterie, fraude, envie, exaltation de soi-même, mépris des autres et mauvaises intentions. C’est par ces choses-là que l’homme devient impur...”

Présence du Bouddhisme, p. 245.

[7] Les ignorants se laissent engluer dans les mots comme un éléphant dans la boue.

[8] Cáo Thần Tông viết: “Tiên Thánh, hậu thánh, nhược hợp phù tiết; phi truyền Thánh Nhân chi Đạo; truyền Thánh Nhân chi tâm dã; phi truyền Thánh Nhân chi tâm dã; truyền kỷ chi tâm dã. Kỷ chi tâm quảng đại vô hạn, vạn thiện giai bị. Dục Thánh Nhân chi Đạo, khuếch sung thử tâm yên nhĩ.”

告神宗曰：先聖後聖若合符節；非傳聖人

之道，傳聖人之心也；非傳聖人

之心也，傳己之心也。己之心廣大無限，萬善皆備。

欲聖人之道，擴充此心焉爾。

Trùng biên, Tổng Nguyên Học Án, q. 1, tr. 144.

Thiên Thánh nhất Tâm, vạn cổ nhất Đạo.

千聖一心，萬古一道。

Tính Mệnh khuê chỉ, q. 2, tr. 1

Đạo (tức Chân Lý). Giá cả đông tây thị chỉ năng hữu nhất cá đích. Cao Hoàng đàm luận Nhu, Phật, Đạo tam giáo thời thuyết: Thiên hạ vô nhị Đạo, Thánh Nhân vô nhị tâm.

... 道 (即真理)。這箇東西是只能有一箇的。

高皇談論儒佛道三教時說：天下無二道；聖人無二心。

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. 1, tr. 15.

[9] “O moines, il y a un état non-né, non-devenu, non-conditionné, non-composé. S’il n’y avait pas un tel état qui soit non-né, non-devenu, non-conditionné, non-composé, il n’y aurait aucune évacion possible pour ce qui est né, ce qui est devenu, ce qui est conditionné, et ce qui est composé”

“Puisqu’il y a un tel état, il y a une évacion de ce qui est né, de ce qui est devenu, de ce qui est conditionné et de ce qui est composé.”

Udana, p. 129. Colombo, 1929. Présence du Bouddhisme, p. 268.

[10] “O moines, le Nibbana qui est la Réalité, est l’ultime Noble Vérité...”

... “il n’y a plus de places ici pour les quatre éléments, solidité, fluidité, énergie, mouvements; les notions de longueur et de largeur, de subtil et de grossier, de bon et de mauvais, de Nom et de Forme, sont absolument détruites; on n’y trouve les notions ni de ce monde, ni de l’autre, ni de venir, ni de partir, ni de rester, ni de mort, ni de naissance, ni des objets des sens.”

Digha-nikaya I, p. 172 (Colombo 1921);

Udana page 128 (Colombo 1929); Présence du Bouddhisme p. 267.

CHƯƠNG XVII.

SIÊU HÌNH HỌC PHẬT GIÁO.



A. CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI : CHÂN NHƯ BẢN THỂ.^[1]

Chánh Pháp Nhãn Tàng	正法眼藏
Niết Bàn diệu tâm	涅槃妙心
Thật tướng vô tướng	實相無相
Pháp môn vi diệu	法門微妙
Bất lập văn tự	不立文字
Giáo ngoại biệt truyền	教外別傳
Trực chỉ nhân tâm	直指人心
Kiến tính thành Phật.	見性成佛

(Kinh Đại Phạm Thiên-Vương ;

Vấn quyết)

Dưới mắt phàm nhân, đời là một cuộc phiêu lưu, biến ảo, vô định hướng

Trên dòng nước lũ thời gian và hoàn cảnh, con người cảm thấy mình như hoa trôi, bèo giạt, bèo bồng mặt nước, chân mây mà chẳng biết tằm thân phù du sẽ trôi nổi về đâu.

Nhưng thực ra, đời đâu chỉ có thế. Thay vì ngòi than thân, trách phận, ta hãy cố nhìn cho sâu vào đáy lòng ta và đáy lòng vũ trụ, ta sẽ thấy dưới những lớp lang hiện tượng, và tâm tư biến ảo không cùng, còn có một Bản Thể duy nhất, vi diệu, bất biến.

Đó là một khám phá vĩ đại mà từ những thời đại xa xưa, cùng tịt, các thánh hiền, các bậc thượng trí, thượng nhân đã truyền thụ lẫn cho nhau.

Phật là một trong những vị Đại Hiền đã tìm lại được Bản Thể của Vũ trụ và Bản Thể của con người.

Bản Thể hay Tuyệt Đối Thể ấy có trước muôn vật, vắng vẻ, nhiệm màu qua muôn kiếp vẫn trường tồn, cho dầu muôn nghìn thế giới có ngả nghiêng, tan rã, cũng không hề suy suyền.^[2]

Người xưa có thơ:

Hữu vật tiên thiên địa	有物先天地
Vô hình bản tịch liêu	無形本寂寥
Năng vi vạn tượng chu	能為萬象主
Bất trục tứ thời điều	不逐四時凋 ^[3]

Tạm dịch:

*Ấy chi có trước đất trời,
Vô hình, vô tượng, tuyệt vời tịch liêu.
Chủ trương vạn tượng, vạn điều,
Quang hoa diên đảo, chẳng siêu, chẳng rời.*

Tuyệt đối thể, Bản Thể toàn chân, không hư vọng đó, Phật Giáo gọi là Chân Như . Đó cũng là Chánh Pháp Nhãn Tàng (Thiền Tông), Bản Tính Di Đà (Liên Tông), tương ứng với những danh từ Thái Cực, Thiên Lý trong Khổng giáo và Kinh Dịch, Cốc Thần trong Đạo Lão.^[4]

Chân Như duy nhất, không bóng hình, không danh hiệu, nhưng những hình bóng để mô tả Chân Như, những danh hiệu để mô tả Chân Như thì vô vãn, vô số.

Nhưng thực ra, nhân loại luôn cảm thấy mình bất lực, bất xứng để hình dung mô tả Chân Như.

Cũng vì vậy, mà đứng trước vấn đề trọng đại ấy, nhiều triết gia đành ngậm miệng, gác bút, vì cho rằng như vậy mới thành thực với mình, vì như vậy mới là thái độ chính đáng đối với Chân Như tuyệt đối, siêu việt trên mọi hình thức, sắc tướng, không lời lẽ nào mô tả cho xiết, không giấy bút nào diễn xuất cho cùng.^[5]

Cũng có khi Chân Như được đề cập tới bằng những từ ngữ hết sức tiêu cực như Hư Vô, Tịch Diệt, như Hư, Không v.v...vì lẽ Chân Như hư linh, bất muội, vô ảnh, vô hình, không mê vọng, không chấp trước, tịch nhiên, bất động giữa mọi biến thiên, mà vẫn làm cho muôn vật thành tựu. Giáo lý của Đức Phật nói: **Từ cái gốc của Vô Trụ dựng nên tất cả các pháp.**^[6]

Hư không, hay Chân Không đây không phải là “không có”, “không không” theo nghĩa thông tục, mà chính là “diệu hữu hàm tàng muôn vật”^[7]

Suzuki viết: “Không” là một trong những vấn đề quan trọng nhất của triết học Đại Thừa, và là một chữ rắc rối nhất, khó hiểu nhất, cho những người không phải là Phật

Từ: “Không” không có nghĩa là “tương đối, tương đãi” hay là sấu tướng, hay là hư vô, hư không mà chính là **Tuyệt đối, tuyệt đãi, siêu việt, bất khả tư nghị**. Nó chính là **Chân Như Bản Thể**.^[8]

Nhưng vì Chân Như Bản Thể rất quan thiết với nhân loại, nên cần dùng hình dung, từ ngữ để đem Chân Như xuống tới tầm suy tư của con người. Do đó, theo đà thời gian, Chân Như đã được mô tả bằng đủ loại danh từ: triết học, toán học, hình học, văn học, thậm chí còn được nhân cách hoá thành Đại Nhật Như Lai (Vairocana)^[9], hay Chuyển Luân Thánh Vương (Cakravartin),^[10] điều động bánh xe vạn hữu.

Tóm lại, **Chân Như không bóng hình**, mà vẫn cho con người thấy dáng dấp linh lung phiêu diêu, trong muôn ánh hào quang từ ngữ.

Để khỏi bỏ ngỡ khi tham khảo kinh sách Phật Giáo, ta có thể ghi lại ít nhiều danh hiệu của Chân Như bằng mấy vần thơ sau:

Niết Bàn,^[11] Nguyên Thanh Tịnh Thể,^[12] Như,^[13]
Bản lai Diện Muc,^[14] A Lại Da,^[15]
Thực tướng,^[16] Pháp Thân,^[17] Bản,^[18] Bát Nhã,^[19]
Yếm ma la thức,^[20] A đà Na,^[21]
Trung Đạo,^[22] Phật Tánh,^[23] Tâm Bình Đẳng,^[24]
Đại Viên Cảnh Trí,^[25] Chân Tính,^[26] A,^[27]
Chân Thiện Diệu Sắc,^[28] Hàm Tàng Thức,^[29]
Không, Như Lai Tạng,^[30] Tâm Chân Như.^[31]
Thường trụ Chân Tâm,^[32] Nguyên Thường,^[33] Pháp,^[34]
Viên Thành Thực Tính,^[35] Bản Tâm,^[36] Hư,^[37]
Lý,^[38] Tất cảnh không,^[39] Như Lai Tạng,^[40]
Thường trụ Chân Như Tâm,^[41] Thực Tế,^[42]
Chánh Pháp Nhãn Tàng,^[43] Tính,^[44] Chân Như,^[45]
Bồ Đề,^[46] Thắng Nghĩa,^[47] Như Lai,^[48] Tướng,^[49]
Chân Thiện,^[50] Chân Đế,^[51] Thể,^[52] Nhất Như^[53]
Lục Đại,^[54] Chân Tâm,^[55] Vô,^[56] Giác Tính,^[57]
Nhất Tâm Pháp Giới,^[58] Không,^[59] Như Như,^[60]...

Trên đây là mới tạm ghi ít nhiều danh hiệu Chân Như, nếu có công suy cứu thêm, chắc là còn vô số.^[61]

Ở trong hoàn vũ, Chân Tâm hay Tự Tính ấy sinh ra vạn pháp, sinh ra mọi hiện tượng; còn ở trong con người, cũng một Chân Tâm ấy sinh ra tất cả các tư tưởng, cảm giác, sinh ra giác quan, v.v...^[62]

Chân tâm là tất cả. Ngược lại, không thể nói cái gì là Chân Tâm, hay Chân Tâm ở đâu, vì Chân Tâm là Tất Cả, vì Chân Tâm đã ở khắp nơi.^[63]

Chân Tâm này chính là Brahma, là Tuyệt Đối Thể trong **kinh Áo Nghĩa Thư**, vì đọc các định nghĩa về Brahma trong **Áo Nghĩa Thư**, ta thấy y thức như các định nghĩa về Chân Tâm trong các kinh Phật.^[64]

Thực ra, sau khi đã bàn giải về Chân Tâm, Chân Như, các kinh sách lại cho rằng Chân Tâm không thể nào bàn giải được, vì Chân Tâm bao gồm tất cả các từ ngữ, sắc tướng, thì biết nói sao, tả sao cho nổi Chân Tâm được; đã mô tả được, đã hình dung được, thời nhất định chẳng phải là Chân Tâm nữa. ^[65]

B. VẠN PHÁP = HÌNH ẢNH BIẾN THIÊN CỦA CHÂN NHƯ.

Nhưng ngoài **Chân Như** hằng cửu, tế vi, mà chỉ tâm thần mới lĩnh hội được, mà chỉ những bậc thượng trí, thượng nhân mới trực giác được, còn có **vạn vật hữu hình**, sinh sinh, hoá hoá, còn có **muôn ngàn trạng thái tâm tình**, còn có **muôn dòng tư tưởng** đổi đổi, thay thay. Các triết gia Phật giáo gọi thế là **Vạn Pháp**.

Nói cách khác, **Vạn Pháp là tất cả những gì biến thiên, sinh diệt**. Nó bao quát tất cả những gì ta hình dung được, nhận thức được, cảm giác được, kể từ những tâm tư bí ẩn, những tư tưởng, những hoài bão, cho đến thất tình, lục dục, cho đến xác thân, cho đến mọi loài, mọi vật hữu hình, hữu tướng.

Vạn Pháp biến thiên không ngừng, nay còn, mai mất, phù du, chất chường như những bức tranh vân cầu, lúc hoàng hôn. **Vạn Pháp chẳng qua là những biến hoá, những trạng thái vô thường của Bản Thể Chân Như**, y thức như những ngọn sóng bạc đầu, rung rinh, nhào lộn trên trùng dương Bản Thể vĩ đại.

Vạn Pháp có thể nói được là những trạng thái nhất thời, là hình tướng nhất thời của Bản Thể Chân Như.

Chúng sở dĩ có là nhờ Chân Như Bản Thể, chứ chúng không có Bản Thể riêng biệt. Chúng biến thiên, nên không thể nào vĩnh cửu.

Vì thế mới nói:

Chư pháp vô ngã.

Chư hạnh vô thường. ^[66]

Vạn Pháp biến thiên, nhưng thực ra theo những định luật cố định là:

- **Định luật Nhân quả (loi de causalité)**
- **Định luật: Sinh (thành), trụ, hoại, không.**
- **Định luật Tuần Hoàn (loi du cycle).**
- **Định luật Tự Tán, Vãng Lai, Phản Phục, Doanh Hư, Tiêu Túc.** ^[67]

Vì thế, có thể nói được là Vạn Pháp ở trong vòng Luân Hồi, trong vòng Sinh Tử, Tử Sinh, còn mất, vô thường.

C. TƯƠNG QUAN GIỮA BẢN THỂ VÀ HIỆN TƯỢNG.

Vì quan niệm vũ trụ hay vạn pháp chỉ là sự thể hiện của Chân Như, chỉ là những ứng dụng của Bản Thể, hay là những trạng thái biến thiên của một Thực Tại duy nhất, cho nên Phật Giáo thấy không cần đặt vấn đề tạo thành vũ trụ. Phật nói: “*Này các vị, đừng thắc mắc rằng thế giới này là hữu hạn hay vô hạn, cõi đời này là hữu cùng hay vô cùng. Dù nó là hữu hạn hay vô hạn, hữu cùng hay vô cùng, thì điều mà các vị phải thừa nhận trước hết vẫn là, cuộc đời đang đầy rẫy những đau khổ.*” (**Kinh A Hàm**)

Thực ra, sau này, cũng có nhiều triết thuyết cắt nghĩa những cung cách **Bản Thể biến hiện ra hiện tượng** như sau:

- Thuyết nghiệp cảm duyên khởi.
- A Lại Da duyên khởi.
- Chân Như duyên khởi.
- Pháp giới duyên khởi.
- Lục đại duyên khởi v.v...

Nhưng thiết tưởng không nên bận tâm vì những giả thuyết ấy, trước là vì chúng cũng như các giả thuyết khác về sự sáng tạo vũ trụ khó có thể kiểm nhận bằng thực nghiệm, hoặc đã bị sụp đổ, vì những khám phá mới về địa chất học, hay về nhân chủng học; sau là vì những giả thuyết ấy chỉ làm bận tâm, rối trí ta và không soi sáng được gì cho ta cả.

Mục đích của chúng ta là chuyển hoá cuộc đời, chuyển hoá bản thân, giải thoát mình cho khỏi vòng vô minh, dục vọng để đạt đến an lạc, trí tuệ, chứ không phải là đi tìm tên tuổi của trăng sao, hay lạc lõng vào những lý thuyết vô vị.

Vả lại đã chấp nhận Bản Thể biến hiện ra hiện tượng, thì khỏi cần phải thắc mắc tại sao Bản Thể biến hiện ra Hiện Tượng, biến hiện cách nào, tự bao giờ và cho đến bao giờ.

Một sự khảo sát về tương quan đối đãi giữa Bản Thể và Hiện Tượng, có lẽ sẽ hữu ích hơn. Nếu chúng ta dùng con mắt phân biệt mà nhìn Bản Thể và Hiện Tượng, thì ta thấy đôi đàng khác nhau như trời với vực, như sáng với tối...

Chân Như trường tồn, bất sinh, bất diệt, tuyệt đối, vừa là nguyên nhân, vừa là cứu cánh; vừa là thực tại, vừa là lý tưởng, là Thanh Tịnh, là Niết Bàn. [\[68\]](#)

Còn Vạn Pháp đều vô thường, vô ngã, biến thiên, uế tạp, luân hồi. [\[69\]](#)

Cái nhìn phân tích giữa Bản Thể và Hiện Tượng.

Chân Như -Bản Thể (Réalité -Être) (Natura naturans)	Vạn tượng -Vạn Pháp (Manifestations-Phénomènes) (Natura naturata)
1. Bản Thể -Tiềm thể 2. Viên Giác 3. Niết Bàn 4. Nhất nhất -Như như 5. Chân Tâm 6. Vô vi 7. Vô lậu 8. Vô trụ -Vô trước	1. Hình thức, Sắc tướng 2. Mê vọng 3. Khô hải -Sinh tử 4. Vạn hạnh -Vạn pháp 5. Vọng Tâm 6. Hữu Vi 7. Hữu Lậu 8. Chấp trước

9. Chân Như môn	9. Sinh diệt môn
10. Cảnh giới tịch diệt	10. Cảnh giới vô thường
11. Lý	11. Sự
12. Ngã	12. Vô Ngã
13. Thường	13. Vô Thường
14. Tịnh độ	14. Uế độ
15. Giải thoát	15. Phiền trước
16. Không	16. Sắc
17. Bồ Đề	17. Phiền não
18. Trùng Dương	18. Ba Lăng (Sóng)
19. Tuyệt đối	19. Tương đối
20. Bình đẳng giới	20. Sai biệt giới.
21. Tuyệt đối giới	21. Tương đối giới.
22. Chân	22. Giả, v.v...

Những phân tách đó chỉ là giả tạo; phân tách cốt là để nhìn cho thấy thấu đáo thực tế, để biết đường phản bản qui nguyên, khế hợp cùng tuyệt đối. Nhưng khi đã thấu đáo, đã giác ngộ, thì ngược lại, phải có cái nhìn bao quát, phối hợp, vì **Chân Như Bản Thể hằng lòng trong Vạn Pháp, Vĩnh Cửu luôn ẩn áo dưới lớp Biến Thiên; vì không thể tách rời Chân Như Bản Thể với Hiện Tượng ứng dụng được.**

Vì thế có thể nói được:

- Chân Như tức Vạn Pháp. ^[70]
- Bản thể tức Hiện Tượng.
- Hiện Tượng là Bản Thể.
- Sinh tử là Niết Bàn.
- Phiền Não tức Bồ Đề. ^[71]
- Chư Pháp tức thị Chân Tướng. ^[72]
- Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc.
- Nhất Đa tương dung. ^[73]

Thượng sĩ đời Trần có thơ:

*Tòng Vô, hiện Hữu, Hữu, Vô thông,
Hữu, Hữu, Vô, Vô, tắt cảnh đồng.
Phiền não, Bồ Đề nguyên bất nhị,
Chân Như, Vọng Niệm tổng giai không.*

Tạm dịch:

*Từ không, ra Có, Có Không thông,
Phiền não, Bồ Đề nguyên bất nhị,
Chân Như, Vọng Niệm tổng giai không.*

*Có Có, Không, Không mọi cảnh đồng.
Phiền Nảo, Bồ Đề nguyên vẫn một,
Chân Như, Vọng niệm, thấy đều không.* ^[74]

Triết học Zen cũng có câu: Tâm vật nhất như, thân tâm nhất thể, ^[75] chẳng qua cũng không ngoài ý đó...

Cái nhìn bao quát thực tại:

- Chân Như tức Vạn Pháp.
- Bản thể là Hiện Tượng.
- Hiện Tượng là Bản Thể.
- Sinh tử là Niết Bàn.
- Phiền Nảo là Bồ Đề.
- Chư Pháp tức thị Chân Tướng.
- Sắc tức thị Không; Không tức thị Sắc.
- Tâm vật nhất như, thân tâm nhất thể.
- Tâm tức Phật, Phật tức Tâm v.v...
- Nhất đa tương dung.
- Lý Sự vô ngại. ^[76]
- Chủ Bận cụ túc. ^[77]

Khi có cái nhìn viên dung ấy, thì Bản Thể và Hiện Tượng sẽ không còn phân ly chống đối nhau nữa. Chân Như sinh xuất ra Vạn Hữu, Vạn Hữu qui hướng về Chân Như; một trong, một ngoài, một ẩn, một hiện; tương dung, tương ứng, hoà hợp vô cùng. Hiện tượng sẽ đóng vai trò hỗ trợ, phụ bật bên ngoài. Chân Như Bản Thể chủ trì sinh hoá bên trong: thật là Lý Sự Vô Ngại; ^[78] và dưới mắt người có cái nhìn bao quát, vũ trụ và nhân quần sẽ trở thành những vần thơ, điệu nhạc, biển ảo khôn cùng; càng biến ảo lại càng tăng vẻ thần kỳ, linh hoạt; vạn hữu sẽ trở thành những âm thanh huyền ảo, những kỷ vật hữu tình, nhắc nhở tới Bản Thể tuyệt đối; nhắc nhở tới sứ mạng cao cả của con người là tiến tới bậc đại trí, đại giác. Hơn nữa, chúng sẽ trở thành những ngọc châu nạm trên con đường muôn dặm của con người trở về cùng Bản Thể tuyệt đối.

Đạo Lão gọi thể là Phô Chiêu, nghĩa là “Diệu Kiêu Tề Quan”, nhìn thấy rõ cả cái Vi diệu Tuyệt Đối, cả cái Biến Thiên, hữu hạn. ^[79] Nho gọi thể là “**Thể Dụng nhất Nguyên, Hiển Vi vô gián**”. ^[80]

Hiểu được Chân Tâm, Vọng Tâm, hay Chân Như, Vạn Pháp, hay Bản Thể và Hiện Tượng, sẽ hiểu được 2 chữ Có, Không, Không Có của Phật giáo.

Hiện Tượng, hay Vạn Pháp, hay ở nơi con người là Vọng Tâm, là muôn nghìn suy tư, ước muốn, tình tứ, cảm giác, tưởng như là có, vì hữu hình, hữu tướng, mà kỳ thực lại là không, nếu xét về phương diện siêu hình, vì thế Vạn Hữu lại là không.

Trái lại, Bản Thể hay Chân Tâm, vì nghe không ra, nhìn không thấy, không sắc, không hình, tướng là “không”, mà thực chính là “có”. Cái “không”, không hình, không sắc này mới chính là cái “có thật”.

Còn muôn sự ở đời “có” mà lại là “không”, vì chất chương, biến thiên nay còn mai mất, như giấc mộng. Thế mới hay:

*Có thì có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.
Kìa xem bóng nguyệt giòng sông,
Rời ra mới biết có không là gì.* ^[81]

D. BỜ MÊ, BẾN GIÁC.

Hiếu Chân Tâm, Vọng Tâm, Bản Thể và Hiện Tượng, ta sẽ hiểu được đâu là Bờ Mê, đâu là Bến Giác.

Bờ Mê là cõi phù sinh, ảo ảnh, là hình thức, sắc tướng, là những sự giao động của tinh thần, vật chất.

Bến giác, tức là Bến Bờ tĩnh lặng của Bản Thể vô biên, nơi mà tục lụy, hồng trần không sao lọt vào được.

Con người chỉ được giác ngộ, chỉ trở nên toàn giác, khi lĩnh hội được Bản Thể vô biên, Chân Ngã hằng cửu, khi khế hợp được với Chân Như tuyệt đối, không còn có những cái nhìn thiên cận, thiên lệch, hẹp hòi; không còn tư tình, tư dục; khi đã bỏ được hết tạp thù, thác loạn.

Con người sẽ lạc lõng Bến Mê, bao lâu chưa nhận ra được toàn thể vô biên, bao lâu còn chạy theo những cảnh phù du, biến ảo, bao lâu còn chạy theo những điều ti tiện, chi mạt, bao lâu còn sống những kiếp sống súc nỏ, giả tạo.

Con người còn mê lú, bao lâu chưa nhận ra được Chân Tướng mình, bao lâu chưa biết giòng giới cao sang, và định mệnh cao cả mình. Con người còn mê lú khi còn là đứa con lăng tử, ở trong nhà Cha mà chẳng nhận ra được Cha, ^[82] cam thân làm nô lệ; khi còn là người khách tha phương, khổ sở, lao lung, mặc dầu ngay trong tà áo vẫn có viên ngọc quý. ^[83]

Con người giác ngộ là con người nhận ra được địa vị cao cả của mình, **nhìn thấy Chân Tâm sau lớp Vọng Tâm, nhìn thấy hằng cửu, dưới các lớp lang biến ảo.**

Từ Mê đến Ngộ, tuy cách nhau gang tấc, nhưng vẫn xa muôn trùng; lúc thấy, thì thấy ngay ở trước mắt; lúc chẳng nhìn ra, thì cách trở muôn phương.

Để con tim, khối óc phóng đăng, phiêu lưu ra các tầng lớp bên ngoài, tức là đi vào Bến Mê, tức là đi vào hồng trần, tục lụy. Thu thập tinh thần, hồi quang phản chiếu, để khám phá ra các điều vi diệu nội tâm, để tìm ra Tuyệt Đối Chân Tâm, là cảng buồm Bát Nhã thẳng tiến đến Bến Giác, tức là rời bỏ phù sinh mà đi vào biên cương vĩnh cửu.

Giác, Mê âu cũng tại lòng người; chuyển theo hướng này hay hướng kia âu cũng tại lòng người; nhưng khi hướng đời đã định, thì “sai một ly, đi một dặm”; khi đã vào guồng máy Trời, thì tất nhiên chịu vận chuyển, lao lung theo những định luật cố định, khỏi than van.

Cho nên, ở đời không phải làm công kia việc nọ là hay, nhưng cần phải biết công kia, việc nọ có mục đích gì; nói cách khác, cái quan hệ là ở chỗ biết hay không biết mà thôi.

E. LUÂN HỒI VÀ NIẾT BÀN.

Sau khi đã hiểu rõ Chân Như, Vạn Pháp; Chân Tâm, Vọng Tâm; sau khi đã hiểu rõ 2 phương diện Biến Hằng của một Chân Lý vô biên, thì tất nhiên cũng sẽ hiểu hai vấn đề then chốt khác là Luân Hồi, và Niết Bàn trong Phật giáo.

Vì thật ra, tuy danh hiệu đổi thay, nhưng vòng **Luân Hồi chẳng qua cũng vẫn chỉ gồm thân các hiện tượng biến thiên, và Niết Bàn cũng chỉ là Chân Như Bản Thể.** Nói cách khác, **Luân Hồi** chẳng những bao hàm ý nghĩa **biến thiên**, mà còn gọi nên **các cảnh phiền sâu, khổ não**; còn **Niết Bàn** thì ngược lại, **chẳng phải là Bản Thể không**, mà còn bao hàm ý nghĩa **hạnh phúc, tuyệt đối, vô biên.**

Tuy nhiên, cũng nên bàn kỹ lại hai vấn đề Luân Hồi và Niết Bàn, vì xét ra chúng cũng là những mối tơ vò cho vô số hạng người.

1. Luân hồi.

Luân Hồi là vòng biến dịch, vòng biến thiên của vạn hữu. Con người sinh ra là phải sống trong cảnh biến thiên, ảo hoá ấy.

Con người có thể đề biến thiên, ảo hoá lôi cuốn, đắm chìm. Nhưng con người cũng có thể dùng Vạn Hữu, biến thiên làm công cụ tu luyện, để đạt mục đích cao cả của mình: Đó là **Đạt Tới Tuyệt Đối.**

Thường người ta nghĩ Luân Hồi là thay hình, đổi xác, hết làm loài này lại quay sang làm loài khác, cứ như vậy vô cùng, chứ **ít ai biết rằng Luân Hồi cũng là thay đổi tâm tư, nguyện vọng, thay đổi lối sống, lối nhìn.**

Con người sinh ra là để đi tìm Tuyệt Đối, qua các biến thiên tương đối, nên lúc nào cũng đi tìm kiếm, ao ước vật này, vật nọ; mơ mộng thế này, thế kia; ao ước thì tìm cầu; ao ước thì để tâm, để trí; lúc nào cũng căng thẳng, hướng về mục tiêu; lúc nào cũng như rút, như trút cả tâm hồn vào trong mục đích. Đạt đích thì sung sướng; thất bại thì âu sầu. Cái cảnh thiên đàng, địa ngục lâu chóng kèm theo ngay với mọi thành bại.

Các bậc thượng nhân nhìn bao quát cuộc đời, nhìn bao quát các nếp sống, nên cảm thấy sâu xa rằng chạy theo biến thiên, chạy theo tương đối, hư ảo là vô lý, vô vị.

Chắc chắn rằng con người phải có định mạng cao sang hơn, chắc chắn rằng sau **những biến thiên, phải có căn nguyên hằng cửu.** Căn nguyên hằng cửu ấy sinh ra con người, sinh ra vạn hữu, thì lại sui khiến cho con người khao khát trở lại căn nguyên hằng cửu ấy. Thế là căn nguyên lại trở thành cứu cánh, trở thành lý tưởng. Con người một khi đã thấy mục đích cao cả, định mệnh cao cả của mình, thì tâm thần một vút sẽ hướng tới vô cùng, không còn dính líu trần duyên, như đứa trẻ đang chơi mấy đồ chơi vụn vặt, chợt trông thấy mẹ hiền, liền vút bỏ đồ chơi chạy ra ôm mẹ. Còn nếu không biết mục đích sang cả của mình, thì cứ chạy theo hết ảo ảnh này đến ảo ảnh nọ, không bao giờ cùng. Con người ta ở đời ai cũng trải qua nhiều kiếp sống mà không biết.

Mỗi một lần ước mơ là một lần thay kiếp sống, là một lần thay cuộc đời; ngắn thì vài phút, vài giây, dài thì nhiều năm, nhiều tháng; chung qui, dài vẫn cũng đều là ảo mộng, cũng đều là giấc mộng hoàng lương.

Vòng Luân Hồi, hay vòng Sinh Tử, tức là vòng biến Thiên. **Cái gì đổi thay, tức là có sinh, có tử, tức là có bắt đầu (sinh) và có hết (tử)**, bởi thế nên nói được “mỗi tư tưởng đổi thay, là một đời Luân Hồi”. ^[84]

Cho nên, cái hay không phải là nhìn thấy quang cảnh tử, sinh bên ngoài, không phải là nhìn thấy những trạng thái sai biệt bên ngoài, mà chính là nhìn thấy những trạng thái sai biệt bên trong tâm hồn.

Những trạng thái sai biệt của tâm hồn luân phiên tiếp diễn trên trùng dương tâm hồn, như những trạng thái sai biệt luôn tiếp diễn trên biển cả, lẽ dĩ nhiên không phải là biển cả bên ngoài, mà là biển cả Chân Tâm.

Những biến thiên ấy còn mất không thường, nên không đem lại cho con người hạnh phúc hoàn toàn vĩnh cửu được, cho nên có thể nói “cái gì vô thường đều là khổ ải” ^[85]. Nói cách khác, cái gì biến thiên sẽ không hoàn toàn, cái gì biến thiên chỉ là hiện tượng, chỉ là trạng thái; mà **đã là trạng thái, tất nhiên không có Bản Thể, vì thế có thể gọi được là Vô Ngã**.

Lắng lòng lại, cố dùng con mắt nội tâm mà quan sát sẽ phân tách được **Hiện Tượng và Bản Thể** nơi tâm hồn, sẽ nhìn thấy Luân Hồi khi mới phát sinh, nghĩa là thấy tâm tưởng khi vừa chớm nở.

“Người ta được hạnh phúc hay không là do tư tưởng mình. Tư tưởng của mình thay đổi là đời mình thay đổi ngay trong lúc đó rồi.” ^[86]

Cho nên cần phải biết gột rửa tư tưởng, tẩy trừ cho hết những quan niệm quàng xiên, thấp kém, và phải có những quan niệm chính xác, cao thượng, phổ quát, hằng cửu.

Lại nữa, phải biết thay đổi tâm trạng. Cần phải diệt trừ những tâm trạng đen tối và luôn giữ tâm trạng bình tĩnh, an vui, thanh tịnh, trong sáng.

Thế là **băng qua Luân Hồi mà vào Niết Bàn; thế là bước dần lên các nấc thang giá trị tinh thần, để càng ngày càng tiến tới tinh vi, tới cao đại, tới hoàn thiện**. Thế là càng ngày càng tiến sâu vào tâm khảm, càng vươn lên tới tinh hoa của con người. **Lên tới tinh hoa, đạt tới huyền vi, tức là thoát vô thường, vào chân thường, thoát vòng biến thiên, ảo hoá, tử sinh, mà vào Niết Bàn trường tồn, vĩnh cửu**.

2. Niết Bàn.

Bỏ mọi tâm trạng biến thiên mà vào Chân Tâm hằng cửu, đó là vào Niết Bàn. ^[87]

Cho nên Niết Bàn không ở đây, ở đó, mà đã tàng ẩn ngay trong thâm tâm con người; nhưng con người cần phải khai thác tâm hồn, cần phải lọc lõi, trừ khử hết mọi bức màn dục vọng, tư tưởng biến thiên bên ngoài, mới thực hiện Niết Bàn được. ^[88]

Vì vậy, Niết Bàn cần được thực hiện ngay trong thâm tâm mỗi một người. ^[89]

Phá hết mọi vọng niệm, vọng tưởng, mới tìm ra được Chân Lý. Siêu xuất trên mọi hình, thức, sắc, tướng, mới thấy được Bản Thể, cho nên Niết Bàn cũng được định nghĩa là Chân Lý tối hậu, ^[90] hay Thực Thể trường tồn. ^[91]

Niết Bàn vì là Bản Thể, ^[92] nên Niết Bàn cũng bất khả tư nghị. ^[93]

Niết Bàn là hạnh phúc. ^[94]

Con người sinh ra ở đời, thường tự giam mình vào vòng hiện tượng, thường chạy theo ngoại cảnh.

Lý do là vì bức màn vô minh trong tâm khảm còn trùng trùng, điệp điệp làm cho con người không trông thấy Chân Như, Niết Bàn. Thế rồi, tâm hồn bắt đầu rung cảm, chiêu vời những ảnh hưởng đồng vọng, ứng đối bên ngoài, thay đổi nếp sống thiên nhiên thành thiên hình vạn trạng. Bị ảnh hưởng tha nhân và hoàn cảnh, ý tưởng con người tạo ra cho con người nhiều vai trò khác lạ, và khi con người gò bó mình vào những vai trò ấy, tức là gò bó mình vào giả tạo, mê lầm. Hơn nữa, con người bị các ảnh hưởng bên ngoài cuốn lôi, dụ dỗ, bức bách, hấp dẫn đến nỗi mất hết bản ngã, mất hết tự do.

Đề Bản Lai Diện Mục bị che lấp bởi những bộ mặt giả tạo, là chuỗi mua đau khổ, là lao lung cùng khổ, khi trong người vẫn mang ngọc quý.

Các giá trị thay đổi hết: Thay vì con người làm chủ hoàn cảnh, hoàn cảnh lại làm chủ con người; con người, miệng nói tự do, tự tại, mà kỳ thực sống trong thẳng thức, triền phược, hết sức là bị đát; con người nói tự do tư tưởng, mà thực sự vẫn lập luận theo những khuôn mẫu, những lối đường mà trào lưu đương thời, hay trào lưu đương thịnh đã vạch sẵn, không bao giờ dám để cho các tư tưởng từ nguồn lòng rào rạt tuôn ra.

Niết Bàn không phải là tư tưởng, mà là nguồn gốc tư tưởng. Niết bàn không phải là hạnh phúc mà là nguồn gốc hạnh phúc. Con người phải định tâm, thoát bỏ mọi niệm lự, thoát bỏ mọi tư tưởng, thoát bỏ mọi màu sắc không gian, thời gian mới nhập Niết Bàn.

Có người nói nếu thoát hết, thì còn gì mà hưởng, thế thì hơn gì gỗ đá vô tri. ^[95]

Không, thoát hết đây là thoát hết bác tạp để còn nguyên toàn giác, toàn tri; thoát ly đây là vượt lên trên mọi cái hư vọng, để sống trong toàn Chân; là thoát ly thời gian biến thiên để vào trong vĩnh cửu.

CHÚ THÍCH

^[1] 真 = 真實 (Chân = Chân thực) The real.

如 = 如常 (như= như thường) thus always or eternally so. Reality as contrasted with 虛妄 (như vọng), unreality, or appearance and 不變不改 (bất biến, bất cải), unchanging or immutable as contrasted with form and phenomena... the word is fundamental to Mahayana philosophy, implying the Absolute, the Ultimate Source and character of All phenomena, it is the all. It is also called 自性清淨心 (tự tính thanh tịnh tâm) self-existent pure mind; 佛性 (Phật tính) Buddha nature; 法身 (pháp thân)

Dharmakaya; 法性 (pháp tính) Dharma-nature; 如來藏 (như lai tạng) Tathagathagarba or Buddha-treasury; 實相 (thực tướng) reality; 法界 (pháp giới) dharma-realm; 圓誠實性 (viên thành thực tính) the complete and perfect Nature..;

A Dictionary of Chinese bouddhist terms, p. 331.

Như vậy Chân Như là Tuyệt đối, là Thực Thể hằng cửu, là Căn nguyên sinh vạn pháp, là Viên Mãn, là Toàn Thể. Cũng còn gọi là Tự Tính thanh Tịnh Tâm, Phật Tính, Như Lai Tạng, Thực Tướng, Pháp Tánh, Viên Thành Thực tướng.

[2] 此性虛而靈，寂而妙，天地未分，先有此理。歷塵劫而不朽，世界壞而不遷。

Thử tính hư nhi linh, tịch nhi diệu, thiên địa vị phân, tiên hữu thử lý. Lịch trần kiếp nhi bất hủ; thể giới hoại nhi bất thiên.

Qui nguyên trực chỉ, *Đỗ Thiệu Lãng, quyển trung, tr. 370.*

[3] *Như trên. trang 369-370*

[4] 真如本性者，父母未生前一真無妄之體，謂之本來面目。禪宗則曰：正法眼藏。蓮宗則曰：本性彌陀。孔子則曰：天理。老子

則曰：谷神。易則曰：太極。各雖有異，其實同一真如本性也。

Chân Như Bản Tính giả, phụ mẫu vị sinh tiền, nhất chân vô vọng chi thể, vị chi Bản Lai diện mục. Thiền Tông tắc viết: Chính Pháp Nhân Tạng; Liên Tông tắc viết: Bản tính Di Đà; Khổng tử tắc viết: Thiên Lý; Lão tử tắc viết: Cốc Thần; Dịch tắc viết: Thái Cực. Danh tuy hữu dị, kỳ thật đồng Nhất Chân Như Bản Tính dã.

Qui Nguyên trực Chỉ, chương 26.

[5] Thích Đạo Quang, *Đại Cương Triết Học Phật Giáo*, tr. 48

“Phê thuyên đàm chỉ” (Pháp tướng tông)

“Ngôn vong, lự tuyệt” (Tam luận tông)

“Bách phi giai khiển, tứ cú giai ly” (Thiền thai tông)

“Lý tại tuyệt ngôn” *Trung Anh Phật học từ điển*, tr. 360.

“Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền” (Thiền Tông)

“Xuất quá ngôn ngữ đạo” (Chân ngôn tông)

“Quá phân bất khả thuyết” (Hoa Nghiêm tông)

“Bất khả xung, bất khả thuyết, bất khả tư nghị” (Tịnh độ tông)

“Tịch diệt, ly ngôn” (*Liên hoa kinh*, tr. 558)

“Ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, ly văn tự tướng” (*Thủ Lăng Nghiêm*, Hướng Đạo xuất bản tr. 62)

[6] Dĩ thật ngôn chi, tắc hư vô, tịch diệt, thị vạn hữu chi mẫu, xuất sinh thiên địa, nhân vật, động thực, phi tiềm nhi chí vạn pháp giả dã. Phật giáo viết: tông vô trụ bản, lập nhất thiết pháp.

Qui nguyên trực chỉ, q. hạ, tr. 563.

以實言之，則虛無寂然滅，是萬有之父母，出生天地人物，動植飛潛，而至萬法者也。佛教曰：從無住本，立一切法。

Theo cái nghĩa thật mà nói Hư Vô, Tịch Diệt, thì nó là mẹ đẻ của vạn hữu, sinh trời, đất, người, vật, động vật, thực vật, chim, cá, cho đến cả muôn pháp nữa. Giáo lý của Phật nói: Từ cái gốc Vô Trụ dựng nên các pháp

..."Vô" ở đây, tức là không nhân, không pháp, không mình, không người, không mê vọng chấp trước, "không" cho đến cả cái "không" nữa. Đó tức là "bình đẳng tâm", là "trung đạo", là "đệ nhất nghĩa đế" và cũng là "Phật tính thường trụ" của mọi loài chúng sinh...Đại đức Thiên Ân, Đoàn văn Ân, *Triết học Zen I*, tr. 157.

𑖀 (không)= the permanent reality behind all phenomena, the entity void of ideas and phenomena, neither matter nor mind , but the root of both. A dictionary of Chinese Buddhist term, p. 276.

[7] Tự tính Chân Không (*Pháp Bảo đàn kinh*; Bát nhã phẩm)

Bản tính do như Hư Không (*pháp Bảo đàn kinh*; Cơ duyên phẩm)

[8] Empty (Sunya) or emptiness (sunyata) is one of the most important notions in Mahayana philosophy and at the same time the most puzzling for non Buddhist reader to comprehend-Emptiness does not mean "relativity" or "phenomenality" or "nothingness" but rather means the absolute or something of transcendental nature, although this rendering is also misleading as we shall see later ... When Buddhist declare all thing to be empty, they are not advocating a nihilistic view; on the contrary , an ultimate reality is hinted at, which cannot be subsumed under the categories of logic.

Dr Suzuki, *Manual of Zen Buddhism*, p. 29.

...L’Absolu est ineffable, l’Absolu transcende toute spéculation, l’Absolu est simple et offre partout une saveur unique, mais plus précisément il est “Non-Substantialité, Vacuité sans début, ni fin, Vacuité d’inexistence, Vacuité Absolue, Vacuité immuable...

Sandhinnirmocana-Sutra, trad. Lamotte pp. 173-198, 224-227

[9] Tiếng Phạn là Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) nghĩa là Biến Chiếu (soi khắp)...Cho nên xưa dịch là Đại Nhật Như Lai...Như Lai ấy là Bản Nguyên của vũ trụ, Thực Thể của vạn hữu. Giáo lý của giáo phái Chân Ngôn căn cứ vào ý nghĩa đó, mà thành lập...

Thích Đạo Quang, *Đại Cương triết học Phật giáo*, tr. 46.

[10] *Présence du Bouddhisme*, tr. 281

[11] Bạch Thế Tôn: Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tính, Yêm Ma La Thức, Không Như Lai Tạng và Đại Viên Cảnh Trí, bảy danh từ tuy khác, chớ cũng đồng là quả Phật, là Kim Cương Vương, thường còn, không hoại...

(Thế Tôn, như quả vị trung: Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh, Yêm Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, thị thất chủng danh, xung vị tuy biệt, thanh tịnh viên mãn, thể tính kiên ngưng, như Kim Cương Vương thường trụ, bất hoại...)

世尊！如果位中，菩提，涅槃，真如，佛性，庵摩羅識，空如來藏

,

大圓鏡智，是七種名稱，謂雖別，清淨圓滿，本性堅凝，

如金剛王[§]住不壞。

Thủ Lăng Nghiêm, Hướng Đạo xuất bản, tr. 134.

Thủ Lăng Nghiêm, Việt Nam Phật Tử, q. 4, tr. 4.

Thủ Lăng Nghiêm, Linh Sơn, tr. 308-309.

^[12] *Pháp Hoa Kinh*, Liên Hải, tr. 209.

^[13] 如 (Nhu) is termed 真如 (Chân Như) Bhutatathata, the Real so, or Suchness, or Reality, the Ultimate or The All (*Trung Anh Phật Học Từ Điển*, tr. 210)

^[14] *Phật Học Tinh Hoa*, Nguyễn Duy Cần, tr. 185.

^[15] A Lại Da thức chính thị nhất thiết nhân duyên đích chủng tử.

Nhập Phật chỉ nam, tr. 75.

L'Alaya c'est chacun de nous, c'est chaque chose et c'est l'Incommensurable Tout.

Le Bouddhisme du Bouddha, Alexandra Néel, p. 271.

Xem *Phật Học tinh hoa*, Nguyễn Duy Cần, tr. 142.

Thực ra trong Phật Giáo ít người nhận A Lại Da là đồng nhất với Chân Như như Nam Đạo Phái của Tuệ Quang chủ xướng (Xem *Các Tông Phái của Đạo Phật* tr. 215)

Nhưng chủ trương rằng A Lại Da là Thức, nên A Lại Da phải biến thành Trí, thành **Đại Viên Cảnh Trí** mới là đạt đạo.

Hàm tàng thức cũng trong tình trạng đó.

^[16] *Phật Học Chỉ Nam*, tr. 75

^[17] Pháp Thân = Dharmakaya.

Thích Đạo Quang, Đại Cương Triết Học Phật Giáo, tr. 50

^[18] “Táng bản, thụ luân”

Thủ Lăng Nghiêm (Việt Nam Phật Tử Hội xuất bản) q. II, tr. 13.

^[19] Người trong đời cả ngày miệng niệm Bát Nhã, mà chẳng biết Bát Nhã là Tính tự nhiên của mình.

Pháp Bảo Đàn Kinh, Phẩm Bát Nhã, tr. 29. Đoàn trong Còn dịch thuật,

^[20] *Thủ Lăng Nghiêm* (Hướng Đạo), tr. 134.

^[21] 阿陀那 (A Đà Na) *Nhập Phật Chỉ Nam*, tr. 76:

Đà La vi tế thức là biệt danh của thức thứ tám A Lại Da.

Thủ Lăng Nghiêm (Linh Sơn) tr. 327, chú 1.

Adana= Alaya vijnana= the originating or receptacle intelligence; basic consciousness. It is the store or totality of consciousness both absolute and relative; impersonal in the whole, temporally personal or individual in its separated part.

A Dictionary of Chinese Buddhist terms, pp. 292, 384b, 293b, 345b.

[22] Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50.

[23] **Phật Học Tinh Hoa**, Nguyễn Duy Cần, tr. 184.

[24] **Như trên**, tr. 194.

[25] **Thủ Lăng Nghiêm** (Hương Đạo) tr. 134.

[26] **Phật Học Tinh Hoa**, Nguyễn Duy Cần, tr. 184.

[27] 阿字本不生不滅的真理。 A Tự bản bất sinh bất diệt đích chân lý.

Nhập Phật chỉ nam, tr. 53. (Kim cương đỉnh kinh)

[28] **Nhập Phật Chỉ Nam**, tr. 53.

[29] Hàm Tàng Thức = A lại da

Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 40.

Tự Tính năng hàm vạn pháp, danh Hàm Tàng Thức (**Pháp Bảo Đàn kinh. Phó chúc phẩm**).

宛性能咸萬法，名咸藏識

[30] **Thủ Lăng Nghiêm** (Hương Đạo), tr. 134.

[31] **Tâm sinh Diệt** thì hiển lộ luôn, mà **Tâm Chân Như** thì khuất lấp mà không thấy.

Thủ Lăng Nghiêm, Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội xuất bản, tr. 161.

Xem thêm Chu Hối Am quan tâm thuyết. Trùng Biên, **Tổng Nguyên học Ấn**, q. 2 :

Phù vị **nhân tâm chi nguy** giả, nhân dục chi manh dã, **đạo tâm chi vi** giả, thiên lý chi áo dã.

夫謂人心之危者，人欲之萌也。道心之微者，天理之奧也。

[32] **Thủ Lăng Nghiêm** (Việt Nam Phật Tử Hội), q. 1, tr. 6

[33] **Như trên** q. 1, tr. 25.

[34] Kiến Pháp-Tiên Pháp nhị hậu Phật, Tăng (Luận về đồng điểm Tam Giáo: **Lập Thuyết Minh Lý Tam Tông Miếu** tr. 3-4)

[35] **Nhập Phật chỉ nam** tr. 73-74.

[36] **Thủ Lăng Nghiêm** (Hương Đạo), tr. The 134.

[37] the immaterial Universe behind all phenomena. **Trung Anh Phật Học Từ Điển**, tr. 389.

[38] Lý tức Phật.

Giáo quán cang yếu-Ngẫu Ích Sa Môn Trí Húc, Bài Lục Túc. Luận về Đồng điểm tam giáo, (**Lập thuyết Minh Lý Tam Tông Miếu**) tr. 14

理 (Lý)= Universal basis, essential element. **Trung Anh Phật Học từ điển**, tr. 360.

[39] **Phật Học Chỉ Nam**, tr. 40.

[40] **Phật Học Tinh Hoa**, Nguyễn Duy Cần, tr. 185.

[41] **Thủ Lăng Nghiêm** (Linh Sơn). Tựa.

[42] **Phật Học Chỉ Nam**, tr. 41

[43] **Qui Nguyên Trục Chỉ**, Đỗ Thiệu Lăng phiên dịch, q. trung, tr. 369.

[44] The Buddha-nature imminent in all beings. **Trung Anh Phật Học Từ Điển**, tr. 288.

[45] **Thủ Lăng Nghiêm** (Hương Đạo), tr. 134.

[46] **Thủ Lăng Nghiêm** (Hương Đạo), tr. 134.

[47] Phan Văn Hùm, **Phật Giáo Triết Học**, tr. 78.

Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50.

[48] Phan Văn Hùm, **Phật Giáo Triết Học**, tr. 78.

Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50.

[49] Ly Tâm duyên tướng (**Thủ Lăng Nghiêm-Hướng Đạo** tr. 62)

[50] Phan Văn Hùm, **Phật Giáo Triết Học**, tr. 72.

Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50.

[51] Phan Văn Hùm, **Phật Giáo Triết Học**, tr. 72.

Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50.

[52] Nguyễn Duy Cần, **Phật Học Tinh Hoa**, tr. 178.

[53] Phan Văn Hùm, **Triết Học Phật Giáo**, tr. 72

[54] Phan Văn Hùm, **Triết Học Phật Giáo**, tr. 72; Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50.

[55] Chân Tâm (**Như trên** tr. 72 & 50.)

[56] A tự Thích vân Vô, hựu vân Chân Không, tức thị Bát Nhã Thật Tướng chi Bản Thể.

阿字釋云無，又云真空，即是般若實相之本體。

Nhập Phật Chỉ Nam, tr. 120

[57] Phan Văn Hùm, **Phật Giáo Triết Học**, tr. 72

Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50

[58] Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50

[59] 空 (không) = The Universal, the Absolute, complete abstraction without relativity. (**Trung Anh Phật Học Từ Điển**, tr. 276)

[60] Phan Văn Hùm, **Triết Học Phật Giáo**, tr. 72; Thích Đạo Quang, **Đại Cương Triết Học Phật Giáo**, tr. 50.

[61] Dưới đây xin đàn cử ít nhiều danh hiệu khác của Chân Như theo các Tông Phái Phật Giáo: Bản Lai Diện Mục (**Thiền Tông**); Tự Tâm Hiện Lượng, Viên Thành Thực Tính (**Duy Thức Tông**); Thường Tịch Quang Độ (**Tịnh Độ Tông**); Tự Tính, Thực Tướng (**Thiền Thai Tông**); Nhất Chân Pháp Giới (**Hoa Nghiêm Tông**); Thực Tướng

Bát Nhã (**Tam Luận Tông**); Bản Nguyên Tự Tính, Kim Cương Bửu Giới (**Luật Tông**).

Nguyễn Duy Cần, **Phật Học Tinh Hoa**, tr. 185.

Thủ Lăng Nghiêm cũng dùng rất nhiều từ ngữ để chỉ Chân Như ví dụ:

Bản Như Lai Diệu Tạng Diệu Chân Như (**Thủ Lăng Nghiêm**, Việt Nam Phật Tử, q. 4. tr. 1), Thường Trụ Chân Tâm, Tịnh Tịnh Minh Thể (**Như trên**. q. 1, tr. 29), Tịch Thường Tâm Tính (**Như trên**. q. 1, tr. 29); Bồ Đề Diệu Tịnh Minh Thể (**Như trên**, q. 2, tr. 28), Viên Diệu Minh Tâm, Bảo Minh Diệu Tính (**Thủ Lăng Nghiêm**, Linh Sơn, tr. 96); Thanh Tịnh Diệu Tịnh Minh Tâm (**Như trên**. tr. 60); Bồ Đề Niết Bàn Nguyên Thanh Tịnh Thể (**Như trên**. tr. 55); Diệu Chân Như Tính (**Như trên**. tr. 192); Bản Diệu Giác Tâm (**Như trên**. tr. 375); Phật Tâm (**Như trên**. tr. 393); Thường Trụ Chân Như Tâm (**Thủ Lăng Nghiêm**, Linh Sơn, Tựa); Diệu Minh Nguyên Tâm (TLN, Việt Nam Phật Tử, II, tr. 11)

Trong **Kinh Lăng Già**, ta thấy có nhiều danh từ thêm về Chân Như, cũng như trong bài Chân Tâm, Vọng Tâm, của Hoà Thượng Thích Thanh Từ trong tạp chí **Hoa Sen**, ta thấy có thêm rất nhiều danh từ về Chân Như. Xin tìm xem.

Trung Anh Phật Học từ Điển, tr. 332, chú thích Chân Ngã là The Real or Nirvana Ego.

Trong **Tính Mệnh Khuê Chỉ**, ta cũng thấy nhiều danh từ mới chỉ Chân Như: Tì Lư Thanh Tịnh Thân (Hoa Nghiêm Kinh) **Tính Mệnh Khuê Chỉ** q. II, tr. 13; Bất Nhị Pháp Môn; Thâm Thâm Pháp Giới; Hư Không Tạng; Tịch Diệt Hải; Chân Thật Địa; Tổng Trì Môn; Bỉ Ngạn; Tịnh Thổ; Chân Cảnh; An Lạc Quốc; Xá Lợi Tử; Bồ Tát Địa; Quang Minh Tạng; Viên Giác Hải; Bát Nhã Ngạn; Pháp Vương Thành; Tây Phương; Thiên Dương; Không Trung; Chân Tế; Giá Cá; Tam Ma Địa; Hoa Tàng Hải; Đà La Ni Môn; Bất Động Đạo Tràng; Ba La Mật Địa. (**Tính Mệnh Khuê Chỉ**, q. 1, tr. 4-5).

^[62] Chân Tâm này cũng tức là tất cả các Pháp, tức là Tâm, tức là đất, nước, gió lửa, và hư không: tức là Nhãn, Nhĩ, Thi, Thiệt, Thân, Ý; tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức là nhân thức giới cho đến ý thức giới; tức là Tứ Đế; tức là Thập Nhị Nhân Duyên; tức là Lục Độ; tức là Phật và bốn đức Niết Bàn. Nói chung **Chân Tâm là các Pháp ở thế gian và xuất thế gian**.

Thủ Lăng Nghiêm, Hướng Đạo xuất bản, tr. 114.

^[63] Thân này, Tâm này cho đến núi sông, thế giới và hư không đều là vật trong Chân Tâm hiện ra. Cái **Chân Tâm** rộng lớn như vậy, các Ông lại bỏ đi không nhận, trở lại chấp cái **Vọng Tâm** này cho là thật của mình, cũng như toàn thể bể cả rộng khơi, trong trẻo kia không nhận, trở lại chấp một hòn bọt nhỏ nhen cho là toàn thể bể cả, thật là điên đảo.

Thủ Lăng Nghiêm, Hướng Đạo xuất bản, tr. 46.

^[64] **Brihah**. 5.1. Brahma is ether-the ether primeval. Brahma is a void.

Chand. 4. 10. 5.

Brih. 2. 1. 20.

Kaush. 4. 19.

Brih. 4. 1. 2.

Chand. 7. 1.

Tait. 3. 1.

Tait. 2. 6.

Brih. 1. 4.

Katha. 5. 2.

Mund. 2.2. 11

Tait. 2. 8. 3. 10. 4.

Maitri. 6. 17. 7. 7.

[65] A Nan, ông phải biết: Cái Thấy này nó không phải là nhân, không phải là duyên, không phải tự nhiên, cũng không phải “không tự nhiên”; không cái phi, không cái bất phi; không cái “thị”; không cái phi thị. Nó rời tất cả tướng, tức là tất cả Pháp. Như thế thời Ông làm sao để tâm suy nghĩ cho tới; dùng lời nói luận bàn cho kịp, và gọi nó bằng thứ gì được. (Ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, ly danh tự tướng). **Thủ Lăng Nghiêm**, Hưong Đạo, tr. 62.

[66] *Histoire des Croyances religieuses...en Chine*, Léon Wiegier, p. 546.

-The Dukkha/Dukkha (khổ) as phenomenal existence is imperfect and to be transcended. It has three interdependent characteristics:

a. Anicca/anitya = impermanent.

b. Dukkha/dukkha = imperfect.

c. Anatta/Anatman = essentially unsubstantial, non independent.

These features also apply to sentient beings which function psychologically as individuals and coexist collectively as groups or societies; they consist of five aggregations of being (Ngũ Uẩn) : Rupa (Sắc= Material qualities), vedana (thọ= feeling), sanna/ samjna (tưởng= perception), sankhara/ samskara (hành= coefficients of consciousness), and vinnana (thức = consciousness).

Richard A. Gard, **Bouddhism**, p. 110.

[67] Thành, trụ, hoại, không hay Sinh, trưởng, tử, vong, hay Sơ, thành, suy, tử, hay Sinh, trụ, di, hoại.

成住壞空，生長死亡，初成衰死，生住異壞。

Histoire des Croyances Religieuses et des Opinions Philosophique en Chine, Léon Wiegier, p. 546.

[68] **Chân Như giả, chỉ Vũ Trụ chi bản thể**, nãi bất sinh, bất diệt, bất tăng, bất giảm, vô thủy, vô chung giả dã. **Vạn pháp giả, nãi Vũ Trụ chi hiện tượng**, hữu sinh diệt, hữu tăng giảm, hữu thủy chung.

真如者，指宇宙之本體，乃不生不滅，不增不減，無始無終者也。萬法者，乃宇宙之現相，有生滅，有增減，有始終。

Le Tchenn Jou, essence universelle, ne naît ni ne meurt, ne croît ni ne diminue, n'a pas eu de commencement et n'aura pas de fin. L'univers apparent et tout ce qu'il contient, naît et meurt, croît et diminue, a eu un commencement et aura une fin;

laquelle fin ne sera pas l' anéantissement, mais le recommencement d'une nouvelle série de phénomènes.

Léon Wieger, *Histoire des Croyances religieuses*...p. 548.

Tchenn jou, la réalité cosmique est 絕對 (tuyệt đối) absolue, est 平等 (bình đẳng) une; est 無限 (vô hạn) infinie, est 自由 (tự do) autonome, est 獨 (độc) unique, est l'eau de l'océan de l'ère.

Như trên, p. 549.

[69] Vạn pháp giả, nãi Vũ Trụ chi hiện tượng, hữu sinh diệt, hữu thủy chung. (Xem chú thích 68 trên).

Như trên, tr. 548.

Wan Fa, la fantasmagorie mondiale (ou plutôt: le monde phénoménal) donne l'impression d' êtres 相對 (tương đối) relatifs, 差別 (sai biệt) distincts, 有限 (hữu hạn) finis, 不自由 (bất tự do) dépendantes, 雜多 (tạp đa) multiples. Vaines apparences! 波 (ba), une houle à la surface des êtres.

Như trên, p. 349.

...Vũ trụ chi hiện tượng hữu sinh, hữu diệt, hữu thủy, hữu chung, nhiên kỳ Bản Thể tấc bất sinh, bất diệt, bất tăng, bất giảm. **Thử Bản Thể vị chi Chân Như. Hiện Tượng vị chi Vạn Pháp.** Chân Như giả dịc phi vô thường, diệt phi vô ngã. *Như trên*, tr. 548.

[70] Wieger, *Histoire des Croyances*...tr. 548.

[71] Nguyễn Duy Cần, *Phật học tinh hoa*, tr. 119.

Thích Đạo Quang, *Đại Cương Triết học Phật Giáo*, tr. 100.

[72] *Nhập Phật Chỉ Nam*, tr. 134.

[73] Nguyễn Duy Cần, *Phật học tinh hoa*, tr. 213.

[74] *Trần Triều, dật tôn phẩm điển lục, Thượng Sĩ ngữ lục*, tr. 28. (Khảo Cổ Viện tồn bản)

...Lục Tổ Đàn Kinh vân: Phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề. Tiên niệm mê, tức phàm phu; hậu niệm ngộ, tức Phật. **Tiên niệm trước cảnh, tức phiền não; hậu niệm ly cảnh tức Bồ Đề.**

Tính Mệnh khuê chỉ, q. 4, tr. 5.

[75] Đại Đức Thích Thiên Ân, *Triết học Zen I*, tr. 136

[76] Nguyễn Duy Cần, *Phật Học Tinh Hoa*, tr. 210.

[77] *Như trên*, tr. 211.

[78] Nguyễn Duy Cần, *Phật Học Tinh Hoa*, tr. 210, 211, 212, 213, 214.

[79] *Tính Mệnh Khuê Chỉ*, q. I, Chương Tà Chính Luận, từ tr. 15 đến 20.

(妙 竅 齊 觀.)

[80] Chí vi giả Lý dã; chí trú giả Tượng dã. Thể Dụng nhất nguyên, hiển vi vô gián.

至微者，理也；至著者，象也。體用一源，顯微無間。

[81]

Tác Hữu, trần sa Hữu

作有塵沙有。

Vi Không, nhất thiết Không

為空一切空。

Hữu Không như thủy nguyệt

有空如水月。

Vật trước Hữu, Không, Không

物著有空空。

(Bài thơ **Hữu, Không** của Thiền Sư Từ Đạo Hạnh).

[82] Xem dụ “Người cùng tử” trong **kinh Pháp Hoa, Phẩm Tín Giải**.

[83] Xem Dụ “ Gã nghèo hèn có châu báu trong vạt áo”. **Diệu Pháp Liên Hoa**, Phẩm Ngũ Bá Đệ Tử thọ ký.

[84] **Quan Thế Âm Bồ Tát Tín Luận**, tr. 63.

[85] Dukka...comporte évidemment le sens courant de “souffrances”, mais en plus, il implique les notions plus profondes d'imperfection, d'impermanence, de conflit, de vide, de non-substantialité.

Walpola Rahula, L'enseignement **du Bouddha**, p. 39.

[86] **Quan thế Âm Bồ Tát Tín Luận**, tr, 63.

[87] **The ceasing of becoming is nibbana**,,, In other respects of Niroda = Nibbana/Nirvana, it should be mentioned that there are various views between and with the principal Buddhist Schools: for example, Nibbana as Peace according to the Theravada; Nirvana as Sunyata 空 (không) (Relativity as the rational view; Absolute or the experiential view); Dharma-kaya 真如 = Chân Như (Essence of the Buddha); Tathata (Ultimate Actuality); Dharma -Dhatu 法界 = Pháp giới (Ultimate Reality) etc...according to the Madhdyamika 三論 = Tam Luận, and Yogacara. 瑜伽 = Du Già.

Richard A. Gard, **Bouddhism**, p. 122.

[88] La cessation de la continuité et du devenir, c'est le Nibbana.

Walpola Rahula, **L'enseignement du Bouddha**, p. 61.

[89] Le Nibbana doit être réalisé par les Sages au-dedans d'eux-mêmes.

Présence du Bouddhisme, p. 268

[90] Nibbana est vérité.

L'enseignement du Bouddha, p. 64-65.

Le Nirvana est la vérité ultime. Vérité ou Réalité éternelle. **Présence du Bouddhisme**, p. 268.

[91] Réalité éternelle. (*Như trên* 268)

...En somme, le nirvana ne serait pas le néant, mais la substance cosmique amorphe, quelque chose comme “l’atome du monde, d’où tout procède et où tout revient”.

Louis Chochod, *Occultisme et Magie en Extrême Orient*, p. 144.

[92] La vérité est, le nirvana est.

Walpola Rahula, *L’enseignement du Bouddha*, p. 65.

...Car, pour être annihilé par son “moi”, la personnalité humaine n’en existe pas moins quant à la racine dont elle est sortie par évolutions successives.

En effet, “cette racine subsiste; c’est la chose simple et sans forme, l’élément du monde, la substance universelle, le non-fait, le non-ajusté, terme qui d’après le Dharmapada (Pháp cú kinh) même est l’équivalent du Nirvana.”

Schoebel, le Bouddhisme, p. 250 .-Louis Chochod, *Occultisme et Magie en Extrême Orient*, p. 145.

[93] Le Nirvana est au-delà de la logique et du raisonnement. *Như trên*. p. 69

[94] Sariputta a dit une fois: “ O oui, le Nirvana est le bonheur, le Nirvana est le bonheur. “ *Như trên*, p. 68

[95] Du point de vue du plus élémentaire bon sens, le Nirvana ne peut s’entendre comme signifiant le néant, “Comment supposer en effet “ remarque très justement G. de Lafont , dans sa remarquable étude sur le Bouddhisme (Cf. G. de Lafont, *Le Bouddhisme*, p. 179), “que le Bouddha ait dit dans ses prédication à la foule qu’il voulait convertir: “Nous sommes ici-bas exposés à une foule de maux, et l’existence n’est que douleur; imposez-vous par surcroît des privations de toutes sortes, supprimez le peu de jouissances que ce monde peut vous offrir, et je vous offre en retour le néant pour récompense. Je doute qu’il eut fait beaucoup de prosélyte.”

C’est aussi l’avis d’Émile Burnouf. “Une philosophie qui prêcherait le néant’, dit-il, et promettrait comme but de la science, et comme récompense des vertus les plus hautes et les plus pénibles à acquérir, l’anéantissement final et absolu, ne deviendrait jamais la religion de plusieurs centaines de millions d’hommes et n’eut pas duré déjà vingt quatre siècles.

E. Burnouf, *Introduction à l’Histoire du Bouddhisme indien*, p. 455.

Louis Chochod, *Occultisme et Magie en Extrême Orient*, p. 144.

...Vous ne demanderez ce qui reste après toutes ces éliminations, une fois que vous vous êtes retirés de toutes ces choses, que vous avez détruit tout ce qui n’est pas essentiel? Je vais vous le dire. Il reste un esprit serein et un coeur qui ne peut être troublé, qui est plein d’énergie et d’enthousiasme. Ils sont équilibrés, forts, assurés, clairs et purs, pleins d’extase, pleins de résolution et de détermination, le coeur et l’esprit qui a rejeté toutes ces choses. Ainsi réussi dans cette tâche, vous pourrez vous revêtir de ce qui est éternel, mais pas avant. Vous ne pourrez devenir incorruptible tant qu’il reste dans votre coeur la moindre parcelle corruptible.

Kristnamurti, Bulletin international de l’Étoile No 1, Octobre 1929, p. 16.

CHƯƠNG XVIII.

TÔI THƯỢNG THỪA PHẬT GIÁO.



A. NHỮNG NGUYÊN TẮC TU THÂN CĂN BẢN.

1. BẮNG qua Vạn Pháp biến thiên, trở về với Chân Như Bản Thể.

Khi nhận thấy rằng chỉ có một Bản Thể duy nhất bao trùm không gian và thời gian, bao trùm cả vạn hữu, khi đã chấp nhận rằng **Bản Thể ví như Đại Dương, hiện tượng và quần sinh ví như muôn nghìn sóng cả**, hay như những bọt nước bông bênh trên mặt, thì điều kết luận dĩ nhiên sẽ là:

- a. Bản Thể thì trường tồn, vĩnh cửu.
- b. Hiện Tượng, quần sinh thì phù du, hư ảo.
- c. Cho nên, phải bỏ phù du, để trở về với vĩnh cửu; bỏ hiện tượng để tìm về Bản Thể Chân Như.^[1]

Phật xưa đã ba lần chuyển Pháp Luân:

Lần thứ Nhất: Giảng kinh Hoa Nghiêm, để chỉ về gốc rễ, căn bản con người.

Lần thứ hai: thuyết kinh A Hàm, Bát Nhã, Phương Đẳng, để chỉ về chi mạt, ngọn ngành con người.

Lần thứ ba: thuyết kinh Pháp Hoa, Niết Bàn để dạy đời thu nhiếp ngọn ngành để trở về cội gốc, bỏ Hiện Tượng để trở về với Bản Thể, Chân Như. Đó là thành Phật, thành Đạo, đó là vào Niết Bàn.^[2]

2. Tìm ra Chân Tâm, Chân Như Bản Thể dưới lớp Vọng Tâm, Vọng Ngã.

Sau khi đã dùng 2 chữ Bản Thể và Hiện Tượng để bao quát hết mọi lớp lang đại vũ trụ từ vô hình đến hữu hình, ta trở lại tiểu vũ trụ là con người chúng ta.

Như trên đã nói, trong vũ trụ, một Bản Thể Duy Nhất phát sinh muôn ngàn hiện tượng, nay trở lại con người, ta cũng thấy vẫn một Bản Thể Duy Nhất, Tuyệt đối ấy phát sinh ra muôn vàn hiện trạng, điều động mọi suy tư, hướng dẫn mọi hành động. Bản thể ấy, theo từ ngữ Phật Giáo, chính là Phật Tính, làm căn cốt cho mọi người, cũng như làm căn cốt cho vũ trụ và muôn vật, vì thế nói: Chúng sinh đều có Phật Tính (**Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật Tính**).

Cũng như vũ trụ có 2 phương diện Biến Thiên và Hằng Cữu, mỗi một người chúng ta cũng có 2 bộ mặt, 2 con người. Bộ mặt bên ngoài, con người bên ngoài thì nhem nhuốc, biến thiên chịu định luật thành, trụ, di, không của thời gian; một bộ mặt, một con người bên trong thì uy nghi, rực rỡ, siêu thoát trên mọi hình, thức, sắc, tướng, và không điều tàn với quang âm, tuệ nguyệt.^[3]

Vì thế mà Phật giáo mới phân Chân Tâm, Vọng Tâm, Chân Ngã, Vọng Ngã.

Vọng Tâm, Vọng ngã gồm tất cả những trạng thái biến thiên của tâm hồn, gồm thất tình, lục dục, tri giác, cảm giác, hoài bão, lý luận, tư tưởng, sinh sinh, diệt diệt với các hiện tượng bên ngoài.

Còn Chân Tâm, Chân Ngã thời tế vi, huyền diệu, bất biến trường tồn.

Chân Tâm, Chân Ngã còn gọi là Đại Ngã. Vọng tâm, Vọng Ngã gọi là Tiểu Ngã. **Đại Ngã là có. Tiểu Ngã là không.**^[4]

Con người tưởng chừng hữu hạn, tưởng chừng lao lung, tưởng chừng tảo vong, yếu tử, mà kỳ thực đã chứa đựng sẵn vô biên, vô tận, đã sẵn có hạnh phúc, đã sẵn có trường sinh, bất tử.

Có như vậy, mới cắt nghĩa được con người tại sao luôn mơ ước vô biên, luôn tìm cầu hạnh phúc, luôn mong mỏi trường sinh bất tử.

Tìm ra được **Chân Tâm tiềm ẩn dưới lớp Vọng Tâm**, các hiền triết Phật Giáo mới chủ trương con người thay vì có ngũ quan và ý thức, lại còn có đến tám thức: nhãn thức, nhĩ thức, tị thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt na thức, A lại Da thức.

Ý thức là Vọng Tâm, mà A Lại Da^[5] chính là Chân Tâm. Còn Mạt Na ở giữa đóng vai môi giới.

Khi mê thì Mạt na đóng vai vô minh chỉ liên lạc được 1 chiều từ Chân Tâm ra Vọng Tâm, thành thử Vọng Tâm không bao giờ nhìn nhận ra được Chân Tâm. Khi Ngộ thì Mạt Na đóng vai Bát Nhã, thành con thuyền đưa người từ bến bờ Vọng Tâm cho tới bờ bến Chân Tâm, lúc ấy sự liên lạc sẽ hoàn tất cả hai chiều, không còn Samsara luân hồi nữa.

Duy thức Tông có thơ:

Đệ huynh bát cá, nhất nhân si,

**Độc hữu nhất cá, tối linh ly,
Ngũ cá môn tiền tố mãi mại,
Nhất cá gia trung tác chủ y.**^[6]

(Tu tâm, tr. 21)

Anh em tám kẻ, một người si (mạt na = Ngã si)

Duy có một chàng rất linh ly. (ý thức)

Năm người buôn bán ngoài cửa ngõ (Ngũ quan)

Một vị trong nhà đứng chỉ huy. (A Lại Da)

Các sách thường chủ trương khi giác ngộ, Thức sẽ biến thành Trí. Và A Lại Da sẽ biến thành Đại Viên Cảnh Trí. Chủ trương này xét ra cũng chính xác, vì nếu trong A Lại Da thức còn có chút tì ố nào, thì chưa phải là Chân Tâm.

Có sách lại chủ trương còn có Đệ Cửu Thức gọi là Bạch Tịnh Thức, mà Đệ Cửu Thức mới là Căn Nguyên Tuyệt Đối.^[7]

Khám phá ra được rằng, sau những lớp lang tâm tư biến ảo, còn có Tuyệt Đối Chân Tâm, sau bộ “mạt na” tiểu ngã hoá trang, còn có “bộ mặt Bản lai diện mục”, “bộ mặt Đại Ngã”; khám phá ra được rằng: dưới làn sóng vô thường, vô ngã, tràn ngập vũ trụ, tràn ngập lòng mình, dưới lớp ba đào trùng điệp ấy, còn có Giác Hải Chân Như tĩnh lặng, ấy là giác ngộ.

Đại Ngã là Phật Tính, là Chân Như, là căn cốt của tạo vật và của con người; vĩnh cửu, trường tồn, chân thường, bất biến, bất hoại.

Còn tiểu ngã là vọng tâm của mỗi người, kết cấu bằng những tầng lớp hình ảnh, tư tưởng, dục tình, biến thiên, vô thường, vô định.^[8]

“Lạc trong muôn tứ, nghìn tình,

Soi gương, nào biết tướng mình thế nao?”

Trở về Đại Ngã Đại Đồng, Chân Ngã vô tướng, tức là không còn cái mình nhỏ nhoi, hèn mọn nữa, và sẽ trở thành Pháp Thân uy nghi, trang trọng, phổ biến, phổ quát. Đạt tới Đại Ngã là đạt tới Niết Bàn. Vì thế Niết Bàn được định nghĩa là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Bà Blavatsky viết: “Bao giờ Thần con người hoàn toàn không còn tơ vương chút vật chất nào, không còn chút hình tượng nào, sẽ trở thành Linh Khí hoàn toàn. Khi ấy, nó mới vào được Niết Bàn vĩnh cửu, bất biến, trường tồn, đó là Niết Bàn vĩnh cửu thật sự. Linh Khí ấy là Thần, là Không, vì nó là mọi sự. Nó hoàn toàn vô hình tướng; nhưng về phương diện thuần Thần, thì nó là chính Bản Thể. Khi hồn con người đã thành thần thì được gọi là Nhập vào Bản Thể Đại Đồng, hay là phối hợp với Bản Thể chứ không bao giờ có nghĩa là huỷ diệt, vì huỷ diệt là vĩnh cửu chia ly.”^[9]

Nhiều người theo Phật giáo chỉ chú trọng đến vô thường, vô ngã mà quên biến mất Chân Thường, Chân Ngã. Như vậy mới là biết Biến Thiên chưa biết Hằng Cửu, mới biết hiện tượng chưa biết Bản Thể, mới biết Luân Hồi chưa biết Niết Bàn.^[10]

Biết Vô Thường, Vô Ngã mới là biết Biến Thiên, Khổ Ải, Luân Hồi, mà chưa biết Niết Bàn. ^[11]

Biết Vạn Pháp là Vô Thường, Vô Ngã mới là biết hiện tượng phù phiếm, biến thiên; chưa biết Bản Thể bất biến, chưa biết được Thực Tại trường tồn. ^[12]

Biết Hiện Tượng, chưa biết Bản Thể gọi là Mê; thấy Bản Thể mà không thấy hiện tượng cũng chưa gọi được là Ngộ. ^[13]

Giác Ngộ là phải thông suốt lẽ biến hằng, thông suốt hai phương diện thể dụng trong trời đất và lòng người. ^[14]

Người theo đạo Phật mà chỉ nói Vô Ngã, Vô Thường, mà không biết Chân Ngã, Chân Thường, thì cũng y như người học Dịch mà chỉ biết hào quái bên ngoài, chưa biết Vô Cực, Thái Cực bên trong...

Nhiều người khảo cứu về Đạo Phật rất bạo dạn khi nói về thuyết vô ngã Anatta ^[15], Anatman ^[16], nhưng không dám dấn động đến Chân Ngã. Nhưng may thay, cũng còn có nhiều người dám bàn về Chân Ngã, ^[17] nhưng may thay trên nhiều cổng chùa, còn có viết 4 chữ đại tự lớn; Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm viết: “Thất như Nguyên Thường, cố thụ luân chuyển.” ^[18] (không biết căn nguyên vĩnh cửu, nên bị luân chuyển)

Kinh Đại Niết Bàn viết: “Kiến nhất thiết Không, bất kiến bất Không, bất danh Trung Đạo, nãi chỉ kiến nhất thiết Vô Ngã, bất kiến Ngã giả, bất danh Trung Đạo. Trung Đạo giả, danh vi Phật tánh. 見一切空，不見不空，不名中道。乃只見一切無我，

不見我者，不名中道。中道者，名為佛性。”

“Thấy tất cả đều là “Không”, mà chẳng thấy cái “chẳng Không”, thì chẳng gọi là Trung Đạo; thấy tất cả là “Vô Ngã” mà chẳng thấy có “Ngã” thì cũng chẳng gọi là Trung Đạo. Trung Đạo ấy gọi là Phật Tánh.” ^[19]

Không hiểu trong con người có 2 thứ Ngã (Đại Ngã, Tiểu Ngã), có 2 thứ căn nguyên (Niết Bàn, Sinh Tử), có phân ngôi Chủ khách (Hằng, Biến), thì không sao hiểu được giáo lý đạo Phật, không sao thành Phật được, dù tu luyện mấy muôn kiếp.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm viết:

“Phật bảo A Nan: Từ muôn kiếp tới nay, chúng sinh bị lao lung, điên đảo, các nghiệp chướng sinh ra đầy dẫy như trái ác xoa. Còn những người tu hành chẳng thành được vô thượng Bồ Đề lại thành ra bực thanh văn, duyên giác, và các thứ ngoại đạo, các Trời và ma vương, ma quyến, đều là vì không biết 2 thứ căn bản, tu luyện cuồng xiên, thác loạn, y như đòi nấu cát thành cơm, thì có đến ngàn muôn kiếp cũng chẳng được.

Thế nào là 2 thứ căn bản, hỡi A Nan! Một là căn bản tử sinh từ muôn kiếp, y như nay người và chúng sinh lấy tâm vọng tưởng (tâm phan duyên) làm tự tính.

Hai là căn bản “vô thủy Bồ Đề Niết Bàn Nguyên Thanh Tịnh Thể” đó ở nơi người, chính là “Thức Tinh Nguyên Minh” có thể sinh ra vạn duyên, vạn sự, mà đã bị trần duyên làm mất bỏ. Cũng vì chúng sinh đã bỏ mất cái căn nguyên sáng láng ấy, cho

nên hằng ngày tuy vẫn luôn luôn dùng mà chẳng tự biết được nó, rồi ra lẫn lộn, đắm đuối vào các thú vui, uống phí cả cuộc đời. ^[20]

Bỏ cái “nguyên thường” trường cửu, mà theo cái vô thường biến dịch, coi vọng tưởng mà làm là “chân tính” thì có khác gì nhận giặc làm con, làm sao thoát khỏi Luân Hồi, khổ ải?

Phật bảo A Nan: “*Cái đó là vọng tưởng do lục trần bên ngoài mà sinh, nên gọi là vọng tưởng; nó làm hoặc loạn chân tính người. Bởi vì từ xưa tới nay, người nhận giặc làm con, bỏ mất tính chân thường của người, nên người bị luân chuyển, luân hồi.*” ^[21]

Làm sao phân biệt được Chân Tâm, Vọng Tâm nơi con người?

Phật cho rằng: **cái gì từ bé đến già mà chẳng đổi thay là Chân Tâm.** Theo đà thời gian, đầu ta tuy bạc, mặt ta tuy nhăn, nhưng cái Tính Thấy ấy chẳng hề nhăn, chẳng hề bạc, ^[22] mà đã không nhăn, không biến thì làm gì có sinh, có diệt? ^[23] Suy ra, trong con người, cái gì bất động, bất biến là Chân Tâm.

Đã bất biến, thường trụ thời là Chủ Nhân, đã trùng tịch bất động thời là “Không”. ^[24]

Trái lại, **cái gì thay đổi, biến thiên trong con người, cái gì giao động thì là Vọng Tâm. Mà đã giao động, biến thiên, thì chẳng qua là trần ai, hay khách qua đường mà thôi.**

Cho nên **Vọng Tâm chính là hiện tượng sẽ bị sinh, diệt; còn Chân Tâm mới là Bản Thể bất sinh, bất diệt.** ^[25]

Bỏ mất bản tâm, mà lại nhận làm duyên trần, nhận vật làm mình, nhận giao động biến thiên làm Chân Tâm, Chân Cảnh, thì làm sao mà chẳng bị quay cuồng trong ngọn lốc Luân Hồi lưu chuyển. ^[26]

Không ý thức được quan niệm căn bản ấy, đã mất Chân Tâm, bản tâm rồi, thì dầu “có đem thân xuất gia, lòng vẫn chẳng nhập đạo, chẳng khác nào đưa con bỏ cha ra đi, ắt bị lao lung, khổ ải. Tu trì như thế, làm sao mà chứng quả được, cũng ví như nghe người nói chuyện uống ăn, thì làm sao mà no được.” ^[27]

Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn bảo Lục Tổ Huệ Năng: “***Kể nào chẳng biết Bản Tâm, thì học đạo vô ích. Nếu ai biết Bản Tâm, thấy Bản Tính tự nhiên, tức thị là Trượng Phu, là thầy của Trời, Người, là Phật.***” ^[28]

3. Bỏ Vọng Tâm để sống theo Chân Tâm, hay diệt ngã để khế hợp với Chân Như Bản Thể.

Nếu không phân biệt Chân Tâm, Vọng Tâm, thì không sao hiểu được đạo Phật. Phật giáo chủ trương Vô Ngã, rồi lại dạy Diệt Ngã. Nếu chỉ có Vọng Tâm, mà không có Chân Tâm, thì chủ trương như vậy rất vô lý, vì đã Vô Ngã thì còn gì mà diệt; vả lại tu mà đi đến tận diệt, thì tu để làm gì? Nhưng trái lại, nếu biết sau Vọng Ngã, còn có Chân Ngã, thì vấn đề sẽ sáng tỏ ngay.

Chủ trương Phật giáo chính là: **con người hữu hạn hàm tàng Chân Như vô hạn.** Như vậy, phương châm và mục đích tu luyện sẽ được vạch rõ:

Từ Vọng Ngã nhỏ hẹp ta sẽ phát huy Đại Ngã rộng lớn, mênh mông; ^[29] trong sắc thân phàm tục, ta sẽ cố phát huy pháp thân siêu việt; trong phàm thân dễ bị huỷ hoại, sẽ cố phát huy kim cương thân bất khả tiêu diệt; trong u minh, ta sẽ làm bừng sáng lên ngọn đuốc Chân Tâm.

Chữ Diệt Ngã, hiểu cho đúng đắn sẽ là phá tan mọi hình tướng để tìm ra Chân Tính (khiến tướng, chứng tính), ^[30] làm lu mờ, tan biến mọi nhỏ nhen, ti tiện cho quang minh chính đại hiện ra (ân liệt, hiển thắng). ^[31] Mục đích tối hậu là khế hợp với Tuyệt Đối, ^[32] là hoà hợp với Bản Thể tuyệt đối.

Thế là đi từ Hữu Vi, Hữu Lậu trở về Vô Vi, Vô Lậu; rũ bỏ hết mọi phiền trước, buộc ràng, mà sống thung dung, tự tại; vất bỏ mọi giả tạo, để tìm ra Chân Thực trường tồn (khiến Hư, tồn Thực); ^[33] rũ bỏ mọi tạp thù, để giữ lấy nguyên thuần túy (xả lạm, lưu thuần); ^[34] bỏ ngọn ngành, chỉ mặt, để trở về gốc gác, căn nguyên (nhiếp mặt, lưu bản). ^[35]

Đạo Nho gọi thế là Khử Nhân Dục, tồn Thiên Lý, vì theo qui luật “phục, khởi” (伏起) của Kinh Dịch, thì “**Nhân dục thắng, Thiên Lý vong**” và ngược lại “**Nhân dục tận, Thiên Lý hiện**”, hay **Âm tận thì Dương thuần**. Nhân dục và Thiên Lý không thể lưỡng lập.

Đạo Lão gọi thế là “**tâm tử, thần hoạt**” 心死神滑. (tâm có chết đi, thần mới sống được.)

Suy ra thì nhẽ Phán Bản, Qui Nguyên trước sau chỉ là một, từ ngữ tuy thay đổi, cách diễn tả tuy không đồng nhất, nhưng tinh thần muôn đời vẫn chẳng có hai.

B. CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT: TÌM CHÂN TÂM Ở ĐÁY LÒNG.

*Hướng ngoại mà tìm cầu,
Tất cả đều ngoan si.
Hướng nội mà tùy xư tiện nghi,
Tất cả đều là chân thật.*

(**Lâm tế lục thị chúng**, ĐĐ Thiên Ân, **Triết học Zen**, tr.103)

Tất cả các kinh sách Phật Giáo, các môn phái Phật Giáo đều có mục đích chỉ về Chân Tâm. Như trên đã nói: Chân Tâm là Phật Tánh, là Chân Như bất biến, hằng cửu lồng ngay trong vạn hữu và trong tâm hồn ta, chẳng ở đâu xa. Kỳ lạ thay là thân thể con người: thân thể con người, tuy lao lung, chất chường, nhưng chính đã được gắn liền vào trường sinh, tuyệt đối, như sóng gắn liền với nước. ^[36]

Như vậy, con đường giải thoát không phải là đường sông, đường biển, đường Tây Trúc xa xăm, mà chính là con đường nội tâm của mỗi người.

Phải đi sâu vào đáy lòng mới tìm ra Chân Tâm, mới tìm ra Niết Bàn, mới tìm ra hạnh phúc, tự do, giải thoát. Lục Tổ Huệ Năng nói: “Tự mình tu, tự mình hành, thấy Pháp Thân của mình, thấy Phật ở Tự Tâm mình, độ lấy mình mới được.” ^[37]

Như vậy châm ngôn để đi tìm chân lý sẽ là:

Con đường hướng nội tiến cho sâu,

*Càng sâu, càng thấy lắm nhiệm mầu.
Tâm khám bao la không bờ bến,
Vũ trụ mệnh mông đã thấm đầu.*

Tâm con người càng tìm hiểu, càng thấy kỳ diệu. Phiến diện, thì lao lung, chất chường, biến thiên, [38] đầy tràn tràn ai, nghiệp chường, mà trái lại, căn cốt thì vô biên, tuyệt đối.

Như vậy, mỗi người đã sẵn có bảo châu vô giá dấu trong vạt áo, sao không cố tìm kiếm cho ra, mà cứ an phận sống một cuộc đời khổ ải. [39]

Như vậy, mỗi người có thể ví như một hoàng tử lưu vong, mà bụi phong trần đã phủ kín hết các nét hào hoa, phong nhã, mà cuộc đời luân lạc đã làm cho lầm than, chìm nổi, cho đến quên khuấy cả giòng giòi sang cả mình, quên hết căn nguyên huy hoàng, quên hết cả đến định mệnh siêu việt đang chờ đón mình trong những bước đường tương lai.

Phật đã nhắc nhở con người về giòng giòi sang cả cũng như về định mệnh cao quý của con người. [40]

Phật khi đắc đạo đã nhận định rằng: “Đạo quả chân thật giải thoát không phải do hành hạ xác thân, không thể nương vào kẻ khác và cũng không phải tìm kiếm đâu xa ngoài chính mình.” [41]

Vậy muốn tìm Chân Tâm, muốn tìm Phật Tính, phải tìm ngay trong người mình, trong lòng mình.

Phật bảo A Nan: Chân Tính đã ở nơi người mà người chẳng tin, lại theo nơi miệng ta mà tìm Chân Tính, vậy người đã làm chưa? [42]

Tây Du Ký cũng đã vạch rõ đâu là động phủ để tầm sư học Đạo: Muốn tìm Chân Đạo, muốn gặp Chân Sư, Tề Thiên Đại Thánh phải tìm về **Phương Thốn Sơn**, vào **Tà Nguyệt Tam Tinh Động**, mà **Phương Thốn Sơn** là Tắc Vương, hay Tắc Lòng, còn **Tà Nguyệt Tam Tinh Động**, chính là chữ TÂM, viết bằng nửa vành trăng khuyết và ba sao rực rỡ. [43]

Trong Hồi 85 của Tây Du, tác giả còn nhắc lại: Tìm Phật phải tìm ở đáy lòng:

*“Phật ở Linh Sơn, vốn chẳng xa,
Linh Sơn kỳ thực, tại lòng ta.
Người người đều có Linh Sơn tháp,
Tu tại Linh Sơn, mới khéo là.”* [44]

Thiền Tông tha thiết chủ trương: “Trực Chỉ Nhân Tâm, kiến Tính thành Phật.” [45]

Các tổ sư thiền học giúp các đệ tử đã thông vấn đề này bằng câu thoại đầu:

“Bính Đình đồng tử lai cầu hỏa”, Thần lửa Bính Đình đến xin lửa. [46]

Lục Tổ Huệ Năng thường đề cập tới bí quyết: **“tìm Phật ở đáy lòng.”** Ngài nói:

**“Phật tự Tính trung tác,
Mạc hướng thân ngoại cầu.”**
Phật do trong Tính khởi lên,

Chớ đừng vất vả, kiếm tìm ngoài thân. ^[47]

Trong **Phẩm Sám Hối, Pháp Bảo Đàn Kinh**, Lục Tổ lại nói: “ Qui y Phật, thì Phật ở nơi đâu? Nếu không thấy Phật, thì không biết nơi nao tìm về. **Hoa Nghiêm Kinh** viết:” Quy y với Phật của mình, chớ chẳng quy y với Phật khác”. ^[48]

Bồ Đề Đạt Ma Sư Tổ, vị sáng lập Thiền Tông tại Trung Quốc, là người tha thiết nhất với vấn đề đi vào nội tâm để tìm Phật Tính, tìm Bồ Đề, Niết Bàn ^[49]

Quyển Đạt Ma Huyết Mạch Luận ^[50] đã ký thác hoài bão Ngài. Ngài chủ trương:

Bất lập văn tự

不立文字

Trực chỉ nhân tâm

直指人心

Kiến Tính thành Phật

見性成佛。

Lĩnh hội vi ý sách Đạt Ma huyết mạch luận, ^[51] ta có thể thấu tóm tư tưởng của Ngài Bồ Đề Đạt bằng mấy vần thơ sau:

*Chân tâm bao quát đất Trời,
Xưa nay, chừ Phật chẳng ngoài Chân Tâm.
Chẳng cần lập tự, lập văn,
Xưa nay chừ Phật, tâm tâm tương truyền.
Tâm ta gồm mọi nhân duyên,
Mọi đời sau trước, mọi miền gần xa.* ^[52]
*Tâm ta là chính Phật Đà,
Phật Đà ở tại tâm ta chẳng rời.
Niết Bàn, Viên Giác, Như Lai,
Ngoài tâm tìm kiếm, công toi, ích gì?
Ngoài tâm, tìm kiếm được chi?
Niết Bàn đâu có lối về ngoài tâm.
Tự Tâm chí chính, chí chân,
Tự Tâm là Phật, Tự Tâm, Niết Bàn.* ^[53]
*Ngoài tâm, tìm kiếm đa đoan,
Tay không bắt gió, mơ màng hư vô.
Tâm ta tạo Phật cho ta,
Bỏ tâm tìm Phật, hỏi là tìm đâu,
Phật tâm, tâm Phật trước sau,
Ngoài tâm, tìm Phật, hỏi sao chẳng làm.*

Cho nên phải biết hồi tâm,
Nội quan, quán chiếu mà tầm siêu linh.
Bản Lai Diện Mục của mình,
Muốn tìm thì phải ly hình, nhập tâm. ^[54]

Khi đã biết rõ căn bản cao siêu của mình, khi đã nhận thức được Pháp Thân trường tồn trong mình; khi đã biết rõ bộ mặt thật của vọng tâm, biết rõ thân phận mây trôi, bèo nổi của vọng tâm, các bậc Chân Tu mới ra công “diệt ngã”. “Diệt Ngã” là “diệt Tiểu Ngã”, cho Chân Như Đại Ngã hiện ra. ^[55]

“Diệt Ngã” đây cốt là để:

- Hoà hợp với Bản Thể tuyệt đối. ^[56]
- Nhất trí với thực tại. ^[57]
- Đồng thể với Di Đà. ^[58]
- Khế hợp với Chân Như tuyệt đối. ^[59]

Diệt Ngã là cốt diệt trừ hết những vọng tưởng, vọng niệm, diệt trừ hết mọi dây rợ luyến ái bên ngoài, thoát ly hết mọi giây trăn phược, trói buộc mình vào hoàn cảnh và vật chất. Đây là một thái độ tinh thần trừu tượng, chứ không phải là một sự trốn tránh, thoát ly vật chất cụ thể. Cho nên, ta có thể diệt ngã ngay giữa lòng đời, ngay trong chốn phồn hoa, đô hội. Đó tức là sự thanh tịnh, tự do, tự tại về tinh thần, đó tức là “đắc thiên hạ nhi bất dự yên” ^[60]

Diệt ngã là vén mây mù tăm tối cho vùng dương muôn thừa hiện ra, bỏ Sắc Thân mà hiển “Pháp Thân” ^[61] bỏ phàm thể mà mặc Thánh Thể. ^[62]

Như trên đã nói: Chân Như là Bản Thể, là Như Lai siêu xuất trên hình thức, sắc tướng, siêu xuất trên mọi vọng tưởng, vọng niệm, cho nên muốn thấy Bản Thể phải lìa bỏ hình tướng, đi ngược lại dòng tư tưởng, niệm lự; đi sâu vào chỗ đục tình chưa phát xuất; chỗ tư tưởng chưa manh nha; hư không, trạm tịch mới chứng quả được. ^[63]

Mượn ý kinh Kim Cương và Đạt Ma Huyết Mạch Luận, ta phác hoạ phương pháp Tu thân Kiến Tính, Thành Phật như sau:

Hãy rũ bỏ phù vân sắc tướng, ^[64]
Hãy cố tìm vô thượng Bồ Đề,
Niết Bàn muốn rõ nẻo về,
Đừng nên chấp trước, đam mê lụy trần.
Con đường giải thoát nội tâm,
Cố suy, cố nghĩ, cố tầm cho ra. ^[65]
Vọng Tâm cố vén mây mù, ^[66]
Băng qua hình tướng, vào toà Như Lai. ^[67]
Nơi Vô Trụ là nơi an lạc, ^[68]
Pháp Vô Vi là Pháp Thánh Hiền. ^[69]
Chớ đừng dính lúu sự duyên,
Đừng đem thanh sắc mà phiền Như Lai. ^[70]
Hãy nhớ kỹ hình hài, sắc tướng,

*Đều là tuồng mộng tưởng, mau qua.
Đều là bào ảnh, quang hoa,
Sương vương ngọn cỏ, chớp loà chân mây. [\[71\]](#)
Như Lai chẳng ở đây, ở đó,
Chẳng đi đâu, chẳng có đến đâu. [\[72\]](#)
Như Lai ở sẵn lòng sâu,
Vào sâu tâm khảm mà cầu Như Lai.*

Tóm lại, trước sau, chư vị Phật, chư vị Đạt Trí, Đại Giác đều công nhận rằng: Không thể nào tìm ra được Bản Thể Tuyệt Đối ngoài vũ trụ và ngoài tâm mình. Bản Thể ấy, Chân Tâm ấy đã lồng ngay trong lòng vũ trụ, và trong lòng con người. Sự giác ngộ cũng bắt đầu từ đó, và sự chứng quả cũng tận cùng ở đó.

Cho nên ta có thể mượn lời Đạt Ma tổ sư mà kết thúc như sau:

*Tâm, tâm, tâm,
Tâm kia sao khó, khó sao tầm,
Khi rộng, rộng trùm muôn pháp giới,
Khi thu, thu nhỏ, khó lọt châm.
Ta chỉ tìm tâm, không tìm Phật,
Rũ không tam giới, mới hết lầm.
Phật kia, muốn chứng, muốn tầm,
Muốn tầm ra Phật, ngoài tâm chớ hòng.
Tâm ấy Phật, chớ không đâu nữa,
Phật tính nào, đời thừa ngoài tâm
Tâm sinh, sinh cả cát lầm,
Tâm sinh, tội cũng âm thầm sinh theo. [\[73\]](#)*

PHỤ LỤC.
ÍT NHIỀU THI, HỌA TRUYỀN TÂM ÁN.

I

Bồ Đề Bản Tính bản như như	菩提本性本如如
Vạn Pháp thông hề thấu Thái Hư	萬法通兮透太虛
Tự hữu linh minh khai Bát Nhã	自有靈明開般若
Cơ giam lộ xứ hiện Chân Như	機緘露處現真如

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. Hanh, tr. 1.

Bồ Đề Bản Tính vốn như như
Vạn pháp suốt qua thấu Thái Hư.
Sẵn có linh minh khai Bát Nhã,
Phanh phui then chốt, lộ Chân Như.

II

Không Chiếu Thiền Sư vận: 空照禪師云:

Giá cá phân minh giá cá đồng	這箇分明這箇同
Năng bao Thiên Địa vận hư không	能包天地運虛空
Ngã kim trực chỉ chân tâm địa	我今直指真心地
Không tịch linh tri thị bản tông.	空寂靈知是本宗

Tính Mệnh khuê chỉ, q. Hanh, tr. 9

Chân Như tính ấy, thể nhân đồng,
 Bao trùm trời đất, chuyển hư không.
 Ta nay chỉ thẳng Chân Tâm địa,
 Vắng lặng linh tri, ấy bản tông.

III

Trí Giác Thiền Sư vận: 智覺禪師云:

Bồ tát tông lai bất ly chân	菩薩從來不離真
Tự gia muội liễu bất tương thân	自家昧了不相親
Nhược năng tĩnh tọa hồi quang chiếu	若能靜坐回光照
Tiện kiến sinh tiền cựu chủ nhân	便見生前舊主人

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. II, tr. 10.

Bồ tát từ xưa chẳng lìa chân,
 Tại mình mê muội chẳng thân gần.

Nếu hay tĩnh tọa, hồi quang chiếu,
Liên thấy sinh tiền cựu chủ nhân.

IV

Vô Cầu Tử kệ vân: 無垢子偈云:

Ngũ uẩn sơn đầu nhất đoạn không	五蘊山頭一段空
Đồng môn xuất nhập bất tương phùng	同門出入不相逢
Vô lượng kiếp lai. nhẫm ốc trú	無量劫來賃屋住
Đáo đầu bất thức chủ nhân ông.	到頭不識住人翁

Tính Mệnh Khuê Chỉ q.2, tr. 11.

Đầu non ngũ uẩn một vùng không,
Vào ra cùng cửa chẳng tương phùng.
Từ bao nhiêu kiếp thuê nhà ở,
Tới nay nào biết Chủ Nhân Ông.

V

Chí Công hoà thượng vân: 志公和尚云:

Đốn ngộ tâm nguyên khai bảo tạng	頓悟心原開寶藏
Ẩn hiển linh tung hiện chân tướng	隱顯靈蹤現真相
Độc hành độc tọa thường nguy nguy	獨行獨坐常巍巍

Bá ức hoá thân vô số lượng.

百億化身無數量

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. II, tr. 11

Đón ngộ nguồn tâm mở bảo tàng,
Bóng hình Chân Tướng hiện điều mang,
Một mình đi đứng thường nghiêm chỉnh,
Vạn ức hoá thân chẳng thể lường.

VI

Khải Đường thiên sư vân: **凱堂禪師云：**

Ứng vô sở trụ sinh kỳ tâm	應無所住生其心
Khuếch triệt viên minh, xứ xứ chân.	廓徹圓明處處真
Trực hạ đỉnh môn, khai chính nhãn	直下頂門開正眼
Đại Thiên sa giới, hiện toàn thân.	大天沙界現全身。

Tính Mệnh Khuê chỉ, q. II, tr. 11.

Nên từ Vô Trụ khởi sinh tâm,
Sáng láng bao la xứ xứ chân.
Ngay dưới đỉnh đầu, khai chính nhãn,
Trăm nghìn thể giới hiện trong thân.

VII

Duy Khoan Thiền Sư vân: 惟寬禪師云:

Khuyến quân học Đạo, mạc tham cầu	勸君學道莫貪求
Vạn sự vô tâm, đạo hợp đầu.	萬事無心道合頭
Vô Tâm, thủy thể vô tâm Đạo	無心始體無心道
Thể Đạo Vô Tâm, Đạo đã hưu	體道無心道也休

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. II, tr. 11

Khuyên ai học Đạo chớ tham cầu,
Đem tâm vô sự hợp Đạo mau.
Vô Tâm hợp với Vô Tâm Đạo,
Hợp Đạo Vô Tâm, Đạo mới sâu.

VIII

Phật quốc Thiền Sư vân: 佛國禪師云:

Tâm, Tâm tức Phật, Phật tâm, tâm	心心即佛佛心心
Phật, Phật, Tâm, Tâm tức Phật tâm	佛佛心心即佛心
Tâm Phật, ngộ lai vô nhất vật	心佛悟來無一物

**Tướng quân chỉ khát vọng mai
lâm.**

將君止渴望梅林

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. II, tr. 10

Tâm Tâm là Phật, Phật là Tâm,
Phật, Phật, Tâm, Tâm, tức Phật Tâm.
Tâm Phật hiểu rồi, còn chi nữa,
Tướng quân đỡ khát, ngó mai lâm.

IX

Viên Ngộ Thiền Sư vân: **圓悟禪師云**:

**Phật Phật Đạo đồng, đồng chí Đạo
Chân Tâm chân khe, á khế Chân Tâm.
Khuếch nhiên thấu xuất uy âm ngoại
Địa cửu, thiên trường, hải cánh thâm**

**佛佛道同同至道
真心真契契真心
廓然透出威音外
地久天長海更深**

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. II, tr. 12

Phật Đạo vô vi, chí Đạo đồng,
Tâm Tâm khế hợp với Chân Không.
Mang nhiên siêu xuất uy âm ngoại,
Trời đất lâu lai, biển thăm lòng.

X

Trung Phong Thiền Sư vân: 中峰禪師云:

Tùng lai, chí Đạo dữ tâm thân	從來至道與心親
Học đạo vô tâm, đạo tức chân	學到無心道即真
Tâm Đạo hữu vô câu mẫn tuyệt	心道有無俱泯絕
Đại thiên thế giới nhất nhàn thân	大千世界一閒身

Tính Mệnh Khuê Chỉ, q. II, tr. 14.

Xưa nay Chí Đạo với tâm gần,
Học tới Vô Tâm, đạo mới Chân.
Tâm Đạo hữu vô đều rũ sạch,
Muôn ngàn thế giới, một nhàn thân.

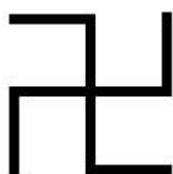
XI

Cao tăng Diệu Hư vân: 高僧姚虛云:

Hoàng hoàng nhất cá Chủ Nhân Ông	惶惶一箇主人翁
Tịch nhiên bất động tại Linh Cung.	寂然不動在靈宮
Đắc đắc thử trung vô quái ngại	但得此中無掛礙
Thiên nhiên bản thể tự hư không	天然本體自虛空

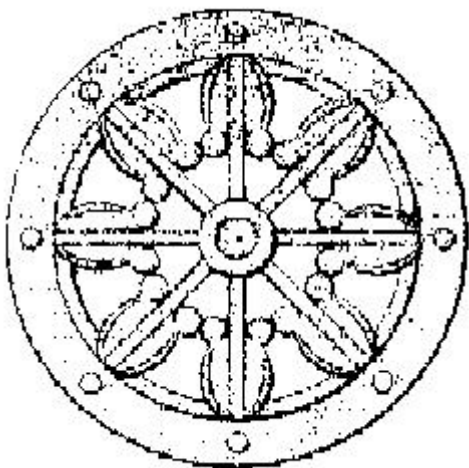
Phảng phất mơ màng ấy chủ nhân,
Im lìm, lặng lẽ tại linh cung,
Miễn sao thông tỏ trung tâm ấy,
Thiên nhiên Bản Thể hợp hư không.

HỌA BẢN I



Tứ Đại chuyển vần, vạn vật xoay,
Hình hài, tâm tưởng phút giây thay.
Cố tìm trường tịch trong hư ảo,
Cố tìm bất biến, giữa chuyển lay.

HỌA BẢN II.



Hình Pháp Luân

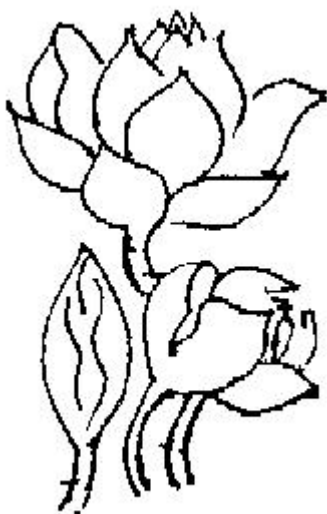
Giữa muôn hình tướng có Chân Như

Hình tướng hư hoại, Thể chẳng hư.

Tìm thấy Chân Như trong ảo ảnh,

Ấy là Giác Ngộ, thoát phù du.

HỌA BẢN III.



Hình Hoa Sen ^[74]

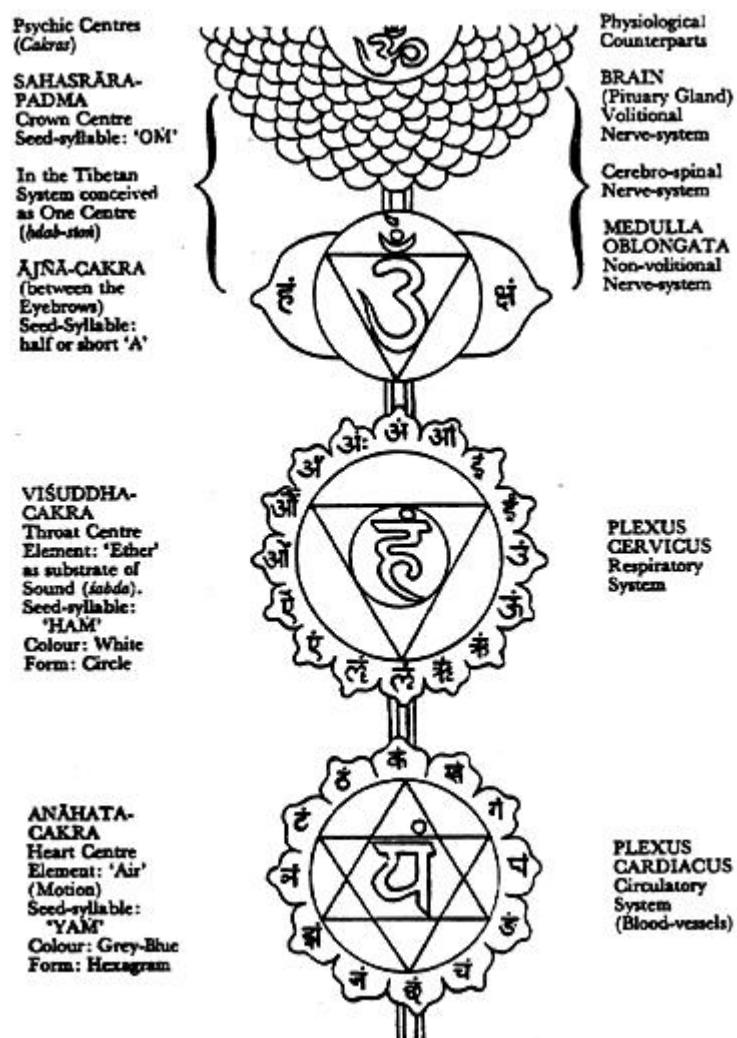
Cánh hoa tuy đẹp, tuy xinh,

Nhưng mà nhân quả, trường sinh ở đài.

Trường sinh chẳng ở hình hài,

Chẳng trong tâm vọng, chẳng ngoài tâm chân.

HỌA BẢN IV.



Liên Tâm ở sẵn trong đầu,

Niết Bàn chớ có tìm đâu ngoài lòng. ^[75]

HỌA BẢN V.



Sư đệ tứ mục

師弟四目

Tuệ nhãn tương giao

慧眼相交

Ấn chứng Như Lai

印証如來

Truyền y tự tổ

傳衣飼祖

Bốn mắt nhìn nhau chẳng nói năng,

Truyền nhau tuệ nhãn, gửi nhau lòng.

Như Lai siêu xuất trên từ ngữ,

Tâm Ấn tương truyền, “không bắt không”.^{[\[76\]](#)}

CÁC SÁCH THAM KHẢO.

Pháp Văn.

Présence du Bouddhisme.	France-Asie.
Le Bouddhisme contemporain.	A. Russel
Le Bouddhisme Zen.	A. W. Watts
L'Enseignement du Bouddha.	Walpola Rahula
Les Grandes Religions.	E. Aegerter
Aspects du Bouddhisme	Henri de Lubec
Origine et Histoire des Religions.	J. Murphy.
Entretiens du Maître Dhyana,	J. Gernet
Chen Houei du Ho Tao.	
La conception bouddhique.	N. V. Trung.
du devenir	
Des Opinions Philosophiques	Léon Wiegner.
en Chine.	
La Connaissance	David Néel (A)
Transcendentale.	
La Pensée Du Bouddha.	Séménoff (M.)
Bouddhisme Chinois.	Léon Wiegner.
Les grands penseurs de L'Inde.	Albert Schweitzer
Le mental Cosmique.	Yun (Hsi)

Anh Văn

Buddhism in translation.	Henri Clarke
	Warren
The teaching of the	E. A. Burtt
Compassionate Buddha.	
Buddhism.	Christmas
	Humphreys

Manuel of Zen Buddhism.
How the great religious began.
Buddhism today (Monthly
Magazine).
Trung Anh Phật học từ điển (A
dictionary of Chinese Buddhist
terms).
Foundation of the Tibetan.
Mysticism.

D. T. Suzuki.
Joseph Gaer
Buddhism today
Association

Anagarika
Govinda

Hán Văn.

Tính Mệnh Khuê Chỉ.
Phật Học Chỉ Nam.
Qui Nguyên Trục Chỉ.

Phi Mai Phẩm
Hà Nam-Tế Xuyên,
Bảo Kham Tự Tàng
Bản.

Vô lượng nghĩa kinh.
Kinh Xuyên.
Diệu pháp liên hoa kinh.

Tiêu Tề
Ẩn Sĩ Lưu Cầu.
Đường Chung Nam
Sơn

Thích Đạo Tuyên thuật.
Ngự Chế Lục Tổ Pháp Bảo Đàn
Kinh.
Hoa Nghiêm Kinh
Lăng già kinh
Cầu Na Bạt Đà La dịch
Duy Ma Cật sở thuyết kinh.

Kim Cương kinh giảng luận.

Giáng Vị Nông Cư
Sĩ di trước

Bồ đề Đạt Ma huyết mạch luận.

Tài liệu viết tay của
cụ Nguyễn Minh
Thiện Tam Tông
Miếu.

Việt Hán.

Qui Nguyên trực chỉ.	Đỗ Thiều Lăng dịch.
Nhất cá khoa học giả.	Uông trí Biểu nghiên cứu.
Phật kinh đích báo cáo.	Đồ Nam dịch.
Kim Cương Kinh.	Thiều Chửu biên dịch

Việt Văn.

Đại cương Triết học Phật Giáo.	Thích Đạo Quang dịch
Triết học Zen.	ĐĐ Thích Thiên Ân.
Qui Nguyên trực chỉ.	Đoàn trung Còn dịch
Điều Pháp liên hoa kinh.	Thích Trí Tịnh dịch.
Phật Học Tinh Hoa.	Nguyễn Duy Cần
Lịch sử Triết học Đông Phương.	Nguyễn Đăng Thục.
Thủ Lăng Nghiêm kinh.	ĐĐ Thích Chân Giác.
Pháp Hoa huyền nghĩa.	Chánh Trí Mai thọ Truyền
Kinh Dược Sư.	Thiều Chửu dịch.
Kinh Viên Giác.	Tuệ Quang
Phật Giáo.	Trần Trọng Kim.
Phật Giáo triết học.	Phan Văn Hùm.
Toạ thiền tam muội.	Thích Thanh Từ.
Làn sóng tôn giáo trên đất Việt.	Tâm Ngọc.
Phật giáo xưa và nay.	Trần Trọng Kim.
Văn học đời Lý.	Ngô tất Tố.
Văn học đời Trần.	Ngô Tất Tố.
Quan thế Âm bồ tát tín luận.	Hải Tín Cư Sĩ.
Triết Lý Đạo Phật.	Thích Thiện Hoa.
(Đại Cương Thủ Lăng Nghiêm).	
Đường vào ánh sáng Đạo Phật.	Tịnh Mặc.
Tạp chí Vạn Hạnh.	
Minh Lý Đạo.	Nguyễn Minh Thiện (T. T. M.)

CHÚ THÍCH

[1] La formule “se tirer de l'impermanence, obtenir la permanence” avait été le point d'orgue final de tous les discours du Bouddha Sakyamuni.

Léon Wieger, Histoire des Croyances religieuses... p. 438

[2] Tam chuyển Pháp Luân: 1 Căn Bản Pháp Luân: thuyết Hoa Nghiêm. 2 Chỉ mật pháp luân: Thuyết A Hàm chí Phương Đăng; 3 Nhiếp mật qui bản: Thuyết Pháp Hoa.

Phật Học Chỉ Nam, tr. 11.

[3] Phân biệt Nhất Tâm Chân Như, Nhất Tâm Sinh Diệt là chủ đích của kinh Lăng Già.

[4] 大我 (đại Ngã) the greater self, or the true personality 真我 (chân ngã). Hinayana (tiểu thừa) is accused of only knowing and denying the common idea of a self, or soul, **whereas there is a greater self, which is a nirvana self. It specially refers to the Great Ego, the Buddha, but also to any Buddha...**

Trung Anh Phật Học từ điển, tr. 89.

[5] 阿賴耶識 A Lại Da Thức Alaya Vijnana “The receptacle intellect or consciousness; “the originating of receptacle intelligence”; basic consciousness (keith)... It is called 第一識 Đệ Nhất Thức the prime or supreme mind or consciousness... 無垢識 Vô Cấu Thức unsullied consciousness when considered in the absolute i. e. the Tathagata and đệ bát thức 第八識 as the last vijnana. There has been much discussion as to the meaning and implication of the Alaya-Vijnana. It may be also termed the unconscious, or unconscious absolute, out of whose ignorance or unconsciousness arises all consciousness.

Trung Anh Phật Học Từ Điển, tr. 292.

[6] 弟兄八箇一人痴

只有一箇最伶俐

五箇門前做買賣

一箇家中作主依。

Tính Mệnh Khuê Chỉ, I, tr. 41.

[7] Xem *Bát thức qui nguyên đồ, tính Mệnh Khuê Chỉ*, q. I, tr. 41.

[8] Phật tính thị thường, thiện ác chư pháp nãi chí Bồ Đề Tâm, giai thị vô thường. (*Niết Bàn kinh, Pháp Bảo Đàn Kinh*, Đoàn trung Còn phiên dịch), **Đốn tiệm phẩm**, tr. 118.

[9] Lorsque l'Entité Spirituelle s'affranchit pour toujours de toute particule de matière, de substance ou de forme et redevient un souffle spirituelle. C'est alors seulement qu'elle entre dans le Nirvana éternel qui ne change jamais et qui dure, aussi longtemps que le cycle de vie a duré: une éternité vraiment. Et ce souffle qui existe en Esprit, n'est rien, parce qu'il est tout; comme forme ou comme apparence quelconque, il est complètement anéanti; mais comme Esprit Absolu, il Est, car il est devenu l'Être même. Lorsqu'il s'agit de l'"âme", prise dans le sens d'Esprit, l'expression : “absorbée

dans l'Essence Universelle", signifie "union avec"...il ne peut jamais être question d'annihilation, car cela voudrait dire séparation éternelle.

H. P. Blavatsky, *La Clé de la Théosophie*, p. 162.

[10] Soit dit en passant que pour avoir ignoré l'importance de la connexion de ces deux ordres (le phénoménal et le transcendant, le samsara et le Nirvana) qu'on a si mal compris le Bouddhisme. Car il faut noter que si le Bouddha a jeté l'anathème sur l'existence terrestre dans son ensemble (tout est douleur, tout est impermanent, tout est sans-soi Sarvam Duhkha, sarvam anita, sarvam anatman), il s'est tout entier tendu vers ce qu'il appelait l'Autre Rive, le Nirvana.

Nguyễn Văn Trung, *La Conception Bouddhique du devenir*, p. 66.

[11] Toutes les choses conditionnées sont impermanentes...toutes les choses conditionnées sont dukka 苦 (khổ)... tous les dhammas sont sans soi...

Walpola Rahula, *L'Enseignement du Bouddha*, p. 84.

[12] Nguyễn Duy Cần, *Phật Học Tinh Hoa*, tr. 177-178.

[13] Chấp trước vũ trụ chi hiện tướng nhi bất kiến Bản Thể giả vị chi Mê. Kiến Bản Thể nhi bất kiến hiện tướng giả, diệc bất đắc vị chi Ngộ.

Nguyễn Duy Cần, *Phật Học Tinh Hoa*.

[14] Hải tín cư sĩ, *Quán thế Âm Bồ tát tín luận*, tr. 36.

[15] Walpola Rahula, *L'Enseignement du Bouddha*, Chapitre 6: La doctrine du Non-Soi.

[16] Nguyễn Văn Trung, *La Conception bouddhique du devenir*, article 3, *L'Anatman, ou l'explication bouddhique du devenir*.

... Thuyết Vô Ngã đã được bàn cãi sâu rộng trong "Na tiên tì kheo kinh" (khoảng thế kỷ V sau công nguyên). đó là đề tài đối thoại giữa vua Di Lan (Milanda) và tì khưu Na Tiên (Nagasena).

Cf. Léon Wieger, *L'Histoire des Croyances et des opinions philosophiques en Chine*, pp. 445,446.

[17] "Cái ta" có nhiều nghĩa là "giả ta", "cái ta" không có tới 2 nghĩa là "Thật ta"...Nhờ đứng trên cái thuyết vô ngã này, mà người tu giải thoát được những tướng khổ của "Giả ta". Bởi có sao? Nhận được cái "ta chân thật bất diệt" là không còn bám víu chạy theo những cái "Ta giả và sinh diệt" nữa.

Cư sĩ Hải Tín, *Quán Thế Âm Bồ tát tín luận*, tr. 42.

[18] 失汝元常，故受輪轉。

Thủ Lăng Nghiêm kinh. Việt Nam Phật Tử hội xuất bản, tr. 65.

[19] *Phật Học Tinh Hoa*, Nguyễn Duy Cần, tr. 119-120.

[20] *Thủ Lăng Nghiêm kinh* quyển I. (Việt Nam Phật Tử hội xuất bản, tr. 22-23); *Thủ Lăng Nghiêm*, Linh Sơn Phật học nghiên cứu hội, tr. 55-56.

[21] Phật cáo A Nan: "Thủ thị tiền trần hư vọng tướng, tướng hoặc nhữ Chân tính; do nhữ vô thủy chí ư kim sinh, nhận tặc vi tử, thất nhữ nguyên thường, cố thụ luân chuyển."

Thủ Lăng Nghiêm kinh, q. I, V.N. P. T. H xuất bản, tr. 25.

Thủ Lăng Nghiêm Kinh, *Linh Sơn Phật Học* tr. 55-56.

[22] Phật ngôn: “Đại Vương, nhữ diện tuy trứ, nhi thủ kiến tính vị tăng trứ; trứ giả vi biến, bất trứ phi biến, biến giả thụ diệt, bất biến giả nguyên vô sinh diệt.

Thủ Lăng Nghiêm kinh q. II, tr. 5. hoặc *Linh Sơn*, tr. 75.

[23] Trụ danh chủ nhân. 住名主人 **Thủ Lăng Nghiêm kinh**, V. N. P. T. H. tr. 33, hoặc *Linh Sơn*, tr. 75.

[24] Trần chất giao động , hư không tịch nhiên. Như thị tư duy: trường tịch danh Không, giao động danh trần.

Thủ Lăng Nghiêm, V.N. P. H 34. và *Linh Sơn* tr. 75-76.

[25] Nguyễn văn Như Lai hiển xuất thân tâm, chân vọng, hư thực, hiện tiền sinh diệt dữ bất sinh diệt nhị phát minh tính.

Thủ Lăng Nghiêm kinh q. 2, V.N. P. H. tr. 1. -*Linh Sơn*, tr. 80

[26] Dĩ động vi thân, dĩ động vi cảnh...tính tâm thất chân, nhận vật vi kỷ, luân hồi thị trung, tự thủ luân chuyển.

Thủ Lăng Nghiêm, q. I, V.N. P. H 36; & *Linh Sơn*, 80.

[27] Thất ngã Bản Tâm, tuy thân xuất gia, tâm bất nhập đạo, thí như cùng tử, xả phụ đào tệ, kim nhật nãi từ. Tuy hữu đa văn, nhược bất tu hành, dữ bất văn đẳng, như nhân thuyết thực, chung bất năng bảo.

Thủ Lăng Nghiêm , V.N.P. H. tr. 28-29; *Linh Sơn*, tr. 66-67.

[28] Tổ chi ngộ Bản tính vị Huệ Năng viết: “ Bất thức Bản Tâm, học pháp vô ích, Nhược thức tự Bản Tâm, kiến tự Bản Tính, tức danh Trượng Phu, Thiên , Nhân sư, Phật.”

[29] Thích Đạo Quang, **Đại cương Triết học Phật Giáo**, tr. 55.

[30] *Như trên*, tr. 93-94.

[31] *Như trên*, tr. 94.

[32] *Như trên*, tr. 56 -tr. 94.

[33] *Như trên*, tr. 93.

[34] *Như trên*, tr. 93.

[35] *Như trên*, tr. 93.

[36] 現相之我與本體之佛，猶如水與波。此本體謂之真如，亦謂之佛；

Hiện tượng chi Ngã dữ Bản Thể chi Phật do như thủy dữ ba. Thủ Bản Thể vị chi Chân Như, diệt vị chi Phật.

Ngã hiện tượng với Phật Bản Thể là như sóng và nước. Phật Bản Thể ấy gọi là Chân Như, là Phật.

Léon Wiegier, **Histoire des Croyances Religieuses et des opinions philosophiques en Chine**, p. 546.

[37] **Pháp Bảo Đàn Kinh** (Đoàn trung Còn dịch), Sám Hối Phẩm, tr. 61.

[38]

Tam điểm như tinh tượng	三點如星象
Hoành câu tự nguyệt tà	橫鉤似月斜
Phi mao tông thủ đắc	披毛從此得
Tác Phật cánh vô tha.	作佛更無他。

Long lanh ba chấm tựa sao,
Mình cong vàng nguyệt, tiêu hao xế tà.
Muông chim nguồn ấy phát ra,
Duyên do Thần Phật cũng là đây thôi.

[39] *Diệu Pháp liên hoa* quyển thứ 4. Phẩm ngũ bá đệ tứ thụ ký, kệ của A Nhã Kiều Trần Như. *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*, Liên Hải Phật Học Trường, tr. 243.

[40] *Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Tín Giải*. Kệ của Ma Ha Ca Diếp. Người cùng tử của Ông Trưởng giả). *Diệu Pháp Liên Hoa*, Liên Hải

Phật Học đường, từ tr. 145 đến 153

[41] ĐĐ Thiên Ân, *Triết Học Zen I*, tr. 162.

[42] 云何自疑汝之真性，性汝不真，取我求實。

Vân hà tự nghi nhữ chi Chân Tính, Tính nhữ bất chân, thủ Ngã cầu thực.

Thủ Lăng Nghiêm kinh (V.N. P. T. hội xuất bản), q. II, tr. 16-17.-*Thủ Lăng Nghiêm*, -*Linh Sơn, Phật Học*, tr. 113-114.

...O Ananda, soyez des lampes pour vous-même, soyez un refuge pour vous-même; ne cherchez pas d'autre refuge. Prenez la vérité comme lampe, prenez la vérité comme refuge. Ne cherchez pas d'autre refuge qu'en vous-même. (*Mahāparinibbāna sutta-Niết Bàn kinh -Présence du Bouddhisme*, p. 539.)

[43] 十箇大字乃是：靈臺方寸山，斜月三星洞。

Giá cá Thập Đại Tự nãi thị: Linh Đài Phương Thốn Sơn, Tà Nguyệt Tam Tinh Động. (*Tây Du*, hồi 1)

[44]

Phật tại Linh Sơn, mạc viễn cầu	佛在靈山莫遠求
Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu.	靈山之在汝心頭
Nhân Nhân hữu cá Linh Sơn tháp	人人有箇靈山塔
Hảo hướng Linh Sơn tháp tự tu.	好向靈山塔自修。

Tây Du ký, hồi 85.

[45] Không nên hướng ngoại mà tìm cầu, trái lại, cần phải hướng về nội Tâm để tìm Phật Tính. (*Truyền Tâm Pháp của Hoàng Bích Thiên Sư*. ĐĐ. Thích Thiên Ân, *Triết học Zen II*, tr. 25)

...Tự Tâm của người là Phật, Phật là tự tâm của người. Tâm và Phật không sai biệt, vì thế cổ nhân nói: Tự Tâm tức Phật. (*Truyền Tâm Pháp Yếu*. Cf. ĐĐ Thích Thiên Ân, *Triết học Zen*, II, tr. 54.)

...Trong Tâm Tính của mọi loài chúng sinh vốn đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai. Nhưng nếu không thật tu, thì không bao giờ hiển hiện, không thật chứng, không thể nào hoạch đắc.

Chánh Pháp Nhãn Tàng, Biện Đạo thoại. ĐĐ. Thiên Ân, *Triết học Zen, II*, tr. 87.

...Giáo Lý đã nói: Chân ở trong Vọng. Vậy tìm Chân Tâm ở ngoài thân và tư tưởng của mình, là không thể được.

(*Hải Tín Cư Sĩ, Quan thế Âm Bồ Tát Tín Luận*, tr. 46.)

[46] 丙丁童子來求火。

ĐĐ Thích Thiên Ân, *Triết Học Zen, II*, tr. 55 và tiếp theo.

[47] 佛自性中作，莫向身外求。

Quyết Nghi Phẩm, Pháp Bảo Đàn Kinh, Đoàn trung Còn dịch.

本性是佛，離性無別佛。

Pháp Bảo Đàn Kinh, Bát Nhã Phẩm, Đoàn trung Còn dịch, tr. 28.

[48] Nhược nhiên qui y Phật, Phật tại hà xứ? Nhược bất kiến Phật, bằng hà sở qui... Kinh văn phân minh ngôn tự qui y Phật, bất ngôn qui y tha Phật.

若然歸依佛，佛在何處。若不見佛，憑何所歸。經文分明言：自歸依佛，不言歸依他佛。

Pháp Bảo Đàn Kinh, Sám Hối Phẩm, Đoàn trung Còn dịch, tr. 64-65.

[49] Le Nibbana “doit être réalisé par les Sages au-dedans d’eux-mêmes. (paccattam veditabbo vinnuhi).-*Présence du Bouddhisme*, p. 268.

[50] Xin xem Léon Wieger, *Histoire des Croyances Religieuses et des Opinions Philosophiques en Chine*, p. 524 et ss.

[51] Tài liệu viết tay của Tam Tông Miếu (phản phiên Âm), và Léon Wieger, *Histoire des Croyances Religieuses...* p. 524 et ss.

[52] 三界本起同歸一心。先佛後佛以心傳心不立文字。。。從無始曠中劫來，乃至施為運動一切時中，一切處所皆是汝本心，皆是汝本佛。

Tam giới bản khởi đồng qui nhất tâm. Tiên Phật, hậu Phật dĩ tâm truyền tâm, bất lập văn tự...Tòng vô thủy khoáng đại kiếp lai, nãi chí thi vi, vận động, nhất thiết thời trung, nhất thiết xứ sở, giai thị nhữ bản tâm, giai thị nhữ bản Phật.

Đạt Ma huyết mạch luận. (Tài liệu viết tay của Tam Tông Miếu)

...Le monde tout entier est pensé dans le coeur. Tous les Bouddhas, passés et futurs ont été et seront formés dans le coeur. La connaissance se transmet de coeur à coeur, par la parole. A quoi bon, tous les écrits? Le coeur de chaque homme communie à ce qui fut tous les temps, à ce qui est tous les lieux..

Léon Wieger, *Histoire des Croyances Religieuses* ...p. 524.

[53] 即心是佛，亦復如是。除此心外，覓菩提，涅槃無有是處。自性真覺，豈非因非果法，即是心義。

Tức tâm thị Phật, diệc phục như thị. Trừ thử tâm ngoại, mịch Bồ Đề, Niết Bàn vô hữu thị xứ. Tự Tính chân thật, phi nhân, phi quả pháp, tức thị tâm nghĩa.

Đạt Ma huyết mạch luận.

...Le coeur est le bouddha. Il n'y a pas de Bouddha en dehors du coeur. Considérer l'illumination et le nirvana comme des choses extérieures au coeur, c'est une erreur. Il n'y a pas d'illumination en dehors du coeur vivant. Il n'y a pas de lieux où se trouvent des êtres nirvanés. Hors la réalité du coeur, tout est imaginaire...Il n'y a pas de causes, il n'y a pas d'effets. Il n'y a d'activité que la pensée du coeur, et son repos, c'est le Nirvana. Chercher quelque chose en dehors de son coeur, serait vouloir saisir le vide. Le Bouddha, chacun le crée dans son coeur par sa pensée. Le coeur est Bouddha, Bouddha c'est le coeur.

Léon Wieger, *Histoire des Croyances Religieuses* ...p. 524.

[54] 若言心外有佛，求菩提可得無有是處。佛及菩提皆在何處？

譬如有人以手提虛空，得否？除此，心外見佛，終不得也。。。

心即是佛，佛即是心。心外既無佛，何起佛見？際相誑惑。。。

若欲見佛見性即是佛。

Nhược ngôn tâm ngoại hữu Phật, cầu Bồ Đề khả đắc, vô hữu thị xứ. Phật cập Bồ Đề giai tại hà xứ? Thí như hữu nhân, dĩ thủ đề hư không, đắc phủ. .. Trừ thử, tâm ngoại kiến Phật, chung bất đắc dã...Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm, tâm ngoại ký vô Phật, hà khởi Phật kiến? Tế tương cuồng hoặc... Nhược dục kiến Phật, kiến tính tức thị Phật.

Đạt Ma huyết mạch luận.

...Imaginer un Bouddha en dehors du coeur, se figurer qu'on le voit en un lieu extérieur, c'est du délire. Donc il faut tourner son regard, non vers le dehors, mais vers le dedans, il faut le concentrer en soi-même, et contempler en soi sa bouddhité.

Léon Wieger, *Histoire Des Croyances Religieuses*, p. 524.

[55] Ở nơi mỗi người, nếu cái Vọng Tâm sinh, thì cái Chân Tâm phải ẩn, nhưng nó lại ẩn trong cái Vọng Tâm. Còn khi cái Chân Tâm hiện ra, thì cái Vọng Tâm phải mất, nhưng nó lại mất trong Chân Tâm.

Hải Tín Cư Sĩ, *Quán Thế Âm Bồ Tát Tín Luận*, tr. 46.

...Trong cái bản ngã nhỏ hẹp, chúng ta phát huy cái Đại Ngã rộng lớn.

Thích Đại Quang, Đại Cương Triết Học Phật Giáo, tr. 55.

[56] Thích Đạo Quang, *Đại Cương Triết Học Phật Giáo*, tr. 56.

[57] *Như trên*, tr. 54.

[58] Di Đà đồng thể. *Như trên*, tr. 54.

[59] *Như trên*, tr. 94.

[60] *Luận Ngũ*, Thái Bá đệ Bát, tiết 18.

[61] Pháp Thân = Corps mystique.

Léon Wieger, Histoire des Croyances Religieuses... p. 525.

... Sư viết: Ký nhược bất biệt, tức thử thân thị nhữ bồn Pháp Thân; tức thử nhữ bồn Pháp Thân thị nhữ bồn tâm.

Thử tâm tông vô thi khoáng đại kiếp lai, dữ như kim bất biệt; vị thường hữu sinh tử; bất sinh, bất diệt; bất cấu, bất tịnh; bất hảo, bất ác; bất lai, bất khứ; diệc vô thị phi; diệc vô nam, nữ tướng; diệc vô tăng tục, lão thiếu; vô thánh, vô phàm; diệc vô Phật; diệc vô chúng sinh; diệc vô tu chứng; diệc vô nhân quả; diệc vô cân lực, diệc vô tướng mạo; do như hư không; thủ bất đắc; xả bất đắc; sơn hà thạch bích, bất năng vi ngại; xuất một, vắng lai, tự tại, thần thông...

Đạt Ma huyết mạch luận.

[62] Thánh Thể = Le Saint Corps.

Léon Wieger, Histoire des Croyances Religieuses... p. 526.

...Nhược trí huệ minh liễu, thử tâm hiệu danh Pháp Tính, diệc danh Giải Thoát Sinh Tử, Bất Câu Nhất Thiết Pháp, Câu Đà Bất Đắc; thị danh Đại Tự Tại Vương Như Lai, diệc danh Bất Tư Nghị; diệc danh Thánh Thể; diệc danh Trường Sinh Bất Tử; diệc danh Đại Tiên. Danh tuy bất đồng, Thể tức thị nhất.

Thánh nhân chủng chủng phân biệt, giai bất ly Tự Tâm.

Đạt Ma huyết mạch luận.

[63] Phật cáo Tu Bồ Đề: Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai. .. (Phật bảo Tu Bồ Đề: Phàm cái gì có tướng đều là hư dối. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức là thấy Như Lai.)

Kim Cương Kinh, Đoạn V.

...Ly nhất thiết tướng, tức danh chư Phật. (Thoát ly mọi hình thức, sắc tướng tức gọi chư Phật.)

-Kim Cương Kinh, đoạn XIV.

...Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến.

Kim Cương kinh, XX.

[64] **Phật cáo Tu Bồ Đề:** Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.

[65] Tự tâm thị Niết Bàn. Nhược ngôn tâm ngoại hữu Phật, cầu Bồ Đề khả đắc, vô hữu thị xứ.

Đạt Ma Huyết Mạch Luận.

[66] Minh tâm kiến Tánh, nhược bất kiến Tánh, đắc thành Phật Đạo, vô hữu thị xứ.

Đạt Ma Huyết Mạch Luận.

[67] Ly nhất thiết chư tướng, tức danh chư Phật.

Kim Cương Kinh, đoạn V.

⁶⁸ Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm.

Kim Cương Kinh, X.

[69] Nhất thiết hiền thánh giai dĩ vô vi pháp, nhi hữu sai biệt.

Kim Cương Kinh, VII.

[70] Nhược dĩ sắc kiến Ngã, dĩ âm thanh cầu Ngã, thị nhân hành tà đạo bất năng kiến Như Lai.

Kim Cương Kinh, XXVI.

[71] Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn, bào ảnh, như lộ, diệt như điện, ung tác như thị quán. (Tất cả các pháp hữu vi như mộng huyễn, bọt bóng, như sương và như chớp, nên quán sát như thế.)

Kim Cương Kinh, XXXII.

[72] Như Lai giả vô sở tòng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai. (Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi đâu, nên gọi là Như Lai. = Pháp Thân là Bản Lai Thường Trụ, không chỗ xuất hiện, không chỗ nhập diệt)

Kim Cương Kinh, XXIX.

[73]

心，心，心難可尋，

寬時遍法界，隙也不容針

我本求心，不求佛

了知三界空無物。

若欲求佛，但求心，只這心

這心是佛。

我本求心，心自知，

求心不得，待心知。

佛性不從心外得，

心生便是罪生時。

Tâm, tâm, tâm,

Tâm nan khả tâm,

Khoan thời biến pháp giới,

Khích dã bất dung châm.

Ngã bản cầu tâm, bất cầu Phật,

Liễu tri tam giới, không vô vật.

*Nhược dục cầu Phật, dẫn cầu tâm,
Chỉ giá tâm; giá tâm thị Phật.
Ngã bốn cầu Tâm, tâm tự tri,
Cầu Tâm bất đắc, đãi Tâm tri,
Phật tính bất tòng tâm ngoại đắc,
Tâm sinh tiện thị tội sinh thì.*

Đạt Ma huyết mạch luận. Đoạn kết.

[74] Hình hoa sen phóng tác nhân bài thơ

Linh Sơn niêm hoa	靈山黏花
Tung Sơn đắc tuệ	嵩山得髓
Hoàng Mai truyền y,	黃梅傳衣
Đông Sơn diên thọ	東山延壽。

Chánh Pháp Nhãn Tàng -Diên Thọ.

Dịch: “Niêm hoa ở núi Linh Sơn, Ngộ Đạo ở núi Tung Sơn, truyền y bát ở đất Hoàng Mai, trực tiếp diên thọ ở núi Đông Sơn.”

Thiên Ân, Đoàn văn Ân, Triết Học Zen, I, tr. 67.

Trong kinh Đại Phạm Thiên, vấn Phật quyết nghị, có chép: “khi mà Phật ở trên Pháp Hội Linh Sơn (Grdhrakuta), có vị Đại Phạm Thiên (Mahabrahman: cõi trời thứ ba trong sơ thiên) có dâng hoa sen sắc vàng, cầu thỉnh Phật thuyết Pháp. Nhưng Phật chỉ nắm hoa không nói một câu nào. Đại chúng trong Pháp Hội đó không ai hiểu ý Phật, nên tất cả đều im lặng, và chỉ có Ông Ma Ha Ca Diếp mỉm cười. Phật dạy: Ta có Chánh Pháp Nhãn Tàng, Niết Bàn Diệu Tâm phó thác cho Ông Ma Ha Ca Diếp (Mahakasyapa).” “Chánh Pháp Nhãn Tàng, Niết Bàn Diệu Tâm” là Diệu Tâm (Chân Trí), nhận rõ Diệu Lý (Chân Lý) của vũ trụ.

Thích Đạo Quang, Triết học Phật Giáo, tr. 129.

[75] Hình trích trong quyển Foundation of the Tibetan Mysticism của Anagarita Govinda -Charles Andrieu đã dịch ra Pháp Vân, dưới nhan đề Les Fondements de la Mystique Tibétaine.

Hình vẽ ngụ ý: Ngọc châu viên giác hay Tuyệt Đối Thể ở sẵn ngay trong Liên Hoa, tức là trong Trung Tâm Não Bộ con người.

[76] Chữ Nho 2 bên:

Bên trái, dòng 1: Tam thể Phật tổ truyền Tâm Ấn, tứ mục tương cố thái phân minh.

Dòng 2: Viên Đồng Thái Hư.

Bên Phải, dòng 3: Bồ Đề Tâm Ấn.

Bên Phải, dòng 4: Thái Hư nhất bản, vạn trường linh, tâm ấn nhân nhân nguyên tự thành.

Tài liệu và hình vẽ rút trong quyển: *Trần Triều Dật Tôn Phật Điển lục. Thượng sĩ Ngữ lục (Trúc Lâm Thượng sĩ ngữ lục)* tr. 6. *Việt Nam Phật Điển từng khan. Thư Viện Khảo cổ, số VD 2/6b.*

Đó cũng là Tâm Ấn của Thiền Tông trong Thập Ngưu Đồ, nhan đề là Song Dẫn, (Phật Học Tinh Hoa, Nguyễn Duy Cần tr. 303). Đó tức là đã tiến tới “Tất cảnh Không”, hoà đồng, hợp nhất với Chân Nguyên (Chân Tâm) không còn chút chi phân biệt.

CHƯƠNG XIX

ĐẠO KHÔNG

CHÂN DUNG KHÔNG PHU TỬ.



Nói tới đạo Không ai cũng hay. Nói tới đức Không ai cũng biết. Nhưng biết đạo Không cho rành, hiểu đạo Không cho đúng, hồ dễ mấy ai? Vậy trước khi tìm hiểu về Đạo Không, chúng ta hãy tìm hiểu về Đức Không.

Tìm hiểu về chân dung, chân tướng Đức Không đem lại cho ta nhiều lợi ích.

1. Trước hết chúng ta hiểu rõ về Đức Không.
2. Thứ hai, chúng ta sẽ nắm được đại cương học thuyết của Ngài một cách tự nhiên, linh động.

3. Thứ ba, chúng ta sẽ biết được một mẫu người lý tưởng. Qua mẫu người này, chúng ta sẽ nhận ra bóng hình một con người lý tưởng muôn thừa. Chúng ta sẽ đi sâu vào căn cốt con người, và nhờ vậy, chúng ta cũng sẽ tìm ra được chân dung, chân tướng của chúng ta, chúng ta sẽ tìm ra được định mạng sang cả của chúng ta.

Hiếu được Đức Không không phải là chuyện dễ.

Chính Ngài cũng đã nói: “*Ôi! đời chẳng biết ta.*”

Tử Công hỏi: “*Tại sao, thầy than rằng: Chẳng ai biết Thầy.*”

Đức Không đáp: “*Ta không oán Trời, ta không trách Người. Còn về đạo lý, thì ta khởi học từ mức thấp, để đạt lên mức cao. Biết ta chẳng, chỉ có Trời.*” (**Luận Ngữ**, XIV, 37).

Sách **Vượng Uyển** có chép: “Tề Cảnh Công hỏi Tử Công: “*Đức Không có phải hiền nhân chăng*”

Tử Công đáp: “*Ngài là một vị Thánh Nhân.*”

Tề Cảnh Công hỏi: “*Sự thánh thiện Ngài ra sao?*”

Tử Công đáp: “*Tôi không biết.*”

Tề Cảnh Công biến sắc nói: “*Mới đầu thời Ông nói: Không Tử là thánh nhân, nay lại nói: Không biết.*”

Tử Công đáp: “*Tử này suốt đời đội trời, mà chẳng biết Trời cao bao nhiêu. Suốt đời đạp đất, mà chẳng biết đất dày bao nhiêu. Tử này, theo thầy Phu Tử, cũng y như kẻ khát nước, đem gáo, đem bình ra sông, ra bể, để mức nước uống. Uống no bụng, xong rồi đi, mà chẳng biết sông, biển sâu là bao nhiêu.*” ^[1]

Các cao đệ Ngài cho rằng:

“*Phàm nhân sở dĩ không hiểu nổi Ngài vì chưa đủ khả năng, chưa đủ tâm kích mà hiểu Ngài, y như một người đi ở ngoài đường, bị bức tường cao ngăn chặn, không sao nhìn thấy được những đồ trân thiết quý báu bên trong nhà.*” ^[2]

Chính vì vậy, mà đã có rất nhiều sự ngộ nhận về Đức Không cũng như về Đạo Không. Có nhiều người thường nghĩ rằng Đức Không bất quá chỉ dạy 2 chữ Hiếu Trung. Đạo Không chẳng qua chỉ là một thứ Đạo nhập thế, dạy con người Nhân Đạo, tức là ăn ở cho xứng đáng với danh hiệu con người. Đạo Trung Dung chẳng qua là một thứ Đạo, dạy sống cho đúng mức, không thái quá không bất cập.

Nói như vậy, chẳng qua là biết sơ lược một vài khía cạnh thứ yếu của Không Giáo chẳng khác nào như sờ sờ voi, không biết được toàn diện của Đạo Nho.

Nếu Đức Không xuống thế, cốt dạy Hiếu với Trung, thì Ngài hơn gì Mẫn Tử Khiên, Tử Lộ, môn đệ Ngài, là những người chí hiếu; Ngài hơn gì Cơ Tử, Tử Can xưa là những người chí trung,

Nếu Ngài thật sự chủ trương Trung Quân, thì tại sao đã âm thầm bỏ vua nước Lỗ, bỏ chức Nhiếp Tướng Sự, chỉ vì vua Lỗ đã tỏ ra ham mê thanh sắc của bọn ca vũ, để ra đi dẫn thân vào con đường lưu vong mười mấy năm trời, ^[3] và 2 lần bỏ Vệ Linh Công, vua nước Vệ ra đi, chỉ vì Vệ Linh Công có thái độ thờ ơ, bất kính đối với Ngài? ^[4]

Như vậy, chủ trương Ngài rõ ràng là Vua thời phải ra Vua, bề tôi phải cho ra bề tôi, cha phải ra cha, con phải ra con. ^[5]

Từ nền tảng ấy, sau này, Mạnh Tử đã đắp xây cả một học thuyết chính trị Nho Giáo với khẩu hiệu bất hủ:

“ Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh.”

“ Dân là quý, nhì đến đất nước, vua là phụ.” ^[6]

Có nhiều người cho rằng Đạo Khổng chỉ dạy nhân đạo, mà không đề cập đến Thiên Đạo, chỉ biết dạy nhập thế, không biết dạy xuất thế, cho nên thường quan niệm rằng: Nhất Phật, nhì Đạo, ba Nho.

Qui Nguyên trực chỉ viết: “Chỗ không giống nhau giữa Nho, Thích là: nhà Nho chỉ nói cái phép ở đời, họ Thích (Phật) lại nói cái phép ra khỏi đời. Nhà Nho chỉ nói một đời, rồi gom về Trời. Họ Thích biết rõ gốc ngọn của nghiệp duyên nhiều đời chồng chất, đó là chỗ đôi đàng không giống nhau vậy.” ^[7]

Chương XXIV sách này viết: “Người học Nho chết rồi thì hết, chẳng qua trong khoảng 100 năm mà thôi. Người học Đạo (Lão) vụ cầu sống mãi, chẳng qua muôn ngàn năm mà thôi. Người học Phật dứt mãi với sống chết, trong treo hoài hoài, chẳng qua trải khắp cái số kiếp nhiều như cát bụi, mà không có cùng tận vậy.” ^[8]

Rồi lại có nhiều người tưởng rằng: Đạo Khổng dạy Trung Dung là sống nước đôi, không thái quá, không bất cập. Đọc những lời bình luận thiên cận như vậy thật rất buồn lòng và liên tưởng đến lời Tào Tháo chê Trần Cung: “**Yến tước an tri hồng hạc chí tai.**” (Phận gì sẽ làm sao biết được chí chim hạc, chim hồng).

Tuy nhiên, vẫn còn có những lời nhận định rất đúng đắn về Nho Giáo. Cụ Minh Thiện, trong quyển **Minh Lý Yếu Giải**, nơi tr. 52, có viết: “**Đến khi chứng quả, thành chân, người theo phái Thích thì gọi là Phật, người theo phái Đạo thì gọi là Tiên, người theo phái Nho thì gọi là Thánh. Phật, Tiên, Thánh là những danh từ khác nhau nhưng đồng chỉ 1 bậc người chứng đạt tính hoàn toàn sáng suốt mà thôi, gọi chung là Chân Nhân...**” ^[9]

Như vậy, mới đúng với tinh thần Tam Giáo Đồng Nguyên, Vạn Giáo Nhất Lý...

Vì Đức Khổng là con người đa năng, đa dạng, nên muốn hiểu Ngài, ta phải nghiên cứu Ngài dưới nhiều khía cạnh.

1. Đức Khổng là con người nhiệt thành đi tìm chân lý.

Thế nhân thường cho rằng: đã là Thánh Nhân, đã là Giáo Chủ thì phải là Thánh Nhân ngay từ trong bụng mẹ; phải có những cách thai sinh kỳ bí, thoát khỏi các định luật và trật tự chi phối vũ trụ, nhân quần, lại thông minh tuyệt mức, sinh nhi tri chi, không cần học hỏi suy tư gì mà đã biết hết mọi sự trên trời, dưới đất, quá khứ, vị lai ngay từ tấm bé. Nói thế, chẳng khác nào nói rằng có những cây vừa mọc đã cao vút từng mây, đã sinh hoa, kết quả sum suê, hay có những người vừa sinh ra, đã trưởng thành ngay, không cần cù dục, cù lao, không cần thời gian, tuổi tác.

Thiết tưởng, muốn tìm hiểu Thánh Hiền, ta không nên bắt chước lối phạm tục đó, mà phải tìm ra những tiêu chuẩn chính xác để giúp cho sự suy khảo của chúng ta. Tuân Tử nói: “**Quân tử thời nói điều chân thường, hợp lý, còn tiểu nhân nói điều kỳ quái,**” ^[10]

Mạnh Tử nói: “*Phàm những vật đồng loại thì bản tính giống nhau. Tại sao, riêng nhân loại, người ta lại nghĩ rằng bản tính chẳng tương tự? Những vị Thánh Nhân và chúng ta đều cùng một loại.*”^[11]

Khảo về đời sống và những lời giảng giáo của các bậc giáo chủ, ta thấy:

A. Sự khôn ngoan, thông thái các Ngài cũng cần phải có thời gian, tuổi tác, mới phát triển được.

B. Nhiều khi các Ngài cũng phải học hỏi với các bậc tiền bối đương thời mới trở nên minh giác.

C. Học thuyết các Ngài, tư tưởng các Ngài cũng có nhiều vay mượn ở nơi các học thuyết hoặc các luồng tư tưởng khác.

D. Các Ngài có công ở chỗ là làm cho tư tưởng cũ kỹ trở nên linh động, có thần lực tác động, lôi cuốn, hoán cải được tâm hồn quần chúng.

Nhờ những quan niệm lành mạnh, chính xác trên hướng dẫn, ta có thể vạch lại được bước đường tìm cầu đạo lý của Đức Khổng.

Ngài tâm sự:

-Hồi 15 tuổi, ta để hết tâm trí vào sự học.

-Đến 30 tuổi, ta vững chí mà tiến lên con đường đạo đức.

-Đến 40 tuổi, tâm tư ta sáng suốt, hiểu rõ việc trái phải, đạt được sự lý chẳng còn chi nghi hoặc.

-Đến 50 tuổi, ta biết mạng Trời. (Tức là biết căn cốt, biết Đạo Trời, biết định mệnh con người).

-Đến 60 tuổi, lời tiébg chi lọt vào tai ta, thì ta hiểu ngay, chẳng cần suy nghĩ lâu dài.

-Đến 70 tuổi, dầu có muốn sự chi cũng chẳng hề sai phép. ^[12]

Đức Khổng không bao giờ nhận Ngài sinh nhi tri tri. Ngài nói:” *Ta chẳng phải là người sinh ra đã biết. Thực ta là người hâm mộ tinh hoa đạo lý cổ nhân và mê mải tìm cầu tinh hoa đạo lý ấy mà thôi.*”^[13]

Đức Khổng luôn tỏ ra mình là một con người hiếu học, chích trông, chịu nhìn, chịu quan sát, chịu hỏi, chịu học, chịu suy tư.

Từ nhỏ đến 34 tuổi, Ngài học hỏi ở quê nhà, sưu khảo các sách vở như **Dịch Tụng, Xuân Thu, Thi, Nhạc**, trong tàng thư nước Lỗ. ^[14]

Năm 34 tuổi, Ngài sang kinh đô nhà Châu (Lạc Dương) để cầu học. Ngài phỏng vấn đức Lão Tử về Lễ, Trình Hoàng về Nhạc, đi xem các địa điểm tế Giao, tế Xã, khảo sát về phép tắc của tòa Minh Đường, xem cách tổ chức nơi Tông Miếu, và học hỏi được nhiều bài học về chính trị, và cách tu thân, tiếp nhân, xử thế, và hiểu được lý do tại sao nhà Châu xưa đã cường thịnh. Sự cường thịnh ấy chính là do tinh thần trách nhiệm, tài lãnh đạo tổ chức của các bậc quân vương, lòng trung liệt của các vị trọng thần, của các bậc thần tử, sự đoàn kết nhất trí giữa các tầng lớp nhân dân.

Nhưng mãi đến năm 50 tuổi, Ngài mới trực giác được Thiên Mệnh, biết được Thiên Đạo. Từ đây cho đến chết, Ngài hoàn toàn là một con người khác, luôn luôn hoạt động, luôn luôn cải hóa thiên hạ, khi thì chu du liệt quốc, khi thì ở nhà dạy học, viết

sách. Các sách Ngài soạn thảo có thể nói được là từ 58 tuổi trở đi. Dầu sao, thì từ trước tới sau, ta thấy Ngài luôn luôn tỏ ra thiết tha đi tìm chân lý, thiết tha suy tư, cầu học.

Tâm lòng thiết tha cầu học Đạo ấy đã được Ngài xác quyết khi Ngài 63 tuổi. Diệp Công hỏi Tử Lộ về Đức Khổng. Tử Lộ không đáp. Đức Khổng nói: “*Tại sao người không nói thế này: Đó là người hăng say suy tư, đến quên ăn; khi được Chân Lý thì vui sướng đến quên hết mọi nỗi buồn lo; chuyên tâm về Đạo, đến nỗi tuổi già sắp đến mà chẳng biết.*” ^[15]

Và cũng vì lòng tha thiết, luôn luôn cầu học, cầu tiến, mà ngay khi gần chết, Ngài vẫn còn học Dịch, đến bật cả lê sách đến ba lần. ^[16]

Nhờ có sự cố gắng học hỏi, suy tư như vậy, mà Đức Khổng đã có một kiến thức hết sức sâu rộng khiến mọi người ngỡ ngàng. ^[17]

Nhưng quý báu nhất là nhờ sự thành khẩn tìm cầu Chân, Thiện, Mỹ, mà Chân, Thiện, Mỹ đã đến với Ngài, đã nhập thể vào Ngài. Thế tức là:” Ngã cầu Nhân, nhi Nhân chí hĩ.” ^[18]

2. Đức Khổng, con người rất cũ và rất mới.

Đức Khổng là con người siêu không gian, thời gian, nên vừa **rất cũ** vừa **rất mới**.

-**Rất cũ**, vì rất hiểu cổ, viết Ngũ Kinh thâm tóm tinh hoa nhân loại từ thời Nghiêu, Thuấn cho đến đời Ngài, tức là rông rãi khoảng 2000 năm lịch sử.

Ngài nói:

“*Ta trần thuật chứ không sáng tạo,
Tin cổ nhân, mộ đạo cổ nhân.*” ^[19]

Trung Dung viết thêm:

“*Đức Khổng nói tiếp đạo Thuấn, Nghiêu,
Làm sáng tỏ lối đường Văn Võ.*” ^[20]

Nhờ sự hiểu cổ, tồn cổ này, mà **chúng ta thấy được Đạo, được Thiên Đạo, được Chân Đạo mà các bậc Hiền Thánh muôn nghìn đời trước đã theo.**

Thế nào là Thiên Đạo?

Đọc **Kinh Thi**, thiên Đại Nhã, đã thấy rằng thời xa xưa, nhân loại đã tin rằng Trời chiếu ánh sáng muôn trùng vào tâm hồn chúng dân, Trời đã ẩn tàng trong lòng chúng dân, để làm khuôn phép mẫu mực, để ra mệnh lệnh, để hướng dẫn chúng dân trên mọi bước đường đời. Các bậc vương giả, các bậc hiền nhân thời ấy, cố gắng sống sao cho đức hạnh tuyệt vời, để kết hợp với Trời, để có thể được coi như là vẻ sáng của Trời như Văn Vương...

Đó chính là cái đại đạo **Thiên Nhân Hợp Nhất** của người xưa.

Nhờ sự hiểu cổ của Đức Khổng, mà ta còn biết được về nền **Thiên Trị** của người xưa.

Thế nào là một nền Thiên Trị?

Nền Thiên Trị là một nền chính trị lấy Trời làm khởi điểm, và làm cùng điểm nhân loại. Các bậc Thánh Vương là những vì Thiên Tử thay Trời trị dân. Luật pháp của các

ngài là những định luật tự nhiên. là nhân luân, là tam cương, ngũ thường, là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, là Lễ, Nghĩa, Liêm, Si.

Các vị Thánh Vương lên trị nước không phải là để hưởng thụ, để buông thả cho dục tình tha hồ phóng túng, nhưng chính là để tuân theo ý Trời, tuân theo những định luật thiên nhiên chi phối vũ trụ và sự tiến hóa nhân quần.

Các Ngài hứa đem an bình lại cho nhân loại, nhưng không có hứa xuông, mà lại dạy mọi người phải thực hiện an bình bằng cách tu thân, bằng cách tôn trọng Tam Cương, Ngũ Thường, giữ vẹn tín nghĩa, trọng đức, khinh tài, cố gắng không ngừng để cải thiện hoàn cảnh, cải thiện nội tâm, tiến mãi trên con đường Chân, Thiện, Mỹ.

Đó chính là chủ trương của sách **Đại Học**:

*Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc Lương Tâm cương quyết phát huy.
Dạy dân lối sống tân kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng...*

Nhờ có sự hiểu cổ của Đức Khổng mà ta có được bộ **kinh Dịch**, biết được tinh thần của **kinh Dịch** là Tùy Thời Biến Dịch Nhi Tòng Đạo; Biết Tiến Thoái Phải Thì để Xu Cát, Tị Hung...

Nhờ có sự hiểu cổ của Đức Khổng mà nay ta có **Kinh Lễ**, với tinh thần **Kinh Lễ**: Học hỏi, suy tư, quan sát vũ trụ, nhân quần, khai thác lịch sử, phong tục để tìm cho ra những **định luật tự nhiên, chi phối vũ trụ và nhân quần**, để sống thế nào cho hay, cho phải, để đối xử với nhau thế nào cho hay, cho phải, cho hợp tình, hợp lý, để đi đến chỗ đại hòa, đại thuận.

-Rất mới, đồng thời Đức Khổng cũng là **con người rất mới**. Những luận thuyết của Nho Giáo về Tính Mệnh tương ứng với những thuyết Siêu Thức, Tâm Thức Vũ Trụ của Triết Học ngày nay, với những thuyết **Viễn Dịch** của Lecomte Du Nouy, với **thuyết tiến về Omega** của Teilhard de Chardin (chỉ ư chí thiện).

1. Khảo cứu **Tứ Thư, Ngũ Kinh** cho kỹ lưỡng, ta sẽ thấy rằng **Đức Khổng chủ trương Chân Đạo, Đại Đạo phát xuất tự thâm tâm, và Trời chẳng ở đâu xa, mà tiềm ẩn ngay trong đáy lòng con người**. Thì gần đây, trong số báo **Time** ra ngày 16-12-69, với chủ đề là: “*Thượng đế có đang sống lại không?*” (*Thượng Đế có đang trở lại với cuộc đời chúng ta không?*), có một đề mục rất là kỳ thú với nhan đề là “*Sự du hành nội tâm*”. Trong đề mục này, bà Jean Houston, một triết gia kiêm tâm lý học gia, giám đốc viện Khảo Cứu về Tâm Linh ở Mỹ, tin rằng những cuộc thí nghiệm gần đây về nội giác, bằng những phương pháp tâm lý, hay bằng những dược liệu, đã đưa đến một sự phát sinh ra một nền Thần Học Chứng Nghiệm. Theo bà Houston, thì tâm hồn con người có một điểm tiếp xúc được với Đại Thể, một Đại Thể đã được chứng nghiệm là Tâm Linh.

Trong các phòng thí nghiệm, ngày nay người ta đã cải thiện được các phương pháp các dòng tu xưa đã dùng, nên con người ngày nay, càng ngày càng tiếp xúc được với sự linh thiêng nội tại ấy...^[21]

Như vậy, tức là ngày nay, con người đang chấp chững đi vào nội tâm để tìm Trời, tìm Thần Linh, một công chuyện mà Đức Khổng và các Hiền Thánh xa xưa đã làm từ mấy ngàn năm nay...

2. Từ ngàn xưa, Đức Khổng nói: “*Thiên hạ lo gì nghĩ gì? Đường đi khác nhau nhưng mục đích là một, tư lự trăm chiều mà chân lý không hai.*” ^[22]

Ngày nay, sau ngót 2000 năm thù ghét nhau, hãm hại lẫn nhau, giết lát, chém giết nhau, vì bất đồng tín ngưỡng, con người gần đây đã tỏ ra thông cảm, hiểu biết nhau hơn, và ta đã thấy mọc lên khắp nơi phong trào Hòa Đồng Tôn Giáo.

3. Ấy là chưa kể đến thuyết Đại Đồng của Đức Khổng: “**Thiên hạ là một nhà, bốn biển đều là anh em.**”, mà còn lâu con người mới thực hiện được.

Như vậy, Đức Khổng chẳng phải là **con người rất cũ**, và **rất mới** là gì?

3. Đức Khổng, con người có niềm tin vững mạnh về thân thể và sứ mạng mình.

Đức Khổng bình nhật rất khiêm cung, Ngài chỉ nhận Ngài là một học giả, chứ không nhận mình là Thánh Nhân hay Thánh Hiền. Ngài nói: “*Như là bậc Thánh, bậc Nhân thì ta há dám? Nhưng làm mà không chán, dạy người mà không mỏi, ta chỉ có thể gọi được như vậy mà thôi.*” ^[23]

Nhưng đến khi bị vây ở đất Khuông, bị nạn ở nước Tống, Ngài mới khẳng khái để lộ chân tướng mình ra. Lúc ấy Ngài mới xưng mình là: “*vẻ sáng Thượng Đế, chẳng khác gì Văn Vương*” ^[24], mới xưng mình là *Đức của Trời* (là sự hiển dương của Trời.) ^[25]

Ngài biết mình sinh ra để đem lại cái Đạo toàn mãn cho con người.

-Đó là làm ăn, tức là **Vật Đạo**, hay cải thiện hoàn cảnh vật chất.

-Làm người, tức là **Nhân Đạo**, cải thiện nhân tâm, tu thân, để đem an lạc lại cho nhân thế.

-Làm Thần, tức là **Thiên Đạo**, sống cuộc đời hoàn thiện, Cao Minh Phối Thiên (Trung Dung, chương XXVI).

Vì vậy, mà có lần Ngài ví mình như một người đánh xe (L.N. IX, 12), đánh xe đạo lý để đưa muôn triệu người tới tinh hoa, hoàn thiện. Quan Tể đất Nghi còn ví Ngài như mỡ gỗ (L. N. III, 24), mỡ gỗ để rao truyền chân lý cho vang rầy khắp muôn phương.

4. Đức Khổng là con người đã được đạo thống Trung Dung.

Trung Dung là một Tâm Pháp của Thánh Hiền, kế thế tương truyền từ Nghiêu, Thuần về sau, chẳng khác nào Tâm Ấn, Phật Ấn rồi truyền qua các thế hệ.

Đức Khổng là một trong những bậc Thánh Hiền đã được Tâm Pháp Trung Dung.

Tâm Pháp Trung Dung cao diệu trên có thể toát lược như sau:

1. Trục giác được rằng dưới lớp **nhân tâm nghiêng ngả**, còn có **Đạo Tâm**, còn có **Thiên Tâm siêu vi**, **ẩn áo**, **chi phối bên trong**.

Kinh Thư viết:

Lòng của Trời siêu vi huyền ảo,

Lòng con người điên đảo ngả nghiêng.

Tinh rờn, chuyên nhất, ngày đêm,

Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời. ^[26]

-Trung Dung phát khởi từ một **niềm tin, một linh giác rằng con người thông phần bản tính của Trời, cho nên con người sinh ra đời có mục đích tối hậu là thực hiện Bản Tính Chí Thiện** ấy. Nói cách khác, con người phải học hỏi, suy tư, cố gắng không ngừng để tiến tới hoàn thiện, hoàn mỹ. Vì vậy, mà ngay đầu sách **Trung Dung** viết:

*Thiên mệnh cũng chính là Bản Tính,
Đạo là noi theo Tính Tự Nhiên...*

-Nói theo từ ngữ Đạo giáo, thì Trung Dung dạy con người biết rằng Trời hay Đạo đã tiềm ẩn nơi thân tâm con người, luật Trời đã ghi tạc ngay trong lương tâm con người. Cho nên người quân tử phải biết kính sợ Trời tiềm ẩn nơi tâm hồn mình.

*E dè cái mắt không nhìn,
Tai nghe không nổi cho nên hãì hùng.
Càng ẩn áo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi càng tỏ sáng nhiều,
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng.*

(**Trung Dung** chương I).

-Tóm lại, **Trung Dung** đưa con người tới bậc chí thánh. Chính vì vậy mà các đoạn cuối **Trung Dung** toàn nói về bậc Chí Thánh, tham tán cùng đất trời trong công cuộc hóa sinh...

5. Đức Khổng con người vụ bản.

Đức Khổng khác chúng nhân ở chỗ là chúng nhân thì phù phiếm, sốc nổi, sống vụ vào những chi tiết vụn vặt, những hiện tượng hào nháng bên ngoài, những biến cố lịch sử phù du, vân cầu, còn Ngài cũng như các bậc Minh Triết khác đều sống một cuộc sống nội tâm rồi rào, sâu sắc, dựa vào tinh hoa, bản thể con người, dựa vào những gì vĩnh cửu, trường tồn.

Ngài tìm cầu học hỏi, nhưng tìm cầu học hỏi những điều chính yếu, những điều tinh hoa căn bản, quan thiết đến định mệnh và hạnh phúc con người. Ngài súc tích, nhưng súc tích những gì không hao mòn, hủy hoại được. Ngài xây dựng, nhưng xây dựng trên những nền tảng vĩnh cửu...

Vụ bản là gì? Thừa là trọng gốc.

Luận Ngữ viết: **Quân tử vụ bản. Bản lập nhi Đạo sinh.** (L.N. I, 2) Người quân tử chuyên chú vào việc gốc. Cái gốc được vững tốt, tự nhiên Đạo Lý bắt đầu từ đó mà sinh ra.

Đại Học viết:” Mỗi vật đều có gốc ngọn, mỗi việc đều có đầu đuôi. Biết cái gì trước, cái gì sau là gần Đạo, gần Trời vậy.” (**Đại Học**, I)

“Không bao giờ các gốc loạn mà cái ngọn trị được.” (**Đại Học**, I).

Đại Học cho rằng:” Nếu biết được gốc, đó là cái biết cao siêu nhất.” (**Đại Học**, 4)

Theo **Đại Học**, cái biết cao siêu nhất, chính là biết trong Tâm có căn cốt Trời, như vậy, mới có thể dừng chân nơi hoàn thiện được. (**Đại Học** chương I và IV).

Đại Học viết:

*Dày công học vấn, sẽ hay khôn Trời,
Hay khôn Trời, ắt thấu thấu triệt,
Thấu triệt rồi, ý thiết, lòng ngay,
Lòng ngay, ta sẽ hóa hay,
Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên,
Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
Nước trị bình, bốn bể bình yên... (**Đại Học**, I)*

Có biết được rằng vũ trụ, quần sinh là do một gốc Trời sinh sôi, nảy nở, thì mới nói được như Đức Khổng: “Đạo ta là do một nguyên lý mà suy rộng ra để quán triệt mọi sự.” (L.N. IV, 15. L.N. XV, 2).

6. Đức Khổng là con người biết tìm cho ra những định luật thiên nhiên để mà theo, mà giữ, cho cuộc sống cá nhân và xã hội trở nên hoàn hảo.

Ngài tìm ra những định luật thiên nhiên bằng:

- Trực giác.
- Bằng suy luận.
- Bằng cách nghiên cứu lịch sử.
- Bằng cách nghiên cứu lịch sử cổ kim.
- Bằng cách khảo sát lại cuộc thành bại xưa và nay.
- Bằng cách suy diễn từ những quan niệm của **Dịch Kinh**.^[27]

Do đó, Ngài tìm ra được những định luật rất quan trọng. Xin đan cử một vài:

1. **Định luật tôn ti**, trật tự chi phối vũ trụ, quần sinh.

Về định luật này, Hạ Đương đã viết: “ Vạn vật đều có quý tiện, cao hạ, đại tiểu, tôn ti, văn chất khác nhau. Thánh Nhân chế phép tắc để mọi loài quý tiện, cao hạ sống xứng với tính cách mình.” (**Lễ Ký**, tựa)

2. **Định luật hiệt cử**, tức là Suy bụng ta ra bụng người. Do đó mới có câu: “**Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.**”^[28]

3. Định luật: “**Tâm vật hỗ tương ảnh hưởng**” (Tâm Thần và ngoại cảnh ảnh hưởng lẫn nhau.)

Đại Học cho ví dụ: Tâm ảnh hưởng đến thể xác, đến vật:

*“Giàu thời nhà cửa khang trang,
Đức thời thân thể khang an, rạng ngời.
Lòng mà khinh khoát, thanh thoi,
Rồi ra sẽ thấy tốt tươi hình hài.” (**Đại học**, VI)*

Ngược lại, Khổng Tử Gia Ngữ cho rằng:

*Mặc áo tang, lòng sẽ không nghĩ đến sự vui,
Cầm phủ phát, mặc y cổn, măng bào, tự nhiên sẽ nghiêm trang.*

Mang giáp trụ, sẽ thấy thêm mạnh bạo.” ^[29]

Đức Khổng chủ trương con người sinh ra đời cần tiến tới hoàn thiện.

Trung Dung viết:

“ Hoàn Toàn là đạo của Trời,

Trở nên hoàn thiện đạo người xưa nay.” ^[30]

Đó cũng chính là chủ trương: “**Mình mình đức, Tân Dân, chỉ ư chí thiện**” của sách **Đại Học**. (**Đại Học**, I)

7. Đức Khổng biết sống linh động, uyển chuyển tùy thời, xử thế.

Đức Khổng rất am tường Dịch Lý, nên hết sức là uyển chuyển. Chủ trương của Ngài là: “*Người quân tử ở trên đời không nhất thiết phò các gì, không nhất thiết chống cái gì, cái gì phải thời theo.*” (L.N. IV, 10).

Mạnh tử cũng khen Ngài là một vị Thánh biết thức thời, biết tùy thời. (**Mạnh Tử**, Vạn Chương Hạ,X,1).

Đức Khổng chủ trương con người sinh ra ở đời, hết sức là tùy thuộc vào hoàn cảnh, cho nên ở vào địa vị nào thì cư xử theo địa vị ấy. Trung Dung gọi thế là: “Tổ kỳ vị nhi hành”:

Người quân tử sống theo địa vị,

Không ước mơ, suy nghĩ viễn vông.

Sang giàu, sống lối giàu sang,

Nghèo hèn, sống lối nghèo hèn ngại chi.

Tới man di, sống y man mại,

Gặp gian lao, vui nổi gian lao,

Bất kỳ sống ở cảnh nào,

Lòng người quân tử ra vào thỏa thuê...

(**Trung Dung** XIV).

8. Đức Khổng có tâm hồn hết sức thanh sáng, rất yêu thơ và yêu nhạc.

Vì yêu thơ, nên Ngài đã san định **Kinh Thi**.

Vì yêu Nhạc, nên Ngài đã đem 305 thiên **Kinh Thi** ra mà đàn ca với âm thanh của Thiệu, Vũ, Nhã, Tụng. (Xem Tư Mã Thiên, **Khổng Tử Thế Gia**.)

Có điều lạ lùng này là Đức Khổng yêu thơ nhất là lúc trở về già. Ngài càng trở nên yêu đời, yêu vẻ đẹp thiên nhiên. Ngài khen Tăng Tịch vì Tăng Tịch đã sống tiêu sái, muốn cùng ít nhiều bạn trẻ, vào những ngày cuối xuân ấm áp, tắm mát ở sông Nghi, hóng gió ở đền Vũ Vu, rồi trên đường về, cùng nhau ca vịnh cho vui. (L.N. XI, 25).

Ngài yêu Nhạc từ hồi còn trẻ:

Ai hát bài nào hay, Ngài thường yêu cầu hát lại, và tập hoà theo. ^[31] Ngài đã học hỏi với các nhạc sư danh tiếng như Trình Hoảng ở Châu, các nhạc sư ở Tề, ^[32] và ở Lỗ. ^[33]

Năm 35 tuổi, sang Tề, Ngài có dịp học Nhạc Thiều. Ngài học say mê, đến nỗi trong vòng ba tháng, ăn mà không để ý đến mùi vị thịt. ^[34] Thường nhật, Ngài hay đàn ca, hoặc gảy đàn sắt, ^[35] hoặc đánh khánh. ^[36]

Ngài thích các loại nhạc uy nghi, trang trọng, như nhạc Thiều, ^[37] và ghét những loại nhạc dân dã, phóng túng như nhạc Trịnh. ^[38]

Ngài chủ trương:

Học **Kinh Thi**, cho lòng thêm hứng khởi, vui sống.

Học **Kinh Lễ**, để biết tuân theo những định luật tự nhiên.

Học **Nhạc**, để con người trở nên vẹn hảo, hòa hợp được với nhân quần, vũ trụ. Đó là chủ trương: “**Hưng ư Thi, lập ư Lễ, thành ư Nhạc của Luận Ngữ.**” ^[39]

8. Đức Khổng, một vị giáo sư gương mẫu.

Đức Khổng rất tha thiết giáo hóa chúng nhân.

Ngài nói: “*Ta chẳng dám coi mình là Thánh, là Nhân, nhưng thực ta làm không chán, dạy người không mỏi, ta chỉ có thể được gọi như vậy thôi.*” ^[40]

Các vua chúa sau này cũng xưng tụng Ngài là “Vạn Thế Sư Biểu”.

Ngài dạy học, cốt là dạy con người biết hiếu đễ, cần tín, yêu người, trọng đức, chứ không cốt học văn chương suông. ^[41]

Phương pháp giáo dục của Ngài y như phương pháp giáo dục của Socrates, mà người ta thường gọi là “phương pháp giáo dục hộ sản”. Theo phương pháp này, thầy dạy học bắt chước thầy thuốc. Thầy thuốc chỉ đỡ đẻ, chứ không đẻ hộ; thầy dạy học cũng vậy, chỉ giúp cho học trò biết nghĩ, biết suy, chứ không suy hộ, nghĩ hộ, sống hộ học trò. Mục đích là càng ngày càng làm cho học trò phát huy được trí tuệ mình, trở nên sáng suốt, trở nên linh động, hoạt bát...

Nhan Hôi nhận định: “*Thầy ta tuân tự mà dẫn dụ người một cách khéo léo. Ngài dùng văn học mà mở mang trí thức ta. Dầu ta muốn thôi, cũng không thôi được.*” ^[42]

Tóm lại, Ngài mở trường:

-Dạy cách làm người.

-Dạy cách xử trị người cho nên tốt, nên hay. (**Đại Học**)

-Dạy cách làm Thánh Hiền. (**Trung Dung**)

Nhờ vậy, mà các cao đệ Ngài sau này đều trở nên những bậc Hiền Thánh, treo gương cho đời, và đạo Nho, từ xưa đến nay, cũng đã tạo nên được không biết bao nhiêu là anh hùng, hào kiệt, là chính nhân, quân tử.

10. Đức Khổng là một sử gia.

Ngài đã san định 2 bộ sử vĩ đại: **Kinh Thư** và **Kinh Xuân Thu**.

1. **Kinh Thư**, từ thời Nghiêu (2356-2255) đến Tần Mục Công (659-620), gồm khoảng 1723 năm.

2. **Kinh Xuân Thu** từ năm Ân Công 1 (-721) đến năm Ai Công 14 (-481), gồm 242 năm.

Qua trung gian 2 bộ sử ấy, Ngài đã cho ta thấy những hoạt động, những lời lẽ, những nguyện ước, những đường lối, những cách tiếp nhân, xử thế của người xưa, nhất là của những người cầm đầu dân nước, nhân đó suy ra được các nguyên nhân hưng vong, loạn trị.

Ngài viết sử nhưng thực ra cũng muốn dùng sử của Ngài để đổi loạn thành trị, bằng phương pháp “**chính danh, định phận**”, đề cao tài năng, nhân nghĩa, đạo đức, chê bai mạt sát những chuyện thoán loạn, bạo tàn, gian ác (*Xuân Thu*); cổ súy và phục hưng lại nền Thiên Trị lý tưởng của các bậc Thánh Đế, Thánh Vương thời trước (*Kinh Thư*).

11. Đức Khổng là một chính trị gia.

Ngài cho rằng: **Trong nhân đạo, không gì lớn hơn chính trị.** ^[43]

Nhưng chính trị đây là cả một khoa học siêu vi, đem an bình thái thịnh đến cho dân nước, làm cho mọi người ăn ở xứng đáng với danh hiệu con người. **Làm chính trị là làm cho con người trở nên ngay chính. Muốn được vậy, nhà cầm quyền phải ngay chính trước đã.**

Ngài tha thiết cổ súy một chính quyền lý tưởng, một quốc gia lý tưởng, trong đó Vua ra Vua, Tôi ra Tôi, Cha ra Cha, Con ra Con, ^[44] biết tương kính, tương thân, thượng hòa, hạ mục. ^[45]

Chính quyền lý tưởng ấy phải được xây dựng trên căn bản hoàn thiện, hoàn mỹ, tức là phải tự coi mình có Thiên Chức, Thiên Mạng để đem an lạc lại cho chúng dân và có nhiệm vụ hướng dẫn chúng dân tới hoàn thiện, hoàn mỹ. ^[46] Chính quyền phải dựa vào hai tôn chỉ: Yêu dân và Kính dân. ^[47]

12. Đức Khổng là vị Thánh Nhân chân thực.

Tử Cống hỏi Đức Khổng: “Thầy là Thánh rồi chứ gì?” Đức Khổng đáp: “Ta chẳng dám nhận là Thánh. Nhưng làm lành, học Đạo mà không chán, dạy đời mà không biết mệt, ta chỉ được như vậy thôi.” Ông Tử Cống thưa rằng: “Làm lành, học Đạo mà không chán, tức là Trí; Dạy đời mà không mệt tức là Nhân. Có đủ Nhân và Trí, Thầy quả là Thánh rồi.” ^[48]

Đức Khổng là vị Thánh Nhân chân thực, vì:

-Đã đạt tới Thiên Đạo, Trung Đạo. ^[49]

-Ngài đã “Tận Tính”, tức là đã đạt tới Siêu Thức Đại Đồng, ^[50]

-Ngài đã sống cuộc đời phối kết với Thượng đế nhất là trong tuổi già. ^[51]

-Ngài đã có công đem Thiên Lý, nhân luân dạy cho muôn triệu con người, thế tức là “tham tán tài thành” cùng trời đất. ^[52]

Ngài đáng được khen tặng bằng những lời **Kinh Dịch**:

*Thánh nhân đức hạnh bao la,
Như Trời, như đất cao xa muôn trùng.
Sáng như nhật nguyệt hai vầng,
Sống đời tiết tấu, hợp khung bốn mùa,
Những điều lành dữ, ghét ưa,*

*Quý thần đường lối, đem xo khác nào.
Trước Trời, Trời chẳng trách đâu,
Sao Trời cho hợp cơ màu thời gian.
Trời không trách cứ, phàn nàn,
Thời người còn dám than van nỗi gì?
Trời, người chẳng trách, chẳng chê,
Quý thần âu cũng chẳng hề oán than.* ^[53]

KẾT LUẬN.

Phác họa lại chân dung Khổng Tử không phải là để khen lao Đức Khổng, mà chính là để ta dễ bề bắt chước Ngài.

Nhan Hồi xưa cũng đã nói: “Thuần là ai? ta là ai? Nếu ta cố gắng, ta cũng sánh được với Thuần vậy.” ^[54]

Cụ Phan Sào Nam quả là người đã thấu hiểu được ý Đức Khổng khi lập giáo, là muốn cho mọi người tiến tới tinh hoa, hoàn thiện, vì thế cụ đã viết trong “Phàm Lệ” ở đầu bộ **Khổng Học Đăng** như sau:

“Hễ ai đọc bản sách này, trước phải lập định một cách tự nhiên rằng: Ta là Khổng Tử, ta là Mạnh Tử, ta là Bá Lạp Đồ (Platon), ta là Khang Đức (Kant), chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có Đông, Tây, mà tâm lý in như nhau. Thánh hiền tức là ta, ta tức là Thánh hiền, ta chỉ là người hậu tiến của cổ nhân mà thôi.” (**Khổng Học Đăng**, Phàm Lệ, trang 10)

Vậy chúng ta hãy cố gắng theo chân Đức Khổng, trở thành những con người viên dung, toàn mãn, gồm đủ trong mình ba thứ Đạo:

-Vật Đạo: Cố gắng cải thiện hoàn cảnh vật chất, chu toàn đời sống vật chất con người.

-Nhân Đạo: Ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người, đối đãi với nhau cho hợp tình, hợp lý, có thủy, có chung.

-Thiên Đạo: Cố gắng cải thiện tâm hồn, hoán cải khí chất, tiến tới hoàn thiện, sống hồn nhiên, phối kết với Thượng Đế.

Chung qui vẫn chỉ là: “Hãy nhìn cho xa, hãy trông cho rộng, hãy nghĩ cho sâu, hãy vượt cho cao, đừng bao giờ dừng chân trước khi chưa tới hoàn thiện.” ^[55]

Trung Dung viết:

*Nên quân tử dốc một lòng, một dạ,
Trọng kính Trời, quyết gắn bó học hành.
Tiến sao cho đến mức rộng rãi tinh anh,
Mức cao sáng của Trung Dung đạo cả.
Ôn điều cũ, học thêm điều mới lạ,
Chuộng lễ nghĩa, sống đời sống nét na,*

Ở ngôi cao, không có thói kiêu xa,
Ở cấp dưới, không làm điều trái nghịch.
Nước có Đạo, chỉ một lời làm tiến ích,
Nước đảo điên, lạng lẽ đủ dung thân.
Thơ rằng: Khôn lại còn ngoan,
Khôn ngoan, nên mới bảo toàn tấm thân... ^[56]

&

CHÚ THÍCH

^[1] *Uyên Giám loại hàm*, q. 4, tr. 4612 mục chữ Thánh

^[2] *Luận Ngữ*. XIX, 23.

^[3] *Luận Ngữ* XII, 9.-XVIII, 4.-*Mạnh tử* X, 1.-XII, 6.-XIV, 17.

^[4] *Luận Ngữ* IX, 17.-XII, 10.-XV, 1.

^[5] Tề Cảnh Công vấn chánh ư Khổng Tử. Khổng tử đối viết: Quân, quân, thần, thần, phụ, phụ, tử, tử.

Luận Ngữ. XII, 2.

^[6] *Mạnh tử*, Tận Tâm hạ, 14.

^[7] *Qui Nguyên Trục Chỉ*, Đỗ Thiệu Lăng dịch, q. I, chương XXI, tr. 279.

^[8] *Qui Nguyên Trục Chỉ*, Đỗ Thiệu Lăng dịch, q. I, chương XXIV, tr. 335.

^[9] Minh Thiện, *Minh Lý Yêu Chỉ*, tr. 52.

^[10] Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, tr. 308. Thiên *Vinh Nhục* VI của Tuân Tử.

^[11] *Mạnh tử*, Cáo Tử Thượng, tiết 7.

^[12] Tử viết: Ngô thập hựu ngũ, nhi chí vu học. Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, Ngũ thập nhi tri Thiên Mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập, tùng tâm sở dục nhi bất du củ.

Luận Ngữ. II, 4.

^[13] *Luận Ngữ*. XV, 30.

^[14] *Tả Truyện*, Chiêu Công 2, và *Chư Tử Thông Khảo* tr. 47

^[15] *Luận Ngữ*. *Thuật nhi* VII, 18.

^[16] 孔子晚而學易，讀之韋編三絕，而為之傳。 Khổng tử văn nhi học Dịch, độc chi vi biên tam tuyệt, nhi vi chi truyện.

Nho giáo, 1, tr. 191. -Tư mã Thiên, *Sử Ký, Khổng Tử Thế Gia*, trong *Từ Điển Chu Dịch*, tr. 827.

Luận Ngữ. Thuật Nhi VII, 16

[17] *Luận Ngữ. Tử Trương*, XIX, 22.

[18] *Luận Ngữ. Thuật nhi*, VII, 29.

[19] *Luận Ngữ. Thuật nhi*, VII, 1.

[20] *Trung Dung*, ch.30.

[21] (Cf. Time, 28, 1969: *Is God coming back to life? Changing Theology for a Changing World. Inner Voyages.*

“What might the next in Theology? Philosopher-Psychologist Jean-Houston, co-director with her husband R. E. L. Masters of the Foundation for Mind Research, believes that current experiments in deepening awareness by psychological techniques or with drugs (which she does not advocate) are already leading to the rise of what she calls “experimental Theology”. **According to Houston, the human psyche possesses a “built-in point of contact” with larger reality that is experienced as Divine.** As the laboratory “improves upon techniques developed in the monastery,” people will increasingly encounter this interior sacrality. Indeed, she claims “Theology may soon become dominated by men whose minds and imaginations have been stimulated by inner voyages of one kind or another.”

Time, Dec. 26, 1969, p. 35.

[22] 天下何思何慮。天下同歸而殊途，

一致而百慮。天下何思何慮。

Thiên hạ hà tư, hà lự? Thiên hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. Thiên hạ hà tư hà lự?

Dịch, Hệ Từ hạ, chương 5, tiết 1.

[23] *Luận Ngữ*, VII, 33.

[24] *Luận Ngữ*, IX, 5.

[25] *Luận Ngữ*, VII, 22.

[26] 人心惟危，道心惟微，惟精惟一，允執厥中。

Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết Trung. *Kinh Thư*, Đại Vũ Mô, 15.

[27] Xem *Lễ Ký chính nghĩa*, Tựa, tr. 1. Xem *Tổng bản thập tam kinh, Lễ Ký*.

[28] *Đại Học*, X.-*Luận Ngữ*. XV, 23.

[29] *Khổng Tử Gia Ngữ*, Hiếu sinh, X. Trần Trọng Kim, *Nho Giáo* I, tr. 149.

[30] 誠者天之道也，誠之者人之道也。

Trung Dung, XX.

[31] *Luận Ngữ*. VII, 1.

[32] *Luận Ngữ*. VI, 13.

[33] *Luận Ngữ*. III, 23.

[34] *Luận Ngữ*. VII, 13.

[35] *Luận Ngữ*. XVI, 19.

- [36] *Luận Ngữ*. XIV, 42.
- [37] *Luận Ngữ*. III, 25.
- [38] *Luận Ngữ*. XVII, 17.
- [39] *Luận Ngữ*. VIII, 9.
- [40] *Luận Ngữ*. VII, 33.
- [41] *Luận Ngữ*. I, 6.-*Luận Ngữ*. I, 7.
- [42] *Luận Ngữ*. IX, 10.
- [43] Nhân đạo chính vi đại: 人道政為大。 *Lễ Ký*, Ai Công văn, tiết 6.
- [44] *Luận Ngữ*. XII, 2.
- [45] *Luận Ngữ*. III, 19.-*Lễ Ký*, Ai Công văn chính, 9.
- [46] *Trung Dung* chương XX.-*Kinh Thư*, thiên Hồng Phạm, tiết 9.
- [47] 愛與敬其政之本也。 Ái dữ kính kỳ chính chi bản dã.
Lễ Ký, Ai Công văn viết, tiết 9.
- [48] *Mạnh Tử*, Công Tôn Sửu thượng, 2.
- [49] *Mạnh tử*, Tận Tâm hạ, 37, 38.-*Luận Ngữ*. XIII, 21.
- [50] *Trung Dung*, XXII.
- [51] *Luận Ngữ*. II, 4.
- [52] *Trung Dung*, XXII.
- [53] *Dịch kinh*, Kiền, Văn Ngôn, hào Cửu Ngũ.
- [54] *Mạnh Tử*, Đằng Văn Công thượng, 1.
- [55] *Đại Học*, I.-*Luận Ngữ*. IX, 18.
- [56] *Trung Dung* XXVII.

CHƯƠNG XX.

TINH HOA KHÔNG GIÁO THEO TỨ THƯ, NGŨ KINH.

Muốn hiểu ý nghĩa một cuốn sách, cần biết chủ trương cả cuốn sách. Muốn hiểu ý nghĩa một cuốn sách, cần biết chủ trương toàn bộ sách.

Vậy muốn hiểu *Trung Dung*, tất nhiên ta phải duyệt qua những quan niệm then chốt, cốt cán trong *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*.

Nếu tạm gác những vấn đề luân lý, chính trị thông thường sang một bên, ta có thể toát lược những tư tưởng nòng cốt trong *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh* như sau:

1. Trời là chủ thể vạn vật.

Tứ Thư, *Ngũ Kinh* nhất là *Thi*, *Thư* luôn đề cập đến Thượng Đế.

2. Trời là thực thể cho muôn loài, muôn vật dựa nương, làm chủ chốt mọi biến hóa, và là căn nguyên mọi hiện tượng.

Niềm tin tưởng này được cụ thể hoá bằng vòng Dịch, trong đó Tâm Điểm là Thái Cực, tượng trưng cho Trời bất biến, trường tồn; các hào quái bên ngoài tượng trưng cho muôn hiện tượng luân lưu, biến hóa. Đó là quan niệm: **Thiên địa vạn vật đồng nhất thể** của Nho giáo. ^[1]

3. Trời, người quan hệ hết sức mật thiết với nhau. Các Thánh Hiền Nho giáo đều chủ trương: “Thiên Nhân tương dữ; Thiên Nhân hợp nhất.” ^[2]

Trung Dung viết:

*Biết người trước phải biết Trời,
Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao?* ^[3]

Kinh Thi viết:

*Trời xanh dẫn dắt chúng nhân,
Như là tấu khúc nhạc Huân, nhạc Trì,
Trời người đôi ngọc chương khuê,
Bên cho, bên lấy để huê biết bao.
Tay cầm, tay giắt khéo sao,
Trời xanh dẫn dắt dân nào khó chi.* ^[4]

4. Trời luôn ẩn áo, ngự trị trong lòng con người. ^[5]

Thiên Mệnh, Thiên Lý, Thiên Đạo “một giây, một phút không rời khỏi ta”. ^[6]

Thiên Mệnh, Thiên Lý chính là Bản tính con người, là cốt cách con người. ^[7]

Như vậy, tâm hồn con người tuy một mà hai: Trong nhân tâm nghiêng ngửa, còn có đạo tâm siêu vi, ảo ảo. ^[8]

Dưới lớp nhân tình, còn có Thiên Lý làm khuôn phép. ^[9]

Phần Thiên Lý, Thiên Tính phổ quát chí thành, chí thiện ấy, **Tứ Thư, Ngũ Kinh** gọi là: Dịch ^[10] Thần ^[11] Thái Cực, ^[12] Thiên Địa chí tâm, ^[13] Đạo Tâm, ^[14] Hoàng Cực, ^[15] Trung, ^[16] Di, ^[17] Tắc, ^[18] Tính, ^[19] Cách, ^[20] Minh Đức. ^[21]

5. Mọi người phải học hỏi để tìm cho ra bản tính chí thiện, cốt cách căn nguyên ấy.

Tìm ra được là Trí Tri, là đi tới cùng cực của sự hiểu biết. ^[22]

6. Muốn tìm Đạo Trời phải tìm nơi đáy lòng.

Vì Bản Tính con người, vì Thiên Lý, Thiên Đạo tiềm ẩn đáy lòng, nên muốn tìm ra Bản Tính, muốn tìm ra Thiên Lý, Thiên Đạo, cần phải quay về ta, mà tìm, mà kiếm, cần phải hồi Tâm, tĩnh Trí, tránh phóng dăng, phải biết tập trung tư tưởng, miệt mài suy tư, mới thành công được.

Trung Dung viết:

*Tử Tư nương ý chân truyền,
Trung Dung hạ bút, nói liền duyên do:
Nguồn đạo ấy phát từ Thượng Đế,
Chẳng đổi thay, chẳng thể biến rời,*

*Hoàn toàn đầy đủ nơi người,
Một giây, một phút chẳng rời khỏi ta.
Rồi bàn tiếp chi là cần thiết,
“Nhê Dưỡng, Tôn, Tĩnh, Sát” vân vân...
Cuối cùng tác giả luận bàn,
Sức thiêng “biến hoá, thánh thần” uy linh.
Những học giả muốn tìm Đạo ấy,
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai.
Đẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung... [\[23\]](#)*

Mạnh Tử viết:

*Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tình thành,
Kiện toàn hoàn thiện, tinh anh,
Vui nào hơn được vui mình đang vui. [\[24\]](#)*

7. Phải biết “kính cần” “khử nhân dục”, “tôn Thiên Lý”, hoàn thiện mình để kết hợp với Trời.

Khi đã tìm thấy Đạo, thấy Trời ẩn áo ngự trị trong lòng mình, con người phải “kính cần” [\[25\]](#) “cố gắng hoàn thiện mình”, [\[26\]](#) noi theo gương Trời, [\[27\]](#) rũ bỏ mọi tình ý riêng tây (vô ý) [\[28\]](#), thoát khỏi cái mình nhỏ nhoi, ti tiện (vô ngã), [\[29\]](#) để sống kết hợp với Trời. Đó là Phôi Thiên [\[30\]](#); đó là Cực điểm tiến hóa của con người. Đó là Đạt Thế Trung Hòa [\[31\]](#), đạt tới Trung Tâm huyền diệu của Vũ Trụ và của con người.

8. Trong công cuộc tu thân, cần phải luôn luôn gắng gỏi công trình, luôn luôn học hỏi suy tư.

Học cho biết mình, biết người, biết định luật vũ trụ, biết thời thế để xuất xử, hành tàng, cho hợp thời, hợp cảnh. Đó là Thời Trung. [\[32\]](#)

Có học hỏi, có cố gắng mới phát huy được sự cao đại, huy hoàng, thiện mỹ tiềm ẩn nơi mình, mới có thể đạt thiên đức, thiên Đạo, mới có thể tung mình qua không gian, thời gian phù phiếm, biến thiên, trở về Trung Cung hằng cửu, bất dịch.

Tất cả học thuyết của Không Tử là cốt dạy cho ta tìm ra Chân, Thiện, Mỹ cao minh, tinh vi, hằng cửu, bất biến, đạt tới Trung Đạo, Thiên Đạo, Thiên Đức. Chưa đạt tới mức chí thành, chí thiện, người quân tử chẳng thể nào dừng chân, đứng lại. [\[33\]](#)

9. Tuy nhiên, như Đạo Trời có Âm, có Dương, đạo người cũng có 2 chiều: tinh thần, vật chất.

Người quân tử phải thu xếp thì giờ, lo sao cho trong ngoài vẹn cả 2 bề. [\[34\]](#)

Nửa đời đầu cố học hỏi để phát triển khả năng, tiến vào vật chất, vào đời, để mưu sinh, cải tạo hoàn cảnh, tô điểm giang sơn.

Nửa đời sau, khi mọi chuyện đời đã giải quyết êm đẹp, sẽ quay về Đạo để tu luyện bản thân, treo gương cho đời, cầu mong sao cho nên chí thành, chí thánh, chí thiện, để kết hợp với Trời. ^[35]

Đó là ý nghĩa cuộc đời theo *Tứ Thư, Ngũ Kinh*.

10. Cải thiện mình rồi, lại phải lo cải thiện người khác. Thế là Trung Thứ. ^[36]

11. Đạt tới mức chí thành chí thiện lại có công cải thiện muôn dân, sẽ được mệnh danh là Thiên Tử, là Hoàng, là Đế. ^[37]

Đó là huy hiệu mà cổ nhân tặng dùm cho các Thánh Vương như Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Văn Võ.

Những tư tưởng cao đại nói trên, theo đà thời gian, đã bị trần ai thế hệ che lấp mất.

Tước vị Thiên Tử đem áp dụng quàng xiên, Chữ Hoàng, chữ Đế không còn dùng để chỉ những người có đức độ sánh trời đất, theo nguyên nghĩa nữa, mà dùng để tăng bốc, suy tôn bất kỳ vua chúa nào.

Những chữ **Thiên Nhân Tương dũ, Thiên Nhân Hợp Nhất, Phối Thiên, Phối Mệnh**, nằm ngơ ngác trên những trang sách như tàn tích một lâu đài cổ, dầu dãi gió sương chẳng còn ai ngó ngàng tới nữa.

Cho nên khảo cứu một học thuyết, cũng như khảo cổ tìm di tích, cần tốn công phu. Một đằng đào bới đất cát để tìm di tích cũ, một đằng đào bới tư tưởng, để tìm cho ra vi ý tiền nhân. Cả đôi bên đều cần biết lọc lõi, biết tẩy trừ những hoen ố thời gian, nhân sinh, nhân thế mới có thể tìm ra được những gì quý báu của tiền nhân được.

CHÚ THÍCH

^[1] 西銘之意認天地為一家已。易一書悟天地為一已。

Tây Minh chi ý nhận thiên địa vi nhất gia dĩ. Dịch nhất thư ngộ thiên địa vi nhất dĩ. Bài Tây Minh là của Trương Tải (1020-1076), hiệu Hoành Cừ.

Tăng Đạt, Tổng Nguyên Học Ấn, quyển 7, tr. 15.

^[2] 中國自唐虞以來即有天人合一之思想。

歷代聖哲莫不繼續宏揚此天人合一之道。

Trung quốc tự Đường Ngu dĩ lai tức hữu Thiên Nhân Hợp Nhất chi tư tưởng. Lịch đại Thánh Triết mạc bất kế tục hoành dương thử “Thiên Nhân hợp nhất” chi đạo.

Trương kỳ Quân, Trung Hoa Ngũ Thiên Niên Sử, đoạn Lão Tử.

^[3] 思知人，不可以不知天。 Tư tri nhân bất khả dĩ bất tri Thiên.

Trung Dung, XX.

^[4] 天之牖民 Thiên chi dũ dân

如 壎 如 篴 Như huân như trì.
如 璋 如 圭 Như chương, như khuê,
如 取 如 攜 Như thủ như huê.
樞 無 曰 益 Huê chi viết ích,
橫 民 孔 易。 Dũ dân không dịch.

Kinh Thi, Thi Bản.

[5] 體 物 而 不 可 遺。

Trung Dung, chương XVI.

[6] *Trung Dung*, chương I.

[7] 致 知 在 格 物 ， 物 格 而 後 知 至。

[8] 人 心 惟 危 ， 道 心 惟 微 ， 惟 精 惟 一 ， 允 執 厥 中。

Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, duẫn chất quyết Trung.

Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15.

[9] 天 生 蒸 民 ， 有 物 有 則 ， 民 之 秉 彝 ， 好 是 懿 德。

Thiên sinh chung dân, hữu vật hữu tắc, Dân chi bình di, hiếu thị ý đức.

Kinh Thi, Đại Nhã, Đãng, Chung dân VI.

Trời sinh ra khắp muôn dân,

Vật nào, phép nấy định phân rành rành.

Lòng dân chứa sẵn căn lành,

Nên ưa những cái tinh thành, tốt tươi.

[10] 乾 坤 成 列 而 易 立 乎 其 中 矣。

Kiên Khôn thành liệt nhi Dịch hành hồ kỳ trung hĩ.

Kinh Dịch, Hệ Từ Thượng, Chương XII, tiết ba.

天 地 設 位 而 易 行 乎 其 中 矣。

Thiên địa thiết vị nhi Dịch hành hồ kỳ trung .

Hệ Từ Thượng, chương VII, tiết 2.

[11] 神 也 者 妙 萬 物 而 為 言 者 也。

Thần dã giả, diệu vạn vật nhi vi ngôn giả dã.

Thuyết quái, Chương VI.

[12] Thị cố Dịch hữu Thái Cực. *Hệ Từ Thượng*, XI, 5.

[13] 復 其 見 天 地 之 心 乎 ？ Phục kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồ. *Dịch*. Quẻ Phục, Thoán.

[14] 道心 . Đạo Tâm.

Kinh Thư, Ngu Thư, IV, Đại Vũ Mô, 15.

[15] 黃極。 Hoàng Cực.

Kinh Thư, Chu Thư IV, Hồng Phạm, 4.

[16] 衷,中。 Trung. *Thương Thư* 3, Thang Cáo 2.

[17] 彝。 Di. *Kinh Thi*, Đại Nhã, Đăng, Chung Dân VI, 2.

[18] 則。 Tác. (Xem 17 trên).

[19] 性。 Tính. *Trung Dung*, chương I.

[20] 格。 Cách. *Đại Học*, I.

[21] 明德. Minh Đức. *Đại Học*, I.

[22] 致知在格物，物格而後知至。

trí tri tại cách vật , vật cách nhi hậu tri chí.

Đại học, chương 1.

中即至理，何嘗不兼至義。大學，文言皆言知至。

所謂至者即此理也。語讀易者曰能知太極即是知至。

語讀洪範者曰能知黃極即知至。夫豈不可，

蓋同指此理，則曰太極，曰中，曰至，其實一也。

*Trung tức chí lý. Hà thường bất kiêm chí nghĩa. Đại Học, Văn Ngôn giai ngôn tri chí. Sở vị chí giả tức thử Lý dã. Ngự độc Dịch giả viết tri Thái Cực tức thị tri chí. Ngự độc Hồng Phạm giả viết năng tri Hoàng Cực tức thị tri chí. Phù khởi bất khả, cái đồng chỉ thử Lý, tác viết Thái Cực, viết Trung, viết chí, kỳ thật Nhất dã.

*Trung là Chí lý, và cũng là Chí Nghĩa. Đại Học, Văn Ngôn đều nói Tri Chí. Người đọc Dịch thì cho rằng biết Thái Cực là Tri chí. Người đọc Hồng Phạm thì cho rằng biết Hoàng Cực là Tri Trí. Tất cả đều là một Lý. Gọi Thái Cực, gọi Trung gọi Chí lý, đều là một vật.

Phụ Chú, Lục, Thái Cực đồ thuyết biện, Tống Nguyên Học Án, quyển 12, trang 6.

[23] *Trung Dung*, chương I, Bình Luận của Chu Hi.

[24] 萬物皆備於我矣，反身而成，樂莫大焉。

Vạn vật giai bị ư Ngã hĩ, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên.

Mạnh Tử, Tận Tâm chương cú thượng, 4.

[25] Thị cố quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đồ, Khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ần, mạc hiển hồ vi. Cố quân tử thận kỳ độc dã.

Trung Dung, chương I.

[26] *Trung Dung, XXX*

[27] 惟天為大，惟堯則之

Duy Thiên vi Đại, duy Nghiêu tắc chi.

Luận Ngữ. Thái Bá đệ bát, 19. -Lễ Ký q. 1, Trọng Ni yên cư, tr. 10.

天行健，君子以自強不息

Dịch, Quẻ Kiền, Đại Tượng Truyện.

[28] *Luận Ngữ. Tử Hãn đệ cửu, 4.*

[29] *Luận Ngữ. Tử Hãn đệ cửu, 4.*

[30] 故曰配天。Cổ viết Phối Thiên.

Trung Dung, 31.

高明配天。Cao minh phối Thiên.

Trung Dung 26.

[31] 致中和。Trí Trung Hòa.

Trung Dung, chương I.

[32] 君子之中庸也，君子而時中。

Trung Dung, II.

[33] 止於至善。Chỉ ư chí thiện.

Đại Học, I.

從容中道，聖人也。Thung dung Trung Đạo, thánh nhân dã.

Trung Dung, XX.

致廣大而盡精微，極高明而道中庸。

Trung Dung, XXVII.

苟不固通明聖知，達天德者，孰能知之。

Cầu bất cố thông minh, thánh trí, đạt thiên đức giả, thực năng tri chi.

Trung Dung, XXXII.

[34] 成己仁也，成物知也。性之德也。合內外之道也。故時措之宜也

。

Thành kỷ nhân dã, thành vật trí dã. Tính chi đức dã. hợp nội ngoại chi đạo dã. Cổ thì
thố chi nghi dã.

Trung Dung XXXI.

[35] 故曰：配天。

Trung Dung, XXXI.

[36] 曾子曰：夫子之道，忠恕而已矣。

Tăng tử viết: Phu tử chi đạo, Trung Thứ nhi dĩ hĩ.

Luận Ngữ. IV, 15.

盡己曰忠，如己曰恕。

Tận kỷ viết Trung, như kỷ viết Thứ.

Tiên Nho.

[37] 帝 = 德者合天稱帝。Đế= đức giả hợp Thiên giả, xưng Đế.

Bạch hổ Thông. Khang Hi tự điển.

-黃 = 大也，天也。

Hoàng = Đại dã, Thiên dã.

Xin đọc thêm *Nho Giáo*, Trần trọng Kim, q. I, tr. 39, 40; 213-218; và q. II, tr. 103.

CHƯƠNG XXI.

VŨ TRỤ QUAN

(THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ)



Nho giáo chủ trương: **Thiên địa vạn vật đồng nhất thể.** ^[1] Bản thể đất trời thời duy nhất, nhưng hình tướng bên ngoài thì biến ảo muôn ngàn. (**Thế duy nhất, dụng vạn thù**).

Đà diễn tiến của vũ trụ như sau:

Vô cực ^[2] sinh Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, và cứ đà ấy tạo dựng quần sinh vũ trụ. ^[3]

Nói cách khác:

Trời sinh **ánh sáng**, ánh sáng sinh từ lực. Từ lực, tức nhị khí âm dương, sẽ tác dụng phối hợp nhau, theo những phương thức khác nhau, để sinh mây gió, nước lửa, núi non, trời đất.

Theo quan niệm trên, thì Vô hình dần dà cô đọng thành Hữu hình, ánh sáng dần dần biến thành thiên hình, vạn trạng.

Ngược lại với giáo lý các đạo độc thần (Thiên Chúa Giáo, Do Thái giáo, Hồi giáo) chủ trương thế giới này đã được **dựng nên bởi không (création ex nihilo)**, Nho giáo chủ trương thuyết sinh hoá (émanation et transformation), nghĩa là **vạn hữu đã từ Nhất thể phân thân mà thành**, một thuyết sinh hoá đặc biệt, vì hết chu kỳ biến dịch, lại trở về nguyên bản. (Thiên Địa tuần hoàn chung nhi phục thủy. -Nguyên Thủy phản chung). ^[4] Ta còn gọi đó là Thuyết: **Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể**.

Thái Cực hay Ánh Sáng Chí Tôn ấy như vùng dương ngự trị giữa hoàn vũ, tung tỏa hào quang khắp nơi để duy trì sinh hoá. Đâu có sinh hoá, đâu có Thái Cực. Trong mỗi vi trần, đều có Thái Cực, trong mỗi nhân thân đều có Thái Cực. ^[5]

Thái cực còn gọi là **Trung**, vì bất biến, làm khu nửu cho vũ trụ; gọi là **Dịch**, vì làm cho vạn hữu biến hóa; gọi là **Đạo** vì là Nguyên Động lực muôn loài...

Từ trước tới nay, ít người hiểu hai chữ Vô Cực, Thái Cực của cổ nhân, nên từ ngữ đã làm chết ngẹt tư tưởng, và vì vậy không tìm ra được **điểm tương đồng giữa các học thuyết Âu Á**.

Nhưng nếu hiểu Vô Cực là “Trời Ẩn”, Thái Cực là “Trời Hiện”, thì ta sẽ biết ngay Thái Cực chính là **Đạo**, là **Hóa Công**, là **Tạo Hóa**. Như vậy, Vô Cực, Thái cực chỉ là hai phương diện Ẩn Hiện của **Hóa Công (Non-Manifestation et Manifestation)**.

Hai phương diện này làm ta liên tưởng đến **Brahman** (Vô) và **Isvara** (Hữu); **Nirguna** (Vô Tướng = sans qualité), và **Saguna** (Hữu Tướng = avec qualité) trong kinh **Veda** của Ấn Độ. ^[6]

Đó cũng là quan điểm của Lão Tử trong **Đạo Đức Kinh**.

“ Hoá Công hồ dễ đặt tên,
Khuôn Thiên hồ dễ mà đem luận bàn.
Không Tên sáng tạo thế gian,
Có Tên là mẹ muôn ngàn thụ sinh.
Tịch nhiên cho thấy oai linh,
Hiển dương cho thấy công trình vân vi.
Hai phương diện, một Hoá Nhi,

*Huyền Linh khôn xiết, huyền vi khôn lường.
Ấy là “Chúng diệu chi môn”,*

Cửa Thiêng phát xuất mọi nguồn huyền vi. ^[7]

“Thiên Địa vạn vật nhất thể “ là một học thuyết chung cho nhiều Đạo Giáo. ^[8]

Theo thuyết này, thì chỉ Tâm Điểm là trường cửu, là duy nhất, còn vạn vật vạn hữu bên ngoài thì dị biệt biến thiên. Cho nên, nếu nhìn hẹp từng tầng, từng vật, thì thấy mọi sự đều chia phối, xa lạ, còn nếu nhìn bao quát cả toàn thể, thì thấy mọi sự, mọi vật đều như lá, như cành, như hoa, như quả cùng chung một gốc, và trong những lớp màng, lớp áo, lớp vỏ biến thiên bên ngoài, **còn có một tinh hoa trường tồn, vĩnh cửu.**

Vì có tầm mắt nhìn bao quát ấy, Trang Tử đã viết:

*“Ta và Trời đất cùng sinh,
Ta và muôn vật, sự tình chẳng hai.”* ^[9]

Trang Tử còn chủ trương:

“Nếu nhìn chỗ “dị biệt”, thì thấy gan, mật, như Sỏ, Việt chia phối, nếu biết nhìn điểm tương đồng, thì vạn vật đều là một.” ^[10]

Càng đi ra bên ngoài, càng thấy tôn ti, quý tiện đôi đường cách trở, càng tiến vào bên trong, càng tiến tới chỗ tương đồng. Vào đến Tâm Điểm, đến Đạo, đến Thái Cực, thì hết phân quý tiện, vì vạn vật đều mang Thái Cực. Đó chính là chỗ Tề Vật của Trang Tử. ^[11]

Theo Alfarabi, một triết gia Ả Rập thời Trung Cổ, thì trong tác phẩm Thần Học (Théologie), Aristote cũng chứng minh sự hiện diện của Duy Nhất trong lòng mọi tạp thù dị biệt. ^[12]

Áo Nghĩa Thư (Upanishad) chủ trương: dưới những lớp biến thiên, ảo hóa bên ngoài của vũ trụ, có một Bản Thể duy nhất: đó là Tuyệt Đối thể, là Brahman, hay Atman căn nguyên của vũ trụ, và chân tâm của con người. ^[13]

...”Nhu nhận chẳng tơ, như lửa sinh tàn, tự Chân Tâm cũng phát xuất ra mọi nguồn sinh lực, mọi vũ trụ, mọi thần minh, mọi vạn hữu...” ^[14]

Sách **Zohar**, một sách Huyền Học Do Thái cũng đồng quan điểm như vậy, khi chủ trương:

“Thượng đế là Trung Điểm, vạn hữu bao bọc chung quanh, thành nhiều vòng, hay nhiều thế giới đồng tâm.

Thượng đế phát huy ra vũ trụ, nên sự phát triển của vũ trụ tiến từ tầng trong ra tới tầng ngoài, và vô hạn giáng phạm dần tới hữu hạn...Trong là Thượng giới, ngoài là Hạ giới; trong cùng là tinh thần, ngoài cùng là vật chất, vòng ngoài bao bọc, hỗ trợ vòng trong như vỏ, như cùi bảo vệ cho nhân, cho hạt...” ^[15]

Kinh **Hoa Nghiêm**, theo Đào Hư Tử, cũng chủ trương:

Vạn lý đều do một Tính mà phát xuất ra. ^[16]

Kinh Lăng Nghiêm viết: Các Pháp đều do tâm biến hiện. ^[17]

Vũ Trụ quan này đưa đến những kết quả sau:

1.Trời, người tương quan mật thiết với nhau: **Trời là Nhân, người là quả, là vô bực.** ^[18]

2.**Trời bất biến, người biến thiên.** Đã biến thiên thì không vĩnh cửu. Vậy con người muốn vĩnh cửu, muốn trường sinh bất tử, phải kết hợp với Trời, Nhân Tâm phải kết hợp với Đạo Tâm. Trường sinh bất tử không phải là một dữ kiện (**Fait**), mà là một công trình phải thực hiện (**oeuvre à réaliser**).

Thực ra, **Cựu Ước** cũng chủ trương:

“ Sự kết hợp với đức Minh Triết đưa ta đến chỗ bất diệt.”^[19]

Thế là:

Dục cầu nhân bất tử,

Tu tâm bất tử Nhân.^[20]

Dịch:

*“Muốn cho người được trường sinh,
Phải tìm ra đáng huyền linh trường tồn.”*

3.Trời ví như căn bản, nguồn gốc; nhân loại, quần sinh, ví như những cành lá (mật), những dòng sông (lưu). Trời là Thể (Essence), nhân loại quần sinh là những hiện tượng (phénomènes), những ứng dụng bên ngoài (dụng = Services). Trời thì vi ẩn; nhân loại, quần sinh thì hiển hiện, nhưng đôi bên đều mật thiết tương quan với nhau.

Chu Hi viết:

Thể dụng nhất nguyên, hiển vi vô gián

體用一源，顯微無間

Dịch:

Thể với Dụng đều chung gốc rễ,

Hiển cùng vi khôn nhẽ chia phân. ^[21]

4.Đi từ Trời xuống quần sinh, vũ trụ, từ tinh thần ra vật chất là truy lạc, là thoái hóa, nhưng cũng là tạo tác. Đi từ quần sinh vũ trụ lên tới Trời, từ vật chất về tinh thần là siêu thoát, là tiến hóa, là thần thánh hoá bản thân. Đó là Bí quyết “Qui Nguyên, phản Bản” “Trở về gốc, quay về nguồn”, ^[22] hay “Âm Dương điền đảo” ^[23] của người xưa.

5.Như vậy, sự tạo dựng trong vũ trụ chưa chấm dứt, bao lâu còn biến thiên, bấy lâu còn tạo dựng. Bao lâu con người còn cần tu luyện, thì bấy lâu lò cừ Tạo hoá còn chưa ngừng công việc được.

6. Vũ trụ quan trên xây nền tảng cho cả một hệ thống đạo lý và siêu hình học. Chỉ có Đạo, có Thái Cực, có Tuyệt Đối mới là nguồn mạch sự sống, là chân lý bất biến, là điểm hội tụ tối hậu cho nhân loại, còn các hiện tượng, hình danh, sắc tướng bên ngoài đều là tuồng biến thiên, ảo hóa. Muốn trở nên Thánh, Hiền, Tiên, Phật, muốn trường sinh, bất tử, điều kiện tiên quyết là phải biết “võng tượng”, lìa bỏ các hiện tượng, các hình ảnh; theo Trung Đạo, “dữ Đạo hợp Chân”, cho tâm thần đạt tới và sống trong Tuyệt Đối Thể.^[24] Các Hiền Thánh xưa đều muốn qui vạn thù về một mối, cho các trào lưu tư tưởng, ước mơ chảy ngược dòng để đổ về lại căn nguyên, đều muốn sống hòa đồng với Tuyệt Đối Thể, đều muốn không còn cái “mình”, cái “ta” nhỏ nhoi, ti tiện nữa, lấy phương châm “Vô Ngã” làm mục đích tối hậu cho công phu tu luyện.^[25]

7. Vũ trụ quan trên cho thấy tại sao con người phải tiến tới Vô Ngã, phải hòa đồng với Đạo, với Trời, mới được trường sinh, bất tử, mới mong tiến tới Đại Đồng (universalité)^[26].

Lý do rất là giản dị: Vì chỉ có Bản Thể mới vĩnh cửu, còn hiện tượng ứng dụng thì biến thiên theo thời, khi còn, khi mất, thăng trầm, chất chường. Khác, Thái Cực là toàn thể, quần sinh là phân số, là bộ phận, cho nên muốn tiến tới Đại Đồng (Universalité), phải tiến tới toàn thể. Theo Nho giáo, **thánh nhân cần phải có độ lượng tâm hồn mênh mông bằng tầm thước vũ trụ**, nghĩa là phải biết trút bỏ hết mọi giới hạn, màu da, sắc áo, lối đường tư tưởng riêng biệt, gạt bỏ hết mọi nhỏ nhen, ti tiện, để tiến tới công chính, cao đại, tôn quý.^[27]

8. Tìm Trời tìm Đạo phải tìm trong đáy lòng.

Cổ nhân gọi đó là “Hồi Tâm Phản Tỉnh” hay “Phản Thân nhi thành”^[28]. Và các phương pháp tham thiền, nhập định, (contemplation, concentration et extase) cũng cốt là để kết hợp với đấng Tối Cao.^[29]

9. Biết được Trời lồng trong tâm khảm, để làm khuôn phép mẫu mực, làm căn cốt cho tâm hồn, tức là thấu triệt nghĩa lý, là hiểu biết tới căn đề. Đó là Cách vật, trí tri theo Đại học.

*“Dày công học vấn sẽ hay Khuôn Trời,
Hay Khuôn Trời ắt thấu thấu triệt.
Thấu triệt rồi ý thiết lòng ngay,
Lòng ngay, ta sẽ hóa hay...”^[30]*

Đó là cái hiểu biết cao siêu nhất của nhân loại.^[31]

10. Trở về với Trời, với Đạo, với Thái Cực tức là thông suốt nhũ huyền vi: “Tạo hoá qui Trung chi diệu.”^[32]

Công trình này người xưa gọi là:

Kiến tố bão phác	見素抱樸。 ^[33]
Qui Nguyên phục Mệnh.	歸元復命。
Phục qui Đạo	復歸道 ^[34]
Phục qui Anh Nhi	復歸嬰兒。 ^[35]

Phục quy Vô Cực	復歸無極。 ^[36]
Phản kỳ Chân	反其真。 ^[37]
Phục kỳ bản	復其本。
Qui nguyên phản bản	歸元返本。 ^[38]
Dữ Đạo hợp Chân	與道合真。
Toản thốc ngũ hành	攢簇五行
Hội hợp Bát quái	會合八卦。
Tam hoa qui đỉnh	三華歸頂。
Ngũ khí triều nguyên	五氣朝元。 ^[39]
Minh bạch nhập tố	明白入素。 ^[40]
Vô vi phục phác	無為復朴。 ^[41]
Thể Tính bảo Thần	體性抱神

Trở về với Trời, kết hợp với Trời là đạt Đạo, đạt đích (chí Nhân), là trở thành Con Người Thật (Chân Nhân). Đó là Trung Dung Trung Đạo.^[42]

Theo Vũ Trụ Quan trên thì Vạn Vật do Trời sinh, dù phiêu lãng mấy trên trùng dương thời khắc, chung qui cũng vẫn phải trở về với Trời, với Đạo.^[43]

Con người theo một qui luật như vũ trụ, nên trước sau cũng phải về với Đấng Tối Cao.^[44]

Trung Dung là cứu cánh con đường đó. Đạt đạo Trung Dung sẽ trường sinh vĩnh cửu. **Thanh Tĩnh Kinh giải thích vĩnh cửu, trường tồn là Trung Dung.** (Thường giả, Trung Dung dã)^[45]. Người Âu Châu thường công kích quan niệm trên và cho là “phiếm thần chủ nghĩa.”

Nhưng thay vì bàn cãi suông, nếu ta dò Thánh Kinh, nếu ta khảo sát giáo lý, hay nghiên cứu tư tưởng các thánh hiền Thiên Chúa Giáo, ta sẽ thấy những chủ trương tương tự.

Các Hiền thánh Thiên Chúa Giáo cũng tin:

1. Thượng đế ở khắp nơi. (Omniprésence de Dieu)
2. Vạn vật đều do Ngôi Hai sáng tạo.^[46]
3. Con người là dòng dõi Thượng Đế, ^[47] có thể thông phần Bản thể với Thượng Đế.^[48]
4. Nước Trời ở đáy lòng.^[49]
5. Vinh quang Trời ở trong lòng nhân loại.^[50] Hơn thế nữa, vài vị Đại Thánh còn nhận:
6. Trời là Bản Thể muôn loài.^[51]

Vả lại, đã chấp nhận Thượng đế ở khắp nơi, sao lại không dám nghĩ Thượng Đế có ở đáy lòng nhân loại? Nếu đã chấp nhận nước Trời ở đáy lòng, thì Trời ở đâu nếu không phải ở đáy lòng nhân loại?

Nếu Trời đã ở ngay trong tâm nhân loại, thì tìm Đạo, tìm Trời phải tìm ở đáy lòng, tìm trong suy tư, trầm lắng, hay phải tìm Trời, tìm Đạo trong những tiếng kèn, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng hát bên ngoài?

Và thế nào là người đạo hạnh, nếu không phải là người có Thiên Chúa hiện diện đáy lòng, và không còn ước mơ ngoại cảnh. ^[52]

Một khi đã xác định Trời ở đáy lòng, nước Trời ở đáy lòng, thì sự siêu thoát chắc chắn phải được thực hiện bằng sự thông suốt điều huyền nhiệm đó, và bằng những công cuộc tu luyện tâm thần, tham thiền, nhập định, diệt dục, vong ngã, để kết hợp với đấng Tối Cao.

Suy ra, thì Thượng giới ở ngay trong tâm hồn ta, mà hạ giới chính là thế gian ở ngoài ta. Càng tiến ra bên ngoài, là càng đi vào tục lụy, càng bị lệ thuộc vào hoàn cảnh, không gian và thời gian. Càng tiến vào bên trong, là càng thoát vòng kiềm tỏa của vật chất, của ngoại cảnh...cho nên, muốn khinh khoái, tự do, cần phải có một đời sống nội tâm rồi rạo, phong phú. ^[53]

Từ Vô Cực, Thái Cực biến hóa xuống dần tới vạn hữu, là từ cao siêu, đi dần xuống tới ti tiện, là bước dần xuống các nấc thang giá trị, cho tới kỳ cùng. Đi từ vạn hữu trở về Thái Cực, Vô Cực là tiến từ ti tiểu tới cao đại, là bước dần lên các nấc thang giá trị, cho tới hoàn hảo siêu việt. ^[54] Đó là nhẽ tồn vong, thăng trầm của vũ trụ.

Nhưng vì Vô Cực, Thái Cực ở ngay trong đáy lòng con người, nên nếu cứ để cho tâm hồn tản lạc, phá tán, theo các hiện tượng bên ngoài, thì sẽ đi đến chỗ truy lạc, tan rã; còn nếu biết đi trở ngược, từ hiện tượng nhận ra tâm hồn, thần trí, Thái Cực, Vô Cực tiềm ẩn trong đáy lòng, thì sẽ tìm ra được con đường siêu thoát. ^[55]

Vũ trụ quan trên, cũng như toàn bộ Trung Dung, và Kinh Dịch, chẳng qua cốt dạy con người đâu là nguồn mạch của mình, cũng như đâu là quê hương cùng đích của mình...

Theo Vũ Trụ quan trên thì không gian và thời gian cũng biến động, cũng co giãn khôn lường. Càng đi sâu vào nội tâm, càng đi sâu vào tầng trong, thì không gian, và thời gian càng co lại, tưởng chừng đi đến không điểm (le Cinq ou le Zéro métaphysico-mathématique) ^[56], mà kỳ thực lại tiến tới vĩnh cửu, trường tồn. Càng tiến ra bên ngoài thì không gian và thời gian càng giãn ra, dài ra, tưởng chừng tiến tới vô cùng, mà kỳ thực là tiến tới phù du, hư ảo; cho nên một giây phút trong tâm thần có thể tương đương với mấy nghìn vạn năm bên ngoài. Tinh Thần cũng vì thế có thể nói được không tương lai, và dĩ vãng, hằng cửu, bất biến. Cho nên một cuộc đời vật chất bên ngoài, nghĩ đi, nghĩ lại cũng chỉ nhanh như một giấc mộng.

*“Bôn ba đời nghĩ buồn rầu,
Hư không giấc mộng đêm sâu, thấy gì.
Vô thường muôn việc bỏ đi,
Kíp hồi đầu lại kéo khi ngờ ngàng”.* ^[57]

Vũ trụ quan trên có thể nói được là một quan niệm chính xác về vũ trụ, vì nó bộc lộ huyền cơ tạo hoá, quán thâm nhĩ biến hằng của đất Trời, toát lược lịch sử nhân quần vũ trụ, cũng như phác hoạ cơ cấu nhân quần vũ trụ bằng một tâm điểm và một vòng tròn, bằng một chữ Trung và một chữ Dịch.

Mới hay **Trung Dung** và **Kinh Dịch** chủ trương dạy người một môn học cao siêu, có mục phiêu là “Thấu suốt Bản Tính và Định Mệnh” mình, để chung cuộc sẽ được kết hợp với Trời với Đạo. ^[58]

Thâm ý của Thánh hiền là làm sao cho mọi người, kẻ trước, người sau, ai ai cũng có thể đạt được Trung Điểm, đạt được “Thái Cực”, “Chí cực”, “Vô Danh khả danh”. ^[59]

Theo **Dịch Kinh**, khi người quân tử đã am tường Trung Cung, Trung Điểm, khi Bản Thể đã ở đúng ngôi vị của nó, -nói cách khác, khi con người đã đạt tới Thiên Vị, đã kết hợp được với Trời, ^[60] thì bao nhiêu sự tốt tươi, đẹp đẽ từ đáy thẳm, lòng sâu tâm hồn sẽ tung tỏa ra khắp cơ thể, sẽ thấm nhuần khắp tứ chi, sẽ chói lọi trong sự nghiệp. Thật là đẹp đẽ đến tuyệt vời vậy. ^[61]

Nhưng con người muốn trở về Trung Cung, Trung Điểm, muốn được thông tuệ, diệu minh, cần biết suy tư vì có suy tư mới biết huyền cơ Tạo Hoá, mới có thể thần thánh hóa mình, và trở nên hoàn thiện được. ^[62]

Cao đại thay là căn nguyên con người, trọng vọng thay là định mệnh con người, Đẹp đẽ thay là công phu tu luyện của con người.

Còn gì làm cho ta sung sướng hơn là cảm thấy Trời ngay trong lòng, là nguồn sống và là cùng đích mình; có thần trí thông minh để nhận ra chân lý đó; có thời gian, không gian và vạn hữu làm phương tiện cho công phu, tu luyện; tu luyện để nên hoàn thiện như Trời, để rồi ra được kết hợp với Trời, thông phân bản tính và vinh quang Trời, trường sinh vĩnh cửu cùng Trời đất. ^[63]

Tóm lại vũ trụ quan trên đây là kết tinh của một nền học vấn cao siêu, tương truyền từ Đông sang Tây.

Nhờ vũ trụ quan này mà các hiền thánh muôn đời đã được “khai quang, điểm nhãn” ^[64] dùng mắt tinh thần nhìn nhận ra Thượng Đế ở khắp nơi, và thấy mình sống trong vinh quang Thượng Đế. ^[65]

Gẫm cho cùng thì:

*Muôn loài sinh hoá đa đoan,
Rời ra cũng phải lai hoàn Bản Nguyên.
Hoàn Bản Nguyên an nhiên phục mệnh,
Phục Mệnh rồi trường vĩnh vô cùng.* ^[66]

Cổ nhân vì vậy dùng Tâm Điểm của vòng Dịch để tượng trưng cho Trời vừa là căn bản của vũ trụ, vừa là mục đích tối hậu của công cuộc tu luyện, tiên hoá của quần sinh, vũ trụ.

Cho nên Trung Dung chí cao chí đại vì đưa con người đến vinh quang tuyệt đối. Phải mở tâm mắt, phải mở tâm tâm hồn cho rộng rãi vô biên thì mới tìm ra được Điểm Trung. ^[67]

CHÚ THÍCH

^[1] ...Considérer l'univers comme faisant un tout et où le désordre d'une partie se répercute dans le Tout -considérer encore l'homme au centre de cet univers et faire du coeur de l'homme le coeur de l'univers: telle est l'idée contenue dans les livres classiques et exprimée surtout par les philosophes des Song...Avec tous les penseurs chinois, il (Wang Yang Ming) répète que “ l'homme c'est le coeur de l'univers; l'univers avec moi constitue un seul corps (un tout)”

Wang Tch'ang Che, S.J., La Philosophie Morale de Wang Yang Ming, p. 74-75.

人者天地萬物之心也。心者天地萬物之主也。心即天。

Nhân giả, Thiên địa, vạn vật chi tâm dã. Tâm giả, Thiên Địa vạn vật chi chủ dã. Tâm tức Thiên.

Như trên, appendice, 10.

^[2] 理本無形，故謂之無極。 Lý bản vô hình, cố vị chi Vô Cực.

^[3] Thái cực đồ thuyết của Chu Đôn Di, Chu Nguyên Bồi, *Tính Học Đại Cương*, q.1, tr. 1.

^[4] L'Extrême-Orient ancien a fait partie d'un monde où la coexistence de grands courants spirituels (Zoroastre, Bouddha, Confucius, Lao-tseu, Platon), ne s'explique que par certaines idées communes unanimement admises de la Méditerranée au Pacifique. ***Toutes ces vieilles cultures eurasiatiques se présentent comme des cosmologies pour lesquelles une même substance compose toutes les choses créées.***

Pierre Huard, Connaissance du Vietnam 63.

...Đạo sinh Nhất: Nhất vi Thái Cực, Nhất sinh nhị vi Lưỡng Nghi; Nhị sinh Tứ, vi Tứ Tượng; Tứ sinh bát vi Bát Quái; Bát sinh Lục Thập tứ; Lục Thập tứ cụ nhi hậu Thiên Địa vạn vật chi đạo bị hĩ. Thiên Địa vạn vật mạc bất dĩ Nhất vi Bản Nguyên, vu nhất nhi diễn chi vi vạn, cùng Thiên Địa chi số phục qui vu nhất. Nhất giả hà dã, Thiên Địa chi tâm dã. Tạo hóa chi nguyên dã.

Tổng Nguyên Học Án, quyển 10, tr. 62, Ngữ lục Tổng Nguyên học Án.

道生一，一為太極；一生二，二為兩儀；

二生四為四象，四生八為中K卦，八生六十四；

六十四具而後天地之道備矣。天地萬物莫不以一為本原，

于一而演之為萬，窮天地之數復歸于一。

一者何也:天地之心也。造化之原也。

..."Tất cả là Một, tất cả chúng sinh đều từ Phổ Quang Minh Trí (Lumière omniprésente, Intelligence éclairante) mà ra, thì tất cả sẽ trở về với Ánh Sáng Trí Trí Huệ ấy, tức là thành Phật. “

Mai Thọ Truyền, Pháp Hoa Huyền Nghĩa, tr. 30.

[5] 太極者，所謂象帝之先。先天地生，能生天地萬化之祖根也。

本無有物，無象，無數，無方隅，無往不在。言太極則無極可知。

大而天地，細而萬物莫不各有太極，物物一太極，

一物全具一天地之理。地理正宗，卷一，頁四。

Thái Cực giả, sở vị tượng đế chi tiên, tiên thiên địa sinh, năng sinh thiên địa vạn hóa chi tổ căn dã. Bản vô hữu vật, vô tượng, vô số, vô phương sở, vô vãng bất tại, ngôn Thái Cực tắc Thái Cực khả tri...

Đại nhi Thiên Địa, tế nhi vạn vật, mạc bất các hữu Thái Cực, vật vật nhất Thái Cực, nhất vật toàn cụ nhất Thiên Địa chi lý.

Địa Lý Chính Tông, quyển I, tr. 4.

[6] *A Source Book in Indian Philosophy*, p. 38.

[7] *Đạo đức kinh* chương I.

萬子首章言無名天地之始，有名萬物之母，而卒同之。

此老氏宗指也。無極而太極，即是此旨。

Lão tử thủ chương ngôn vô danh thiên địa chi thủy, hữu danh thiên địa chi mẫu, nhi tốt đồng chi. Thử Lão thị tông chỉ dã. Vô Cực nhi Thái Cực thị thử chỉ.

Tổng Nguyên học án, q. 12, tr. 3. Liêm Khê học án.

[8] Aussi, dans diverses traditions, voyons-nous **la création à partir d'un centre**, parce que là se trouve la source de toute réalité, et partant, de l'énergie de vie. Il arrive même que les traditions cosmologiques expriment le symbole du Centre dans les termes qu'on dirait empruntés à l'embryologie: “ Le très Saint a créé le monde comme un embryon. Tout comme l'embryon croît à partir du nombril, de même Dieu a créé le monde par le nombril, et delà il s'est répandu dans toutes les directions.”

(Textes cités par Wensick, p. 19). Yoma affirme: “ Le monde” a été créé en commençant par Sion.” (Như trên, p. 16). Aussi dans le Rig Véda (p. ex.: X, 149) l'univers est conçu comme prenant son extension à partir d'un point central (Cf. le Commentaire de Kirfel, Cosmographie, p. 18).

Mircéa Eliade, Traité d'histoire des religions, p. 323.

[9] 天地與我並生，而萬物與我為一。

Thiên Địa dữ Ngã tịnh sinh, Nhi vạn vật dữ Ngã vi Nhất.

Trang Tử, Nam Hoa Kinh, Tề Vật Luận.

[10] 自其異者視之，肝膽楚越也。自其同者視之，萬物皆一也

Tự kỳ dị giả thị chi, can đởm Sở Việt dã. Tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã.

Từ khác biệt mà trông vạn vật,

Thì chia phối gan mật, Việt Ngô.

Nhưng từ đồng điểm nhìn ra,

Muôn loài là một, phối pha chưa từng.

Nam Hoa Kinh, Đức Sung Phù.

[11] 以道觀之，萬物無貴賤；以物觀之，自貴而相賤。

Dĩ Đạo quan chi vạn vật vô quý tiện, dĩ vật quan chi, tự quý nhi tương tiện.

Nam Hoa Kinh, Thu Thủy.

[12] En son écrit, Théologie, Aristote démontre la présence de l'Un au sein de toute multiplicité...

Alfarabi, hay Ibn Tar Kan là một Triết Gia Ả Rập sinh tại Farab, chết năm 950.

Cf. **La Religion Essentielle**, p. 107.

... Étienne Geoffroy St Hilaire, Vicq D'Azyr (1748-1794), Goethe (1749-1803) cũng chủ trương thuyết “Nhất Thể Vạn thù”, mà các Ông gọi là “modèle primitif et général” hay “Urpflanze” (Herder, **Idée pour la Philosophie de L'Histoire de L'Humanité**. p. 18 et ss, 97 et ss.)

[13] *The Ultimate Reality should be designated generally as Brahman... and as It or That....The paradoxical, transcendent, yet immanent unity underlying the diversity of the world.*

A source book in Indian Philosophy, p. 39.

... The One God hidden in all living beings,

The Living Witness abiding in all hearts-

The wise who seek and find them-Self,

To them and none else is eternal joy.

The all pervading inner Self of all,

Who from his formlessness creates all forms,

The wise who see that One within them -self,

To them alone belongs eternal joy.

A prayer to the Supreme Being, translated from the Upanishad by Dr Bhagavan Das, **Wisdom Light**, Volume Seven, March, 1955, number Three, p. 34.

Cf. **Chandogya Upa. 6,3.-Taittiriya Upa. 2-6.**

[14] As a spider might come out with his thread, as small sparks come forth from the Fire, even so from this soul come forth all vital energies (Prana), all worlds, all gods, all beings.

Brihad-Aranyaka-Upanishad, 2-1-20.

[15] ...De la sorte, le développement de l'Infini vers le Fini porte en soi des dégradations du parfait vers l'imparfait...En ce sens, le développement des choses se fait du Centre vers la Périphérie, et par suite aux ordres successifs; ces ordres s'échelonnent comme des cercles concentriques...

L'univers créé tout entier, n'est donc que l'écorce de l'Ensof comme les pelures de l'oignon sont les vêtements du bulbe ou comme la coquille de la noix et le reste sont le vêtement de la graine.

H. Sérouya, *La Kabbale*, Chapitre Esprit et Matière, pp. 270-271.

[16] 讀華嚴經；萬理由一性而出。讀楞嚴經，群疑究一性而空。

Độc Hoa Nghiêm Kinh: Vạn lý do nhất Tính nhi xuất. Độc Lăng Già kinh, quần nghi cứu nhất Tính nhi không.

Đào Hư Tử, Đông Châu kỷ thượng ngữ-tràng 3

[17] 我常說言：色心諸緣，及心所使，諸所緣法，

惟心所現。汝身，汝中脛A皆是妙明真精，妙心中所現物。

Ta thường nói các Pháp đều do tâm biến hiện cho đến thân và tâm ông ngày nay cũng đều là vật trong Chân Tâm hiện ra.

Thủ Lăng Nghiêm Kinh, q. II, cf. Thủ Lăng Nghiêm Kinh, hướng đạo xuất bản, tr. 44.

[18] 天與人相為表裡。

Thiên dữ Nhân tương vi biểu lý.

Tính Lý q. 2, tr. 54.

...天在內，人在外。

Thiên tại nội, Nhân tại ngoại.

Nam Hoa Kinh, Thu Thủy.

...心即天。。。良知即天。

Vương dương Ming, Vương xương Chỉ, *La Philosophie morale de Wang Yang Ming*, appendice 10.

...天也，人也。一而二，二而一也。

Thiên dã, nhân dã, nhất nhi nhị, nhị nhi nhất dã.

Thái Thượng bảo Phiệt đồ Thuyết, tr. 4.

天性人也，人心機也。立天之道，以定人也。

Thiên tính nhân dã, nhân tâm cơ dã. Lập thiên chi đạo, dĩ định nhân dã.

Âm Phù Kinh, tr. 1.

[19] L'immortalité est le fruit de l'union avec la Sagesse.

Livre de la Sagesse, 8, 17.

[20] 欲求人不死，修尋不死人。

Dục cầu nhân bất tử, tu tầm bất tử nhân.

Tiên Học tr. 102.

... 天人合德萬變定基。

Thiên Nhân hợp đức, vạn biến định cơ.

Âm Phù Kinh, tr. 1.

[21] *Dịch Kinh Đại Toàn*, Truyện Tụ, tr. 5.

[22] 明造化之妙，知返還之機。

Minh Tạo Hóa chi diệu, tri phản hoàn chi cơ.

Tiên học, tr. 21.

[23] 人心若與天心合，顛倒陰陽只片時。

Nhân tâm nhược dữ Thiên Tâm hợp, điên đảo Âm Dương chỉ phiến thời.

Tiên Học, tr. 7.

[24] 徇象，執有，逐物而遷，而無極之真境不可見矣。

聖人以靜一字，返本還元。蓋造化人事皆以收斂為主，

發散是不得已事。

Tuân tượng, chấp hữu, trục vật nhi thiên, nhi Vô Cực chi chân cảnh bất khả kiến hĩ. Thánh nhân dĩ Tĩnh nhất tự, phản Bản hoàn Nguyên. Cái Tạo hóa, Nhân sự giai dĩ thu liễm vi chủ, phát tán thị bất đắc dĩ sự.

[25] Các Đại Thánh Thiên Chúa Giáo cũng **không** đi ra ngoài tôn chỉ ấy. Phúc Âm dạy “Bỏ Mình” (*Mat.16, 24, 25; Lc 9, 23-27; Mc 8, 34*).

Các Thánh Hiền Thiên Chúa Giáo đều mong muốn tâm hồn tan biến đi, để kết hợp với Thượng đế. Như lời nguyện của thánh Bonaventure sau đây:

En sorte que mon âme languisse et se fonde sans cesse d’amour et de désir pour vous seul. Qu’elle soupire après vous, et se sente défaillir à la pensée de vos tabernacles, qu’elle n’aspire qu’à sa délivrance, et à son union avec vous.

*Prière de Saint Bonaventure, **Paroissien Romain**, p. 58.*

[26] 無我然後得正己之盡，存神然後妙應萬物之感。

Vô Ngã nhiên hậu đắc chính kỷ chi tận, tồn thần nhiên hậu diệu ứng vạn vật chi cảm.

Thái Nguyên Bồi, Lý học, q. I, tr. 4.

-合乎大同。大同而無己。

Hợp hồ Đại Đồng, Đại Đồng nhi vô kỷ.

Trang Tử, *Nam Hoa Kinh*, chương XI, Tại Hựu.

[27] 宋程明道遺書言；人有斗筲之量，有釜斛之量，有鍾鼎之量，

有江湖之量。江湖之量故大矣。然有涯涘，亦有時而滿。

惟天地之順q則無滿。聖人有天地之量也。淵鑑類函，聖，一。

Tổng Trình Minh Đạo di thư ngôn: Nhân hữu đầu sao chi lượng, hữu phủ hộc chi lượng, hữu chung đỉnh chi lượng, hữu giang hồ chi lượng. Giang hồ chi lượng cố đại hĩ, nhiên hữu nhai sĩ, diệc hữu thời nhi mãn. Duy Thiên Địa chi lượng tắc vô mãn. Thảng nhân hữu thiên địc chi lượng dã.

Uyên Giám loại hàm, Thánh, Nhất. quyển 268, tr. 4670.

[28] Mạnh tử, *Tận Tâm Thượng*, 4

[29] 高中憲曰: 心與天一而已矣。心大無外。天大無外。。。

世人之心梏于見文之狹。聖人窮理以盡其心之全體，

則知天而無有外之心矣。不萌于見聞，不因見聞而萌也。

Cao trung Hiến viết: Tâm dữ Thiên Nhất nhi dĩ hĩ. Tâm đại vô ngoại, Thiên đại vô ngoại... Thế nhân chi tâm cóc vu kiến văn chi hiệp.

Thánh Nhân cùng lý dĩ tận kỳ tâm chi toàn thể, tắc tri thiên nhi vô hữu ngoại chi tâm hĩ. Bất manh vu kiến văn, bất nhân kiến văn nhi manh dã.

Tổng Nguyên Học Án, q. 17, tr. 25.

天人本無二。

Thiên Nhân bản vô nhị.

Tổng Nguyên học Án, q. 13, tr. 17-Liêm Khê học án.

Écoute, homme insconstant et vide, ce que tu cherches n'est pas en dehors de toi, mais au dedans de toi:

Cesse donc de chercher et rentre en toi même, si tu veux trouver le Christ.

Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, p. 162. Cf. Imitation du Christ.

[30] *Đại Học*, Chương I.

[31] Om! He knows Brahman, attains the highest! as to that this (verse) has been declared: He who knows Brahman as the Real, as knowledge (jnana), as the Infinite, set down in the secret place (of the heart) and in the highest heaven, He obtains all desires. Together with the intelligent Brahman...

Taittiriya Up. 2.1.-Cf. A source book of Indian Philosophy, p. 59.

-千聖皆過影，良知乃吾師。

Thiên thánh giai quá ảnh, lương tri nãi ngô sư. (Vương Dương Minh)

Wang Tch'ang Tche, S.J. , La philosophie morale de Wang Yang Ming, Appendice I.

-致知即致中也 (聶豹)

Vương Dương Minh (Nhiếp Báo)

[32] 天理人之理也，徇理則與天為一。

我非我也，理也。理非理也，天也。

Thiên Lý nhân chi lý dã. Tuân lý tắc dĩ Thiên vi Nhất. Ngã phi Ngã dã, Lý dã. Lý phi lý dã, Thiên dã.

Tổng Nguyên Học Án, q. 24, tr. 5. (Cảnh Vu học Án)

[33] **Trung Hoa Triết Học sử**, Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, tr. 13.

[34] **Trung Hoa Triết Học sử**, Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, tr. 10.

[35] **Trung Hoa Triết Học sử**, Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, tr. 10.

[36] **Trung Hoa Triết Học sử**, Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, tr. 12

[37] **Nam hoa kinh**, Thu Thủy.

[38] **Thanh Tĩnh Kinh**, tr. 64.

[39] **Thượng Phẩm Đơn Pháp Tiết Thứ**, tr. 10.

[40] **Nam Hoa Kinh**, Chương XII, Thiên Địa, đoạn K.

[41] ...Tâm truyền Nội Giáo Vô Vi,

Là cơ xuất thế, hồi qui Động Đào.

Chiếu Minh, Đại Thừa Chân Giáo, tr. 92.

[42] ...Un arbre recoit l'essence, la hauteur et la largeur de ses racines. Si tu veux savoir d'où tu viens, demande-le à ton fonds, à la racine, à ton intention. Regarde combien ta profondeur a été pénétrée, combien tu t'es fixé à Dieu; et si tu vois que tu ne recherches que Dieu, que tu ne tends réellement que vers Dieu, comme la pierre tend uniquement vers la terre; si tu ne cherches ni toi-même, ni rien qui t'appartienne, alors en vérité je te le dis: **Tu est déiforme et Divin.**

Eckart Le Jeune, Illan de Casa la Fuerte, La Religion Essentielle, p. 155.

[43] 老子以宇宙萬物皆道之所生，其究極則歸於道之本體。

Lão Tử dĩ vũ trụ vạn vật giai Đạo chi sở sinh, kỳ cứu cực tắc qui ư Đạo chi bản thể.

Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, Trung Hoa Triết Học Sử tr. 16.

[44] 必其心返於沖漠無朕之本體。

Tất kỳ tâm phản ư xung mạc vô trẫm chi bản thể. (Liệt Tử).

Tử Đồng, Tạ Vô Lượng, Trung Hoa Triết Học Sử, tr. 29.

[45] Cf. **Thanh Tĩnh Kinh**, Siêu Thoát Phẩm, xem lời giải thích câu: Chân thường chi đạo, ngộ giả tự đắc...

[46] **Phúc Âm thánh Joan, phi lộ.**

[47] N'est-il pas écrit dans votre loi: "J'ai dit: Vous êtes des dieux."

Jean 10-34; Psaume 82,6.

C'est en Lui (Dieu) que nous avons la vie, le mouvement et l'être. car nous sommes de sa race.

Actes des Apôtres, 4, 17, 28

[48] Ut per hoc, efficiamini divinae consortes naturae. **II, Pierre, 1, 4.**

[49] Car déjà le Royaume de Dieu est en vous.

Dieu est en dedans de vous, dit le Seigneur. (Regnum Dei intra vos est, dicit Dominus). **Imitation de Jésus Christ**, Livre II, Chapitre I, 1.

[50] Toute sa gloire et toute sa beauté est intérieure, c'est dans le secret du coeur qu'il se plaît. (*Như trê*n, livre II, Chap. I, 1.)

[51] Il est manifeste que Dieu est la substance de tous les corps et de toutes les âmes. Notre intention est de rendre intelligibles aux Latins, toutes les parties de cette philosophie réelle.

St Albert le Grand. Illan de Casa Fuerte, La Religion essentielle, p. 131.

...Il faut savoir que Dieu demeure en toutes les âmes, fut-ce celle du plus grand pécheur du monde et y est présent en substance. Et cette manière d'union est toujours entre Dieu, et toutes les créatures, selon laquelle il les conserve en leur être, de sorte que si elle venait à leur manquer, elle s'anéantiraient aussitôt et ne seraient plus.

St Jean de la Croix, La Montée du Carmel, Desclée et Brower p. 133-134.

...Omnia per ipsum facta sunt et sine ipso factum est nihil quod factum est.

Evangelium secundum Joannem, prologue, caput I, 3.

[52] Avoir toujours Dieu présent au dedans de soi et ne tenir à rien en dehors, c'est l'état de l'homme intérieur. (Ambulare cum Deo intus, nec aliqua affectone teneri foris, status est interni hominis.)

L'Imitation de Jésus Christ, chapitre VI, 4.

...C'est une grande grâce que Dieu nous fait quand il nous aide à le chercher dans notre intérieur.

Ste Thérèse d'Avila, citée par Ilan De Casa Fuerte: La Religion Essentielle, p. 167.

[53] Monter vers Dieu, c'est entrer en soi-même. Celui qui entre en lui-même et pénètre au fond de son âme, se dépasse et atteint vraiment Dieu. (Albert le Grand)

Ilan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 130.

...L'homme qui s'est ainsi élevé au-dedans de lui-même, entre plus profondément dans son Centre. (Albert le Grand.)

...Le Ciel est au-dedans non au dehors de chacun... Le Ciel est dans l'homme. (Emmanuel Swedenborg)

Ilan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 183.

[54] ...De l'Esprit partirait une courbe de matérialisation pour revenir en s'allégeant jusqu'au point d'extrême spiritualité doué de densité la plus faible. Ce mouvement constituerait l'immense cercle du créé, la manifestation du circulus vital issu du Principe Générateur Éternel.

Ilan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 13.

[55] 自無極說到萬物上，天地之始終也。自萬事反到無

戈上，聖人之始而終也。始終之說即生死之說而開闢混沌，

七尺之去流不與焉。知乎此者可與語道矣。

Tự Vô Cực thuyết đạo vạn vật thượng, thiên địa chi thủy chung dã. Tự vạn sự phản đạo Vô Cực thượng, Thánh Nhân chi thủy nhi chung dã. Thủy chung chi thuyết tức sinh tử chi thuyết, nhi khai hạp hỗn độn, thất xích chi khứ lưu bất dự yên. Tri hồ thử giả khả dữ ngữ Đạo hĩ.

Tổng Nguyên Học Án, q. 12, tr. 1. (Chu Liêm Khê học Án)

由象識心，洵象喪心。

Tổng Nguyên học Án, q. 17, tr. 26, Hoàn Cừ học Án.

[56] *La Mathèse, p. 31.*

[57] 奔波一世，總是虛浮，無常一旦萬事休。急早回頭

Bí bản Gia Cát Thần Số, bài 46.

[58] 窮性命之源，必以體天為學問之本。

Cùng Tính Mệnh chi nguyên, tất dĩ Thê Thiên vi học vấn chi bản.

Tổng Nguyên Học Án, q. 11, tr. 10.

... La recherche par l'homme et dans l'homme sa propre divinisation, la recherche par l'homme et dans l'homme du Dieu Un...

Ilan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 23.

[59] 聖人之意以其究竟至極無名可名，故特謂之太極

Thánh nhân chi ý dĩ kỳ cú cánh “chí cực vô danh khả danh”, cố đặc vị chi Thái Cực.

Tổng Nguyên Học Án q. 12, tr. 4.

[60] 立乎天位以正中也。立乎天位， dĩ chính trung dã,

Dịch Kinh, Nhu Quái. Thoán.

[61] 君子黃中通理正位居體，美在其中而暢於四支，

發於事業，之至也。

Quân tử Hoàng Trung Thông Lý, chính vị cư thể, mỹ tại kỳ trung nhi sướng ư tứ chi, phát ư sự nghiệp, mỹ chi chí dã.

Văn Ngôn, Khôn quái, Hào LụcNgũ.

...Dans l'union intime, il parvient à la saveur spirituelle, à la possession trois fois sublime, et se plonge en Dieu, il s'enivre de délices dans l'existence essentielle -or les torrents de délices font couler dans le point central des puissances de l'homme une plénitude d'amour sensible, et de cette plénitude, la saveur pénétrante attend la vie physique elle-même et coule dans membres de l'homme.

(Jean Ruysbroech), Ilan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 146.).

[62] 無思則不能通微，不睿則不能無不通，

是則無不通生于通微，通生于思，故思者聖人之本也。

Vô tư tắc bất năng thông vi, bất duệ tắc bất năng vô bất thông. Thị tắc vô bất thông sinh vu thông vi, thông vi sinh vu tư. Cổ tư giả, Thánh Nhân chi bản dã.

Tổng Nguyên học Án, q. 11. tr. 5. d'amour sensible, et de cette plénitude, la saveur pénétrante attend la vie physique elle-même et coule dans les membres de l'homme.

(Jean Ruysbroech), *Ilan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle*, p. 146.).

[63] 博厚配地，高明配天，悠久無疆。

Bác hậu phối Địa, cao minh phối Thiên, du cửu vô cương.

Trung Dung, chương 26.

[64] 大人者，以天地萬物為一體也，其視天下猶一家，中國猶一人焉。

若夫間形骸而分爾我者，小人矣。

Đại nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất gia dã. Kỳ thị thiên địa do nhất gia, Trung quốc do nhất nhân yên. Nhược phù gián hình hài nhi phân nhĩ ngã giả, tiểu nhân hĩ.

Vương Dương Minh, Đại Học Vấn

[65] Si tu cherches à l'intérieur de chaque atome,

Au milieu, tu trouves un Soleil.

Les Sept Vallées, Bala'u'llah p. 15,

Gustave le Bon, L'évolution de la matière, p. 219

...Nous leur ferons voir nos signes dans le monde, et en eux-mêmes, et ils voyagent sur la mer de" Ils Comprendront qu'il est Dieu." (**Qu'ran**) Như trên. p. 16.

Vũ trụ quan nói trên cũng phản phát tương tự như những vũ trụ quan của Buffon, Kant, Laplace, Carl Von Weizsacker, Gérard P. Kuiper, hay Édouard le Maître. Về định luật tự tán áp dụng vào vũ trụ, nhà toán học Friedman khi giải lại những phương trình của Einstein cũng kết luận vũ trụ có thể giãn và có thể co được.

(Cf. Gamow, **La Création de L'Univers**, tr. 14, 15, 25 và ss.)

...Cf. **Âme de la Chine**, p. 263: Toát lược Triết học Hégel.

[66] Chương XVI, Đạo Đức Kinh.

...Tout être qui connaît sa propre essence, revient à son essence par un retour complet.

(**Liber de Causis**, livre attribué à Aristote)

Ilan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 56.

[67] 極其大而厚中可求，止其中而後大可有。

Cực kỳ Đại nhi hậu Trung khả cầu. Chỉ kỳ Trung, nhi hậu Đại khả hữu.

Tổng Nguyên Học Án, q. 17, tr. 29. (Hoàn Cảnh Học Án.)

CHƯƠNG XXII.

NHÂN SINH QUAN

(THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ)

Vì không hiểu được tầm quan trọng và cao siêu của Trung Dung, nên người đời thường cho rằng Trung Dung đưa ra một nếp sống trung bình, không thái quá, không bất cập; một nếp sống cầu an, không gây mâu thuẫn, để sống một cuộc đời thoải mái, an toàn. ^[1]

Chủ trương này, gần đây đã được chính học giả Lâm Ngữ Đường, mượn lời thơ Bán Bán Ca của Lý Mật Am, giới thiệu cùng độc giả Mỹ, và đây là lập trường “Trung Dung”, hiểu theo nghĩa lừng chừng, nước đôi đó. ^[2]

*Ta sống quá nửa đời phù phiếm,
Mới nhận ra huyền nhiệm Trung Dung.
Trung Dung hương vị khôn cùng,
Làm ta lòng dạ tung bừng niềm vui.
Lúc mà cái con người sướng nhất,
Chính là khi tới cấp trung niên.
Quang hoa dùng dằng triền miên,
Như chờ, như đợi gót tiên tạm ngừng.
Cõi trần lọt giữa chừng Trời đất,
Giữa tỉnh quê, ta cất nhà ta,
Thành thôi ta mở trại hoa,
Giữa chừng sông núi, la đà nước non.
Biết vừa đủ, tiền nông vừa đủ,
Vòng lợi danh, vương nửa tấm son.
Không sang, nhưng cũng dễ nom,
Không giàu, nhưng cũng còn hơn ai.
Nhà ta xây, nửa đài, nửa các,
Đồ đạc ta lác đác đủ chơi.
Áo ta cũ mới chơi vơi,
Uống ăn na ná như người bậc trung.
Vài tôi tớ không thông, không dở,
Vợ con ta đỡ đỡ, ta ưng.
Nửa tiên, nửa tục lừng chừng,
Nửa cùng thần thánh, nửa cùng thô nhĩ.
Nửa bụng dạ, lo vì con cái,
Nửa tâm hồn gửi lại Hoàng Thiên.
Để khi thoát xác ta yên,
Để bề thừa gửi, biết niềm tới lui.
Ngà say là lúc ly bôi,
Đóa hoa hàm tiếu là thời mê ly.
Buồm nửa cánh, thuyền đi thông thả,
Cương vừa dong, vó ngựa mới hay.*

*Quá giàu phiên lụy sẽ đầy,
Quá nghèo cuộc sống sẽ đầy truân chuyên.
Trần ai sướng với phiên khó tách.
Trong ngọt ngào pha phách đắng cay.
Hưởng đời đừng quá mê say,
Lùng chừng, đại khái, tháng ngày tiêu dao...*

Nhưng nếu Đức Không và các danh Nho chỉ đưa ra cho nhân loại một mục phiêu, một lý tưởng tầm thường như vậy, thì có gì đáng cho hậu thế kính tôn?

Nếu Trung Dung và Kinh Dịch đã được các danh Nho, các tiên Hiền Đông Á cho là tuyệt phẩm, thì nó phải có gì cao siêu gấp bội. Hơn nữa, đã là tinh hoa nhân loại, chắc hẳn phải tế vi, ẩn áo. Đã là Duy Nhất, Duy Tinh, thì phải tuyệt đỉnh công phu. Bác tập dễ tìm, tinh hoa khó kiếm; kỳ hoa, dị thảo đâu phải của mỗi sớm bán mua ngoài cửa chợ?...

Cho nên có tốn công nghiên cứu, truy tầm, mới mong tìm ra được vi ý của cổ nhân, tìm ra được đường lối của Thánh Hiền...

Tiêu chuẩn để đi tìm đường lối cổ nhân.

Nhưng lấy đâu ra tiêu chuẩn để đi tìm đường lối cổ nhân?

Theo **Trung Dung**, đường lối Thánh Hiền phải hợp với Nhân Tâm, Thế Đạo, hợp với định luật của Trời đất.

Trung Dung viết:

*Đạo quân tử phát xuất tự thâm tâm,
Đem trung bày, phổ cập tới thứ nhân,
Khảo chứng tiên vương, không có chi làm lỗi,
Sánh với luật đất Trời không phản bội,
Thánh Nhân ngàn đời sau chẳng hề có chê bai.
So quĩ thân đường lối đúng không sai,
Thế là đã biết lòng Trời đó,
Thánh Nhân ngàn đời sau chẳng chê bai,
Thế là đã biết lòng người tỏ rõ.* ^[3]

Dịch kinh viết: “Thực là mệnh mông, rộng rãi, sánh đất Trời; biến hóa tựa bốn mùa; theo đúng chiều âm dương sánh với hai vầng nhật nguyệt; tốt lành, giản dị, hợp với đức tối cao.” ^[4]

Hơn nữa, con đường lý tưởng ấy đã được vẽ thành những đồ bản trong Dịch Kinh.

Vậy, ta chỉ cần nghiên cứu tìm hiểu các đồ bản, để tìm ra con đường đạo lý. Sau đó, ta sẽ khảo sát xem con đường đạo lý đó có phù hợp với nhân tình, thế thái, với định luật đất Trời, với chu kỳ nhật nguyệt, tinh thần hay không.

Với những tiêu chuẩn như trên, ta sẽ tha hồ lưng túi gió trăng, buồm mây, chèo quế, lãng du trong rừng Nho, biển Thánh mà không lo lạc bước, lầm đường.

Đường đời theo Dịch và Trung Dung.

Nghiên cứu các đồ bản Dịch, các họa bản Bát Quái, ta đều thấy ngôi Thái Cực được đặt vào Trung Tâm Điểm. Ý cớ nhân muốn nói Dịch, hay Vô Cực, hay Thái Cực, hay nói nôm na là Trời, là Tạo Hóa đã ở ngay Trung Tâm huyền diệu của vũ trụ. **Con người là tiểu vũ trụ, tức thì Trời cũng ở ngay trong tâm hồn để làm Trung Tâm (Trung) bất biến (Dung), làm chân tâm nuôi sống con người, làm giường cột (axe) cho con người dựa nương.**

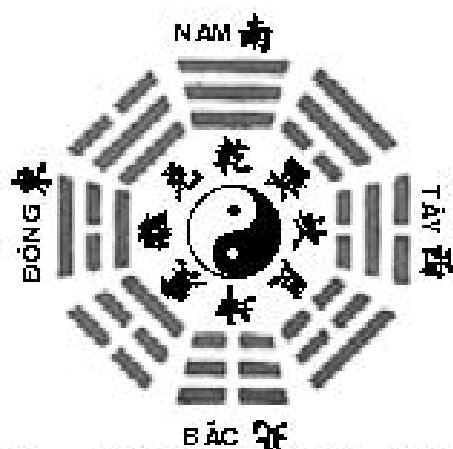
Ta thường thấy dân Á Đông treo Bát Quái trước nhà mong trừ tà ma; phải chăng đó là tục lệ xa xưa, để tỏ lòng tôn kính Thái Cực, tượng trưng cho Trời, ở Trung Tâm Bát Quái?

Cắt nghĩa như vậy, thì **Trung Dung là Thái Cực; Trung Dung lại là hồng tâm cho mọi người ngắm vào, là mục đích thâm viễn của cuộc đời. Còn Dịch sẽ bao quát mọi biến hóa của vũ trụ và của con người, mà mục đích tối hậu là thực hiện Trung điểm hoàn thiện đó.**^[5]

Nếu hiểu rằng Trời ở ngay trong Trung Tâm huyền diệu của vũ trụ, ở ngay trong tâm khảm con người, thì ta sẽ hiểu bài toán cao siêu mà Trời ra cho nhân loại: “*Đứng trong khoảng Càn Khôn biến hóa vô lường này, làm sao tìm ra được Trung Tâm Điểm bất biến?*”^[6]

*Biên khu luân lạc từ bao,
Tìm sao cho thấy đường vào Trung Dung.
Đường Trung Dung linh lung, ẩn khuất,
Nẻo Bồng Lai, gai dập, lau che...*

Phục Hi đã giải bài toán trước tiên bằng một họa bản không lời. Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Chu Tử đều lĩnh hội được vi ý của Phục Hi, đã cố giảng giải cho ta, nhưng bức màn bí mật vẫn còn như khép kín, vì đồ bản không lời làm ta lạc lõng.



Phục Hi Bát Quái Phương Vị Đồ
伏羲八卦方位圖

Thiệu Khang Tiết là người đầu tiên giải thích rõ ràng hơn, chỉ vẽ cho ta biết đâu là đường lối Trời, đâu là đường lối người, bằng cách đánh số tám quẻ và bằng bài thơ sau đây:

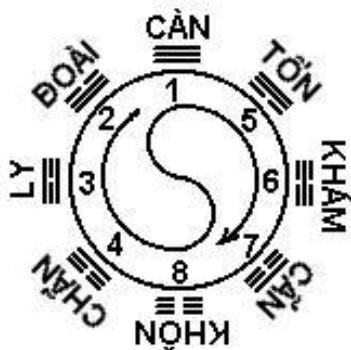
Nhĩ mục thông minh nam tử thân,	耳目通明男子身
Hồng quân phú dữ bất vi bần.	洪君賦與不為貧
Tu tham Nguyệt động phương tri vật	須探月洞方知物
Vị nhiếp Thiên Căn khởi thức nhân	未攝天根豈識人
Càn ngộ Tổn thời quan Nguyệt quật	乾遇巽時觀月窟
Địa phùng Lôi xú kiến Thiên căn	地逢雷處見天根
Thiên căn, nguyệt quật thường lai vãng	天根月窟常來往
Tam thập lục cung đô thị xuân	三十六宮都是春

Dịch:

Tai mắt nam nhi đứng cõi đời,
Lòng mang Tạo hóa há đâu chơi.
Quyết thăm động Nguyệt cho hay vật,
Cố hiểu Thiên Căn, để biết người.
Trời nổi gió giông thông động Nguyệt,
Đất vang sấm chớp lộ căn Trời.
Căn Trời, nguyệt động thường lai vãng,

Ba sáu cung xuân tròn vẹn đời.

Hội ý Thiệu khang Tiết, ta thấy rằng công cuộc tạo thành vũ trụ, luôn đi từ chỗ phác giản đến tần phiền, theo hình vẽ sau: 1-> 2, 3, 4, 5, 6, 7, -> 8.

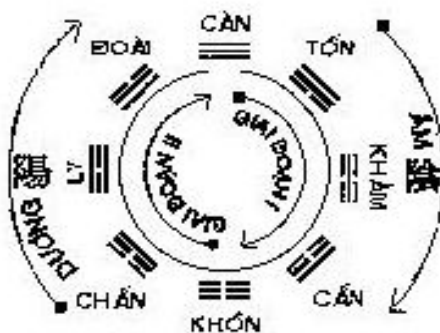


Còn công phu tu luyện con người phải chia làm 2 giai đoạn:

1. Nửa đời đầu: đi từ phác giản đến tần phiền. Tinh thần phải mạo hiểm vào trần hoàn và vật chất, để tìm hiểu vũ trụ. Đó là **Giai Đoạn hướng ngoại, giai đoạn Nghịch** mà Tinh Thần sẽ bị nô lệ hoàn cảnh rất nhiều (Khuất = 屈), đó là giai đoạn ra đi (Khứ). 5->6, 7 ->8.

2. Nửa đời sau: đi từ Tần Phiền đến Phác Giản, từ Thô đến Tinh, dùng Vật Chất để tài bồi cho Tinh Thần ngày thêm cao đẹp, cho đến chỗ thuần túy, chí thiện, nên như ảnh tượng Trời (Càn), khả dĩ có thể kết hợp với Trời, vào yên nghỉ tại Trung Tâm Huyền Diệu của vũ trụ (Thái Cực, Trung Dung). Đó là **Giai Đoạn Thuận, Giai Đoạn trở về (Lai)**. Trong giai đoạn này, Tinh Thần sẽ dần dần chế ngự được hoàn cảnh, sẽ thành thoi, thoải mái (thân = 伸)

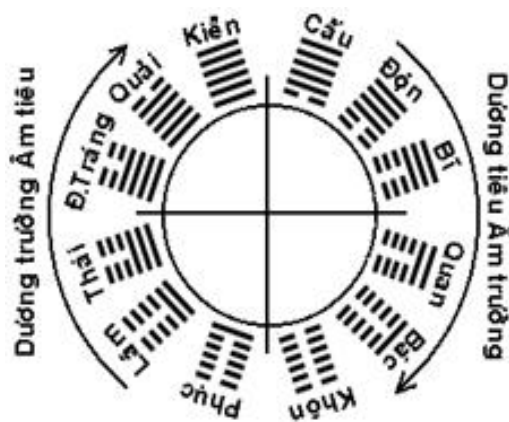
Hai giai đoạn trên được xác định bằng đồ bản sau đây:



Nếu nhìn kỹ 32 quẻ Tiên Thiên Bát Quái phía phải, ta thấy các hào sơ. (Hào nằm trong cùng) đều là hào Âm; còn nhìn sang 32 quẻ phía trái, ta thấy các hào sơ (hào nằm phía trong cùng) đều là hào Dương. Vì thế Hệ Từ đã nói: **Nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo.** (Hệ Từ Thượng, tiết 1)

Thánh hiền thiên cổ đã đem quẻ Cấn “Phong trần” để tượng trưng bước đầu đường luân lạc của con người, và đem quẻ Phục “Hồi phục”, để đánh dấu giai đoạn sau, giai đoạn giác ngộ của những người đã thấy được Thiên Địa chi tâm. [7]

Đường lối này theo đúng nhẽ Âm Dương tiêu trưởng của Trời đất.



Giai đoạn đầu là **Dương tiêu Âm trưởng**, sa đọa lạc lõng dần vào cảnh phù du, hư ảo bên ngoài, đem tám thân bán rẻ lấy bát cơm, manh áo, đem thân làm tôi tớ cho hoàn cảnh xã hội, mà vẫn lấy thế làm vinh dự. Trong giai đoạn này, vật chất dần dần đóng vai trò tối thượng. Nhưng có giai đoạn này, thì giang sơn mới được tô điểm, hoàn cảnh vật chất của quần chúng mới được cải thiện. Tinh thần trong giai đoạn này dần dần thu gọn lại như một ánh sao trên bầu trời vãn vũ.



Hệ Từ viết: “Con sâu đo nó co để rồi nó duỗi. Con rồng con rắn nó ẩn để bảo tồn tám thân. Có hiểu kỹ càng, mới thấy lợi ích lớn lao. Cầu an thân trước, rồi mới có ngày sùng đức cả.” (**Hệ Từ** chương V, tiết 1) [8]

Đó tức là:

*Anh hùng khi cuộn khúc lươn,
Khi cuộn thời vắn, khi vươn thời dài. (Ca dao)*

Giai đoạn sau là **Âm Tiêu Dương trưởng**. Tinh thần đã biết hướng thượng, tìm về nguồn mạch cao cả của mình, và sẽ dùng vật chất làm thang mây, mà tiến lên về Trời.



Trong giai đoạn này, tinh thần dần dần đóng vai trò tối thượng. Nó thích hợp với những con người đã đứng tuổi, đã già, những con người đã biết quẳng gánh lo, thoát vòng danh lợi, để quay về tu luyện bản thân, nêu gương sáng soi cho đời, mong kết hợp với Trời để được trường sinh bất tử.

Ngược lại, vật chất xuống giá dần, để cuối cùng biến thành chiếc xe mây cho khách du rong ruổi trên đường thiên lý sáng trong như ngọc thạch. Con đường thiên lý này gồm cả 2 bề vật chất, tinh thần, uyển chuyển diễn tiến theo đà tuổi tác như một bài thơ, một bản nhạc, mà tiết tấu hòa nhịp với trăng sao.

Đời sống con người lý tưởng với chu kỳ nhật nguyệt tinh thần.

Con người lý tưởng mong mỗi khi già từ thế tục, tâm hồn sáng quắc như mặt trăng ngày rằm, như mặt trời chính Ngọ, hay mặt trời ngày Hạ Chí. Mà kỳ diệu thay, nếu ta theo vòng Dịch trên mà đi tuần tự như vậy, thì ta sẽ thấy lúc ta thoát tục, cũng là lúc trăng tròn, hay lúc mặt trời chính Ngọ.

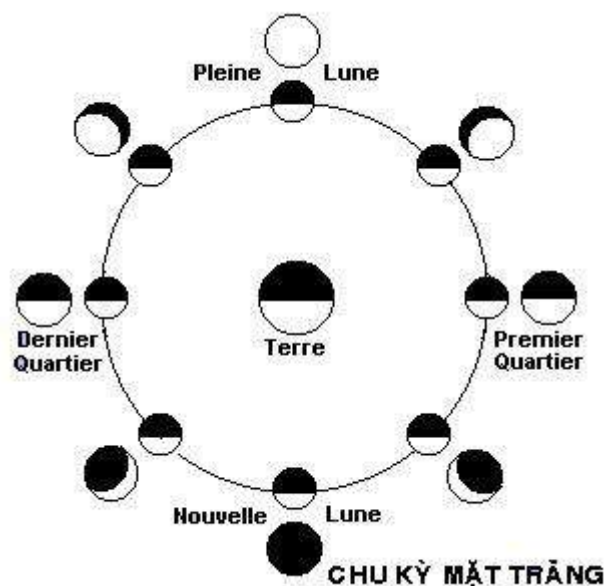
Con người lý tưởng lúc sơ sinh cũng như vàng trắng vừa quá rằm đẹp đẽ. Nhưng dần dà lớn lên, lạc lõng vào cuộc đời, tìm sinh kế, cũng như vàng trắng khuyết dần, mờ dần. Đến lúc công danh ở đời rực rỡ, lợi lộc ở đời rồi rào, thì lại là lúc Tinh Thần nghèo nàn nhất.

Nhưng con người lý tưởng không thể bị vật dục che mờ mãi; nhờ sự suy tư về sự chất chường bên ngoài, con người đó có ngày sẽ tìm lại được nguồn sống bên trong, sẽ dần dần tài bồi cho tâm hồn mình thêm hoàn bị, và lúc thoát ly cuộc đời, sẽ rực rỡ như trăng đêm rằm.

Con đường lý tưởng nói trên cũng vạch lại sự thăng trầm của vùng dương.

Sau ngày Hạ Chí (21 tháng 6), mặt Trời đi vào cung Cự Giải (Cancer). Ánh sáng và sức nóng một ngày một giảm cho tới cực độ ở ngày Đông Chí (22 tháng 12).

Nhưng từ ngày Đông Chí trở đi, thì mặt trời lại nóng lên, sáng lên dần mãi, đem ánh dương quang đượm nhuận cho hoa lá trở sinh, tung bùng rộn rã với ngày Xuân, và dần dần trở lại ngôi vị tối thượng vào ngày Hạ Chí.



Nếu xét vòng Chu Thiên trong một ngày đêm, thì cuộc đời lý tưởng của người quân tử lúc sơ sinh cũng đẹp y như mặt trời vừa quá Ngọ. Lúc lớn lên, bị vật dục che mờ, người quân tử cũng như mặt trời, trải qua những cảnh hoàng hôn, và cảnh đêm dài tịch liêu u tối; nhưng rồi ra, con người lý tưởng ấy dần dà sẽ gỡ được mọi tàn phiền, để cùng mặt trời trang trọng hiện ra trên nhân giới, lúc bình minh muôn thủa: cùng bình minh hứa hẹn một trời trong sáng mới, và khi lìa thế sự, sẽ là “Nhật Lệ Trung Thiên” sáng quắc cả bầu trời...” ^[9]

Hơn nữa, con đường Hoàng Đạo, mà con người lý tưởng đi cũng là con đường mà Nhị Thập Bát Tú ruổi rong.

MAR	FEB	JAN	DEC	NOV	OCT	SEP	AUG	JUL	JUN	MAY	APR	MAR
THẤT BÍCH	NỮ HƯ NGUY	ĐẤU NGƯU	VĨ CÔ	ĐẾ PHÔNG TÂM	GIÁC CANG	DỤC CHẨN	LIÊU TINH TRƯNG	TÍNH QUỲ	CHUY SÂM	VỊ MÃO TẮT	KHUÊ LÂU	
		KHÔN								ĐÔNG NHÀN		
ĐÔNG NHÀN				BƯỚC HOÀNG ĐẠO								
SONG NGƯ	BẢO BÌNH	MÃ YẾT	NHÂN MÃ	THIÊN YẾT	THIÊN XỨNG	THẤT NỮ	SƯ TỬ	CỰ GIẢI	SONG TỬ	KIM NGƯU	BẠCH DƯƠNG	
NHỊ THẬP BÁT TỬ												

Đường đời lý tưởng và lẽ biến thông của bốn mùa.

Dem sánh với bốn mùa, ta thấy con đường lý tưởng này hợp nhẽ biến thông của bốn mùa.

Lúc sơ sinh là lúc nhựa sống tràn đầy như muôn hoa khoe sắc trên cành sau ngày Hạ Chí. Lúc lớn lên, bước dần vào cuộc đời, thấy làn tâm sự cũng dần ngả sang thu, và đến lúc hoa niên, khi đã tiêu pha hết tinh thần, khi đã:

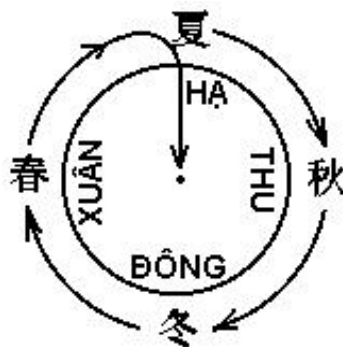
Mùi tục lụy, lười tề tâm khổ,

Đường thế đồ, gót rỗ kỳ khu.

Tâm hồn lảm lúc cảm thấy lạnh lùng như băng giá.

Nhưng có sương tuyết lạnh lùng, mới có lại ngày xuân ấm áp.

Trong những giờ phút con người chán ngán nhân tình thế thái, lại là lúc con người thấy mở tung ra trong tâm hồn mình một nhân giới vô biên. Thế là khi mái tóc hoa râm, thì tinh thần lại đượm màu xuân sắc. Một nguồn thơ mộng mới dâng lên giữa những cảnh ngộ éo le của cuộc đời. Mùa xuân dày hi vọng trở về với một nguồn sống mới.



Và cũng như cây đâm chồi nảy lộc, vươn mãi lên trên khung trời, trong ngày xuân ấm áp, tâm hồn cũng vươn mãi lên cho tới tinh hoa cao đại. Cuối cùng, lúc từ giã cuộc đời, tâm hồn vẫn còn chứa chan sự sống như trời mùa Hạ. Bao công lao sự nghiệp của cuộc đời bấy giờ nở tung ra như muôn hoa tươi thắm để không bao giờ tàn phai.

Con đường lý tưởng với nhân tâm, thế đạo.

Con đường lý tưởng đó cũng rất phù hợp với nhân tâm, thế đạo.

Con người, từ bao ngàn năm nay, vì **không hiểu định luật thiên nhiên**, nên đã không đi đúng nhịp thời gian, tuổi tác, gò bó mình vào những khuôn khổ chật hẹp, máy móc hóa cuộc đời đáng lý là thơ mộng, hay lại quá phóng túng mình đến tan tác cả cuộc đời.

Mặc dầu vậy, họ vẫn phác họa lại trong cuộc đời mình bóng dáng cuộc đời lý tưởng ấy.

Bé thì thơ ngây, hồn nhiên, vô tội vạ, rồi dần dà trở nên phóng ngoại, trở nên tò mò, rồi cũng tranh đấu, xông xáo, cũng dần thân vào phong trần, vật chất như ai. Lúc mái tóc hoa râm, lảm lúc cũng thấy giạt mình, muốn đoạn tuyệt với cuộc đời phóng đãng của mình, muốn hồi tâm, tu tỉnh. Khi trở về già thời không ai bảo ai, bất kỳ thuộc tôn giáo nào, con người cũng muốn quay về Trời, Phật, Thần, Thánh, cũng kính kệt, tụng niệm như ai...

Càng dần thân (engagement) vào đời phong vũ bao nhiêu lại càng mong muốn thoát thân (dégagement) bấy nhiêu. Nếu như thấy được “Thiên Địa chi Tâm”, tìm ra được Trời trong đáy lòng mình, là sẽ bước được vào con đường giải thoát.

Nói rộng ra, thì nhân loại cũng đang đi trên vòng Càn Khôn đó, nhưng chậm chạp...

Giai đoạn đầu là giai đoạn đạo hạnh phù phiếm, xóc nổi bên ngoài, để rồi dần dần lạc lõng vào dị đoan, mê tín.

Càng phóng ngoại bao nhiêu, càng chạy theo cái học “trục vật” bao nhiêu, thì lại càng đi đến chỗ sa đọa tinh thần bấy nhiêu, càng “nghịch Thiên”, “bối Thiên” bấy nhiêu. Nhưng chính nhờ giai đoạn sùng thượng vật chất này mà nhân loại đã giải quyết được những vấn đề mưu sinh, thích ứng với hoàn cảnh, đã xây dựng được hạ tầng cơ sở cho vững chắc.

Nhưng khi đã trưởng thành, khi đã quá đâm chém nhau, quá dè bieu, ghen ghét nhau, quá bóc lột, áp bức nhau, nhân loại sẽ dần dần trở lại sùng thượng các giá trị tinh thần vĩnh cửu.

Hiệu cuộc đời theo lẽ Dịch nói trên sẽ mở một con đường tiến hóa bao la cho cá nhân cũng như cho nhân quần, xã hội.

Cá nhân sẽ tùy tuổi tác mình, tùy theo “thời”, tùy theo khuynh hướng của từng tuổi, mà làm những công tác mình phải làm, để cây đàn bản thân lúc nào cũng hòa âm, theo đúng cung điệu, tiết tấu gia đình, xã hội, quốc gia, quốc tế, nhân loại và đất Trời. Đó là biết “ứng biến theo thời” ^[10]

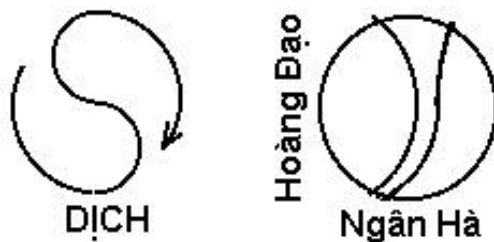
Nhân loại và cá nhân sẽ không ăn rễ sâu xa vào vật chất, mà chỉ coi vật chất là phụ thuộc, vẫn minh vật chất là một chặng đường tiến hóa của mình, một lớp lang nhỏ bé trong tấn tuồng vĩ đại của trời đất.

Âu Á gặp nhau trên đường Hoàng Đạo.

Các nước cổ Ba Tư, Ai Cập, Chaldée không biết vòng Dịch tiên thiên của Phục Hi, nhưng lại nghĩ ra vòng Hoàng Đạo với những ẩn ý tương tự như vòng Dịch.

Vòng Hoàng Đạo cũng có 12 cung, ứng với 12 cung Tí, Ngọ của vòng Dịch. Cung Mùi là cung Cự Giải (Cancer), cung Tí là cung Nhân Mã (Sagittaire), cung Sửu là cung Ma Yết (Capricorne), cung Ngọ là cung Song Tử (Gémeaux).

Thiệu Khang Tiết phân biệt 2 chặng đường Cầu và Phục, thì Macrobe cũng cho rằng **Cung Cự Giải là Cửa Người, và Cung Ma Yết (Capricorne) là Cửa Thần Minh; đôi bên các nhau bằng một giải Ngân Hà.** Giải Ngân Hà ấy phải chăng đã được tượng trưng bằng con đường lượn qua giữa vòng Bát Quái của Chu Dịch? ^[12]



Các sách cổ Á Đông dùng con rồng để tượng trưng các đấng thánh nhân, nên cũng cho con rồng biến hóa theo vòng Dịch trên. “Rồng có thể tối hay sáng, ngắn hay dài. Xuân phân bay bổng lên Trời, thu phân lặn sâu đáy vực” ^[13]

Các sách cổ Ai Cập thì lại có câu chuyện thần thoại về Thần Osiris (Thái Dương Thần) thay vào đó. Thần Osiris mới đầu cũng bị gian truân, đọa đầy, hãm hại, nhưng sau ngày Đông Chí thì phục sinh, sau Xuân phân thì lại trở về ngôi Cửu Ngũ. ^[14]

Tóm lại, các đồ Dịch, cũng như vòng Hoàng Đạo, tuy không lời, nhưng chứa chan ý nghĩa.

Thiệu Khang Tiết nói: “Đồ Dịch tuy không văn tự, nhưng ta nói suốt ngày cũng không ra khỏi được vấn đề, vì tất cả nghĩa lý muôn vật đều nằm trong đó.” ^[15]

Vi ý cổ nhân.

Thánh hiền Đông Á mượn đồ Dịch để biện minh thuyết “Nhất sinh Vạn”, và chỉ lối đường cho ta có thể từ “Vạn qui Nhất”. ^[16]

Dịch gọi đó là phương pháp “khai vật, thành vụ”.¹⁷ Cho xem trước đầu đuôi chuyện đời, rồi mới dạy cho biết cách hoàn thành lý tưởng. ^[17]

Đường đời, theo Dịch Kinh, đều từ 1 tâm điểm tung ra muôn vạn ngã. Ta có lao đao suốt đời, cũng chẳng sao đi hết muôn vạn ngã đường. Càng phiêu lưu, càng lạc lõng, càng đi sâu vào một con đường, càng thông tỏ chi tiết về một vấn đề, thì lại càng thấy mình bất lực kém cỏi, lại càng thấy mình mù mờ về toàn thể vô biên. Đi ra vạn, phiêu lãng trên muôn vạn ngã đường, dù có thành công đến đâu, trong thâm tâm vẫn thấy thiếu thốn, vẫn bị ám ảnh bởi cảnh phù du, tạm bợ, vẫn thấy mình như thân phận cánh bèo, bình bông mặt nước, chân mây, mà chẳng biết sẽ trôi giạt về đâu, bởi vì Vạn chỉ là một bóng hình hư ảo của Nhất;

Đồ tri tụ xứ, ninh tri tán,

Đãn thức phù thời, ná thức trầm. (Thơ bèo)

Dịch:

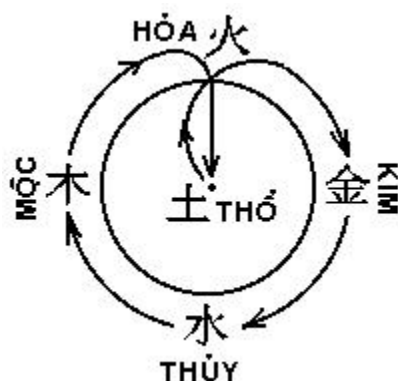
Tụ rồi, đã chắc không khi tán,

Nổi đó, nào hay có lúc trầm. (Nam Phong dịch)

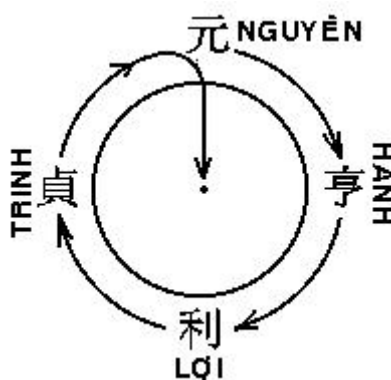
Trở lại được với Nhất, là con người lý tưởng. Người xưa gọi thế là Chí Nhân, ^[18] là Chân Nhân.

Đào Hư Tử gọi thế là: “*Tâm hồn trở về trước Tiên Thiên, siêu xuất trên hình số, siêu xuất sinh tử, không còn bị hình số câu chấp nữa.*” ^[19]

Lối đường do “Vạn qui Nhất” đã được xác định bằng các đồ Dịch cổ nhân, theo đúng chiều Ngũ hành tương sinh.



Chu Hi cũng vẽ con đường đó, bằng cách tán phân 4 chữ Nguyên, Hạnh, Lợi, Trinh lên vòng Càn Khôn.



Hai ngã đường đời.

Con đường từ “Vạn qui Nhất” trên vòng Dịch, mới trông tưởng là tròn trĩnh không kể hở. Nhưng thực ra con đường đó vốn phân làm đôi ngã Âm Dương,

Nửa đời đầu, vì con người một ngày một chìm đắm vào bóng tối vật chất, nên Kinh Dịch gọi là Âm Đạo, Địa Đạo, hay Khôn Đạo.

Nửa đời sau, vì con người ngày một vươn lên trong ánh sáng tinh thần, nên Kinh Dịch gọi là Dương Đạo, Thiên Đạo hay Kiền Đạo. ^[20]

Hệ Từ viết:

“Nhất Âm, nhất Dương chi vị Đạo; Kế chi giả thiện dã, thành chi giả, Tính dã.”

Dịch:

*Âm Dương đắp đổi Đạo Trời,
Theo thời tốt đẹp, suốt thời Toàn Chân. ^[21]*

Đường đời có 2 chiều: 1 chiều Âm, một chiều Dương, bước vào đường đời đã là hay, đi cho đến cuối đường sẽ phục hồi được Tính Trời.

Đi chiều Âm, đi vào con đường vật chất, sẽ tiến tới chỗ Bất Nhân, chỗ không hoàn thiện.

Đi chiều Dương đi vào con đường tinh thần, sẽ tiến tới chỗ Nhân, chỗ Hoàn Thiện.

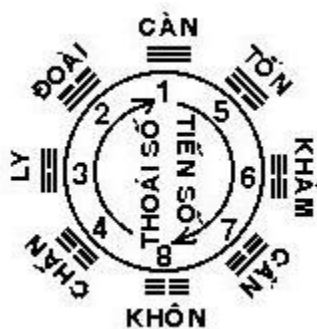
Đức Khổng nói:

“Đường đời có 2 ngã: Nhân và Bất nhân”, chính là vì thế. ^[22]

Đào Hư Tử viết:

“Năm mươi năm đầu cuộc đời, là Tiến Số, là học để giúp đời, càng ngày càng phải rạng mặt với đời.

Năm mươi năm sau, là Thoái Số, là học để treo gương cho đời, càng ngày càng phải tu nhân, tích đức.” ^[23]



Luận Ngữ viết:

“Đến chừng bốn, năm mươi mà ta chưa nghe danh tiếng họ, chừng ấy ta chẳng còn sợ họ nữa.” ^[24]

Nhưng con người không phải quay cuồng mãi trong vũ trụ, mà cũng có lúc được vào Trung Cung huyền diệu, để làm chủ chốt vũ trụ.

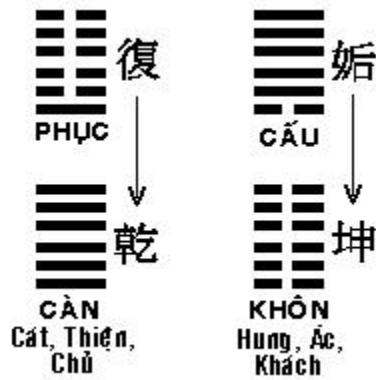
Bí quyết này đã được diễn tả bằng những hành động tượng trưng của Thiên Tử xưa trong tòa Minh Đường.

Khi xưa, mỗi năm, sau ngày Hạ Chí, nhà Vua sẽ vào Trung Cung Minh Đường, mặc áo hoàng bào, và ở đó ít ngày, cốt tượng trưng quyền Thiên Tử, làm khu nữ cho không gian và thời gian. ^[25]

KẾT LUẬN.

Nghiên cứu các Đồ Dịch, ta thấy cổ nhân đã phơi bày nhẽ “Càn Khôn Hiệp Tịch” (Càn Khôn mở đóng), đã tháo gỡ máy Âm Dương, đem cài lên những bức hoạ không lời, để vẽ đường chỉ lối cho ta. Càng suy cứu vi ý cổ nhân ta càng thấy lý thú. Đồ Dịch tiên thiên còn phân ngôi Chủ, Khách, đem lễ cát hung, thiện ác làm thành hai bức câu đối vĩ đại treo giữa trời đất cho tạo nhân, mặc khách muôn đời thưởng thức.

Đôi câu đối này không đối chữ theo luật trắc bằng, nhưng đối quẻ, đối hào, đối ý, đối lý.



Đọc đôi câu đối trên, ta sẽ nghiệm ra phương pháp “Xu cát, tị hung”. “ức Âm, tiền Dương”, “trưởng Thiện, tiêu Ác” của người xưa, biết tới, biết lui, biết tìm sự sống qua sự chết, biết tìm cái hay qua cái dở, tóm lại biết “định luật tương đối” chi phối con người ra sao.

Mới hay *Không*, Có chuyển vần,
 Dễ sinh ra *Khó*, Ngán nhân thành *Dài*.
Thấp, Cao tùy ngó *Ngược*, Xuôi,
 Tiếng ca *Trầm*, *Bổng*, dòng đời *Trước*, *Sau*.
 (Lão tử, **Đạo Đức Kinh**, chương II, Đoạn II) ^[26]

Thế mới hay:

Gẫm đạo lý, có sau có trước,
Lẽ Âm Dương có ngược, có xuôi.
Xuôi là Gió cuốn bụi đời, ^[27]
Đẩy đưa vào chốn trần ai, cát lăm.
Có thử thách mới phân vàng đá,
Có lăm than mới rõ chuyện đời.
Ngược là Sấm Chớp tới bờ, ^[28]
Tàng sâu bày dãi Cấn Trời nội tâm. ^[29]
Trông tỏ đích chí nhân, chí chính,
Biết mục phiêu mới định, mới an.
Rời ra suy xét nguồn cơn,
Con đường Phối Mệnh chu toàn tóc tơ...

Hiểu thế, ta sẽ tìm ra được vi ý cổ nhân, tìm ra được then chốt kho tàng sử sách Á Đông, tìm ra được phương pháp khai thác những kho tàng ấy.

Thực vậy, các thánh hiền Đông Á từ Phục Hi, Hoàng Đế đến Nghiêu Thuấn, Khổng Tử, Lão Tử khi soạn thảo sách vở chỉ cốt xiển minh nhẽ “**Thiên Nhân tương dũ**” (Trời, Người giao hảo), chỉ cốt tìm ra phương pháp thể hiện lý tưởng “**Thiên Nhân hợp nhất**” (Trời Người hợp nhất) mà thôi. ^[30]

Cho nên Dịch cũng như Trung Dung chỉ cốt dạy con người biết “**kính sợ Trời tiềm ẩn trong tâm hồn mình**” ^[31], dạy con người đừng để cho tâm hồn tan tác, tả tơi trước gió giông hoàn cảnh, trước sự thử thách, cám dỗ bên ngoài; cải thiện bản thân đến chỗ hoàn thiện, khả dĩ có thể sống kết hợp với Trời (Phối Thiên), cùng đất trời trường sinh bất tử.

Nhưng Dịch và Trung Dung lại dạy ta đừng vội vàng, phải học đi trên đất trước rồi mới học bay lên trời, phải biết tìm miếng cơm trước khi tìm nghĩa lý; phải biết thực tiễn trước, lý tưởng sau. Thế mới là biết thời cơ, biết nhẽ tiến thoái, biết uyển chuyển ứng phó với hoàn cảnh, biết biến thiên theo nhịp thời gian tuổi tác, để lúc nào đời cũng đẹp như bài thơ, lúc nào cũng nhịp nhàng tiết tấu như một khúc nhạc. ^[32]

Khúc nhạc đó thật là tuyệt vời, có vui, có buồn, có nhanh, có chậm; lúc lâm li, lúc hùng tráng; lúc rạt rào như thác đổ đầu ghềnh; lúc khinh khoáng, êm đềm như gió thu lướt qua hàng tơ liễu; lúc lặng lẽ như ánh tường vân lãng đãng xuôi Nam trên đường trời muôn dặm...

Thực là:

*Trời xanh dẫn dắt chúng nhân,
Như là tấu khúc nhạc Huân, nhạc Trì.
Trời, Người đôi ngọc Chương, Khuê.
Bên cho, bên lấy để huê biết bao.
Tay cầm, tay dắt khéo sao,
Trời xanh dẫn dắt dân nào khó chi.* ^[33]

CHÚ THÍCH

^[1] Trong nhân sinh quan này tác giả không bàn tới nguồn gốc con người, các yếu tố cấu tạo nên con người vì những vấn đề này được đề cập tới trong nhiều chương khác của bộ sách này. (Xem các chương chữ Tính, chữ Mệnh; Vũ Trụ quan v.v...)

Trong Chương này, chỉ đề cập tới một đời sống lý tưởng, phù hợp với Bản Tính và có thể thực hiện được định mệnh cao sang con người.

^[2] Bản dịch Việt Văn này khuôn theo bản dịch Pháp Văn, trong quyển ***L’Importance de Vivre của Lin YuTang***, tr. 123-124.

J’ai déjà vu la plus grande moitié de cette vie flottante,
Ah! qu’il y a un mot magique,
Ce mot moitié d’une portée si riche,
Il nous fait goûter plus de joie,
Que nous n’en pouvons posséder.
Le meilleur état de l’homme

Est à mi-chemin de la vie,
 Quand un pas ralenti lui permet le repos;
 Le monde se trouve à mi-chemin “entre la terre et le Ciel”
 Vivre à mi-chemin entre la ville et la campagne;
 Avoir des fermes à mi-chemin entre les rivières et les montagnes.
 Être à demi-savant, à demi-châtelain, à demi homme d'affaires;
 Vivre à moitié comme un noble,
 Et à moitié comme le commun des gens;
 Avoir une maison moitié belle, moitié laide,
 Moitié élégamment meublée et moitié nue;
 Des vêtements moitié vieux, moitié neufs
 Et une nourriture mi-recherchée et mi-simple;
 Avoir des serviteurs ni trop intelligents ni trop bêtes;
 Une femme aui soit ni trop simple ni trop habile,
 Au fond, je me sens la moitié d'un Bouddha,
 Et presque la moitié d'un Bienheureux Taoïste.
 La moitié de moi-même est tournée vers le Ciel,
 L'autre moitié vers mes enfants,
 Pensant à moitié comment assurer l'avenir de ma postérité,
 Et à moitié comment me présenter devant Dieu,
 Quand le corps sera laissé en repos.
 Il est le plus sagement ivre, celui qui est à moitié ivre;
 Et les fleurs à moitié en boutons sont les plus belles;
 Les bateaux à demi-voilés naviguent le mieux;
 Et les chevaux avec les rênes à moitié tendue trottent le mieux.
 Qui possède moitié trop est inquiet,
 Qui possède moitié trop peu désire posséder plus.
 Puisque la vie est à la fois amère et douce,
 Celui qui n'en goûte que la moitié est plus sage et plus intelligent.

L'importance de Vivre de Lin Yutang, p.p.123-124.

[3] *Trung Dung*, chương XXIX.

[4] 廣大配天地，變化配四時，陰陽之義配日月，易簡之善配至德。

Hệ Từ thượng, chương VI, tiết 3

[5] Trong Thiên Khảo Luận này, tác giả chỉ dùng chữ Trung để chỉ Bất Biến, chữ Dịch để chỉ biến Thiên, mà không dùng những nghĩa khác của chữ Dịch.

[6] ...Le Principe Suprême, source de toutes les puissances, soit de celles qui vivifient les pensées dans l'homme, soit de celles qui engendrent les oeuvres visibles de la nature matérielle; cet être nécessaire á tous les êtres, germe de toutes les actions, de qui

émanent (mot fatal, plume qui trahit) continuellement toutes les existences, ce terme fatal, vers lequel elles tendent, comme par un effort irrésistible, parce que toutes recherchent la vie; cet être, dis-je, est celui que les hommes appellent généralement Dieu.

Claude de Saint Martin, cité par Ilan de Casa Fuerte, *La Religion Essentielle*, p. 200.

[7] 復其見天地之心乎。

Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ!

Dịch kinh, Phục quái, thoán từ.

...陽氣生來，塵夢醒

攝情合性，歸金鼎

運符三百足周天

伏氣四時歸靜定

七日天心，陽位復

五龍棒聖崑崙頂

黃庭十月產靈童

駕鶴凌霄任游騁。

Dương khí sinh lai trần mộng tỉnh,

Nhiếp tình hiệp tính, qui kim đỉnh.

Vận phù tam bách túc chu thiên

Phục khí tứ thời qui tĩnh định,

Thất nhật Thiên Tâm Dương vị phục.

Ngũ long bổng thánh Côn Lôn đỉnh

Huỳnh Đình thập nguyệt sản linh đồng,

Giá hạc lãng tiêu, nhiệm du sính

Tiên Thiên luận ngữ, tr. 5.

[8] 尺蠖之屈以求伸也

龍蛇之蟄，以存身也

精義入神以至用也

利用安身以崇德也。

Xích hoạch chi khuất, dĩ cầu thân dã,

Long xà chi trập dĩ tồn thân dã.

Tinh nghĩa nhập thần, dĩ chí dụng dã,

Lợi dụng an thân, dĩ sùng đức dã.

Dịch:

*Sâu đo có lúc co mình,
Co mình cốt để duỗi mình dài hơn,
Long xà đông tới chập chờn,
Ngủ vùi tháng lạnh, bảo toàn tấm thân.
Học sao tinh nghĩa, nhập thần,
Rời ra áp dụng muôn phần hay ho.
Đã rành, đã tỏ Hoá cơ,
Rời ra lợi dụng hay ho thân mình.
Thân mình sung túc, an ninh,
Rời ra nhân đức thi hành, sùng tôn.*

Hệ Từ Hạ, chương V, tiết 1.

[9] Cours apparent du Soleil.

[10] 知趨時應變。

Tri xu thời ứng biến.

Tính Lý, I, 42.

[12] The Galaxy, Macrobius says, crosses the Zodiac in two opposite points, **Cancer and Capricorn**, the tropical points in the sun's course, ordinarily called the Gates of the Sun. These two tropics, before his time, corresponded with those constellations, but in his day with Gemini and Sagittarius, in consequence of the precession of the equinoxes; but the *Signs* of the Zodiac remained unchanged; and the Milky Way crossed at the *signs* Cancer and Capricorn, though not at these *constellations*.

Through these *gates* souls were supposed to descend to earth and re-ascend to Heaven. One, Macrobius says, in his dream of Scipio, was style the **Gate of Men**; and the other, **the Gate of Gods. Cancer was the former**, because souls descended by into the earth; and **Capricorn was the latter**, because by it, they re-ascend to their seat of immortality, and became Gods

Albert Pike, Moral and Dogma, p. 437-438.

...Les Orphiques croyaient dans le Cancer le portail par où les âmes entraient en incarnation sortant en multitude de la Voie Lactée...

L'Occultisme du Zodiaque, p. 89.

... Il est intéressant de voir que la naissance de l'Univers se place tout au commencement du signe (Capricorne) était symbolisée par la naissance du Dieu solaire ou de l'enfant divin au solstice d'hiver, tandis que la dissolution de l'univers matériel, suivant les Écritures de L'Inde, se produit à la fin du signe...

Như trên, p. 121.

[13] 能幽能明，能細能巨，能短能長，春分而升天，秋分而潛淵。

Năng u năng minh, năng tế năng cự, năng đoán năng trường. Xuân phân nhi thăng Thiên, Thu phân nhi tiềm yên. (Le Dragon)

Léon Wieger, Textes Philosophiques, I, 15.

[14] We know that the Egyptians worshipped the Sun, under the name of Osiris. The misfortune and the tragical death of this God were an allegory relating to the Sun. Typhon, like Arhiman, represented Darkness. The suffering and death of Osiris in the Mysteries of the Night were a mystic image of the phenomena of Nature, and the conflict of the two great Principles which share the empire of Nature, and most influenced our souls...

Albert Pike, Morals and Dogmas, p. 406.

[15] 圖雖無文，吾終日言，而未常離乎是，蓋天地萬物之理盡在其中矣。

Đồ tuy vô văn, ngô chung nhật ngôn, nhi vị thường ly hồ thị, cái Thiên Địa vạn vật chi lý, tận tại kỳ trung hĩ.

Tính Lý1 (Kinh Thê) 58-59.

[16] 程夫子曰：知萬理歸於一理而不知一理散於萬事，

重重無盡，無盡重重，自他不間於微塵，始終不離於當念，

窮玄極妙，非二乘凡夫之所能知也。

Trình Phu Tử viết: tri vạn lý qui ư nhất lý, nhi bất tri nhất lý tán ư vạn sự, trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng. Tự tha bất gián ư vi trần, chung thủy bất ly ư đương niệm. Cùng huyền cực diệu, phi nhị thừa phàm phu chi sở năng tri dã.

Đạo dư lục, tr. 19.

[17] 聖人之憂天下來世其至矣。先天下而開其物，後天下而成其務。

Thánh nhân chi ưu thiên hạ lai thế, kỳ chí hĩ. Tiên thiên hạ nhi khai kỳ vật, hậu thiên hạ nhi thành kỳ vụ.

Dịch Kinh Đại Toàn, Dịch tự.

[18] 至人之心定于一。

Chí Nhân chi tâm định vu Nhất.

Châm thượng ngữ, tr. 1.

[19] 心反于先天之先，則超于形數之外，出入生死，不為形數所拘。

Tâm phản vu tiên Thiên chi tiên, tắc siêu vu hình số chi ngoại, xuất nhập sinh tử, bất vi hình số sở câu.

Châm thượng ngữ, tr. 1.

[20] Ấn Độ giáo cũng nhận con người phải qua 2 con đường: Đường về với tổ tiên (Pitriyana), và đường về với Trời (Devayana). Nhưng 2 con đường đó lại mở ra sau khi

con người đã chết. Con đường thứ 1 là Con đường Luân Hồi, con đường thứ 2, là con đường Niết bàn, siêu thoát Luân Hồi, sinh tử:

... Mais par la mort, s'ouvrent deux sentiers, le Pitriyâna, ou **sentiers des Pitris**, et le devayana ou **sentier des Dieux**. Ils sont très soigneusement décrits dans quelques passages que je vais vous résumer, et que l'on trouve dans les Brihadaranyaka, Chandogya et Prasna Upanishads (Brihad. Up. VI, II, 2-16. Chand. Up. V, III, Prasna I, 9-10. Chand. V, 10, Chand. IV, 15-5. Bhagavad Gita VIII, 24-260.)

Les mots indiquant obscurité tels que fumée, nuages, quinzaine sombre etc... impliquent emprisonnement dans la matière, et correspondent au retour sur la terre, par une nouvelle naissance; les mots signifiant lumière s'appliquent au triomphe du soi, et correspondent au sentier des Dieux, par lequel on ne retourne pas.

Annie Besant, *La Sagesse des Upanishads*, p. 92.

[21] . 一陰一陽之謂道，繼之者善也，成之者性也。

Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả thiện dã, thành chi giả Tính dã.

Hệ Từ Thượng, Chương V, tiết I.

[22] 道二: 仁與不仁而以矣。

Mạnh Tử, Ly Lôu chương cú Thượng, câu 2.

[23] 人生五十之前為進數，用世之學，當一日章一日。

五十以後為退數，垂世之學，當一日積一日。

Nhân sinh ngũ thập chi tiền vi tiến số. Dụng thế chi học, đương nhất nhật chương nhất nhật. Ngũ thập chi hậu, thùy thế chi học, đương nhất nhật tích nhất nhật.

Kỷ thượng ngữ, tr. 10.

[24] 四五十而無聞焉，斯亦不足畏也已。

Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc uý dã dĩ.

Luận Ngữ, Tử Hãn đệ cửu, câu 22.

[25] Mais le Chef ne peut poursuivre indéfiniment sa circulation périphérique sous peine de ne jamais porter les insignes qui correspondent au Centre qui sont l'apanage du Suzerain. Aussi quand est fini le troisième mois de l'été, interrupt-il le travail qui lui permet de singulariser les diverses durées. Il se vêt alors de jaune et -cessant d'imiter la marche du Soleil, va se poster au Centre du Minh t'ang. S'il veut animer l'espace, il faut bien qu'il occupe cette place royale, et dès qu'il s'y arrête, c'est d'elle qu'il semble animer le temps: Il a donné un centre à l'année.

Marcel Granet, *La Pensée Chinoise*, p. 103.

[26] 故有無相生，高下之相傾

難易之相成，音聲之相和

長短之相形，前後之相隨。

Đạo đức kinh, Chương II.

[27] 天風垢 Thiên Phong Cầu.

[28] 地雷復 Địa lôi phục.

[29] 復其見天地之心乎? Phục kỳ kiến Thiên Địch chi tâm hồ?

[30] Dịch chi vi thư quảng đại tất bị, vô sở bất bao nhi ngữ kỳ yếu qui, tắc vi minh “Thiên Nhân hợp nhất” chi đạo.

易之為書廣大悉備無所不包，而語其要歸則為明天人合一之道。

Sách Dịch thật mênh mông bát ngát, nhưng đại khái là cốt xiển minh nhẽ Thiên Nhân Hợp Nhất.

Chu Dịch, Trương Kỳ Quân, Trung Quốc Ngũ Thiên Niên Sử, đệ Nhị sách, đệ Thập Nhị chương. Trung quốc nhất chu số 588.

-Thánh Nhân dĩ Dịch tẩy tâm, tự dữ Thiên Lý đồng lưu. Quân tử dĩ tâm thê Dịch, đương tri Thiên Lý đồng bản.

聖人以易洗心，自與天理同流。君子以心體易，當知天理同本。

Đào Hư Tử, Châm Thượng Ngữ, trang 8.

...Trung quốc tự Đường Ngu dĩ lai, tức hữu Thiên Nhân Hợp Nhất chi tư tưởng.

Kính Thiên tức sở dĩ ái nhân, ái dân tức sở dĩ tôn Thiên. Lịch đại thánh triết mạc bất kế tục hoàng dương thử Thiên Nhân Hợp Nhất chi đạo. Lão tử tức kỳ nhất dã.

中國自唐虞以來，即有天人合一之思想。

敬天即所以愛人，愛民即所以尊天。

歷代聖哲莫不繼續弘揚此天人合一之道。老子即其一也。

Trương Kỳ Quân, Trung Quốc Nhất Chu, kỳ 623, tr. 21.

...Từ Thượng cổ, người Tàu đã có cái tư tưởng rằng người ta sinh ra ai cũng bẩm thụ cái tính của Trời. Cái tính ấy là một phần Thiên Lý. Vậy Trời với người quan hệ với nhau rất mật thiết lắm. Bởi thế, mới lấy phép tắc tự nhiên của Trời làm cái mô phạm của người và cho Thiên luân, Thiên đạo là nhân đạo...

Trần Trọng Kim, Nho giáo, tr. 397.

[31] Dịch đại khái dục nhân khùng cụ, tu tính.

Dịch kinh đại toàn, Cương lĩnh, tr. 11.

Trung Dung chương I.

[32] Xin xem thêm Ecclésiastique 3, 1-15, *Bible de Crampon* tr. 745:

Pour tout, il y a un moment, un temps pour chaque chose sous le ciel: temps d'enfanter, et temps de mourir;

temps de planter et temps d'arracher les plants;

temps de tuer, et temps de guérir;

temps de démolir et temps de bâtir;

temps de pleurer et temps de rire;

temps de se lamenter et temps de danser;
temps de jeter des pierres et temps de ramasser des pierres;
temps d'embrasser et temps d'écarter les embrassements;
temps de chercher et temps de perdre;
temps de garder et temps de rejeter;
temps de déchirer et temps de coudre;
temps de se taire et temps de parler;
temps d'aimer et temps de hair;
temps de guerre et temps de paix.

Quel profit pour le travailleur, et de peine qu'il se donne?

J'ai considéré les occupations auxquelles Dieu a donné aux enfants des hommes de s'occuper.

Toute chose, Il l'a faite bonne pour tout temps; c'est aussi l'infinité du temps qu'il a mis dans leur coeur, sans que l'homme puisse découvrir l'oeuvre que Dieu fait, de bout en bout...

Dưới trời, các gì cũng có lúc, cũng có thời.

Có lúc sinh, có lúc chết;
Có khi trồng, có khi nhổ;
Có khi giết, có khi chữa;
Có lúc phá, có khi xây;
Có khi khóc, có khi cười;
Có khi than khóc, có khi vui nhảy;
Có khi ném đá, có lúc thôi.
Có khi ôm ấp, có lúc giận buồn;
Có khi tìm, có khi mất;
Có khi giữ, có khi bỏ;
Có khi xé, lại có khi may;
Có khi yên, có khi nói;
Có khi ghét, có khi yêu.
Có thời chiến, có thời bình;

Vậy con người lao tác được lợi ích gì, và đã tốn phí biết bao là công lao?

Tôi đã xem Chúa dạy con người làm biết bao công trình. Việc gì Trời làm đúng lúc cũng hay; lại cho con người thời gian vô tận, còn người thì không sao hiểu việc Trời làm từ đầu đến đuôi.

Đọc đoạn này, tôi mới thấy con người thật là mâu thuẫn, suốt đời phá phá, xây xây. Thật là uổng phí công trình. Nếu mình có thời gian vô tận, sao không đặt cho đời mình một mục tiêu? Chúng ta sinh ra đời để tiến hoá cho đến Chân, Thiện, Mỹ, chứ không phải sống gặp chẳng hay chớ. Trời cho ta làm trăm công nghìn việc, mục đích là cho ta tìm lại được Bản Thể ta, sức sáng tạo vô biên của ta.

Vậy ta phải sống 1 cuộc đời xứng đáng. Sinh ra từ Trời, chết đi trở về với Trời.
Như vậy, mới là:

Tri xu thời ứng biến. 知趨時應變。

(Chính môn Tíng Lý I, tr. 42.)

[33] 天之牖民

如璫如篴

如璋如圭

如取如攜

攜無曰益

牖民孔易。

*Thiên chi dũ dân,
Như Huân như Trì,
Như Chương, như Khuê,
Như thủ như huê.
Huê vô viết ích,
Dũ dân khổng dịch.*

Heaven enlightens the people, as the bamboo flute responds to the porcelain whistle; as the two half maces form a whole one; as you take a thing and bring it away in your hand, bringing it away without any more ado. The enlightenment of the people is very easy.

The She King. James Legge, p. 502.

CHƯƠNG XXIII

SỬ QUAN.

(THEO TRUNG DUNG VÀ DỊCH LÝ)

(Con người cần được đặt lại vào Trung Tâm vũ trụ, điểm xuất phát của con người. Xưa, khi trình độ hiểu biết con người còn thấp kém, con người đã xa lìa, thì nay trong tay đã sẵn có những kiến thức mới về không gian, con người cần trở về Trung Tâm Điểm ấy.) ^[1]

Nghiên cứu Trung Dung và Dịch lý, chúng ta có thể tìm thấy một sử quan mới mẻ.

Xưa nay, nhiều người vì có quan niệm “**tĩnh**” về vũ trụ, nên cho rằng con người, đời nào cũng giống đời nào sinh ra là để chịu khổ sở gian truân, ngộ hầu đền bù những tội ác xa xăm và hiện tại; cho đời là bể khổ, đầy châu lệ, chỉ muốn thoát ly đời; cho xác thân là thù địch, cố dày vò thân xác, để được coi là nhân, là đức; cúi đầu chịu mọi sự

gian nan thống khổ, coi đó là những hình phạt của thần thánh; suốt đời nơm nớp lo âu, khẩn cầu thần nọ thánh kia hộ trì cho mình siêu thoát, một khi đắm mắt, tắt hơi.

Một quan niệm như vậy dĩ nhiên làm mất hết vẻ hiên ngang và hùng khí của con người, coi con người như một thứ đồ chơi, để thần minh tha hồ dập vùi theo ý thích, thương thì để nguyên, giận lên thì phá phách cho tan tác thành tro bụi; coi lịch sử như đã đi đến tuyệt đích không còn gì để diễn tiến nữa; tô vàng son vào một dĩ vãng mình không tham dự; oán thán chê bai cuộc sống hiện tại, cho rằng chẳng mấy huy hoàng.

Nhưng nếu ta có một cái nhìn bao quát, cởi mở, nếu ta có một quan niệm “động” về lịch sử, ta sẽ thấy con người thực ra đã, đang và còn sẽ tạo cho mình một lịch sử rất ly kỳ, lắt trau chuyên, nhưng cũng lắt vinh quang. Trên thực tế, con người luôn tiến hoá.

Nói đến tiến hoá, tức là nói đến chiều hướng và mục phiêu cuộc tiến hoá đó.

Cho nên, đề cập đến sự quan nhân loại, là đề cập đến chiều hướng tiến hoá của nhân loại, đến những giai đoạn dĩ vãng và tương lai của con đường tiến hoá ấy, cũng như đến mục đích và kết quả của công cuộc tiến hoá ấy.

Trung Dung đã cho ta biết căn bản của vũ trụ nhân quần, thì cũng chỉ luôn cho ta biết mục phiêu của nhân loại.

Đâu là căn bản vũ trụ, nhân quần? Trung điểm, Trời.

Đâu là mục phiêu của nhân loại, của quần sinh? Cũng vẫn là Trời, là Trung Điểm.

Vòng Dịch Phục Hi sẽ cho ta biết các chặng đường tiến hoá của nhân quần từ lúc ban sơ đến lúc chung cuộc.

Vòng Dịch Văn Vương phơi bày cho ta thấy cùng một lúc các giá trị tôn ti, quý tiện của đất trời. ^[2]

Ta thường thấy trong Kinh Dịch, 64 quẻ xếp theo hình vuông, lồng trong 64 quẻ xếp theo hình tròn.

Hình vuông tượng trưng cho không gian, cho các giá trị phô diễn đồng thời trong không gian, thời gian.

Hình tròn tượng trưng cho thời gian, cho các giá trị phô diễn liên tiếp trong thời gian. ^[3]

Dịch là phản ảnh cuộc đời. Cho nên ta cứ việc nhìn bao quát các nếp sống của cá nhân và đoàn thể diễn ra cùng một lúc trong không gian, hoàn vũ, là ta có thể suy ra được các lớp lang lịch sử của nhân loại liên tục diễn tiến trong thời gian....

Thực ra vấn đề chiều hướng và giai đoạn của lịch sử không phải là một vấn đề mới mẻ.

Auguste Comte (1798-1857) đã tìm ra 3 giai đoạn của lịch sử:

1. Trạng thái thần quyền (état théologique).
2. Trạng thái siêu hình (état métaphysique).
3. Trạng thái thực tiễn (état positif).

Nhưng ta thấy quan niệm trên chỉ cho ta biết dĩ vãng và một phần của hiện đại, còn tương lai vẫn chìm đắm trong mơ hồ, bí ẩn.

Dựa vào Dịch và Trung Dung ta có thể tìm ra một chu kỳ lịch sử mệnh mông, bát ngát hơn nhiều.

Chúng ta đại khái có thể phác họa chu kỳ lịch sử nhân loại bằng chín giai đoạn sau: ^[4]

1. Giai đoạn thần quyền (Tôn)
2. Giai đoạn siêu hình (Khảm)
3. Giai đoạn thực tiễn (Cần)
4. Giai đoạn vật chất (Khôn)
5. Giai đoạn Giác Ngộ (Chấn)
6. Giai đoạn nhân đạo (Ly)
7. Giai đoạn nghệ thuật đạo đức (Đoài)
8. Giai đoạn thiên đạo (Kiên)
9. Giai đoạn toàn thiện, toàn mỹ (Thái Cực) ^[5]

Chu kỳ lịch sử nhân loại khó ước lượng được là bao nhiêu năm.

Thiệu Khang Tiết cho là 129.600 năm (360 X 360)

Các triết gia Hi Lạp cho là 25.920 năm.

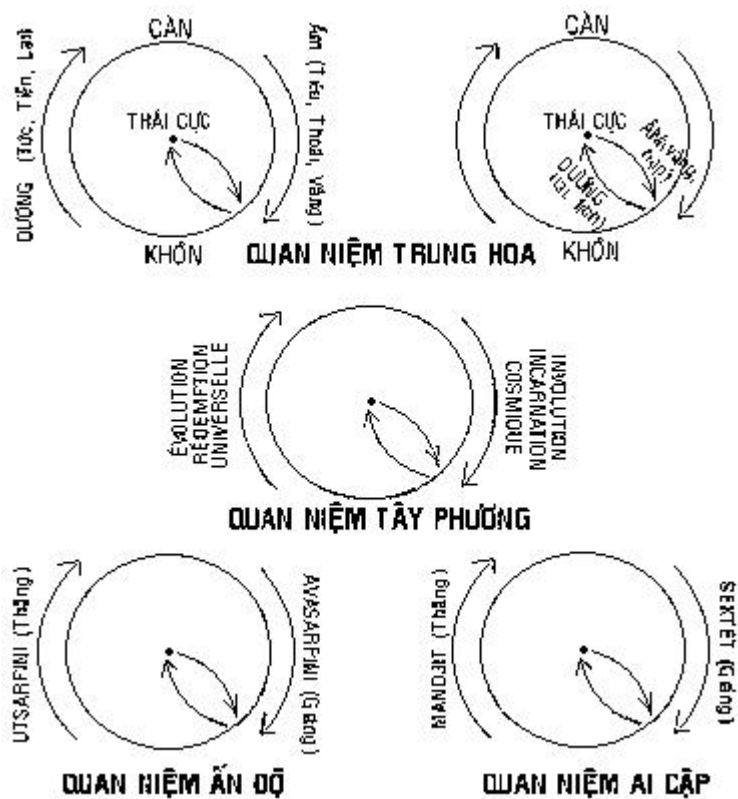
Các triết gia Ấn Độ cho rằng chu kỳ lịch sử nhân loại là 4.320.000 năm, còn chu kỳ lịch sử vũ trụ là 4.320. 000.000. ^[6]

Đà diễn tiến của lịch sử cũng như của con người đều theo định luật doanh hư, tiêu tức, vãng lai, tiến thoái của trời đất.

Trong nửa chu kỳ đầu, tinh thần dần dà suy, vật chất dần dà thịnh.

Trong nửa chu kỳ sau, vật chất dần dà suy, tinh thần dần dà thịnh. ^[7]

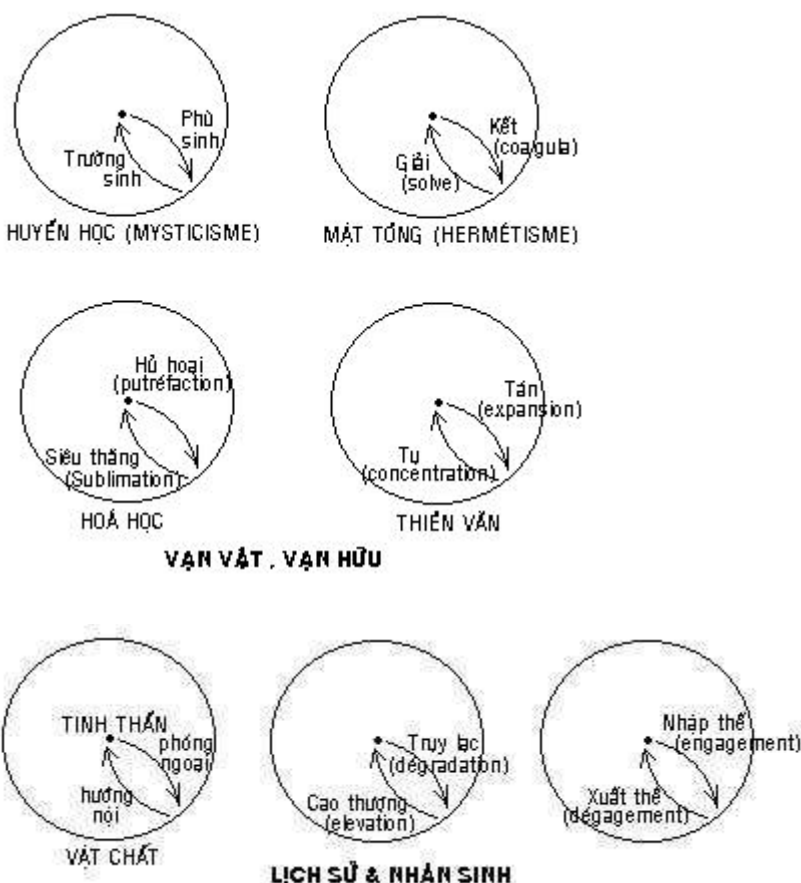
Lẽ Âm Dương tiêu trưởng trong các học thuyết Âu Á.



Nhịp điệu thăng, trầm, suy, thịnh của lịch sử nhân loại cũng được áp dụng trong khúc hoà ca của vũ trụ và vạn vật. ^[8]

Lẽ Âm Dương tiêu tức, vắng lại trong hoàn vũ và trong con người.





Đó là đà diễn tiến theo 2 chiều Âm Dương của vòng Dịch. ^[9]

Dựa trên những hiện tượng lịch sử, thì nhân loại mới đang đi giữa **giai đoạn thực tiễn** và **giai đoạn vật chất**. Nghĩa là con đường tiến hoá của nhân loại còn xa lắc, xa lơ, và tương lai nhân loại còn muôn vàn rục rờ.

Con người còn phải lao lung vất vả, còn phải suy tư, lao tác, còn phải khám phá, còn phải đào thải, còn phải lọc lõi nhiều rồi mới tiến tới vinh quang được.

Đi hết giai đoạn vật chất, con người sẽ đi đến chỗ bế tắc, đến đầu đường; muốn khởi tiêu diệt, tất nhiên phải quay lưng lại vật chất mà hướng về phía tinh thần, thế là Phục Sinh (Régénération, Palingénésie), thế là Hồi Phục (Conversion). Dịch gọi thế là “**Cùng tắc thông**”, hay “**Cùng tắc biến**”.

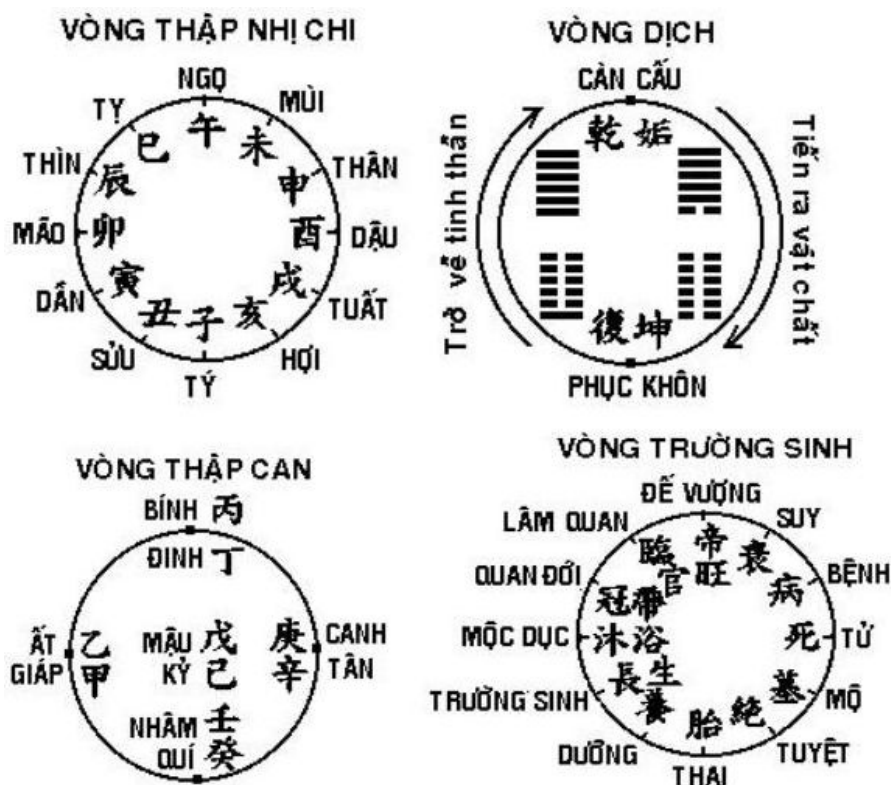
Đi vào con đường vật chất tức là đi vào con đường truy lạc, sa đoạ tinh thần.

Đi vào con đường tinh thần là đi vào con đường giải thoát, phục sinh (Rédemption, salut, régénération).

Cổ nhân đã xác định thời kỳ Hồi Phục của con người. Thời kỳ ấy chính là thời kỳ đen tối nhất của nhân loại, tượng trưng bằng giờ Tý (nửa đêm), và bằng quẻ Khôn, hoàn toàn vật chất. ^[10]

Nhưng giữa tối tăm, ánh sáng sẽ hiện ra; giữa chết chóc, sự tái sinh sẽ mầm mống; sau thời kỳ vật chất vô thần, con người sẽ hồi hướng, và quay về với giá trị tinh thần. Kinh Dịch gọi lúc ấy là quẻ Phục.

Sự sinh lại ấy, người xưa ví như là con người được thai nghén lại một lần nữa, vì thế dùng chữ Tí (子 Tí =子 Tử = Con), chữ Nhâm 壬 (Đồng âm với chữ Nhâm = 妊 = Có mang); chữ Thai 胎 để chỉ thời kỳ đó. [\[11\]](#)



Chu kỳ lịch sử tiên đoán được bằng các vòng Dịch, Can Chi và Trường sinh.

Thời kỳ ấy là thời kỳ hồi phục, vì nhân loại đã thấy được “**Thiên Địa chi Tâm**”, thấy được rằng “**trong lòng mình có trời ngự trị**” ^[12]

Theo sử quan này thì con người mới đầu dĩ nhiên là phải gian truân, phải phong trần (Cầu = phong trần), nhưng đến chung cuộc sẽ được hiển vinh, hạnh phúc (Kiên = Trời; Đế vương = vua Trời xương thịnh; Bính Đinh = Sáng láng, rực rỡ) ^[13], để rồi vào yên nghỉ trong Trung Cung, trong Thái Cực, Hoàng Cực. Thế là “**Hưu hồ thiên quân**”, “**Yên nghỉ trong lòng Trời**” theo Trang Tử.

Mỗi cá nhân, ai cũng phải đi theo đúng con đường đã vạch cho nhân loại, và hoàn vũ, nhưng tùy sự hiểu biết, tùy theo tốc độ của trí tuệ, tùy theo công phu tu luyện, thời gian trên trở nên co giãn vô hạn định,

Vì: -129.600 năm cũng là 1 chu kỳ.

-25.920 năm cũng là 1 chu kỳ ^[14]

-1 năm cũng là 1 chu kỳ.

-1 tháng cũng là 1 chu kỳ.

-1 ngày cũng là 1 chu kỳ.

-1 hô hấp cũng là 1 chu kỳ.

-1 chớp mắt cũng là 1 chu kỳ (vì cũng gồm 2 chiều Âm Dương, động tĩnh, hạp tịch của trời đất.) ^[15]

Con đường thẳng trảm gian lao ấy, tức là con đường định mệnh của nhân loại. Theo từ ngữ Ấn Độ thì đây là Duyên Nghiệp, Duyên Kiếp của con người (Karma). Tìm ra được vòng Duyên Nghiệp ấy tức là tìm ra được vòng Dịch, tìm ra được Con Đường Giải Thoát. ^[16]

Mỗi giai đoạn lại cho con người trông thấy 1 khía cạnh của Toàn Thể bao la, mỗi giai đoạn lại làm cho con người giàu có thêm về 1 loại tư tưởng, lại khoác cho con người một bộ mặt mới.

Suy rộng ra, như Trái Đất có lúc xa, lúc gần mặt trời, thì nhân loại cũng có lúc xa, lúc gần Thượng Đế. Nhưng vòng tiến hoá của con người đã được vạch sẵn từ muôn thuở, cũng như vòng chu luân của trái đất và các vì sao đã được vạch sẵn từ khi chúng vừa được dựng nên.

Thế tức là:

*“Người tận thế, đất sét xưa nặn lại,
Hạt trường sinh gieo từ buổi hỗn mang.
Ngày khai thiên Trời đã chép kỹ càng,
Toàn lịch sử của muôn ngàn thời đại.”* ^[17]

Con người sinh ra đời, cần phải phát huy mọi khả năng của mình, thực hiện mọi giá trị tiềm ẩn của mình, và chỉ được dừng chân đứng lại khi đã đạt mức chí thành, chí thiện, ^[18] khi đã thoát khỏi mọi hình tướng danh sắc, hiện tượng bên ngoài, trở về được với Hư Vô, Diệu Hữu, ^[19] vì mục đích của nhân loại cũng như của cá nhân là đạt tới Toàn Thể, tới Thiên Địa chi Tâm.

CHÚ THÍCH

^[1] Man must be put back at the Center of the Universe, when he once began, and from which he fell away at the beginnings of Knowledge, and to which he must return with the new knowledge of space at hand.

Ray Bradbury, Remembrances of kings future.

^[2] Thiên tôn địa ti, Thiên địa định hĩ,

Cao ti dĩ trần, quý tiện lập hĩ.

天尊地卑，乾坤定矣

高卑已陳，貴賤立矣。

Dịch. Hệ Từ Thượng, Tiết I.

^[3] L'ordre des successions concrétise le temps,

L'ordre des coexistences concrétise l'espace.

Occultisme et Magie en Extrême-orient. p. 91.

Ainsi ce qui est simultané dans l'espace, sera successif dans le temps. Ainsi, l'espace et le temps sont convertibles.

(Postulat de l'auteur.)

[4] Sử quan này dựa trên sự khảo sát các đồ Dịch, và 2 thỉnh lý sau đây của tác giả:

- a. Cuộc đời của 1 cá nhân lý tưởng tương ứng với lịch sử nhân loại.
- b. Các mẫu người cùng có trong không gian sẽ diễn ra liên tiếp trong thời gian.

(Ce qui est simultané dans l'espace sera successif dans le temps.)

...Cũng có thể chia lịch sử làm 13 thời kỳ như sau: Cầu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn, Phục, Lâm, Thái, Đại tráng, Quải, Kiền, và Thái Cực.

[5] ...Les époques chrétiennes futures, quand les lois du Christ seront de plus en plus connues et appliquées, verront l'homme s'allumer en lui, toujours plus fréquemment, le feu de Jésus Christ. Grâce à la force de ce feu, il s'élèvera, il se sanctifiera et les bienfaits de Dieu descendra toujours plus abondamment sur la terre, jusqu'à ce que, durant la dernière période, et conformément à l'exemple suprême donné par Jésus-Christ, le but terminal de l'homme sera atteint: l'accomplissement du Verbe de Dieu, la victoire complète sur le mal, la vie totale du Royaume céleste réalisée par l'homme sur la terre...

André Towlanski cité par Illan de Casa Fuerte, La Religion Essentielle, p. 222.

[6] Các triết gia Ấn Độ phỏng định một cho kỳ lịch sử nhân loại là 4.320.000 năm (1200 x 360 = 1 ngày của Brahma) chia ra thành 4 thời đại:

- a Krita Yuga (Thời Đại Vàng) 1.728.000 năm.
- b Treta Yuga (Thời Đại Bạc) 1.296.000 năm.
- c Dwapara Yuga (Thời Đại Đồng Đen) 864.000 năm.
- d Kali Yuga (Thời Đại Sắt) 420.000.

Theo tỉ lệ : 4/10 3/10 2/10 1/10 = 10/10 = 1

Louis Chochod, Occultisme et Magie en Extrême Orient, p. 119 et ss.

Chu Kỳ lịch sử nhân loại khác với chu kỳ lịch sử vũ trụ: Một chu kỳ lịch sử vũ trụ là 4.320.000. 000 năm.

Như trên, p. 129.

Xem thêm Raoul Auclair : Le Livre des Cycles, p. 232.

-La Doctrine Secrète III, 83-85, và-A. E. Powell. Le Système Solaire, p. 113.

[7] ... Il (Fichte) affirme aussi que le **but de l'humanité est la réalisation du Moi. La chose en soi n'est pas inconnaissable: c'est notre propre ego, notre moi idéal.** Prendre conscience de soi-même, c'est devenir libre. Mais la liberté ne s'atteint pas sans lutte, sans opposition, sans conquête: Le Moi atteint donc la liberté, en surmontant tout ce qui n'est pas lui-même -le non-moi, en fait, qu'il crée afin d'engager la lutte. Ce non-moi c'est l'apparence, ce sont les phénomènes et tandis que l'entendement perçoit le monde des phénomènes, concourt à le construire, la Volonté ou Moi l'utilise, comme un ponton improvisé pour découvrir la vérité qui se trouve au-delà. Agissante chez l'individu, cette dialectique l'est aussi dans la société, et vraiment, dans tout le cours de

l'histoire. L'histoire n'est que histoire de la liberté, de la lutte de l'homme pour la libération, l'histoire des vicissitudes de la liberté.

F. Tomlin, Les Grandes Philosophies de l'Occident, p. 210.

[8] Origène:

La création du monde, dans le temps, devient une création éternelle, qui, déjà par ce changement, se rapproche fortement **d'une émanation**; derrière le Dieu fait Homme à une époque du monde, il (Origène) montre le Logos qui sort éternellement de Dieu; et pour les âmes elles-mêmes, il admet **la préexistence**.

... Par le retour de tous les êtres en Dieu, s'achève par conséquent un circuit-mais qui recommence et se renouvelle dans l'éternité.

Grégoire de Nysse (né à Césarée, en Cappadoce vers 335):

Chez lui (Grégoire de Nysse) aussi, **à la fin du mouvement circulaire, tous les êtres reviennent à Dieu.**

Ernest d'Aster, Histoire de la Philosophie, p. 124.

Trông bao quát vòng lịch sử này, rồi đem áp dụng nó vào từng trường hợp mỗi quốc gia, các nhà chính trị có thể tùy thời mà thay đổi trọng tâm hoạt động để làm sao cho dân nước được sinh hoạt điều hoà, hạnh phúc.

Khi dân chúng đói khổ, thì trọng tâm là khuếch trương canh nông, kỹ nghệ; khi dân chúng yếu hèn, thì phải lo chấn chỉnh võ bị, ngoại giao; khi dân chúng no đủ thì phải lo chấn hưng đạo đức, khuyến khích thuần phong mỹ tục, cổ vũ văn hoá tư tưởng, cốt sao cho dân khỏi sa đoạ vào vòng ăn chơi, truy lạc. Tóm lại, một quốc gia cũng như một con người, nó cũng có lúc sinh, lúc trưởng, lúc mạnh, lúc đau, lúc vinh, lúc nhục, lúc sang, lúc hèn. Cái khéo của nhà cầm quyền là phải đoán xem nước mình đang ở giai đoạn nào trên con đường tiến hoá, để tùy thời mà xử sự, mà ứng biến...

[9] ...Et c'est la même mystère que celui de l'Involution et de l'Évolution, de l'Incarnation Cosmique et de la Rédemption universelle, ces deux versants congugués du Cercle du Devenir.

Raoul Auclair, Le Livre des Cycles, p. 238.

Le temps éternel et indestructible comme la matière se divise en deux périodes: Utsarpini et l'Avasarpini.

Selon les Djains, L'Utsarpini est la période ascendante et l'Avasarpini est la période descendante de la durée.

Louis Chochod, Occultisme et Magie en Extrême-Orient.

Phase de négativation (Phase descendante): Oui devient Non.

Phase de positivation (Phase ascendante): Non devient Oui.

Dr Jean Choain, La Voie Rationnelle de la Médecine Chinoise.

Le demi-cercle de gauche représente l'**ascension** (Yang) du soleil, le demi-cercle de droite **la descente** (Yin). Autrement dit, à gauche, le soleil va du Yin au Yang (Le Yang monte et le Yin descend); c'est la barque de Rà ascendante (mandjit = **Thăng**). À

droite, Il va du Yang au Yin (Le Yang descend et le Yin monte. C'est la barque de Rà descendant (**Sektet = Giáng**).

Như trên, p. 125.

[10] Lúc ấy cũng là lúc con người tận dụng được vật chất.

[11] Xem các đồ bản trang sau.

Ý nghĩa vòng Tuần Hoàn theo Thập Nhị Chi.

未 Mùi = Vạn vật khoác hình hài, có mùi vị (**未 = 味**)

申 = 身體, 物體皆成。 Thân = Thân thể, vật thể giai thành.

酉 = 縮。 Dậu = Thâu súc, thu liễm.

戌 = 滅。 Tuất = suy diệt.

亥 = 刻剝, 陰氣刻萬物。 Hợi = Khắc sát, Âm khí khắc vạn vật.

子 = 而為子 Tí = Nhi vi tử. Sau đó lại thai dưỡng, lột lòng ra.

丑 = 紐 Sửu = Nữu = Khai triển, diễn tiến.

寅 = 演 Dần = Diễn = Tốt đẹp.

卯 = 茂 Mão = Mậu.

辰 = 震 = 萬物盡震而長。 Thìn = Chấn = Vạn vật tận chấn nhi trường. Vạn vật phân chấn.

巳 = 起 = 物畢盡而起。 Tị = Khởi = Vật tất tận nhi khởi. Vạn vật vươn mãi lên.

午 = 長大。 Ngọ = Trưởng đại. Đến chỗ trưởng đại.

Nhìn vào vòng Thập Can với những ý nghĩa tượng trưng của nó, ta thấy ngay, nó nói lên nhẽ Âm Dương tiêu trường.

Từ Mùi đến Hợi, là Âm trường Dương tiêu, vật chất càng ngày càng cường thịnh sung mãn, để rồi đi đến chỗ suy diệt.

Từ Tí đến Ngọ nói lên nhẽ Dương trường Âm tiêu; Dương sinh ra, lớn dần và cuối cùng đi đến chỗ phát huy sung mãn.

[12] Xem các đồ bản các tr. trên.

[13] ...Cổ năng niên trung thủ nguyệt, nguyệt trung thủ nhật, nhật trung thủ thời, thời trung thủ khắc, Xúc nhất niên tạo hoá ư nhất nhật chi nội, nãi ư nhất khắc chi nội hành nhất niên chi công. Đạo Thiên Địa, đoạt Tạo Hóa; thực hữu đại ư thử giả; Thần thánh tai! huyền diệu tai!

故能年中取月, 月中取日, 日中取時, 時中取刻。

蹙一年造化於一日之內，乃於一刻之內行一年之功。

盜天地，奪造化；孰有大於此者。神聖哉！玄妙哉！

Nhập dược kính, tr. 6.

[14] Chu kỳ của mặt trời trên vòng Hoàng Đạo. Sau 1 chu kỳ là 25.920 năm, mặt trời lại ở vị trí cũ ngày xuân phân.

...Toute la science du Yogin est d'enseigner aux hommes comment abréger, en intensifiant leur pouvoir d'assimilation, le temps nécessaire pour atteindre la perfection. Au lieu de progresser lentement, d'étape en étape, et d'attendre que toute la race humaine soit devenue parfaite.

Marc Semenoff, Pour Connaitre la pensée de Bouddha, p. 167.

[15] Le rythme alchimique consistera dans la reproduction du rythme naturel, et la Grande Oeuvre débutera à l'instant précis désignée par l'Astrologie, celui où cesse **la régression**, pour faire place à **l'ascension** (cf. Phục kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồ. **Dịch**, Phục quái)

La seule différence sera qu'une fois en possession du grand secret, la marche de l'oeuvre ne parcourra plus les millénaires comme la nature elle-même, mais se trouve réduite à quelques années, voire quelques mois. C'est donc bien une imitation de la nature, dans son processus évolutif que se propose l'alchimiste.

J. Chabosseau, Le Tarot, p. 30.

[16] Définissons **le Karma comme l'ensemble des étapes psychiques réalisées**, en voie de réalisation et réalisables en vue de l'accomplissement du cycle.

En conséquence, nous prenons conscience d'un Karma cosmique, d'un Karma universel, d'un Karma particulier à chaque élément manifesté dans la nature et par conséquence, d'un Karma individuel humain..

Le Ferrer, Hatha Yogin Occidental, p. 38.

Như vậy, **Duyên Nghiệp chẳng qua là những chặng đường mà vũ trụ, nhân loại và mỗi người chúng ta phải đi qua để tiến tới Thượng đế.**

... La grande Année, période entre 2 conjonctions générales identiques, est finalement le multiple décimal de 420.000 soit 4.320.000 années solaires, valant 12.000 années divines.

La Science indienne antique, Histoire Générale des Sciences, Tome I, p. 165.

Cf. Cycles of Time, *Encyclopedia of Religions*, p. 213.

[17] “ Avec la première argile de la terre,

Ils pétrirent le dernier homme.

Et là, ils ensemencèrent la graine de la moisson dernière,

Et le matin de la création écrivit

Ce qui se lira à l'aube du jour du jugement dernier.”

Omar Khayam, cité par Eddington, Cyrille Wilczkowski, L'Homme et le Zodiaque, p. 35.

[18] Chỉ ư chí thiện.

Đại học, chương I

[19] L'absence abyssale de toute image rappelle le Rien de Boehme, le Vide (Shunya) du Vêda, demeure de Brahman ou le Vide (Hu kong) du Taoisme, dont “ le but ultime , le secret est l'union du soi avec le Soi”

Dr Erville Roussel Seelische Fushung in lebenden Taoismus Eranos Jarhbuch 1933. p. 151.

Có lẽ sách Khải Huyền (Apocalypse, Revelations) cũng đã mô tả nhân loại lúc chung cuộc, khi đã đạt tới Thái Cực, Huyền Đồng.

Xem *Apocalypse*, 21, 1-27; 22, 2-5.

Nói tóm lại, **Thượng Đế, Trung Dung, Trung Điểm**, vừa là khởi điểm vừa là cùng đích con người (Alpha et Oméga), còn vòng Dịch với các hào quái tượng trưng cho sự thăng trầm, suy thịnh và các giai đoạn lịch sử con người.

CHƯƠNG XXIV

HAI CHỮ TÍNH MỆNH THEO

KHÔNG GIÁO.

Tâm pháp chi nguyên ư Tính Mệnh gia,

Tiên hậu đồng quỹ.

Bách thể chi thánh quân,

Hiền phụ vị năng dịch dã.

心法之原於性命者

先後同揆

百世之聖君

賢輔未能易也。

Kinh Thư Đại Toàn, quyển I (tựa)

Hai chữ Tính Mệnh có thể nói là 2 chữ hết sức hàm súc, huyền diệu và cao siêu trong Không giáo.

Tử Công nói:

*“Văn chương, bình luận, phán phê,
Văn chương Phu Tử ta nghe thường rồi.
Còn như Tính, với Đạo Trời,
Mấy đời Thầy giảng, mấy đời ta nghe.”* ^[1]

Đức Khổng nói: “Ta bàn chữ Tính không nói.”^[2]

Lời nói khiêm tốn đó làm ta liên tưởng đến một câu của Lão Tử:

*“Đạo Trời ôm ấp một mình,
Còn hơn vất vả thuyết mình suốt đời.”* ^[3]

Theo **Luận Ngữ**, khi 50 tuổi, Đức Khổng mới biết Mệnh Trời. ^[4]

Tăng Tử kết thúc quyển Luận Ngữ, bằng lời giáo hoá của Đức Khổng:

“Chẳng hiểu Mệnh Trời, không đáng gọi là người quân tử.” ^[5]

Ta sẽ bàn riêng từng chữ.

A. Chữ Tính.

I. Tính là Bản thể con người.

Thời Khổng Tử, chữ Tính đã thông dụng, nhưng ít được bàn giải minh bạch. Mạnh tử là người đầu tiên bàn giải cặn kẽ về chữ Tính, và đề xướng thuyết Tính thiện.

Đến đời Tống, các danh Nho đã bàn giải thêm nhiều về chữ Tính.

Theo Mạnh tử và Chu Hi, Tính hàm súc vạn lý, nhưng phần cương lĩnh lớn lao gồm 4 điều mệnh danh là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. ^[6]

Minh Đạo tiên sinh thường nói: *Tính cùng Đạo trời, nếu không tự đắc, thì không biết được.* ^[7]

Trình Y Xuyên cho Tính là Chân Nguyên, là Lý, là “Vật năng sinh”. ^[8]

Trương Hoàng Cù cho rằng Tính là lẽ chí thiện, chí mỹ của Trời đất. ^[9]

Ngu Phong nói: Tính là lẽ mà trời đất thành lập, nên tính là điều kín nhiệm của qui thần. ^[10]

Lại nói: Tính bản nhiên ấy Chí Thiện. Đã bảo rằng Chí Thiện tức Tuyệt Đối. ^[11]

Vậy Tính hay Thiên Tính, Thiên Lý là nguồn mạch sự sống, là Chân, Thiện, Mỹ. Vì thế Trung Dung định nghĩa: **“Tính là Hoàn Thiện, quang minh.”** ^[12]

Tóm lại, Tính là cái gì chí quý, chí bảo mà trời đất đã phú thác cho ta.

Đó là cái gì toàn thiện, toàn mỹ. Chính vì thế mà Thiên Tông nói: **Minh tâm, kiến tính.** Tu là làm sáng cái Tâm, thấy được cái Tính của con người. Đó là **Minh Đức** nói trong Đại Học. Ngày nay ta gọi thế là **Bản Thể** con người. Đó cũng chính là **Lương Tâm** con người.

II. Tính và Tâm.

Sự khảo sát này đưa đến 1 sự kiện hết sức quan trọng là sự phân biệt giữa Tính và Tâm. Theo quan niệm của các đại hiền triết Nho Giáo, thì Tính và Tâm khác nhau muôn trùng.

Tính là Thiên Tính, Thiên Lý; Tâm là Nhân tình, Nhân dục.

Tuy nhiên, đôi đàng vẫn có liên lạc mật thiết với nhau. Theo Chu Hi, Tính là Thái Cực; Tâm là Âm Dương. Tuy khác nhau trời vực, nhưng vẫn lồng vào nhau, như bóng với hình, tuy một mà hai, tuy hai mà một. ^[13]

Theo Trương Hoàng Cừ, người ta ai ai cũng có hai tính: **Một Tính bản nhiên của Trời đất phú cho**, thì ai cũng lành, vì đó là lẽ Chí Thiện, Chí Mỹ của Trời Đất. **Một Tính bẩm thụ của khí chất**, mà khí chất có dày, có mỏng, trong đục khác nhau, thành thử tính ấy tùy sự bất đồng của khí chất, mà trở nên lành hay dữ. Kẻ bẩm thụ được khí chất tốt đẹp, trong trẻo thì tính thiện. Kẻ bẩm thụ phải khí chất mỏng manh, vẩn đục thì tính ác. Tuy nhiên, một người dù hung ác đến mực nào, nếu biết đổi tính ác kia đi, sẽ giữ được nguyên cái tính lành, là tính vốn có của mình. ^[14]

Theo Mạnh Tử và Chu Hi, thì Tính hàm súc vạn lý, gồm đủ: **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí.** ^[15]

Con Nhân Tâm chỉ có Tứ Đoan, tức là bốn mầm mống của 4 đức nói trên. Nghĩa là Tâm chỉ có lòng: **Tu Ó, Từ Nhượng, Trắc Ẩn, Thị Phi.** ^[16] Ta có thể hình dung bằng hình vẽ sau:



Hình vẽ Nhân Tâm, Đạo Tâm hay Tâm và Tính.

Các tầng lớp trong con người đối chiếu với các Đạo Giáo và các Triết thuyết.

III. Quan niệm đối chiếu.

Quan niệm về Tính, sự phân biệt giữa Tính và Tâm của Khổng giáo, đem đối chiếu với các chủ trương của các hiền triết Đông Tây, sẽ không thấy chi sai biệt.

Các đại hiền triết Đông Tây, cũng như các danh nho lịch đại, đều cố tiến vào đáy thăm tâm hồn, để tìm cho ra Căn Cơ Tâm Hồn mà các Ngài cho là Tuyệt đối Thể bất biến trường tồn, vừa tế vi huyền diệu, vừa mệnh mông bao quát vũ trụ.

Ý Thức (Conscience Psychologique) hay nói cách khác những hiện tượng Tâm Lý (Phénomènes psychiques) góp lại dưới danh từ Tâm Hồn, mới chỉ là những hiện tượng phù phiếm, chứ chưa phải là Bản Thể Tâm Hồn.

Dưới lớp ý thức phù phiếm, biến thiên đó còn có Tiềm Thức mệnh mông làm Căn Bản Tâm Hồn.

Mỗi học thuyết triết học lại dùng những danh từ riêng để diễn tả Căn Bản Tâm Hồn ấy. Đó là:

- Atman (Đại Ngã) trong triết học Bà La Môn.
- Chân Như, Phật tánh, Bản Lai Diện Mục v.v... trong Phật Giáo.
- Đạo (Logos) của Philon, của Plotin và của thánh Jean.
- Toàn-Nhất (L'Un-Tout) của Hartmann.
- Tuyệt Đối Thể (Absolu) của Shelling.
- Vô Thức Đại Đồng (Inconscient Collectif) của Carl Jung.
- Tự Thể (Noumène) của Kant.
- Thực Thể (L'Être)
- Tâm Đại Đồng (Conscience Universelle)
- Thiên Địa chi Tâm (Conscience Cosmique) trong Siêu Hình Học Âu Châu.
- Đạo của Lão tử. v.v...

Các thánh hiền trong Khổng giáo chủ trương trong Tâm có Tính, dưới lớp “Nhân Tâm nghiêng ngửa” còn có nền tảng “Đạo Tâm siêu vi ẩn áo”, thì các hiền thánh Đông Tây cũng chủ trương tâm hồn ta có 2 phần: **1 phần thăm sâu**, ẩn áo, huyền vi, cao siêu, linh diệu, hoàn thiện, tuyệt đối, hằng cửu, bất biến, đó là **Bản Thể, Bản Tính** nhân loại; **một phần là Ta**, biến thiên, nhỏ nhoi, hèn mọn, cần được uốn nắn, đẽo gọt, rửa mài.

Hai phần đó là:

- Đại Ngã, Tiểu Ngã trong Bà La Môn,
- Chân Tâm, Vọng Tâm trong Đạo Phật,
- Đạo và Tâm trong Đạo Lão.
- Đạo Tâm và Nhân Tâm trong đạo Nho.
- Thần và Hồn hay Ruah và Nephesh (Do Thái)

- Thần (Pneuma) hay Hồn (Psuche) Hi Lạp.
- Tân Ước và Cựu Ước cũng dùng các chữ Thần Hồn như Do Thái và Hi Lạp.^[17]
- Thần (The Nus, La Divine Raison), Hồn (Psuche) trong các môn phái Triết Học Âu Châu.

B. Chữ Mệnh.

Chữ Mệnh vừa là Mệnh Trời vừa là Định Mệnh con người.

Vậy Mệnh Trời muốn gì và định mệnh con người sẽ ra sao?

Đạo Nho cho rằng: Trời muốn con người tận thiện mình, hiển dương tính Trời, để kết hợp với Trời, thông phần vinh hiển của Trời.

Kinh Thi viết:

*“Mệnh Trời ấy há đâu có dễ,
Muốn cho ta đừng kể tư thân,
Biểu dương, phóng phát Thiện Chân...”*^[18]

Tất cả pho Kinh Dịch cốt dạy ta thấu hiểu căn bản con người để hoàn tất sứ mạng con người.^[19]

Thiệu Khang Tiết chủ trương sự biến hoá của vạn vật rồi ra cũng sẽ kết thúc bằng sự hoàn thiện. Ông viết: Nhất biến thành vạn, rồi ra Vạn lại trở về Nhất, mà Nhất chính là “Thiên Địa chi tâm”, là “Tạo Hoá chi Nguyên”^[20]

Ta nên nhớ: Định Mệnh con người thì trước sau ai cũng như ai, cũng đều phải tiến tới hoàn thiện, hoà đồng, hợp nhất với Trời, vì vậy cần có một thời gian vô cùng tận. Còn số mệnh, hay số kiếp, số phận con người thì có giàu nghèo, sướng khổ khác nhau.

Cho nên muốn hiểu Mệnh Trời không phải là dễ.

Dịch viết: “*Phải thông suốt lý lẽ, am tường bản tính, mới có thể thấu đáo được Thiên Mệnh.*”^[21]

Vì hiểu được Mệnh Trời, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn đã nên như những vì sao sáng, chiếu diệu tinh quang cho tới những thế hệ nay. Vì hiểu được Mệnh Trời, nên Nghiêu, Thuấn đã:

*“Tinh rờn chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức giữ nguyên lòng Trời.”*^[22]

Vì hiểu Mệnh Trời, Thành Thang đã cố đạt tới hoàn thiện, tới tinh hoa nhân loại, Hạ Võ đã cố đạt tới Trung Dung. Sự hoàn thiện ấy gọi là Đức, là Nhân, là Kính, là Thành; lời tuy khác, nhưng ý là một, nghĩa là không ngoài sự làm sáng tỏ nguồn mạch kỳ diệu của tâm hồn.^[23]

Vậy Mệnh Trời là muốn cho ta tìm cho ra Bản Thể mình, theo tiếng lương tâm, phục tòng Thiên Lý, tận thiện mình để kết hợp với Trời.

Đó cũng là chủ trương “Qui Nguyên Phục Mệnh” của Đạo Lão.

*“Muôn loài sinh hoá đa đoan,
Rồi ta cũng phải lai hoàn Bản Nguyên,
Hoàn Bản Nguyên, an nhiên Phục Mệnh,*

Phục Mệnh rồi, trường vĩnh vô cùng.” ^[24]

Nhà bác học Lecomte du Nouy, gần đây cũng viết trong quyển **Định Mệnh con người**: “Mọi người hãy ghi nhớ rằng định lệnh con người rất cao quý. Con người xin đừng bao giờ quên Tàn Lửa Trời trong thâm tâm mình. con người có toàn quyền khinh miệt hay làm tiêu ma ngọn lửa thiêng đó, nhưng cũng có toàn quyền tiến tới Thượng đế bằng cách ra công, ra sức hoạt động với Ngài và vì Ngài.” ^[25]

Như vậy, theo Tiên Hiền, Tính với Mệnh thật là hoàn toàn, thật là cao sang.

Tính, Mệnh là điểm Trời, Người gặp gỡ.

Trương Tử viết: “ Tính hoa Trời ban cho người gọi là Mệnh, Tính Hoa người thụ hưởng nơi Trời gọi là Tính.” ^[26]

Ngô Thảo Lư viết: Tính hay Mệnh đều là Thái Cực. ^[27]

Dở lại những trang sách cũ, ta mới thấy đối với các vị Thánh Hiền ngày xưa, Tính Mệnh là ngọc châu vô giá. Tính là Thiên Tính, Thiên Lý, Thiên Ý, cho nên theo “Tính Tự Nhiên” (suất Tính) là lý tưởng của các Ngài.

Thực hiện được Thiên Tính, Thiên Lý, Thiên Mệnh là đạt được định mệnh cao sang của con người, là thuận Mệnh Trời.

Có thể nói được rằng: hai chữ Tính Mệnh là khởi điểm và là cùng điểm của lịch sử nhân loại. Vì thông phần Tính Trời, nhân loại sẽ thực hiện được Mệnh Trời lúc lịch sử nhân loại cáo chung, nghĩa là nhân loại sẽ đạt tới Toàn Thiện.

CHÚ THÍCH

^[1] *Luận Ngữ*, Công Dã Tràn, V, 12.

^[2] *Mạnh Tử*, Công Tôn Sửu, chương cú thượng, tiết 2.

^[3] Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung.

多言數窮，不如守中。

Lão tử, Đạo đức kinh, chương V.

^[4] *Luận Ngữ*, Vi Chính II.

^[5] *Luận Ngữ*, quyển 10, Nghiêu viết, Đệ nhị thập.

^[6] *Tống Nho*, Bửu Cầm, tr. 140-141. *Mạnh Tử*, Công Tôn Sửu Thượng, 6.

^[7] 性與天道，非自得之，則不知。

Tính dữ Thiên Đạo, phi tự đắc chi, tắc bất tri.

Tống Nho, Bửu Cầm, tr. 78.

^[8] *Tống Nho*, Bửu Cầm, tr. 89.

^[9] *Tống Nho*, Bửu Cầm, tr. 62.

[10] 性也者，天地之所立也。

Tính đã giả, thiên địa chi sở lập đã.

Tổng Nho, Bửu Cầm, tr. 114.

[11] *Tổng Nho*, Bửu Cầm, tr. 114, 115, và 119.

[12] 自誠明謂之性。

Tự thành minh vị chi Tính.

Trung Dung, chương XXI.

[13] 性猶太極也；心猶陰陽也；太極只在陰陽之中；

非能離陰陽也；然之論太極自是太極，陰陽自是陰陽。

惟性與心亦然。所謂一而二，二而一也。

Tính do Thái Cực đã; Tâm do Âm Dương đã: Thái Cực chỉ tại Âm Dương chi trung, phi năng ly Âm Dương đã. Nhiên nhi luận chi, Thái cực tự thị Thái Cực, Âm Dương tự thị Âm Dương. Duy Tính dữ Tâm diệc nhiên. Sở vị Nhất nhi Nhị, Nhị nhi Nhất đã.

Le philosophe Tchou Hi, sa doctrine, son influence, Stanislas le Gall, S.J. p. 112.

[14] *Mạnh Tử*, Công Tôn Sửu Chương Cú Thượng, 6.

Tổng Nho, Bửu Cầm, tr. 140-141.

[15] *Mạnh Tử*, Công Tôn Sửu Chương Cú Thượng, 6.

Tổng Nho, Bửu Cầm, tr. 140-141.

[16] Như chú 15.

[17] xin xem: II, *Thessaloniens* 4, 23; I *Cor.* 2, 14; *Romains* 5, 5; và 2, 29; 7,6;

II *Cor.* 3, 6; *Galates* 3, 3; *Mat.* 10, 39; *Marc* 7, 34, 35; *Luc* 17, 23; *Jean* 12, 25, *Jude* 19;

Ezechiel 36,27; 18, 4; *Psaume* 116, 8; *Psaume* 78, 50; *Isaie* 53, 12; *Bible de Jesrusalem* trang 1497, chú thích B; tr. 1491, chú thích g; I *Pierre* 18.

Rất tiếc Giáo Hội Công Giáo lại không chấp nhận con người có Thần. Công đồng Latran IV (1215) và Vatican I (1869-1870) đã xác nhận con người chỉ có 2 phần Hồn Xác, và không chấp nhận quan niệm Tam Tài: Xác, Hồn, Thần của phái Gnostiques, Manichéens, và Apollinaristes v.v... Như vậy là đi ngược lại với Thánh Hiền Thiên Cổ Tây Đông, nhất nhất đều chấp nhận quan niệm Tam Tài: Xác, Hồn, Thần.

[18] Mệnh chi bất dị, vô át nhĩ cung, tuyên chiêu nghĩa văn,

命之不易，無遏爾躬，宣昭義文。

Kinh Thi, Đại Nhã, Văn vương chi thập tam chi nhất.

[19] Kỳ vì thư đã, quảng đại tất bị, dĩ thuận Tính Mệnh chi lý, thông u minh chi cố, tận sự vật chi tình, nhi thị khai vật, thành vụ chi Đạo.

其為書也廣大悉備，以順性命之理，通幽明之故，
盡物之情，而開示開物成務之道。

Dịch Kinh Đại toàn, Chu Dịch Trình Tử.

[20] Thiên Địa vạn vật mạc bất dĩ **Nhất** vi bản nguyên; ư **nhất** nhi diễn chi dĩ vi **Vạn**, cùng thiên hạ chi số nhĩ phục quy ư **Nhất**, **Nhất** giả, hà dã? “**Thiên địa chi tâm**” dã, “**Tạo Hoá chi nguyên**” dã.

天地萬物莫不以一為本原，於一而衍之為萬，
窮天下之數而復歸於一。一者何也。

天地之心也，造化之原也。

Tống Nguyên Học Án, q. 10, tr. 50.

[21] Cùng Lý tận Tính dĩ chí ư Mệnh.

窮理，盡性以至於命。

Dịch, Thuyết quái.

[22] Duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết Trung.

惟精惟一，允執厥中。

Kinh Thư.

[23] “Tinh Nhất chấp Trung” Nghiêu Thuấn tương thụ chi tâm pháp dã, Kiến Trung, kiến Cực, Thương, Thang, Chu, Vũ tương truyền chi tâm pháp dã. Viết Đức, viết Nhân, viết Kính, viết Thành, ngôn tuy thù, nhi Lý tắc nhất: Vô phi sở dĩ minh thử Tâm chi diệu dã.

精一執中，堯舜相授之心法也。

建中，建極商湯周武相傳之心法也。

曰德，曰仁，曰敬曰誠，言雖殊，

而理則一：無非，所以明此心之妙也。

Kinh Thư Đại Toàn, quyển I, chú.

[24] Phù vật vân vân, các qui kỳ căn, qui căn viết tĩnh, Phục Mệnh viết Thường,

夫物芸芸，各歸其根，歸根曰靜，復命曰常。

Đạo Đức Kinh, chương 16.

[25] Let every man remember that the destiny of mankind is incomparable... And let him above all, never forget that the Divine Spark is in him, in him alone, and that he is frê to disregard it, to kill it, or to come closer to God by showing his eagerness to work with Him and for Him.”

Human Destiny. Preface.

[26] Trương Tử viết: Thiên thụ ư nhân tắc vi Mệnh, nhân thụ ư Thiên tắc vi Tính.

寂子曰:天授於人則為命,人受於天則為性。

Wieger, *Textes Philosophiques tome II*, p. 191-192.

[27] Đạo dã, Lý dã, Thành dã, Thiên dã, Đế dã, Thần dã, Mệnh dã, Tính dã, Đức dã, Nhân dã, Thái Cực dã, danh tuy bất đồng, kỳ thực nhất dã.

道也,理也,誠也,天也,帝也,神也,命也,

性也,性也,德也,仁也,太極也,名雖不同,其實一也。

Tổng Nguyên Học Ấn, q. 12, tr. 8.

CHƯƠNG XXV

TIỂU NHÂN, QUÂN TỬ, THÁNH NHÂN.

Các sách Nho thông thường chỉ bàn đến Tiểu Nhân và Quân Tử, ít khi bàn về Thánh Nhân.

Khi thoạt soạn thảo bài này, tôi cũng chỉ muốn nói về quân tử và thánh nhân, nhưng suy đi, nghĩ lại, chỉ nói Tiểu Nhân hay Quân Tử, hay Quân Tử và Thánh Nhân đều chưa cho chúng ta một cái nhìn viên dung về các hạng người. Phải đề cập đến đủ cả ba hạng người: Tiểu Nhân, Quân Tử, Thánh Nhân mới giúp chúng ta có cái nhìn đứng đắn về con người, có một nhận định hẳn hoi về các mẫu người. Tiểu Nhân, Quân Tử và Thánh Nhân thực ra là phản ánh Tam Tài:

Tiểu Nhân ứng với phần Địa, phần Vật, bao quát tất cả các lớp người chuyên vụ ngoại cảnh, vật chất, thân xác hữu hình.

Quân Tử ứng phần Nhân, phần Tâm, bao quát những lớp người lo trau dồi tâm trí, mong ăn ở xứng đáng với danh nghĩa con người, ăn ở với mọi người vẹn tình, vẹn nghĩa.

Thánh Nhân ứng với phần Thiên, bao quát những hạng người mong mỗi vượn lên tới tình hoa nhân loại, đạt Chân, đạt Thiên, Dữ Thiên Đồng Đức.

Và đây là quan niệm Tiểu Nhân, Quân Tử và Thánh Nhân theo Nho giáo.

A. TIỂU NHÂN.

Tiểu nhân theo Nho Giáo, là những người hạ cấp, xét về phương diện đạo đức, phẩm cách. Cho nên, một người, dẫu giàu có muôn chung, nghìn tứ, một người dẫu công danh tuyệt đỉnh, ngôi vị rất cao, nhưng nếu mặt người, lòng thú, tư cách dê hèn, thì Nho Giáo vẫn liệt họ vào hàng Tiểu Nhân.

-Lý tưởng của Tiểu Nhân là Lợi và Dục (Quân tử dụ ư Nghĩa, Tiểu Nhân dụ ư lợi: 君子喻於義, 小人喻於利. *Luận Ngữ*, Lý Nhân IV, 16), mặc tình cho vật dục và ngoại cảnh khiên dẫn, không coi sao chuyện sa đoạ về phương diện đạo đức, tinh thần. (Tiểu Nhân hạ đạt 小人下達. *Luận Ngữ*, Hiến vấn, XIV, 24)

-Tiểu Nhân chỉ cần bề ngoài, cần hư danh, miễn sao che mắt thế gian được là đủ, còn trong dạ xấu xa, gian ác thế nào cũng không sao. (Quân tử cầu chư kỷ, tiểu nhân cầu chư nhân 君子求諸己，小人求諸人. *Luận Ngữ*, Vệ Linh Công XV, 20; Xảo ngôn, loạn đức 巧言亂德 *Luận Ngữ* XV, 26; Tiểu Nhân vô kỷ đạn dã 小人無忌憚也 *Trung Dung*, Chương 2).

-Họ thường hợm hĩnh, kiêu căng, nhưng lòng dạ chẳng bao giờ được an vui. (Quân tử thái nhi bất kiêu, tiểu nhân kiêu nhi bất thái. 君子泰而不驕，小人驕而不泰. *Luận Ngữ*, Tử Lộ XIII, 26)

-Họ thích a dua bề đảng (Quân tử hoà nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hoà 君子和而不同，小人同而不和. *Luận Ngữ*, Tử Lộ 23)

-Họ sẵn sàng hại người để đạt ý mình. (Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác, Tiểu nhân phản thị. 君子成人之美，不成人之惡，小人反是 *Luận Ngữ*, Nhan Uyên, XII, 15). Họ mà lên cầm quyền trị nước là cái đại hoạ cho quốc gia. (Tiểu nhân chi sử vi quốc gia, tai hại tịnh chí 小人之使為國家，災害並至. *Đại học*, X)

Tóm lại, Tiểu nhân chỉ lo trau dồi những phần thấp kém trong con người, như Lợi và Dục, vì thế gọi là Tiểu Nhân (Tùng kỳ tiểu thể vi Tiểu Nhân, 從其小體為小人 *Mạnh Tử*, Cáo tử chương cú thượng, 15). Họ hoàn toàn phóng ngoại, và đi theo con đường bất nhân. (Khổng Tử viết: Đạo nhị: Nhân dữ Bất Nhân nhi dĩ hĩ. 道二: 仁與不仁而已矣 *Mạnh tử* Ly Lâu chương cú thượng.)

B. Quân tử.

Quân tử là người:

-**Biết mục đích cao cả của đời mình** (Bất tri Mệnh vô dĩ vi quân tử 不知命無以為君子 *Luận Ngữ* Nghiêu viết XX, 3)

-Có hoài bão cao đẹp. (Quân Tử thượng đạt 君子上達 *Luận Ngữ* Hiến Vấn, 24)

-Cố tu Đạo, theo Đạo (Sĩ chí ư Đạo 士志於道 *Luận Ngữ* , Lý Nhân IV, 9; Quân tử hoài đức 君子懷德 *Luận Ngữ* , Lý Nhân IV, 2)

-Đi trên đường nhân nghĩa không ham danh lợi (quân tử mưu Đạo bất mưu thực 君子謀道不謀食 *Luận Ngữ* , XV, 31)

-Lo hoàn thiện mình (Cố quân tử bất khả dĩ bất tu thân 故君子不可以不修身 *Trung Dung*, XX).

-Tin ở sức mình (Chính kỷ nhi bất cầu chư nhân 正己而不求諸人 , *Trung Dung*, XX.)

- Sáng suốt, ham học, biết thích thời (Tử viết: Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc bất khả phát bạn hĩ phù 子曰: 君子博學於文, 約之以禮, 亦不可弗畔矣夫

Luận Ngữ, Ung Dã VI, 25; quân tử chi ư thiên hạ dã, vô thích dã, vô mịch mịch dã, nghĩa chi dĩ tử.

- 君子之於天下, 無適也, 無莫也, 義之以比。 **Luận Ngữ**, Lý Nhân IV, 10)

-Nói ít, làm nhiều (quân tử dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành 君子欲訥於言而敏於行 **Luận Ngữ**, Lý Nhân IV, 22)

-Thương yêu mọi người (Quân tử thành nhân chi mỹ 君子成人之美。 **Luận Ngữ** Nhan Uyên XII, 15)

-**Lúc nào cũng ung dung, thư thái** (quân tử thân đẳng đẳng, tiểu nhân trường thích thích 君子坦蕩蕩, 小人長戚戚 **Luận Ngữ** Thuật nhi VII, 36)

-Lúc nguy cơ vẫn bình tĩnh (quân tử cố cùng 君子固窮。 **Luận Ngữ** XV, 1)

-Tóm lại, **người quân tử luôn luôn trau dồi cái đại thể nơi con người, tức là trau dồi tâm thần**. (Dưỡng kỳ đại giả vi đại nhân 養其大者為大人。 Mạnh tử Cáo tử chương cú thượng, 15).

-Ở thì ở vào chỗ quảng đại của thiên hạ, đứng thì đứng vào chỗ chính đáng của thiên hạ, đi thì đi trên con đường lớn của thiên hạ, đặc chí thì cùng với nhân dân noi theo đạo nghĩa. Giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo nàn không thay đổi lòng, vũ lực không khuất phục được chí lớn, như thế mới là trượng phu. ^[1]

Đó là người quân tử mà Vương Dương Minh đã phác họa như sau: “ Người quân tử lấy trung tín làm lợi, lấy lễ nghi làm phúc. Nếu trung tín, lễ nghi mà không còn, thời tuy lợi lộc muôn chung, tức đến vương hầu, cái quý ấy người quân tử cho là họa với hại.” ^[2]

Đó là người quân tử mà Kinh Thi đã khen bằng những câu thơ:

*Kìa xem bên nẻo sông Kỳ,
Tre non mới mọc xanh rì vườn ai,
Người đâu văn vẻ hời người,
Như cắt, như đánh, rửa mài bấy nay.
Rực rỡ thay, lẫm liệt thay,
Hỡi người quân tử biết ngày nào quên!* ^[3]

Như vậy, đã rõ ràng là 2 hạng người tiểu nhân và quân tử đi hai đường hướng khác nhau, có hai lối sống khác nhau.

Tuân Tử cho rằng: “Người quân tử chỉ phối, sai sử được ngoại cảnh, ngoại vật; kẻ tiểu nhân bị ngoại cảnh, ngoại vật sai sử, khiên dẫn.” ^[4]

Tuân Tử cũng cho rằng: Người quân tử mở rộng cái tâm ra thì hợp với Trời mà thuận Đạo; thu cái tâm nhỏ lại thì lo sợ điều nghĩa mà có tiết độ...

Kẻ tiểu nhân thì không thể, mở rộng cái tâm ra thì ngạo mạn, hung bạo, thu nhỏ cái tâm lại thì dâm dăng và nghiêng lệch. ^[5]

Ta có thể mượn lời Ramakrishna kết thúc lời bình luận về quân tử và tiểu nhân:

“Con người sinh ra mang theo hai khuynh hướng: Một là Giác, khuynh hướng này thúc đẩy họ đi tìm con đường giải thoát, hai là Mê, khuynh hướng này thúc đẩy họ lặn vào đời sống trần hoàn và nô lệ.

Lúc mới sinh ra, thì hai khuynh hướng cân bằng như hai đĩa cân. Thế rồi trần tục đặt trên 1 đĩa cân những thú vui thế tạm; còn bên đĩa cân kia, Trời đặt những hứa hẹn của Ngài. Nếu đĩa cân nghiêng về hướng Mê, thì con người sẽ chọn trần tục và sẽ bị lôi cuốn về vật chất thế tục; nếu con người chọn tinh thần thì đĩa cân Giác Ngộ sẽ nâng họ lên tới Thượng đế. ^[6]

C. Thánh Nhân.

Nhưng quân tử chưa phải là mẫu người lý tưởng của Khổng Giáo. Đó mới là giai đoạn “thăng đường”, chưa phải giai đoạn “nhập thất”. ^[7]

Còn phải tu luyện tâm hồn cho tới mức cao minh, hoàn thiện để trở nên một thánh nhân phối hợp cùng thiên địa.

“Đâu có tàu bè, xe cộ đi lại, đâu sức người có thể bốn ba tới, đâu có vòm trời che, đất chở, đâu có mặt trời, mặt trăng soi sáng, đâu có sương rơi, móc đọng, đâu có nhân loại, thì đều kính mến bậc đó. Cho nên nói Thánh Nhân phối hợp với Trời. ^[8]

Tóm lại, tu thân mới đầu thì đặt mục tiêu nên chính nhân, quân tử, sau đó là nên thánh hiền. ^[9]

Quan niệm về Thánh Nhân theo Tứ Thu, Ngũ Kinh.

Trong cuộc đối thoại với Hạo Sinh Bất Hại, Mạnh Tử đã định nghĩa và định vị trí Thánh Nhân như sau:

...Hạo Sinh Bất Hại, người nước Tề, hỏi Mạnh Tử: “Nhạc Chính Tử là người thế nào?” Mạnh Tử đáp: “ Là người Thiện và Tín.” Hạo Sinh Bất Hại hỏi tiếp:” Sao gọi là Thiện? Sao gọi là Tín?” Mạnh Tử giải: “Người mà hành vi nhân phẩm đáng yêu, đáng kính gọi là Thiện. Người làm Thiện theo lương tâm và Bản Tính không cưỡng ép và không giả trá, gọi là Tín. Người mà lòng thiện đầy đủ phát lộ ra khắp thân thể và mỗi cử động đều hợp với ý lành, gọi là Mỹ. Người có Mỹ Đức đầy đủ và làm nên sự nghiệp, khiến cho cái mỹ đức mình chói lọi trên đời, gọi là Đại. Đã là bậc Đại Nhân, lại đứng ra hoằng hoá cho đời, khiến cho thiên hạ đều quay về nẻo Thiện, gọi là Thánh. Đã là bậc Thánh cảm hoá cho đời, thế mà sở hành và trí huệ mình chẳng ai ỨC ĐẠC NỔI, biến hoá vô tận, thông với trời đất gọi là Thần...”

Trong 6 bậc đó, Nhạc Chính Tử dự vào 2 bậc thấp, còn 4 bậc kia thì ngoài sức của người vậy. ^[10]

Theo định nghĩa của Mạnh Tử, thì Thánh Nhân thật là hi hữu, ngàn năm một thừa. Hữu Nhược nói:

“Người năm bảy đáng,
Kìa kỳ lân vẫn giống thú rừng,
Phượng hoàng vẫn loại chim muông,

*Thái Sơn vẫn đức theo khuôn đồng gò.
Sông với biển vẫn nhà ngòi lạch,
Thánh với phàm một phách thể nhân.
Nhưng Thánh, phàm muôn phân ngàn biệt,
Vì thánh nhân bạt thiệp, siêu phàm...^[11]*

Thánh nhân bạt thiệp siêu quần, vì các Ngài là những người thông minh, duệ trí, ^[12] nhân đức tuyệt vời, noi gương Trời mà hành sự, ^[13] sống cuộc đời thánh thiện, phối hợp với Thượng Đế. ^[14]

Dịch Kinh viết: “Thánh nhân đức độ sánh đất Trời, sáng làng như 2 vầng nhật nguyệt, biển thông tựa bốn mùa, giản dị, hoàn thiện giống như Trời.” ^[15]

Trung Dung đề cập tới Thánh Nhân nhiều nhất, với những lời lẽ đẹp dễ nhất. Dưới đây xin trích một trong nhiều đoạn:

Trung Dung viết:

*Chỉ có đáng chí Thánh trong trần thế,
Mới có đầy đủ thông minh, trí huệ,
Y như thế có Trời ẩn áo, giáng lâm.
Mới khoan dung, hoà nhã, ôn thuận,
Y như thế có dung nhan Trời phát phượng.
Phấn phát, tự cường, kiên cương, hùng dũng,
Y như là đã cầm giữ được sức thiêng.
Trang trọng, khiết tịnh, trung chính, triền miên,
Y như thừa hưởng được đôi phần kính cẩn.
Nói năng văn vẻ, rõ ràng, tường tận,
Y như là chia được phần thông suốt tinh vi,
Mênh mang, sâu thẳm ứng hiện phải thì.
Mênh mang như khung Trời bao la vô hạn,
Sâu thẳm như vực muôn trùng thăm thẳm,
Thấy bóng Ngài, dân 1 dạ kính tôn,
Nghe lời Ngài dân tin tưởng trọn niềm,
Ngài hành động, muôn dân đều an lạc.
Nên thanh danh Ngài vang lừng Trung Quốc,
Đâu xe có thể đi, người có thể tới lui,
Đâu có được Trời che và đất chở,
Đâu còn nhật nguyệt 2 vầng tỏ mở,
Đâu có móc động, đâu có sương rơi,
Đâu còn có dòng máu nóng con người,
Ở nơi đó Ngài vẫn được tôn sùng, quý báu,*

Thế mới gọi là “cùng Trời phối ngẫu” ^[16]

Quan niệm về Thánh Nhân theo Chu Hi.

Trong quyển **Chu Hi học án** của Linh Mục Stanislas le Gall dòng Tên ^[17] có một đoạn bình luận về Thánh Nhân như sau:

“Trên mẫu người quân tử còn có Thánh Nhân, kiệt tác của Tạo Hoá, tinh hoa của nhân loại.

“Xét về phương diện Bản Thể, phương diện “Thiên địa chi tính”, thì Thánh Nhân cũng như mọi người đều thụ hưởng như nhau; nhưng điểm làm cho Thánh Nhân khác biệt chính là tại “khí chất chi tính” ở nơi Thánh Nhân tinh toàn, thuần túy, y như hạt kim cương trong suốt, mặc tình cho ánh sáng rọi suốt qua.

Chu Hi nói: “Con người là tinh hoa của ngũ hành, nhưng Thánh Nhân lại là tinh hoa của tinh hoa đó.”

Trong những thế kỷ tiếp giáp với thời kỳ nguyên thủy, khi hoàn vũ còn mằng sữa, mới mẻ, khi khí chất hầy còn tinh khiết, thì dĩ nhiên có nhiều Thánh Nhân sinh: Đó là thời kỳ hoàng kim, có những thánh quân, minh triết trị dân, làm cho họ sung sướng. Hứa Dung Trai cho rằng đầu mỗi kỷ nguyên lại có một Thánh Nhân như Phục Hi. Vũ trụ càng già, càng cổ, vật chất càng ô trọc, thì Thánh Nhân càng trở nên hiếm thấy, và hoàn vũ dần dà lại quay về trạng thái hỗn mang nguyên thủy. ^[18]

“Dưới đây là những vị Thánh Nhân đã được công nhận:

1. Phục Hi (2852-2737) -2. Thần Nông (2757-2697) -3. Hoàng đế (2697-2597) -4. Nghiêu (2357-2255) -5. Thuấn (2255-2205) -6. Vũ (2205-2197) -7. Thành Thang (1766-1753) -8. Y Doãn (chết 1713) -9. Tỉ Can (1222) -10. Văn vương (1232-1135) -11. Vũ Vương (1196-1116) -12 Châu công (chết 1105) -13 Liễu hạ Huệ (khoảng 600) -Khổng tử (551-479).

“Vị thánh sau cùng lại là vị thánh được suy tôn, sùng thượng nhất, đó là Đức Khổng. Tử Cống có nói trong quyển V, tiết 6 Luân Ngữ: Thực Trời đã ban nhiều ân trạch, nhiều tài năng cho Đức Khổng. Ngài chính là vị Thánh,” ^[19]

Thánh Nhân chính là hiện thân cho mẫu người lý tưởng trong nhân loại, chính là tinh hoa nhân loại, chính là người đã thể hiện được sự toàn thiện. Sự toàn thiện ấy cũng còn được gọi là Thành (誠) là Chí Thành, Chí Thiện (至誠至善), vì thế mà Rémusat đã dịch Thành là Toàn Thiện, Intorcetta đã dịch là Hoàn Thiện, Tinh Tuyền. Legge đã dịch là Tinh Tuyền không pha phách tà nguy. ²⁰

Chu Hi cũng dịch là Chân Thực, không còn chút chi man muội, lỗi lầm.

“Thánh nhân, như vậy, có một đời sống hoàn toàn phù hợp với Thiên Lý. Cũng có thể nói, thánh nhân được mệnh danh là Thành, chính vì đã sống cuộc đời hoàn toàn phù hợp với tính Bản Nhiên, với Thiên Lý, và vì vậy đã phối hợp được với Trời Đất, đã sánh được với Trời Đất.

“Chu Liêm Khê cho rằng chữ Thành đồng nghĩa với Thái Cực, với Lý. Thái Cực hay Lý ấy, bất kỳ ai cũng có; nhưng khi Thái Cực hay Lý đã lỏng vào hình hài, khí chất không tinh tuyền, thì ảnh hưởng sẽ bị giới hạn lại. Chỉ ở nơi Thánh Nhân giới hạn ấy mới không có. Thánh Nhân sống theo tính Bản Thiện của mình, nên thần trí người nhận định được hằng tính của mỗi vật, mỗi sự ; ý chí người hướng về Chân Thiện Mỹ không

chút khó khăn, và sống trong đường nhân, nẻo đức, trong trật tự và bốn phận không chút chi vấp vả.

“Nhiều người thường nghĩ thánh nhân **“sinh nhi tri chi”**, và cho là Thánh Nhân có khối óc thông minh, quán triệt, bao quát mọi sự, mọi điều. “Thánh nhân cũng thông sáng không lường như Thần Minh”...

“Nhưng Chu Hi cho rằng Thánh Nhân chỉ thông suốt những nguyên lý đại cương, và dễ dàng suy ra những áp dụng cụ thể hữu ích cho mọi người. ^[20]

“Đó cũng là ý kiến của Doãn Nhan Minh (1100), một nhà bình giải Luận Ngữ. Ông nói:” Tuy là bậc Thánh Nhân, thông minh, thiên phú và sinh nhi tri tri, đức Khổng thường nhắc đi, nhắc lại rằng Ngài ham học, hiếu học. Ta đừng tưởng đó là Ngài nói nhún nhường, để khuyến khích các đệ tử theo gương mà cố gắng. Không, Ngài chỉ biết những nguyên lý hằng cửu, còn những áp dụng đặc thù, cụ thể, ví như những chi tiết về lễ nghi hay nhã nhạc, những chuyện xưa, tích cũ, biến cố lịch sử cổ kim, thời Đức Khổng cũng phải học mới biết. Nhưng mỗi khi gặp những vấn đề nan giải khó khăn, Ngài liền thấu triệt dễ dàng, có những quyết định sáng suốt, những phán đoán xác đáng chính xác, minh triệt, vì Ngài thông minh, tinh tế rất mực.

“Chu Hi cho rằng Thánh Nhân có một khối óc hoàn toàn trong sáng, hàm tàng vạn lý, vừa thoát cảm xúc, liền thông suốt ngay. ^[21]

“ Các bậc chí thánh đều tiên tri, tiên đoán được sự suy thịnh của các triều đại. Các Ngài biết trước được những điều hay dở xảy ra cho đất nước, bằng cách quan sát hiện tượng thiên nhiên, nhân tình, thế thái, hay bằng phương pháp bốc, phê, thi, qui.

“ Thánh nhân sở dĩ có cái nhìn tinh tế, thấu triệt, là vì lòng không bận tư tà, dục vọng, cho nên mới nhìn thấu đáo được những điều tinh vi, huyền diệu.

“ Thánh Nhân lại còn là những người có đức hạnh siêu việt, theo đúng Trung Dung, Trung Đạo, xử sự luôn theo chính lý. Mạnh tử nói: “ các quan năng thì Trời ban cho mọi người, nhưng chỉ có Thánh Nhân tận dụng được quan năng mình, vì các Ngài sống hoàn toàn hợp với Chân Lý, hợp với lương tri, lương năng. ^[22]

“Bình đoạn này, Trình Tử cũng cho rằng Thánh Nhân theo đúng Thiên Lý, Thiên đạo, vì vậy đã tận dụng được quan năng mình. Phàm nhân tuy là có đạo lý trong mình, nhưng họ nào có biết, có hay; hiền nhân, quân tử, tuy biết và theo, nhưng không hoàn toàn triệt để; duy có Thánh Nhân là giữ vẹn Đạo Lý, cho nên mới sử dụng quan năng mình cho đúng mức,

“ Thánh Nhân vì không bị tình dục quấy nhiễu, nên lúc nào cũng ung dung, thanh thản. Thiên lý, Thiên Đạo được nhập thể, được thể hiện nơi Ngài một cách sáng tỏ, để soi đường, dẫn lối cho kẻ khác.

“ Ở nơi Thánh Nhân, mỗi động tác, mỗi cử chỉ, mỗi lời ăn, tiếng nói, ngay đến sự nghỉ ngơi yên lặng, cũng là những bài học cho các bậc chính nhân, quân tử. Những kẻ phạm phu, tục tử, nếu không được cải hoá, thì chỉ tại họ đã thâm căn, cố đế, trong tính hư nát xấu, và lòng họ đã hư hỏng. Còn thánh nhân luôn luôn có thể soi sáng nhân trí và cải hoá nhân tâm. ^[23]

“ Ảnh hưởng của Thánh Nhân thật là vô biên như ảnh hưởng của Trời. Chu Hi nói: Cũng như xem bốn mùa vùn xoay, xem vạn vật sinh hoá, thì biết được Thiên Lý biến dịch ở khắp nơi, mà chẳng cần Trời phải nói nên lời. Ở nơi Thánh Nhân cũng vậy, động

hay tĩnh, nhất nhất đều khai minh nguyên lý huyền diệu, sự toàn thiện tinh tuyền sẵn chứa nơi người. Và Chu Hi kết luận hết sức hào hứng bằng lời sau: **Thánh Nhân tức là hiện thân của Trời.** ^[24]

“**Dịch Kinh** từ lâu vẫn coi con người toàn thiện là có đức độ sánh với Trời. **Dịch Kinh** viết: *Đức độ người ngang với đức độ Trời Đất, người sáng láng như hai vầng nhật nguyệt, biến thông tựa bốn mùa, ảnh hưởng người in tựa Thần Minh....*

“Tử Tư trong bộ **Trung Dung**, cũng nương theo ý **Dịch Kinh**, chủ trương Thánh Nhân có thể chuyển hoá chúng nhân bằng gương mẫu và bằng lời giáo hoá, khiến chúng dân có thể tiến hoá đến cùng cực tinh hoa. Như vậy, Thánh Nhân đã giúp đất trời trong công cuộc sinh thành muôn vật, và cùng đất trời hợp thành Bộ Ba.

“Thánh nhân sánh vai với Trời, kết hợp với Trời.” ^[25]

Những lời bình luận trên về Thánh Nhân rất là xác đáng. Nó đúng với quan niệm truyền thống Nho Giáo. Theo **Kinh Thư**, thiên Khang Cáo vua Thành Vương khi phong cho chú là Khang Cáo, đã khuyên Ông Khang phải cố gắng sao “cho đức độ cao vút tới Trời” (Hoảng vu Thiên).

Ông Khế bình ba chữ Hoảng vu Thiên như sau:

“**Người ta ai cũng có Tính Trời. Tính Trời đó ở trong họ, như lửa vừa nhen nhóm, như suối vừa tung toả. Con người chỉ phải khuếch sung Tính Trời đó mà thôi.**” ²⁶

Vũ Chính bình rằng: “Phải khuếch sung đức hạnh để hợp nhất với Trời.” ^[26]

KẾT LUẬN.

Liêm Khê tiên sinh có câu bắt hủ:

Thánh hi Thiên.

Hiên hi Thánh.

Sĩ hi hiên. (Chu Hi, **Cận Tư Lục**, q.2, tr. 1)

Thánh Nhân nuôi hi vọng Phối Thiên.

Hiên Nhân nuôi hi vọng trở thành Thánh Nhân.

Kẻ sĩ nuôi hi vọng trở thành Hiên.

Chúng ta hãy đảo nó ngược lại:

Sĩ hi Hiên, Hiên hi Thánh, Thánh hi Thiên. Ta sẽ thấy con đường tu thân cầu Đạo của chúng ta phải đi từ mẫu người quân tử, cho lên tới bậc Hiên Thánh, cuối cùng là lên tới tuyệt điểm tinh hoa, **dữ Thiên đồng đức.** ^[27]

Tóm lại trong con người chúng ta có 3 phần khinh trọng khác nhau. **Một phần là xác**, dính líu đến Địa, đến Vật. Thực vậy, vì có xác nên ta phải nương vào Đất, nương vào ngũ cốc, thảo mộc mà sống. Lại nữa, vì có xác, nên chúng ta cũng có đủ nhu cầu của các sinh vật khác như ăn uống, ngủ nghỉ.

Một phần là Hồn, thuộc Nhân. Chúng ta vì vậy, phải lo sao sống cho xứng đáng với danh nghĩa con người: Ngừng lên không hồ với Trời, cúi xuống không thẹn với người. (Ngưỡng bất quý ư Thiên; phủ bất tặc ư nhân 仰不愧於天，俯不作於人),

cùng khổ không mất nghĩa, hiền đạt không lìa đạo (cùng bất thất nghĩa, đạt bất ly đạo 窮不失義, 達不離道 Mạnh tử, Tận Tâm Thượng, 9).

Một phần là Thần thuộc Thiên. Đó là cái phần linh thiêng nhất trong con người chúng ta, cái phần mà chúng ta phải lo **tồn dưỡng**.

Thần có một và ở khắp mọi nơi, thì cái Thần của mình tức là Thần của Trời Đất. Vậy nên người quân tử phải Thận Độc, nghĩa là phải kính cẩn lúc ở một mình, không dối mình bao giờ. Mình dối mình, tức là dối Trời Đất. Người mà Thận Độc thì có thể theo được Thiên Lý mà hành động. Đã theo được Thiên Lý mà hành động, thì ta là một cái vũ trụ riêng, sức Tạo Hoá ở ta, không bị vật khác đè nén được, mà ta lại có thể chế được các vật.

Nhận định trên đây về Thần là nhận định của Thiệu Khang Tiết. (*Nho Giáo*, Trần Trọng Kim, II, tr. 113). Nếu ta có thể hoành dương tư tưởng trên cho đến kỳ cùng, ta sẽ đạt tới Phối Thiên.

Thật vậy, nếu Thần ta và Thần Trời Đất là một, thì hãy sống sao cho Thần ta và Thần trời đất luôn duy nhất, bất khả phân. Tinh Hoa nơi ta là Tinh Hoa trời đất. Cố gắng đem tinh hoa trời đất vào trong lòng mình (Trung 忠), phát huy tinh hoa ấy ra bên ngoài, làm cho mọi người chia xẻ, và thông phần tinh hoa ấy, nắm giữ được tinh hoa ấy như mình (Thứ 恕). Đó chẳng phải là chỗ Đạt Đạo của Khổng Giáo sao?

CHÚ THÍCH

[1] Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo. Đắc chí dĩ dân do chi, bất đắc chí độc hành kỳ đạo. Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu.

居天下之廣居，立天下之正位，行天下之大道。

得志與民由之，不得志獨行其道。富貴不能淫，

貧賤不能移，威武不能屈。此之謂大丈夫

Mạnh tử Đằng văn Công chương cú hạ, 2)

[2] *Quê Hương*, số 5, tháng 11, 1959, tr. 9.

[3] Chiêm bỉ kỳ úc,

Lục trúc y y.

Hữu phỉ quân tử,

Như thiết, như tha,

Như trác như ma.

Sát hề, giản hề,

Hác hề, huyến hề,

Hữu phỉ quân tử,
Chung bất khả huyền hê.

瞻 彼 其 奧

譖 竹 猗 猗

耜 匪 君 子

如 切 如 磋

如 琢 如 磨

橈 兮 閒 兮

豕 兮 喧 兮

耜 匪 君 子

秣 不 可 諼 兮。

Kinh Thi, Vệ Phong, Vệ nhất chi ngũ, Kỳ Úc, 1.

Kinh Thi Tản Đà, tr. 168; Thi Kinh, Quốc Phong, Kim Y Phạm Lệ Oanh, tr. 225.

Đọc thêm Trần Trọng Kim, *Nho giáo* I, tr. 106-134; 240-243; 306-320 về quân tử, tiểu nhân,.

[4] Quân tử dịch vật, tiểu nhân dịch ư vật.

君 子 易 物 ， 小 人 易 於 物 。

(Tu thân). Trần Trọng Kim, Nho giáo, quyển I, tr. 307.

[5] Quân tử đại kỳ tâm đắc thiên nhi đạo, tiểu tâm tắc ury nghĩa nhi tiết...

Tiểu nhân tắc bất nhiên, đại tâm tắc mạn nhi bạo, tiểu tâm tắc dâm nhi khuynh

君 子 大 其 心 得 天 而 道 ， 小 心 則 畏 義 而 節 。

小 人 則 不 然 ， 大 心 則 慢 而 暴 ， 小 心 則 淫 而 傾 。

Trần Trọng Kim, Nho giáo, q. I, tr. 307.

[6] L'homme en naissant apporte deux tendances avec lui dans ce monde: l'une (vidya= sagesse) qui le pousse à chercher le chemin de sa libération, l'autre (avidya= ignorance) qui l'entraîne vers la vie terrestre et vers l'esclavage. A la naissance, ces deux tendances sont en équilibre comme les deux plateaux d'une balance. Bientôt le monde pose d'un côté ses plaisirs et ses jouissances. Sur l'autre plateau, l'esprit pose alors l'attraction de ses promesses. La balance s'incline du côté avidya, si l'homme choisit le monde et il se trouve entraîné vers la terre; mais s'il fait l'élection de l'esprit, le plateau de vidya s'élèvera jusqu'à Dieu...

J. Herbert, L'Enseignement de Ramakrishna, pp 5-6.

[7] Tử viết: Do chi sắt, hề vi ư Khâu chi môn? Môn nhân bất kính Tử Lộ. Tử viết: Do dã, thẳng đường hĩ, vị nhập thất hĩ.

子曰: 由之瑟, 奚為於丘之門。門人不敬子路。

子曰: 由也, 升堂o, 未入室矣。

Luận Ngữ, Tiên Tấn XXI, 1.

-Tử Trương vấn thiện nhân chi đạo, Tử viết: bất tiền tích, diệc bất nhập ư thất.

子張問善人之道。子曰; 不踐跡亦不入於室。

Luận Ngữ Tiên tấn XI, 19.

[8] Châu xa sở chí, nhân lực sở thông, thiên chi sở phúc, địa chi sở tải, nhật nguyệt sở chiếu, sương lộ sở truy, phạm hữu huyết khí giả, mạc bất tôn thân, cố viết phối thiên.

舟車所至, 人力所通, 天之所覆, 地之所載,

日月所照, 霜露所墜, 凡有氣血者, 莫不尊親, 故曰配天。

Trung Dung, XXXI, 3.

[9] Thuỷ ư vi sĩ, chung ư Thánh Hiền 始於為士, 終於聖賢。

Lịch sử Triết Học Đông Phương, Nguyễn Đăng Thục, q. I, tr. 204.

[10] *Mạnh Tử*, Tận Tâm Chương cú hạ, 24.

[11] Hữu Nhược viết:” Khởi duy dân tai? Kỳ lân chi ư tẩu thú, phượng hoàng chi ư phi điều, Thái Sơn chi ư khâu diệt, hà hải chi ư hàng lạo loại dã. Thánh Nhân chi ư dân, diệc loại dã. Xuất ư kỳ loại, bạt hồ kỳ tuy, tự sinh dân dĩ lai, vị hữu thịnh ư Khổng tử dã.

耜若曰: 麒麟之於走獸, 鳳凰之於飛鳥, 泰山之於丘垤,

河海之於行潦類也。聖人之於民亦類也。

出於其類, 拔乎其萃, 自生民以來, 未有盛於孔子也。

Mạnh Tử, Công Tôn Sửu chương cú thượng, 2.

[12] Câu bất cố thông minh thánh trí, đạt Thiên Đức giả, thực năng tri chi.

苟不固通明聖知達天德者, 孰能知之。

Trung Dung, XXXII.

[13] Duy Thiên thông minh, duy Thánh thời hiền. (Chỉ có Trời là thông minh, chỉ có Thánh Nhân bắt chước Trời.)

惟天通明, 惟聖時憲。

Kinh Thư, Duyệt mệnh, tiết 3.

[14] Liêm Khê tiên sinh viết: Thánh hi Thiên, hiền hi Thánh, sĩ hi hiền.

濂溪先生曰: 聖希天, 賢希聖, 士希賢。

Chu tử nguyên định, Cận tư lục, Tạp chú, q. II, tr. 1.

-Cổ viết: phối Thiên 故曰配天。

Trung Dung, XXXI.

[15] Quảng đại phối thiên địa, biến thông phối tứ thời, giản dị chi đức phối nhật nguyệt, giản dị chi thiện phối chí đức.

廣大配天地，變通配四時，簡易之善配至德。

Dịch kinh, Hệ Từ thượng, chương VI, 3.

[16] **Trung Dung, XXXI.**

[17] Stanislas le Gall (Vương Xương Chi), *Le philosophe Tchou Hi, sa doctrine, son influence*, p. 63 et ss.

[18] Au-dessus du Sage (賢人 ou 君子), brille d'un éclat exceptionnel le chef-d'oeuvre de la nature, l'homme idéal, le type achevé de la perfection: Le Saint (聖人). Sous le rapport de la nature originelle, c'est-à-dire, considéré hors de la matière qui l'individualise, le Saint n'est rien de moins qu'un être quelconque. Ce qui le distingue d'entre tous, c'est que sa substance matérielle est d'une pureté, d'une subtilité extrême, semblable à un diamant de la plus belle eau, qui n'offrirait aucun obstacle au passage des rayons lumineux. L'homme, dit Tchou Hi, est constitué par la portion la plus pure de la matière (陰陽五行之氣一精英者為人) mais de cette quintessence la partie superfine est le partage du Saint (精英之中又精英者為聖人). durant les premiers siècles qui suivent le Chaos, lorsque le monde est dans sa force de jeunesse renouvelée, la matière étant plus pure, doit nécessairement produire des êtres plus parfaits: c'est l'âge d'or, le temps où de sages princes font des peuples heureux. Alors dit Hua Yong Tchai (許庸齋) l'homme est à l'apogée de sa perfection. Au commencement de chaque période cosmique, apparaît un Fou Hi. Mais à mesure que le monde vieillit, la matière se charge de l'impureté, les Saints deviennent plus rares. L'humanité se dégrade, l'univers revient insensiblement au Chaos, son point de départ.

[19] Voici la liste des personnages reconnus officiellement comme Saints : 1. Fou-Hi (2852-2737) -2. Chen Nong (2737-2697) -3. Hoang-Ti (2697-2597) -4. Yao (2357-2255) -5. Choen (2255-2205) -6. Yu (2205-2197) -7. Tcheng t'ang (1766-1753) -8. I-In (mort en 1713) -9. Pi-Kan (1222) 10-Wen Wang (1231-1135) -11. Ou Wang (1169-1116) -12. Tcheou Kong (mort en 1105) -13. Lieou H'a Hoei (environ 600) -14. Confucius (551-479).

Trong Mạnh Tử, Tận Tâm Chương Cú hạ, tiết 38 có một danh sách khác đôi chút.

Nghiêu (2357-2255); Thuấn (2255-2205); Vũ (2205-2197); Cao Dao (Hiền thần của Thuấn và Nghiêu); Thành Thang (1766-1753); Thái Giáp; Lai Châu (đời vua Thành Thang); Văn Vương (1231-1135); Tán Nghi Sinh (Hiền Thần của Văn Vương); Thái Công Vọng (Hiền Thần của Văn Vương); Khổng tử (551-479).

Danh sách của Mạnh Tử dĩ nhiên là không đầy đủ. Đạo Nho chỉ chú trọng đến các Thánh Vương Nghiêu, Thuấn, Võ, Văn, Võ, mà không đề cập đến Phục Hi, Thần

Nông, Hoàng Đế... Vả lại, Mạnh Tử chỉ muốn nêu ra một thuyét là cứ 500 năm lại có Thánh Nhân ra đời...

²⁰ Le dernier dans l'ordre chronologique, Confucius occupe cependant, depuis longtemps, parmi ses congénères, le premier rang d'honneur : Il est le Saint par excellence 至聖先師孔子...

Tsu Kong disait :” Certainement le Ciel l’a doué sans mesure, il doit être un Saint... “ L’idée de l’humanité réalisée dans la personne du Saint, la perfection absolue qui est son partage, est bien ce que signifie le terme 誠。Rémusat l’a rendu par “la perfection”, “la perfection morale”; Le P. Intorcetti par “vera solidaque perfectio”, Legge le traduit par Sincerity, Simplicity or Singleness of Soul, “the disposition to and the capacity of what is good, without any deteriorating element, with no defect of intelligence or intromission of selfish thoughts.” Ces derniers mots décrivent très bien les effets de 誠 signalés par Tchou Hi

德無不實而明無不照者，聖人之德所性而有者，

天道也，mais ils n’expriment pas clairement ce qu’il est en soi. Tchou Hi en donne cette définition: 誠者真實無妄之謂。Cet état de conformité est le propre du Saint: 聖人之德渾然天理真實無妄。

^[20] Il nous semble que ce qui rend mieux l’idée de Tsh’eng (Thành) d’après les philosophes chinois, c’est la conformité parfaite avec sa nature, ou avec le principe d’ordre universel (天理). C’est par cette conformité que l’homme devient égal du Ciel et de la Terre (聖人體道無隱，與天象昭然，莫非至教，常以示人，而人自不察).

Tch’eng, dit Tcheou Lien Ki est synonyme de T’ai Ki ou Li, que chaque être recoit tout entier; mais il peut être et il est généralement limité dans ses effets par l’imperfection de la matière qui le renferme. Dans le Saint, ces limites n’existent pas; il agit constamment en conformité avec sa vertueuse nature. Son intelligence perçoit sans effort, la raison intime de chaque chose, sa volonté n’éprouve aucune difficulté à se porter au bien et à demeurer ferme dans la voie de la justice, de l’ordre et du devoir.

Tous les auteurs lui attribuent comme qualité essentielle la science innée infuse (生而知之). La plupart semble croire qu’elle n’a pas de limite, mais s’étend à tout sans exception: rien n’est caché au regard du Saint: Il est omniscient (聖人神明不測之號) (Tchou Tse). Tchou Hi cependant enseigne que l’objet de cette science embrasse seulement les principes généraux d’où le Saint tirera sans peine, dans le cours de sa vie, les conclusions pratiques, nécessaire pour le bien des hommes...

^[21] C’est l’opinion de In Yon Ming (1100), un des commentateurs du Luen Yu, exprime en ces termes:” Lorsque Confucius qui, comme Saint, possédait la science infuse, nous répète avec insistance, qu’il aimait à étudier, il ne faut pas croire qu’il ne parlait ainsi que par pure modestie et pour exciter ses disciples au travail, par la force

de son exemple. Non, car la science innée n'a pour objet que les principes généraux. Quant à l'application de ces principes, comme par exemples les détails pratiques du cérémoniale et de la musique, les choses célèbres de l'antiquité, les événements des temps anciens et modernes, le Saint lui-même, ne peut que par l'étude, une connaissance certaine. Mais, dès que l'occasion amène devant son esprit les questions les plus difficiles, aussitôt, sans effort, il les pénètre à fond; ses décisions sont claires, ses jugements infaillibles.

所謂聖者，不勉不思而至焉者也 (Mong Tse, chap. V)

無思而無不通為聖人 (T'ong Chou), car il est doué d'une pénétration sans mesure. L'Esprit du Saint, dit Tch'ou Tse, est parfaitement pur et brillant. Il contient dans son ampleur la raison de toutes choses.

À la plus légère impression recue, il répond à l'instant et rien dans la nature n'échappe à sa pénétration. (Mong Tse, Chapitre XIII, Commentaires)

[22] L'homme parfait peut lire dans l'avenir, la prospérité ou la ruine des dynasties. Tous les changements en bien ou en mal, qui doivent arriver dans l'empire, il les connaît d'avance, d'une science certaine, par l'observation des phénomènes de la nature, la disposition de l'herbe divinatoire (蓍) et les lignes qu'il remarque sur la carapace de la merveilleuse tortue (龜).

La raison de ce pouvoir de claire vue est, dit Tchou Hi, que le Saint n'a devant les yeux de son intelligence aucune trace d'égoïsme ou de fausseté, puisqu'il est de tout point conforme à la nature; rien ne l'empêche donc d'apercevoir les choses les plus subtiles; par sa connaissance admirable, il ressemble aux Koei Chen (唯誠之至極而無毫私偽留於心目之間)“ Le Saint est en plus, le paragon de la perfection morale, Il possède toutes les vertus à un degré éminent. 聖者。。。幾無不明，德無不備者也，乃能察其幾焉 (Tchong Yong XXIV, Commentaires)

“ Constant dans la voie du juste milieu, il agit suivant la droite raison. Tout homme, dit Mong Tse, a reçu du Ciel ses sens avec leurs fonctions déterminées, mais le Saint peut seul en faire un usage parfait, parce que, ajoute le commentateur, seul il sait se conformer de point en point à la direction du Principe intérieur (Li) qui l'anime et qui le dirige.

(孟子曰：形色天性也，唯聖人然後可以踐形)

[23] Ce passage, dit aussi Tchong Tse, signifie que le Saint suit en tout la voie que la nature a tracée aux hommes et par là, il fait un bon emploi de tous ses sens. Le vulgaire possède bien aussi le Principe directif (Li), mais il l'ignore; le sage ordinaire s'y conforme mais pas parfaitement, seul le Saint peut faire un emploi correct de ses sens.

(程子曰：此言聖人盡人道而能充其形也，

眾人有之而不知，

賢人踐之而未盡，能充其形其惟聖人也。)

(*Ibid. Commentaires*)

“Jamais la passion ne l’émeut: il se possède dans un calme, que rien ne saurait altérer. Le Principe céleste incorporé dans sa personne (聖人體道) se manifeste et brille au dehors pour éclairer les hommes et les porter au bien. Tout en lui, ses moindres actions, ses paroles, jusqu’à son repos et son silence même, est autant de leçons, que les Sages seuls perçoivent et dont ils font leurs profits; mais si les hommes vulgaires et les hommes vicieux ne sont pas transformés, la faute en est uniquement à leurs mauvaises dispositions, et à leur volonté dépravée; car la sagesse du Saint est d’elle-même capable d’éclairer tous les esprits, comme sa vertu a la force de changer tous les coeurs.

(聖人體道無隱，與天象昭然，莫非至教，常以示人而人自不知。)

[24] Son influence bienfaisante est sans borne, comme l’influence du Ciel. “De même que le cours réguliers des quatre saisons, dans la production et la conservation des êtres de l’univers, se voient partout avec évidence, les effets de l’évolution du Principe Céleste (天理) sans que le Ciel doive pour cela rompre son silence; ainsi tout dans le Saint, l’action et le repos, révèle également le principe merveilleux, la droiture parfaite dont il est plein”. Et il conclut par ce cri d’enthousiasme: En un mot, le Saint est le Ciel personnifié.

四時行而百物生，莫非天理。發現流行之實不得言而見，
聖人一動一靜莫非妙道，精義之際亦天而以。

(*Luen Yu XVII, 18, Commentaires*)

Le I King avait depuis longtemps déjà représenté l’homme parfait comme l’égal du Ciel en perfection; “Ses vertus, y est-il dit, égalent celles du Ciel et de la Terre, il brille comme le soleil et la lune, sa régularité est comparable à celle des quatre saisons, son influence rappelle celle des Esprits. Si son action devance le Ciel, le Ciel ne le contrarie pas, s’il suit le Ciel, il se conforme aux saisons. Et si le Ciel même ne lui résiste pas, combien moins les hommes et les Esprits lui résistent-ils?...”

[25] Tse Se, petit fils de Confucius, nous fait dans le Tchoung Young, une description qui semble bien n’être que le développement du passage précédent du I King. Le Saint, nous y est dépeint comme transformant les hommes par la force de son exemple et de ses enseignements, et conduisant tous les êtres jusqu’au complet épanouissement de leur nature. Il aide et assiste le Ciel et la Terre dans la production et la conservation de toutes choses; il est le troisième agent de l’univers. 與天地並位為三也。 (Tchoung Young, Commentaires). L’égal du Ciel = 配天 Tchoung Young XXII, XXVI: 與天地參，配天配地。 XXXI, 配天。

[26] The critic See says : Every man has his heavenly nature, which is in him as a fire has just been kindled or a spring which is just issuing forth. What is required is the widening and enlarging of it.

James Legge, *The Shoo King*, p. 386, notes.

[27] The words of Woo Ch'ing:

又當擴充其德，與天為一。(Hựu năng khuếch sung kỳ đức, dữ Thiên vi nhất.)

James Legge, *The Shoo King*, p. 386, notes.

CHƯƠNG XXVI

THUYẾT THIÊN NHÂN TƯƠNG DỮ VÀ THIÊN NHÂN HỢP NHẤT TRONG NHO GIÁO.

Thánh nhân là người “Kế Thiên lập cực” [1], thay Trời chỉ vẽ cho nhân loại đâu là cực điểm tiến hoá, soi đường, dẫn lối cho mọi người tiến tới Trung Dung, Trung Đạo,, tiến tới Tinh Hoa nhân loại.

Quan niệm về Thánh Nhân của dân tộc Trung Hoa đã cho chúng ta thấy rõ rằng muốn tiến tới Trời, tới tinh hoa nhân loại, phải thông minh, duệ trí, sống cuộc đời nhân đức, thánh thiện, phối hợp với Trời.

Nhưng muốn sống phối hợp với Trời, phải biết Trời ra sao, Trời ở đâu. Đó là cả một vấn đề. Nho gia cho rằng **Trời chính là Bản Thể nhân loại** [2]. Cho nên muốn **tìm Trời, phải tìm ngay trong đáy lòng mình**, vì thế mà Trung Dung đã có một câu rất là táo bạo:

*Biết người, trước phải biết Trời,
Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao? [3]*

Đọc bộ Kinh Thư Đại Toàn, ta thấy người bình về Tâm Pháp các vị Thánh Vương như sau:

*“ Tinh rờng chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức giữ nguyên lòng trời “*

“Đó là Tâm Pháp Nghiêu truyền cho Thuấn. “Kiến Trung”, cố đạt tới Trung Dung, tới tinh hoa nhân loại (Thang), “Kiến cực” cố đạt tới tinh hoa, toàn thiện (Vũ). Đó là Tâm Pháp của các đời Thương, Thang, Chu, Vũ. Sự toàn thiện đó hoặc gọi là Đức, là Nhân, là Kính, là Thành, lời tuy khác, nhưng ý là một, nghĩa là không ngoài sự làm sáng tỏ nguồn mạch kỳ diệu của tâm hồn. Nói đến Trời, thì nghiêm chỉnh lòng lại là Trời tự hiện; nói đến dân, thì cố cần thận tâm tư, dân sẽ được nhờ. Lễ nhạc, giáo hoá là cốt để phát huy tâm hồn. Điền chương văn vật là sự biểu dương phát lộ của tâm hồn. Suy lòng mình ra thì có thể làm cho nhà yên, nước trị, thiên hạ bình. Sức mạnh của tâm hồn thật là kỳ diệu vậy.” [4]

Cho nên thánh nhân giảng dạy, không phải là truyền đạo của mình, mà chính là truyền lòng mình; không phải là truyền lòng mình cho người, mà chính là truyền lòng người cho người, bởi vì trong **lòng mọi người đã có sẵn lòng Trời rồi vậy.** ^[5]

Mạnh Tử viết:

*“Tận thiện lòng sẽ hay biết Tính,
Hay biết Tính, nhất định biết Trời.
Tồn tâm dưỡng Tính chẳng rời,
Ấy là giữ Đạo thờ Trời chẳng sai.”* ^[6]

Mạnh tử cũng còn viết:

*Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tình thành.
Kiện toàn hoàn thiện, tình anh,
Vui nào hơn được cái mình đang vui.* ^[7]

Cho nên, muốn tìm Đạo Trời, phải tìm nơi đáy lòng. Chu Hi viết trong Phụ Chú chương I Trung Dung như sau:

*Những học giả muốn tìm Đạo ấy,
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai.
Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có đồng thời khuếch sung.* ^[8]

Trong bộ **Cận Tư Lục**, Chu Hi lại chủ trương: Nếu khai phá được hết chương ngại vật, thấy được Bản Tính mình, sẽ đạt tới Thiên Đạo, và sẽ trở nên một với Thánh Nhân. ^[9]

Vương Dương Minh viết:

*Thần thánh ngàn xưa đều quá vắng,
Lương Tri mới thực chính thầy ta.* ^[10]

Theo vi ý kinh Thi, kinh Thư ta có thể hiểu truyền thống chính yếu của Nho giáo như sau: Trời sinh ra con người, đã ghi vào lòng những khuôn phép thánh thiện tuyệt hảo, để làm di luân, qui tắc hằng cửu cho con người theo. ^[11] Nên con người chỉ cần nhận ra Bản Tâm, Bản Tính của mình, sẽ thấy định mệnh cao sang của mình...chỉ cần sống hoàn toàn theo tiếng gọi lương tâm, nghĩa là gạt bỏ hết mọi tư dục, tư tà, sống cuộc đời công chính cao đại, hoàn toàn theo đúng Thiên Lý, Thiên Đạo, tức là lên tới mức độ thánh thiện tuyệt vời, thế là đạt tới Trung Điểm, Trung Đạo, thế là theo đúng mệnh Trời...

Mạnh Tử nói rằng ; “Bực Đại Nhân vốn giữ được cái Tâm vốn lành của con đồ” ^[12]

Như vậy Thánh Nhân chỉ là những người giữ được Bản Tâm Bản Tính của mình, giữ được Xích Tử chi Tâm, còn phạm phu tục tử chính là những người sống cuộc đời phóng túng, chạy theo vật dục bên ngoài, để mất Bản Tâm, Bản Tính, có vậy thôi!

Thánh Nhân và người thường giống nhau ở chỗ cùng có một bản tính, mà khác nhau ở chỗ giữ được và đánh mất nó mà thôi.

Mạnh Tử viết:” Cho nên phạm những vật đồng loại, thì bản tính giống nhau. Tại sao riêng về nhân loại người ta lại nghĩ rằng Bản Tính chẳng tương tự. Những vị Thánh Nhân và chúng ta đều là một loại.

“Tâm Tính con người giống nhau ở chỗ nào? Tức là ai nấy đều công nhận chỗ hợp lý, hợp nghĩa vậy. (Lý là những lẽ đương nhiên của Bản Tính, nghĩa là sự thi hành những lẽ đương nhiên ấy). Thánh Nhân chẳng qua là những người trước ta đã tỉnh ngộ và bày tỏ ý nghĩa mà chúng ta nhìn nhận đó.”^[13]

“ Nếu chúng ta trở nên xấu xa, đánh mất bản tâm, bản tính, thì lỗi tại chúng ta, chứ đâu phải lỗi nơi bản tâm, bản tính.

Mạnh Tử viết:

“ Cây cối trên núi Ngưu sơn (phía Đông Nam nước Tề) ngày xưa vẫn tươi tốt. Nhưng vì ở về chỗ giáp môi với một nước lớn, cho nên thường bị búa rìu bừa đồn. Như vậy, có thể nào giữ vẻ tốt tươi được chăng?

“ Nhưng nhờ có sức mạnh nhựa lưu thông ngày đêm, lại được nước sương tắm nhuận, cho nên mới đâm chồi, nảy mộng. Rồi thì bò chiên kéo nhau từng đoàn đến ăn phá, vì vậy mà cảnh núi ấy trở nên trơ trụi. Hiện nay, thấy nó trơ trụi, ai cũng ngỡ rằng núi ấy chưa từng sản xuất tài mộc. Như thế há nên đổ lỗi cho bản tính của núi sao?

“ Cái Bản Tính tồn tại nơi con người cũng thế. Người ta há chẳng có những nỗi lòng Nhân Nghĩa sao? Nhưng vì họ (mê sa theo các sở dục mà) buông mất tấm lòng lương thiện của họ đi, cũng như cảnh núi trở nên trơ trụi, vì cây cối đều bị búa rìu bừa đồn hết vậy.

“ Mỗi ngày họ cứ sát phạt tấm lòng lương thiện của họ mãi vậy, thì lòng dạ họ có lẽ nào mà tốt đẹp như xưa chăng?

“ Cho nên, nếu khéo bồi dưỡng thì vật nào cũng sinh nảy thêm ra, còn như chẳng chịu bồi dưỡng thì vật nào cũng phải tiêu mòn.

“ Đức Khổng có nói rằng: “Giữ thì còn, bỏ thì mất. Nó ra vào không chừng, không ai biết nó ở đâu. Đó là Đức Khổng nói về nỗi lòng lương thiện của con người vậy.”^[14]

“ **Nhân là lương tâm con người**, Nghĩa là con đường chính đại của người. Những ai bỏ con đường chính đại của mình mà chẳng theo, những kẻ để thất lạc lương tâm mình mà chẳng biết tìm nó lại, thật đáng thương hại thay. Mỗi khi con gà, con chó họ chạy lạc, thì họ biết đi tìm kiếm mà đem về, nhưng tới chừng cái lương tâm họ bị thất lạc, thì họ chẳng biết cách tìm nó trở lại. Người học vấn đạo lý chỉ có cái mục đích này mà thôi: **tìm lại lương tâm thất lạc của mình.**”^[15]

Trương Hoành Cừ chủ trương: “ Người học Đạo Nho sẽ đi từ chỗ toàn thiện tiến tới chỗ minh triết hoàn toàn. Cho nên Thiên Nhân Hợp Nhất là chỗ tuyệt đỉnh của sự học vấn, và như vậy, con người cố chí học hành có thể thành Thánh.”^[16]

Tổng Nho luận về “Thiên tính tại nhân tâm” hay “Thánh Nhân kết hợp làm một với Trời” thật là rõ ràng. Dưới đây xin đan cử thêm một vài chứng cứ:

Diệp lục Đồng chủ trương: “Thiên tính nơi con người cũng như Tính nước nơi băng. Nước và băng tuy lưu thông hay ngưng kết có khác nhau, nhưng cũng chỉ là một vật; sự hấp thụ ánh sáng nhiều ít có khác nhau, chiếu sáng mờ tỏ có khác nhau, nhưng tính chất hấp thụ và chiếu diệu của ánh sáng chỉ có một,”

Cao Trung Hiến bình rằng: “ Lấy nước ví Trời, lấy băng ví người, lấy sự lưu thông, ngưng đọng để ví sự sống chết, lấy sự hấp thụ của ánh sáng để ví sự khác nhau về Bản Chất; lấy sự thu quang, chiếu quang để ví Tính trước sau chẳng có hai.” [17]

Tôn Chung Nguyên viết: “Trời và Thần chỉ là một, Thánh với Trời cũng chẳng là hai.” [18]

Trương Tải dạy học trò rằng: “ Đã học tất phải nên như Thánh Nhân rồi mới được thôi. Đòi biết người mà chẳng biết Trời, chỉ cần làm hiền nhân mà chẳng cần làm Thánh Nhân, đó là tệ hại của các học giả từ thời Tần Hán tới nay.” [19]

Trương kỳ Quân, một học giả Trung Hoa lỗi lạc hiện nay, đã viết như sau trong Tạp Chí **Trung Quốc Nhất Chu** và trong bộ **Trung Hoa Ngũ Thiên Niên sử** của Ông như sau:

“Trung quốc, từ thời Đường, Ngũ (Nghieu, Thuấn) tới nay, đều có chủ trương Trời, người có thể kết hợp. .. Kính Trời cốt là để yêu người, yêu người cốt là để kính Trời. các thánh triết lịch đại chỉ cốt làm sáng tỏ nhẽ Trời người hợp nhất.” [20]

Trong bài khảo luận của Ông về Chu Dịch, ông cũng viết: “Sách Dịch thật mệnh mông, bao quát, nhưng đại khái là cốt **xiển minh nhẽ Thiên Nhân hợp nhất.**” [21]

Thực ra, ngay ở thời nhà Thanh, khi mà nền văn học, đạo học nước Trung Hoa đã suy vi, những quan niệm trên -nghĩa là thuyết Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể, và thuyết Thiên Nhân hợp nhất -cũng vẫn còn phổ thông trong giới học giả. Các học giả Âu Châu cũng đã nhận xét thấy trào lưu này, khi các Ngài mới du nhập vào Trung Quốc hồi thế kỷ XVI.

Linh mục Ricci viết: “*Trào lưu tư tưởng mà nhiều người theo hiện nay, theo tôi, có lẽ đã vay mượn ở một giáo phái tà thần từ 500 năm nay (Tống triết). Quan niệm ấy là Thiên địa vạn vật đồng nhất thể: Hoá công cùng với trời đất, người vật, cỏ cây, tư tượng đều hợp thành như một cơ thể duy nhất, mà vạn vật là những phân bộ. Từ quan niệm nhất thể ấy họ rút ra nhiệm vụ bác ái đối với mọi người, và chủ trương mọi người đều có thể trở nên giống Thiên Chúa...*”

“*Đó là điều mà chúng ta cố gắng phi bác, chẳng những bằng lý luận, mà còn bằng uy thế của tiền nhân Trung Hoa, vì các vị ấy đã giảng dạy một học thuyết khác...*” [22]

Đọc xong đoạn này của L.M. Ricci, tôi không thể ngờ được rằng một học giả lỗi lạc như Ngài mà lại không thấy rằng **Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể** và **Thuyết Thiên Nhân hợp nhất** là 2 học thuyết cao diệu nhất trong thiên hạ. Nó tuyên dương Bản tính và định mệnh cao sang của con người. Hai chân lý sáng ngời như vậy mà Ông cho là tà đạo, thì thật đáng thương cho Ông. Như vậy, làm sao giảng đạo cho ai được? Sao Ông dám nói tiền nhân Trung Hoa đã giảng dạy khác hẳn? Thật là nguỵ biện.

Tiền nhân Trung Hoa, như các chứng cứ Kinh Thi, Kinh Thư, Luận Ngữ, Mạnh tử trích dẫn trên đây cho thấy sau trước đều có một chủ trương, một tín ngưỡng y thức như nhau, và y thức như các đại hiền triết đời Tống. Đọc Chu Hi, Trình tử, Thiệu khang Tiết, Trương Hoành Cừ, Lục cử Uyên v.v...tôi thấy các Ngài là những vị Thánh Nhân mà tôi cần noi gương, bắt chước.

Theo Mạnh Tử, thì đầu **vị Thánh Nhân ở Đông Di, hay là vị Thánh Nhân ở Tây Di, đầu là xa nhau nghìn dặm, hay là cách nhau nghìn năm, thì tôn chỉ và lẽ lối cũng y thức như nhau, y thức như hai mảnh tre ở một phù tiết, đừng lối Thánh trước Thánh sau chỉ là một.**^[23]

Mới hay Chân Lý chỉ có một, mà đạo giáo thì có nhiều. Ta không nên nghe những người ngu si, cuồng tín khí đồ, mà phải biết mở mắt ra mà nhìn xem đâu là Chân Lý. Tiêu chuẩn mà Mạnh Tử nêu trên là một Chân Lý bất diệt.

Đề rộng đường khảo sát, so sánh, tôi xin trưng ra đây quan điểm của 1, vài Thánh Nhân Thiên Chúa Giáo.

Theo Thánh Augustin, thì Lương Tâm là nơi tâm hồn gặp gỡ Thiên Chúa, là nơi huyền nhiệm, nơi mà tâm hồn nhận chân được sự hiện diện của Thượng Đế trong lòng mình.^[24]

Nói khác Ngài than thở: “*Lạy Chúa, trong Chúa con sẽ có sự chắc chắn, vững vàng và Bản Thể rốt ráo của con.*”^[25]

Thánh Paolo nhìn nhận rằng ngay những người ngoại giáo cũng tuân theo những giới luật mà Thiên Chúa đã ghi tạc trong thâm tâm của họ.^[26]

Thánh Paolo cũng là vị thánh Công Giáo đầu tiên sống với niềm tin say sưa là có Thiên Chúa hiện diện trong tâm khảm Ngài.

Ngài viết: “Thiên Chúa là đấng đã truyền cho ánh sáng bùng lên trong tâm tôi, chính Ngài cũng đã bùng sáng lên trong lòng chúng ta.”^[27]

Nơi khác Ngài viết: “**Anh em hãy ngợi khen và hãy mang Thiên Chúa trong thể xác anh em.**”^[28]

Đời sống của Ngài hoàn toàn phối hợp với Thiên Chúa, vì thế nên Ngài mới dám viết cho người xứ Galates: “Tôi sống chẳng phải tôi sống mà là Chúa sống trong tôi.”^[29]

Gần đây, quan điểm “**Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể**” và chủ trương “**con người có thể tiến tới cùng cực tinh hoa**”, “**có thể phối hợp với Thượng Đế**” của Dịch Kinh và của các Thánh Hiền Trung Hoa lại được L.M. Teilhard de Chardin công khai chủ trương bên phía trời Âu, và được các giới văn học khắp nơi tán đồng và sùng thượng. Phải chăng đó là một điểm báo hiệu cho một cuộc Đông Tây gặp gỡ, kim cô giao duyên trong một tương lai gần gũi.^[30]

Tóm lại, đối với Thánh Hiền Trung Hoa:

Đạo Trời vốn đã ẩn áo trong lòng nhân loại.

Sự toàn thiện, toàn mỹ cũng vốn đã nằm sẵn trong đáy lòng con người.

Thánh Nhân là những người thông minh, duệ trí, nhận ra được căn bản hoàn thiện nơi đáy lòng mình, sống hợp với Thiên Lý, Thiên Đạo, hợp nhất với Trời.

Cực điểm ấy tức là cùng đích đã đặt ra cho nhân loại: Chưa đi tới cùng đích ấy dĩ nhiên là nhân loại còn phải tiến hoá mãi.

Sách Đại Học vì thế, mới đặt lần mức cho mọi người dừng chân. Lần mức ấy là sự Chí Thành, Chí Thiện (Chỉ ư chí Thiện.-Đại Học, I)

Cực điểm ấy cũng chính là Trung Điểm, là Trung Dung, Trung Đạo.

Đạo Thánh Nhân cao siêu, toàn mỹ, vì thế mới được Trung Dung khen tặng chẳng tiếc lời. Trung Dung viết:

“Đạo Thánh Nhân to sao, to lớn quá,
Nó mệnh mang, biến hoá chúng nhân.
Nó cao, cao vút tới Trời thăm muôn tằm,
Nó rộng, rộng bát ngát, khôn kể xiết.
Gồm thâu hết mọi điều lẽ nghi, chi tiết,
Bao uy nghi, quán triệt hết chẳng trừ,
Đạo Thánh Nhân, Trời mới phú thác cho,
Không đừu cả, Trời không ngưng đạo cả.
Nên quân tử dốc một lòng, một dạ,
Trọng Tính Trời, quyết gắn bó học hành,
Tiến sao tới mức rộng rãi tinh anh,
Mức cao sáng của Trung Dung đạo cả.
Ôn điều cũ, học thêm điều mới lạ,
Chuộng lẽ nghiã, sống đời sống nét na.
Ở ngôi cao, không có thói kiêu sa,
Ở cấp dưới, không làm điều trái nghịch,
Nước có Đạo, chỉ một lời làm tiến ích,
Nước đảo điên, lạng lẽ đủ dung thân.
Thơ rằng: “Khôn lại còn ngoan,
Khôn ngoan nên mới bảo toàn tâm thân.” ^[31]

CHÚ THÍCH

^[1] James Legge, *the Shoo King*, p. 428, notes.

^[2] Thiên nhân bản vô nhị, bất tất ngôn hợp. Nhược bất nhất bản, tắc an đắc tiên Thiên vi Thiên phát vi, hậu Thiên nhi phụng Thiên thời?

天人本無二，不必言合。若不一本，
則安得先天而天弗違，後天而奉天時？

Trình Hạo (1032-1085), *Tổng Nguyên Học Án*, q. 13, tr. 17.

Âm Phù Kinh của Đạo Lão cũng chủ trương: **Thiên tính nhân dã, Nhân tâm cơ dã, lập Thiên chi đạo, dĩ định nhân dã.** Thiên tính là người, nhân tâm là máy, lập ra Thiên đạo, để định con người.

Âm phù kinh, chương I.

^[3] Tư tri Nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên. 思知人不可以不知天。

Trung Dung XX.

[4] Tinh nhất chấp trung, Nghiêu Thuấn tương thụ chi tâm pháp dã. “Kiến Trung “ (Thang), “Kiến Cự” (Vũ), Thương, Thang, Chu, Vũ tương truyền chi Tâm Pháp dã. viết Đức, viết Nhân, viết Kính, viết Thành, ngôn tuy thù, nhi lý tắc nhất, vô phi sở dĩ minh thử tâm chi diệu dã. Chí u ngôn Thiên, tắc nghiêm kỳ tâm, chi sở tự xuất; ngôn dân, tắc cẩn kỳ tâm, chi sở do thi. Lễ nhạc, giáo hoá, tâm chi sở phát dã; điển chương văn vật tâm chi trú dã; gia tề, quốc trị, thiên hạ bình, tâm chi suy dã, tâm chi đức kỳ thịnh hỹ hồ.

精一執中，堯舜相授之心法也。建中（湯）建極（禹）商湯周禹
相傳之心法也。曰德，曰仁，曰敬，
曰誠言雖殊而理則一，無非所以明此心之妙也；至於言天，
則嚴其心之所自出。言民，則謹其心之所自施。
禮樂教化心之發也。典章文物心之著也。

家齊，國治心之推也。心之德其盛矣乎！

Thư kinh đại toàn, q. II.

[5] Cáo Thần Tông viết: tiên Thánh, hậu Thánh nhược hợp phù tiết, phi truyền thánh nhân chi Đạo, truyền Thánh Nhân chi tâm dã, phi truyền thánh nhân chi tâm dã, truyền kỷ chi tâm dã. Kỷ chi tâm vô dị Thánh Nhân chi tâm, Quảng đại vô hạn, vạn thiện giai bị. Dục truyền thánh nhân chi đạo, khoáng sung thử tâm yên nhĩ.

告神宗曰：先聖後聖若合符節，非傳聖人之道，
傳聖人之心也。非傳聖人之心，
傳己之心也。己之心無異聖人之心。廣大無限，萬善皆備。
欲傳聖人之道，擴充此心焉耳。

Trùng biên, Tổng Nguyên học án, p. 1, tr. 144.

[6] Nhất nhân chi tâm, tức Thiên địa chi tâm, nhất vật chi lý, tức vạn vật chi lý, nhất nhật chi vận, tức nhất thể chi vận.

一人之心即天地之心，一物之理，即萬物之理，一日之運即一
世之運。

Tổng Nguyên Học Án, Q. 15, tr. 2 (Y Xuyên án thượng).

[7] Tận kỳ Tâm giả, tri kỳ Tímh dã, tri kỳ Tímh tắc tri Thiên hĩ.

盡其心者，知其性也，知其性則知天矣。

Mạnh tử, Tân tâm chương cú thượng, 1.

...Lý Phác, một triết gia thời Tống, đã muốn đề mộ chí mình như sau: ”**đĩ Thiên vi tâm, dĩ đạo vi thể, dĩ thời vi dụng**” (*lấy Trời làm lòng, lấy Đạo (= Trời, Tuyệt đối thể) làm Bản Thể, lấy thời gian làm ứng dụng*)

以天違心，以道違體，以時違用。

Tổng Nguyên Học Án, Lý Chương Công tiên sinh Phác, q. 1, tr. 18.

[8] Cái dục học giả ư thử, phản cầu chư thân nhi tự đắc chi.

蓋欲學者於此，反求諸身而自得之。

Trung Dung, I Phụ chú của Chu Hi.

[9] Phàm vật mạc bất hữu tánh, do thông, tế, khai, tắc, sở dĩ hữu nhân vật chi biệt, Do Tế hữu Hậu Bạc, cố hữu trí ngu chi biệt. Tắc giả lao bất khả Khai. Hậu giả khả dĩ Khai, nhi Khai chi dã nan; Bạc giả Khai chi dã dị. **Khai tắc đạt ư Thiên đạo, dữ Thánh Nhân nhất.**

凡物莫不有性，猶通蔽開塞，所以有人物之別。

由蔽有厚薄，故有智愚之別。塞者勞不可開；

厚者可以開，而開之也難，薄者開之也易。開則達於天道，與聖人一。

Cận tư lục, Chu Hi, q. I, tr. 10.

[10] Thiên thánh giai quá ảnh, lương tri nãi ngô sư..

千聖皆過影，良知乃吾師。

Vương dương Minh.

[11] Duy Hoàng Thượng đế giáng Trung vụ hạ dân, nhược hữu hằng tính, khắc tuy quyết do duy Hậu.

惟皇上帝降衷于下民，若有恆性，克綏厥猷惟后。

Kinh Thư, Thang Cáo, 2.

[12] Mạnh Tử viết: đại nhân giả bất thắ t kỳ Xích Tử chi Tâm giả dã..

孟子曰；大人者不失其赤子之心者也

[13] *Mạnh Tử*, Cáo Tử, chương cú thượng, 7.

[14] *Mạnh Tử*, Cáo Tử, chương cú thượng, 7 và 8.

[15] *Mạnh Tử*, Cáo Tử, chương cú thượng, tiết 1.

[16] Nhu gia tắc nhân minh trí thành, nhân thành trí minh. Có Thiên Nhân Hợp Nhất, trí học nhi dĩ thành Thánh.

儒家則因明致誠，因誠致明。故天人合一，致學以成聖。

Tổng Nguyên Học Án, Hoàn Cữ học án. q. XVII, tr. 55

[17] Thiên tính tại nhân chính do thủy tính chi tại băng. Ngưng thích tuy dị, vi vật nhất dã. Thụ quang hữu tiểu đại, hôn minh, kỳ chiếu nạp bất nhị dã.

Cao Trung Hiến viết: Dĩ Thủy dụ Thiên, dĩ Băng dụ nhân; dĩ ngưng thích dụ sinh tử, dĩ thụ quang dụ khí bẩm chi bất đồng; dĩ chiếu nạp dụ Tính chi bất nhị.

天性在人，正猶水性之在冰，凝釋雖易，為物一也。

受光有小大，昏明，其照納不二也。

拈中憲曰：以水喻天，以冰喻人；以凝釋喻生死；

以受光喻氣稟之不同；以照納喻性之不二。

[18] Tôn Chung Nguyên viết: “Thiên dĩ Thần phi nhị kiến, Thánh Nhân tức Thiên.

孫鍾元曰：天與神非二見；聖人即天。

Tổng Nguyên Học Án, q. 17, tr. 13)

[19] Cáo chư sinh dĩ học tất như Thánh nhi hậu dĩ. Dĩ vi tri nhân nhi bất tri Thiên; cầu vi hiền nhân nhi bất cầu vi Thánh Nhân, thử Tần, Hán dĩ lai học giả chi đại tệ dã.

兌諸生以學必如聖而後已。以為知人而不知天，

求為賢人而不為聖人，此秦漢以來學者之大敝也。

Cùng Tính Mệnh chi nguyên tất dĩ thể Thiên vi học vấn chi bản.

窮性命之源必以體天為學問之本。

(Liêm Khê học án) Tổng Nguyên Học Án, q. 11, tr. 10.

...Thiệu Khang Tiết ; ”Học mà không đạt tới trình độ hợp Trời với người, thì không đủ gọi là học”

Học bất tể Thiên nhân, bất tức dĩ vi chi học.

學不際天人，不足以為之學。

Quan vật ngoại thiên.

[20] Trung Quốc tự Đường, Ngu dĩ lai tức hữu Thiên Nhân hợp nhất chi tư tưởng. Kính Thiên tức sở dĩ ái nhân, ái nhân tức sở dĩ tôn Thiên. Lịch đại Thánh Triết mặc bất kể tục hoành dương thử “Thiên Nhân hợp nhất” chi đạo. Lão tử tức kỳ nhất hỹ.

中國自唐虞以來，即有天人合一之思想。

敬天即所以愛人，愛人即所以尊天。

歷代聖哲莫不繼續宏揚此天人合一之道。老子即其一矣。

Trung quốc nhất chu, kỳ 632, tr. 21 (Trương Kỳ Quân-Lão Tử). Trung Hoa ngũ thiên niên sử, q. 3, chương Lão Tử.

[21] Dịch chi vi thư quảng đại tất bị, nhi ngữ kỳ yếu qui, tắc vi minh Thiên Nhân Hợp nhất chi đạo

易之為書廣大悉備，而語其要歸，則為明天人合一之道。

(Trương kỳ Quân, Chu Dịch) *Trung Quốc nhất chu*, số 588.-*Trung Hoa ngũ thiên niên sử*, chương Chu Dịch, tr. 12.

[22] Mais l'opinion la plus suivie actuellement, et qui me paraît (pare) empruntée à la secte des idoles depuis 500 ans (philosophie des Song), c'est que tout ce monde est fait d'une seule substance, et que le Créateur du monde avec le ciel et la terre, les hommes et les animaux, les arbres et les végétaux, et les quatre éléments, font un corps continu dont les divers êtres sont les membres. C'est de cette unicité de substance que l'on déduit le devoir de la charité envers les hommes et la possibilité pour tous de devenir semblables à Dieu...

Voilà ce que nous nous efforçons de réfuter (*procuriamo di confutare*), non seulement par le raisonnement, mais avec l'autorité de leurs anciens auteurs qui très clairement ont enseigné une doctrine différente. (g. Ricci)

Opere storiche, tome I.

Henri Bernard Maitre, *Sagesse Chinoise et philosophie chrétienne*, p. 108.

[23] Mạnh Tử viết: Thuần sinh ư Chư Phùng, thiên ư Phụ Hạ, tốt ư Minh Điều, Đông Di chi nhân dã. Văn vương sinh ư Kỳ Châu, tốt ư Tất Đĩnh, Tây di chi nhân dã. Địa chi tương khứ dã, thiên hữu dư lý, thế chi tương hậu dã, thiên hữu dư tuế. Đắc chí hành hồ Trung Quốc nhược hợp phù tiết. **Tiên thánh, hậu Thánh kỳ quý nhất dã..**

孟子曰：舜生於諸馮，遷於負夏，

卒於鳴條，東隅之人也。文王生於岐周，卒於畢郢，

西隅之人也。地之相去也，千有餘里，

世之相後也，天有餘歲。得志行乎中國若合符節。

先聖後聖其揆一也。

Mạnh Tử, Ly Lâu Chương Cú Hạ, 1.

[24] La conscience, a pour Augustin, une valeur exclusivement religieuse. C'est le lieu de rencontre entre l'âme et Dieu présent en elle...

Revue des Sciences philosophiques et théologiques, (Paris, Librairie philosophique J. Vrin, 6 Place de la Sorbonne V, tome XLIV, N° 3, Juillet 1960) p. 570.)

J. Stelzenberger, *Conscientia bei Augustinus zue geschichte, der moraltheologie*. Paderborn, Schöningh, 1959.

[25] En toi, mon Dieu, j'aurai ma solidité, ma fixité, mon être définitif. (Augustin)

Henri de Lubac, *Aspect du Bouddhisme*, note 103 du Chapitre I.

[26] Ceux-là (les Gentils) montrent gravées dans leurs coeurs les prescriptions de la Loi...

Trong Deuteronomie, đoạn XXX, câu 11-15: “Vì Luật mà ta truyền hôm nay, không có quá sức quá tầm người,. Nó không có ở trên Trời, để Người phải nói: Ai sẽ lên Trời tìm nó cho ta để chúng ta được nghe biết Luật và tuân cứ “. Nó cũng chẳng cách mấy trùng dương, để người phải nói:” Ai sẽ vượt bể mà đi tìm nó cho ta, để chúng ta được nghe biết luật và tuân cứ.”. Vì Đạo (Lời) nào có xa người, **nó đã ở trong miệng người, và trong lòng người**, để người tuân cứ.

Dịch theo *Bible de Jérusalem* tr. 206.

Jérémie viết: Ta sẽ đặt lề luật ta trong đáy lòng họ, và viết lề luật ta vào tâm khảm họ.

(*Jérémie XXXI, 33.*)

[27] **Le Dieu qui a dit à la lumière de resplendir du fond des ténèbres est Celui qui a resplendi en nos coeurs.**

II Cor. 4, 6.

[28] **Glorificate et portate Deum in corpore vestro.** I Cor. 4, 6. *Biblia sacra juxta Vulgatæ exemplaria et correctoria romana.* Paris Letouzey et Ane, 87 Bld Raspail, p. 1265.

Nhưng các bản dịch Kinh Thánh bằng tiếng Pháp không dám thêm chữ **“Và hãy mang Thiên Chúa”** trong thể xác anh em.

Crampon chỉ dịch: Glorifiez donc Dieu dans votre corps (Xem La Sainte Bible de Crampon, p. 191)

La Bible de Jérusalem dịch: “Glorifiez donc Dieu dans votre corps”, còn chữ “et portez” cho xuống dưới chú thích K nhỏ ở dưới gầm trang. (*Bible de Jérusalem*, p. 1515)

Mấy chữ quan trọng như vậy mà bỏ đi, vì Công Giáo không tin rằng con người vẫn mang Trời trong dạ, thật là quá uổng, Như vậy là làm mất luôn Tinh Hoa Thiên Chúa Giáo.

[29] **Ce n'est plus moi qui vit, c'est le Christ qui vit en moi.** (Aux Galates, 11, 20) *Crampon*, p. 215.

Puto autem, quod et ego Spiritum Dei habeam (Et je pense bien, moi aussi, avoir l'Esprit de Dieu. **Và tôi cũng nghĩ rằng tôi cũng có thần Chúa trong tôi**) (*Biblia Sacra (Vulgate) et Bible de Jérusalem.* I. Cor. 40)

...et ita cadens in faciem, adorabit Deum, pronuntians quod vere Deus in vobis sit. I Cor. XIV, 25 (Và bây giờ hấn xấp mình xuống đất, thờ phượng Thiên Chúa, và nói thực có Thiên Chúa trong anh em.) Các bản dịch thánh kinh Công giáo vì không tin có Chúa trong con người, nên đều dịch 2 chữ In Vobis trên là “giữa anh em” (parmi vous), chứ không dịch là “trong anh em” (en vous). Bible de Jérusalem và La Sainte Bible de Crampon đều dịch như vậy. Mới hay “sai một ly, thì đi một dặm”, cái gì mình có hay nhất, quý nhất thì lại vứt đi, cái gì lặt vặt thì lại đề cao!

[30] Pierre Teilhard voit le cosmos tout entier construit à partir d'une seule et même Énergie. Cette Énergie s'actualise sous des aspects très différents. La science, particulièrement la Physique, confirme de plus en plus le bien-fondé de cette conception.

George Magloire, Hubert cuypers, Teilhard de Chardin, p. 131

...Teilhard de Chardin résume admirablement sa conception cosmique dans ces quatre propositions:

“Je crois que l'univers est en évolution

“Je crois que l'évolution va vers l'Esprit.

Je crois que l'Esprit s'achève en Dieu personnel.

“Je crois que le Personnel Suprême est le Christ Universel.”

Ibid. p. 222.

^[31] *Trung Dung*, XXVII.

CHƯƠNG XXVII QUAN NIỆM TU THÂN THEO NHO GIA.

Có thể nói được rằng Nho giáo là một đạo giáo có nhiều bộ mặt nhất. Trong suốt 2500 năm nay, Nho giáo đã được khai thác về nhiều lãnh vực như: Luân lý, tín ngưỡng, chính trị, gia đình, xã hội, từ chương, khoa cử, thuật số, tu dưỡng, đạo đức v.v...

Cũng vì thế mà xưa nay, có rất nhiều nhận định khác nhau về Nho Giáo. Người thì cho rằng Nho Giáo là một đạo nhập thế, người thì cho rằng Nho Giáo thiên về chính trị, người thì cho rằng Nho Giáo chỉ chú trọng đến luân lý, cương thường. Cũng có người chủ trương Nho giáo chỉ biết dạy con người Nhân Đạo, nghĩa là chỉ biết dạy con người ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người, chứ không dạy con người làm Thần, Thánh.

Những người theo Tam giáo ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam thường chú trọng:

Nho là Nhân đạo.

Lão là Tiên đạo.

Thích là Phật đạo.

Và như vậy, dĩ nhiên là:

Đạo Nho kém nhất.

Đạo Lão thời trung bình.

Đạo Phật là đệ nhất hạng.

Quan niệm này được thấy rải rác trong nhiều sách vở bàn về Tam Giáo. dưới đây, xin đan cử một trường hợp điển hình; Thiền sư Tông Bồn, chùa Diên Khánh, đời nhà Tống bên Tàu, tác giả bộ sách **Qui Nguyên Trực Chỉ** đã nhận định như sau:

“Theo Vô Tận cư sĩ, thì đạo Nho trị bệnh ngoài da, đạo Lão trị bệnh trong huyết mạch, đạo Phật trị bệnh trong mỡ xương.” ^[1]

Theo Hoàng đế Hiếu Tôn thì: “Lấy đạo Phật để trị tâm, lấy đạo Lão để trị thân, lấy đạo Nho để trị đời.” ^[2]

“Người học Nho chết rồi thì hết, chẳng qua khoảng 100 năm thôi. Người học Đạo vụ cầu sống mãi, chẳng qua ngàn muôn năm mà thôi. Người học Phật dứt mãi mãi với sự sống chết, trong treo hoài, chẳng qua trải khắp số kiếp nhiều như bụi cát, mà không có cùng tận vậy.” ^[3]

“Nho như một cái thếp đèn, soi sáng một đêm, khi chuông ngân, hồ cạn, thời dầu khô, đèn tắt vậy. Đạo Tiên như một ngọn đèn trăm năm của vua A Xà Thế làm ra, để soi Xá lợi của Phật, khi 100 năm đã mãn, thì đèn đó liền tắt vậy. Phật như mặt trời sáng rõ, chiếu diệu, muôn đời thường sáng, hể lặn phía Tây, thì mọc phía Đông, xây vòng không nghỉ vậy. Đó là lời luận xa gần của Tam Giáo, có cái đại lược về cái ý lớn của Tam Giáo...” ^[4]

Đọc những lời nhận định trên của sách **Qui nguyên trực chỉ** ta thấy ngay rằng chúng thiếu vô tư, thiếu căn cứ và có mục đích tuyên truyền cho Phật Giáo rõ ràng. Theo tôi, một thái độ thiên vị như vậy không thể giúp ta nhận định được rõ ràng những ưu khuyết điểm của các đạo giáo.

Sau nhiều năm khảo cứu đạo Nho, tôi đã nhận chân được rằng: Nếu xưa nay, người ta người ta có những quan niệm sai lầm về Nho Giáo, thì cũng không lạ. Trước hết, muốn hiểu Nho Giáo, thực ra không phải là chuyện dễ. Đọc và hiểu hết toàn bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh không phải là một công trình vài tháng, vài năm; ấy là chưa kể đến Bách Gia, Chư Tử. Sau nữa, một người dẫu giỏi chữ Hán mấy nếu người đó chỉ chú trọng đến văn chương, nếu người đó chỉ dùng đạo Nho như một công cụ để bước vào con đường công danh, hoạn lộ, thì người đó chắc chắn sẽ chẳng nắm được phần nghĩa lý, phần căn cốt, chính truyền của Nho Giáo.

Khi còn ở Trung Việt, tôi có quen 1 Cụ Phó Bảng. Một hôm, tôi muốn cùng Cụ bàn bạc về nghĩa lý Kinh Dịch. Cụ tâm sự với tôi chẳng qua Cụ chỉ giỏi về văn chương, thi phú, còn nghĩa lý cao xa thì không biết, nhất là nghĩa lý kinh Dịch. Đó là vì, khi còn trẻ, đi học thì lo học thuộc lòng để đi thi. Vả hồi đó, trong chương trình thi, lại không có Kinh Dịch. Sau khi đã thi đỗ ra làm quan, thì xếp dần sách vở, lo làm, lo ăn, lo chơi. Khi về già thì học Địa lý để mua vui. Có vậy thôi. Những lời tâm sự của Cụ Phó Bảng nói trên làm tôi hết sức suy tư. Mới hay, giỏi chữ Nho không phải là giỏi đạo lý, cũng như giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh không phải là giỏi nghĩa lý, đạo đức...

Hôm nay, với đề tài “Tu Thân theo Nho Gia”, tôi muốn biện minh rằng Nho Giáo không hề có thiếu phần tu tâm, dưỡng tánh, và thánh hiền Nho Giáo, ngoài việc lo đắp xây hoà bình, thái thịnh cho đời, còn cố công tu luyện tâm tính, đúng với tôn chỉ “nội thánh, ngoại vương chi đạo”.

Trong chương này, tôi không nhất thiết dựa vào Tứ Thư, Ngũ Kinh, mà cũng còn tham khảo thêm đời sống và quan niệm về Tu Dưỡng của các bậc danh Nho lịch đại. Làm như vậy, cốt là để cống hiến quý vị một cái nhìn nhất quán về Nho Giáo, cũng như về công phu tu thân của Nho giáo.

Trong bài thuyết trình này, tôi lần lượt trình bày:

1. Chủ trương then chốt của Nho Giáo,
2. Quan niệm Tu Thân theo Nho Giáo gồm ba đề mục:
 - Lý do tu thân.
 - Phương pháp tu thân.
 - Mục đích tu thân.

I. Chủ trương then chốt của Nho Giáo,

Nho giáo, nói chung, công trình tu thân nói riêng, cũng như các vấn đề chính trị, xã hội khác đều dựa trên một chủ trương căn bản này, đó là: **Con người có Thiên Tính.**

-Thiên Tính ấy được gọi là Đạo Tâm theo ***Kinh Thư***. (***Kinh Thư***, Đại Vũ Mô, 5)

-Thiên Mệnh, hay Tính Mệnh theo ***Trung Dung*** (***Trung Dung***, I)

-Minh Đức, theo Đại Học (***Đại Học***, I)

-Đi, Tắc theo Kinh Thi (***Kinh Thi***, Đại Nhã, Đăng, 6)

Từ ngữ tuy có khác nhau, nhưng chung qui vẫn nói lên một Chân Lý cốt cán rằng: **Dưới những hiện tượng tâm tư, còn có Bản Thể Trời làm căn cốt.**

-Vì Bản Tính Người là Trời, cho nên Nho Giáo mới dám nói: **Tính con người vốn tốt.** (***Luận Ngữ***, V, 12; XVII, 2; ***Mạnh tử***, Đằng Văn Công chương cú thượng, 2; Cáo Tử chương cú thượng v.v...)

-Bản tính ấy là gốc, mọi việc khác như tâm tư, thân xác, gia đình, xã hội, thiên hạ sự v.v...là thân, là cành, là ngọn. Không biết được gốc, làm sao mà trị được ngọn, không hiểu được Trời, làm sao hiểu nổi được Người.

Trung Dung viết:

Biết người, trước phải biết Trời,

Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao?

(Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên. (***Trung Dung***, XX)

-Cho nên người quân tử phải cố gắng học hỏi, mài miệt suy tư để tìm cho ra cái **Khuôn Trời**, cái **Gốc Trời** nơi mình, rồi mới có thể “chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.” được.

-Vì con người đã có sẵn Thiên Chân, đã có sẵn mầm mống hoàn thiện nơi mình, cho nên con người có bổn phận làm triển dương mầm mống hoàn thiện ấy cho đến chỗ tinh vi, cao đại.

-Mọi người sinh ra đời này đều có bổn phận nỗ lực tiến tới mục tiêu cao cả ấy và phải góp phần vào công cuộc, đại hoá, đại tạo của đất Trời.

Tất cả chủ trương trên đã được trình bày ngay nơi đầu sách ***Đại Học***. ***Đại Học*** viết:

Đại Học có mục tiêu rõ rệt,

Đuốc lương tâm cương quyết phát huy.

Dạy dân lối sống tận kỳ,

Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng.

Có mục tiêu, rồi lòng sẽ định,

Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan.

Hết lo, lòng sẽ bình an,

Bình an, tâm trí rộng dàng xét suy,

Suy xét rộng, tinh vi thấu triệt,

*Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi.
Trước sau đã rõ khúc nôi,
Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi.
Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ,
Người xưa lo cải hoá dân mình,
Trị dân, trước trị gia đình,
Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên,
Muốn sửa mình, tâm nên sửa trước,
Sửa tâm hồn, trước cốt ý hay.
Ý hay, phải học cho dày,
Dày công học vấn sẽ hay Khuôn Trời,
Hay Khuôn Trời, ắt thôi thấu triệt,
Thấu triệt rồi, ý thiết, lòng ngay,
Lòng ngay ta sẽ hoá hay,
Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên,
Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
Nước trị bình, bốn bể bình an,
Từ vua cho tới dân gian,
Tu thân một mực lấy làm căn cơ.*

Đại Học, I.

II. Quan niệm tu thân theo thánh nhân.

Trong phần này, tôi sẽ lần lượt bàn về:

- a) Lý do tu thân theo Nho giáo.
- b) Phương pháp tu thân theo Nho Giáo.
- c) Mục đích tu thân theo Nho Giáo.

a) Lý do tu thân theo Nho giáo.

Hiểu được chủ trương nòng cốt nói trên của Nho Giáo, ta sẽ hiểu rõ tại sao con người cần phải tu thân.

Tu Thân là gì? Tu thân là sửa mình.

Sửa mình là gì? Là sửa tâm hồn cho nên tốt đẹp.

Tại sao phải sửa tâm hồn cho nên tốt đẹp?

Thưa vì trong mỗi người chúng ta đều đã có Thiên Tính, cho nên đều đã có lẽ chí thiện, chí mỹ của Trời đất tiềm ẩn bên trong, vì thế nên con người cần phải tu thân, để thực hiện lẽ chí mỹ, chí thiện ấy.

Đồng trọng Thư, một danh nho đời Hán, đã cho rằng Tính như con kén, như cái trứng. Trứng được ấp rồi mới nở con, kén đợi ươm rồi mới thành tơ, Tính được dạy rồi mới thiện, thế gọi là Chân Thiện. Trời sinh ra dân, cho cái Tính có thiện chất, mà chưa có thể thiện được, rồi vì dân mà lập ra vua để làm cho thiện, ấy là ý Trời vậy. ^[5]

Ông còn viết: “Con người sinh ra chưa phải là con người, vì **con người thời hoàn toàn như Trời vậy**. Người mà làm người thời gốc ở Trời .Trời là Cụ, Ông, Cha của người vậy. ^[6]

Thế tức là, khi sinh ra, con người mới chỉ có khả năng để trở nên toàn thiện, chứ chưa phải là đã hoàn thiện, Con người còn cần phải dùng thời gian, hoàn cảnh, cần tốn công phu tu luyện, rồi ra mới trở nên toàn thiện được. Cho nên Sinh chưa đủ, còn cần phải Thành nữa, mới được vẹn toàn. Vì thế, đối với Thánh Hiền, người ta vừa mừng ngày Đản Sinh, vừa mừng ngày Thành Đạo.

Hiểu nhẽ đó, nên khi bình về các số Sinh (1,2,3,4,5), và các số Thành (6,7,8,9,10) trong Hà Đồ, tôi đã làm mấy vần thơ sau:

*Sinh, Thành dùng số nói lên,
Lẽ Trời sau trước nói liền huyền linh.
Âm Dương khi đã phân trình,
Nếu không kết cấu sao thành hoá cơ?
Âm Dương nếu những hững hờ,
Trời, Người xa cách bao giờ có hay?
Lẽ Trời cảm ứng xưa nay,
Muôn phương hoà hợp, phơi bày tinh anh,
Có Sinh nhưng cũng có Thành,
Không tu, hờ ững Trời dành phẩm tiên?
Mới Sinh, như gốm chưa men,
Như vàng chưa luyện, như duyên chưa Thành.
Cho nên phải tập, phải tành,
Phải trau, phải chuốt, tinh anh mới toàn...
Đã sinh ra ở trần hoàn,
Phải dùng thời thế Trời ban cho mình,
Lao lung rồi mới hiển vinh,
Chớ đừng để mặc thế tình đẩy đưa...*

B. Phương pháp tu thân.

a. Lập chí.

Muốn tu thân, phải lập chí.

Theo Nho Gia chân chính, lập chí là thực tâm ước nguyện, là dốc chí học hành, quyết tâm tu tập để trở thành Thánh Hiền.

Học để biết phương pháp tu luyện.

Hành để mà chỉnh trang tâm hồn, cải thiện tâm hồn.

Nhiều bậc đại nho, sau khi đã đỗ đạt cao, đã bỏ hẳn cái học cầu danh, tranh lợi, mà theo đòi cái lối học để tìm cầu đạo lý, trở thành thánh hiền.

Chu Hi (1130-1200), một danh nho đời Tống, đỗ tiến sĩ năm 18 tuổi, ra làm quan được ít lâu, bỏ về. Năm 28 tuổi, nghe tiếng Lý Đồng, một danh nho thụ đắc được đạo lý chính truyền Nho Giáo, ông bèn đi bộ mấy trăm cây số đến xin thụ giáo, và Ông đã theo học Trung Dung với Lý đồng trong vòng 5 năm, cho tới khi Lý Đồng mãn phần.

Chu Hi viết:” Người đời nay, tham lợi lộc, mà không tham đạo lý, muốn làm người quý mà không muốn làm người tốt, đó là cái bệnh ở sự không lập chí.” ^[7]

Lục Tượng Sơn (1139-1192), một danh nho đời Tống, cũng cho rằng “chỉ có những bậc thiên tư đỉnh ngộ, thấy rõ đạo lý, mới quyết chí về đường tu dưỡng, còn ngoại giả chỉ là đua theo thói đời, mượn tiếng Thánh Hiền, vậy cái danh thì có, cái thực thì không.” ^[8]

Gương lập chí sáng tỏ nhất để thành Thánh Hiền, ta thấy được nơi Vương Dương Minh (1472-1528), một danh nho thời Minh.

Vương Dương Minh, thừa nhỏ thông minh lạ thường, ở nhà nghe tổ phụ là Trúc Hiền Công đọc sách. Nghe đến đâu, nhớ đến đấy. Năm 11 tuổi đi học, một hôm hỏi ông thầy rằng: “Ồ đời việc gì là hơn cả?” Thầy nói rằng: “chỉ có học rồi thi đỗ là hơn cả.” Ông không chịu và nói rằng: “Chỉ có học để thành thánh hiền là hơn.” ^[9]

Và từ đấy cho đấy cho đến lớn, ông tha thiết suy tư, học hành, tầm sư, cầu đạo. Năm 17 tuổi, cưới vợ, là con gái quan tham nghị Chư Dưỡng Hoà.

Ngay hôm sắp làm lễ hợp cẩn, ông đi chơi đến Thiết Trụ Cung, thấy 1 đạo sĩ đang ngồi tu luyện. Ông vào nghe nói về thuyết trường sanh, rồi ngồi đối thoại với đạo sĩ ấy suốt đêm, quên cả việc đi cưới vợ.

Năm 28 tuổi, Ông đỗ Tiến Sĩ, rồi ra làm quan, nhưng mà vẫn vẫn vợ muốn xuất gia. Ông chê lối học từ chương của các bè bạn đương thời. Ông học Phật, học Lão, học Nho, để cố tìm cho ra con đường tiến tới Thánh Hiền. Mãi tới năm 34 tuổi khi bị triều đình đày ra Long Trường, một vùng hoang vu, man mọi, một hôm nửa đêm ông mới chợt tỉnh ngộ ra cái nghĩa “ cách vật trí tri” của Đại Học, và nhận chân được rõ ràng rằng Đạo chẳng ngoài tâm và Lương tri tức là Đạo, là Trời. Từ đấy Ông mới sáng lập ra được một học thuyết riêng biệt và chủ trương Trí lương Tri, để đưa người vào đường Thánh Học.

Ta thấy một người như Vương Dương Minh mà cũng phải tốn nhiều năm tháng, nhiều công phu mới trở thành Thánh Hiền, mà mãi tới năm 34 tuổi, khi bị lao lung, đày ải, xa cách hẳn với thế giới văn minh, xa cách hẳn với từ chương sách vở, ông mới tìm ra được ánh sáng Trời, chiếu rọi ở Tâm Linh. ^[10]

b. Học hỏi, suy tư.

Sau khi đã lập nguyện, lập chí, nhất định dùng cuộc đời mình để tu luyện và trở thành Thánh Hiền, các bậc danh nho mới ra công học hỏi, suy tư.

Mà học hỏi suy tư lúc này là không còn là cái học để thêm kiến văn, kiến thức nữa, mà chính là để tìm lại Thiên Tâm, Thiên Tính, Bản Tâm, Bản Tính của mình.

Khảo về phép học của Nho Giáo, ta thấy có 2 đường lối:

-Một là tìm lẽ Nhất Quán ở ngoài Tâm.

-Hai là tìm lẽ Nhất Quán ở trong Tâm.

Tìm lẽ Nhất Quán ở ngoài Tâm, là cái học chi li, phiền tạp. Học theo lối đó sẽ hướng ngoại, sẽ lệ thuộc ngoại cảnh, sách vở, sẽ thích nghị luận, biện bác. Đó là cái học “câu lấy biết để mà nói”.

Tìm lẽ Nhất Quán ở trong tâm là cái học giản dị, nhưng bao quát. Nó cốt ở sự đơn giản, phác thực, tự chứng, tự nghiệm, tự đắc. Mục đích của sự học là “câu lấy biết để mà hành” mà tu cho tâm thần ngày thêm linh sáng.

Hai đường lối học hỏi trên, tuy cao thấp khác nhau, nhưng thực ra bổ khuyết lẫn cho nhau. Và thường thì ai cũng phải đọc sách trước, rồi mới “quán tâm “ được.

Tóm lại, học hỏi cốt là “ Cùng lý, trí tri”.

Trình Tử bàn về cách học hỏi suy tư để tìm cầu cho ra nghĩa lý như sau:

“ Cùng lý cũng có nhiều cách: hoặc đọc sách để giảng minh nghĩa lý, hoặc nghị luận nhân vật xưa nay để biện biệt điều phải trái, hoặc ứng tiếp sự vật mà thuận lẽ đương nhiên.” ^[11]

Trình Tử còn cho rằng: “Không suy nghĩ chín chắn, không thể đến được cõi đạo lý.” “Không suy nghĩ chín chắn mà đắc đạo, thì sự đắc đạo ấy cũng dễ mất” và “ ỉ tư lự lâu ngày, sự minh duệ tự nhiên sinh ra.” ^[12]

Ông cũng hiểu rằng: điều sở đắc của người học đạo phần nhiều do ở trực giác hơn ở sách vở và thầy bạn. Cho nên Ông ta thường nói: “ Đại phàm học vấn, do sự nghe biết, đều không thể gọi là tự đắc. **Muốn tự đắc phải mặc thức, tâm thông...** Nghe thấy mà biết không phải là sự hiểu biết của đức tính. Sự hiểu biết của đức tính không mượn ở kiến văn.” ^[13]

Nói thế, tức là “ học đạo phải tuần tự, trước sau, có gần, có xa, có thấp, có cao, có dễ, có khó, không thể nhất đán đã lĩnh hội được đạo thể. Người mới bắt đầu học đạo, mà muốn được “mặc thức tâm thông” ngay, cũng chẳng khác gì kẻ muốn đứng trên đỉnh núi, nhưng không muốn leo núi, muốn ở bên kia sông, mà chẳng vượt sông: chỉ là những chuyện hảo huyền, không thể nào thực hiện được.” ^[14]

Trên đây, nói rằng học hỏi, suy tư để tìm ra lẽ “Nhất quán” của Trời Đất, để “cùng lý, tận tính”. Thay vì dùng những danh từ văn chương hoa dạng ấy, ta có thể nói nôm na như sau:

Người xưa học hỏi để tìm cho ra Lẽ Một chi phối hoàn vũ.

Ở vũ trụ bên ngoài, thì Lẽ Một hay Trời sinh xuất ra vạn tượng, vạn hữu.

Ở vũ trụ bên trong tâm thần ta, thì Lẽ Một hay Trời sinh xuất ra vạn tình, vạn niệm

Cho nên, tìm ra được Lẽ Một ấy nơi Tâm, tức là tìm ra được phần linh thiêng nhất của tâm thần chúng ta.

Cái phần linh thiêng nhất ấy Nho gia xưa gọi là Tính, là Mệnh, là Minh Đức, là Trung, là Đạo, là Thiên Lý...

Nhưng nói cho nôm na hơn, cho cụ thể hơn, thì cái phần Linh Thiêng ấy chính là Lương Tâm của mỗi người chúng ta.

Tôi nhận định rằng, nếu chúng ta cứ dùng những chữ như Thiên Tính, Thiên Lý, Minh Đức, ta sẽ thấy phần Linh Thiêng ấy trở nên xa vời với chúng ta, và rất khó lĩnh

hội được, y thức như khi ta dùng những danh từ Chân Như, Phật Tánh hay Bản Lai Diện Mục của Đạo Phật. cho nên, từ lâu, để giản dị hoá vấn đề, tôi đã chủ trương như Vương Dương Minh:

Học là để tìm lại Lương Tâm,

Tu là để sống theo đúng Lương Tâm.

Vương Dương Minh cho rằng: Lương Tâm hay Lương Tri cũng chính là Đạo, là Trời. Ông viết: “ Cái Bản Thể của Tâm là Thiên Lý, cái chiếu minh linh giác của Thiên Lý gọi là Lương Tri.” ^[15]

“ Tâm tức là Đạo, Đạo tức là Trời. Biết Tâm thì biết Đạo, biết Trời.”

Ông còn nói:

Thiên thánh giai quá ảnh,

Lương tri nãi ngô sư.

Tạm dịch:

Thần thánh ngàn xưa đều quá vãng,

Lương tri mới thực chính Thầy ta.

Ông cũng còn làm bài thơ sau:

Lương tri tị độc tri thì,

Thử tri chi ngoại cánh vô tri.

Nhân nhân đô hữu lương tri tại,

Tri đắc lương tri khước thị thuy? ^[16]

Tạm dịch:

Lương tri thấy được lúc độc tri,,

Ngoài biết ấy ra há biết gì?

Ai mà chẳng có lương tri sẵn?

Hồ dễ mấy ai biết lương tri?

Tìm ra được Lương Tâm, Lương Tri rồi, chúng ta sẽ nhận thấy rõ ràng rằng: ở nơi mỗi một con người, chúng ta ai cũng có 2 phần khác biệt sau đây:

-Lương tâm.

-Tư tâm.

Và chúng ta sẽ suy ra một cách dễ dàng rằng: Tư tâm mỗi người chúng ta hết sức khác nhau; tư tâm người da vàng khác tư tâm người da đỏ, người da đen và người da trắng . Tư tâm người bây giờ khác tư tâm người xưa.

Nhưng lương tâm chúng ta đều giống nhau. Lương tâm da vàng, da đen, da trắng là một. Lương tâm người xưa và nay là một. Lương tâm ta và lương tâm Phật Thánh xưa nay là một.

Như vậy, chúng ta khác Thánh, Hiền, Tiên, Phật ở chỗ nào?

Thưa chính là ở điểm này:

-Tư Tâm và Lương Tâm Phật, Thánh hoàn toàn giống nhau. Ở nơi các Ngài, tư tâm đã hoàn toàn biến thành lương tâm.

-Còn ở nơi chúng ta, thì Tư Tâm và Lương Tâm khác nhau như trời vực, như ngày với đêm, như nóng với lạnh, như nước với lửa. Ở nơi chúng ta, thì tư tâm và lương tâm thường cãi vã nhau, chống đối nhau như Ông nói gà thì Bà nói vịt, y như trống đánh xuôi mà kèn thì thổi ngược vậy.

Như vậy ở nơi phàm phu, tục tử thì lương tâm đã bị tư tâm làm khuất lấp, y như một bầu trời vân vũ dày đặc, làm cho mất ánh dương quang. Họ y như là những người đã ký giấy cho Lương Tâm nghỉ dài hạn, để tha hồ tác yêu, tác quái. Tư tâm họ có thể ví như những máy vô tuyến truyền hình đã hỏng hết bóng đèn, không còn bắt được những tiếng nói và những hình ảnh từ trung tâm truyền hình Lương Tâm phát đi. Họ là những người đã chẳng ít, thì nhiều đã làm mất lương tâm, đã táng tận Lương Tâm. Chính vì thế mà Mạnh Tử khuyên ta đi tìm lương tâm đã thất lạc về: **Học vấn chi đạo vô tha: Cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ.** ^[17]

-Triết nhân là những người trông thấy rõ 2 phần tách biệt trong con người:

Một bên là lương tâm, là Bản thể con người, là khuôn vàng, thước ngọc Trời ban cho con người.

Một bên là tư tâm, còn đầy ám hôn, khiếm khuyết, cần phải được khai quang và cải thiện.

-Thánh hiền đặc đạo là những người tư tâm chẳng còn, niệm tây đã hết, chỉ còn thuần có Lương Tâm, thuần có Thiên Lý hoạt động bên trong.

Cho nên, trong chương trình cầu học của Nho gia, cái điều quan trọng nhất là tìm lại được Lương Tâm cho mình và cho người.

Mạnh tử viết: “ Nhân là Lương Tâm con người, Nghĩa là con đường chính đại của người. Những ai bỏ con đường chính đại của mình mà chẳng theo, những kẻ để thất lạc lương tâm mình mà chẳng biết tầm nó lại, thật đáng thương hại thay! Mỗi khi con gà, con chó của họ chạy lạc, thì họ biết đi kiếm mà đem về. Nhưng tới chừng cái Lương Tâm của họ thất lạc, thì họ chẳng biết cách tìm nó trở lại. Người học vấn đạo lý chỉ có cái mục đích này mà thôi: tìm cái lương tâm thất lạc của mình.” ^[18]

Hồ Hoảng (?-1163), một danh nho đời Tống cũng nói:”Đạo sẵn trong tâm người ta, suy ra thì rất tốt lành. Nhưng khốn nạn vì tâm bị phóng mà chẳng biết cầu lại mà thôi. Tai nghe, mắt thấy, làm che lấp được mình; cha con vợ chồng làm lụy được mình; y cầu ẩm thực làm say mê được mình. Đã mất bản tâm của mình rồi, còn dám nói rằng ta có biết, đau đớn thiệt.” ^[19]

Vương Dương Minh (1472-1528) chủ trương đại khái như sau:

Sao lo lắng, lo suốt ngày, suốt buổi?

Sao học hành, bàn cãi mãi làm chi?

Bao nghi nan, mâu thuẫn của vấn đề,

Dùng trực giác, sẽ phá tan trong chớp lát.

Lòng người có chỉ nam từ sơ phát

Trong lòng người đã sẵn đáng muôn trùng,

Có mọi sự trong kho báu đáy lòng,

Sao ta vẫn ăn xin từng cửa ngõ? ^[20]

c. Cư kính: Kính sợ Trời như thể có Trời ẩn áo giáng lâm.

Khi đã tìm ra được Bản Tâm, Bản Tính, đã trực diện được với Lương Tâm, đã hiểu được rằng Lương Tâm là Đạo, là Trời, lúc đó người quân tử sẽ trở nên trang kính.

Sự trang kính ấy, tùy từng giai đoạn, sẽ có thể là:

- Kính sợ Trời như thể có Trời ẩn áo, giáng lâm.
- Kính sợ Trời tiềm ẩn đáy lòng.
- Tự trọng vì nhận ra nơi mình cũng có Bản Thể Thần Minh, ý thức như ở nơi thánh hiền kim cổ.
- Trọng người vì nhận ra được rằng người cũng có bản thể Thần Minh như mình.

Có kính, có trang kính, con người mới dễ dàng tu sửa tâm hồn cho nên hần hoi, ngay ngắn.

Chính vì thế mà **Kinh Thi** mới viết:

*Chái Tây Bắc, góc nhà thanh vắng,
Đừng làm chi đáng để hổ ngươi,
Đừng rằng tâm tối chơi vơi
Đừng rằng tâm tối ai người thấy ta.
Thần giáng lâm, ai mà hay biết,
Nên dám đâu, khinh miệt để người?* ^[21]

Trung Dung cũng viết:

*Bản Tính cũng chính là Thiên Mệnh,
Đạo là noi theo tính Bản Nhiên,
Giáo là cách giữ Đạo nẹn,
Đạo Trời sau trước vẫn liền với ta.
Rời ta được, đâu là đạo nữa,
Thế cho nên, quân tử giữ gìn,
E dè cái mắt không nhìn,
Tai nghe không nói cho nên hĩi hùng.
Càng ẩn áo, lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều.
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng* ^[22]

Luận Ngữ viết:

*“Ra khỏi nhà thì như đón khách quý,
Đối với dân, thì trang nghiêm như cử hành đại lễ.”* ^[23]

Quan niệm kính Trời của Nho Gia sau này cũng đã được du nhập vào các tiểu thuyết Trung Hoa.

Đọc bộ **Thuận Trị quá giang**, ta thấy ngay ở hồi đầu có câu:

Nhân gian tư ngữ, Thiên văn như lời,

Ấm thất, khuy tâm, thần mục như điện. [\[24\]](#)

Tạm dịch:

*Nhân gian thâm thĩ với nhau,
Trời nghe tỏ rõ, tưởng đâu sấm rền.
Lòng riêng, buông kín tối đen,
Mắt Thần soi tỏ, như in chớp loà.*

Truyện **Phản Đường** kể tích truyện sau:

Địch Nhân Kiệt, trên đường lai kinh ứng thí, đến huyện Lâm Thanh vào quán trọ nghỉ ngơi. Đêm đến, có một quả phụ xinh đẹp, đến gặp Ông trong phòng ngủ, tổng tình, vài ép chuyện trăng hoa. Địch Nhân Kiệt, mới đầu cũng động tình, vì thấy nàng nọ nhan sắc diễm kiều, lại ăn nói mặn mà duyên dáng, nhưng sau Ông chợt nghĩ đến câu Hoàng Thiên bất khả khi, nghĩa là không thể lừa dối Trời được, nên Ông đã làm 1 bài thơ khẳng khái cự tuyệt.

Ngày hôm sau, ở kinh sư, vua Đường Thái Tôn hỏi quân sư là Lý Thuần Phong xem kỳ này ai sẽ đỗ trạng nguyên. Lý Thuần Phong về trai giới, rồi thiếp đi, lên thiên đình xem bảng Trời.

Khi hoàn hồn, Ông tâu cho vua biết: Trên bảng Trời có 6 chữ: 火 犬 二 人 之 傑 (火 犬 là chữ Địch 狄; 二 人 là chữ 仁; 傑 là chữ Kiệt 傑), và bên cạnh bảng có một lá cờ, có ghi 1 bài thơ tứ tuyệt. Ông chép lại bài thơ ấy dâng lên vua. Vua đem niêm phong, cất đi, để chờ ứng nghiệm.

Đến khi Địch đỗ trạng nguyên vào triều kiến, vua Đường Thái Tôn mới vỡ lẽ ra rằng 6 chữ mà Lý Thuần Phong chép trên bảng Trời bữa trước, chính là tên của Địch Nhân Kiệt viết theo lối triết tự, còn bài thơ tứ tuyệt chính là bài thơ mà Địch Nhân Kiệt đã làm trong quán vắng đêm nọ, để cự tuyệt với quả phụ kia. Vua tôi đều thất kinh. Mới hay đúng là Hoàng Thiên bất khả khi vậy. [\[25\]](#)

d. Theo tiếng Lương Tâm cải hoá tư tâm.

Sau khi đã nắm chắc được rằng: Lương Tâm con người là Bản Tính, là Đạo, là Trời, là Thái Hư, là Thiên địa chi Tính, là gương mẫu hoàn thiện; còn Tư Tâm là Khí Chất chi Tính, có thanh, có trọc khác nhau, có hay, có dở khác nhau, Nho Gia liền gia công: Nói theo lương tâm, cải hoá tư tâm.

Công phu này Nho gia gọi là Chính Tâm: Làm cho Tâm Hồn trở nên ngay thẳng, hay là Hàm Dưỡng, hay là Tồn Tâm Dưỡng Tính.

Chung qui chỉ là biến hoá cái “Khí Chất chi Tính” theo từ ngữ của Trương Hoàng Cừ.

Biết biến hoá cái khí chất chi tính, biết cải hoá cái tâm của mình, tức là biết áp dụng lẽ Dịch vào phương pháp tu thân vậy.

Mà Dịch dạy chúng ta những gì? Dịch dạy chúng ta:

- Hãy rũ bỏ những gì tư tà.
- Hãy hoành dương những gì công chính.
- Hãy bỏ nơi ti tiện mà vươn lên cho tới chỗ thanh cao.

- Hãy từ bỏ sự tối tăm mà trở về với ánh sáng.
- Hãy tài bồi những gì còn khuyết điểm để đi đến chỗ viên mãn.
- Hãy rũ bỏ tàn phiền, mà trở về giản dị.
- Hãy tránh rối loạn mà trở về sống trong qui tắc, trong trật tự...

Áp dụng những lẽ Dịch trên vào công cuộc tu thân, ta sẽ tìm ra được những đường lối, những tôn chỉ sau:

- Tâm ta dễ loạn động, phải biết giữ cho định tĩnh
- Tâm ta dễ phá tán, cần phải biết thu nhiếp, biết tập trung.
- Tâm ta rất dễ bị ngoại vật làm cho hôn ám, cần phải giữ cho nó được thanh hư, quang sáng.

-Tâm ta thường khuỵu khuyết, phải lo tài bồi cho ngày một thêm viên mãn.

-Lương Tâm là công chính, là Thiên Lý hằng cửu, bất biến. Tư Tâm là tà nguy, là Nhân dục biến thiên. Vì vậy ta cần sống theo sự công chính, theo những định luật vĩnh cửu của trời đất, và cố tránh những gì nhân vi, nhân tạo, biến thiên, chất chường.

-Hãy mở rộng tầm kích tâm hồn, cho nó ngày một thêm bao la rộng rãi, ngày một thêm khoan quảng hoà đồng. Tầm kích tâm hồn chúng ta phải là tầm kích vũ trụ.

Sau khi dùng Dịch Lý để tìm ra những tôn chỉ có thể dùng làm kim chỉ nam cho công cuộc tu thân, ta sẽ tìm xem Nho gia bàn về Tu Thân, Chính Tâm ra sao.

Luận Ngữ chủ trương: Khắc kỷ, phục Lễ. Thế tức là con người phải theo Thiên Lý mà sửa nhân tình, theo Lương Tâm mà sửa Tư Tâm. Như vậy là Nhân Đức.^[26]

Công Đồ Tử hỏi Mạnh Tử: “ Cũng đều là người, nhưng tại sao có người thành Đại Nhân, có người hoá ra tiểu nhân? Mạnh tử đáp rằng:” Ai noi theo cái đại thể của mình, thì là bậc Đại nhân; ai noi theo cái tiểu thể của mình, thì là kẻ tiểu nhân.”^[27]

Đối với Mạnh Tử, thì ngũ quan là phần tiểu thể, còn tâm hồn là phần đại thể. Cái bụng, cái miệng là phần tiểu thể, còn cái phần tinh thần là phần đại thể.^[28]

Mạnh Tử cũng còn nói rằng: “ Cây cối trên núi Ngưu Sơn (về phía Đông Nam nước Tề) ngày xưa vẫn tốt tươi Nhưng vì ở vào một chỗ giáp nối với một nước lớn, cho nên thường bị búa rìu (của những kẻ tiểu phu) bửa đốn. Như vậy có thể nào giữ vẻ tốt tươi được chăng? Nhưng nhờ còn sức mạnh nhựa lưu thông ngày đêm, lại được mưa sương tắm nhuận, cho nên mới đâm chồi, nảy mộng, rồi thì bò chiên kéo nhau từng đoàn đến ăn phá, vì vậy mà cảnh núi ấy trở nên trơ trụi, ai cũng ngỡ là núi ấy chưa từng sản xuất tài mộc (tức là những cây to lớn dùng trong việc kiến trúc). Như thế, há nên đổ lỗi cho bản tính của núi hay sao?

Cái Bản Tính tồn tại nơi người cũng thế. Người ta há chẳng có nỗi lòng nhân nghĩa sao? Nhưng vì họ (mê sa theo cái sở dục) mà buông mất tấm lòng lương thiện của họ đi, cũng như cảnh núi trở nên trơ trụi, vì cây cối bị búa rìu bửa đốn hết vậy. Mỗi ngày, họ cứ sát phạt tấm lòng nhân nghĩa của họ mãi, thì lòng dạ họ có thể nào tốt đẹp như xưa chăng? Tuy vậy, cái sức lành từ nơi Bản Tính của họ vẫn còn sanh nảy ngày đêm. Cái khí lực ấy thật chẳng bao nhiêu, nhưng vào buổi sáng sớm, nó có thể phát sinh ra lòng thương ghét một cách phải the, gần giống với lòng người lương thiện. Rồi từ sáng cho đến chiều, trong mọi hành vi, cử chỉ của họ, họ lại ngăn bít và bỏ phế lòng

lành rất yếu ớt của họ nữa. Ngày này, tháng kia, năm nọ, họ vẫn cứ ngăn bít và bỏ phé như vậy mãi, rồi ra cái khí lực về đêm chẳng còn đủ sức bảo tồn cho cái lòng lương thiện của họ khỏi tiêu ma. Khi mà cái khí lực về đêm chẳng còn đủ sức bảo tồn cho cái lòng lương thiện họ khỏi tiêu ma, bấy giờ họ chẳng khác loại cầm thú bao nhiêu vậy. Thấy họ chẳng khác gì cầm thú, ai nấy đều ngỡ rằng họ chưa từng có những thiên tài. Như vậy, há nên đổ lỗi cho chân tình, thật tính của họ sao?

Cho nên nếu khéo bồi dưỡng, thì vật nào cũng sanh nảy thêm ra; còn như chẳng chịu bồi dưỡng thì vật vào cũng phải tiêu mòn.” ^[29]

Trương Hoàn Cừ (1020-1077) cho rằng: “Con người sở dĩ không đem tâm hợp với Thái Hư được là vì để cho cái tính khí chất nó sai khiến. **Vậy nên học giả phải lấy sự biến hoá khí chất làm mục đích cho sự học của mình.**” Muốn biến hoá được cái khí chất, thì trước hết phải có chí... ^[30]

Đông Lai, Lữ Tổ Khiêm (1113-1181) ví sự tu thân như là cách chữa bệnh. Người mắc bệnh phải tìm cho rõ bệnh căn để chữa mới lành. Kẻ học đạo phải tìm cho thấy những nhược điểm của mình, để tài bồi, mới được tấn ích. Vậy nên đối với Đông Lai, người muốn theo học thánh hiền, trước hết phải dùng công phu ở sự biến hoá khí chất của mình. Kẻ nào, nhu nhược phải tập cho được cương cường, kẻ nóng nảy, phải nên tập cho khoan hoà. Cứ tìm chỗ thiên lệch mà dụng lực. ^[31]

Theo Thượng Thái (1950-1103), thì Thiên Lý và nhân dục là 2 lẽ tương đối; người ta có một phần nhân dục là mất 1 phần Thiên Lý. Có 1 phần Thiên Lý tức là thắng được 1 phần nhân dục. Khi người ta đã trừ bỏ được tất cả dục vọng ở trong lòng, thì phần còn lại tức là Thiên Lý. Bởi vậy, đối với Thượng Thái, kẻ học đạo muốn được giác ngộ, không cần phải tìm những điều xa xôi, hư phí, chỉ biết khắc kỷ phục lễ, để giữ toàn Thiên Lý là đủ. ^[32]

Luận về phương diện tu thân, Lục Tượng Sơn (1139-1192) đưa ra 4 cương lĩnh: **Lập chí, Tiến học, Tri bản và Thu thập tinh thần.**

Lập chí, Tiến học trên đây ta đã bàn tới rồi. Tri bản là hiểu cho được Bản Thể của tâm, rồi cố dùng công phu để trừ bỏ điều tư dục, cho tâm trở nên trong trệch thanh minh.

Sau khi Tri Bản, học giả nên tiến thêm 1 bước nữa là Thu Thập Tinh Thần. Tượng Sơn bảo rằng: “ Thu được tinh thần ở trong đáng trách ần thì trách ần, đáng tu ố thì tu ố, ai khi được người? ai dối được người? Phương pháp Thu Thập Tinh Thần của Tượng Sơn là ngồi thẳng, chấp tay, tự làm chủ tể, tức muôn vật đều có đủ ở thân. Tượng Sơn thường dạy học giả nên tĩnh tọa, để tồn bản tâm, không cần lời biện thuyết vô ích. ^[33]

e. Phương pháp kiểm chứng.

Trong công cuộc tu thân, cần phải biết xét mình, biết kiểm thảo, kiểm chứng.

Tăng Tử xưa đã lấy sự xét mình làm trọng. Ông nói:

“Hằng ngày ta hãy xét mình về 3 điều này:

- Làm việc cho ai, ta có hết lòng chẳng?
- Kết giao với bằng hữu, ta có thành tín chẳng?
- Đạo lý do thầy ta truyền dạy, ta có học tập chẳng? ^[34]

Luận Ngữ cho ta phương pháp kiểm chứng như sau:

- Người trí không làm.

- Người nhân không buồn,
- Người dũng không sợ. ^[35]

Luận Ngữ còn thêm rằng:

“Nếu xét mình mà chẳng thấy điều gì lầm lỗi, thì việc gì mà buồn, mà sợ? ^[36]

Trung Dung, Đại Học, Mạnh Tử đều cho rằng: có đức độ bên trong, thì sẽ biểu lộ ra bên ngoài.

Trung Dung viết: “Hoàn thiện rồi sẽ hiện ra ngoài hình sắc.” ^[37]

Đại học cho rằng:

*“Giàu thời nhà cửa khang trang,
Đức thời thân thể khang an, rạng ngời,
Lòng mà khoan quảng hẳn hoi,
Rồi ra sẽ thấy tốt tươi hình hài.” ^[38]*

Mạnh tử cho rằng:

“Người quân tử lập chí ở đạo, nếu chưa thấy phát huy được đạo ra bên ngoài, thì chưa đạt đạo.” ^[39]

Như vậy, theo Nho giáo, nếu 1 người mệnh danh là tu đạo mà lời ăn, tiếng nói còn thô lỗ, cục cằn; cách đi, đứng còn tất tưởi, ám hôn; cốt cách còn phàm phu, ti tiện, chưa được trang nhã, cao siêu; tinh thần còn ám hôn, bì quyện, chưa được quang minh, thanh sảng; thì chắc chắn tâm hồn người ấy chưa đẹp đẽ là bao nhiêu, kết quả tu trì của người ấy hãy còn ít ỏi, chưa đáng kể.

III.-Mục đích tu thân theo Nho Giáo.

Theo Nho giáo, tu thân không phải để trị quốc, bình thiên hạ không mà thôi, mà còn là để trở thành thánh hiền.

Nho giáo không muốn cho con người dừng lại nửa chừng trên con đường tu đạo, tinh tiến, vì thế mà Đại Học chỉ cho con người ngừng lại sau khi đã tiến tới mức hoàn thiện.

Trong bài bình giải chương I, Trung Dung, Chu Hi đã cho thấy rằng tất cả công phu tu thân, dưỡng, tôn, tĩnh, sát của người chính nhân quân tử đều có mục đích đưa tới chỗ “Thánh Thần công hoá chi cực”

Thánh nhân theo Nho giáo là mẫu người lý tưởng của nhân loại, là những người thông minh, duệ trí phi phàm, là những người đã thể hiện được sự toàn thiện.

Chu Hi đã bình luận về Thánh Nhân như sau:

“Thánh Nhân có một đời sống hoàn toàn phù hợp với Thiên Lý. Có thể nói được thánh nhân có thể được mệnh danh là “Thành” (誠), vì đã sống một cuộc đời hoàn toàn phù hợp với tính Bản Nhiên, với Thiên Lý, và vì vậy, đã hợp được với trời đất, đã sánh được với Trời đất.”

“Chu Liêm Khê (Chu Đôn Di 1017-1073), một đại danh Nho đời Tống, đã làm sống động lại Nho học, và chính là người đứng đầu Chu Nho thời Tống, cho rằng chữ Thành đồng nghĩa với chữ Thái Cực, chữ Lý. Thái Cực hay Lý ấy, bất kỳ ai cũng có, nhưng khi Thái Cực hay Lý đã lồng vào hình hài, khí chất không tinh tuyền, thì ảnh

hưởng sẽ bị giới hạn lại. Chỉ có Thánh Nhân sống theo Tính Bản Thiện của mình, nên thần trí người nhận định được hằng tính của mỗi vật, mỗi sự; ý chí người hướng về Chân, Thiện, Mỹ không chút khó khăn và sống trong đường nhân, nẻo đức, trong trật tự, trong bốn phận, không chút chi vấp vả...

“Thánh Nhân sở dĩ có cái nhìn tinh tế, thấu triệt vì lòng không bận tư tà, dục vọng, cho nên mới nhìn thấu đáo được những điều tinh vi, huyền diệu.

“Thánh Nhân không bị dục tình quấy nhiễu, nên lúc nào cũng ung dung, thanh thản. Thiên Lý, Thiên Đạo được thể hiện nơi Ngài một cách sáng tỏ, để soi đường dẫn lối cho kẻ ô nhiễm.

“Ảnh hưởng của Thánh Nhân thực là vô biên, như ảnh hưởng của Trời. Chu Hi nói:” Cũng như xem bốn mùa vùn xoay, xem vạn vật sinh hoá, thì biết được Thiên Lý biến dịch ở khắp nơi, mà chẳng cần Trời phải nói lên lời. Ở nơi Thánh Nhân cũng vậy, động hay tĩnh, nhất nhất đều khai minh nguyên lý huyền diệu: sự hoàn thiện, tinh tuyền sẵn có nơi người.” Và Chu Hi kết luận bằng những lời hào hứng như sau: Thánh Nhân là hiện thân của Trời.“^[40]

Trung Dung có rất nhiều chương nói về Thánh Nhân. Ví dụ, nơi chương XXXII, Trung Dung viết:

*Chỉ những đáng chí thánh trong thiên hạ,
Mới có thể vì đời sang sửa đại kinh.
Mới có thể xây căn bản cho xã hội quần sinh,
Mới thấy rõ luật đất trời sinh hoá,
Những bậc ấy hết cần nương tựa,
Trí tuệ Ngài thâm uyên,
Tâm hồn Ngài mang nhiên,
Nên trừ phi bậc thông minh duệ trí,
Trừ những ai đạt đức Trời tuyệt mỹ,
Ai là người hiểu được khúc dồi?*

Dịch kinh bình luận về Thánh Nhân như sau:

*Đại nhân đức hạnh bao la,
Như Trời, như đất, bao la khôn cùng.
Sáng như nhật nguyệt hai vầng,
Sống đời tiết tấu, hợp khung bốn mùa.
Những điều lành dữ, ghét ưa,
Quy thần đường lối, đem so khác nào.
Trước Trời, Trời chẳng trách đâu,
Sau Trời, cho hợp cơ màu thời gian.
Trời không trách cứ, phàn nàn,
Thời người còn dám than van nỗi gì?
Trời, người chẳng trách, chẳng chê,
Quy thần âu cũng chẳng hề oán than.*^[41]

TỔNG KẾT.

Để thấu tóm lại quan niệm về Tu Thân của Nho Gia. ta có thể mượn lại lời lẽ giản dị của Trung Dung và của Mạnh Tử.

Trung Dung chương XX viết:

*“ Muốn thông thái không ngoài học vấn,
Muốn tu thân, phải gắng công lao.
Muốn nên hùng dũng, anh hào,
2 câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm,
TRÍ, NHÂN, DŨNG tu thân ấy Lý,
Biết Tu Thân ắt trị nổi người,
Trị người hiểu biết khúc nôi,
Con thuyền thiên hạ âu tài đẩy đưa.”*

Trung Dung chương XI viết:

*“ Tìm bí ẩn làm điều quái dị,
Cốt mong cho hậu thế người khen,
(Xá chi chuyện ấy nhỏ nhen,)
Đã là quân tử chẳng thềm quan tâm,
(Làm trai quyết chí tu thân,
Đường đường quân tử ta tuân đạo Trời.
Giữa đường đứt gánh, trở lui,
Bán đồ nhi phé có đời nào đâu.
Trung Dung quân tử trước sau,
Dẫu không tăm tiếng không râu lòng ai.
Thánh nhân ấy thánh nhân rồi.”*

Mạnh tử viết trong thiên Tận Tân chương cú thượng:

*“Thấu triệt lòng sẽ hay biết Tính,
Hay biết Tính, nhất định biết Trời.
Tồn tâm, dưỡng Tính chẳng rời,
Thế là giữ Đạo thờ Trời chẳng sai.
Yếu hay thọ không thay lòng dạ,
Cứ tu thân một thửa đợi Ngài,
Đó là theo đúng mệnh Trời...
Mệnh Trời đó chớ rời gang tấc,
Theo ý Trời, ta chắc không sai.
Cho nên kẻ biết Mệnh Trời,
Tường long, vách lở là nơi chẳng gán.
Sống trọn Đạo đến cùng rồi chết,
Thế là theo đúng hết mệnh Trời.*

*Gông cùm chết uống một đời,
Thế đâu phải chính ý Trời muốn đâu?
Muốn có Ngài tìm cầu sẽ cò,
Muốn mất Ngài, cứ bỏ Ngài đi.
Những điều lợi ích, tình vi,
Lòng ta ta kiếm, ta đi ta tìm.
Tìm cầu Ngài, ta liền có Đạo,
Có được Ngài, trọn hảo Mệnh Trời.
Tìm điều vật chất bên ngoài,
Ngoài mình tìm kiếm sẽ hoài mất công.
Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tình thành,
Kiện toàn hoàn thiện tình anh,
Vui nào hơn được vui mình đương vui...
Cố đối với mọi người tử tế,
Muốn tìm Nhân ấy thế là Nhân,
Vẫn mang Ngài mà thân chẳng hiển,
Vi quá quen nên khiến chẳng suy.
Suốt đời Ngài độ ta đi,
Nhưng mà dung tục biết chi đạo Ngài..*

Nói giản dị, vẫn tất hơn, ta thấy rằng Đạo Nho chỉ dạy con người “Khử nhân dục, tồn Thiên Lý**”**

Mà khử nhân dục là:

- Đừng bao giờ làm điều tà khuất.
- Đừng bao giờ suy niệm những điều tà khuất.
- Đừng bao giờ hại mình, hại người.
- Đừng làm gì đến nỗi phải che dấu, đậy diệm.
- Đừng làm gì khiến cho mình phải phàn nàn, xấu hổ.

Mà tồn thiên lý là:

- Làm những điều quang minh, công chính, suy nghĩ những điều thanh tao, đẹp dễ.
- Làm những điều ích mình, ích người.
- Làm những gì mình có thể làm được nơi thanh thiên, bạch nhật, mà mọi người có thể trông thấy, nghe thấy, mà mình không phải vì thế mà hối hận, phàn nàn.

Nói cho vẫn tất hơn nữa, ta thấy Nho Gia chỉ dạy con người **sống theo đúng tiếng gọi của Lương Tâm.**

Giờ đây, chúng ta có thể dựa vào những tiêu chuẩn tu thân của Nho giáo, để kiểm điểm lại xem tại sao chúng ta chưa tiến được bao lăm trên đường nhân, nẻo đức.

Sở dĩ chúng ta không tiến hoá được mấy, là vì:

a-Chúng ta thiếu lập chí cho hẳn hoi. Chúng ta đã ì không có gan dám lập chí để nên thánh hiền.

b-Chúng ta đã không dốc tâm cầu đạo, không cố gắng học hỏi, suy tư hết mình.

Những người thế gian cầu công danh, lợi lộc, có thể học hành, có thể làm lụng suốt ngày đêm, đến quên ăn, quên ngủ, thế mà những con người cầu đạo lại chưa hề đã say Đạo đến mức độ quên ngủ, quên ăn để học hỏi, suy tư.

Chúng ta học hành phát phối, thì làm sao nắm được nghĩa lý sâu xa?

Chúng ta suy tư hời hợt, thì làm sao khai trí, phát huệ?

c-Chúng ta, chẳng nhiều, thì ít, đã đánh mất Bản Tâm, đã đánh rơi, đánh mất lương tâm, mà chẳng biết tìm nó lại.

Chúng ta có thể có một sự hiểu biết rất sâu rộng về các đạo giáo, các triết thuyết, các phép tu, lối luyện Đông Tây. Ấy thế nhưng lại có một sự hiểu biết hết sức là nông cạn, hời hợt về con người, về bản thân chúng ta. Chúng ta tưởng rằng tâm ta chỉ toàn có những tình cảm vụn vặt, những niệm lự phù phiếm, những tình dục hư hèn, mà chẳng có gì là tinh hoa, cao đại. Chúng ta tưởng rằng bao nhiêu cái hay, cái đẹp mà ta hiện có trong tâm trí ta là của xã hội, của đạo giáo bên ngoài đổ vào.

Chúng ta chỉ chú trọng đến những tiếng khen chê của thế nhân bên ngoài, mà không chú trọng đến lời khen chê của Thần Lương Tâm bên trong. Chúng ta lại cho rằng Lương Tâm chúng ta có thể sai lầm, còn những vị lãnh đạo giáo, chính trị, xã hội bên ngoài của chúng ta, mới thần thông, quảng đại, không thể sai lầm.

Thế là mặc nhiên, chúng ta đã bị các tổ chức chính trị, xã hội, đạo giáo bên ngoài moi móc mất Chân Tâm rồi, như vậy dù trung nghĩa như Tĩ Can, chúng ta làm sao mà sống đời, sống đạo một cách đích thực được?

Chính vì đã đánh mất Chân Tâm, cho nên nhiều khi chúng ta trở nên vẩn vơ, phờ phạc, bần thần, hoang mang, ngơ ngác, u muội, đành lòng để cho ngoại cảnh cuốn lôi, như những chiếc lá khô trước cơn gió lốc.

Vì vậy, trong công trình tu đạo, điều cần thiết là phải tìm lại Lương Tâm, làm hoà với Lương Tâm.

d -Chúng ta đã không sống gần Trời, sống với Trời. Chúng ta đã để cho Trời sống trên các tầng Trời cao thẳm, hay trong các đền đài miếu mạo u linh, mà chẳng cho Trời sống trong đền thờ Tâm Hồn chúng ta. Và như vậy, chúng ta đã mất một người hướng dẫn chân thành nhất, sáng suốt nhất, tài năng nhất.

e -Chúng ta đã không biết đặt trọng tâm cải thiện tâm tư mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mà coi đạo giáo như là một cuộc hành xác phũ phàng, như là một cuộc mặc cả bán buôn, điều đình hơn thiệt giữa ta và Trời.

Tại sao chúng ta hằng ngày biết dọn nhà, dọn cửa, quét sân, quét sương, tại sao chúng ta hằng ngày biết tắm rửa, làm sạch, làm đẹp cho xác thân, mà lại quên chuyện chỉnh trang lại tâm hồn chúng ta? Sao chúng ta lại trọng xác mà khinh hồn như thế vậy?

Khảo lại quan niệm tu thân theo Nho gia, ta thấy nó rất trong sáng và giản dị.

Các bậc thánh hiền Nho Giáo trước sau chỉ khuyên chúng ta:

- Lập chí cho cao siêu, lập chí trở thành thánh hiền.
- Sống theo lương tâm.
- Cố gắng cải thiện nội tâm.
- Cố gắng học hỏi, suy tư để tiến dần tới Chân Thiện Mỹ.

Ước gì quan niệm về tu thân theo Nho Giáo sẽ góp phần làm bùng cháy lên ngọn lửa Thiên Chân hiện còn đang âm ỉ, nhen nhúm trong lòng chúng ta và nhắc nhở chúng ta bốn phận then chốt của cuộc đời, đó là cố gắng tu thân để tiến tới Chân, Thiện, Mỹ.

Ước gì chúng ta hết thấy tìm lại được Bản Tính Trời nơi ta.

Ước gì chúng ta luôn sống trực diện với Thiên Nhan.

Ước gì chúng ta luôn sống theo tiếng gọi Lương Tâm.

Ước gì chúng ta trở nên những hiện thân của Thượng Đế, nên những mẫu người lý tưởng, thể hiện được Chân Thiện, Mỹ cho đến mức toàn vẹn. Mong lắm thay.

CHÚ THÍCH

[1] *Qui Nguyên Trục Chỉ*, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 317.

[2] *Qui Nguyên Trục Chỉ*, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 317

[3] *Qui Nguyên Trục Chỉ*, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 335

[4] *Qui Nguyên Trục Chỉ*, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 335

[5] Trần Trọng Kim, *Nho Giáo II*, tr. 39.

[6] 為生不能為人，為人者天也。

人之為人本於天，天亦人之曾祖父也。

Vi sinh bất năng vi nhân, vi nhân giả Thiên dã. Nhân chi vi nhân bản ư Thiên. Thiên diệc nhân vi tăng tổ phụ dã. (Như vậy, đối với Đồng Trọng Thư, khi sinh ra con người chưa phải là người, chỉ mới là “ nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi” như ta thường nói. phải đến khi nào hoàn thiện, mới thực là người.)

Trần Trọng Kim, Nho Giáo II, tr. 35.

[7] Trần trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ, tr. 167.

[8] Trần trọng Kim. *Nho Giáo II*, tr. 178-189-

[9] Trần trọng Kim. *Nho Giáo II*, tr. 229

[10] Trần trọng Kim. *Nho Giáo II*, tr. 231

[11] Bửu Cầm, *Tổng Nho*, Đại Học tùng thư, Nhân Văn, Huế, 1952, tr. 92.

[12] *Như trên*, tr. 92

[13] *Như trên*, tr. 92-93

[14] *Như trên*. tr. 93.

[15] Wang Tch'ang Tche S.J. *La Philosophie Morale de Wang Yang Ming*, p. 1a.

[16] 良知即是獨知時，
此知之外更無知。
誰人不有良知在，
知得良知卻是誰？

Lương tri tức thị độc tri thì,
Thử tri chi ngoại, cánh vô tri.
Thùy nhân bất hữu lương tri tại,
Tri đắc lương tri khước thị thùy?

Léon Wieger, *Textes philosophiques*, tr. 259-260.

Trung Quốc nhất chu, kỳ 682, tr. 8.

[17] 學問之道無他求其放心而已矣。

Mạnh tử, Cáo tử chương cú thượng, 11.

[18] *Mạnh tử*, Cáo tử chương cú thượng, 11

[19] Phan Bội Châu, *Khổng học đăng*, tr. 704.

[20] Pourquoi vous tourmenter ainsi à longueur de journée?

Pourquoi tant lire, tant étudier, tant discuter?

Toutes les incertitudes et les contradictions des Maîtres.

Le savoir inné les tranche en un moment.

De naissance, tout homme a une boussole dans son cœur,

Ou mieux, il a dans son cœur même, la racine et la source de tout,

Alors que vous avez tout dans votre trésor,

Pourquoi quêtez-vous des miettes, de porte en porte?

(Wang Yang Ming), Henri Bernard Maître, *Sagesse Chinoise et Philosophie chrétienne*, p. 87)

[21] *Kinh Thi*, Đại Nhã, Ưc thiên.

[22] *Trung Dung*, I.

[23] 出門如見大賓，使民如乘大祭。

Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế.

Luận Ngữ, XII, 2.

[24] 人間私語，天聞如雷。

暗室，窺心神目如電。

Thuận Trị quá giang.

[25] Xem *Phản Đường*.

[26] 克己復禮為仁。Khắc kỷ phục lễ vi nhân.

Luận Ngữ, XII, 1

[27] *Mạnh Tử*, Cáo Tử thượng, 15.

[28] *Như trên*. chương XIII, XIV, XV.

[29] *Mạnh Tử*, Cáo Tử thượng, 8.

[30] *Nho giáo*, Trần trọng Kim, q. hạ, tr. 137.

[31] *Tổng Nho*, Bửu Cầm, tr. 166.

[32] *Tổng Nho*, Bửu Cầm, tr.102.

[33] *Tổng Nho*, Bửu Cầm, tr. 177-178

[34] *Luận Ngữ*, I, 4.

[35] *Luận Ngữ*, IX, 27

[36] *Luận Ngữ*, XII, 4.

[37] 誠則形；形則著；著則明；明則動；動則變；變則化。

Thành tắc hình; hình tắc trứ, trứ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến; biến tắc hoá.

Trung Dung, XXIII.

[38] *Đại học*, VI.

[39] *Mạnh tử*, Tận Tâm chương cú thượng, 24.

[40] Stanislas le Grall, *Le Philosophe Tchou Hi, sa doctrine, son influence*, page 63 và tiếp theo.

[41] *Kinh Dịch*, Quê Kiền, Văn Ngôn, Hào Cửu Ngũ.

CHƯƠNG XXVIII

CON ĐƯỜNG HUYỀN NHIỆM

TRUNG DUNG.

Từ trước tới nay, nói đến Trung Dung, người ta thường quan niệm đó là một cuộc sống không thái quá, không bất cập, nước đôi, lập lũng giữa dòng.

Thậm chí nhà học giả Lâm Ngữ Đường còn đề cao lối sống lũng chừng, trung lập, nước đôi đó và giới thiệu nó như là một đời sống lý tưởng với các độc giả Âu Châu, qua bài **Bán Bán Ca** của Lý Mật Am, mà tôi xin dịch như sau:

*Ta sống quá nửa đời phù phiếm,
Mới nhận ra huyền nhiệm Trung Dung,
Trung Dung hương vị khôn cùng,
Làm cho lòng dạ, tưng bừng niềm vui.
Lúc mà cái con người sướng nhất,
Chính là khi tới mức trung niên,
Quang hoa dùng dằng triển miên,
Như chờ, như đợi gót tiên tạm ngừng.*

Cõi trần lọt giữa chùng Trời đất,
Giữa tỉnh quê, ta cất nhà ta,
Thành thời ta mở trại hoa,
Giữa chùng sông núi, la đà nước non,
Biết vừa đủ, tiền nông vừa đủ,
Vòng lợi danh, vương nửa tấm son.
Không xinh, nhưng cũng dễ nom,
Không giàu nhưng cũng còn dòn hơn ai,
Nhà ta xây, nửa đài, nửa các,
Đồ đạc ta lác đác đủ chơi,
Áo ta cũ mới chơi vui,
Uống ăn na ná như người bậc trung.
Vài tôi tớ không thông, không dở,
Vợ con ta đơ đờ, ta ưng.
Nửa tiên, nửa tục lừng chùng,
Nửa cùng thân thánh, nửa cùng thể nhi,
Nửa bụng dạ, lo vì con cái,
Nửa tâm hồn gửi lại Hoàng Thiên,
Để khi thoát xác ta yên,
Để bề thừa gửi, biết niềm tới lui.
Ngà say là lúc ly bôi,
Đoá hoa hàm tiếu là thời mê ly,
Buồm nửa cánh, thuyền đi thông thả,
Cương vừa dong, vó ngựa mới hay.
Quá giàu, phiền lụy sẽ đầy,
Quá nghèo cuộc sống sẽ đầy truân chuyên.
Trần ai, sướng với phiền khó tách,
Trong ngọt ngào, pha phách đắng cay.
Hưởng đời đừng quá mê say,
Lùng khùng đại khái thảng ngày tiêu dao...^[1]

Nhưng nếu Đức Không và các danh Nho chỉ đưa ra cho nhân quần một mục phiêu tầm thường như vậy, thì có gì đáng cho thiên hạ kính tôn?

Nếu **Trung Dung** được các danh nho coi là tâm pháp của Khổng giáo, là tuyệt phẩm thì phải có cái gì cao siêu gấp bội.

Trong bài này, tôi muốn chứng minh **Trung Dung**, hiểu cho đúng mức, sẽ là Thiên Đạo, sẽ là đạo vô thượng trong thiên hạ, vì chỗ đặt đạo, đặt đích của **Trung Dung** cũng tương đồng với chỗ đặt đạo, đặt đích của các đạo giáo trong thiên hạ.

Tôi sẽ lần lượt:

-Định nghĩa và khai thác 2 chữ Trung Dung.

-Trình bày về Thiên Đạo với những nét đặc thù chính yếu của nó, theo **Trung Dung**.

A. HAI CHỮ TRUNG DUNG.

Chữ Trung, theo Từ Nguyên, là một mũi tên bắn trúng hồng tâm.

Trình Tử và Chu Hi giải Trung là **bất thiên, bất uỷ**, nghĩa là không thiên lệch, không dựa vào đâu.

Chữ Dung, theo Trịnh Huyền, có nghĩa là dùng, là áp dụng, còn theo Trình Tử, thì có nghĩa là **không biến đổi**.

Sau khi hội ý tiên nho, tôi giải thích 2 chữ Trung Dung một cách thông thường như sau:

Trung là Tâm Điểm.

Dung là bất biến,

Trong vòng biến thiên, ảo hoá của vũ trụ, vạn hữu này, chỉ có một Tâm Điểm bất biến, hằng cửu, ấy là Bản Thể, là Tuyệt đối, là Vô Cực, là Thái Cực, là Đạo, là Trời.

Chính vì thế, mà Dịch Kinh đã vẽ Thái Cực ở Tâm Điểm vòng Dịch, còn các hào quái, tượng trưng cho vạn hữu, hình tướng bên ngoài, thì vẽ lên trên vòng tròn bên ngoài, lên trên vòng Dịch bên ngoài.

Tâm điểm, vì ở giữa vòng biến thiên của vạn hữu, nên không hề nghiêng lệch về bên nào. Tâm điểm, vì là cơ cấu, là căn cơ, gốc gác muôn loài, nên cũng không hề phải dựa nương vào đâu. Vì thế Trình Tử mới nói Trung là bất thiên, bất uỷ.

Muôn loài, muôn vật biến thiên, âu phải có một căn cơ bất biến, hằng cửu làm chủ chốt. Chính thế mà Trình tử giải Trung Dung là bất biến.

Thế tức là với 2 chữ Trung Dung, Khổng tử đã vạch cho chúng ta cả một chương trình hành động, cả một con đường giải thoát. Nghĩa là:

-Sống trong muôn vàn hiện tượng biến thiên, chúng ta phải tìm cho ra cái Căn Cơ duy nhất, bất biến.

-Ở đâu có biến thiên, ở đấy phải có Căn Cơ duy nhất, bất biến làm chủ chốt.

-Ở nơi con người chúng ta, cũng đầy rẫy mọi hiện tượng biến thiên, như vậy, trong con người chúng ta phải có một căn cơ duy nhất, bất biến làm chủ chốt.

-Mà chỉ có Trời, có Đạo, có Thái Cực mới bất biến. Suy ra, trong ta, chắc chắn phải có Đạo, có Trời, có nguồn sống siêu nhiên, vĩnh cửu làm chủ chốt.

-Cái gì biến thiên thì còn ở trong vòng sinh tử, khổ đau. Cái gì bất biến mới thoát ra ngoài vòng biến thiên, sinh tử, khổ đau.

-Thế nên, con người, muốn thoát vòng sinh tử, khổ đau, phải đạt cho tới Tâm Điểm bất biến, đạt cho tới Trung Dung.

Đức Phật cũng đã nói: *“Hỡi các tỳ Khưu, có một thực trạng bất sinh, bất thành, bất ý, bất tạp, vì nếu không có thực trạng ấy, thì làm sao mà giải thoát được cái sinh thành, ý tạp? Nhưng vì có thực trạng ấy, nên có đường thoát cho cái sinh thành, ý tạp.”* ^[2]

Vivekananda cũng đã viết: *“Chúng ta trước hết phải đi tìm cho ra một tâm điểm phát sinh ra mọi bình diện sinh hoạt khác. Khi đã tìm cho ra được tâm điểm rồi, chúng ta mới mong tìm ra được một giải pháp. Đó là chương trình của ta.*

“Tâm điểm ấy ở đâu? Thưa nó ở ngay trong lòng chúng ta. Các hiền triết cổ thời đã tìm sâu mãi vào tâm con người, cho đến khi khám phá ra được rằng Tâm Khảm con người chính là Trung Tâm vũ trụ.

“Tất cả mọi bình diện khác đều xoay quanh tâm điểm duy nhất ấy, và chỉ từ đó, chúng ta mới tìm ra được giải pháp chung cho mọi người.” ^[3]

Văn Đạo Tử cho rằng: Tâm điểm ấy chính là Thiên đạo. Vào được Tâm Điểm của lòng người, tức là vào được Tâm Điểm của vòng Dịch, thoát luân hồi, sinh tử, thế tức là vào được trục Pháp Luân theo danh từ Phật Giáo.

Ta hãy nghe Văn Đạo Tử trình bày:

“Thiên đạo cư Trung, lập cực, nên vận chuyển muôn đời mà không sai thất, cũng như trong bánh xe, các vành xe và tai hoa xe vận chuyển không ngừng là nhờ ở trục xe. Nếu ta giữ vững được Trung Điểm, tận dụng được Thái Cực, thì có thể chuyển vận với vạn vật mà vẫn có thể góp phần được với Trời đất trong công trình hoá dục.

“Cho nên người quân tử tu nhân đạo để hợp Thiên Đạo. Hợp Thiên Đạo tức là vào được trục của vòng Dịch, thoát ra ngoài vòng kiểm toả của các hiện tượng: Hỗ trợ muôn vật mà không tơ vương, dính bén muôn vật; xoay chuyển vòng biến dịch, mà chẳng chuyển dịch với bánh xe biến thiên, luân hồi.

“Hoàng đế nói: “Vũ trụ ở trong tay, vạn hoá sinh trong mình.

“Phật nói: “Thu bể khơi vào trong sợi lông, đem núi Tu Di lồng vào trong hạt cát, đâu phải là thuật lạ. Bất quá các Ngài đã nắm được trục Pháp Luân. Ôi vi diệu thay trục của Pháp Luân, hỏi mấy ai đã biết? Chẳng rõ được trục mà chỉ biết nói Pháp Luân vận chuyển, thì chóng chày cũng bị vận chuyển theo Pháp Luân, làm sao thoát vòng sinh tử được?” ^[4]

Như vậy, nếu ta đặt 2 chữ Trung Dung vào tâm điểm một vòng tròn, ta sẽ có ngay 1 chìa khoá thần để mở các chốt then đạo giáo, thấu triệt huyền cơ vũ trụ và con người. ***Thực vậy, nếu ta nhận định rằng Tuyệt đối hằng cửu, bất biến ở ngay tâm điểm mọi vòng biến dịch, ta sẽ nhận định ngay được rằng Tuyệt đối hằng cửu ở ngay trung tâm não bộ chúng ta, vì đầu ta là một hình cầu.***

Lão giáo gọi nơi đó là Huyền quan Khiếu, là Cốc Thần là Nê Hoàn. **Phật giáo với lời Chú: Oum, mani Padme Hum đã xác nhận rằng giữa bông hoa sen đầu não chúng ta, đã có sẵn Ngọc Châu Viên Giác.**

Học giả Lilian Silburn, trong tác phẩm *Instant et Cause* đã viết: ***“Tìm ra được Chân Tâm tương đương với Brahman Thượng Đế, vừa là tâm điểm của lòng***

mình, vừa là Tâm Điểm của vũ trụ, là một khám phá lớn lao của các vị Đạo sĩ Bà La Môn, sự khám phá này đã dẫn tới sự thành hình của bộ Áo Nghĩa Thư.”^[5]

Sau khi đã trình bày hai chữ Trung Dung như là Tâm Điểm bất biến của vũ trụ và của lòng con người, ta có thể nói một cách chắc chắn như sau: **Bất kỳ ở tôn giáo nào, nếu con người chưa tìm ra được Thượng đế ngự trị trong tâm khảm mình, làm chủ chốt cho mọi tâm tư, hành vi trong ngoài mình, thì con người vẫn còn ở trong vòng mê lạc, chưa thể nào có thể giải thoát được.**

Tất cả những lời trình bày minh biện ở trên chỉ có mục đích đưa tới một nhận xét sơ khởi này là: Trung Dung chính là Thiên Đạo.

TRUNG DUNG LÀ THIÊN ĐẠO.

Để cho vấn đề được sáng tỏ, chúng ta có thể dựa vào thuyết Tam Tài của Nho Giáo, mà nhận định rằng: **Thực ra con người không phải chỉ có một thứ Đạo, mà có đến 3 thứ đạo:**

a) Trước hết, vì có Xác, nên con người cần phải khai thác ngoại cảnh, để nuôi dưỡng chăm sóc xác thân cho nó được no ấm, khoẻ mạnh. **Đó là Địa Đạo hay Vật Đạo.**

b) Thứ đến, vì có Tâm Hồn, nên con người phải ăn ở cho xứng đáng, đối đãi với nhau cho hân hoan, để khỏi thẹn với danh hiệu con người. **Đó là Nhân Đạo.**

c) Sau hết vì con người có Thiên Tính, có Thần, nên con người phải sống siêu việt lên trên bình diện tâm hồn, sống trên bình diện siêu linh, thần thánh hoá mình, để sống phối hợp với Thượng Đế, ngay từ khi còn ở gian trần này. **Đó là Thiên Đạo.**

Người xưa, cũng còn gọi Thiên đạo là đạo Trung Dung, hay Trung Đạo, hay Chân Đạo hay Đại Đạo.

Thiên đạo không dạy ta van vái một Thần Minh nào, dù là siêu việt đến đâu, mà chỉ nhắc nhở chúng ta rằng chính mình chúng ta đã sẵn có bản thể Thần Minh, vì thế chúng ta cần phải trở thành Thần Thánh.

Trung Đạo hay Thiên Đạo, theo đúng như lời Hegel đã nói, là sự cao cả mà con người đã đạt được, sau khi đã tháo gỡ được mọi phiền phức, trở ngại, để đi vào đời sống vô cùng. Đó là Chân Đạo.^[6]

Chân Đạo chính là sự vươn mình lên cho tới Thần Linh.^[7]

NHỮNG NÉT ĐẶC THÙ CỦA ĐẠO TRUNG DUNG.

A. Con người với Trời có đồng một bản tính.

Trung Dung với mấy chữ vấn vôi: “Thiên Mệnh chi vị Tính” đã cho chúng ta thấy rằng: Con người nếu muốn bước vào Thiên Đạo, trước hết phải có một nhận thức nghiêm chỉnh và chính xác về Bản Thể mình, Bản Tính mình.

Trung Dung cho rằng Bản Tính con người chính là Thiên Tính. Nói nôm na, **Bản tính con người và Bản Tính Trời là một.**

Thế tức là sau những **bộ mặt nạ hoá trang, mà sân khấu đời đã bắt ta phải mang, phải giữ**, sau những lớp bùn đất thời gian, ngoại cảnh bên ngoài của những con người thực tại (empirical ego; moi empirique), còn đang luân lạc trong chôn bụi hồng

của trần ai, tục luy, còn có **bộ mặt vô cùng xinh đẹp của con người lý tưởng** (ideal ego; moi idéal) ẩn khuất bên trong. Bộ mặt đó, người Á Đông theo Phật giáo, thường gọi là **Bản Lai Diện Mục**.

Từ khi tôi khám phá ra được điều quan trọng này, tôi đã dùng nó như là kim chỉ nam, để tìm cho ra Đại Đạo khuất lấp trong các cánh rừng sâu tôn giáo và triết học trên thế giới.

Gần đây, có dịp đọc quyển *Lịch Đại Cao Tăng Cổ Sự*, tôi thấy Hoà Thượng Đạo Sinh, sống vào thời đại Nam Bắc Triều bên Tàu, đời Lưu Văn Đế (424-453) cũng có chủ trương y hệt như tôi. Đạo Sinh bình rằng: **Nhà Nho gọi là Thiên Mệnh, thì Nhà Phật gọi là Phật Tính, mà Phật Tính là Thiên Tính.** ^[8]

Ấn Độ giáo cũng cho rằng Con người chân thực trong ta chính là Atman, Brahman. **Tat Tvam Asi = Con là Cái Đó.**

Phật giáo nhất là nơi kinh Đại Niết Bàn chủ trương rằng mọi người đều có Phật Tính.

Thánh Kinh cũng có một câu làm tôi hết sức sung sướng. Đó là **Thượng Đế chính là sự sống của bạn.** ^[9]

Nếu Thượng đế là sự sống chúng ta, thì Ngài chính là Bản Thể chúng ta vậy. Ngài xưng Mình: **“Ta là Bản Thể “ (Ego sum qui sum. Exodus 3, 14).** ^[10]

Hội Nghị Thông Thiên Học Quốc Tế tại Salzbourg nước Áo có những lời tuyên ngôn hết sức nảy lửa. Ví dụ:”

-Trong ta có một Vô Cùng. ^[11]

-Giác Ngộ tâm linh sẽ mặc khải cho thấy yếu tố Thần Linh duy nhất trong Tâm Thần mọi người. ^[12]

-Thời buổi này, cần phải nhận chân rằng trong mọi con người, có một tàn lửa Thiên Chân và những khả năng vô biên, vô tận. ^[13]

-Tôn giáo xưa cho rằng Trời và người xa cách nhau. Thông Thiên ngày nay cho rằng Trời Người là một. ^[14]

B. Nhân Tâm thuận tòng Thiên Lý thế là Đạo. (Suất tính chi vị Đạo)

Theo *Trung Dung*, Đạo Trời thật là chí giản, chí dị. Muốn theo Đạo Trời, muốn theo Thiên Lý, con người chỉ cần lắng nghe tiếng gọi của Lương Tâm. *Trung Dung* gọi thế là Suất Tính.

Lương Tâm luôn luôn dạy chúng ta làm những điều cao đại, minh chính, luôn luôn dạy chúng ta từ bi, hỉ xả, coi người như mình, trọng Nghĩa, khinh Lợi.

Còn tư tâm chúng ta thì luôn luôn muốn làm những điều tà nguy, bất trung, bất chính, ích kỷ, hại nhân, vọng hành, vọng niệm.

Như vậy, thuận tòng Thiên Lý, tức là gạt bỏ những điều tà nguy, để tiến tới công chính, từ bỏ mọi điều ti tiện, cục cằn để vươn lên tới tinh hoa, cao đại.

Vương Dương Minh nhận định về Lương Tâm, Lương Tri như sau: *“Lương Tâm ở trong người ta như ánh sáng của mặt trời ở trong không gian. Khi ta ngồi vào chỗ tối, ta tưởng là không có ánh sáng nữa, nhưng kỳ thực nó vẫn vằng vặc trong khoảng trời đất. Chỗ tối ấy là vọng niệm, là tư dục, nó chỉ che được cái sáng, chứ không làm mất*

cái sáng... Sự học cốt là bỏ cái tối, cái che đi, để thấy rõ cái sáng của Lương Tri vậy...”^[15]

Bà H. P. Blavatsky, viết trong quyển **Mật Giáo (Doctrine Secrète)**: “Chỉ có Nguyên Lý tuyệt đối, bất khả tư nghị, căn nguyên vạn hữu, mới đáng có đền thờ và bàn thờ trong khu đất thiêng liêng và u tịch của lòng ta. Nguyên Lý ấy, nhìn không thấy, bắt không được, mung lung, huyền ảo (nhưng ta vẫn có thể cảm thấy được) qua trung gian, tiếng nói thâm lặng của Lương Tâm. Kẻ nào thờ phượng Nguyên Lý tuyệt đối ấy, phải thờ trong yên lặng và trong sự u tịch thiêng liêng của Tâm Hồn mình.”^[16]

Bà Blavatsky còn viết: “Atman, Đại Ngã... sẽ tỏ quyền năng cho kẻ nào có khả năng nghe được tiếng nói thâm lặng của Lương Tâm. Từ thuở ban sơ, cho đến thời hiện đại, không có một triết gia chân chính nào mà không mang trong đền đài u tịch của tâm hồn mình Chân Lý cao đại và huyền diệu đó. Nếu là trường hợp người được điểm đạo, thì sự học biết về Lương Tâm lại trở thành một khoa học thiêng liêng...”^[17]

C. Trời, Luật Trời, Đạo Trời không rời con người một phút giây.

Đọc câu “**Đạo bất khả tu ru li**” nơi đầu sách Trung Dung, tôi đã tìm ra được 3 định luật quan trọng của người xưa:

- 1)-Một là Trời chẳng hề lìa xa con người.
- 2)-Hai là Luật Trời chẳng hề có lìa xa con người, mà đã được ghi tạc vào trong tâm con người.
- 3)-Ba là Chân đạo hay là con đường dẫn từ Người tới Trời, đã có sẵn trong tâm thần mọi người.

Tôi tin rằng đó là những quan niệm hết sức xác đáng, hết sức phổ quát, cần được bàn bạc, suy tư, học hỏi cho tận tường.

-Trước hết, ta hãy bàn về **quan niệm Trời chẳng xa người**.

Quan niệm này chẳng những đã được trình bày nơi đoạn I, đoạn XVI sách **Trung Dung**, mà còn được trình bày trong **Kinh Thi**.

Trung Dung vì tin rằng Trời đã tiềm ẩn trong lòng con người và nhìn thấy rõ mọi tâm tư, niệm lự của chúng ta, nên đã khuyên người quân tử phải luôn luôn e dè, kính sợ, phải luôn luôn thận trọng, dầu là khi một bóng, một mình.

Trung Dung viết:

“ E dè cái mắt không nhìn,
Tai nghe không nói cho nên hãi hùng.
Càng ẩn áo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều,
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng...”^[18]

Kinh Thi viết:

Trái Tây Bắc góc nhà thanh vắng,
Đừng làm chi đáng để hổ ngươi.
Đừng rằng tâm tối chơi vui,

*Đừng rằng tằm tối ai người thấy ta.
Thần giáng lâm ai mà hay biết,
Nên dám đâu khinh miệt, dễ người. ^[19]*

-Thứ đến là **Luật Trời chẳng lìa xa con người.**

Chương XIII, **Trung Dung** viết:

*“Đạo luôn gần gũi người đời,
Những ai lập Đạo xa rời chúng dân.
Hiếu kỳ, lập dị là làm.”*

Kinh Thi viết:

*“Đẻo cán rìu, có liền bên cán mẫu,
Trông lại nhìn, cố đấu cho in”
Ngắm đi, ngắm lại liền liền,
Đẻo lui, đẻo tới, mắt xem chưa vừa.
Nên quân tử khi lo giáo hoá,
Sửa trị người, sẵn có khuôn Người,
Thấy người giác ngộ, thời thôi,
Đã chiều cải hoá, liệu bài ta ngưng.” ^[20]*

Cụ Phan Bội Châu bình giải câu: “Dĩ Nhân trị nhân” của Trung Dung như sau: “Chữ Nhân (trong câu dĩ Nhân trị nhân) ở trên tức là **Chân Lý của Người tức là Đạo, chữ nhân ở dưới là thân thể của người, tức là nhân.** Lấy **Đạo người trị người** chính là kiểu mẫu không xa, lại còn thiết tha hơn Phật Kha (tức là đẻo rìu có sẵn cán mẫu bên cạnh mà theo) kia nữa. ^[21]

-**Con đường từ người tới Trời đã có sẵn trong tâm thần con người.**

Nhận định này chỉ là một sự suy diễn tự nhiên của quan niệm Trời chẳng xa người đã đề cập tới nơi trên.

Thực vậy, **Đạo chẳng qua là sự tìm ra được Trời ngự trị trong lòng mình, tìm lại được Bản Tính Thần Minh sang cả của mình, bắt được nhịp cầu giữa lòng mình với Thần Trời trong lòng mình, phạt quang được gai góc, lau lách của thất tình, lục dục, phá tan được lớp sương mù dày đặc của sự ngu si, mê vọng, tức là sẽ tìm lại được Trời, được Đạo nơi tâm.**

Mới hay:

*“Trời tuy thị vô biên, vô tận,
Nhưng mà Trời vẫn lẩn trong tâm.
Thật là kỳ ảo khôn cùng,
Không hơi, không tiếng vẫn lừng uy danh.
Khuôn phép Trời chí thành, chí thiện,
Tiếng của Trời là tiếng lương tâm,*

Mới hay trong chốn cát lằm,
 Muôn ngàn đã sẵn vô ngần ngọc châu,
 Mới hay giữa sông sâu, núi thẳm,
 Vẫn có đường bằng phẳng thênh thênh.
 Đường Trời rong ruổi mặc tình,
 Không xiên, không vẹo, không vênh, không tà.
 Đường Trời nọ bao la thẳng đặng,
 Không quanh co, không vặn, không xiên,
 Đường trời phẳng lặng, êm đềm,
 Không hề tráo trở, đảo điên, vạy vò.
 Đường Trời nọ thẳng vo, thẳng tấp,
 Vút một lèo tới cực cao minh,
 Đó là Duy Nhất, Duy Tinh,
 Đó là Thái Cực tinh thành xưa nay.
 Cuộc phù thế chớ say danh lợi,
 Bả lợi danh phát phối hão huyền,
 Chớ mê những cái đảo điên,
 Mà quên mất cái vững bền ngàn thu.
 Sông thế sự hãy ưa chèo ngược,
 Chèo ngược dòng lên tuốt căn nguyên.
 Căn nguyên là chính thanh thiên,
 Vô biên vô tận triền miên không cùng.
 Bỏ phù phiếm tìm tông, tìm tích,
 Dương cung thần ngắm đích thâm tâm,
 Ngắm vào Trung Điểm tâm thần,
 Ấy là thoát cội hồng trần lằm than.
 Như trắng sáng băng ngàn trần thế,
 Rẽ Dấu, Ngưu, đượm vẽ thần tiên.
 Ấy là Tâm Pháp thánh hiền,
 Ấy là Trung Đạo tương truyền xưa nay,, ^[22]

Thông Thiên học cũng chủ trương phải tìm Đạo, tìm Trời ngay trong lòng mình.

Ông Joy Mills, trong 1 bài thuyết trình tại đại hội Thông Thiên Quốc Tế ở Salzburg có trích dẫn 1 đoạn **Upanishads** như sau: “**Có một ánh sáng chiếu soi cùng khắp trời đất, đó là ánh sáng chiếu soi trong lòng chúng ta. có 1 nhịp cầu nối liền thời gian và vĩnh cửu, và nhịp cầu ấy là Thần con người. Trên cầu ấy chẳng có ngày đêm, chẳng có lão tử, chẳng có sâu muộn...**

Một khi đã tìm thấy nhịp cầu ấy, con người sẽ nhìn thấy rõ tương lai, sẽ khỏi hết thương tích, bệnh tật. Đối với ai đã vượt được cầu ấy, đêm sẽ trở thành như ngày, vì trong thế giới Thần Linh có một ánh sáng vĩnh cửu.” ^[23]

Đại Hội Thông Thiên Quốc Tế ở Salzbourg cũng còn nhận định rằng: **“Người ta thấy được Thượng Đế trong tạo vật Ngài...Ngay trong lòng mình, con người có thể tìm thấy đời sống Thượng Đế. Về phương diện đạo giáo, sự khám phá này cũng vĩ đại như sự khám phá ra nguyên tử năng. Nó cho con người 1 quyền lực tinh thần không bờ bến, cũng như nguyên tử năng đã cho con người một sức mạnh vật chất kỳ diệu.”** ^[24]

Nếu vậy, thì các vị Giáo chủ xưa nay, **thực ra đã không tạo ra được Đạo**, mà chỉ là những ngón tay chỉ cho ta thấy Đạo đã sẵn có nơi ta, chỉ là những người có công giúp chúng ta phát quang gai góc, phát quang lau lách đã mọc um tùm trong Tâm Hồn ta làm cho mất hết dấu vết của Đại Đạo mà thôi.

Cũng một lẽ Chân Đạo không thể xuất cảng được từ nước này sang nước nọ, và cũng không phải là một cái gì tự trên trời xa lắc rơi tòm xuống tâm hồn ta.

Năm 1961, nhân dịp ghé qua Pháp, một buổi tối, tôi đứng trên tháp Eiffel, ngắm cảnh trời mây ban đêm ở Paris, với những cảnh đèn rực rỡ, như muôn vì sao óng ánh trên các căn nhà, và các nẻo đường của Paris. Tôi hết sức xúc động khi nhận thấy rằng mặt trăng và những làn mây trên bầu trời Paris, cũng như bầu không khí nơi đây cũng y hệt như mặt trăng, và những làn mây trên bầu trời V.N. và không khí quanh tôi cũng hoàn toàn giống in, không chút chi khác biệt. Tất cả đều là những gì tôi đã thường xuyên thưởng ngoạn từ khi tôi còn tấm bé.

Tôi chợt suy ra rằng: Nếu mặt trời, mặt trăng, cần yếu cho tôi, thì Thượng đế chẳng hề tỏ ra xen xo và cũng đã ban cho tôi mặt trời, mặt trăng y thức như là đã cho mọi người trên thế giới. Nếu không khí cần thiết cho con người, thì ai sinh ra cũng được hít thở một bầu không khí như nhau. **Như vậy, nếu đạo giáo cần cho con người, thì ai sinh ra ở đời cũng đã mang sẵn như nhau một Chân Đạo ấy ở trong tâm, dầu là người thời ban sơ, hay thời thế mạt... chứ không phải nghiền cổ trông tới một thời nào đó mới có những người đem Chân Đạo nhập cảng vào để ban phát cho.** Và tôi cũng nhớ lời Chúa phán nhân dịp ban truyền 10 điều răn Thiên Chúa. Chúa đã phán rằng:” **Thực vậy, lề luật mà ta truyền dạy người hôm nay, không có ở ngoài tầm kích người. Nó không ở trên Trời, để người phải nói:” Ai lên Trời cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và được thi hành.” Nó cũng chẳng ở cách trùng dương để người phải nói:” Ai sẽ vượt biển cả cho chúng tôi, để tìm luật đó để chúng tôi được nghe biết và được thi hành.” Đạo kề bên người, Đạo ở trong miệng, trong lòng người, để người có thể đem thực hiện.”** ^[25]

-Những phương pháp tổng quát để tiến tới Chân Đạo.

Sau khi đã vạch rõ cho mọi người thấy rằng có một Căn cơ hết sức là sang cả, đó là Thiên Tính ; sau khi đã cho con người thấy rằng Trời, Đạo hay Định Luật Trời đã sẵn có trong tâm linh con người, Trung Dung đã đề ra 3 phương pháp chính yếu để giúp con người tiến tới hoàn thiện.

-Mở mang trí huệ, để đi đến chỗ đại trí, đại giác. Đó là TRÍ.

-Luôn luôn thực thi những điều hay, điều phải để tiến tới Nhân Đức thực sự. Đó là NHÂN.

-Cố gắng không ngừng, để phát triển năng lực tinh thần, để tiến mãi tới chỗ tinh vi, cao đại, đó là DŨNG.

Trung Dung viết:

*“Muốn thông thái không ngoài học vấn,
Muốn tu nhân, phải gắng công lao.
Muốn nên hùng dũng, anh hào,
Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm.
Trí, Nhân, Dũng tu thân ấy lý,
Biết tu thân ắt trị nổi người.
Trị người hiểu biết khúc dồi,
Con thuyền thiên hạ, âu tài đẩy đưa.”* [\[26\]](#)

Muốn phát huy những năng lực nội tại, những đức tính nội tại, con người không cần phải đi vào thâm sơn, cùng cốc, bề bạn cùng hùm beo, khi vượn, mà chỉ việc vui sống trong mọi hoàn cảnh mình gặp trên bước đường đời. **Trung Dung** viết:

*“Người quân tử sống theo địa vị,
Không ước mơ, suy nghĩ viễn vông.
Sang giàu sống lối sang giàu,
Nghèo hèn sống lối nghèo hèn ngại chi.
Tới man di, sống y man mọi,
Gặp gian lao vui nổi gian lao,
Bất kỳ sống ở cảnh nào,
Lòng người quân tử ra vào thoả thuê.”* [\[27\]](#)

Gần đây, Edgar Cayce, trong giấc thôi miên, cũng đã nói: *“Bạn hãy sống cho xứng đáng trong nơi chốn bạn ở. Khi bạn đã chứng minh được điều đó, Thượng Đế sẽ tìm cho bạn những con đường tốt hơn.”* [\[28\]](#)

Trung Dung cho rằng: Theo Đạo Trời, không phải là để mong làm những điều quái dị, cho hậu thế người khen, mà chính là bền vững theo con đường đạo đức, công chính cho đến kỳ cùng.

Trung Dung viết:

*“Tìm bí ẩn, làm điều quái dị,
Cốt mong cho hậu thế người khen.
(Xá chi chuyện ấy nhỏ nhen,)
Đã là quân tử, chẳng thềm quan tâm,
(Làm trai quyết chí tu thân,)
Đường đường quân tử, ta tuân đạo Trời.
Giữa đường, dứt gánh trở lui,
“Bán đồ nhi phé”, có đời nào đâu.
Trung dung quân tử trước sau,
Dẫu không tăm tiếng, không rầu lòng ai,
Thánh nhân, ấy thánh nhân rồi.”* [\[29\]](#)

Về công cuộc tu thân, sách Bhgavad Gita của Ấn Giáo cũng đã kích những lỗi hành hạ xác thân phi lý, và chỉ khuyên những lời ý vị như sau: “*Thanh tịnh, khiết trinh, từ bi, chính trực đó là Luyện Thân. Nói lời cho lành, cho đúng, cho khéo, cho hay, đó là Luyện Khẩu. Giữ cho tinh thần được thanh cao, tĩnh lặng, thái hoà, tự chủ được mình, đó là Luyện Thần.*” [\[30\]](#)

Tóm lại, đối với **Trung Dung**, bí quyết để tiến tới tinh hoa, cao đại, chính là học hỏi cho tinh tế, biện luận cho rạch ròi, tìm hiểu cho rốt ráo; khi đã nắm vững chân lý rồi, nhất quyết đem ra thi hành cho tới thành toàn.

Trung Dung viết:

“*Hoàn toàn là Đạo của Trời,
Trở nên hoàn thiện, đạo người xưa nay.
Người hoàn thiện cất tay là trúng,
Chẳng cần suy, cũng đúng chẳng sai.
Thung dung Trung Đạo thảng ngày.
Đó là vị thánh từ ngay lọt lòng.
Còn những kẻ cố công nên thánh,
Gặp điều lành, phải mạnh tay co,
Ra công học hỏi, thăm dò,
Học cho uyên bác, hỏi cho tận tường.
Đắn đo, suy nghĩ kỹ càng,
Biện minh thấu triệt, quyết mang thi hành.
Đã định học, chưa thành chưa bỏ,
Đã hỏi han chưa tỏ, chưa thôi.
Đã suy, suy hết khúc nôi,
Chưa ra manh mối, không rời xét suy.
Biện luận mãi, tới khi vỡ lẽ,
Chưa rõ ràng, không thể bỏ qua,
Đã làm, làm tới tinh hoa,
Tinh hoa chưa đạt, việc ta còn làm.
Người một chuyển, đầu toàn thắng lợi,
Ta tốn công, dở dối trăm khoanh,
Người làm 10 bận đã thành,
Ta làm nghìn thứ, ta ganh với người.
Đường lối ấy, nếu ai theo được,
Dẫu u mê, sau trước sẽ thông.
Dẫu rằng mềm yếu như không,
Sớm chày, cũng sẽ ra lòng sắt son.*” [\[31\]](#)

-Đạt đạo Trung Dung sẽ trở thành thần thánh.

Sau khi đã dùi mài học hỏi, suy tư đến mức khai thông được trí tuệ, sau khi đã tha thiết đem thực thi những điều hay, điều phải, đến mức nhân đức vẹn toàn, sau khi đã phát huy được năng lực tinh thần, để có thể tiến tới chỗ quảng đại tinh vi, đức chí cao, chí mỹ, chí thành, chí thiện, lúc ấy con người sẽ đạt tới Trung Cung, Trung Điểm, Trung Đạo. **Người xưa, gọi thể là thung dung Trung Đạo, là Phối Thiên, là “Sống hợp nhất với Thượng Đế”. Đó là đạt đích của Chân Đạo. Bất kỳ một hiền thánh nào trên hoàn vũ, lúc đạt đạo cũng chỉ tới lần mức đó mà thôi.**

Đại Học gọi thể là “chỉ ư chí thiện”.

Phật giáo gọi thể là Chính đẳng, Chính giác, là Bát Nhã Ba La Mật.

Pháp Sư Đạo Sinh, thời Nam Bắc Triều, đã nhận định về sự đắc Đạo của đức Phật như sau:

“ Thừa Phật tổ, Ngài được chính đẳng, chính giác, thực ra là tại vì Ngài đã khế hợp được với Thiên Tâm. Thế nhưng tất cả những đệ tử Ngài chỉ biết giữ những qui luật thấp hèn chẳng cần thiết, những tập tục chẳng ra gì, rốt cuộc là họ đã đem những chính hạnh, chính niệm của Ngài, đem những điều quan trọng thiết yếu của giáo lý Ngài, tung hô lên chín tầng mây biếc hết cả. ..” ^[32]

Trung Dung bàn về đắc thánh nhân đạt Đạo như sau:

“ Chỉ có đáng chí thánh trong trần thế,
Mới có đầy đủ thông minh, trí huệ,
Y như thể có Trời ẩn áo giáng lâm.
Mới khoan dung, hoà nhã, ôn thuận,
Y như thể có dung nhan Trời phát phưởng,
Phấn phát, tự cường, kiên cương, hùng dũng,
Y như là đã cầm giữ được sức thiêng.
Trang trọng, khiết tịnh, trung chính, triền miên,
Y như thừa hưởng được đôi phần kính cẩn.
Nói nâng văn vẻ, rõ ràng cẩn thận,
Y như là đã chia được phần thông suốt, tinh vi.
Mênh mang, sâu thăm, ứng dụng phải thì,
Mênh mang như khung trời bao la vô hạn,
Sâu thăm như vực muôn trùng sâu thăm thăm.
Thấy bóng Ngài, dân một dạ kính tôn,
Nghe lời Ngài, dân tin tưởng trọn niềm,
Ngài hành động, muôn dân đều hoan lạc.
Nên thanh danh Ngài vang lừng Trung Quốc,
Vượt biên cương lan tới các nước ngoài.
Đâu xe có thể đi, người có thể tới lui,
Đâu còn có Trời che và đất chở,
Đâu còn có nhật nguyệt hai vùng tỏ mở,

*Đâu có móc động, đâu có sương rơi,
Đâu còn có dòng máu nóng con người,
Ở nơi đó Ngài vẫn được tôn sùng, quý báu.
Thế nên gọi là “ Cùng Trời phối ngẫu”.*^[33]

Trung Dung cho rằng đạt điểm của Thiên Đạo là Phối Thiên, là sống hợp nhất với Thượng Đế. Khảo sách **Mật Giáo (The Secret Doctrine)** của bà Blavatsky, và giáo lý Thông Thiên, ta sẽ nhận thấy rằng niềm tin then chốt của Thông Thiên là: **Con người khi đã đạt tới chỗ toàn trí, toàn thiện cũng sẽ thông phần toàn trí, toàn năng của Trời.**^[34]

KẾT LUẬN

Trên đây, tôi đã chứng minh rằng **Trung Dung** có mục đích dạy chúng ta Thiên Đạo. Tôi cũng đã chứng minh rằng Thiên Đạo không phải là sản phẩm riêng tư của Đạo này, Đạo nọ, mà chính là của chung của mọi người. Cái kho tàng vô giá ấy Trời dành cho bất kỳ ai có lòng thành khẩn tìm cầu. Thiên Đạo chẳng qua là những chặng đường tiến hoá của tâm linh con người, từ lúc còn là mầm mống thần linh, cho đến khi đạt đạo, tiến tới cùng cực tinh hoa, cao đại, Chí Thành, Chí Thiện.

Tôi cũng đã lấy những quan niệm của **Trung Dung**, đem so sánh với quan niệm của các bậc thánh triết cổ kim, để cho thấy rằng: Con người chúng ta ai cũng có một bản chất hết sức là sang cả, một định mệnh hết sức là sang cả.

Nếu vậy, thì chúng ta sinh ra ở cõi đời này, sau trước cũng phải thực hiện một cuộc hành trình -Không phải là một cuộc hành trình thiên sơn vạn thủy nơi ngoại cảnh, mà chính là một cuộc hành trình nội tâm để tìm Đạo, tìm Trời.

Chúng ta chính là những vị Thần Minh, những vị Thiên Tử đã lạc xuống hồng trần, rồi vì va chạm với cảnh đời éo le, gian khổ nên đã quên lãng mất dòng dõi cao sang của mình, lạc lõng, lao lung trên muôn nẻo đường trần ai, ngoại cảnh, quên mất hần con đường trở về Thiên Quốc.

Như vậy, đôi lúc chúng ta cũng nên cầm sào lại trên dòng sông thời gian, dành một ít phút để suy tư về thân thể và định mệnh của mình, và cũng là hồi tưởng con đường trở về Thiên quốc.

Tôi xin nhắc nhở rằng con đường trở về Thiên quốc của chúng ta không thể nào tìm thấy được trên muôn vạn nẻo đường của trần ai, ngoại cảnh, mà chính là đã có sẵn ở trong tâm thần chúng ta.

Con đường ấy, vì lâu ngày ta không ngó ngàng tới, nên đã để lau lách đục tình che khuất mất, để cho mây mù vọng niệm che phủ mất. Chúng ta hãy dùng ánh sáng của mặt trời Tuệ Giác, hãy dùng lưỡi kiếm bén của sự hùng dũng tinh thần, để trông cho tỏ hướng đi, để phạt cho quang con lộ, nhiên hậu ta sẽ thành thoi rong ruổi trên con đường tìm Đạo, tìm Trời, và một ngày nào đó ta sẽ được điểm phúc trực diện Thiên Nhan.

Và để kết thúc bài này, tôi xin mượn lời kinh Vệ Đà mà tôi đã mạo muội dịch thành mấy câu Lục Bát sau đây:

*“ Đường Trời cao vút tầng mây,
Ai ơi, đừng có một ngày lui chân.
Đức Trời lòng với kinh luân,
Ta đem ta sẻ, ta phần cho ai,
Hãy lên rong ruổi xe trời,
Bằng miền cực lạc, muôn đời trường sinh.
Răng long, đầu bạc, mặc tình,
Đừng bao giờ nói rằng mình già nua.
Thần thông Trời đã phú cho,
Bạc đầu, lòng vẫn phởn phơ nhẹ nhàng.
Vén mây, vượt núi, băng ngàn,
Đường Trời chót vót chớ màng lui chân.”*^[35]

CHÚ THÍCH

^[1] J'ai déjà vu la plus grande moitié de cette vie flottante,
Ah, qu'il y a un mot magique,
Ce mot: **Moitié** d'une portée si riche,
Il nous fait goûter plus de joie,
Que nous n'en pouvons posséder.
Le meilleur état de l'homme
Est à mi-chemin de la vie,
Quand un pas ralenti nous permet le repos;
Le monde se trouve à mi-chemin entre la terre et le Ciel'
Vivre à mi-chemin entre la ville et la campagne,
Avoir des fermes à mi-chemin entre les rivières et les montagnes,
Être à demi-savant, à demi-châtelain, à demi homme d'affaires,
Vivre à moitié comme un noble,
Et à moitié comme le commun des gens,
Avoir une maison moitié belle, moitié laide
Moitié élégamment meublée et moitié nue;
Des vêtements moitié vieux, moitié neufs,
Et une nourriture mi-recherchée, mi-simple;
Avoir des serviteurs ni trop intelligents, ni trop bêtes;

Une femme qui soit ni trop simple, ni trop habile.
 Au fond, je me sens moitié d'un Bouddha,
 Et presque la moitié d'un bienheureux taoïste,
 La moitié de moi-même tourné vers le Ciel,
 L'autre moitié vers mes enfants,
 Pensant à moitié comment assurer l'avenir de ma postérité,
 Et à moitié comment me présenter devant Dieu,
 Quand le corps sera laissé en repos.
 Il est le plus sagement ivre, celui qui est à moitié ivre;
 Et les fleurs à moitié en boutons sont les plus belles;
 Les navires à demi-voilés naviguent le mieux;
 Et les chevaux avec des rênes à moitié tendues trottent le mieux;
 Qui possède moitié trop est inquiet,
 Et qui possède moitié trop peu désire posséder plus.
 Puisque la vie est à la fois amère et douce,
 Celui qui n'en goûte que la moitié est plus sage et plus intelligent.

L'Importance de vivre de Lin Yu Tang, p. 123-124.

[2] “Ô moines, il y a un état non-né, non-devenu, non-conditionné, non-composé. S'il n'y avait pas un tel état qui soit non-né, non-devenu, non-conditionné, non-composé, il n'y aurait aucune évasion possible pour ce qui est né, ce qui est devenu, ce qui est conditionné. Puisqu'il y a un tel état, il y a une évasion de ce qui est né, de ce qui est devenu, de ce qui est conditionné, et de ce qui est composé.”

Présence du Bouddhisme, p. 266 -Udana p. 129, Colombo, 1929.

[3] Nous devons donc d'abord trouver quelque part un centre d'où partent pour ainsi dire tous les autres plans de l'existence. Une fois là, nous devons essayer de trouver une solution. Voilà le programme.

Où est ce centre? Il est au-dedans de nous. Les anciens sages ont cherché de plus en plus profondément jusqu'à ce qu'ils aient trouvé qu'au coeur le plus intime de l'âme humaine est le Centre de l'univers tout entier. Tous les plans gravitent vers ce seul point; il est le terrain commun et c'est seulement en nous plaçant là que nous pourrions trouver une solution commune.

Vivekananda, Jnana Yoga, p. 138.

[4] **Văn đạo tử giảng đạo tinh hoa lục** (chữ Hán) tr. 366.

[5] “La découverte du Centre du soi qui coïncide avec Brahman, et qui correspond au centre de l'espace et au centre du temps, ces deux centres qui permettent au sacrificiant d'échapper à l'espace et du temps, est la grande découverte des Brahmanes, celle qui mène à l'orée de L'Upanishads.” (Lilian Silburn, *Instant et Cause*, p. 103.)

[6] Cette grandeur que l'homme a acquise par lui-même, en se dégageant de ses entraves pour entrer dans la vie de l'infini, c'est cela la Religion.

Robert Tucker, Philosophie et Mythe chez Karl Marx, Paris, Payot, p. 32.

[7] La Religion consiste à s'élever au niveau de la vie divine.

Robert Tucker, *Philosophie et Mythe chez Karl Marx*, Paris, Payot, p. 32.

[8] 所謂佛性就是天性。也就是儒家之所謂天命，所謂道了。難怪孔夫子說：昭聞道夕死可矣。

Sở vị Phật tính tựu thị Thiên Tính, dã tựu thị Nhu Gia sở vị Thiên Mệnh, sở vị Đạo Liễu. Nan quái Khổng Phu Tử thuyết: Chiên văn Đạo tịch tử khả hĩ.

Lịch Đại Cao Tăng Cổ Sự, q. 7, tr. 30.

[9] Dieu, dit l'Écriture, est la vie de l'homme : Ipse est vita tua. (Deutéronome XXX, 20), texte de la Vulgate cité par St Thomas d'Aquin, Summa Theologiae, Ia-IIae, P. 10a, I, Obj. 2) et St Augustin a souvent cité que Dieu est la vie de l'âme, comme l'âme elle-même est la vie du corps. Il est donc la vie de notre vie. (Saint Augustin, Confessions VII, 1, 2 et X, 6,10)

Etienne Gilson, *Théologie et Histoire de la Spiritualité*, Paris, Librairie philosophique J. Vrin, 1934, p. 10.

[10] Xưa nay thường không ai dịch được câu này cho ra hồn. Nguyễn Thế Thuán dịch: **Ta coó**. Thực không ai hiểu nổi!

[11] Il y a un Infini en nous.

(*Florilège de la Pensée Philosophique Moderne*), **Lotus Bleu**, 72 Année, No 11, Nov. 67, p. 293.

[12] L'Illumination spirituelle révèle un élément unique qui est dans l'esprit et dans le coeur de tout être humain.

(*Florilège de la Pensée Philosophique Moderne*), **Lotus Bleu**, 72 Année, Aout, Septembre 67, p. 235.

[13] Notre temps a besoin de reconnaître en tout homme une étincelle divine et des possibilités infinies.

Ibid. p. 235.

[14] Pour la Religion, Dieu et Homme, la Qualité et la Forme étaient séparées, elle enseigne maintenant qu'ils sont Un.

Lotus Bleu, 72 Année, Décembre 67, p. 326.

[15] Trần Trọng Kim, *Vương Dương Minh*, Tân Việt xuất bản, tr. 43.

[16] Madame Blavastky, dans la Doctrine Secrète, fait allusion à cette mystérieuse voix intérieure, dans ce beau passage (I, 277^e édition; I, 270, 7^e Édition) : "Seul, l'Inconnaissable et Incognoscible Kârana, la Cause sans Cause de toutes les causes, devrait avoir son sanctuaire et son autel sur le terrain sacré et solitaire de notre coeur, - insaisissable, indistinct, sauf par la "petite voix silencieuse" de notre conscience spirituelle . Ceux qui l'adorent, devraient le faire dans le silence et la solitude sanctifiée de leurs âmes..."

Lotus Bleu, 73^e Année, Janvier, 1968, p. 17.

[17] "L'Atman, le Soi...montrait toute sa puissance à celui qui était capable de reconnaître " la petite voix intérieure". Depuis les jours de l'homme primitif...jusqu'à

notre âge moderne, il n'y a pas eu un philosophe digne de ce nom qui n'ait pas porté dans le sanctuaire silencieux de son coeur la grande et mystérieuse vérité. Si c'était un Initié, il l'apprenait comme une science sacrée...

Doctrine Secrète, vol. V, p. 67.

Lotus Bleu, 73^e Année, No I, p. 18.

[18] **Trung Dung**, chương I.

[19] *Kinh Thi, Đại Nhã, Úc Thiên.*

[20] **Trung Dung**, XIII.

[21] *Khổng học đặng*, I, tr. 332.

[22] **Trung Dung yếu chỉ** của tác giả.

[23] "Il y a une lumière qui brille au-delà de toutes les terres, au-delà de nous tous, au-delà des cieux vraiment les plus hauts.

C'est une lumière qui brille dans nos coeurs. Il y a un pont entre le temps et l'éternité, et ce pont est l'Esprit dans l'homme. Ni le jour, ni la nuit ne traverse ce pont, ni la vieillesse, ni la mort, ni le chagrin... Quand on a trouvé ce pont, les yeux de l'avenir peuvent voir, les blessures du blessé guérissent, et le malade guérit de sa maladie. Pour celui qui franchit ce pont, la nuit devient comme le jour, parce que, dans le monde des Esprits, il y a une lumière qui est éternelle."

Lotus Bleu, 72^e Année, No 4 Avril, 1967, p. 115.

[24] On trouve Dieu dans sa création...dans le coeur même de l'homme, on peut trouver la vie divine. En religion, cette découverte est aussi révolutionnaire que la découverte atomique. Elle place dans la main de l'homme un pouvoir spirituel sans limite, comme l'énergie atomique lui a donné un prodigieux pouvoir physique.

Lotus Bleu, 72^e Année, No 12 Décembre, 1967, p. 327.

[25] *Deutéronome*, XXX, 11-14.

[26] **Trung Dung** XX.

[27] **Trung Dung** XIV.

[28] Soyez ce que vous devriez être à l'endroit où vous vous trouvez, et quand vous aurez fait vos preuves, il vous mènera vers des voies meilleures.

Cina Cerminara, *De nombreuses demeures*, Adya Paris, 1966, p. 278.

[29] **Trung Dung**, XI.

[30] La pureté, la droiture, la chasteté, la mansuétude sont appelées austérités du corps. Un langage dépourvu de malveillance, qui est véridique, agréable, bienfaisant... est appelé l'austérité de la parole.

Le calme de l'esprit, l'équilibre, le silence, la maîtrise de soi-même, la pureté de l'être, telle est l'austérité de l'esprit.

Bhavad Gita XVII, 14-16.-Leadbeater, *L'Occultisme dans la Nature*, p. 164.

[31] **Trung Dung** XX.

[32] *Lịch đại cao tăng cổ sự*, Đạo Sinh, tr. 1-2.

[33] **Trung Dung** XXXI.

[34] Et ainsi, nous sommes installés dans notre schéma planétaire, et nous disons qu'il est une partie de la Doctrine Secrète que les attributs de Dieu " Omniprésence, Omniscience, et Omnipotence peuvent être réalisés par l'homme, dans sa plénitude comme homme et humanité, les réalisant et les libérant en elle-même. (E. L. Gardner Le Jeune, *De La Connaissance* p. 10.) **C'est ce que nous voulons dire quand nous parlons de la Divinité de l' homme.** (Wallace Slater in *Lotus Bleu*, Décembre, 97, p. 318)

[35] Steep and high is your path of pilgrimage,
O man, never descending low.
I have equipped Thee with the divine wisdom and power
To live a full and vigorous life.
Come and enter in the divine chariot of the immortal bliss.
Never say, you are old, my traveller,
With the advancing age,
Bless thee with the wealth of wisdom,
You shall ever remain young and vigorous .
Steep and high is your path, never descending low.

CHƯƠNG XXIX

TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.

Cao Đài Giáo là một đạo tương đối mới mẻ. Nó mới chính thức chào đời năm 1926. Tuy nhiên, ta không nên đánh giá một đạo giáo vì đó là một đạo giáo mới hay cũ, mà vì nội dung nó hay, hay dở mà thôi.

Cao Đài giáo tin rằng mình sẽ trường tồn với thời gian, trong vòng "thất ức niên dư", mỗi ức là mười vạn, mỗi vạn là mười ngàn năm. ^[1]

Cao Đài dùng cơ bút để lập đạo.

Đại Đạo tam kỳ phổ độ.

Đại Đạo là gì? Thừa là tinh hoa các đạo giáo xưa nay.

Tam Kỳ là gì? Đó là tinh hoa các đạo giáo thiên hạ, của 3 thời kỳ, từ Thượng cổ, Trung Cổ và Cận Kim.

Phổ độ là gì? Thừa là muốn cứu rỗi mọi người, chẳng trừ ai.

Đại Đạo tam kỳ phổ độ nòng cốt là theo tinh hoa Tam Giáo Nho, Thích, Lão nhưng cũng tham khảo Thiên Chúa Giáo, Bà La Môn, Hồi Giáo v.v...

Hiếu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ như trên có lẽ hay hơn. Khi còn ở VN, trong những năm cộng tác với Cao Đài, đường Cống Quỳnh, Saigon, tôi đã chủ trương như vậy. Đạo Hữu Thiên Vương Tinh cũng đồng ý với tôi, và trong Cao Đài Giáo Lý, rằm tháng 2, năm Kỷ Mùi đã viết 1 bài: Tìm hiểu **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ** rất sâu sắc, nơi các tr. 40-48.

Sang Hoa Kỳ, đọc quyển **Lịch Sử Đạo Cao Đài** của Lê Anh Dũng, tôi thấy Ông luận về mấy chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rất là cao siêu.

Ông nhận định: Kỳ Ba diễn ra từ sau nửa thế kỷ XIX.

Ông suy luận tiếp: Trong 2 thời kỳ trước, các nền tư tưởng triết giáo tiêu biểu nói trên, còn bị ngăn cách. Sang kỳ ba, thế giới ngày một gần lại, con người đã chinh phục được khoảng cách thiên nhiên. Phương tiện ấn loát và thông tin ngày càng phát triển cùng với phương tiện giao thông đã góp phần đưa các nền tư tưởng gần lại, giao lưu với nhau.

Kỳ Ba như vậy có một đặc sắc riêng là **xu thế dung hoà và tổng hợp tư tưởng Đông Tây kim cổ**.

Năm 1862, tại Iran, Bala Ulla sáng lập đạo Bahai, chủ trương các tôn giáo đều có chỗ đại đồng.

Năm 1875, tại Hoa Kỳ, bà Blavatsky (người Nga) lập trụ sở Thông Thiên Học ngay tại New York. Năm 1879, trụ sở này rời về Ấn Độ, đặt tại Madras. Thông Thiên học đề cao chân lý đại đồng, hướng con người thoát ra vỏ ốc tôn giáo (religions) để tiến lên Đại Đạo (sur-religion) bằng cách nêu tiêu ngữ: “Không tôn giáo nào vượt qua chân lý.”

Các triết gia, học giả đã làm nổi lên **phong trào đối chiếu và tổng hợp tư tưởng triết giáo, nhằm nỗ lực định hướng con người gần lại nhau trong tư tưởng đại đồng, vạn giáo nhất lý**.

Cuối thế kỷ XIX đã có hai sự kiện đáng kể:

- Năm 1893, Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới được triệu tập tại Chicago (Hoa Kỳ).

- Năm 1900, Hội Nghị Quốc Tế về Lịch Sử Tôn Giáo (lần I) được triệu tập tại Paris (Pháp)

Hai sự kiện trên đã mở đường cho những hoạt động nhằm cổ vũ cho một lý tưởng hoà đồng tôn giáo và dung hợp tư tưởng vào các thập niên kế tiếp. Chẳng hạn:

- Năm 1839, Radhakhrisnan dạy tôn giáo đối chiếu tại Đại Học Oxford.

- Năm 1959, Viện Văn Hoá Pháp và Đại Học Paris mở khoa Tôn Giáo đối chiếu.

- Năm 1960, Hội Nghị Quốc Tế về Lịch Sử Tôn Giáo (lần X) được triệu tập tại Marburg (Đức)

- Năm 1961, Đại Học Chicago và Đại Học Yale (Hoa Kỳ) xuất bản các **tập san định kỳ để làm diễn đàn cho phong trào đối chiếu và tổng hợp triết giáo**.

- Năm 1963, Đại Học Sorbonne (Pháp) mở khoa **Triết Lý đối chiếu**.

Theo A. J. Bahm, “tiềm tàng trong bản chất của Tôn Giáo là mỗi Tôn Giáo đều tự nhiên tìm cách trở nên **đại đồng và (...) các tôn giáo trên thế giới sẽ có xu thế hướng về một nền tôn giáo toàn cầu**.”

Sự chuyển biến nhận thức về tôn giáo trong 2 ý hướng chủ yếu (a) toàn cầu và (b) hiện đại, tựu trung chính là sự nhận thức về nhu cầu mới của **nhân loại đang khao khát một nền đạo đại đồng vượt mọi biên cương, chủng tộc**. Suốt thế kỷ XX, ở nhiều nước đã có nhiều hoạt động phục vụ cho lý tưởng này. Tất cả nhìn riêng, là một

khâu, một mắt xích trong toàn chuỗi xích của **phong trào vận động và tìm kiếm cho nhân loại một Đại Đạo**.

Ở trên đã nói về hai chữ Tam Kỳ. Hai chữ Đại Đạo bao hàm cái ý nghĩa vượt lên tôn giáo cố hữu của nhân loại. Nói cách khác, **Đại Đạo là siêu tôn giáo (Sur-religion), hai chữ Phổ Độ ngụ ý rằng đối tượng cứu rỗi là toàn thể chúng sinh (Universalism).**^[2]

Đọc kỹ những lời lẽ trên, ta thấy hiện ra những tư tưởng sau đây:

1. Con người đang khao khát đi tìm một chân lý đại đồng. Ngay Đạo Công Giáo nay cũng chủ trương hoà đồng tôn giáo.

2. Cao Đài chủ trương đại đồng, và Vạn Giáo Nhất Lý.

3. Cao Đài cho rằng các tôn giáo nay đã mất phần tinh hoa, phần chân truyền. Và Thượng đế khai đạo kỳ này, là muốn dạy lại cho nhân loại phần tinh hoa, mật truyền ấy.

4. Cho nên Cao Đài chia Đạo mình thành hai phần: **Phần Vô Vi, tức là phần Chân Truyền. Phần Phò Loan hay Phổ Độ, là phần tôn giáo thông thường.**

5. Đạo hữu Thiên Vương Tinh, trong bài *Tìm hiểu Tam Kỳ Phổ Độ*, đã viết rõ: **Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Tôn Giáo Cao Đài.**

6. Thượng đế dạy lại con người Phần Vô Vi; những giáo hữu có căn cơ, tuệ giác, tuệ căn lại gắng nghiên cứu phần Vô Vi mà nay thế giới gọi là Đạo Huyền Đồng (Mysticism) hay Thiên Nhân Hợp Nhất trong các Đạo giáo, thì trước sau gì Chân Lý cũng hiện ra cho mỗi người.

Tôi không là Cao Đài, nhưng tôi kính phục đường hướng trên, và cũng muốn đóng góp vào đó một phần nào.

Tại sao gọi là Đạo Cao Đài?

“Theo truyền tụng, trong *Ấu Học Quỳnh Lâm*, có câu “đầu thượng viết Cao Đài.” Léon Wieger, trong sách *Chinois Parlé* (Sienhsien, 1936, p. 133), dịch Đầu thượng là *Au commencement* (thoạt kỳ thủy, khởi đầu). Nhiều người lại hiểu Đầu thượng là Trên đầu.

Hiểu theo Wieger thì “*Thoạt kỳ thủy là Cao Đài*”, phù hợp với quan niệm Cao Đài hay Thượng đế là nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ vạn vật, là Alpha như *Tân Ước* đã chép.

Còn hiểu “*trên đầu là Cao Đài*” thì phù hợp với huyền học đạo Lão. Theo Đạo Lão, trên đầu có Nê Hoàn Cung, là nơi Thượng Đế nội tại. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

Thử hỏi Cao Đài ở chốn nao?

Người tu trở lại, trở về đâu?

Phải chăng tìm đến Cao Đài thượng,

Đài thượng vô vi tại đỉnh đầu.^[3]

Thánh giáo Sư Tập 1968-69 nơi trang 5, cho biết chỗ cất giấu chìa khoá thiêng, để mở cửa nhiệm huyền. “*Bao nhiêu huyền bí, thiêng liêng, nhiệm mầu, siêu việt,*

nhưng chìa khoá mở, Đức Chí Tôn đã đặt trong chỗ cao nhất của mỗi người, hãy tìm lấy, và mở lấy, hồi chư hiền.

Chỗ cao nhất trong con người là ở đâu?

Thưa là Nê Hoàn Cung, là Não Thất Ba, nơi Tâm Điểm đầu não con người. Cửa Trời ở đây, Thiên Nhân ở đây, Thượng đế ở đây, Thiên Thai cũng ở đây.

Đại Thừa Chân Giáo nơi trang 61, viết:

Chữ Cao Đài là gì? Là Côn Lôn Đình, hay là Nê Hoàn Cung, thuộc về Thượng giới...Thiên môn là cái gì? Là cái khiêu Nê Hoàn Cung đòu.

Cao Đài Giáo Lý số 89, viết:

Tĩnh giác chiêm bao, ó trẻ bày,

Đừng còn non núi, hoặc cung mây.

Cao Đài vẫn ở lòng con đó,

Bỏ tính tham lam sẽ gặp Thầy.

Như vậy, Cao Đài hay Thượng đế xưa nay không bao giờ rời xa con người, mà vẫn luôn ở sẵn trong lòng con người, và là Bản Thể con Người. Cao Đài là Bản Thể con người, ngự trị trong giữa đầu não Con Người.

Xưa Maisen hỏi tên Thượng Đế. Ngài trả lời: “Ta là Bản Thể”.^[4]

Câu này, cho đến nay, ít ai hiểu nổi. Cũng y như Thượng đế mới đầu xưng là Á.

Đức Cao Đài còn xưng mình là: Cao đài, Tiên Ông, Đại Bồ Tát, Ma Ha Tát.

Cao Đài biểu thị cho Nho Giáo.

Tiên Ông biểu thị cho Tiên Giáo.

Đại Bồ Tát, Ma Ha Tát biểu thị cho Phật Giáo. (Xem Đồng Tân, **Tìm Hiểu Đạo Cao Đài**, tr. 39-40).

Ngài còn xưng:

Nhiên Đăng Cổ Phật thị Ngã,

Thích Ca Mâu Ni thị Ngã.

Thái Thượng Ngươn Thuỷ thị Ngã,

Kim viết Cao Đài.

(Thánh Ngôn Hợp Tuyển, tr. 14)

Ngài cũng còn dạy:

Tên là cái giả triền miên muôn đời,

Xuống lên, lên xuống luân hồi,

Đến tên Ngọc Đế mấy hồi đổi thay,

Khi xưng Giáo Chủ Cao Đài,

Khi xưng Thiên Chúa, khi khai Di Đà,

Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha,

Bao lần Khổng Mạnh cũng Già này đây.

(Xem Đỗ Vạn Lý, **Tìm hiểu Đạo Cao Đài**, tr. 31)

Như vậy, chung qui đều là giả danh, tá danh. Đúng là: **Đạo khả Đạo, phi thường Đạo; Danh khả danh, phi thường Danh.** (*Đạo Đức Kinh*, Chương I)

Biểu Tượng Cao Đài: Thiên Nhân.

Thượng đế dạy Đức Ngô Minh Chiêu lấy Thiên Nhân làm biểu tượng cho Đạo Cao Đài, tại Phú Quốc vào năm 1921.

Trong một đàn cơ ngày 31 tháng Giêng năm Bính Dần (25-2-1926), Đức Cao Đài dạy tại sao lại dùng Thiên Nhân mà thờ như sau:

“...Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao về Thánh Tượng Con Mất mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

“ Nhân thị chủ Tâm

Lưỡng quang chủ tế

Quang thị Thần

Thần thị Thiên

Thiên giả Ngã dã.

“Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày đạo bị bể, lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho Thần hiệp Tinh, Khí đặng đủ Tam Bảo là cơ mầu nhiệm siêu phàm, nhập thánh.

“Từ ngày bể đạo, thì Luật Lệ hãy còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình mỗi phen đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng Tinh Khí. Thầy đến để hoàn nguyên Chân Thần cho các con đắc Đạo.

“Con hiểu:”Thần cư tại Nhân” Bổ trí cho chư đạo hữu hiểu rõ nguồn cội Tiên Phật yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên các con mỗi phen nói Đạo, hằng nhớ danh Thầy.”

Trong mấy câu ngắn gọn kể trên, bao gồm nhiều ý nghĩa quan trọng.

1. Thượng đế xưng mình là Ánh Sáng, là Thần ở ngay trong đôi mắt ta.
2. Ngài cho rằng xưa nay Thần con người đã bị Thiên Đình đánh lạc.
3. Nay Ngài đến để trả lại Thần cho con người.

Như vậy Thượng đế tuyên xưng Ngài là Ánh sáng là Thần, là Bản Thể con người, ở ngay trong mắt ta.

Ngài nói Con Người đã bị tẩn thần, thì trong **Genesis** cũng viết: *“Thần của ta sẽ không còn lưu tồn mãi nơi loài người, bởi chúng là xác thịt. Ngày đời của chúng là 120 năm.”* (**Gen** 6, 3).

Công giáo cũng vẫn cho rằng: Con người chỉ có Xác và Hồn, không có Thần.

Tiên tri Joel hứa Chúa trả lại Thần cho con người. *“Sẽ xảy ra là sau đó ta sẽ đổ Thần ta trên mọi xác phàm.”* (Jl, 3,1)

Cao Đài dạy ta đừng quên là ta có Thần Chúa trong ta. Những câu này, thiết đáng ghi nhớ.

Vô Vi và Phổ Độ.

Thượng đế lập Cao Đài gồm hai thành phần: Vô Vi và Phổ Độ.

Vô Vi.

Ngài truyền Vô Vi cho đức Ngô Minh Chiêu từ 1921.

Phổ Độ.

Ngài truyền Phổ Độ cho nhóm Phò Loan từ 1925. Nhóm Phò Loan gồm các ông Cao Quỳnh Cư (1887-1929), Cao Hoài Sang (1900-1971), Phạm Công Tắc (1890-1959), và sau này có thêm những Ông Nguyễn Trung Hậu (1892-1961), Lê Văn Trung (1895-1934), Lý Trọng Quý, Lê Văn Giảng, Võ văn Sang, Nguyễn Văn Hoài, Đoàn Văn Bản, Vương Quan Kỳ (1880-1940) v.v...

Có bảy đàn tiên đầu tiên là:

1. Đàn Phổ Hàng Dừa của nhóm Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc.
 2. Đàn Cầu Kho của nhóm Đoàn Văn Bản, Nguyễn Trung Hậu, Trương Hữu Đức, Vương Quang Kỳ, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Mùi v.v..
 3. Đàn Chợ Lớn do nhóm Lê Văn Trung, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu, Lê Bá Trang.
 4. Đàn Lộc Giang tại Chùa Phước Long của nhóm Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Tràng, Mạc Văn Nghĩa.
 5. Đàn Tân Định của nhóm Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Nguyễn Văn Thơ.
 6. Đàn Thủ Đức của nhóm Ngô Văn Điều, Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên.
 7. Đàn Tân Kim của nhóm Nguyễn Văn Lai, Ca Minh Chương, Phạm Văn Tươi.
- Có các Ông Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Phạm Văn Tiếp v.v...hầu đàn.

Sau này còn thêm được những đại đệ tử như: Nguyễn Ngọc Tương (1881-1951), Lê Văn Lịch (1890-1959), Trần Đạo Quang (1870-1946).

Đạo Cao Đài chính thức ra đời ngày 7/10/1926, và có 28 vị ký tên.

Buổi khai đạo, Đức Cao Đài cũng đã đem được Ngũ Chi về theo Cao Đài.

Ngũ Chi là:

1. Chi Minh Đường của Ô. Lê Văn Lịch.
2. Chi Minh Sư của Trần Đạo Quang.
3. Chi Minh Tân của Lê Minh Khá.
4. Chi Minh Thiện (Hạnh Thông Tây, Gia Định), thường thiên về quốc sự. Chi này qui tụ nhiều trí thức buổi đầu như Trần Hiền Vinh, Nguyễn Phan Long v.v...
5. Chi Minh Lý của Âu Kiết Lâm.

Do đó mà tôn chỉ đầu tiên của Cao Đài là **Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Hợp Nhất.**

Sau này các môn đệ Cao Đài chia làm nhiều chi phái như:

- *Vô Vi (1920) Chiêu Minh Đàn của Ngô Minh Chiêu.
- *Phổ Độ (1926) Lê Văn Trung và các Ông Cư, Tắc, Sang, Hậu.
- *Bến Tre (1938): Nguyễn Văn Tương.
- *Tây Ninh (1938): Phạm Công Tắc.

*Cầu Kho (1930): Vương Quan Kỳ.

*Minh Chân Lý (1931-1935): Nguyễn Văn Ca (Định Tường)

*Tiên Thiên (1932): Nguyễn Hữu Chính. (Cai Lậy)

*Minh Chân Đạo (1935): Cao Triền Phát (Cà Mau).

Chi Nhánh, chi phái rồi ra cũng sẽ hợp nhất.

*“Bửu toà thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp rán vun nền đạo đức,
Bền lòng son sắt, đến cùng ta.*

Cái nhánh các con là nhánh chính mình thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu...”

(**Thánh Ngôn Hiệp Tuyển**, tr. 7, đàn 20/2/26).

Thế nào là Vô Vi.

Vô Vi là phần cao siêu nhất trong một đạo giáo. Người theo Vô Vi phải có tuệ căn, phải có trình độ tu luyện, phải nắm vững được cái cao siêu bí diệu của Đạo Giáo. Cao Đài chỉ có một mình Đức Ngô Minh Chiêu là theo được Vô Vi. Ngài không tham quyền cao, chức trọng, sẵn sàng từ bỏ chức Giáo Tông (24-4-1926), và tách rời đám Phổ Độ.

Người theo Vô Vi trông thấy Trời, thấy Bản Thể Vũ Trụ, thấy Lương Tâm trong lòng mình. ^[5]

Phân Vô Vi trong Cao Đài chính là toát lược tâm pháp Triết Học, và Đại Đạo Chân Truyền.

Tâm Pháp triết học là gì?

Thừa là Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể. Đại khái chủ trương:

1. Vũ trụ hữu hình này là phân thể của một toàn thể, đã được phóng phát, tán phân ra.
2. Như vậy, vạn hữu đồng căn nhưng dị dạng, nhất thể vạn thù.
3. Thượng đế tiềm ẩn trong giữa lòng quần sinh, vũ trụ.
4. Giác ngộ là biết rằng con người có Bản Thể Thượng Đế, có tính Trời.
5. Tìm Trời, tìm Đạo phải tìm trong lòng, phải đi vào nội tâm.
6. Lúc chung cuộc, vạn vật sẽ siêu thăng, trở về với Thượng đế. Thế là Vạn Vật Tuần hoàn, chung nhi phục thủy.
7. Vũ trụ, lịch sử chuyển hoá hai chiều, vãng lai, thuận nghịch, thành 1 chu kỳ.

Đạo Hữu Thiên Vương Tinh viết: “Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể” theo Cao Đài Giáo là một nguyên lý, là Chân Lý, là Đạo chứ không phải chỉ là một quan niệm, một chủ trương hay một học thuyết.

Nguyên Lý Thiên Địa Vạn Vật Nhất thể được minh xác qua Thánh Ngôn, Thánh Giáo. ^[6]

Cao Đài chủ trương: **Trời Người đồng thể:**

*Con là một Thiên Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể Linh Quang.
(Thánh Giáo Sư Tập, 66-67, tr. 36)*

Hoặc:

*Thật là diệu diệu huyền huyền,
Trời người có một, chẳng riêng khác gì.
(Đại thừa Chân Giáo, tr. 65)*

Hoặc:

*Người là Tiểu Thiên Địa đó,
Người với Trời nào có khác chi.
Hễ Trời có những món gì,
Người người đều cũng đủ y như Trời.
(Đại thừa Chân giáo, tr. 65)*

Chẳng những vậy, muôn loài cũng đồng bản thể như nhau:

*Đạo là nơi Nhất Nguyên Chủ Tế,
Đạo cũng là đồng thể vạn linh.
(Thánh Giáo Sư Tập, 66-67, tr. 35)*

Như vậy, con người và vạn vật đều đồng bản thể với Đạo, với Trời. Chính từ cơ sở Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể mà phát sinh chủ trương ái nhân, ái vật. Tình Huynh Đệ Đại Đồng theo Cao Đài Giáo, không phải chỉ là tình của người với người, mà chúng sinh, vạn hữu đều là huynh đệ anh em, trước sau trên bước đường tiến hoá.

*Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương,
Căn bản làm đầu một chữ Thương.
Thương chúng, thương mình, thương tất cả,
Thì đem chân đạo sớm hoằng dương.
(Thánh Giáo Sư Tập, 72-73, tr. 157) ^[7]*

Cao Đài hứa cho con người Qui Nguyên Phản Bản, Thiên Nhân Hợp Nhất, phục hồi Nguyên Thần.

*“Chỉ một cái Tâm, Tâm vũ trụ,
Thoát ly vạn tướng, phục nguyên thần.”
(Thánh Giáo Sư Tập, 72-73, tr. 78).*

Cao Đài chủ trương con người có 3 phần:

Thần.
Khí (Hồn).
Tinh (Xác).

Thần là Trời, là phần bất biến trong con người. Còn gọi là Nhị Xác Thân hay Đạo Tâm, hay Nguyên Thần hay Chân Thân.

Nhị Xác Thân, hay Chân Thân là Cái xác thân vững bền muôn kiếp, sống mãi bằng Trời, không tử, không sanh, không thêm, không bớt. Luyện đặng cái Chân

Thân ấy, thì trường sinh, bất tử, khỏi phải chịu quả báo, luân hồi, đời đời, kiếp kiếp an hưởng vui chơi nơi Bồng Lai, Tiên Cảnh. Ấy là Chân Nhân vậy...^[8]

Khí tức là Hồn con người đầy thất tình, lục dục, biến hoá, vô thường, luân hồi, sinh tử.

Tinh tức là Phần Xác.

Những người theo Vô Vi sau này tu theo kinh **Đại Thừa Chân Giáo** của phái **Chiếu Minh** (Ngô Văn Chiêu), và Kinh này rất được ngưỡng mộ. Từ 17/7/97 tại Hải Ngoại lại có một đàn do đức Ngô Minh Chiêu giảng cơ, nhan đề là **Thánh Ngôn Học Đạo**. Văn chương tề chỉnh, ý tứ cao siêu, mục đích:

*Dạy người trở lại Huyền Khung,
Lập đời Thượng Cổ, khắp trong Hoàn Cầu.
(Đàn ngày 12/8/97)*

Hoặc:

*Tâm con chính thị Thiên Toà,
Gặp Thầy nơi đó, há mà tìm đâu.
Chừng nào con chứng Ni Mâu,
Thì Thầy ứng hiện Minh Châu nơi lòng.
(Đàn ngày 14/8/97).*

Hoặc:

*Phước thay sinh được làm người,
Là cơ hội học làm Trời, nghe con.
(Đàn ngày 19/8/97).*

Hoặc:

*Vòng vo vạn nẻo xa xăm,
Nào ngờ Trời Phật nơi tâm của mình.
Con ơi dạ nhớ đĩnh ninh,
Thầy luôn luôn ở bên mình con nghe.
(Đàn ngày 19/8/97).*

Hoặc:

*Trải bao kiếp nhờ vào Tiến Hoá,
Nay nhân loài đã quá vô môn,
Đã thành chính đẳng Chân Nhân,
Nhận ra Bí Nhiệm Lý Chân đời người.
**Nhận ra được Trời Người đồng thể,
Trời với Người chẳng phải hai ngôi.**
Vốn là Thiên Điển mà thôi,
Vận hành lưu chuyển, xiết ôi diệu kỳ.
Kỳ diệu thay Huyền Kỳ máy tạo,
Người với Trời vốn Đạo mà thôi.*

*Tầm phăng hiểu được con người,
Tự nhiên sẽ hiểu được Trời khó chi.*

*(Đàn ngày 11/9/ 97 giải về Thiên Nhân Đồng Thể, Vạn Pháp
Đồng Căn...)*

Ý Nghĩa Phổ Độ.

Phổ Độ là phần Sáng Lập một Tôn Giáo, cũng đủ mọi Lễ Nghi, Hình Thức, Lễ Luật, Giáo Điều. Đó là phần chi tiết, cho những người sơ cơ, bước vào đường Đạo. Phổ Độ chung qui sẽ phải nhường bước cho Vô Vi, vì Vô Vi mới là chủ đích chính yếu của Cao Đài.

Đạo Cao Đài tương đối là một đạo mới được sáng lập, nên có nhiều người không chịu tìm hiểu đã công khai mạt sát, trong số đó có Nguyễn An Ninh, Đào Trinh Nhất, Nguyễn văn Trung, Trần văn Giàu v.v... (Xem bài **Phê Bình những phê bình về các tôn giáo dân tộc & về quốc đạo Việt Nam**, của Lý Khôi Việt đăng trong Hoa Sen số 28, 15/5/ 1996, nơi tr. 189-123, Hoa Sen số 29 15/11/ 96 tr. 203-216, Hoa Sen, số 30, 15/1/97 tr. 157-187), nhưng cũng có những người có cái nhìn hết sức đúng đắn.

Ví dụ như Ông Lý Khôi Việt. Ông Lý Khôi Việt cho rằng Cao Đài *hấp dẫn hơn các tôn giáo khác đang thịnh hành lúc ấy, đạo này dung chứa, tổng hợp nhiều đạo đã có từ xưa đến nay, đạo này đã biết đổi mới những cái gì quá xưa cũ, lỗi thời, đã biết hiện đại hóa những truyền thống thân yêu, quen thuộc của dân tộc...*(Lý khôi Việt, Hoa Sen số 28, tr. 293).

Tác giả thiên khảo luận này, cũng đã được cái duyên may, là đến cộng tác với Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài trong một thời gian khá lâu (từ 1972 đến 1981), trong thời gian đó tôi nghiên cứu Cao Đài một cách khá tường tận, đã đọc hầu hết các Cơ Bút Cao Đài, lịch sử Đạo Cao Đài. Vì tôi là một người chuyên khảo về các Đạo Giáo thế giới, và đã đi vào con đường tổng hợp các Đạo Giáo thế giới, nên tôi thấy chủ trương Vạn Giáo Nhất Lý của Cao Đài rất hợp lý, và có thể thực hiện được, như tôi đã làm.

Về cơ bút Cao Đài có ít câu làm cho tôi hết sức chú ý, như:

*Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang,
Khóa chìa con đã sẵn sàng,
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên Đình.*

(Thánh Giáo Sưu Tập, 1966-1967)

*Tu hành là Học Làm Trời,
Phải đâu kiếp kiếp làm Người Thế Gian.*

(Thánh Giáo Sưu Tập, 1970-1971, tr. 134)

*Và Đi về đâu Việt Nam ơi,
Về nơi Nhân Bản của Trời trước kia.*

(Thánh Giáo Sưu tập 1970-1971, tr. 213)

Chỉ mấy câu ngắn gọn thế, mà bao quát được Nhân Sinh Quan, Sử Quan của Con Người.

Nó dạy ta : Con người và Trời có đồng một bản thể với Trời, Con người có thể tiến tới Trời, và Sau này Việt Nam sẽ tiến tới mục đích cao cả ấy. Thật là tuyệt vời!

CHÚ THÍCH

[1] Đỗ Vạn Lý, *Tìm hiểu Đạo Cao Đài*, tr. 45.

[2] Lê Anh Dũng, *Lịch sử Đạo Cao Đài*, tr. 18-23.

[3] Lê Anh Dũng, *Lịch sử Đạo Cao Đài*, tr. 70-71.

[4] Deus ad Moysen: Ego sum qui sum.

Ex 3, 14.

[5] Đồng Tân, *Lịch sử Đạo Cao Đài, Phần Vô Vi*, tr. 74-75.

[6] *Cao Đài Giáo Lý*, Rằm tháng 2, năm Kỷ Mùi, tr. 42.

[7] *Như trên*, tr. 43-44.

[8] *Tìm hiểu Đạo Cao Đài*, Đồng Tân, tr. 39.-*Đại Thừa Chân Giáo*, tr. 356 -Xuất thần.

CHƯƠNG XXX.

TÌNH HOA HỒI GIÁO.

Hồi Giáo hay đạo Mahomed (Islam, Mohammeda-nism), là do Giáo Chủ Mohammed thừa lệnh đức Allah, sáng lập ra.

Hồi Giáo là một tôn giáo lớn trong thiên hạ. Theo một thống kê vào năm 1990, thì số giáo dân Hồi nay là:

Phi Châu: 263.132.000.

Á Châu: 608.500.000.

Âu Châu: 46.460.000.

Nam Mỹ: 1.200.000.

Bắc Mỹ: 5.200.000.

Úc Châu: 99.500.

Toàn cầu: 924. 611.500. ^[1]

Ngang ngửa với Công Giáo La Mã: 971. 702.000.

Mohammed (Muhammad, Mahomed) sinh năm 571 công nguyên, mất năm 632.

Lập đạo năm 622 tại Medina và Mecca, trong xứ Saudi Arabia. Đạo Hồi tiến rất mau. Chỉ một thế kỷ sau, mà Hồi giáo đã từ Arabie, tiến tới Tây Ban Nha, và biên giới Ấn Độ.

Hồi giáo là Đạo Độc Thần. Sourate 112, **kinh Koran** tuyên bố: *Hãy nói: Chúa là Chúa một, là Chúa đời đời, không sinh ra ai, và cũng chẳng ai sinh ra mình, không ai bằng Ngài.*

Mohammed cho rằng câu trên đã bằng một phần ba **kinh Koran**.^[2]

TÔN CHỈ ĐẠO.

Những người theo Hồi Giáo tuyệt đối phục tùng Allah.

*Họ giữ Giáo Điều (**Iman**).

* Ăn ngay, ở lành (**Ihsan**.-Right Conduct).

* Giữ giáo luật (**ibadad**).

Giáo Điều quan trọng nhất là câu: **Không ai bằng Allah. (la ilaha illa Allah).** Allah có 99 tên.

Ăn ngay ở lành:

Phải đối xử huynh đệ với nhau, phải trọng nữ quyền, không rượu chè, cờ bạc, thương xót người cô quả, không hiếp đáp họ, thương xót kẻ già yếu, người bần cùng, nghèo khổ v.v...^[3]

Giáo Luật.

Giáo Luật Hồi Giáo có 5 điều gọi là 5 cột trụ ("Five Pillars"= **Al-arkan**).

1. Nhắc lại đức Tin (**Shahada**):

La ilaha illa Allah; Muhammad rasul Allah: Không có Chúa nào ngoài Allah; Mahommed là tiên tri của Allah.

2. Kinh (**Salat**).

Ngươi khen Chúa muôn loài,
Đáng lân tuất, nhân từ.
Đáng phán xét thiên hạ.
Chúng con chỉ thờ Ngài,
Chỉ xin Ngài giúp đỡ.
Xin dẫn chúng con trên đường ngay,
Đường của những người Ngài chúc phúc,
Không phải đường của những người Ngài giận ghét.
Không phải đường của kẻ lầm sai. (**Koran** Sura I)

Một ngày 5 lần phải đọc kinh như vậy: Sáng sớm, trưa, giữa chiều, lúc mặt trời lặn, lúc chập tối.

Đi đâu giáo hữu cũng phải đem theo thảm để trải đọc kinh. Trước khi đọc kinh, phải rửa chân tay, mặt mũi. Ở sa mạc, thì rửa bằng cát. Đọc kinh, phải lạy về hướng Mecca.

Nam giáo hữu, mỗi thứ Sáu, vào buổi trưa hay tối, phải đọc kinh chung tại đền thờ, do một Imam hướng dẫn.

Sau buổi kinh, Imam có thể giảng giáo lý.

3. *Bố thí. (Zakat).*

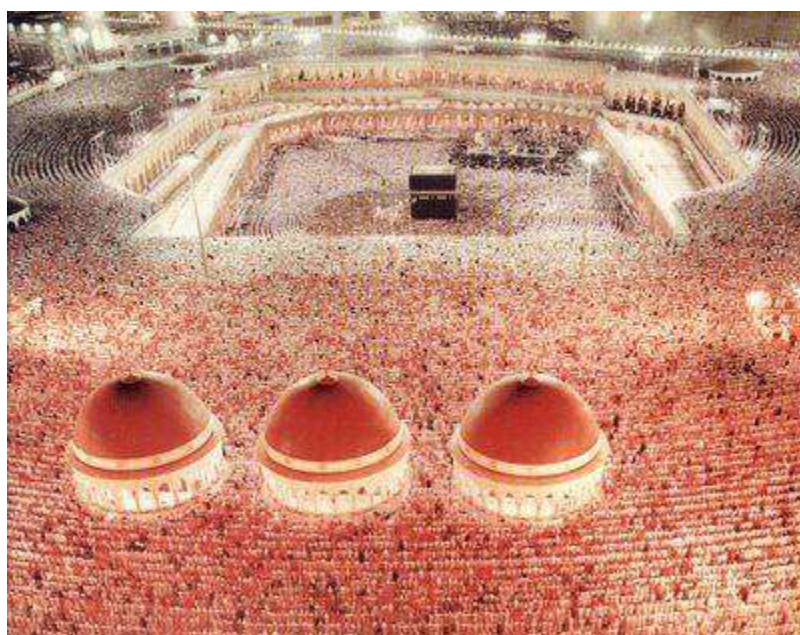
Bố thí là làm phúc cho người nghèo khó. Bố thí là tùy hỷ, không còn được coi là một loại thuế.

4. *Ăn chay trong tháng Ramadan.*

Trừ người đau ốm còn ai cũng phải ăn chay trong tháng Ramadan (tháng 9, theo lịch Hồi giáo) từ bình minh đến mặt trời lặn, không được làm tình, không được ăn hay uống bất cứ vật gì.

5. *Hành Hương. (Hajj)*

Ai cũng nên hành hương Mecca, trong cuộc đời mình, nhất là vào tháng Dhu-Al-Hijja (Tháng 12, Hồi Giáo), để cùng mọi người đi quanh đá Ka'ba.



Quang Cảnh Hajj

Hồi giáo chủ trương độc thần. Allah tạo nên vũ trụ. Dưới Allah còn các thiên thần như Gabriel, Michael, Raphael, và Uriel, và các tiên tri như Adam, Noah, Abraham, Moise, Jesus và Mohammed. Mohammed là tiên tri lớn nhất. Hồi giáo tin có ngày phán xét chung, tin thiên đàng, địa ngục. **Koran** là Thánh Thư cao siêu nhất. Ngoài **Koran**, còn có phần truyền khẩu, gọi là **Hadith**. Hồi giáo cấm ăn thịt heo. Hồi giáo cho phép giáo hữu lấy bốn vợ. Mohammed có 11 bà vợ.

Hồi giáo muốn điều hoà cách giao tiếp giữa Trời, Người và giữa con người với con người. Luật Hồi Giáo *Shari'ah* bao quát gia đình, thương mại, hình án v.v...

Hồi giáo sau trước là bất biến. Trước sau như một. ^[4]

Các Giáo Phái.

Mohammed xưa tiên đoán sau sẽ có 72 giáo phái. Nhưng giáo phái chính không nhiều. Ta thấy có:

1. Giáo phái Kharijites.
2. Giáo phái Mu'tazilites (Mo'tazilites.)
3. Murijites.
4. Chiites (Shiites, sau chia thành Imamis, Ismaéliens, Zaidis, Twelvers v.v...).
5. Sunnis (Sunnites.)
6. **Soufism** (Sufism cũng nằm trong Shiites).

Khi Mohammed mất năm 832, thì Abu Bekhr (d. 633), Omar (634-644) Othman (644-656) và

1. Ali (d. 661) lên thay.
- Sau đó là:
2. Al-Hasan (d. 669)
 3. Al-Husain (d. 680)
 4. Alizain-Al-'Abidin (d. 712): Zaidites Zaid
 5. Muhammad Al Baqir (d. 731)
 6. Jafar Al Sadiq (d. 765): Ismailites Ismail (d. 760)
 7. Musa Al Kazim (d.797)
 8. Ali Al-Rida (d. 818)
 9. Muhammad Al -Jawad (d. 835)
 10. Ali Al-Hadi (d.868)
 11. Al-Hasan Al-'Askari (d. 874)
 12. Muhammad Al-Muntazar. (d. 878) [\[5\]](#)

Các giáo phái nói trên thường tranh cãi xem ai là người chính thức thừa kế Mohammed.

Phái Sunnites công nhận Abu Bekhr, Omar Othman và Ali. Phái Shiites nhận con cháu Ali là những người thừa kế chính thức. Còn giáo phái Zaidites chỉ nhận Zaid là giáo chủ thứ 5, chứ không phải là Muhammad al-Baqir. Còn phái Ismaelites nhận Ismail là giáo chủ thứ 6 thay vì Jafar Al-Sadiq. Trên đây là danh sách 12 giáo chủ mà nhóm Shi'ites công nhận. Những chi tiết này không liên quan gì đến ta.

Duy giáo phái Sufi là một giáo phái có tư tưởng phóng khoáng nhất, có nhiều danh nhân nhất, cởi mở nhất, nên ta sẽ đặc biệt nghiên cứu.

SUFISM (PHÁI BẠCH Y).

Hồi giáo như Thiên Chúa Giáo, Do Thái Giáo là Đạo Độc Thần tin rằng không ai bằng Thượng đế, **Thượng đế ở ngoài muôn vật.**

Sufism, ngược lại, tin như các Mật Tông, Mật Giáo rằng **Thượng đế ở sẵn trong lòng muôn vật, là tinh hoa muôn vật** và con người lúc chung cuộc có thể sống phối kết với Thượng đế. ^[6]

Ba đạo giáo trên (Hồi giáo, Thiên Chúa Giáo, Do Thái Giáo) tin vào **thuyết Tạo dựng**, cho rằng **Chúa tạo dựng nên Trời đất bởi không**.

Còn Sufism tin rằng Chúa **tạo nên Trời Đất bằng chính bản thể mình**. Sufism tin vào **Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể**. ^[7]

Ngày nay, thế giới bắt đầu chuyển hướng và tin rằng Thượng Đế là **Bản Thể con người, không coi Thiên Chúa là một nhân vật tách rời khỏi vũ trụ nữa**. ^[8]

Những người chủ xướng học thuyết này là Giám Mục ở Woolwich, John A. T. Robinson, tác giả quyển *Honest to God*, và nhà thần học Tillich. Đó là một chuyển hướng đạo giáo vô cùng quan trọng. ^[9]

Sufism là gì?

Sufism là mặt trong của Hồi giáo. “Sufism là dòng nước ngầm, chảy qua mọi tôn giáo. Đó là sự hiểu biết về Nhất thể -muốn gọi Nhất thể đó là gì cũng được: Đó là Sự Không Ngoan, là Ánh Sáng, là Tình Yêu, hay là Hư Vô.”^[10]

Phái Bạch Y chống đối lễ nghi, hình thức bên ngoài, chống lại sự sa đoạ, thói nát của xã hội bệnh hoạn và vật chất bên ngoài. Bạch y đối đầu với sự cao ngạo, tàn nhẫn, mị dân, hình hạc, bất nhân. Môn phái Bạch Y muốn con người sống đời sống tinh thần ngây thơ, thuần khiết, sung sướng, hoà hài của buổi ban sơ. Phái Bạch Y muốn con người mở mắt ra và nhận thấy rằng ích kỷ, kiêu căng, tham lam, tranh chấp là điên cuồng. ^[11]

Có người cho rằng Bạch Y là đề cao nhân phẩm, là khoan dung, là hoà hợp, là chống giáo điều, là tính yêu nhân loại, là huynh đệ tinh thần.

Có người lại cho rằng Bạch Y là những người mơ mộng, chống đối, mua việc, thích rây vào chuyện Giáo Hội, và chuyện chính trị. ^[12]

Bạch Y tự hỏi là mục đích giáo hội là hợp nhất, là làm cho mọi dân tộc và mọi người thương yêu nhau, coi nhau như anh em hay là chia rẽ, là hành hạ, là đổ máu kẻ vô tội trong những trận chiến vô ích, và phạm nhiều tội ác nhân danh Allah? ^[13]

Bạch Y dạy phải đi vào tâm mà tìm Đạo, tìm Trời. ^[14]

Phái Bạch Y tin rằng Chúa ở mọi nơi, và lúc nào cũng sống kết hợp với Đạo, với Trời. Họ hoà hợp Trời, Người và lấp hố sâu giữa Trời Người. Bao giờ họ cũng xưng là chính thống Hồi Giáo, nhưng thực ra họ phá bỏ nền tảng Hồi Giáo. Họ khinh thường luật lệ, lễ nghi hình thức, và sự giả hình của hàng giáo phẩm. Họ chỉ tin vào sự giác ngộ.

Hàng Giáo Phẩm Hồi giáo coi họ là những tấm gương xấu, phá hại dân tộc, luật pháp, xã hội.

Nhưng môn phái này đã đem lại cho Ba tư một nền văn chương và một chủ thuyết Đại Đồng và Tình Yêu, và đã đóng góp nhiều cho Ba Tư. ^[15]

Bạch Y dạy chúng ta phải tìm hiểu mình, vì biết mình là biết Chúa. ^[16]

Baba Kuhl ở Shira (chết 1050) có bài thơ mà tôi phỏng dịch như sau:

Ở ngoài chợ, ở trong dòng,
 Ở đâu cũng thấy thuần ròng Chúa thôi.
 Xuống khe, lên núi, lên đồi,
 Ở đâu cũng thấy Chúa tôi tràn đầy.
 Giàu sang, nghèo khó tuy thay,
 Bao giờ cũng thấy Chúa ngay bên mình.
 Dù khi tĩnh tọa, cầu kinh,
 Ăn chay, giữ giới, thấy mình Chúa thôi.
 Bất kỳ hay dở trên đời,
 Truy nguyên vẫn thấy Chúa tôi rành rành.
 Mở to đôi mắt nhìn quanh,
 Trông gì cũng thấy hóa thành Chúa thôi!
 Nến tôi thấp cháy lửa Ngài,
 Hào quang vừa tỏa, Chúa tôi hiện hình,
 Mượn đôi mắt Chúa nhìn quanh,
 Bỏ đôi mắt tục, vẫn rành Chúa thôi.
 Giã từ hiện tượng hình hài,
 Lạ sao vẫn thấy Chúa tôi như thường.
 Tưởng mình tan biến, hư vương,
 Nào hay mình vẫn miên trường, vô biên.^[17]

Rumi, một thánh nhân Hồi giáo khác, cũng dứt khoát cho rằng chỉ có thể tìm thấy Chúa trong tâm hồn con người mà thôi. Ông có thơ sau:

Tôi lục lạo khắp cùng Thiên Chúa Giáo,
 Thánh giá nhìn lên, tôi thấy nó trống không!
 Tắm tích Ngài, sao tôi thấy vẫn mịt mù!
 Tôi lang thang trong chùa chiền, miếu mạo,
 Ngài ở đâu, sao chẳng thấy hình dung?
 Đá Kaaba, tôi quanh quất, ruối rong,
 Đò hội ấy, mà sao Ngài vắng bóng!
Tâm hồn tôi, tôi nhìn tận bên trong,
Ôi lạ thay, kìa sao Ngài ở đó!
 Thần trí tôi bỗng mãnh liệt động rung,
 Rửa sạch hết bụi trần gây chia rẽ...^[18]

Môn phái Bạch Y (Mật Tông Hồi giáo) ra đời vào khoảng thế kỷ 2. **Dạy con người có thể kết hợp với Trời qua những giai đoạn như thống hối, hãm mình, bỏ mình, sống nghèo khó, nhẫn nhục, tin tưởng v. v...**

Họ tin rằng con người có thể tiến tới thần mình, tu luyện thành thần mình và sống kết hợp với Đấng Tối Cao, sống hòa mình với Đại Thể vũ trụ. Quan niệm này cũng

tương đương như quan niệm nhập Niết Bàn của Phật Giáo, hay hòa mình với Brahman của Ấn Giáo. ^[19]

Môn phái này cũng chủ trương thuyết : **Thuyết Thiên địa vạn vật đồng nhất thể**. Có người cho rằng tư tưởng trên có thể thấy trong vài đoạn thánh kinh Coran của Hồi Giáo, nhưng thực ra đã vay mượn ở những trào lưu ngoài đạo Hồi như **Huyền Học Thiên Chúa Giáo** (Catholic Mysticism), môn phái Tân Bá Lạp đồ (Néo-Platonism), Denys l'Aréopagite, môn phái Viên Giác (Gnosticism), môn phái Mandeism, Manicheism v.v...

Trong quyển **Histoire du Caodaisme** của Gabriel Gobron có toát lược tư tưởng môn phái này như sau: ông Ben Aliona vị giáo chủ gần ta nhất (ông chết năm 1934) chủ trương phối hợp đạo Maisen, Bái Hỏa, Công Giáo, Hồi giáo. Ông dạy như sau:

Thượng đế là duy nhất. **Vũ trụ này là những bức màn che thế giới vô cùng.**

Vũ trụ này được phóng phát ra từ Thượng đế. Chỉ những tâm hồn đặc biệt mới hiểu **điều sâu nhiệm (bathen)** ẩn áo này (sirr), chứ không phải là **thế giới này được tạo dựng nên**, như người tầm thường (foqara) đã tưởng. Và như vậy, Thượng đế đã ở trong ta (ai biết mình, sẽ biết Chúa, ai chịu tìm hiểu mình, sẽ tiến gần Chúa. Phải được giác ngộ (icrhraq) như mọi danh nhân Hồi Giáo đã chủ xướng.

Phái Sufism cho rằng: Dầu bao nhiêu tiên tri cũng chỉ là một người. Họ đều là những tàn lửa do một ngọn lửa. ^[20]

Gobron nhận định thêm: Khi tiến tới một trình độ tâm linh cao siêu, các bậc đạo cao đức cả vượt lên trên những người thường, và coi nhau như là những người bạn của Thiên Chúa. Họ thành khẩn kết bạn với nhau. ^[21]

Môn phái này muốn mọi người thương yêu nhau thật sự như sách Zohar của Do Thái hay sách Ennéades của Plotinus đã dạy.

Và đây là lời lẽ **toát lược sự hóa kiếp của con người, thành bản thể Trời**: “

Trò tới nhà thầy, gõ cửa. Không ai trả lời.

Trò gõ lại.

Trong hỏi: Ai đó? Tôi đây.

Không ai trả lời. Cửa không mở.

Lát sau, trò gọi lại.

Trong hỏi: Ai đó? Ông đây.

Và lần này cửa mở. ^[22]

Như vậy, khi **tính người tan biến, còn nguyên có tính Trời, thì Thánh Hiền Hồi giáo gọi là fana, khi tâm hồn sống động bởi Chúa, hay nói cách khác, khi Chúa hoạt động trong tâm hồn, thì họ gọi là trạng thái Baqa. Như vậy **Phối Thiên là rũ bỏ Nhân Tính, phục hồi Thiên Tính.****

Giai đoạn biến hoá cuối cùng của con người là **biến thành Trời** như Mansur Hallaj nói:

*Ta cùng với đáng ta yêu,
Hai đằng là một, khôn chiều qua phân.
Một thân mà có hai thần,*

Thấy ta, thấy Chúa cũng ngần ấy thôi.^[23]

Bayazid of Bistam (d. 875) nói: “*Dưới lớp áo của tôi, không có gì ngoài Chúa.*”^[24]

Tóm lại, Bạch Y không tìm kiếm gì ngoài Thượng Đế. “**Tất cả nói năng, xô xao, hình thức, lễ nghi, tập tục, ước mơ đều là những gì ngoài Chúa, hãy vén bức màn nhị nguyên đó lên, bạn sẽ thấy còn thuần vui vẻ, tĩnh lặng, đẹp đẽ, yên nghỉ. Khi bạn đã kết hợp với đấng mình yêu, thì không còn gì là cấm kỵ, nên không nữa.**”^[25]

Xuất xứ Bạch Y.

Bạch Y cho rằng mình xuất xứ từ **Kinh Koran**. Nhưng thực ra không phải. Trong **Koran** có rất ít câu nói Trời chẳng xa người. Hoạ chăng chỉ có câu này: “*Thực ra, ta đã tạo nên con người. Ta biết hồn nó than van cái gì. Ta gần nó hơn tĩnh mạch cổ của nó.*”^[26]

Thực ra Thánh Hiền phái Bạch Y, có thể đã vay mượn những tư tưởng trên trong các sách viết về Đạo Huyền Đồng (Mysticism) du nhập vào Ba Tư, như sách **Enneads** của Plotinus, như sách **Niomachus** của Pythagoras, như sách **Poimandres** của Hermes v.v...^[27] Cũng có thể là chính các Ngài đã sáng tạo nên những tư tưởng đó

Ít nhiều thánh hiền phái Bạch Y.

Bạch Y có nhiều thánh hiền. Ta kể ít nhiều vị:

-Shabastari.

-Dhul Nun.

-Bayazid of Bistam (d. 875) thường xưng mình là Thượng đế.

-Baba Kuhi of Shiraz (d. A.D. 1050).

-**Hussein Ibn Mansur Hallaj (d. 922)**, bị xử tử trên thập giá, vì dám xưng mình là Thượng Đế.

-Jalal-ud-din Rumi (d. 1273)

-Ibn-i-Yamin.

-Ibni Arabi (born in Spain in A.D. 1165)

-Al-Ghazzali (1059-1111), nhà thần học nổi tiếng của Hồi giáo.^[28]

Tổng luận về Bạch Y.

Bạch Y là một giáo phái hết sức đẹp đẽ. Nó không phân màu da, sắc áo, chủng tộc, biên cương, bờ cõi. Nó không câu nệ lễ nghi, hình thức bên ngoài.^[29]

Khảo về Hồi Giáo, tôi thấy không có gì hấp dẫn, nhưng suy tư về Bạch Y, tôi thấy vô cùng sâu sắc. Bạch Y cũng như phần Vô Vi, Hồi Giáo cũng như phần Phổ Độ trong Cao Đài. Sách về Bạch Y nay bán đầy dãy bên Hoa Kỳ. Mong quý vị nên tìm đọc.

CHÚ THÍCH

[1] *Britannica Book* of the Year, 1990.

[2] *Dictionnaire des Religions*, Royston Pike, Presses Universitaires de France, 108, Boulevard Saint Germain, Paris, 1954, p. 165.

[3] *Man's Religions*, John B. Noss, The MacMillan Company, London, 1963, p. 531.

-A.J. Arberry, *The Koran Interpreted*. 2 vol. Georges Allen & Unwin Ltd., London, 1955. Cop. Georges Allen & Unwin, London, 1955.

Vol. II, p.344; II, 244; II, 326; II, 388; II, 329; II, 308; I, 319; I, 302; I, 112; I, 117; I,103;II, 245; I, 153; I, 159; I, 161; II, 237; I, 158; I, 194; I, 302; II, 129; II, 155; II, 152; I, 209; II, 209; II, 254 f; I, 270; I, 50 f; I, 304 f; I, 303; I, 100 f; II, 50; I, 60; I, 51 f; I, 127; I, 142; I, 29; II, 31.

[4] There is no modern or ancient Islam, no Oriental or Western Islam -That Islam today is the same Islam as when it was born 14 centuries ago.

Miami-Dade Community College, *Student's guide to The Long Search, A Study of Religion*, p. 215.

[5] John B. Noss, *Man 's Religions*, p. 551.

[6] It is interesting then, that the Eastern and Western concepts of God and especially of means of attaining valid information from and about him correspond to the milieu of the arena of greatest freedom. **In the West, God is outside man in principle**, and communicates by words as do free adult men. In the East he is an interior state **which one has once had, and which is one's true being, but which one has lost and can recover only by going into the depths of the self**. Robert S. Ellwood, Jr, *Religious and Spiritual Groups in Modern America*, p. 87.

[7] The Idea of **continuous emanations in constrast to the unique divine act of creation** was considered by both Muslim and Christian Mystics, to be incompatible with the Biblico-Koranic idea of *acreatio ex nihilo*.

Annemaire Schimmel, *Mystical Dimensions of Islam*, The University of North Carolina Press, Chapel Hill, 1975, p. 4.

[8] Come you lost atoms, to your Center draw

And be the Eternal Mirror that you saw:

Rays that have wander'd into Darkness wide,

Return and back into your sun subside.

Farid Al-Din 'Attar *Mantiq al-Tayr*.'

SUFI , Expression of the mystic quest , Laleh Bakhtiar, p. 10.

Sufi chủ trương Vạn Vật Nhất Thể. Và Vạn thù qui nhất thể. Chủ trương Vạn Hữu là do một bản thể, phóng phát, tán phân ra.

The goal of Sufism is to gather all multiplicity into Unity, with the totality of one 's being. *Như trên*. 10.

[9] God, Tillich was saying, is not a projection **out there** , an Other beyond the Skies, of whose existence we have to convince ourselves, but the **Ground of our very being**.

Honest to God, John A. T. Robinson, Bishop of Woolwich, The Westminster Press, Philadelphia, 1963, p. 22.

[10] Such is a case with Sufism, the generally accepted name for Islamic mysticism... Mysticism has been called “the great spiritual current which goes through all religions.” In the widest sense it may be defined as the consciousness of the One Reality -Be it called Wisdom, Light, Love or Nothing.

Annemaire Schimmel, *The University of North Carolina Press, Chapel Hill*, 1975, *Mystical Dimensions of Islam*, p. 4.

[11] Their movement, originating as a protest against the formalism of orthodoxy in Islam, gradually developed into a rebellion against the decadence, corruption and tyranny of a sick, material society. Sufism was the antithesis of arrogance, intolerance, demagogism, hypocrisy and inhumanity. The Sufi’s purpose was to create a renaissance of man’s spirit through which he might live a simple, innocent. and harmonious life. They hope to open men’s eyes, that they might see that egoism and greed, pride, and strife are folly, that the universe is spiritual, and that men are the sons of God.

Martin Lings, *What is Sufism*, p. 27-28.

[12] To some, it connotes humanitarism, tolerance, harmony, defiance to the church and its rituals, love of mankind, and the attempt to achieve spiritual fellowship. To a few, Sufis are dreamers, rebels, and meddlers who interfere with the serious rituals of the church and the business of the state.

Như trên. p. 28.

[13] The questions they repeatedly asked were:”Isn’t the purpose of religion to unite, to comfort, to improve, and to bring all races and peoples of the world together in love and brotherhood, or is it to divide, to tyrannize, to shed blood of the innocent in futile wars, to mesmerize, to commit all kinds of crime in the name of Allah and to exploit our fellowmen?

Như trên. p. 29.

[14] One of the most persistent doctrine of Sufism is **inwardness**. They despite outward piety and shallow religious rituals.”**Direct thyself to the inward and thou shalt see thy God.”**

Như trên. p. 31.

[15] The Sufis wore coarse woolen robes and lived as hermits in isolated places away from people and believed in salvation through poverty (Fagr), meditation (Fihir), fortitude (Sabr), renunciation (Zuhd), good works, and service to the community. Recognizing that God’s presence was felt everywhere in creation, they became increasingly mystical, pantheistic and ascetic.

For Rabia, one of the founders of Sufism, who died at Jerusalem in A.D. 757, love and its the unquenchable flames were the torch which kindled the world of Sufism. It was she who laid the foundation of its mystical ideas. She as succeeded by Adu Hasham (d. A.D. 770), who established the first convent (Khaneqah) for the Sufis at Ramaled in Palestine. Soon the movement spread to Persia. “Hand in hand with the Persian revival under the Abbaside Caliphs, the Soufis developed a new current of ideas. Speculations

take a bolder flight, and essay to reconcile the creature with his creator, to bridge the chasm between the finite and infinite.

Then followed the doctrine of ecstasies, mystical stages, unification and pantheism. Though the Sufis always confessed outward connection with orthodox Islam, nonetheless they would officially undermined its foundation. They attacked the religious institutions by claiming that religion exists only to keep mankind in order and to make all men merit the grace and love of God by their service and virtues. Every religious institutions which does not tend toward these goals is not divine but profane and dangerous. Scorning the barren desert of legalistic tradition, meaningless rituals, and the hypocrisy of the clergy, admitting no guidance but the pole star of illumination, they press the Islamic establishment to the very brink of madness. The Muslim leaders considered Sufism as a grave scandal, demoralizing the national character, undermining law and order, and subverting traditional society. Yet the Sufis produced a literature and a doctrine of universalism and love which is considered the noblest heritage and the great contribution of Persia to world civilization.

Sufism, Message of Brotherhood, Harmony, and Hope, Nasrollah S. Fatemi, Faramarz S. Fatemi, Fariborz S. Fatemi, South Brunswick and New York, A. S. Barnes and Company, 1911, p. 33.

[16] Sufism is knowledge of oneself to **Marafat** (gnosis) or knowledge of God. Man's whole life is dominated by two realities: "Thou" and "I", the lover and the beloved, God and man...

Know thyself, for knowing true thine own heart
Thou knowest that good and ill in thee are part.
Discern the worth of thine own being, and then
Walk with pride amidst the common run of men.
Know thyself, and the whole world thus discover,
Then from all ill, they shalt thyself deliver,
Thou knowest not thyself for thou art lowly,
Thou shouldst behold God if thou thyself couldst see.

From Nasir Khosrow, the famous Persian Poet (A.D. 1004-88)

Như trên. p. 37.

[17] Prof. L.F. Rasbrooke Williams Ed; *Sufi Studies, East & West*; ÉP. Dutton Co, Inc., New York, 1973, p. 57..

[18] *Ib.* p. 70.

[19] Les doctrines de Ben Alioua? Unité de Dieu (le monde temporel n'est qu'un ensemble de voiles, "**barrakh**", nous cachant le monde réel: L'Infini. Univers émané de Dieu (l'inverse du Coran créationiste pour la masse des *foqara*, croyants ordinaires, **le sirr** (caché) est réservé à certains disciples capables de saisir **le bathen** (sens occulte); Émanationisme s'accordant avec l'immanentisme (qui pourrait connaître **son proprium**, connaîtrait Dieu; qui le scrute avec attention, s'approche de Dieu); doctrine de l'immanence n'excluant pas la transcendance; *ichraq* ou illumination

dont se réclament tous les grands hommes musulmans: Avicenne, Ghazali, ou Ibn Tofail... (Gabriel Gobron, Histoire du Caodaisme, p. 92)...

Les Prophetes, fussent-ils dix mille, dit l'aphorisme soufi courant, ne sont qu'un seul, rayons multiples du même feu. **Ib.** p. 91

[20] Les doctrines de Ben Aliona? Unité de Dieu (le monde temporel n'est qu'un ensemble de voiles,"**barrakh** ", nous cachant le monde réel: L'Infini. Univers émané de Dieu (l'inverse du Coran créationiste pour la masse des foqara, croyants ordinaires, **le sirr** (caché) est réservé à certains disciples capables de saisir **le bathen** (sens occulte); Émanationisme s'accordant avec l'immanentisme (qui pourrait connaître **son proprium**, connaîtrait Dieu; qui le scrute avec attention, s'approche de Dieu); doctrine de l'immanence n'excluant pas la transcendance; ichraq ou illumination dont se réclament tous les grands hommes musulmans: Avicenne, Ghazali, ou Ibn Tofail... (Gabriel Gobron, Histoire du Caodaisme, p. 92)...

Les Prophetes, fussent-ils dix mille, dit l'aphorisme soufi courant, ne sont qu'un seul, rayons multiples du même feu. **Ib.** p. 91

[21] Constatation universelle: Arrivés une certaine hauteur spirituelle, les religieux exceptionnels sont au-dessus des religions du vulgaire, et reconnaissent comme "Amis de Dieu" tous les hommes sincères et de bonne volonté et fraternisent avec eux.

Ib. p. 94.

[22] Et il nous suffit de rappeler ici un des enseignements du mysticisme musulman pour constater que pas un Caodaïste ne refuserait de reconnaître là, en cette anecdote du soufisme, l'histoire même de sa propre naissance au divin, de sa metanoïa ou renversement des valeurs de l'âme religieuse:

Le disciple se présente à la porte du maître et frappe.

Silence.

Il frappe de nouveau. Une voix de l'intérieur:

-Qui est là?

-C'est moi.

Silence. La porte ne s'ouvre pas...

Plus tard, le disciple se présente de nouveau à la porte du maître et frappe. -

Qui est là?

-C'est Toi.

Et la porte s'ouvre cette fois.

Gabriel Gobron, Histoire du Caodaisme, p. 70,71.

[23] I am He whom I love,
He whom I love is I:
We are two souls in one body.
If thou seest me, thou seest Him,
And if thou seest Him, thou seest me."

Như trên. p, 38.

[24] “Beneath this cloak of mine, there is nothing but God”

Như trên. p. 43.

[25] “All this talk, turmoil, rites, ritual, conventions, customs, noise and desire,” according to Sufis, “is outside the unity of God; remove the veil of dualism then you will find joy, silence, beauty, calm and rest. When you unite with your Beloved then there is neither command nor prohibition.”

Như trên. p. 43-44.

[26] *Quran* 50:16.

[27] Laleh Bakhtiar, *Sufi, Expressions of the Mystic Quest*, 1976, p. 7

[28] ***Sufism, Message of Brotherhood, Harmony, and Hope***, Nasrollah S. Fatemi, Faramarz S. Fatemi, Fariborz S. Patemi, 1911, p. 40-73.

[29] Because the Sufis abandoned external form and rituals and sang the praise of universal truth which is within the reach of everybody regardless of creed, color, or nationality, Sufism became a religion which was both international and universal. Its Literature and ideas have had a wide audience in North Africa, India, Malaya, China and Indonesia.

Như trên. p. 65.

In summary, the reader will perceive that Sufism is a word uniting many divergent meanings, and does not represent any particular religion or dogmas exclusively. Sufism is not a creed; it has no dogmatic systems; the “ways” by which one seeks God “are as numerous as the number of the people of the world.”

Như trên. p. 71.

“The keynote of Sufism,” according to Reynold Nicholson, “is disinterested, selfless devotion, in a word, love. The whole of Sufism is a protest against the unnatural divorce between God and man.”

Như trên. p. 63.

Man seeks his psychic and spiritual needs outwardly precisely because he does not know who he is. Sufism reminds man to seek all that he needs inwardly within himself, to tear his roots from the outer world and plunge them in the Divine Nature, which resides at the Center of his heart. Sufism removes man from his lowly state of *asfal safilin* in order to reinstate him in his premordial perfection of *ahsan taqwin* wherein he finds within himself all that he had sought outwardly, for being united with God he is separated from nothing.

Seyyed, Sufi Essay, p. 33.

The Sufis sought to lose what they currently perceived as labels, knowledge, concepts and to become empty (nothing) and attain the state of “void”; to attain a zero point so that they could become related to any state of being and achieve “everythingness”. Just as the discovery of zero in mathematics made the system possible, so too in the art of rebirth, the discovery of a state of “nothingness” (the void or emptiness) makes final integration a possibility.

Sufies studies East and West,

Pr. A. Reza Arasteh, Psychology of Sufi Way to Individuation, p. 107.

CHƯƠNG XXXI

TINH HOA DO THÁI GIÁO: KABBALA

Do Thái giáo có công truyền và mật truyền. Công truyền là Đạo Do Thái chính thống hiện nay. Nó ra đời từ thời Moses (1250 B.C.). Phần Mật truyền hay Mật tông Do Thái được gọi là Kaballah, hình thành vào khoảng thế kỷ XIII.

Nơi đây chỉ trình bày Mật Tông Kaballah.

Kabbalah là huyền môn Do Thái có từ xa xưa. Theo Spinoza, nó tóm tắt tư tưởng của các người Do Thái thời xưa. ^[1]

Huyền môn này có hai bộ sách danh tiếng:

1. **Sepher Yetzirah** (Livre de la Création : Sách sáng tạo) (hay Sépher Yessira, hay Sépher Yetsira) do Rabbi Akiba viết khoảng năm 120 A.D.

2. **Zohar** (Sepher Ha Zohar : Livre de la Splendeur : Sách Quang huy), do Moses de Lyon viết vào khoảng 1305 A.D.

Kabbalah giải thích căn nguyên, sự hình thành, vòng biến dịch, cùng đích vũ trụ và con người bằng : Ein-Sof và mười Sephiroths (thập tính, thập duyên, dix attributs).

Ein-Sof là Hư vô, là Bản thể tuyệt đối của vũ trụ, khi chưa hình hiện hiển dương. Ein-Sof là toàn thể vũ trụ. Ein-Sof tương đương với Vô cực trong Kinh Dịch.

Sephiroths (Thập duyên) phác họa sơ đồ hình thành vũ trụ hữu hình.

Thập Duyên là:

1. Kéther (Crown, Couronne) là **Nguyên lý sáng tạo nên vũ trụ hữu hình, tương đương với danh từ Thái cực.**

2. Chocmah, Khí Dương (Male, expansive Force)

3. Binah, Khí Âm (Female, astringent Force)

4. Chesed, Nghĩa (Benevolent Force)

5. Geburah, Lễ (Destructive Force)

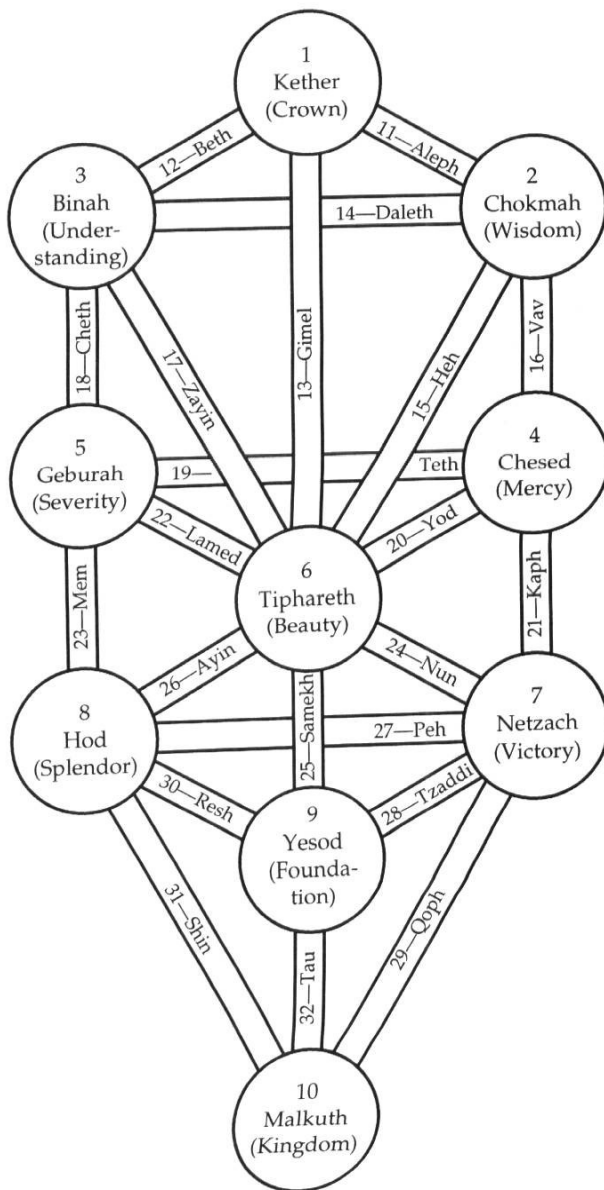
6. Tiphered, Tín (Harmony, equilibrium, beauty)

7. Netzach, Nhân (Amor)

8. Hod, Trí (Objective Intelligence)

9. Yésod, dục giới (Astral kingdom of desires)

10. Malkuth, sắc giới (Corporeal sphere, terrestrial kingdom).



Có thể nói được rằng Thập Duyên tương đương với các quan niệm Thái cực (Kéther), Âm Dương (Binah, Chocmah), Ngũ hành (Chesed, Geburah, Tiphareth, Netzach, Hod), Tam tài (Kéther: Thiên); (Yesod: Nhân); (Malkuth: Địa) ^[2] của Kinh Dịch.

Kabbalah cũng còn dùng :

Tâm điểm và nhiều Vòng tròn đồng tâm để giải thích về căn do, hình thành, biến dịch, và mục phiêu vũ trụ.

Đại khái :

1.-Khi chưa có vũ trụ hữu hình (Tiên Thiên), thì chỉ có Bản thể (Ein-Sof) ở thể tiềm ẩn. Lúc ấy Ein-Sof là toàn thể vũ trụ.

2.-Khi thể giới đã hình hiện (Hậu Thiên), thì Thượng Đế là tâm điểm, là cốt lõi vũ trụ.

Từ trung tâm sáng tạo ấy, phóng phát ra vạn hữu.

Chiều sinh hóa từ vô cùng đến hữu hạn ấy được diễn biến từ một tâm điểm cho đến các Vòng tròn bên ngoài. Càng xa tâm càng trở nên chất chướng.

Và các lớp lang hình tướng bên ngoài của vũ trụ y như là những lớp vỏ, lớp áo phủ ngoài Thượng Đế.^[3]

Thời kỳ hoàng kim mai hậu là thời kỳ mà vạn vật qui căn phản bản^[4]. **Khi ấy Thượng Đế sẽ rũ bỏ những lớp áo, lớp vỏ bên ngoài, và sẽ hiện ra vinh quang.**^[5]

-Zohar chủ trương Phiếm thần (Panteisme) và coi Thượng Đế là vũ trụ, vũ trụ là Thượng Đế.^{[6][7]}

-Zohar chủ trương thuyết phóng xuất, sinh hóa ra vũ trụ, không chấp nhận thuyết tạo dựng.⁷

-Zohar cho rằng : **Cơ cấu con người, cơ cấu vũ trụ giống nhau.** Hiểu vũ trụ sẽ hiểu con người, hiểu con người sẽ hiểu vũ trụ. Ngắm nhìn suy tư về vũ trụ, con người sẽ nhận ra rằng tất cả những yếu tố, những chất liệu bên ngoài đều có đủ trong mình, **con người toát lược lại vũ trụ, và đáng Duy Nhất, bất khả tư nghị, đáng đã sinh ra vũ trụ và sẽ thu hút vũ trụ về, cũng chính là đáng ngự trị ngay trong lòng con người.**^[8]

Khảo Kabbalah, ta thấy người Do Thái xưa, ngoài cách dùng từ ngữ thông thường, để diễn tả tư tưởng, còn có những cố gắng dùng nhiều phương pháp khác để diễn tả tư tưởng. Trong những phương pháp đó ta thấy họ dùng :

-số

-chữ

-hình ảnh

Khảo Kinh Dịch, ta cũng thấy những cố gắng tương đương như vậy.

1.-Dùng số để diễn tả tư tưởng.

Để diễn tả tư tưởng: **Nhất thể biến vạn thù, vạn thù qui Nhất thể**, người Do Thái cũng đã dùng số, nhất là dùng 10 con số đầu.

Số 1 tượng trưng cho Bản thể duy nhất, cho Thượng đế, căn nguyên sinh xuất vạn hữu.^[9]

Số 2 mới chính là con số bắt đầu, vì 2 là cơ chế biến hóa, gồm 2 động lực tương đối, sinh khác.^[10]

Số 1 như vậy là Căn nguyên, là Bản thể, 9 số sau là cung cách biến hóa.^[11] Nói theo từ ngữ hiện tại, thì số 1 là Bản thể, các số khác là phụ tượng, (accidents), hay Hiện Tượng (phénomènes)^[12]

Số 10 đặc biệt có nghĩa là Hòa hợp, là Thái hòa. Như vậy, nó gợi lên ý niệm rằng, đến lúc chung cuộc, vạn vật sẽ trở nên thành toàn, viên mãn, trong một toàn thể Thái Hòa.^[13]

Số 10 tương ứng với mẫu tự số 10 Yod của tiếng Do Thái, mà Yod là Thượng đế. Như vậy:

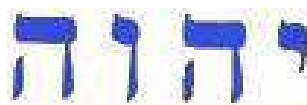
1 là Thượng đế, Căn nguyên, Bản thể vũ trụ.

10, là Yod, là Thượng đế viên mãn lúc chung cuộc. Thế là thủy chung như nhất.

Ý nghĩa 10 con số càng trở nên rõ rệt, nếu ta đem so sánh nó với quan niệm dân gian về vũ trụ. Dân gian tin rằng Thượng đế ngự trên chín tầng trời.

2. Dùng chữ để diễn tả quan điểm Nhất thể vạn thù.

Do Thái gọi Thượng đế là Yod He Vav He.



Khi chưa sinh thành ra vũ trụ, thì họ viết Yod, He Vav, He nguyên thành một chữ. Khi đã sinh thành ra vũ trụ thì họ chia chữ Yod He Vav He thành ra 4 phần, mỗi phần riêng chiếm 1 phương trời. Ý nói **Thượng đế là vũ trụ, vũ trụ là phân thân của Thượng đế.** ^[14]

Ngoài ra **Yod י**, còn có nghĩa là Bản thể.

He ה gồm hai phần : tượng trưng cho hai động lực âm dương, tương sinh tương khắc nguyên thủy, nguồn sinh hóa ra vạn hữu.

Vav ו là chữ thứ sáu. 6 có thể cắt nghĩa là Lục hợp (sáu phương trời) ^[15]

3. Dùng hình ảnh để diễn tả tư tưởng Nhất thể vạn thù.

Hình ảnh mà Kabbale dùng để diễn tả tư tưởng Nhất thể tán vạn thù, như ta cũng đã thấy, là hình tròn, hay Tâm điểm và nhiều Vòng tròn đồng tâm.

Ibn Erza coi Vòng Tròn là tượng trưng cho vũ trụ biến dịch tuần hoàn, thủy chung như nhất. ^[16]

CHÚ THÍCH

^[1] J'ose même ajouter que telle fut la pensée de tous les anciens Hébreux...

(Spinoza. *Lettre 73*)

^[2] Xin xem Gabriel Trarieux d'Egmont, *Le Thyrses et la Croix*, Adyar, Paris, 1947, trang 159

Kéther được coi là tương đương với Le Logos (Plato), the Word of St John. Còn gọi là Mặt Trời thiêng liêng nơi trung điểm (Spirituel Central Sun) (Ib. 159, note 3.)

^[3] Xem chú 1

^[4] L'ère messianique, espérance juive, devient ainsi une espérance métaphysique : par elle toute chose rentrera dans sa racine, comme elle en est sortie. (Ib. 227)

^[5] Un jour, le Saint dépouillera ses écorces et ne réapparaîtra que sous l'aspect d'un noyau substantiel. (Ib. 273)

Xin tham khảo thêm:

a/-Ad. Franck, *La Kabbale ou Philosophie religieuse des Hébreux* Paris, Librairie de L. Hachette, 1843.

b/-Gabriel Trarieux d'Egmont, *Le Thyse et la Croix*, Adyar, Paris, 1974.

⁶ En d'autres termes, si l'on déclare que l'univers est Dieu, ou que Dieu est l'univers, on dit la même chose. Cette totalité qui se manifeste dans l'unité suprême de Dieu, est hors de doute dans les expressions nuancées et symboliques du Zohar, dont nous venons de citer quelques exemples frappants. Le Ein-Sof n'est autre chose que cette totalité, cette unité suprême, qui embrasse les dix Sephiroths. Le Ein-Sof, dit en effet le Zohar, est revêtu et enveloppé des Séphiroths comme le charbon de la flamme. Ailleurs après avoir rapporté le rayonnement de la lumière primordiale en dix lumières, il ajoute: **Nonobstant, tout est un.** (Henri Sérouya, *La Kabbale*, p. 226)

[6] En d'autres termes, si l'on déclare que l'univers est Dieu, ou que Dieu est l'univers, on dit la même chose. Cette totalité qui se manifeste dans l'unité suprême de Dieu, est hors de doute dans les expressions nuancées et symboliques du Zohar, dont nous venons de citer quelques exemples frappants. Le Ein-Sof n'est autre chose que cette totalité, cette unité suprême, qui embrasse les dix Sephiroths. Le Ein-Sof, dit en effet le Zohar, est revêtu et enveloppé des Séphiroths comme le charbon de la flamme. Ailleurs après avoir rapporté le rayonnement de la lumière primordiale en dix lumières, il ajoute: **Nonobstant, tout est un.** (Henri Sérouya, *La Kabbale*, p. 226)

[7] La création de l'univers est un fait de pure émanation. L'univers dans la multiplicité de ses éléments est inhérent à l'essence de l'Ein-Sof, précisément comme la potentialité de la flamme procède du charbon.

Ib. 159

...Dieu, dans son Commentaire (c'est à dire de Saadya) du Sépher Yessira, est dans l'univers ce que la vie est dans l'être vivant. Il est à la fois dans chaque partie et dans chaque tout. Autrement dit, il est partout. *Ib.* 139

[8] Ce qui est en haut est en bas. Chaque homme est l'expression minuscule de son Prototype céleste, du vaste Adam Kadmon, l'Univers...

...Car c'est en regardant en lui-même que l'homme finit par comprendre le grandiose et indéchiffrable spectacle qu'il contemple en ouvrant les yeux: la terre, les montagnes, la mer, ou les feux de la nuit étoilée. Il finit par se rendre compte que tous ces éléments sont en lui, qu'il est, en abrégé, l'univers, et l'être impensable et unique, seule Réalité éternelle, de qui cet Univers émana, dans laquelle il sera résorbé, habite en son sein, Lui aussi, est l'Hôte de sa chair périssable. *Le Thyse et la Croix*, p. 161.

Để chứng minh rằng Tuyệt đối ở ngay trong con người, đoạn trên có chú thích như sau : Ce que le Bouddha s'exprima en ces termes : En vous est le non-né, non-causé, non-crée, non-formé. C'est la base de toute sa doctrine. (La Parole du Bouddha par Nyanatiloka, traduction La Fuente). C'est aussi de l'idéalisme absolu de Fichte, de Schelling, et Hegel.

[9] Le nombre 1 que est le principe de tous les nombres, n'est pas lui-même un nombre. C'est le nombre 2, qui est véritablement le premier nombre.

...Sérouya chú thêm như sau :

Pour le pythagoricisme aussi le nombre positif ne commence qu'à partir de 2... Le nombre 1 qui contient les deux éléments des nombres, l'impair et le pair, est à la base de tous les nombres, il en est la racine, mais lui-même n'est pas un nombre, car tout nombre implique une pluralité d'unités. (Cf. Aristote, *Métaphysique*, I, cha.V...) Anaximène dit que Dieu est l'Un, non en tant que commencement des nombres, qui est susceptible de devenir multiple. De même que Plotin admet que le premier, appelé Un, est sans multiple sans rien d'identique au dehors et sans différenciation en soi. La même idée se trouve chez Bahya dans sa considération théologique de l'unité véritable; puis chez Ibn Zadik et comme nous avons déjà vu précédemment chez Ibn Gabriel dans sa Couronne Royale: **Tu est Un, mais non l'un tombant dans la loi des nombres.** L'idée passera ainsi dans la Kabbale...(Sérouya, *La Kabbale*, p. 152 và chú thích 3.)

[10] Đọc đầu chú thích 1 ở trên

[11] Mais 10 est aussi le nombre des catégories, dont neuf accidents et une substance. (Ib. 153)

[12] Xem 3.

[13] La décade renferme en elle toutes les unités simples. Pour illustrer le **Yod** (10 è lettre), Ibn Era tire sa racine de todath qui signifie selon lui choeur, union, harmonie. Car dix (la tetras pythagoricienne) est la somme des quatre premiers nombres.

Henri Sérouya, *La Kabbale*, p. 153.

[14] Xem Henri Séroya, *La Kabbale*, p. 130.

[15] **Le Yod**, première lettre du tétragramme représente la substance avant toute différenciation..

Le Hé, composé de deux parties distinctes, indique les deux contraires, essence et forme, substance et accident..

Le Vau qui a la valeur mathématique $2 \times 6 : 12$ est la 6è lettre de l'alphabet hébraïque. En ce sens, le tétragramme Yod, Hé, Vau, (Hé) est composé de trois lettres différentes, qui marquent les trois dimensions des corps: la longueur, la largeur, la hauteur ou la profondeur. Le Vau avec sa valeur numérique six, marque les six forces des corps que nous recontrons dans le Sefer Yessira. (Ib. 152)

[16] En ce qui concerne le symbolisme, Ibn Erza considère le cercle comme l'emblème de la nature, qui revient sans cesse sur elle-même. Elle rattache ses commencements à ses fins et enveloppe en son sein par une suite infinie de figures finies. (Ib. 152)

CHƯƠNG XXXII.

TINH HOA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Người sáng lập Đạo Phật-Giáo Hòa-Hảo là:

Đức Huỳnh Giáo Chủ, tục danh là Huỳnh-Phú-Sổ. Sinh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ-Mùi (tức là 15 tháng giêng năm 1920) tại làng Hòa-Hảo, nằm trên Bắc Ngạn sông Vàm Nao, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, một tỉnh xa xôi giáp biên-thùy Việt Miên,

Nam Việt (Vương Kim, Đức Huỳnh Giáo Chủ, VP Phật Giáo Hòa Hảo / HN, 1997, tr. 21)



Chân Dung Đức Huỳnh Phú Sổ

Ngài là trưởng nam của Ông Hương Cả Huỳnh Công Bộ và Bà Lê Thị Nhậm. Ngài là con của một kỳ lão cao cấp nhất làng Hòa Hảo, nhiều phúc hậu và nhiều uy-tín với nhân-dân địa-phương. (PGHH Trong Dòng Lịch Sử Dân tộc của Nguyễn Long Thành Nam)

Thuở nhỏ, vừa học đến hết bậc tiểu-học thì đau ốm liên-miên, nên Ngài phải rời trường về nhà dưỡng bệnh. Từ 15 đến 18 tuổi, Ngài không lúc nào dứt được cơn đau và không một lương y nào trị được.

Năm 1939, sau khi hướng-dẫn thân phụ đi viếng các am động miền Thất Sơn và Tà Lơn, những núi non được nổi tiếng linh thiêng hùng vĩ. Ngài tỏ ra đại ngộ. Ngày 18-5 Kỷ Mão, (1939) Ngài chính thức mở Đạo. Bắt đầu là công việc chữa bệnh. Ngài chữa lành được các chứng hiểm-nghèo với phương-pháp thật giản-đơn là chỉ dùng lá cây, nước lã, giấy vàng, khiến cho các Bác sĩ Tây y, các dược sư, Đông y lẫn các danh gia phù thủy đều phải kinh dị.

Song song với việc chữa bệnh, Ngài thuyết-pháp thao thao bất tuyệt. Nhiều thi sĩ, văn gia hoặc luật gia nghe tiếng, đến chắt vắn, đều phải nhận Ngài là một bậc siêu-phàm.

Cũng từ năm 1939, Ngài sáng-tác thật nhiều kệ giảng, nội dung tiên tri chiến cuộc sẽ tràn lan, nhân loại sẽ điêu linh và kêu gọi mọi người nên bỏ dũ về lành, thực hành Tứ Ân, trau dồi Thiên tịnh để trở thành thiện nhân trong xã hội và tiến đến sự nhập diệu cõi đạo.

Nhìn qua công-đức giảng dân cứu chúng, người ta thấy Ngài chữa được hàng vạn chứng hiểm nghèo, thuyết pháp hằng ngàn lần trước đại đa thánh chúng và sáng tác sáu quyển Kệ Giảng cùng với hàng trăm bài thi ca, văn có giá-trị siêu-việt đầy tình cảm rung động lòng người. Ngài đã đi vào quần chúng, sinh hoạt với quần chúng, nói ngôn ngữ của người nông dân mộc mạc đầy tình nghĩa dân tộc trong tinh thần tam giáo.

Tư tưởng của ngài xoay quanh thơ, văn, giảng, kệ và hành động là đi vào nội tâm, (nội giáo) như câu chuyện Huệ Năng và Thần Tú của Thiền tông Trung Hoa làm ta hiểu rõ thế nào là Nội Giáo, Ngoại Giáo đã được Ngài đặt để trong câu:

Khùng nói cho già trẻ làm tin,

Theo Lục-Tổ chớ theo Thần Tú.

(Sám Giảng Thi Văn của Huỳnh Phú Sổ Tr. 61)

Như vậy Ngài khẳng định không theo (ngoại giáo) mà đi thẳng vào Tâm tìm Trời tìm Phật.

Kệ giảng ngài gồm có sáu quyển :

1. Sám giảng khuyên người đời tu niệm. (1939) (Văn vắn)
 2. Kệ dân của người Khùng. (1939) (Văn vắn)
 3. Sám giảng. (1939) (Văn vắn)
 4. Giác mê tâm kệ. (1939) (Văn vắn)
 5. Khuyển thiện (1941) (Văn vắn)
 6. Cách Tu Hiền và Sự Ăn Ở của Một Người Bỏ Đạo. (1945) (văn xuôi)
- (Xem Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ban Phổ Thông Giáo Lý Trung Ương GHPGHH, Tr. 6-10).

Văn-chương của Ngài cực kỳ bình-dân nhưng rất hàm-súc hấp-dẫn. Ngài viết không cần giấy nháp. Ngài tuy ít học, nhưng lại làm nhiều thơ, và cả thơ chữ Hán rất là nghiêm túc. Ngài không học tiếng Miên, nhưng khi ngao du sang Miên ngài đã trò chuyện với dân Miên bằng tiếng Miên. (Xem Vương Kim, Đức Huỳnh Giáo Chủ, VP Phật Giáo Hòa Hảo/ HN 1997, tr. 61-63).

“Xưa nay, tuy đã có nhiều vị giáo chủ siêu việt giảng trần, nhưng vì tư tưởng các ngài quá cao siêu, nên những môn đệ, những tín đồ sau này thường lại không thấu triệt được những tư tưởng cao siêu của các ngài, nên đã bỏ mất tinh hoa, mà chỉ giữ được sáo ngữ và hình thức.” (xem Tôn Giáo Đối Chiếu Tr. 27. B.S. Nguyễn Văn Thọ)

Giáo-Pháp của Đức Giáo-Chủ tuy cao-siêu nhưng không kém phần thực tế, có thể áp-dụng cho bất cứ nơi nào trên thế gian. Ngài là một nhà đại cách mạng tôn-giáo. Vì trước khi Ngài ra đời, Đạo Phật Việt Nam bị đình-đốn sai lạc, và Đạo Phật Thế-giới chưa nói tới việc canh tân. **Ngài đã cắt bỏ tất cả những nghi lễ phiền toái mà nguyên căn không phải của Đức Thích Ca chủ trương, đồng thời còn canh tân nhiều điểm trong phương pháp thực hành đạo Phật mà trước kia không hề có.**

Nhờ Giáo Pháp thích thời đó nên chỉ trong một thời gian ngắn, Ngài thu phục được hai triệu tín đồ tại miền Nam Việt Nam và ảnh-hưởng mỗi lúc càng lan rộng thêm ra.

Ngài cũng giả dạng, xưng hiệu khùng điên, đi đây, đi đó, thức tỉnh chúng sinh như Ông Sư Vải Bán Khoai. **Dân chúng coi Ngài là Hóa thân của Đức Thầy Tây An,**

Đức Phật Trùm, Đức Bốn Sư hay Sư Vãi Bán Khoai . (Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 112; Đề hiểu Phật Giáo Hòa Hảo, tr. 13).

Ngài sáng lập ra Đạo Hòa Hảo năm 1939, khi người 19 tuổi. Ngài là vị Giáo Chủ trẻ nhất thế giới từ xưa tới nay.

Ngài lãnh Sắc lệnh của Đức A Di Đà, của đức Thích Ca, của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, của Phật Vương, của Đức Quan Âm và có nhiệm vụ:

1. Chấn Hưng Phật Pháp.
2. Cứu độ chúng sinh khỏi Sông Mê, Bể Khổ.
3. Chỉ đường về Tây Phương Cực Lạc.
4. Tìm con lành hay tạo hạng hiền đức, để dự Hội Thi sang qua đời Thượng Nguyên an lạc,
5. Lập hội Long Hoa.
6. Lập bảng Phong Thần.
7. Đưa người đến Bồng Lai, Tiên Cảnh.
8. Trừ con Nghiệt Thú.
9. Cầm cân thưởng phạt.
10. Tá Quốc An Bang.

Ngài lập đại nguyện: Tận độ chúng sinh. (Xem Vương Kim, Đức Huỳnh Giáo Chủ, tr. 84-93).

Đức Huỳnh Giáo Chủ đưa ra một tổ chức tranh đấu gọi là Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội. Ngài tổ chức Ban Trị Sự Phật Giáo Hòa Hảo.

Ngài thành lập Phật Giáo Liên Hiệp Hội. Nhưng hội này không được các nhà Sư hưởng ứng nên chết non.

Người Nhật yêu cầu Ngài đi Khuyến Nông và Ngài đã nhận. Cuộc hành trình Khuyến Nông kéo dài 2 tháng, đi khắp các tỉnh miền Tây Nam Việt, diễn thuyết 107 nơi, rất đông người đến nghe.

Sau khi Nhật Bản đầu hàng ngày 15/ 8/ 45. Ngài lại càng hăng say hoạt động chính trị, và lo cứu quốc an dân.

Ngài thành lập Đội Bảo An trong các xã ấp, để cho dân chúng được an lạc.

Sau đó Ngài định thành lập Đệ Tứ Sư Đoàn cho Hòa Hảo, nhưng bị Trần Văn Giàu đoạt mất.

Ngài tham gia thành lập Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất ngày 14/6/45.

Trong khi đó mặt trận Việt Minh ra mắt tại Sài Gòn ngày 25/8/45. Ngài đã phái ông Nguyễn Xuân Thiếp ra Bắc tiếp xúc với Tổng Bộ Việt Minh và lãnh chỉ thị về Nam.

Ngài được Tổng Bộ Việt Minh coi là Đại Biểu chính thức của Việt Minh Nam Bộ (Vương Kim, Đức Huỳnh Phú Sổ, tr.. 155)

Vào khoảng đầu năm 1946, ngài tiếp xúc với các lãnh tụ quốc gia, thành lập Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp Việt Nam. Mặt trận không hoạt động được. Ngài cùng với các lãnh tụ quốc gia, lại thành lập Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng hay Dân Xã đảng.

Sau đó Ngài được mời tham chánh nhưng chỉ giữ một chức vụ nhỏ là Ủy Viên Đặc Biệt trong Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ.

Ngài còn gia nhập Mặt Trận Toàn Quốc thành lập ngày 27-2-47 tại Nam Ninh (Trung Hoa).

Ngộ Nạn.

Sau đó Ngài di chuyển về miền Tây, để hòa giải những xô xát giữa Tín Đồ Hòa Hảo với Việt Minh.

Trước hết Ngài gặp Trần Văn Nguyên. sau gặp Bửu Vinh, mấy nhân viên cao cấp Cộng Sản.

Ngày hôm sau 16/4/47, Ngài lại họp với Trần Văn Nguyên, và tới chập tối, Ngài họp với Bửu Vinh.

Khoảng 7 giờ rưỡi tối, có 8 người vào chỗ Ngài ở, giết 3 trong 4 tên hộ vệ của Ngài, còn Ngài bị mất tích từ ấy đến nay. Như vậy là Ngài mất tích tại Đốc Vàng vùng Đồng Tháp. (STD, tr. 188-195)

Khi ấy ngài mới 26 tuổi. Các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tin rằng Ngài vẫn chưa chết.

Nói Phật giáo Hòa Hảo mới được sáng lập năm 1939 cũng chưa chính xác cho lắm, vì từ năm 1849 cho đến 1939, đã có nhiều vị Phật Thánh giảng thuyết dạy dân, ở vùng Hậu Giang như Đức Phật Thầy Tây An (1807-1856), Đức Phật Trùm hoạt động trong những năm 1868-1873, Đức Bồn sư, chính thức lấy danh hiệu năm 1870, tịch năm 1890, Ông Sư Vãi Bán Khoai, xuất hiện vào khoảng năm 1901, sau đó mới đến đức Huỳnh Giáo Chủ chính thức lập đạo Hòa Hảo năm 1939, khi Ngài mới có 19 tuổi. Đó là một vị ra đời lập đạo trẻ nhất thế giới.

*Ta có tình yêu rất đượm nồng,
Yêu đời yêu lẫn cả non sông.
Tình ta chan chứa trong hoàn vũ,
Không thể riêng yêu khách má hồng.*

(PGHH Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc, Nguyễn Long Thành

Nam, tr.398)

Sau đây sẽ bàn qua về các vị tiên phật trên.

Đức Phật Thầy Tây An.

Đức Phật Thầy Tây An đã nổi danh khắp Miền Nam Việt Nam, là một vị Phật Sống và một nhà ái quốc, ngài sinh năm 1807, nhưng mãi đến năm 1850 ngài mới ra mở đạo, và viên tịch năm 1856, lúc Tam Giáo đã hết sức suy vi. (Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 28). Ngài thành lập Giáo Phái Bửu Sơn Kỳ Hương, và khai thị môn pháp Tu Nhân Học Phật, và gọi lại tinh thần dân tộc của phái Trúc Lâm Yên Tử xưa.

Con đường tiến hóa nhân loại là con đường hướng thượng, từ bấp thập tiến lên bậc cao, từ chỗ không tự do tiến đến chỗ cuối cùng giải thoát. Thế nên việc Tu Nhân cũng chỉ là để trang nghiêm đoạn đường nhập thế, làm nấc thang bước lên đoạn đường

xuất thế. Vì vậy mà đồng thời với Tu Nhân, Đức Phật Thầy Tây An còn chủ trương học Phật. (Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 33).

Về phương diện Tu Nhân, Ngài xướng xuất Tứ Ân Hiếu Nghĩa, để dìu dắt con người trở lại với Đạo Nhân, căn bản của con đường đưa đến mục đích cuối cùng giải thoát.(Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 29)

Về tu Phật Ngài xướng xuất phép tu gồm cả 3 Mật, Tịnh Thiền. Ngài dùng Mật Tông để chữa bệnh và đã dạy được nhiều đệ tử như Đạo Xuyên, Đạo Sang, Đình Tây, Đạo Lập v.v... (Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 38)

Vai trò của Mật Giáo là cốt dọn lấy miếng đất “lòng tin”, để rồi gieo hạt giống Bồ Đề, thế nên đồng thời với Mật Giáo, Đức Phật Thầy Tây An còn khai thị phép tu Tịnh và tu Thiền (Std, tr. 41). Ngài chủ trương Thiền Tịnh Song tu, nhưng khác với Trúc Lâm Yên Tử vì Trúc Lâm Yên Tử lấy Thiền làm chánh tông, lấy Tịnh làm trợ tông, còn Ngài thì lấy Tịnh làm chánh tông, lấy Thiền làm trợ tông (Std, tr. 46).

Bửu Sơn Kỳ Hương ở núi Sam. Ai qui y thọ giáo với Ngài thì Ngài phát cho một cái lòng phái có 4 chữ Bửu Sơn Kỳ Hương bằng son, in trên giấy vàng... (Std, tr. 83.)

Trong vòng 7 năm hoằng pháp, tín đồ qui y, thọ giới có mấy mươi vạn, (Std. tr. 85).

Đức Phật Trùm.

Ngài vốn là người Miên, ở núi Tà Lơn, vùng Xà Tón, tỉnh Châu Đốc, nhưng bỗng một hôm sau khi chết đi, sống lại vì bệnh thời Khí, ngài hốt nhiên tỏ ngộ, và không nói được tiếng Miên lại nói rành tiếng Việt. Ngài phát phù trị bệnh, mở đạo giáo đời, y như đã được Đức Thầy Tây An truyền lại. Và kỳ diệu nhất là Ngài cũng phát lòng phái Bửu Sơn Kỳ Hương, cho nên người đời quả quyết rằng Ngài là Đức Phật Thầy hóa kiếp. (Std, tr, 87).

Ngài ra đời năm 1868, tức là lúc quân Pháp đã chiếm Nam Kỳ Lục Tỉnh và là lúc các anh hùng cứu quốc nổi lên gây phong trào kháng chiến Cần Vương như Trương Công Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Khoa Huân, Trần Văn Thành.

Vì Ngài là đệ tử của Đức Phật Thầy, lại có cả vạn người hậu thuẫn, nên quân Pháp chú ý đến Bửu Sơn Kỳ Hương, và phá tan lực lượng của Ngài vào năm 1873, và sau đó bắt Ngài đi đày. (Std, tr. 88)

Đức Bổn Sư .

Đức Bổn Sư cũng hốt nhiên tỏ ngộ, và dùng Phép huyền diệu độ bệnh cứu dân. Ngài cũng phát lòng phái Bửu Sơn Kỳ Hương, và xiển dương pháp môn Tu Nhân Học Phật.

Ngài sáng tác bộ kinh Hiếu Nghĩa gồm 3 quyển, và lập chùa phát phái ở núi Tượng vào năm 1870. Nhưng ngôi chùa này bị quân Pháp thiêu hủy năm 1885.

Sau đó vì ngài bị hương chức hội tề quản chế không cho tự do hành Đạo, nhất nhất cái gì cũng phải xin phép. Mỗi lần tín đồ vào chùa lễ bái không quá 4 người.

Chính vì thế Ngài phải canh cải cách thờ phượng, thay vì **chú trọng Vô Vi, Ngài lại trọng về sắc tướng**. Đó là cách quyền xảo.

Không thời kỳ nào mà tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương chịu nhiều tai ách bằng thời kỳ này.

Trong suốt thời gian từ lúc Đức Bồn Sư ra đời cho đến khi ngài viên tịch (1890), Không có phút nào Ngài được yên thân. Ngài giữ vững được giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương đã là may lắm rồi. (Std, tr. 93-95)

Ông Sư Vãi bán khoai.

Ông xuất hiện vào khoảng năm 1901, nghĩa là còn trong thời kỳ quân Pháp đang thi hành chính sách đàn áp gắt gao các tín đồ của Giáo Hệ Bửu Sơn Kỳ Hương.

Với Ông Sư Vãi bán khoai, một kỷ nguyên mới về sự truyền giáo mở ra. Bằng phương pháp giả dạng thay hình, khi thì làm người bán khoai, khi thì làm kẻ bán củi, ông xưng hùng xưng diễn, đi nơi này nơi nọ, nhất là ở vùng kinh Vĩnh Tế và Cao Miên, khuyến hóa dân sanh, lo tu hành niệm Phật. Chẳng bao lâu mà khắp dân gian ở miệt Cao Miên cũng như ở vùng Long Xuyên và Châu Đốc, tinh thần Bửu Sơn Kỳ Hương được hưng khởi. Mặc dầu Ông không lập chùa chiền hóa độ, nhưng với quyền Sấm Giảng Người Đòi 11 thiên mà ông cho truyền bá trong dân gian, không còn ai mà không công nhận Ông là bậc tiên giác trong Giáo Hệ Bửu Sơn Kỳ Hương. Người ta thấy những điều lập thuyết và giáo hóa của Đức Phật Thầy Tây An, Đức Phật Trùm, Đức Bồn Sư phản chiếu trong quyển **Sấm Giảng Người Đòi** ấy.

Lập thuyết của Phái Bửu Sơn Kỳ Hương, như mọi người đã biết, được xây dựng trên **Lý Tam Nguyên**. Cuộc đời vẫn xoay theo luật: từ Thượng Nguyên đến Trung Nguyên rồi Hạ Nguyên. Khi Hạ Nguyên mãn thì trở lại Thượng Nguyên và cứ thế mãi mãi. (Std, tr. 103-105).

Trong thời Hạ Nguyên này ngài khuyên mọi người phải cảnh tỉnh, và **phải Tu Tứ Ân, và niệm Phật. Ngài chỉ dạy tu Tịnh Độ mà không dạy Tu Thiền**. (Std, tr. 109-112)

1. VỊ TRÍ ĐỊA DƯ

Đạo Phật Giáo Hòa Hảo được khai sáng tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, Việt Nam, và từ đó phát triển, bành trướng ở miền Tây Nam Việt. Đặc biệt đây là những tỉnh đồng bằng thuộc châu thổ sông Cửu Long, giáp nước Cao Miên, được mệnh danh là vựa lúa của Việt Nam. Nhờ đất đai phì nhiêu, vùng này có khả năng vĩ đại về nông nghiệp, gọi chung là Hậu Giang hay miền Tây Nam Việt.

Ngoài sự kiện kinh tế, vùng này còn có dãy núi Thất Sơn tại biên giới tỉnh Châu Đốc giáp xứ Cao Miên. Tương truyền tại đó chứa đựng nhiều điều huyền bí lý kỳ và lưu truyền trên sách vở đến nay chưa ai cắt nghĩa được.

Trên căn bản ấy, vùng Hậu Giang, nơi xuất phát và bành trướng ảnh hưởng của đạo Phật Giáo Hòa Hảo.

2. SỐ TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Tổng số tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo được ước lượng vào khoảng trên 2 triệu người, đại diện cho một tỉ số 38% trên dân số vùng Hậu Giang, hay 10% trên tổng số dân Việt Nam Cộng Hòa. Có những tỉnh như Châu Đốc, An Giang, Kiến Phong, Sa Đéc, tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo lên đến 90 % dân số; ở các tỉnh khác, tỷ số này thay đổi từ 10 đến

60 %. (thống kê trước 1975 của PGHH. Nay 2001, con số dường như lên trên 4 triệu người)

3. ĐẶC TÍNH PHẬT GIÁO HÒA HẢO

-ĐẶC TÍNH THỨ NHẤT : Bửu Sơn Kỳ Hương hay **Phật Giáo Hòa Hảo đều là một nền đạo Phật của nông dân.**

Đức Phật Thầy Tây An trước kia vừa truyền bá đạo Phật vừa khuyến khích nông nghiệp dưới hình thức “Lập trại ruộng để vừa tu hành vừa cày cấy”.

Ngày nay cũng thế, hầu hết tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo là nông dân, và đó cũng là một lý do tại sao Đức Huỳnh Giáo Chủ đã lập đạo tại một vùng đất phì nhiêu như Việt Nam.

Trên phương diện nhân sinh và xã hội, người ta cũng nhận định rằng bản chất thuần phác của người nông dân cho họ có căn bản thuận lợi để tu học theo đạo Phật.

-ĐẶC TÍNH THỨ HAI, Phật Giáo Hòa Hảo cũng như Bửu Sơn Kỳ Hương đều chủ trương tu hành tại gia. Bởi vì **các vị Giáo Chủ này đã nghĩ rằng đạo Phật không những chỉ truyền bá ở thiền môn mà còn phải phát triển rộng rãi đến mọi gia đình.**

Do đó các tín đồ PGHH không bị bắt buộc phải cạo đầu vào chùa, lìa bỏ mọi việc ngoài thế gian, mà họ vẫn ở tại gia đình, sống như mọi người công dân khác với nếp sống bình dị trong nông nghiệp, đồng thời tu hành theo giáo lý của Đức Thích Ca.

Tôn chỉ tu hành của Phật Giáo Hòa Hảo là **Học Phật Tu Nhân**, tức là noi theo giáo lý chọn truyền của Đức Phật mà tu sửa con người, để vừa làm tròn bổn phận trong cõi đời đang sống, vừa dọn thân tâm cho trong sáng để được siêu thăng vào cõi Tịnh Độ Cực Lạc, giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Để thi hành tôn chỉ Học Phật Tu Nhân, người tín đồ PGHH phải tích cực thực hiện **Tứ Ân**, tức 4 điều ân lớn, là:

1-Ân Tổ Tiên Cha Mẹ

2-Ân Đất Nước

3-Ân Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng)

4-Ân Đồng Bào Nhơn Loại (Xin xem sách về Giáo Lý PGHH) Cũng trong đường lối đó, người tín đồ PGHH đã tỏ ra tích cực tu hành đồng thời cũng tích cực hy sinh vì đất nước, khi quốc gia hữu sự.

-**ĐẶC TÍNH THỨ BA** là sự canh tân phương pháp hành đạo nhằm loại trừ mọi hình thức rườm rà, mê tín, dị đoan. **Đặc tính canh tân này có mục đích loại bỏ âm thanh sắc tướng để phát dương phần tinh túy của đạo Phật, đúng theo chánh pháp vô vi của Đức Phật.**

Đạo Phật Giáo Hòa Hảo chủ trương canh tân như sau:

-Không cất chùa đúc tượng thêm, ngoài những ngôi chùa đã sẵn có. Ai giàu lòng từ thiện thì nên phát tâm bố thí, cứu trợ kẻ nghèo khổ, hơn là cất chùa lớn, đúc tượng cao.

-Không chấp nhận thầy cúng, thầy lễ, thầy bói, thầy phù thủy, cũng không dâng cúng chè xôi thực phẩm cho Phật, vì Phật không dùng những của hôi lộ đó.

-Không dùng cờ phướn, lâu kho, đốt giấy tiền vàng bạc, phí tổn vô ích....

-Không khóc lóc hay làm linh đình lúc tang ma, mà chỉ im lặng cầu nguyện cho linh hồn người chết được siêu thoát.

Không ép hôn, thách tiền cưới hay tiệc rượu linh đình, vì sẽ mang nợ, gây hại về sau. Tóm lại, giáo pháp vô vi Phật Giáo Hòa Hảo nhằm canh tân phương pháp hành đạo để trở về với giáo lý chơn truyền của Đức Phật, là tu hành tại Tâm, chẳng phải ở hình thức lễ nghi bề ngoài.

Phật Giáo Hòa Hảo không có sư sãi.

Tóm lại, Phật Giáo Hòa Hảo dạy **Tu Nhân Học Phật**.

Tu Nhân là tu đạo Làm Người đối với gia đình, quốc gia, xã hội, là tu đức Nhân của Khổng Mạnh, nhất là Hiếu Nghĩa. Tứ ân hiếu nghĩa nằm gọn trong 2 chữ Tu Nhân.

“Phàm là con dân, thì biết yêu tổ quốc, hy sinh thân mạng đền bù nợ quốc gia; làm con thì hiếu thảo, thờ phượng cha mẹ, anh em thì hòa thuận nhau, vợ chồng thì ân nghĩa đôi đũa nhau, Nói tóm lại, một người có đạo nhân, là người lấy nhân nghĩa, đạo đức làm phương châm xử thế tiếp vật, sống một đời chánh chân cao nhã”. **Đó là bước đầu của nấc thang tiến lên con đường đi đến quả vị Tiên Phật. Ai muốn giải thoát, muốn thành Phật, thành Tiên cũng phải trải qua nấc thang đó trước; ví bằng chẳng hành xong Nhân Đạo thì không sao thành Phật Đạo** .(Vương Kim,*Bửu Sơn Kỳ Hương*, tr. 67)

Học Phật là học tinh hoa Phật Giáo. Hòa Hảo chú trọng: Mật, Tịnh, và Thiền.

Mật là Mật Tông. Mật tông cốt là dọn lấy miếng đất “lòng tin”, để rồi gieo giống Bồ Đề chánh pháp. Mật tông, hay phép nhiệm chữa trị bệnh cho những người kém tin tưởng sớm thức tỉnh , cảm lấy ơn cứu độ mà qui ngưỡng tu hành. Nhưng về sau khi người đời đem lòng mộ đạo, thì đức Huỳnh Giáo Chủ không còn thi thiết nữa. (Vương Kim, *Bửu Sơn Kỳ Hương*, 1997, tr. 41)

Có người hỏi Đức Huỳnh Giáo Chủ: “Bạch thầy, mấy Ông Đạo trên núi, thường luyện phép để ngày sau phò vua, giúp nước. Còn Đức Thầy sao không dạy đệ tử luyện phép như Tiên Đạo?”

Ngài đáp: “Đức Phật chỉ dạy con người lo tu tâm sửa tánh, cho được trọn lành trọn sáng, còn phù phép thuộc về tà giáo. Còn ham phù phép tức là còn nuôi óc cạnh tranh cầu danh lợi: phép linh cũng như cá linh. Nước vừa chớm giựt, loại cá này đua nhẩy lên nước trước, nên phải chịu chết sớm. Các ông đừng ham linh mà bỏ mình.” (Vương Kim, *Đức Huỳnh Giáo Chủ, VP Phật Giáo Hòa Hảo/HN*, 1997, tr. 74)

Tịnh là Tịnh Độ. Đức Huỳnh Giáo chủ dạy Thiền Tịnh song tu. Tịnh Độ là niệm danh hiệu A Di Đà, cầu vãng sanh Cực Lạc. Tịnh Độ Tông dựa vào Tha Lực của Đức Phật A Di Đà.

Thiền là Thiền Tông. Thiền Tông là Pháp Môn tự lực tu hành. Chủ yếu của pháp Thiền Tông, là **đạt đến chỗ Minh Tâm Kiến Tánh. Mỗi chúng sinh đều có sẵn Bản Tâm thanh tịnh, vĩnh viễn trường tồn, bất di bất dịch, nhưng vì thiên chấp sắc tướng, mà lu mờ chân giác; vì thế mà nhận lầm cái không làm có , cái có làm không. Do chỗ mê lầm ấy mà lăn lộn mãi trong tam đồ lục đạo. Chỉ có trở về với Bản Tính Thanh Tịnh, nhận rõ cái lý: sắc tức thị không, không tức thị sắc, thì mới**

dứt đường sinh tử, phản bản hoàn nguyên... (Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 99, 100).

“Thì ra Ông Phật cũng chẳng qua từ địa vị chúng sinh, tức là con người bằng xương bằng thịt, tu hành đắc quả... Phật từ chúng sinh ra mà ra. Thế nên, muốn thành Phật, trước phải làm chúng sinh, hay nói một cách khác, trước khi làm Phật, cần phải làm một con người.

“ Như vậy, con người là khởi điểm của con đường tiến hóa để đi đến Phật. Không có con người thì không thể nào thành Phật. Nhưng Phật khác hơn chúng sinh ở chỗ **Phật là con người toàn thiện, toàn mỹ, rất ráo giải thoát, còn chúng sinh là những con người chưa hoàn hảo, còn bị ràng buộc, trói trăn.** Làm Phật tất phải biết hơn chúng sinh, phải làm hơn những việc của chúng sinh làm, mới xứng đáng cho chúng sinh thờ kính và quý trọng. Ví bằng Phật mà không làm hoàn toàn bốn phận con người, không vượt trên bậc phàm, thánh, thì hẳn kẻ phàm, thánh dù có thờ, cũng không trọn kính. Và như thế thì không thành một vị Phật...” (Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 67-68).

Tế Diên Hòa Thượng có nói: **“Dục tu Tiên Đạo, tiên tu Nhân Đạo. Nhân đạo bất tu, Tiên Đạo viễn hỷ.”** Muốn tu Đạo Tiên Phật, trước phải tu đạo làm người. Đạo làm người mà không tu, thì Đạo Tiên Phật khó đến vậy. (Vương Kim, Bửu Sơn Kỳ Hương, tr. 31.)

Những tư tưởng trên đây thật là trong sáng, và rất chính xác. Đáng khâm phục.

4. SỰ THỜ PHƯỢNG CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Trong chủ trương canh tân nói trên, sự thờ phượng trong nhà các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo thật là giản dị.

Trên bàn thờ, không có tượng Phật, không có chuông mõ. Chỉ có một tấm Trần bằng vải màu đỏ, tượng trưng cho sự hòa hợp nhơn loại, và cho màu sắc nhà thiên. Đó là bàn thờ Chư Phật. Dưới bàn thờ Phật là bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà cha mẹ đã khuất. Trước nhà có một bàn thờ lộ thiên (gọi là bàn Thông Thiên) để người tín đồ cảm thông với Trời Đất, bốn phương trời, mười phương Phật. Chỉ dùng nước lạnh, bông hoa, và nhang để cúng Phật. Nước lạnh tiêu biểu cho sự trong sạch, bông hoa tiêu biểu cho sự tinh khiết, còn nhang dùng để khử mùi uế trước.

Mỗi ngày người tín đồ PGHH làm lễ cúng Phật, ít nhất hai lần, buổi sáng và buổi tối. Trong các ngày rằm, mùng một, ngày vía Chư Phật, họ đến chùa hay hội quán hành lễ, và nghe kinh giảng hay nghe thuyết pháp.

Lúc đánh lễ họ không dùng mõ chuông, mà chỉ lâm râm tâm niệm. Khi nào mắc công việc thì đến giờ hành lễ họ quay mặt về hướng Tây mà cúng Phật, và khuyến khích nhau ngồi đầu, ở đâu cũng tụng niệm trong tâm.

Ngoài ra trong các Xã, Ấp có những **độc giảng đường** trang bị máy phóng thanh, để mỗi ngày trong những giờ nhất định, có những giảng viên đến đọc kinh giảng hay thuyết pháp cho người chung quanh cùng nghe.

Độc Giảng Đường Phật Giáo Hòa Hảo là những ngôi chùa thu hẹp chỉ để truyền đạo, chứ không phải để cư trú, nên nhỏ hơn chùa, bởi bản chất Phật Giáo Hòa Hảo là cư sĩ tại gia.

Hiện nay chỗ nào có nhiều tín đồ PGHH đều có Độc Giảng Đường, với nét kiến trúc đặc biệt của Phật Giáo Hòa Hảo. Theo kiểm kê năm 1965, Phật Giáo Hòa Hảo có 390 Độc Giảng Đường.

Giới nghiên cứu giáo lý PGHH đã đúc kết hệ thống tư tưởng của Huỳnh Giáo Chủ thành một công thức ba bước bất khả phân: Bước thứ nhất là học Phật, bước thứ hai là Tu Nhân, bước thứ ba là tìm về cứu cánh giải thoát. (PGHH Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc, Nguyễn Long Thành Nam. Tr 284)

5. CỜ ĐẠO, HUY HIỆU



Huy Hiệu Hoà Hảo

Cờ đạo hình chữ nhật màu đà, không có chữ hay hình tượng nào. Huy hiệu PGHH hình tròn màu đà, bìa vàng trên có bông sen trắng và bốn chữ viết tắt PGHH.

6. THÁNH ĐỊA

Thánh Địa Phật Giáo Hòa Hảo đặt tại làng Hòa Hảo tức là sanh quán của Đức Huỳnh Giáo Chủ, và cũng là nơi khai sáng mỗi Đạo. Tại đây không có sự xây cất đồ sộ, nhưng có một nếp sống đặc biệt an lạc, với không khí đạo giáo.

7. HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Đoàn thể PGHH được quản trị bởi một hệ thống Ban Trị Sự. Các Ban Trị Sự được thiết lập từ mỗi Ấp, Xã, Quận, Tỉnh. Trên hết là một Hội Đồng Trị Sự Trung Ương.

Mỗi Ấp chia làm nhiều chi hội.

Nhờ một tổ chức đi sâu vào tới hạ tầng cơ sở quần chúng, nên sự điều hành công việc được chặt chẽ, và **các chỉ thị được thi hành suốt từ trung ương xuống đến các chi hội.**

Nguyên tắc tổ chức và điều khiển là **dân chủ tập trung.**

8. SINH HOẠT

Phật Giáo Hòa Hảo được khai sáng từ năm 1939.

Trong sinh hoạt bình thường, trọng tâm công tác của Giáo Hội PGHH nhắm vào 2 mục tiêu chính. Thứ nhất là phổ truyền giáo lý trong và ngoài nước. Thứ hai, thực hiện các công tác xã hội, văn hóa, cứu trợ và bố thí.

Trong công thức Học Phật Tu Nhân, trên 2 triệu (1975) người tín đồ PGHH cư sĩ tại gia đồng thời với sự tu thân tâm, lại còn đóng góp vào việc phát triển nền kinh tế nông nghiệp của Việt Nam. Hơn thế, khi quốc gia hữu sự, tín đồ PGHH sẵn sàng hiến dâng đời sống, hy sinh để bảo vệ tổ quốc.

Mỗi năm đặc biệt trong ngày đại lễ Kỷ Niệm Khai Sáng Mỗi Đạo vào 18 tháng 5 Âm lịch, các sự kiện trên đây được thể hiện trong tổ chức đại lễ nơi Thánh địa Hòa Hảo và ở khắp vùng Hậu giang.

9. TRONG CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Trên bình diện quốc gia, giáo hội Phật Giáo Hòa Hảo là một hội viên sáng lập của Hội Đồng Tôn Giáo Việt Nam, một cơ quan đoàn kết các tôn giáo chánh yếu như: Thiên Chúa Giáo, Phật Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo, Cao Đài Giáo, Tin Lành... Đồng thời PGHH cũng tham gia các sinh hoạt quốc gia, đúng theo truyền thống của một tôn giáo dân tộc. Ngoài ra, giáo lý PGHH cũng đã được tiếp nhận với nhiều cảm tình bởi nhiều giới trí thức Đông phương cũng như Tây phương.

Bởi vì, với **một giáo thuyết hòa đồng tinh hoa Tam giáo**, Phật Giáo Hòa Hảo đã phát dương giáo pháp chơn truyền của Đức Thích Ca Mâu Ni làm căn bản giáo lý, lại thêm các tư tưởng Nho giáo, Lão giáo, đã ăn sâu vào tập tục dân tộc Việt Nam, để kết thành một tư tưởng Đạo học có đặc thái dân tộc Việt Nam.

Tuốt gương vàng lên ngựa xông pha.

Đền xong nợ nước thù nhà,

Thiền môn trở gót Phật-Đà nam-mô.

(SGTVTB, Huỳnh Phú Sổ tr.456)

&

Bài này viết theo tài liệu của Phật Giáo Hòa Hảo trên trang nhà của PGHH <http://www.hoahao.org/> và các sách

-**Đức Huỳnh Giáo Chủ** của Vương Kim

-**Để Hiểu Phật Giáo Hòa Hảo** của Thanh sĩ và Vương Kim

-**Bửu Sơn Kỳ Hương** của Vương Kim

-**PGHH trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc** của Nguyễn Long Thành Nam.

-**Sấm Giảng Thi Văn Toàn Bộ** của Đức Huỳnh Giáo Chủ

-**Bồ Tát Huỳnh Phú Sổ và Phật Giáo Thời Đại** của Tiến Sĩ Lê Hiếu Liêm

-**Hồn Thiêng Dân Tộc** của Nguyễn Huỳnh Mai

-**Đức Phật Thầy Tây An** của Vương Kim và Đào Hưng